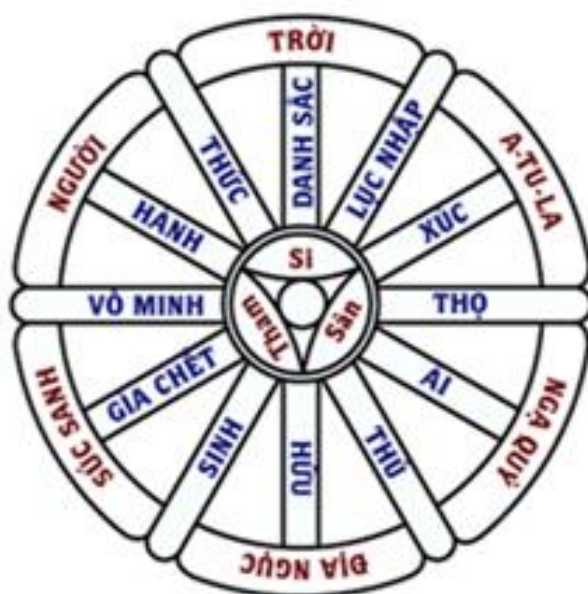


TOÀN KHÔNG ĐỖ ĐĂNG TIẾN

NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI



PHẬT LỊCH NĂM THỨ 2554 – 2010

TOÀN KHÔNG ĐỔ ĐĂNG TIỀN

NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI



DÀI NGẮN HÀ CỦA CHÚNG TA

NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

TOÀN KHÔNG ĐỖ ĐĂNG TIỀN

MỤC LỤC

1)- Lời dẫn	Trang 2
2)- Một số ý kiến nhận xét	3
3)- Vị Trời học Phật	9
4)- Lễ vật cúng tế	11
5)- Cầu xin có hiệu quả không?.....	16
6)- Mục-Kiền-Liên học thiền	19
7)- Người không lờ trong hư không	22
8)- Cõi Trời Đạo-Lợi	25
9)- Cuộc luận bàn ly kỳ	39
10)- Tôn-giả Lại-Tra Hòa-La	49
11)- Tỳ-kheo Thiện-Túc phá giới	59
12)- Đề-Bà Đạt-Đa tạo tội	67
13)- Những lời kiêu mạn	78
14)- Thiếu phụ cuồng điên	86
15)- Tu-Ma-Đề lấy chồng	89
16)- Đà-Phiêu MaLa-Tử nhập Niết-Bàn	100
17)- Mục-Kiền-Liên đối phó Ma-Vương	101
18)- Xá-Lợi-Phất và Cấp-Cô-Độc	104
19)- Vua Trời Đế-Thích tham kiến Phật	120
20)- Thần lực của Ngài Duy-Ma-Cật	125
21)- Nguồn gốc loài người	147
22)- Tại sao có người đẹp, người sống lâu?..	169
23)- Ni-Sư Đại Ái-Đạo nhập Niết-Bàn	179
24)- Đại Hỏa, Thủy, Phong tai, Tái lập Địa ..	183
25)- Đức Phật nhập Niết-Bàn	196
26)- Những Sự kỳ diệu	219
27)- Thế nào là một vị Thánh?	224
28)- Tôn-giả Đại-Ca-Diếp	225
29)- Trưởng-giả Chát-Đa-La	243
30)- Tôn-giả A-Nan-Đà	248
31)- Vua A-Dục	261
32)- Lục Tổ Huệ-Năng	278
33)- Lời Phật dạy và Khoa học	307
34)- Kinh sách trích dẫn tham khảo	329

LỜI DẪN

Trong sách này được gộp nhặt những việc liên quan đến đức Phật cùng một số đệ-tử của Ngài thời ấy và mãi về sau, bây giờ đọc những câu chuyện ấy, người đọc có cảm tưởng như những huyền thoại hoang đường, nhưng sự thực chẳng phải vậy.

Một điểm được nêu ra liên quan đến tổ tiên chúng ta, con người đầu tiên trên trái đất này từ đâu mà có? Vấn đề này đã được Đức Phật nói đến từ trên 2500 nay rồi, nhưng phần lớn người Phật tử chưa được nghe hay đọc qua; mặc dù bài viết về nguồn gốc loài người không chiếm nhiều trong cuốn sách, nhưng vì tính cách quan trọng của nó nên tên “Nguồn gốc Loài Người” được chọn làm tựa đề cho sách này.

Lại nữa, có nhiều vấn đề liên quan tới khoa học cũng được đề cập đến, vì chính những lời nói của Đức Phật lại là những việc mà khoa học đã, đang và sẽ tìm hiểu chứng minh; ví như vi sinh vật trong nước, vi trần (nguyên tử), cõi Phật (giải Ngân hà), thế giới nhiều hơn cát sông Hằng v.v...

Hy vọng: những câu chuyện trong sách sẽ đem lại những giờ phút thoải mái cho đọc-giả, cũng mong ước rằng nó sẽ gây nhân và vun bồi thêm cho hạt giống trí-tuệ của người đọc.

Sự trình bày: còn thiếu sót, cách diễn đạt văn tự có nhiều khuyết điểm, mong đọc giả miễn chấp và chỉ cho, tác giả cảm tạ vô cùng.

Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Phật Lịch năm thứ 2550, ngày 02-12-2006
TOÀN KHÔNG ĐỖ ĐĂNG TIẾN



Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật

Ý KIẾN NHẬN XÉT

Về quyền Nguồn Gốc Loài Người

1) Một nhà Giáo-Dục:

Tôi có vài suy nghĩ về quyền sách “Nguồn Gốc Loài Người” của Toàn-Không Đồ-Đăng-Tiền, tóm tắt như sau:

Thứ nhất: Thêm một lý giải về nguồn gốc loài Người, ngoài Kinh Thánh và Darwin; một cách nêu vấn đề và cắt nghĩa khác (Hóa sinh, Noãn sinh, Thai sinh, và Thấp sinh).

Thứ hai: Những suy nghiệm về sự sống, với khung quy chiếu khác, có thể làm tỉnh ngộ, thoát ra khỏi những thói quen, tập quán, những tù ngục do chính mình tạo ra.

Thứ ba: Những chuyện kể trong quyền sách do tác giả gộp nhặt từ những việc liên quan đến Đức Phật, đệ tử của Ngài thời đó và mãi về sau, giúp đánh thức con người ra khỏi lo toan, vô minh, phiền não, giúp hướng tới cõi khác an lạc hơn; nhất là đối với những người đã trải qua ít nhiều kinh nghiệm sống, đã đọc Kinh Thánh và Lamarck, Darwin.

Thứ tư: Tác giả là người có công đọc góp nhặt sắp xếp, công trình hẳn đòi hỏi nhiều thì giờ, tâm trí; nhưng chắc cũng đã mang lại cho người biên soạn niềm vui sâu xa, thấm thía. Niềm vui ấy đã truyền sang người đọc.

Nguyễn-Hữu-Khánh.

2) Một nhà Quán-Tri:

Nếu cứ nhìn bề dày và nhan đề của cuốn sách thì người đọc thông thường sẽ tưởng đây là sách về khoa học, tuy nhiên đây lại là một quyển sách bao gồm những mẫu chuyện về/của đạo Phật và có một số chuyện liên quan với khoa học; ba mươi một mẫu chuyện trong sách này, tuy được lựa chọn theo ý cá nhân, nhưng tất cả đều cho người đọc những ý tưởng để mà suy ngẫm, và từ đó rút ra được những bài học để tu thân. Từ bài ngắn nhất là Vị Trời Học Đạo cho ta biết được cái gì nặng, cái gì cao, cái gì nhanh và cái gì nhiều, để tự gắm vào bản thân; đến bài dài nhất về sự tích đức Lục Tổ Huệ-Năng, ta cũng nhờ vào truyện đó mà biết được **“Chân tánh”**, và nếu thông suốt được (Kiến tánh) thì sẽ thành Phật. Ngay cả bài có tên giống chuyện về khoa học là Nguồn Gốc Loài Người cho ta thấy được sự liên hệ giữa suy nghĩ và hành động để tự rèn luyện, kiềm chế và tu thân. Có thể những chuyện này đã xưa, ý tưởng dễ hiểu, nhưng liệu có được bao nhiêu người **“tu thân”**, hay tất cả mọi người vẫn còn chìm đắm trong Tham Sân Si (Khổ não), vẫn còn bị **“Com, Áo, Gạo, Tiền”** (Vinh Hoa Phú Quý) làm khổ; khi nào còn những người bị khổ vì những lẽ đó thì việc đọc và suy ngẫm, rồi thực hành theo những điều rút ra từ cuốn sách này, vẫn là điều nên làm và phải làm. Riêng về cá nhân tôi cũng phải theo đây làm khuôn mẫu.

Hoàng-Sinh-Tài.

3) Một Cư-Sĩ:

Phải nói là quá may mắn chúng tôi được đọc tập “Nguồn Gốc Loài Người” do Toàn-Không Đỗ-Đăng-Tiến sưu tầm và sáng tác những bài ngắn nói về Tam Bảo, những bài viết trân quý, chung quy nói nhiều về Đức Phật. Tác giả khéo lồng vào những cốt truyện thật vô cùng dễ thương, nên đọc thật hấp dẫn. Quả thật, nhiều người đã là Phật tử nhưng chưa chắc đã hiểu những điều căn bản nhất của Tứ Thánh Đế và cũng chưa biết Tam Bảo có tự bao giờ, nên tác giả đã không ngần ngại dẫn người đọc đi từ Tứ Thánh Đế, rồi Ngũ Uẩn, qua Nhân Quả...

Tác giả từ từ diễn giải bằng những truyện sưu tầm thật công phu, chẳng hạn như tại bài “Tôn-Giả Lại-Tra Hòa-La” Khi Tôn Giả đã được Đức Phật nhận hiện diện trong tu đoàn của Người, có đoạn như sau:

“- Mẹ nên bỏ hết số tiền này vào một bao vải dùng xe chở đến sông Hằng bỏ xuống chỗ thật sâu, vì sao? Vì do tiền của này làm cho con người đau khổ sâu thẳm, không được an vui.”

Câu chuyện thật thâm thúy, chúng ta đã hiểu Tứ Thánh Đế bài học vỡ lòng cho hàng Phật tử: Khổ đau, nguyên nhân gây ra khổ đau, sự chấm dứt khổ đau, con đường đi ra khỏi khổ đau. Quả vậy, khổ là một chân lý, mà đã là chân lý thì từ Đông sang Tây ai cũng công nhận như nhau, cũng như không khí cần cho đời sống con người vậy. Vì vậy Tứ Thánh Đế chuyên hóa con người, nhờ Tứ Thánh Đế chúng ta hiểu được Sinh, Lão, Bệnh, Tử, tác giả dẫn dắt cách ra khỏi biển khổ thật nhẹ nhàng.

Cả nửa đời tác giả say mê với Phật sự, cho nên chúng ta không lạ gì khi thấy tác giả yêu thích trong công tác truyền bá Phật Pháp, có công mài sắt có ngày nên kim, gieo nhân ắt phải gặt quả.

Miền Cực lạc hay Địa ngục cũng đều do tại tâm mà có, sự chấm dứt mọi khổ đau chính là Diệt Đế, vậy phải diệt cái gì? Phải diệt ngay Tham, Sân, Si... Con người ai cũng muốn sống vui hạnh phúc và đạt đến chân lý của cuộc đời. Nhưng không bao giờ chúng ta cầu xin mà có được, chúng ta phải tự theo con đường mà Pháp đã vạch ra; bởi vậy các nhà bác học Tây phương đều phải công nhận đạo Phật là đạo Tỉnh Thức.

Trong mỗi cốt truyện mà tác giả chọn lọc đều bàng bạc pha vào nhẹ nhàng những bản nhạc tự tu, tự sửa; xin hãy đọc chậm và suy tư từng bài, từng dòng, từng chỗ trong mỗi bài, tưởng không cần dẫn chứng vì đâu đâu chúng ta cũng nhận thấy.

Sự sáng suốt của người con Phật cần có là: Văn, Tư, Tác... Văn có nghĩa là chúng ta nghe lời Phật, nghe lời các vị Bồ Tát, nghe lời các Tăng Ni thuyết pháp. Nhưng chúng ta phải có Tư duy của chúng ta, chúng ta phải phân tích những lời này, chúng ta phải suy tư, so sánh tìm ra sự thật có đúng đắn, có sát thực cho chúng ta nghe theo hay không, vì không bao giờ Đức Phật ban phước hay giáng họa cho thiện nhân hay ác nhân, mà do gieo nhân nào thì gặt quả đó. Khi chúng ta đã suy tư xong rồi chúng ta phải Tác, có nghĩa là chúng ta phải hành động, con đường sáng sửa trước mắt, nếu chúng ta không chịu đi thì không bao giờ tới đích được.

Cuốn sách này chỉ là Văn cho chúng ta đọc, kể cũng là quý hóa lắm vậy. Sau khi đọc chúng ta mới có Ý được, mà Ý đứng đầu các Pháp, Ý chỉ đạo mỗi điều nghe được, mỗi suy tư, mỗi tác động; chúng ta có tới được Niết-

Bàn hay không, chúng ta có thoát khỏi vòng sinh tử hay không? Là do Ý chúng ta có muốn hành động hay không. Cũng vậy, chúng ta không thể cầu xin trăng sao hiện về trong ao của chúng ta để chúng ta ngắm cảnh hữu tình vào mùa trăng sáng nếu chúng ta không chịu đào ao, hay trong ao không có nước. Muốn có nước chúng ta phải đào ao cho sâu, xong chúng ta phải bơm nước vào ao cho đầy, đến mùa trăng sáng, ánh trăng sao sẽ tự nhiên chan hòa trong ao xinh đẹp của chúng ta. Cũng vậy chúng ta xả thân vì người, xả thân vì Phật Pháp, thì Niết-Bàn đến với chúng ta ngay lúc còn sinh tiền chứ không đợi tới lúc quá vãng; bởi vì Niết Bàn hay Địa ngục ở ngay trong đời sống hàng ngày, Đức Phật đã từng nói: “Muốn tới Niết-Bàn phải đi vào đường sinh tử” là vậy.

Nguồn gốc của Ngũ Uẩn cũng xuất hiện trong các bài viết của tác giả, chúng ta chịu khó đọc sẽ nhận ra ngay Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức luôn luôn hiện diện trong mỗi bài; kẻ gánh nặng cuộc đời chính là con người, nếu để Chấp chế ngự, chúng ta sẽ phải mang gánh nặng cuộc đời. Có khả năng tháo bỏ Ngũ Uẩn canh cánh bên ta, thì cuộc đời mới thênh thang bước tới được, vì Thọ chính là thức ăn của tâm thức vậy.

Nếu quên không có cuốn Nguồn Gốc Loài Người trong tủ sách gia đình, quả thật tâm thức chưa có cơ hội vươn lên...

Bùi-Đức-Lạc

4)- Một nhà Văn kiêm nhà Thơ.

Tôi vừa được Toàn-Không Đỗ-Đăng-Tiến đưa cho bản thảo cuốn sách “Nguồn Gốc Loài Người” mà ông vừa viết xong, nói muốn tôi có vài ý kiến trước khi đem đi in; Đạo hữu Toàn-Không là người rất nhiệt tâm với Phật pháp, và đã đọc nhiều Kinh sách Phật. Trong cuốn sách dự tính mang in kỳ này, ông muốn chia sẻ với người đọc những kiến thức mà ông đã thu thập khi đọc các Kinh sách Phật với những chi tiết về hiện tượng giới mà chúng ta có thể kiểm chứng.

Chúng ta đều biết tôn giáo có ảnh hưởng lớn thế nào đối với con người, ngay những năm đầu của thiên niên kỷ thứ ba này, các cuộc xung đột lớn đang xảy ra ở Trung-Đông cho ta thấy điều đó. Con người vẫn có khuynh hướng bám chặt vào những tà kiến do nhiều tôn-giáo lập ngôn trên thế giới đưa ra và ép buộc tín đồ phải triệt để tuân theo hầu có thể lên “Thiên Đàng” của họ sau khi từ giã cõi trần!

Đương nhiên nói chuyện tôn-giáo là rất dễ đụng chạm, và đưa tới những mâu thuẫn đáng tiếc, nhưng nếu nói chuyện khoa-học thì không ai có thể dùng định kiến của mình; mọi sự đều phải có cơ sở lý luận, và phải chứng nghiệm trong thực tế.

Trong các tôn-giáo hiện nay của loài người, chỉ có Phật giáo là đặc biệt đưa ra những lời dạy mà khoa-học sau này có thể kiểm chứng được; nhiều lời Phật dạy về chúng-sinh trong thế giới vi mô và vĩ mô (vi trùng và vũ trụ) đã được khoa học chứng minh. Nhà khoa học Trịnh-Xuân-Thuận, trong bài viết “Khoa Học và Phật Giáo: Nơi gặp gỡ của hai con đường” (Science et Bouddhisme: A la croissée des chemins) cho thấy những lời trong Kinh Phật đã đi gần thế nào đối với những lý thuyết của Einstein, cũng như những khám phá mới nhất trong Khoa học lượng tử và thiên văn học. Dù Phật giáo và khoa học đi theo hai hướng khác nhau, nhưng tương hợp mà không đối lập, trong việc tiếp cận hiện tượng giới.

Tuy nhiên, còn rất nhiều lời dạy huyền bí của Phật Thích-Ca mà cho đến ngày nay vẫn chưa có lời giải đáp trong khoa học, Toàn-Không đã tập trung những lời đó trong cuốn sách này để mọi người cùng có thể nghiền ngẫm, và từ đó, đối với nhiều nhà khoa học trong tương lai, có thể đưa tới việc kiến lập những giả thuyết rất hữu ích cho khoa học sau này.

Tôi xin nhiệt liệt tán thán công đức của Toàn-Không trong công việc đầy khó khăn này, cuốn sách dày gần 500 trang của ông là một đóng góp lớn cho các thế hệ tương lai, cũng như cho tất cả những ai muốn phát triển lòng tin vững chắc, lâu bền đối với tôn giáo của mình.

Kim-Vũ

5)- Một nhà Tu-Hành:

Thấm thoát đã trải qua mười mùa xuân, chúng tôi có duyên được quen biết đạo hữu Phúc-Toàn, hiệu Toàn-Không, Đỗ-Đăng-Tiến tại chùa Giác-Minh, thành phố Palo Alto miền Bắc California, Hoa-Kỳ. Đạo hữu không những là một Phật tử thuần thành, mà còn là một hành giả học Phật rất tinh tấn. Gần đây, đạo hữu đã đến thỉnh Đại-Lão Hòa-Thượng Thích-Thanh-Cát, Tăng-Thống Liên Tông Phật-Giáo Việt-Nam tại Hoa-Kỳ để xin lời tựa cho quyển sách “Nguồn Gốc Loài Người”; được sự giáo sắc của đức Tăng-Thống, chúng tôi được hân hạnh đọc quyển sách này.

Qua những câu chuyện mà đọc giả lần lượt thưởng thức, những pháp vị vi diệu của tiên nhân, đồng thời cũng rút ra nhiều kinh nghiệm tu hành của

chư Phật và chư Tổ để làm tư lương cho đời sống tâm linh của chúng ta. Càng đọc, chúng ta lại càng cảm động về những công hạnh cao cả và chí nguyện sâu xa của chư Phật, chư Tổ. Càng xem, chúng ta lại càng cảm kích về đạo hữu Phúc-Toàn đã dành ra một quãng thời gian không ít để nghiên cứu, biên soạn ra quyển sách quý báu này ngõ hầu cống hiến đến quý đọc giả và hậu nhân có nhân duyên thưởng thức pháp vị đề hồ của Tam-Bảo.

Nếu tâm hồn chúng ta có thể lắng đọng lại khi đọc những câu chuyện về đức Phật và Chư Tổ, cũng như chúng ta thật sự rung động khi biết các Ngài đã hy sinh cả cuộc đời cho nhân loại chúng sanh thì chắc chắn rằng Phật tính đã hiện trong trái tim chúng ta. Khi chúng ta đã có sẵn Phật tính cộng thêm với tín tâm đối với các Ngài và nỗ lực hành trì không ngừng, thì một ngày nào đó chúng ta sẽ được khai ngộ cũng như các Ngài vậy; chúng ta sẽ hưởng Niết-Bàn ngay tại thế giới Ta-Bà này, chứ không cần đợi chờ đến khi chết đi mới xin cầu nguyện để được sinh về nơi an lạc.

Con đường dẫn tới Niết-Bàn có nhiều lối khác nhau, tựu trung chỉ có một cứu cánh duy nhất, đó là Giải thoát. Nhưng đi theo đường nào thì tùy thuộc vào nguyện vọng và sở thích của mỗi cá nhân, vì mỗi người sống trong những gia đình khác nhau, có trình độ học vấn khác nhau, nghề nghiệp khác nhau, tâm lý khác nhau v.v...

Quyển sách này giới thiệu đến quý vị đọc giả nhiều hạnh nguyện khác nhau của Chư Phật và Chư Tổ. Nếu chúng ta cảm thấy thích hợp với hạnh nguyện nào thì tu theo hạnh nguyện đó, nhất định hành giả sẽ thành tựu khi dần thân học đạo và hành trì kiên cố. Dĩ nhiên: trên bước đường hành trì, chúng ta sẽ gặp những khó khăn, thử thách, trở ngại; nhưng nếu chúng ta đích thực quyết tâm và được thiện tri-thức hoặc thiện hữu giúp đỡ thì sớm muộn gì cũng gặt hái được kết quả.

Chúng tôi xin mạn phép đại mệnh Lão Hòa-Thượng Tăng-Thống Thích-Thanh-Cát, trân trọng giới thiệu quyển sách quý báu này của đạo hữu Phúc-Toàn, hiệu Toàn-Không, Đỗ-Đăng-Tiến, đến quý đọc giả xa gần duyệt lãm như một món quà mùa Xuân đơm bông nức hương vị Giải thoát.

Cẩn chí.

Thượng-Tọa Thích-Đức-Tuấn

VỊ TRỜI HỌC ĐẠO

(Tập A-Hàm, quyển 4, trang 540)

Một vị Trời có dung mạo tuyệt diệu, từ thân tỏa ra ánh sáng rực rỡ, chiếu soi khắp rừng cây công-tử Kỳ-Đà tại thành Xá-Vệ. Vào lúc cuối đêm gần về sáng, vị Trời ấy đến chỗ đức Thích-Ca Mâu-Ni tại Tịnh-xá Kỳ-Hoàn, trong vườn Cấp-Cô-Độc. Vị Thiên cúi đầu lễ Phật, rồi cất tiếng nói kệ hỏi:

Cái gì nặng hơn đất?
Cái gì cao hơn không?
Cái gì nhanh hơn gió?
Cái gì nhiều hơn cỏ?

Phật nói kệ đáp:

Giới đức nặng hơn đất,
Ngạo mạn cao hơn không,
Nhớ nghĩ nhanh hơn gió,
Tư tưởng nhiều hơn cỏ.

Sau khi nghe lời dạy xong, vị Trời ấy phấn khởi vui mừng, cúi đầu lễ Phật, rồi biến mất trong nháy mắt.

LỜI BÀN:

Cái gì nặng hơn đất? Chúng ta tự hỏi xem trái đất chứa đủ thứ sắt thép, sỏi đá, núi rừng, đất nước v.v... nặng như thế còn có gì nặng hơn được; thế mà Đức Phật bảo còn có thứ nặng hơn nữa, đó là Giới đức. Giới là giới hạn, răn dạy ngay thẳng, Đức là đạo lý làm người, điều thiện, Giới đức là làm thiện tránh ác. Đức Phật dạy:” làm thiện tránh ác còn nặng hơn cả sức nặng của trái đất, thật là lời vàng.

Cái gì cao hơn không? Thử nghĩ xem đâu có cái gì cao hơn không gian mênh mông, Đức Phật bảo: Ngạo mạn còn cao hơn cả không nữa, vì sự ngạo mạn của con người vô giới hạn. Thế giới điên đảo vì sự ngạo mạn của con người, thật là ý ngọc.

Cái gì nhanh hơn gió? Gió thoảng qua, gió bão rất nhanh, cũng có thứ nhanh hơn gió như ánh chớp, tốc độ của ánh sáng. Nhưng Đức Phật dạy: Nhớ nghĩ nhanh hơn gió, vì chợt nhớ, chợt nghĩ nhanh như chớp mắt, nên nhớ nghĩ là nhanh nhất, thật là tuyệt diệu.

Cái gì nhiều hơn cỏ? Trái đất này cỏ mọc biết bao nhiêu như thế, làm sao mà tính cho hết; thế mà Đức Phật bảo: Tư tưởng nhiều hơn cỏ, tư tưởng là suy nghĩ hết việc này qua chuyện khác, suốt ngày (nhớ, nghĩ) suốt đêm (nằm mơ), từ đời này qua đời khác không ngưng nghỉ; bởi vậy, tư tưởng còn nhiều hơn cỏ, sao mà đúng thế.

Những lời Phật dạy đều nằm ngoài sự suy tưởng của con người; vì vậy, vị Trời được Phật chỉ dạy, nghe xong suy nghĩ thấy chí lý quá, hay quá nên ghi nhớ, vui vẻ phấn khởi, rồi lễ Phật mà đi.

Đối với Phật tử chúng ta: đọc được những lời dạy quý báu này, nên cố gắng ghi nhớ để thực hành, thực hành cái gì? Thực hành giữ Giới đức, thực hành bỏ kiêu căng ngã mạn, bỏ suy nghĩ tưởng nhớ những chuyện không đâu, như vậy là chúng ta có Tu vậy....

ĐỨC PHẬT NÓI:

Cỏ dại là tai hại cho đồng ruộng. Tham ái, sân hận, si mê và ái dục là tai hại cho loài người. Khi nào còn các thứ ấy là còn đau khổ, như cây bị chặt ngã nhưng gốc rễ không đung đến, nên nó vẫn đâm chồi nảy nở; Cũng vậy, khi nào lòng tham ái, sân hận, si mê và ái dục tiềm ẩn chưa bị tiêu diệt, sầu khổ còn phát sinh trở đi trở lại triền miên.

LỄ VẬT CÚNG TẾ

(Tập A-Hàm, quyển 1, trang 197 đến 204)

Bấy giờ, tại thành Xá-Vệ, có Bà-la-môn Trường-Thân tổ chức đại hội cúng tế rất lớn, các lễ vật gồm bảy trăm con vật và các thức ăn thức uống cũng được chuẩn bị một cách đầy đủ. Thành phần tham dự gồm có dân chúng trong vùng, các viên chức sắc trong cả nước Xá-Vệ đến, đặc biệt hơn nữa là nhiều người từ các nước khác cũng sẽ đến dự kỳ đại hội cúng tế lớn lao này.

Bà-la-môn Trường-Thân nghe nói: *“Có Sa-môn họ Cù-Đàm, là dòng dõi quý tộc, con Vua Tịnh-Phan, bỏ địa vị quyền uy, xa lìa gia đình giàu sang phú quý, để đi học đạo và đã đắc bậc Chánh-Đẳng Chánh-Giác”*.

Ông cũng nghe nói: *“Sa-môn Cù-Đàm đang du hành trong nhân gian, vừa mới đến nước Xá-Vệ, hiện đang cư ngụ tại tịnh-xá Cấp-Cô-Độc, thuộc rừng Kỳ-Đà”*.

Bà-la-môn Trường-Thân liền nghĩ: *“Nay sẽ tổ chức đại hội cúng tế, ta nên đến hỏi nơi Sa-môn Cù-Đàm để cho sự tổ chức không bị thiếu sót”*.

Suy nghĩ xong, ông liền ra lệnh chuẩn bị, rồi ông đi xe ngựa trắng, có các thanh niên trai tráng, kẻ trước người sau, cầm dù lọng cán vàng, rầm rộ ra khỏi thành Xá-Vệ, tiến đến rừng Kỳ-Đà với lòng ngưỡng mộ. Khi phái đoàn tới trước cổng Tịnh-xá, họ xuống xe đi bộ đến trước đức Phật, cung kính vái chào, Bà-la-môn Trường-Thân nói:

- Thưa ngài Cù-Đàm, tôi muốn tổ chức đại hội cúng tế với bảy trăm con vật gồm có trâu đực, trâu cái, trâu con, dê đực, dê cái, dê tơ, và các con vật nhỏ bé khác. Đủ bảy trăm con vật, hiện đang nhốt, trói, hoặc cột ở nơi các cây cột. Cũng xin thưa, đây là đại hội tế lễ lớn nên có đủ các thành phần trong nước và ngoài nước đến tham dự, tôi lại được nghe đức Cù-Đàm là người thấu suốt đạo lý về tế tự; bởi vậy nên tôi đến đây thưa hỏi Ngài về cách tổ chức đại hội cúng tế, những gì cần phải làm, các loại súc vật nào cần phải có, và số lượng súc vật cần thiết là bao nhiêu? Thưa đức Cù-Đàm: xin Ngài chỉ bảo, để cho buổi tổ chức của tôi không bị thiếu sót.

Sau khi nghe trình bày, đức Phật bảo Bà-La-môn Trường-Thân:

- Vì có đại hội cúng tế, người chủ muốn thực hành tế lễ, bô thí, làm phước, mà lại sinh tội, bị đâm cắt bởi ba thứ đao kiếm, chuốc lấy quả báo dữ; ba thứ đao kiếm là gì ? Là: ý đao kiếm, miệng đao kiếm, và thân đao kiếm.

Thế nào là ý đao kiếm sinh ra quả báo khổ?

Người chủ tổ chức tế lễ suy nghĩ rằng: “*Cúng-tế cần phải giết nhiều trâu, nhiều dê, và nhiều các con vật nhỏ bé khác, đó gọi là ý nghĩ đao kiếm sinh quả báo khổ*”; người chủ đại hội làm các việc tế-lễ, bô thí, cúng dường là những việc hợp đạo lý, nhưng thực ra lại sinh tội lỗi vì người ấy có ý nghĩ muốn giết các con vật.

Thế nào là miệng đao kiếm sinh ra khổ?

Người chủ tổ chức đại hội bảo: “*Hôm nay ta tổ chức tế lễ, các ông hãy giết bấy nhiêu trâu, bấy nhiêu dê, và bấy nhiêu súc vật nhỏ, các ông không được làm sai khác*”, đó gọi là từ miệng mà sinh ra đao kiếm, và sinh ra quả báo khổ; người chủ đại hội mặc dù làm các việc cúng tế, bô thí, cúng dường là những việc tốt, nhưng thật ra lại sinh thêm tội lỗi vì đã sai bảo người khác giết hại các con vật.

Thế nào là thân đao kiếm sinh ra khổ?

Người tổ chức đại hội, tự tay mình sát hại sanh mạng các con vật, đó gọi là thân đao kiếm sinh ra quả báo khổ. Người chủ đại hội mặc dù làm các việc cúng tế, bô thí, cúng dường là những việc tốt, nhưng thật ra lại sinh thêm tội lỗi vì đã tự tay mình giết hại súc vật.

Ngài giảng tiếp:

- Những người nào tùy thời cúng lễ, bô thí, cúng dường, phụng sự ba thứ lửa, sẽ đem lại sự an lạc, ba thứ lửa ấy là gì? Một là lửa căn bản, hai là lửa gia cư, ba là lửa phước điền.

Thế nào là lửa căn bản?

Người nào có tiền của do việc làm cần khổ và chính đáng, rồi đem một phần biếu cha mẹ, làm cho cha mẹ được an vui; đó là lửa căn bản.

Thế nào là lửa gia cư?

Người nào có tiền của do sự làm việc thu hoạch hợp pháp, rồi đem cung cấp cho vợ con, anh em, quyến thuộc, người giúp việc, kẻ hầu hạ. Người ấy tùy lúc tùy thời mà chu cấp cho họ, và đem lại sự an vui cho người thân

thuộc họ hàng; vì người ấy sống trong gia đình, cùng thân bằng quyến thuộc, nên vui cùng vui khổ cùng khổ chia ngọt sẻ (san sẻ) bùi; đó là lửa cư gia.

Thế nào là lửa phúc-diền?

Người làm việc siêng năng kiếm được tiền của do sự làm việc lao nhọc, và thu hoạch hợp pháp; người ấy tùy thời cúng dường các Sa-môn, Bà-la-môn biết khéo điều phục tham sân si, cũng tùy thời bố thí cho kẻ nghèo cùng, đói khát, bệnh khổ. Cúng dường bố thí như thế là kiến lập ruộng phúc, hiện tại an vui, vị lai được quả báo tốt sinh lên cõi Trời, đó gọi là lửa phúc-diền.

Nhưng người thiện nam trước khi tế lễ, cúng dàng, bố thí ba thứ lửa nêu trên, hãy nên dập tắt ba thứ lửa khác; đó là **lửa tham lam, lửa sân hận, và lửa tà kiến ngu si**, vì sao? Nếu lửa tham lam không dứt, thì sẽ tự hại mình, hại người, cả hai đều bị hại; hiện tại đắc tội, đời sau đắc tội, do lòng tham lam sinh ra đủ thứ ưu phiền khổ não. Lửa sân hận, lửa tà kiến ngu si cũng giống như thế.

Tóm lại, khi tổ chức đại hội tế lễ hay cúng giỗ không nên giết hại súc vật; cúng giỗ, tế lễ chỉ dùng các thứ như: “Hương nhang đèn, bông hoa, trái cây, bánh kẹo, và những thức ăn không phải là súc vật, không phải là chúng-sanh”. Như vậy là làm đúng theo đạo lý cúng lễ, và đem lại sự an vui cho mình, cho người và cho tất cả chúng-sanh (chúng-sanh trong 6 cõi gồm loài Trời, Thần Tiên Thánh, Người, Quỷ Ma, Địa Ngục, và tất cả loài vật).

Sau khi nghe những lời giảng giải, Bà-la-môn Trường-Thân suy nghĩ trong giây phút, rồi quay qua bảo người con trai lớn:

- Uất-đa-La, con hãy đến chỗ các con vật, tất cả đều buông thả hết, và con nói với chúng rằng: *“Bà-la-môn Trường-Thân cho phép các người, sắp bị hy sinh tính mạng được tùy ý tự tại thênh thang ở núi ở đầm, ở rừng ở đồng hoang, hay bất cứ nơi đâu để tự kiếm thức ăn lấy, cỏ tươi tốt, nước suối trong, bốn bề gió mát, hưởng lạc thú an vui thoải mái”*.

Rồi ông quay lại chấp tay nói :

- Thừa đức Cù-Đàm, con định lập đại hội tế lễ với đầy đủ bảy trăm con vật, nhưng nay con cho thả hết tất cả, để chúng được sống yên ổn, tự do đi lại. Thừa đức Cù-Đàm, con đã được Ngài cứu khỏi u mê tăm tối. Từ hôm nay cho đến hết đời, con xin quy y Ngài, quy y Pháp (lời dạy), quy y Tăng đoàn, và được làm Cư-sĩ trong Chính-Pháp của Ngài. Con sẽ tổ chức đại hội tế-lễ

đúng theo như lời Ngài đã chỉ dạy, và cung thỉnh mời Ngài và Tăng-đoàn đến dùng cơm chay vào trưa ngày mai tại tư thất của con trong thành Xá-Vệ.

Bà-la-môn Trường-Thân: thấy đức Phật im lặng nhận lời, bèn lễ chào rồi cùng đoàn tùy tùng ra về chuẩn bị lại cho buổi tế lễ.

LỜI BÀN:

Hầu hết chúng ta không biết những tai hại xảy ra giống như Bà-La-Môn Trường thân, nên khi tế lễ, cúng giỗ hay tết nhất thường lại giết súc vật nhiều hơn là lúc bình thường. Đọc xong bài “Lễ Vật Cúng Tế” này, người viết mong mỗi người đọc hãy suy nghĩ và áp dụng thì lợi lạc phúc đức không thể đo lường được. Nếu chúng ta không thể ăn chay được thì ít nhất mỗi khi tế lễ, giỗ tết, chúng ta không nên cúng bằng cách giết sinh vật để cúng. Chúng ta chỉ nên cúng bằng hương, hoa, quả, và thức ăn chay, việc này sẽ dẫn người hưởng sự cúng giỗ tế lễ theo đường lành.

Nên biết, sau khi chết, con người sẽ bắt buộc phải thọ sinh trong vòng 49 ngày, ngoại trừ người tu hành đạt đạo sẽ nhập Niết-Bàn an vui vĩnh cửu. Còn tất cả đều phải tuân theo luật luân hồi nhân quả, dù muốn hay không muốn cũng phải thụ sinh vào một trong sáu cõi.

Nếu trong cuộc sống không tạo tội và làm các việc lành, sẽ được sinh lên cõi Trời; ở cõi Trời sung sướng mãi hưởng thụ, đâu còn nhớ tới cõi trần hôi hám này nữa, nên có cúng các vị Trời cũng chẳng bao giờ màng tới, cúng cũng như không, ích gì; nếu cúng bằng cách giết sinh vật chỉ hại cho người cúng mà thôi.

Khi sinh vào cõi Thần, những vị này cũng có đời sống đầy đủ khá sung sướng, tuy phải làm việc cho các vị Thiên vương, nhưng không vất vả như con người. Các vị Thần có thể giúp chút ít, nhưng các vị ấy không giúp cho người làm ác, và không hưởng được nếu ta cúng tế bằng xác các con vật. Nếu ta cúng tế bằng hương, hoa, quả, và thức ăn chay, các vị ấy sẽ thọ hưởng được và sẽ hộ trì phần nào cho ta.

Nếu một người chết đi tái sinh trở lại cõi Người rồi, thử hỏi con cháu cúng có hưởng được gì không, chắc chắn là không hưởng được, phải không?; do đó nếu giết sinh vật để cúng giỗ, thì chính chúng ta mang tội giết sinh vật.

Khi một người chết đi sinh vào cõi Ma-Quỷ, thường bị đói khát, vì cổ quá nhỏ, ăn nuốt khó khăn. Đây chỉ là ăn tưởng tượng mà thôi, tức là chỉ tiếp xúc với vật thực. Nói là ăn, nhưng đâu có ăn như loài người bằng cắn, nhai, nuốt từng miếng, mà chỉ tiếp xúc vật thực, lưỡi, miệng, liếm, ngoạm nuốt tưởng tượng vật thực vào bụng, nhưng thực ra vật thực vẫn còn nguyên vẹn, mà Ma Quỷ vẫn tưởng như có ăn, có hưởng vậy.

Nếu ta giết súc vật để cúng tế họ, ta mang tội, và tâm họ sẽ nhiễm cấu uế mà phải chìm xuống hơn ở kiếp sau hoặc vào Súc-sinh, hoặc vào Địa-ngục; còn nếu ta cúng bằng hương, hoa, quả và thức ăn chay, tâm họ sẽ nhẹ nhàng, sẽ được sinh làm Người, Thần, hoặc Trời.

Khi một người chết đi sinh vào cõi Súc-sanh cũng chẳng thể hưởng được gì khi ta cúng kiếng, vì đang là một con vật nào đó mà ta không biết; nếu ta giết súc vật để cúng, biết đâu rằng con vật bị hy sinh tính mạng đó chẳng phải là người mà ta cúng; thật là oan gia nếu đúng là như vậy, tốt hơn hết là tránh giết súc vật để cúng tế giỗ tết.

Khi một người chết đi bị đọa vào cõi Địa ngục rồi, cũng như bị cầm tù và bị hành hạ vô cùng khổ sở, người ấy không thể ra được mà về hưởng sự cúng kiếng; nếu giết súc vật để cúng người đó, tức là tạo nghiệp nặng thêm, chìm thêm và người đó sẽ phải ở Địa-ngục lâu dài hơn, mà ta cũng mang tội.

Tóm lại, nếu ta không ăn chay, đó là quyền tự do của ta, chứ không cúng giỗ tế lễ đồ mặn; vì nếu cúng đồ mặn xong ta ăn, sự làm ấy là vô minh, có hại cho các bậc tiền nhân mà ta cung kính lễ bái.

Một điểm nữa liên quan đến: sự đốt tiền giấy, vàng mã, chúng ta bị một số người mê tín, dị đoan lôi kéo dẫn dắt; vấn đề này cần đòi hỏi trí tuệ, có tâm bình tĩnh không sợ hãi mới dứt trừ bỏ được những điều vô lý. Đốt vàng mã, hình con này con kia, quần áo giấy, thậm chí cả đến đồ chơi bằng giấy; làm như vậy để làm gì? Những người làm các việc này nói rằng : *“Để cho người chết dùng”*. Nếu chúng ta tin ở Phật pháp thì không có chuyện linh hồn vương vất đâu đó, mà chỉ có cõi Ma-Quỷ rõ ràng như vậy, Ma Quỷ không dùng được các thứ ấy. Đây chỉ là sự tưởng tượng của một số người có tâm sợ hãi, tin bói toán mà ra, ta có làm cũng chỉ bằng thừa, phí tiền vô ích, và người trí tuệ nhìn vào sẽ chê cười là ta mê tín dị đoan nhầm nhứ...

CẦU XIN CÓ HIỆU QUẢ KHÔNG?

(Trung A-Hàm, quyển 1, từ trang 157 đến 163)

Thời đức Phật du hoá tại vườn A-nan-Đà trong rừng Tương-thôn-Mại, có một vị Trời Ca-Di-Ni (Vị này từ cung Phạm Thiên đến) với sắc tướng uy nghi, chiếu sáng rực rỡ, lúc đêm gần về sáng đến nơi đức Phật cúi đầu lễ rồi thưa:

- Thưa đức Thế-Tôn, các người cao ngạo nói rằng: “*Nếu có người nào chết đi, họ có thể làm cho tự do sinh lên cõi Trời*”. Đức Thế-Tôn là đấng Pháp-chủ của Trời và Người, con mong muốn đức Thế-Tôn làm cho người chết được sinh lên cõi Trời.

Đức Phật hỏi:

- Nay Ca-Di-Ni, Ta hỏi ông tùy theo sự hiểu biết mà trả lời, nếu trong thôn-ấp có người làm ác về thân khẩu ý. Thân làm ác như sát sanh, trộm cướp, tà dâm; miệng nói ác như nói dối, nói lời thêu dệt, nói giọng hai lưỡi, nói lời độc ác; ý nghĩ ác như tham lam không cho mà lấy muốn cướp đoạt cho mình, sân hận thù hận, nghĩ và hành động tà vạy ngu si; người ấy khi chết, nếu có một người hay một số người van xin, kêu gọi, cầu xin để người ấy được sinh lên cõi Trời, liệu có được không?

Trời Ca-Di-Ni đáp:

- Không thể được, thưa đức Thế-Tôn.

Đức Phật khen:

- Đúng thế, nếu người chết ấy khi còn sống đã làm mười điều ác, mà khi chết lại được sinh lên cõi Trời, việc đó không thể có, hoàn toàn không thể xảy ra; cũng như có người ôm tảng đá lớn ném vào trong hồ nước, nếu có một người hay một số người chấp tay cầu nguyện, van xin, khẩn khoản nài xin v.v... mong cho tảng đá nổi lên mặt nước, như vậy tảng đá có nổi lên không?

Trời Ca-Di-Ni trả lời:

- Không thể được, thưa Thế-Tôn.

Ngài hỏi tiếp:

- Nếu như có người tinh tấn siêng tu, làm mười điều lành, thành tựu diệu pháp, nghĩa là không giết người hại vật mà chỉ làm lợi cho người và vật. Không lấy của người không cho, không dâm dăng; không nói dối mà chỉ nói thật, không nói thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác mà chỉ nói lời hiền hòa và đúng sự thật; không tham lam, không giận dữ thù hằn, không tà kiến ngu si mà chỉ suy nghĩ hành động chân chính. Khi người ấy chết đi, có một số người nguyên rửa, cầu xin mong cho người ấy sa vào Địa-ngục, liệu có được không?

Trời Ca-Di-Ni đáp:

- Thừa đức Thế-Tôn, không thể được.

Ngài khen:

- Đúng thế, nếu một người đã đoạn trừ làm mười điều ác, chỉ làm điều lành, siêng tu diệu pháp; khi người ấy qua đời, nếu có một số người nguyên rửa, cầu xin cho người ấy堕 vào địa ngục thì điều này không thể xảy ra. Ngược lại: người ấy sẽ được sinh đến cõi tốt, cũng như có người đổ dầu mỡ xuống nước, dầu mỡ tự nhiên nổi lên, không thể cầu nguyện, van xin mà dầu mỡ chìm xuống được.

Sau khi nghe giảng: vị Trời phấn khởi, vui vẻ, cúi đầu lễ Phật, rồi trong khoảnh khắc biến mất.

LỜI BÀN:

Cầu xin mà có hiệu quả, chẳng có ai không cầu, cứ ngồi đó mà cầu nguyện là tự có tất cả, chẳng phải làm việc vất vả, cần gì phải học hành cực nhọc; ta cứ thủng thẳng làm việc, cứ từ từ mà học hành, đâu cần chạy đua với cái đồng hồ cho khổ trí, đâu cần thức khuya dậy sớm cho mệt thân, vì sao? Vì cứ tin tưởng tuyệt đối vào sự cầu nguyện là có, là được tất cả những gì ta mong muốn, một số người nghĩ như vậy; nhưng thử hỏi cứ ngồi đấy mà cầu nguyện, không chịu làm việc, không chịu học hành, không chịu làm các việc thiện, liệu có được kết quả mà ta mong cầu không?, hay như người ngủ mơ, tưởng có thật, nhưng khi thức dậy chẳng có gì; đó là mong cầu hão huyền, không tưởng, thật là mất thời giờ vô ích.

Nói rằng: Đạo Phật cũng có cầu nguyện, cầu vãng sinh chẳng hạn, như vậy cũng vô ích sao? Không phải thế, sự cầu này nếu ai hiểu đúng ý nghĩa, trước nhất phải làm các điều lành, tránh làm các điều ác, thứ đến là trong khi

cầu tâm phải trong sạch, thanh tịnh, nhất tâm không loạn tưởng thì mới ứng nghiệm, còn không được như vậy sẽ chỉ như vẹt kêu suốt ngày chẳng ích gì.

Một số người tới chùa lễ Phật để xin phù hộ buôn may bán đắt, xin cho con cháu đỗ đạt v.v..., đây là sự cầu xin không đúng, chúng ta cần sửa lại bằng cách chỉnh đốn việc buôn bán sao cho khách hàng đến tiệm của mình nhiều hơn trước tự nhiên phát triển lên. Bằng cách khuyến khích, hay nhờ người dạy dỗ con cháu chăm học sẽ đỗ đạt, Phật không bao giờ phù trợ cho những kẻ làm ác, lừa dối mà mong cầu được cái nọ cái kia.

Chúng ta không nên tin tưởng một cách mù quáng, như mới nghe người này hay người kia nói chỗ này linh, chỗ kia thiêng là tin liền, mà phải xem xét kỹ lưỡng hư thực ra sao? Như có người nói: *“Trong cục đá kia có vàng”*, nếu không có gì chứng minh được trong cục đá có vàng, ta không nên tin. Những loại tin như thế là tin mù quáng, có biết bao nhiêu người tin người mất hết gia tài sự nghiệp v.v...

Đến chùa lễ Phật là để tỏ lòng tôn kính Phật là bậc hy sinh cả cuộc đời cho sự nghiệp giáo hóa chúng-sanh, chúng ta tôn kính Ngài là bậc giác ngộ, trí tuệ tối thắng nhất, hiểu biết cùng tận tất cả mọi vấn đề trong vũ trụ; chúng ta kính lễ Phật để tỏ lòng biết ơn Ngài đã mở mang sự hiểu biết, phá màn mây đen tối bao phủ lên sự hiểu biết của con người. Chúng ta chỉ xin Ngài phù trợ cho chúng ta sự sáng suốt, tính chịu đựng, lòng khoan dung độ lượng và tâm an bình mà thôi.....

ĐỨC PHẬT NÓI:

**Nếu thấy ta bằng hình,
Nghe ta bằng âm thanh,
Người này đi đường tà,
Không thấy được Như-Lai.**

TÔN GIẢ MỤC-KIÊN-LIÊN HỌC THIỀN

(Tập A-Hàm, quyển 2, từ trang 281 đến 287)

Tôn-giả Mục-Kiên-Liên nói với các vị Tỳ-Kheo rằng:

Có một lần Thế-Tôn ở tại vườn trúc Ca-lan-Đà thuộc thành Vương-Xá, trong lúc đó tôi ở tại núi Kỳ-xà-Quật cách chỗ Thế-Tôn khá xa; một mình tôi ở chỗ vắng vẻ, khởi nghĩ rằng: “*Thế nào là sự im lặng của bậc Thánh?*”, và nghĩ tiếp: “*Nếu ai dứt bật có giác (biết) có quán (thấy), nội (bên trong) tĩnh (yên lặng) nhất tâm, không giác không quán, chính định sinh ra hỷ lạc (vui sướng), an trụ (trạng thái yên tĩnh của tâm thức) trọn vẹn ở thiền thứ hai, đó là sự im lặng như bậc Thánh*”. Nay ta cũng nên im lặng như bậc Thánh, rồi tôi bắt đầu bắt dứt có giác có quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, chính định sinh hỷ lạc, an trụ đầy đủ. An trụ một lúc như thế rồi tâm tôi lại khởi có giác có quán, mất chính định!

Ngay lúc ấy, tôi thấy đức Thế-Tôn đứng trước mặt và bảo tôi rằng: “*Này Mục-Kiên-Liên! hãy cố gắng lên, thầy nên im lặng như bậc Thánh, chớ sinh buông lung*”.

Tôi nghe Thế-Tôn nói xong, tức thì tôi liền xa lìa có giác có quán, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, chính định sinh thoải mái, an trụ đầy đủ thiền thứ hai. Khi biết tôi đã an trụ đầy đủ nhị thiền một lúc lâu rồi, Ngài liền biến mất khỏi chỗ tôi. Thế-Tôn đã biết ý nghĩ trong tâm tôi, nên khi thấy tâm tôi sinh buông lung, Ngài liền biến khỏi tịnh-xá Trúc-Lâm, hiện ra trước mặt tôi tại núi Kỳ-xà-Quật để khuyên bảo tôi; và khi thấy tâm tôi đã an trụ thiền thứ hai đầy đủ lâu dài rồi, Ngài mới biến mất khỏi chỗ tôi để trở về tịnh-xá Trúc-Lâm.

Một lần khác, tôi khởi nghĩ: “*Tại sao gọi là Thánh trụ?*”, và nghĩ tiếp: “*Nếu ai không nghĩ tất cả tướng (muôn hình muôn vật), tức vô tướng, tâm chính thụ, thân tác chứng đầy đủ thì đó là Thánh trụ*”; rồi tôi lại nghĩ: “*Nay ta phải ở ngôi Thánh trụ này*”. Tôi bắt đầu không nghĩ tới tất cả các tướng, vô tướng, tâm chánh thọ, thân tác chứng đầy đủ, an trụ. An trụ không bao lâu, tâm chấp tướng (suy nghĩ việc này việc kia) lại sinh ra.

Bấy giờ Thế-Tôn biết những gì đã xảy ra trong tâm tôi, nên trong khoảnh khắc Ngài hiện ra trước mặt tôi và nói: “*Này Mục-Kiên-Liên, thầy nên trụ vào chỗ trụ của bậc Thánh, chớ sinh buông lung như vậy*”.

Tôi nghe Thế-Tôn dạy xong, liền vội vàng lià tất cả tướng, vô tướng, tâm chính thụ, thân tác chứng đầy đủ, an trụ lâu dài. Khi biết tôi đã an trụ vững chắc rồi, Thế-Tôn liền biến mất khỏi chỗ tôi; ba lần như thế, Ngài cũng ba lần thị hiện để dạy bảo tôi như thế.

Chư Đại-đức, nếu nói đúng, người Phật-tử từ miệng Phật sinh, từ Pháp hoá sinh, được phần Phật-Pháp, người ấy chính là tôi. Vì không cần phương tiện tôi được thiên giải-thoát, được tam-muội chính thọ, và chỉ trong một ngày mà Thế-Tôn dùng thần lực đến chỗ tôi ba lần, dạy bảo tôi, và đem chỗ của bậc đại-nhân kiến lập cho tôi.

Một lần khác, đức Phật trú ngụ tại vườn Cấp-Cô-Độc thuộc nước Xá-Vệ (phía Bắc Ấn-Độ), trong khi đó ba Tôn-giả Xá-Lợi-Phất, Mục-Kiền-Liên, và A-Nan-Đà cùng ở chung tại vườn trúc Ca-lan-Đà thuộc thành Vương-Xá (phía Nam Ấn-Độ). Khi gần về sáng, Tôn-giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Lạ thay! Tôn-giả Mục-Kiền-Liên! Suốt đêm: Tôn-giả trụ vào chính-định vắng lặng, tôi không nghe tiếng thở của Tôn-giả.

Tôn-giả Mục-Kiền-Liên trả lời:

- Đó không phải là chính-định tịch-tĩnh, mà chỉ là thô (sơ) chính-định, thưa Tôn-giả Xá-Lợi-Phất, đêm nay tôi đã hầu chuyện với đức Thế-Tôn.

- Thế-Tôn đang ở nước Xá-Vệ rất xa nơi đây, làm sao Tôn-giả hầu chuyện được? Tôn-giả đã dùng sức thần-thông đến nước Xá-Vệ hay là Thế-Tôn đã dùng sức thần-thông tới đây?

- Tôi không dùng sức thần-thông để đến nước Xá-Vệ, Thế-Tôn cũng không dùng sức thần-thông để tới đây, nhưng tôi vẫn nghe lời của Thế-Tôn ở tận nước Xá-Vệ. Thế-Tôn và tôi đều dùng thiên-nhãn để thấy và dùng thiên-nhi để nghe, nên tôi có thể hỏi Ngài về những điều chưa thông suốt. Chẳng hạn như tôi hỏi *“Thế nào là sự an cần tinh tấn?”*, thì Ngài cho biết như sau: *“Này Mục-Kiền-Liên! nếu ban ngày đi kinh hành hay ngồi thiền, do không bị bất cứ cái gì làm chướng ngại nên tự tịnh tâm mình. Đầu đêm ngồi thiền hay đi kinh hành, cũng do không bị bất cứ cái gì làm chướng ngại nên tự tịnh tâm mình, đó gọi là an cần tinh tấn”*.

Tôn-giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Tôn-giả Mục-Kiền-Liên thật là: có sức thần-thông lớn, có sức công-đức lớn; ví như một núi lớn, có người cầm một hòn đá ném vào núi, đá cũng có

cùng màu sắc với núi. Tôi cũng như thế, được cùng với Tôn-giả có sức lớn, đức lớn, ngồi cùng toà; những người phạm-hạnh (khuôn mẫu-đức hạnh) đều phải cung kính cúng dường, những người ấy được lợi ích lớn, nay tôi cũng được lợi ích tốt đẹp.

Khi ấy Tôn-giả Mục-Kiền-Liên cũng nói:

- Nay tôi được cùng với bậc đại-trí Xá-Lợi-Phất làm bạn, cũng giống như có người cầm một hòn đá ném vào núi lớn, đá được màu sắc cùng với núi. Tôi cũng như thế, được vinh dự ngồi cùng toà với bậc đại-trí Xá-Lợi-Phất, nay tôi được lợi ích lớn....

ĐỨC PHẬT NÓI:

Hương thơm của các loại hoa, loại trầm hương như hoa sen, hoa lài, hương trầm v.v... không thể bay ngược chiều gió. Nhưng hương thơm của giới đức, của người đức hạnh bay ngược chiều gió, bay khắp nơi, bay thấu cõi Trời là tối thượng.

Giận dữ sinh ra mất sắc đẹp, không yên ổn, khó ngủ, sinh bệnh; hận thù làm mất cơ hội tốt, mất bạn bè, bị chê bai, hao tán của cải; giận dữ hận thù khi chết sinh vào chỗ xấu.

NGƯỜI KHÔNG LỖ TRONG HƯ KHÔNG

(Tập A-Hàm, quyển 2, trang 301 đến 330)

Một hôm, Tôn-giả Lặc-Xoa-Na sáng sớm đến mời Tôn-giả Mục-Kiền-Liên vào thành Vương-Xá cùng đi khát thực. Trong khi đi đường, Tôn-giả Mục-Kiền-Liên miệng mỉm cười, Tôn-giả Lặc-Xoa-Na trông thấy liền hỏi:

- Mỗi khi Thế-Tôn và các đại đệ-tử của Ngài mỉm cười, thì thường có duyên cớ, vừa rồi tôi thấy thầy mỉm cười, vậy thầy mỉm cười là do nhân duyên gì?

Tôn-giả Mục-Kiền-Liên đáp:

- Câu hỏi chưa đúng lúc, chờ khát thực xong trở về chỗ Thế-Tôn, thầy hãy hỏi tôi sẽ trả lời.

Hai Tôn-giả vào thành khát thực, họ ăn xong, rồi cùng đến chỗ Phật, vái lễ, và ngồi vào chỗ, Tôn-giả Lặc-Xoa-Na trước Phật nói:

- Sáng nay, con cùng Tôn-giả Mục-Kiền-Liên ra khỏi núi Kỳ-xà- quật để đến thành Vương-Xá khát thực. Đang đi đến chỗ nọ, Tôn-giả lại mỉm cười, con biết Thế-Tôn và các đại đệ-tử không bao giờ mỉm cười vô duyên cớ nên con hỏi Tôn-giả: *“Thầy mỉm cười là do nhân duyên gì?”*. Khi đó Tôn-giả bảo con: *“Thầy hỏi chưa đúng lúc, chờ khát thực xong trở về chỗ Thế-Tôn, thầy hãy hỏi tôi sẽ trả lời”*, bây giờ trước mặt đức Thế-Tôn con xin hỏi lại Tôn-giả:

- Vì nhân duyên gì lúc đó thầy lại mỉm cười?

Tôn-giả Mục-Kiền-Liên đáp:

- Giữa đường tôi thấy một chúng-sanh, thân to như cái nhà lầu đi trên hư không khóc lóc, đau đớn, kêu gào, buồn khổ; tôi đã khởi nghĩ là chúng sanh này mang cái thân to lớn như thế mà còn khóc than buồn khổ thì thật là kỳ lạ, nên tôi mỉm cười.

Bấy giờ đức Phật bảo các Tỳ-Kheo:

- Lành thay! Lành thay! Trong chúng Thanh-văn của Ta, người có thực nhãn, thực trí, thực nghĩa, thực pháp, quyết định thông suốt, thấy chúng sanh này; Ta thấy chúng sanh này mà không muốn nói ra, e người hoang mang không tin, vì sao? Như-Lai đã nói: ***“Những kẻ không tin lời Như-Lai nói là những kẻ ngu si, mãi mãi thọ khổ”***.

Rồi Ngài nói tiếp:

- Thời quá khứ, chúng sanh to lớn kia làm người đồ tể giết trâu bò. Do tội giết trâu bò, nên sau khi chết đi, người ấy liền bị đọa vào Địa-ngục, và chịu cực hình hàng trăm nghìn năm; khi ra khỏi Địa-ngục, tội báo còn dư, nên phải chịu cái thân to lớn như thế, và phải thọ sự đau đớn buồn khổ như vậy.

Tôn-giả Mục-Kiền-Liên nói:

- Thừa Thế-Tôn, có lần con thấy một chúng sanh cũng to lớn, và toàn thân không có da bao bọc; chúng sanh ấy đi trong hư không, và bị các loài chim, chó đuổi theo cắn xé để ăn, chúng sanh ấy vừa trốn chạy vừa kêu la rất là thảm thiết.

Đức Phật bảo:

- Chúng sanh ấy, vào thời quá khứ đã làm nghề giết và lột da dê, do tội ấy nên trải qua hàng trăm nghìn năm chúng sanh ấy bị đọa vào Địa-ngục chịu vô lượng khổ. Hết ở Địa-ngục rồi sau lại phải mang cái thân ấy là do tội báo kia còn sót lại mà phải tiếp tục chịu khổ.

Tôn-giả Mục-Kiền-Liên lại nói tiếp:

- Thừa Thế-Tôn, có một lần khác, con thấy một chúng sanh cũng to lớn khắp mình có lông nhọn tua tủa như gươm đao; các lông ấy tự nhiên phát cháy đốt thân thể, nên chúng sanh ấy đau đớn vừa chạy vừa kêu la thảm thiết, thật là tội nghiệp.

Đức Phật bảo:

- Chúng sanh ấy, thời quá khứ làm nghề đồ tể giết lợn (heo), do tội ấy nên trăm nghìn năm đọa Địa-ngục chịu vô lượng khổ; tội báo còn sót lại, nên người ấy phải mang cái thân như thế và tiếp tục chịu khổ.

Đức Phật nói tiếp:

- Tội về giết hại chúng sanh thì vô kể, nói sao cho hết. Các tội khác cũng thế, nhiều vô kể, và bị quả báo vô cùng khổ sở, nói sao cho hết được!

LỜI BÀN:

Sở dĩ Tôn giả Mục Kiền Liên thấy được người khổng lồ trong hư không là vì Ngài có thần thông, Ngài có Thiên Nhãn nên thấy rõ ràng; vậy những người khổng lồ ấy ở đâu ra? Nếu chúng ta học Phật rồi phải hiểu rằng đây là cõi “Ngạ Quỷ”, thế giới Ma Quỷ, có vô số loại Ma Quỷ khác nhau.

Cũng như cõi Súc Sanh, Cõi Ngạ Quỷ có vô số loài Ma Quỷ to nhỏ khác nhau, có loại hiền lành, nhưng cũng có loại hung dữ. Ma Quỷ sống quanh quẩn chung với loài người nhưng có thần thông, vô hình đối với mắt loài người. Ngạ Quỷ ăn bằng tiếp xúc (xúc thực), có dục và cũng có nói năng với nhau trong cùng loại v.v...

Có những người: vì một trường hợp đặc biệt nào đó, họ có thể tiếp xúc được với thế giới Ngạ Quỷ để biết tin tức về việc này việc nọ v.v..., tại sao? Vì Ma Quỷ là vô hình, có thần thông, nên có thể biết và làm được một số việc; tuy nhiên, vấn đề này không giúp gì cho việc giải thoát khỏi sinh tử luân hồi, nên Đức Phật đã không cho phép đệ tử của Ngài đi vào lãnh vực này và Ngài thường ngăn cấm Phật tử làm nghề bùa ngải, đồng cốt, thờ Ma Xó, v.v.....

Đức Đạt-Lai Lạt-Ma nói:

(Trong quyển Hương Sen Tinh Khiết của Thích-Nhuận-Châu)

“Lòng từ bi là cột trụ của hòa bình thế giới”.

Ngài phân biệt về lòng từ bi và lòng quyến luyến gia đình như sau:

- Tình yêu vợ chồng cha mẹ anh em, họ hàng, bạn bè thân thiết v.v..., thường phát xuất từ lòng quyến luyến. Khi lòng quyến luyến thay đổi thì lòng thương yêu cũng thay đổi hay biến mất luôn, đây không phải là tình thương chân thực.
- Tình yêu chân thực không phát xuất từ sự quyến luyến, mà phát xuất từ lòng vị tha. Như khi thương xót hay động lòng trắc ẩn đối với một người nghèo khổ bệnh tật, trong trường hợp này, lòng từ bi của bạn sẽ tồn tại như một sự đáp ứng cho con người bị đau khổ.

CÔI TRỜI ĐẠO-LỢI

(Trường A-Hàm, quyển 2, từ trang 385 đến 396)

1)- Thành trì và các cung điện:

Trên đỉnh núi Chúa Tu-Di có thành Tam Thập Tam Thiên của cung Trời Đạo-Lợi vô cùng rộng lớn, mỗi bề khoảng tám vạn do tuần (Theo quyển Tự Điển Phật Học của Chân-Nguyên và Nguyễn-Tường-Bách thì 1 do tuần = từ 15 đến 20 cây số) (Tạm lấy 1 do tuần = 18 cây số, ta có: $80,000 \times 18 = 1,440,000$ cây số), thành cao một trăm do tuần ($100 \times 18 = 1,800$ cây số), thành này có bảy lớp, trên bảy lớp thành là các lầu đài. Bên trong lại có thành khác bảy lớp nhỏ hơn, mỗi chiều rộng khoảng sáu vạn do tuần ($60,000 \times 18 = 1,080,000$ cây số). Thành bên trong cũng cao một trăm do tuần, và trên bảy lớp thành cũng có vô số lầu đài.

Các lớp thành ngoài và thành trong cứ cách khoảng năm trăm do tuần ($500 \times 18 = 9,000$ cây số) lại có một cửa có chiều cao khoảng sáu mươi do tuần ($60 \times 18 = 1,080$ cây số), và chiều rộng khoảng ba mươi do tuần ($30 \times 18 = 540$ cây số). Giữa hai lớp thành trong và ngoài vừa nói là Long cung ngang dọc sáu nghìn do tuần ($6,000 \times 18 = 108,000$ cây số)(Ghi chú: các con số chỉ là ước khoảng).

Tại trung tâm vòng thành trong là cung Thiện-Kiến rất lớn, trong đó có một đại phòng có tên là Thiện Pháp-Đường mỗi bề rộng khoảng một trăm do tuần ($100 \times 18 = 1,800$ cây số). Thiện Pháp-Đường tạo nên bởi vàng ròng, trên phủ lưu ly, dưới mỗi góc cột trong sảnh đường có Pháp-Toà cho Thiên-Đế ngự rộng một do tuần ($1 \times 18 = 18$ cây số) do bảy báu tạo thành. Hai bên Pháp-Toà có: mười sáu Pháp-tòa khác, Chư Thiên thường vào phòng này để suy tư về diệu pháp và cảm thọ niềm vui thanh tịnh, nên được gọi là Thiện Pháp-Đường.

Phía Bắc cung Thiện-Kiến có cung điện Đế-Thích, ngang dọc một nghìn do tuần ($1,000 \times 18 = 18,000$ cây số $= 18000 / 1.6 = 11,250$ dặm (mile)).

Phía Đông cung Thiện-Kiến có vườn Thô-Sáp lớn, trong vườn có hai tảng đá to, xấp, mềm có tên là Hiền và Thiện, mỗi tảng lớn mỗi bề khoảng năm mươi do tuần ($50 \times 18 = 900$ cây số). Trong vườn còn có: ao Nan-Đà nước luôn luôn trong xanh, bốn phía đều có bậc thang đi xuống ao, khi vào vườn này thì thân thể trở nên thô cứng.

Phía Nam cung Thiện-Kiến là vườn Họa-Lạc lớn (Có sách ghi là vườn Trú-Dạ), trong vườn cũng có hai tảng đá tên là Họa và Lạc, cũng có ao Nan-Đà; trong vườn còn có cung điện nghỉ mát rộng mỗi chiều khoảng năm trăm do tuần ($500 \times 18 = 9,000$ cây số), khi vào vườn này, tự nhiên có những nét vân màu sắc sặc sỡ trên thân thể, lúc ấy lấy đó làm vui thích.

Phía Tây cung Thiện-Kiến là khu vườn tên Tạp, cũng có hai tảng đá tên Thiện-Kiến và Thuận Thiện-Kiến; đặc biệt, trong vườn này có cây Trú-Độ cao lớn, thân cây to bảy do tuần ($7 \times 18 = 126$ cây số), cao 100 do tuần. Cây đại thụ này luôn luôn có hoa lá sum sê như vàng mây báu lớn, cành lá xòe ra rộng năm mươi do tuần; tại cây này có vị Thần tên Mạn-Đà trú tại đây, thường thổi nhạc mà tự vui, nên mới có cái tên là cây Trú-Độ. Kế bên cây Trú-Độ, có cung điện nghỉ mát. Đế-Thích cho phép các Thiên nữ cùng các Thiên tử dạo chơi tập thể trong vườn, nên được gọi là vườn Tạp; vườn này các vị Trời đều được vào hết, ví dụ như vị Trời bậc cao, vị bậc trung, vị bậc thấp đều có thể vào, nhưng ba vườn kia vị Trời bậc thấp không được vào.

Phía Bắc cung Thiện-Kiến và cung Đế-Thích có vườn Đại-Hỷ (Có sách ghi là vườn Nan-Đà), trong vườn cũng có hai tảng đá tên Hỷ và tên Đại-Hỷ; trong vườn cũng có cây Trú-Độ và cung điện nghỉ mát, khi vào vườn này thì vô cùng vui vẻ nên gọi là vườn Đại-Hỷ.

Ngoài ra còn có các cung điện của các chư Thiên Đạo-Lợi ngang dọc, xen kẽ rất nhiều. Có cái mỗi chiều một nghìn do tuần ($1,000 \times 18 = 18,000$ cây số), có cái chín trăm, có cái tám trăm v.v..., cho tới cung điện nhỏ nhất mỗi chiều một trăm do tuần ($100 \times 18 = 1,800$ cây số). Lại còn có các cung điện của các Tiểu Thiên ngang dọc mỗi chiều một trăm do tuần, có cái chín mươi, tám mươi, bảy mươi v.v..., cho đến cái nhỏ nhất mỗi bề mười hai do tuần ($12 \times 18 = 216$ cây số=135 dặm Anh).

Nên biết rằng, bảy lớp thành ngoài và bảy lớp thành trong đều tạo bởi bảy báu là vàng, bạc, xích châu, mã não, lưu ly, pha lê và xà cừ (những thứ này và tất cả những gì thuộc về các cõi Trời, mắt người thường không thể nhìn thấy). Mỗi cửa của thành đều có năm trăm Quỷ-Thần canh giữ, phòng thủ, bảo vệ. Tất cả các lâu đài, cung điện, đều có bảy lớp tường, bảy lớp lan can, bảy lớp màn lưới, bảy lớp hàng cây giáp vòng, và các thứ này đều trang trí bằng bảy báu.

Ngoài ra, tám tảng đá trong bốn vườn đều lớn cỡ mỗi chiều năm mươi do tuần, cấu tạo cũng bởi bảy báu, nhưng xộp lại mềm mại như áo trời.

Trong các ao, có các thứ hoa đủ các màu sắc đẹp để chen (chức) nhau, mỗi hoa to như bánh xe, cọng (cuống) hoa như trục xe. Các hoa tiết ra nước trong trắng ngọt, và có mùi thơm kỳ thú phảng phất. Chung quanh lâu đài, cung điện, trên ao, trong vườn đều có các loài chim kỳ lạ như chim Cưu, chim Nhạn, chim Uyên-Ương v.v... cùng ríu rít hót vang, hòa ca vui vẻ, đúng là cảnh Thiên thai Tiên-Trời vậy.

Từ cung Thiện-Kiến, có những con đường dẫn đến cung Đế-Thích, những con đường đến vườn Thô-Sáp, đến vườn Họa-Lạc, đến vườn Tạp, vườn Đại-Hỷ. Cũng từ cung Thiện-Kiến có những con đường dẫn đến các ao, dẫn đến các tảng đá, đến các cây Trú-Độ, đến các cung điện nghỉ mát. Cũng có những con đường dẫn đến các lâu đài, các cung điện chư Thiên, Tiểu Thiên, cung Long Vương v.v...

2)- Vua Đế-Thích hưởng lạc:

Khi Đế-Thích muốn đến vườn Thô-Sáp chẳng hạn, thì liền nghĩ đến các đại Thiên của Tam thập Tam Thiên, liền lúc ấy, các đại Thiên biết được, họ liền trang sức, rồi ngồi xe báu có vô số Thiên chúng vây quanh đến trước Đế-Thích. Đồng thời Đế-Thích cũng nghĩ tới các Thiên-Vương khác, và nghĩ đến Long-Vương. Ngay lúc ấy các Thiên-Vương biết ý muốn của Đế-Thích, liền trang sức, rồi ngồi xe báu có vô số Thiên chúng vây quanh đến trước Đế-Thích.

Cùng lúc, Long-Vương cũng biết ngay Đế-Thích đang chờ mình, Long-Vương liền biến hoá ra ba mươi hai cái đầu; mỗi cái đầu có bảy cái răng ở hàm dưới, mỗi cái răng có nhiều ao tắm, mỗi ao tắm có bảy đóa hoa sen lớn, mỗi hoa sen có nhiều cánh xoè ra. Trên mỗi cánh hoa có bảy Ngọc-Nữ đánh trống, thổi kèn, thổi sáo, đánh đàn, v.v... trỗi nhạc ca múa; sau khi biến hóa xong, Long-Vương liền đến trước Đế-Thích.

Bấy giờ, Thích Đề Hoàn Nhân (Đế-Thích) trang sức các thứ báu như Anh-Lạc, rồi ngồi trên đầu Long-Vương chỗ bậc nhất; tiếp theo mười sáu vị Thiên-Vương theo thứ tự mà ngồi trên đầu Long-Vương ấy, lúc bắt đầu đi, các Thiên-Nữ cùng chơi nhạc Trời ca múa trên cánh hoa sen.

Khi Đế-Thích cùng các Thiên-Vương, Thiên chúng đến vườn Thô-Sáp, thì có cơn gió thổi làm cho cánh cửa vườn tự nhiên mở ra. Đồng thời cũng có cơn gió thổi, làm cho sạch sẽ vườn, và các loại hoa rải khắp. Vào vườn đi thẳng đến chỗ tảng đá, Đế-Thích xuống ngự trên một chỗ, chư Thiên cũng theo thứ tự mà ngồi.

Như đã nói ở trên, vườn Thô-Sáp, vườn Họa-Lạc và vườn Đại-Hỷ, một số chư Thiên tuy thấy vườn, nhưng không được vào. Một số chư Thiên được thấy vườn, được vào, nhưng không được hưởng ngũ dục. Một số khác được thấy, được vào, và được hược hưởng ngũ dục, tại sao có sự khác biệt như thế? Vì phúc đức và hạnh nghiệp tạo ra trước kia không đồng nhau mà thành ra như vậy.

Đế-Thích và Thiên chúng dạo vườn và hưởng ngũ dục từ 1 tới 7 ngày rồi trở về cung.

Nên biết, Đế-Thích có mười sáu vị đại Thiên-Tử (giống như các quan Đại-thần của Vua ở trần gian ngày xưa) theo kề cận.

3)- Đặc điểm của Chư Thiên:

Chư Thiên Đạo-Lợi nói chung có các nét đặc điểm sau đây:

- 01- Bay đi lại không trở ngại gần xa.
- 02- Thân không có da, thịt, xương, máu.
- 03- Không có tiểu tiện đại tiện.
- 04- Không bao giờ mỏi mệt.
- 05- Thiên-Nữ không sinh đẻ con cái.
- 06- Thiên nhãn, thiên nhĩ, nhìn xa, nghe xa không bị trở ngại.
- 07- Thân thể phát ra ánh sáng.
- 08- Thân thể có màu sắc tùy ý muốn (7 màu: Vàng, lửa, xanh, đỏ, lục, đen, trắng).
- 09- Thân cao một do tuần ($1 \times 18 = 18$ Kilomet). (Có sách ghi thân hình cao hơn nửa dặm)
- 10- Sống rất lâu, thọ một nghìn tuổi trời (bằng 365,000 năm ở trần gian).
- 11- Có hôn nhân giữa các Thiên-Tử và Thiên-Nữ. (Có ly thân, ly dị như ở trần gian không?)
- 12- Quần áo, thức ăn, thức uống v.v... khi nghĩ đến liền có ngay.
- 13- Không phải làm việc cực khổ như ở trần gian.
- 14- Không biết sợ nóng lạnh.
- 15- Thiên-tử khi mạng sống sắp hết có 5 điềm ứng trước (Tăng-Nhất A-Hàm, quyển 3, trang 530), đó là:
 - Tràng hoa đội trên đầu héo đi.
 - Áo choàng dính bụi dơ bẩn
 - Thân mất mùi thơm, lại có mùi hôi.
 - Các Thê-nữ không vây quanh mà bỏ đi. (đa thê?)
 - Không còn thích thú tòa ngồi nữa.

Theo Trường A-Hàm, quyển 2, trang 404 đến 407 ghi: Khi một chúng-sanh hành thiện về thân khẩu ý, sau khi chết đi được sinh đến cõi trời Đạo-Lợi bằng hóa sinh. Vị Thiên sơ sinh ấy cũng như đứa bé hai ba tuổi ở cõi trần gian, nhưng vị ấy tự nhiên hóa sinh ra và hiện ngồi trên đầu gối của một vị Thiên. Vị này thấy Thiên nhi ngồi trên đầu gối mình thì nói: *“Đây là con trai ta, (hoặc) đây là con gái ta”*. Thiên nhi này do hạnh nghiệp và phúc báo, trí huệ tự nhiên phát sinh ngay sau khi sinh ra không lâu, nên liền nghĩ: *“Ta do đã làm gì mà được sinh đến cõi này?”* Rồi lại nhớ và nghĩ tiếp: *“À phải rồi, xưa kia ta ở nhân gian đã làm điều lành về thân khẩu ý, nay ta được sinh đến cõi này”*.

Sau khi chào đời không lâu, thì Thiên nhi cảm thấy đói muốn ăn, tự nhiên trước mặt liền có thức ăn đựng trong báu vật. Thiên nhi dùng tay lấy thức ăn bỏ vào miệng ăn, khi ăn hết rồi, tiêu hết cũng như bỏ thức ăn vào lửa, cháy tiêu ngay. Ăn xong, lại có cảm giác khát, tự nhiên có nước cam lộ đựng trong báu vật ở ngay trước mặt. Thiên nhi cầm lấy mà uống, uống xong, cũng như bỏ bơ vào lửa, tiêu mất.

Ăn uống xong, không còn đói khát nữa, thân thể tự nhiên trở thành cao lớn, vị ấy trở thành Thiên thiếu niên (Tiểu Thiên). Vị ấy cùng với các Thiên thiếu khác đi đến ao, xuống tắm rửa, và tự thấy thoải mái vui thích; tắm xong, vị Thiên thiếu lên bờ, đến cây Hương, lấy hương xoa vào thân thể, đến cây Kiếp-Bối, lấy y phục mặc vào; xong, vị ấy đến cây Trang-Sức, cây Tràng-Hoa, lấy đồ trang sức cho thân thể, lấy tràng hoa đội lên đầu tóc. Vị Thiên thiếu lại đến cây Khí-Cụ lấy báu vật đeo vào thân thể, rồi đến vườn cây hoa quả hái lấy quả trái ưa thích để ăn cho tới khi chán mới thôi; sau chót, vị Thiên thiếu đến chỗ Nhạc-Khí lấy nhạc cụ mà vị ấy ưa thích để chơi hòa tấu và ca hát vui vẻ.

Đàn ca chán rồi, vị Thiên thiếu ấy đến khu vườn khác trông thấy vô số Thiên-Nữ, Thiên thiếu nữ đang ca hát, nhảy múa, cười nói, đùa giỡn vui vẻ; lúc đó vị Thiên thiếu ấy thấy thể sinh tâm thích thú, đắm nhiễm, quên hết phương hướng. Khi mới hóa sinh ra, vị ấy thường nghĩ: *“Ta làm điều gì mà được sinh đến cõi này?”* Sau khi du ngoạn các vườn, vị ấy quên hết tâm niệm ấy, do đó có việc Thể-Nữ theo hầu Thiên-Tử nơi cõi trời Đạo-Lợi.

4)- Vua Rồng nổi giận:

Khi đức Phật đang ở đạo tràng Kỳ-Hoàn thuộc nước Xá-Vệ, đêm ấy vua Trời Đế-Thích đến chỗ Thế-Tôn cúi lạy rồi ngồi qua một bên thưa:

- Như-Lai nói: ***“Phàm Phật ra đời vì năm việc là chuyển pháp-luân, độ cha mẹ, người không tin khiến lập lòng tin, người chưa phát tâm bồ-đề khiến phát tâm bồ-đề, ở trong ấy sẽ truyền trao Phật quyết”***, nay Phật mẫu từ cõi Trời Đâu-Xuất đến cõi Đạo-Lợi muốn được nghe pháp, Thế-Tôn thầy của Trời Người nên đến cõi Trời Đạo-Lợi thuyết pháp.

Khi ấy: vua Trời Đế-Thích thấy Phật lặng yên nhận lời thỉnh cầu thì vui mừng cúi lạy rồi biến mất.

Hôm sau, khi Phật đang thuyết pháp cho năm trăm đệ tử trong đại giảng đường, thì tại cung Long-Vương có hai Long-Vương Nan-Đà và Ưu-Bàn nghĩ: *“Các Sa-Môn hay bay trên ta, ta phải làm cho họ không bay được, không di chuyển được”*. Rồi hai Long-Vương to lớn ấy phát dữ, nổi giận phóng gió lớn khiến giông tố nổi lên, đất tung đá bay, trời đất mịt mù, sấm chớp giăng đầy khắp chốn. Tôn-giả A-Nan thấy thế bạch Phật:

- Thưa Thế-Tôn, không hiểu sao hôm nay trời đất sấm chớp gió cuốn mịt mù khác hẳn mọi khi?

Phật bảo:

- Đây là hai Long-Vương Nan-Đà và Ưu-Bàn nghĩ rằng các Sa-Môn không chế hù không vì thường bay trên đầu họ nên họ nổi giận phá không cho Sa-Môn làm điều đó nữa.

Khi đó Tôn-giả Đại Ca-Diếp đứng dậy cúi đầu vái Phật và thưa:

- Con xin được đi đánh nhau với họ.

Phật bảo:

- Hai Long-Vương này rất là hung ác, khó thể chịu giáo hóa, thầy ngồi xuống đi.

Tiếp theo là các Tôn-giả A-La-Luật, Ly-Việt, Ca-Chiên-Diên, Tu-Bồ-Đề, Ưu-Đà-Di, Ba-Kiệt v.v..., mỗi người lần lượt đứng dậy xin đi hàng phục hai Rồng dữ, đều bị Phật từ khước không cho.

Bấy giờ Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên đứng dậy vái Phật và thưa:

- Con muốn đi hàng phục hai Rồng dữ, xin Thế-Tôn cho phép con đi.

Phật bảo:

- Thầy đủ sức hàng phục Rồng dữ, nhưng thầy phải giữ tâm ý chớ khởi loạn tưởng, vì hai Rồng kia hung dữ đủ sức xúc nhiễu thầy.

Khi được Phật chấp thuận, Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên cúi đầu lễ Phật rồi ngồi xuống nhập định, chỉ trong khoảnh khắc liền biến mất khỏi đạo-tràng; lúc ấy hai Rồng lớn có bảy đầu đang bay hung bạo quanh núi Tu-Di khiến cho trời đất mịt mù như thế. Tôn-giả Mục-Kiền-Liên hóa làm đại Long-Vương có mười bốn đầu, to gấp hai lần hai Long-Vương kia, lượn quanh núi Tu-Di nhanh bằng hai lần và phun khói ầm ầm ngay phía trên hai Rồng kia. Thấy thế, hai Rồng sinh lòng sợ hãi, nhưng chưa chịu khuất phục mà muốn thử tài xem thế nào; hai Rồng bèn lấy đuôi quẫy trong biển lớn, lấy nước rảy lên khắp cõi Đạo-Lợi, nhưng không trúng đại Rồng. Khi ấy đại Rồng cũng lấy đuôi quẫy trong biển lớn, lấy nước rảy khắp và trúng vào hai Rồng. Khi đó hai Rồng bức tức giận dữ tới cùng, nổi sấm sét vang rền, phun khói vũ bão, giông tố rung chuyển trời đất. Tôn-giả nghĩ: *“Nếu ta dùng sấm chớp giông tố chiến đấu với họ chỉ hại cho cõi Trời và Người, nay ta hóa hình cực nhỏ để chiến đấu”*. Nghĩ vậy, Tôn-giả liền hóa hình cực nhỏ chui vào miệng Rồng rồi chui ra một lỗ mũi, rồi lại chui vào lỗ mũi kia ra lỗ tai, chui trở lại lỗ tai ra lỗ mắt, chui trở lại lỗ mắt ấy rồi ra lỗ mắt kia. Đã ra khỏi lỗ mắt kia rồi đi trên lông mi của Rồng.

Khi ấy hai Long-Vương hết sức sợ hãi và nghĩ: *“Trước đây đại Long-Vương này to lớn gấp mấy chúng ta, có số đầu gấp hai chúng ta, bay nhanh cũng gấp hai, lại rảy nước trúng thân chúng ta. Nay lại biến còn nhỏ tí chui vào miệng ra mũi, vào mũi ra tai, vào tai ra mắt, vào mắt này ra mắt kia, rồi lại đi trên lông mi ta; đại Long-Vương này có đại oai lực, chúng ta chẳng thể bằng được. Loài Rồng chúng ta bốn loại: Noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh, nhưng không Rồng nào vượt được chúng ta; nay chúng ta chắc chết mất, không biết đại Long-Vương này ở đâu mà có uy lực như thế?”*

Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên biết hai Long-Vương suy nghĩ và sợ hãi, liền trở lại hình bình thường đi trên mi mắt Rồng. Hai Rồng trông thấy Tôn-giả, tự nói với nhau: *“Đây là Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên, chẳng phải đại Long-Vương. Thật là kỳ lạ, vị này có thể thi tài với chúng ta!”* Long-Vương Nan-Đà nói:

- Tôn-giả, sao lại xúc nhiều chúng tôi như thế? Muốn răn dạy chúng tôi điều gì?

Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên bảo:

- Các ông nghĩ rằng: *“Làm sao mà Sa-Môn trọc đầu lại bay trên đầu ta, chế ngự hư không của chúng ta, nay ta chế ngự Sa-Môn”*. Có phải thế không?

Long-Vương trả lời:

- Đúng thế, Tôn-giả.
- Các ông nên biết núi Tu-Di này là đường đi của Chư Thiên chẳng phải chỗ riêng của các ông.
- Cúi mong Tôn-giả tha thứ, từ nay về sau, chúng con sẽ không dám xúc nhiễu, không dám nổi loạn nghĩ ác nữa. Cúi mong Tôn-giả nhận chúng con làm đệ tử.
- Các ông chớ có quy y ta, các ông quy y nơi ta đã quy y.
- Chúng con hôm nay xin quy y Như-Lai.
- Các ông không thể quy y ở đây, các ông nên cùng ta đến thành Xá-Vệ, chỗ Thế-Tôn để quy y.

Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên dẫn hai Long-Vương nhanh như co tay từ núi Tu-Di đến Tịnh-Xá Kỳ-Hoàn, bây giờ Thế-Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng nghe. Tôn-giả bảo hai Long-Vương:

- Các ông nên biết, các ông không thể để thân hình này mà đến chỗ Phật.

Long-Vương nói:

- Đúng thế Tôn-giả.

Hai Long-Vương liền hóa hình người dung mạo đẹp đẽ. Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên đến chỗ Phật cúi đầu lễ Phật rồi bảo hai Long-Vương:

- Nay đúng lúc, các ông tiến lên.

Hai Long-Vương liền tiến lên, chấp tay thưa:

- Chúng con tên Long-Vương Nan-Đà và Ưu-Bàn xin Thế-Tôn chấp thuận cho chúng con được quy y, thọ trì năm giới trong giáo pháp của Như-Lai.

Thế-Tôn búng ngón tay chấp thuận. Hai Long-Vương bèn vái lễ rồi ngồi xuống nghe pháp...

5)- Đức Phật lên Trời Đạo-Lợi:

Thời ấy có một đạo, đức Phật thấy rằng: *“Bốn chúng có nhiều giải đãi, chẳng thích nghe pháp, cũng chẳng cầu điều chưa được khiến được, điều chưa đắc khiến đắc, Ta nên làm cho bốn chúng khát ngưỡng pháp”*. Do đó đức Phật chẳng báo cho ai biết, như khoảng thời gian đuổi cánh tay Ngài

biến mất khỏi Tịnh-Xá Kỳ-Hoàn đến cõi Trời Đạo-Lợi. Khi ấy Vua Trời Đế-Thích xa thấy Thế-Tôn đến liền dẫn Thiên chúng đến rước cúi lạy, thỉnh đến tòa ngồi và nói rằng:

- Kính chào Thế-Tôn viếng cõi Trời ba mươi ba, xin mời Ngài ngồi lên pháp tòa.

Khi ấy đức Phật tự nghĩ: *“Ta sẽ dùng sức thần túc ẩn hình, không cho mọi người thấy Ta và hóa thân to lớn”*. Do đó Ngài ngồi kiết già có thân hình kín khắp tảng đá pháp tòa mỗi chiều một do tuần (18 cây số) trong Thiện Pháp-Đường.

Ngay khi ấy, mẫu thân Phật, bà Ma-Gia dẫn các Thiên nữ đến, cúi đầu chào, ngồi qua một bên và nói:

- Mong mỗi nhớ nghĩ Phật, hôm nay Phật mới đến, thật là đại hạnh.

Đế-Thiên Đế-Thích, Chư Thiên đều vái và an vị hai bên Phật. Bảy giờ Thế-Tôn thăm hỏi Phật mẫu rồi thuyết diệu pháp cho Phật mẫu và chúng Thiên nghe.

Khi đó bốn chúng ở thế gian không thấy Phật bèn đến hỏi Tôn-giả A-Nan là Thị-giả của Phật, nhưng Tôn-giả A-Nan cũng không biết Phật ở đâu; hai Vua Ba-Tư-Nặc và Ưu-Điền cũng đến chỗ Tôn-giả A-Nan hỏi nhưng đều được trả lời không biết như thế, Vua Ưu-Điền sinh sầu lo và phát bệnh, quần thần hỏi:

- Đại-Vương bệnh gì vậy?

Vua trả lời:

- Ta sầu lo vì không thấy Như-Lai nên thành bệnh, chắc là ta chết mất thôi.

Quần thần bàn với nhau: “Nếu chúng ta làm tượng của đức Phật thì chắc là vua sẽ hết buồn và khỏi bệnh”. Bàn như vậy xong, họ bèn tâu vua:

- Chúng hạ thần có thể làm tượng Phật, và có thể cung kính lễ bái tượng Phật cũng như lễ bái Phật vậy, xin Ngài chấp thuận cho thực hiện.

Vua nghe nói vui mừng bảo quần thần:

- Ta đồng ý làm tượng Phật bằng gỗ thơm, gỗ Ngưu-đầu Chiên-đàn, cao năm thước, và phải có thợ khéo làm thật giống đức Phật mới được.

Các quan đại-thần liền cho tuyển người giỏi nghề điêu khắc, cho người đi kiếm gỗ quý, và chỉ trong ít ngày là hoàn tất tượng giống Phật như hệt;

Vua Ba-Tur-Nặc nghe nói: “*Vua Ưu-Điễn cho làm tượng Phật bằng gỗ thom Chiên-đàn*”, bèn ra lệnh các quan cho đúc ngay một tượng cũng lớn cùng cỡ, nhưng lại bằng vàng ròng. Ông nghĩ rằng: “*Thân Như-Lai quý hơn Thiên kim, nên phải làm bằng vàng ròng mới xứng*”; bởi vậy, thời Phật còn tại thế đã có hai tượng Phật quý giá như thế.

Rồi một hôm khác, bốn chúng lại đến gặp Tôn-giả A-Nan và nói:

- Chúng tôi khát ngưỡng nhớ mong đức Thế-Tôn, muốn được thấy mặt Thế-Tôn, và muốn được nghe pháp của Thế-Tôn, xin Tôn-giả làm cách nào tìm kiếm đức Thế-Tôn cho chúng con.

Tôn-giả A-Nan nói:

- Chính tôi cũng mong thấy Ngài như quý vị, chẳng biết Thế-Tôn đang ở đâu nữa; nhưng nay chúng ta hãy cùng nhau đến chỗ Tôn-giả A-Na-Luật để hỏi, vì Tôn-giả có Thiên nhãn bậc nhất có thể tìm kiếm thấy Thế-Tôn đang ở đâu.

Tôn-giả A-Nan và bốn chúng (Tăng, Ni, Cư-sĩ nam, Cư-sĩ nữ) đến gặp Tôn-giả A-Na-Luật và thưa:

- Nay bốn chúng đến chỗ tôi hỏi: “*Hiện nay đức Thế-Tôn ở đâu?*”, xin Tôn-giả dùng Thiên nhãn xem Phật ở chỗ nào cho mọi người được biết?

Tôn-giả A-Na-Luật bảo mọi người:

- Các vị hãy chờ một chút, tôi sẽ quán sát Như-Lai.

Tôn-giả A-Na-Luật liền nhập định, coi hết cõi Ta-Bà không thấy, Tôn-giả lại coi khắp các tầng Trời cũng chẳng thấy; cuối cùng coi hết tam Thiên đại Thiên thế giới cũng vô tầm tích của Phật. Thất vọng, Tôn-giả xuất định và nói:

- Tôi xem từ Địa-ngục tới hai mươi tám tầng Trời (6 Dục giới, 18 Sắc giới, và 4 Vô Sắc giới), cho đến tam Thiên đại Thiên thế giới (Giải Ngân hà của chúng ta: Milky Way) cũng chẳng thấy Phật đâu cả!

Mọi người thất vọng trở về với niềm thắc mắc: “*Phật ở đâu, hay Ngài đã nhập Niết-Bàn rồi?*”

Bấy giờ thời gian trải qua đã gần ba tháng, đức Phật nghĩ: “*Bốn chúng ở trần gian không thấy Ta đã lâu, có lòng mong mỏi, Ta nên bỏ thần túc khiến đệ tử có thể thấy Ta ở đây*”, nghĩ rồi, Ngài liền xả thần túc. Ngay đêm đó có một vị Trời đến mách với Tôn-giả A-Na-Luật rằng: “*Thế-Tôn đang ở cõi*

Trời Đạo-Lợi”. Tôn-giả liền dùng Thiên nhãn nhìn, quả thật Thế-Tôn đang ở trong Thiện Pháp-Đường của cõi Trời Đạo-Lợi thuyết pháp, bèn thông báo cho Tôn-giả A-Nan để thông báo lại cho tứ chúng biết. Tôn-giả A-Nan hỏi Tôn-giả A-Na-Luật:

- Ai là người có thể đến cõi Trời Đạo-Lợi để thăm hỏi Thế-Tôn?

Tôn-giả A-Na-Luật đáp:

- Thần túc đệ nhất là Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên có thể đi thăm Thế-Tôn.

Khi ấy Tôn-giả A-Nan cùng bốn chúng đến gặp Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên và nói:

- Thưa Tôn-giả, chúng tôi không thấy Thế-Tôn đã lâu và Tôn-giả A-Na-Luật nói Thế-Tôn đang ở cõi Trời Đạo-Lợi thuyết pháp. Nếu không mệt mỏi, xin Tôn-giả hãy vì chúng tôi lên cõi Trời thứ Ba-Mươi-Ba thay cho chúng tôi để thăm hỏi đức Thế-Tôn, cũng xin Tôn-giả thưa rằng: *“Chúng tôi không đủ thần-lực bay lên cõi Trời để kính lễ đức Thế-Tôn, nhưng trong lòng chúng tôi rất mong mỏi được gặp Ngài; còn các vị Trời có đủ thần-lực bay xuống nhân gian, cúi mong đức Thế-Tôn rủ lòng thương xót trở lại cõi trần gian”*.

Khi ấy Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên im lặng, bốn chúng biết Tôn-Giả nhận lời rồi, liền vui vẻ làm lễ ra về chờ đợi; khi mọi người đi khỏi, Tôn-Giả liền nhập định; nhập định rồi, chỉ trong khoảnh khắc như người lực-sĩ đuổi cánh tay, Tôn-Giả biến mất khỏi chỗ ngồi tại Đạo-tràng Cấp-Cô-Độc thuộc nước Xá-Vệ và hiện ra chỗ gần tảng đá pháp tòa trong Thiện Pháp Đường ở cõi Trời thứ ba mươi ba.

Bấy giờ, đức Thế-Tôn đang thuyết pháp cho vô số Chư Thiên và quyền thuộc vây quanh nghe, Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên trông thấy Thế-Tôn liền hân hoan vui mừng và nghĩ rằng: *“Hiện nay đức Thế-Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng Chư Thiên vây quanh không khác gì chúng hội ở Diêm-phù-đề thuộc cõi trần”*. Khi ấy, đức Phật liền biết được ý nghĩ của Tôn-giả, bèn nói:

- Nay Mục-Kiền-Liên: khi Ta muốn thuyết pháp cho Chư Thiên nghe, Ta không phải dùng thần-lực để khiến họ đến hay khiến họ trở về, mà là tùy tâm họ muốn đến nghe hay muốn trở về.

Lúc ấy Tôn-giả đến vái lễ đức Phật và nói:

- Thưa Thế-Tôn, trong hàng các vị Trời ở đây, có vị đã từng theo Thế-Tôn nghe thuyết pháp tại Diêm-phù-đề trước kia. Các vị ấy đối với Phật Pháp có lòng tin thanh tịnh, nên sau khi mạng chung được sinh đến cõi này.

Đức Phật bảo:

- Đúng thế, đúng như lời thầy nói.

Khi ấy Vua Trời Đế-Thích ở trong hội, thấy Thế-Tôn và Tôn-Giả khen ngợi Chư Thiên, liền thưa:

- Đúng vậy, đúng vậy! Thưa Tôn-Giả, trong Chư Thiên ở đây, một số là những vị từ đời trước đã từng nghe Chánh pháp. Đối với Phật, Pháp, Tăng thành tựu lòng tin thanh tịnh, không biến hoại, thành tựu Thánh-giới, nên khi thân hoại mạng chung (chết) ở cõi Trần, được sinh đến cõi này.

Lúc đó có một vị Trời từ toà đứng dậy chấp tay thưa:

- Thưa đức Thế-Tôn, con được thành tựu lòng tin thanh tịnh bất hoại đối với Thế-Tôn nên được sinh đến đây.

Rồi có vị nói:

- Con có lòng tin thanh tịnh không lay chuyển đối với Pháp của đức Thế-Tôn nên được sinh tới đây.

Có vị nói:

- Con được lòng tin thanh tịnh kiên cố đối với Thánh Tăng nên được sinh tới đây.

Có vị nói:

- Con được thành tựu Thánh-giới nên được sinh đến cõi này.

Như thế, chục vị Trời, trăm vị Trời, vô số vị Trời đến trước Thế-Tôn, mỗi vị tự thuật trường hợp của mình, rồi đều biến mất trong khoảnh khắc.

Lúc đó Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên biết Chư Thiên đã đi khỏi, liền thưa với đức Phật những điều mà bốn chúng tại Diêm phù-đề thỉnh cầu; sau khi nghe Tôn-Giả trình bày, đức Phật bảo Tôn-Giả:

- Thầy hãy trở về nói với đại chúng rằng: “Bảy ngày nữa Ta sẽ trở lại thành Tăng ca-Xá, nơi cây Ưu đàm-bát, phía bên ngoài cửa ngoài” (Có sách ghi: Sau bảy ngày nữa, Như-Lai đến nước Tăng-Ca-Thi bên ngoài ao nước lớn).

Vâng lời Phật, Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên sau khi vái lễ Phật, liền trở về; chỉ trong khoảnh khắc, Tôn-giả biến mất khỏi cõi Trời Đạo-Lợi, hiện về tịnh-xá Cấp-Cô-Độc, và thông báo với đại chúng như lời đức Phật đã nói.

Bốn chúng nghe Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên nói đều vui mừng vô kể, và việc này nhanh chóng truyền đến các nước; các vua Ba-Tư-Nặc nước Xá-Vệ, vua Ưu-Điền nước Bạt-Kỳ, vua Ngũ-Đô nước Ác-Sinh, vua Ưu-Đà-Diên nước Nam-Hải, và vua Tần-Bà Sa-La nước Ma-Kiệt, cùng các quan đại thần và vô số dân chúng đều đến trước hẹn để đón rước Thế-Tôn.

Đúng hẹn bảy ngày, sau khi đức Phật thuyết pháp ba tháng, độ cho Phật mẫu và vô số Chư Thiên sạch hết cấu uế, vô số Thiên nữ được pháp nhãn thanh tịnh. Ngài liền từ tòa đứng dậy đến đỉnh núi Tu-Di đi trên đường vàng, bên phải có Phạm-Thiên-Vương đi trên đường bạc, bên trái có Đế-Thiên-Đế-Thích đi trên đường lưu ly, và vô số chư Thiên, Long, Thần theo sau có nhạc, ca và rải muôn hoa rực rỡ...

Năm vua, các quan đại thần, tứ chúng, và muôn ức dân chúng nghênh đón đều quỳ lạy đức Thế-Tôn từ trên không từ từ đặt hai bàn chân xuống đất, lúc ấy tam Thiên đại Thiên thế giới sáu lần chấn động (Động đất); chính vào lúc này, gọi hội này là Thiên Hạ Xứ Hội (Tập A-Hàm, quyển 2, từ trang 293 đến trang 299).

LỜI BÀN VỀ CÔI TRỜI ĐẠO-LỢI:

- **Do tuần:** Theo Tự Điển Phật Học của Chân-Nguyên và Nguyễn-Tường-Bách thì đó là khoảng cách bình sĩ (ngày xưa) đi một ngày đường khoảng 15-20 km. Còn theo cuốn Đạo Phật và Khoa Học của Minh-Giác xuất bản năm 2005, trang 181, lại ghi: “1 do tuần = 9,216 mét”. Tức là 1 do tuần = 9 cây số 2, ở đây chúng ta thấy có một sự khác biệt.

- Chiều cao của Chư Thiên.

Trong quyển 2 Trường A-Hàm, trang 399 ghi: “Đạo-Lợi Thiên có thân cao 1 do tuần (18 cây số)”. Trong quyển Nhị Khóa Hiệp Giải của Ngài Quán Nguyệt viết năm 1921, Hòa-Thượng Khánh-Anh dịch năm 1958, tái bản năm 1971, trang 205, ghi: “Chư Thiên Đạo-Lợi có thân hình cao hơn nửa dặm”; như vậy chỉ cao chưa tới một cây số, một sự khác biệt quá xa.

- Vị trí Cõi Đạo-Lợi.

Trong quyển 2 Trường A-Hàm, trang 385 ghi: “Trên đỉnh núi chúa Tu-Di có thành Tam thập tam Thiên (Trời 33). Núi Tu-Di cao 168,000 do tuần, rộng 84,000 do tuần”. Trong Nhị Khóa Hiệp Giải, trang 202 ghi: “Đỉnh núi

Tu-Di cao tổng cộng 84,000 do tuần, là chỗ của ba mươi ba nước Trời ở, vị Thiên chủ tức là Thích-Đề Hoàn-Nhân, lại gọi là Đế-Thích, người đời gọi là Ngọc-Hoàng Thượng-Đế”; cũng lại có sự khác biệt, về con số chiều cao của núi Tu-di, sách nào đúng?

Ghi chú: Một điểm mà chúng ta cần để ý là: Ngày xưa ở Ấn-Độ khi nói đến các con số lớn của hàng nghìn, người ta hay nói 8,400 (tám nghìn bốn trăm), con số lớn của hàng vạn người ta hay nói 84,000 (tám vạn bốn nghìn)...

ĐỨC PHẬT NÓI:

Không phải giữ im lặng mà người si mê dấn độn trở thành bậc Thánh nhân, những ai biết chọn điều tốt nhất và lánh xa các điều xấu, người ấy quả là bậc Hiền nhân.

CUỘC LUẬN BÀN LY KỲ

(Trung A-Hàm, quyển 3, từ trang 171 đến 205)

Tại Na-lan-Đà có một phái tu khổ hạnh, vị đứng đầu là Ni-kiền Thân-Tử, ông có cả nghìn đệ-tử, và có người tôn xưng ông là bậc Thánh; bấy giờ đức Phật du hóa đến Na-lan-Đà, và trú ngụ trong vườn xoài Ba-bà-Ly.

Một hôm, có một đại đệ-tử của Ni-kiền Thân-Tử là Ni-kiền Trường, sau giờ ăn trưa, ung dung đi đến chỗ đức Phật, chào hỏi xong, đức Phật hỏi:

- Nhà khổ hạnh Ni-kiền Thân-Tử, thầy của ông chủ trương có nhiều hành vi để không hành ác nghiệp không?

- Tôn-sư của tôi không giảng dạy về những hành vi để không gây ác nghiệp, nhưng Người giảng dạy về sự trừng phạt để không làm việc ác.

Đức Phật hỏi:

- Thầy của ông chủ trương có bao nhiêu sự trừng phạt khi làm việc ác?

- Tôn-sư của tôi giảng dạy về ba sự trừng phạt do thân, do miệng, và do ý để không làm việc ác.

- Thân phạt, khẩu phạt, và ý phạt có khác nhau không?

- Đối với chúng tôi: thân làm bị phạt, khẩu nói bị phạt, và ý nghĩ bị phạt đều khác nhau.

- Thầy ông chủ trương trừng phạt nào nặng, trừng phạt nào nhẹ hơn hết?

- Tôn-Sư tôi chủ trương thân phạt nặng hơn hết để không làm việc ác, khẩu phạt nhẹ hơn, ý phạt nhẹ nhất, không bằng thân phạt rất là nặng nề lớn lao, vì sao? Vì nếu một người lấy trộm của cải tiền bạc của người khác, mà bị bắt gặp sẽ có tội nặng, nếu người ấy chỉ nói lấy trộm nhưng chưa lấy trộm tội nhẹ hơn; còn nếu người ấy không lấy trộm, không nói lấy trộm, chỉ nghĩ đến việc lấy trộm mà thôi, tội quá nhẹ, hầu như không có tội vậy.

- Ông nói thân phạt nặng nhất phải không?

- Vâng, thân phạt nặng nhất.

Đức Phật: hỏi đi hỏi lại ba lần như thế, Ni-kiền Trường đáp đi đáp lại ba lần xác nhận cũng như thế, Ngài bèn ngồi yên lặng.

Bấy giờ Ni-kiền Trường cũng theo những câu hỏi trên mà hỏi lại chủ trương của đức Phật, thì được Ngài trả lời:

- Ta không giảng về những trừng phạt để không hành (thân làm, miệng nói, ý nghĩ) ác nghiệp, mà chỉ giảng thuyết về nghiệp để không hành ác nghiệp. Ta giảng về ba nghiệp, đó là thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp, và chủ trương rằng ý nghiệp là nặng nhất. Ta chủ trương và giảng thuyết khác với Ni-kiền Thân-Tử, Tôn-sư của ông.

Ni-kiền Trường: cũng hỏi ba lần về chủ trương của đức Phật là ý nghiệp nặng nhất, đều được Ngài trả lời ý nghiệp là nặng nhất; thăm định xong, Ni-kiền Trường đứng dậy vái chào rồi ra về.

Khi về tới nơi, Ni-kiền Thân-Tử trông thấy Ni-kiền Trường, bèn hỏi:
- Ông từ đâu về vậy?

- Con từ vườn xoài Ba-bà-Ly, chỗ trú ngụ của Sa-môn Cù-Đàm về đây.

- Ông có cùng Sa-môn Cù-Đàm bàn luận gì không?

- Thưa có bàn luận với nhau.

- Nay, nếu ông đã cùng Sa-môn bàn luận, hãy nói hết cho ta nghe, để ta biết được luận thuyết của vị ấy.

Khi ấy Ni-kiền Trường đem hết sự việc kể lại cho Tôn-sư của ông nghe, nghe xong ông khen rằng:

- Hay thay! Ông đối với Tôn-sư đã làm đúng pháp của một đệ-tử, và là người thành biện bằng trí tuệ với quyết định thông minh, trầm tĩnh, không sợ hãi, tự tin; Ông đã đạt đến tài hùng biện, đã bắt được ngọn gió cam lộ, và ở trong cảnh giới cam lộ, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trụ, vì sao vậy? Vì vừa rồi ông đối trước Sa-môn Cù-Đàm nói thuyết thân phạt nặng nhất để không làm ác, khẩu phạt không nặng như vậy, ý phạt càng kém hơn, không bằng thân phạt lớn lao, trầm trọng nhất.

Lúc ấy Cư-sĩ Ưu-ba-Ly cùng năm trăm Cư-sĩ ngồi nghe sự việc như thế, bèn đứng dậy chấp tay hướng về Ni-kiền Thân-tử, rồi hướng qua nói với Ni-kiền Trường rằng:

- Ngài đã ba lần thăm định Sa-môn Cù-Đàm, việc thực sự như vậy sao?

Ni-Kiền Trường đáp:

- Cư-sĩ Ưu-ba-Ly, tôi đã đích thân ba lần thăm định Sa-môn Cù-Đàm, việc đúng như thế.

Cư-sĩ Ưu-ba-Ly nói:

- Tôi cũng có thể đến đó thăm định Sa-môn Cù-Đàm, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Tôi như người lực-sĩ nắm cái bờm dài của con dê, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Tôi cũng như người cầm áo lông giữ bụi, có thể đến thăm định Sa-môn Cù-Đàm ba lần, rồi lôi kéo đi đâu tùy ý. Cũng như một con voi chúa kiêu ngạo, đủ ngà, đủ vóc, gân cốt mạnh mẽ, một lực-sĩ dẫn đi, lấy nước rửa khắp, và giỡn chơi trong nước, xong muốn dẫn đi đâu thì đi; tôi đến chỗ Sa-môn Cù-Đàm và cùng ông ta bàn luận, hàng phục xong rồi, tôi sẽ trở về ngay không lâu đâu.

Ni-kiền Thân-Tử nói:

- Ta có thể hàng phục Sa-môn Cù-Đàm, Ni-kiền Trường có thể hàng phục Sa-môn Cù-Đàm, Cư-sĩ Ưu-ba-Ly cũng có thể hàng phục Sa-môn Cù-Đàm.

Khi ấy Ni-kiền Trường vội nói:

- Con không muốn để Cư-sĩ Ưu-ba-Ly đi vì Sa-môn Cù-Đàm có thể dùng huyền thuật biến hóa Cư-Sĩ thành đệ-tử của ông ta.

Ni-kiền Thân-Tử nói:

- Cư-sĩ Ưu-ba-Ly bị biến hóa thành đệ-tử của Sa-môn Cù-Đàm, điều đó hoàn toàn không thể xảy ra; Sa-môn Cù-Đàm bị biến hóa làm đệ-tử của Cư-sĩ Ưu-ba-Ly, điều này chắc chắn có.

Cư-sĩ Ưu-ba-Ly ba lần nói muốn đến chỗ Phật để hàng phục xong sẽ trở về, Ni-kiền Trường ba lần ngăn cản không muốn để Cư-Sĩ đi, Ni-kiền Thân-Tử trái lại ba lần đồng ý để Cư-sĩ Ưu-ba-Ly đi. Ni-kiền Thân-Tử xác quyết rằng: “Không có trường hợp Cư-sĩ Ưu-ba-Ly bị biến hóa thành đệ-tử Cù-Đàm, mà chỉ có trường hợp Cù-Đàm bị biến hóa thành đệ-tử của Cư-sĩ mà thôi”, và Ni-kiền Thân-Tử bảo Cư-sĩ Ưu-ba-Ly:

- Ông nên đi ngay kéo trễ mất cơ hội tốt.

Lúc ấy Cư-sĩ Ưu-ba-Ly chấp tay cúi đầu trước Ni-kiền Thân-Tử vái ba lần, rồi đi đến chỗ Phật, chào hỏi xong ngồi sang một bên và nói:

- Thưa Cù-Đàm, ngày hôm nay có Ni-kiền Trường đến đây không?

- Cư-Sĩ, Ni-kiền Trường là đệ-tử của Ni-kiền Thân-Tử có đến đây.

- Cù-Đàm có cùng ông ta đàm luận không?

- Có cùng đàm luận.

- Nếu có cùng đàm luận, thì xin Cù-Đàm thuật lại cho tôi nghe, để tôi biết được việc đó mà học hỏi.

Đức Phật kể hết những lời đã bàn luận, giống như lời của Ni-kiền Trường đã thuật, cho Cư-sĩ Ưu-ba-Ly nghe, Cư-sĩ nghe rồi bèn khen và nói y như những lời Ni-kiền Thân-Tử đã khen Ni-kiền-Trường rằng:

“Ni-kiền Trường đã làm đúng pháp của một đệ-tử đối với Tôn-sư chúng tôi, Ni-kiền Trường là người thành biện bằng trí tuệ với quyết định thông minh, trầm tĩnh, không sợ hãi, tự tin; Ông ta đã đạt đến tài hùng biện, đã bắt được ngọn gió cam lộ, ông ta ở trong cảnh giới cam lộ, tự thân chứng ngộ, và thành tựu an trú, vì sao vậy? Vì Ni-kiền Trường đối trước Sa-môn Cù-Đàm đã nói thuyết thân phật nặng nhất để không làm ác, khẩu phật không nặng như vậy, ý phật càng kém hơn, không bằng thân phật rất lớn lao, rất trầm trọng; thật hay thay, thật hay thay”.

Khi đó đức Phật bảo:

- Cư-sĩ, Ta muốn cùng ông bàn luận về việc này, nếu như an trú (căn cứ) trong sự thật, thì bằng sự thật mà đáp.

- Được, tôi an trú trong sự thật, Cù-Đàm cũng an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp; Cù-Đàm hãy cùng tôi mà bàn luận việc này.

- Cư-sĩ, ông nghĩ sao? Nếu có vị Ni-Kiền ưa bố thí, không ưa hý luận (không ưa bàn bạc cho vui), rất thanh tịnh, chuyên hành chú (rèn luyện tu hành); nếu người ấy đến đây đáp chết nhiều côn trùng lớn nhỏ, thì Ni-kiền Thân-Tử, Sư-phụ của Cư-Sĩ, đối với việc sát sanh này chủ trương có quả báo ra sao?

- Nếu người ấy cố ý thì có tội lớn, nếu không cố ý thì có tội nhẹ.

- Cư-sĩ, ông nói cố ý là thế nào?

- Đó là ý nghiệp vậy.

- Cư-Sĩ, ông nên suy nghĩ kỹ rồi hãy trả lời, những điều nói trước trái với điều nói sau, sau trái với trước, không phù hợp nhau. Cư-Sĩ, ông nghĩ thế nào nếu có Ni-Kiền thế nguyện chỉ uống nước nóng dứt hẳn nước lạnh, khi không có nước nóng người ấy bèn uống nước lạnh, khi uống nước lạnh người ấy liền chết; Ni-kiền Thân-Tử, Sư-phụ của ông có thể nói thế nào về chỗ thác sinh của Ni-Kiền ấy?

- Có loại Trời gọi là Ý-Trước, vị Ni-Kiền ấy mạng hết là do ý có chấp trước mà sinh đến cõi Trời Ý-Trước.

- Cư-sĩ, ông nên suy nghĩ kỹ rồi hãy trả lời, những điều ông vừa nói trái với những điều ông nói trước đây, trước trái với sau không phù hợp nhau. Cư-Sĩ nghĩ sao, giả sử có người dũng-sĩ cầm kiếm sắc bén, người ấy nói rằng: *“Chỉ trong một ngày, tôi chém đầu, lột da, chặt chân tay tất cả mọi người trong xứ Na-nan-Đà này chắt thành một đồng cao như núi”*, Ông nghĩ người ấy trong một ngày có thể làm xong việc ấy không?

- Không thể được, vì xứ này quá đông người, cho nên người ấy không thể trong một ngày mà có thể chém đầu, lột da, chặt chân tay mọi người trong xứ Na-lan-Đà này, rồi chắt thành một đồng cao như núi.

- Cư-Sĩ, ông nghĩ sao, nếu có Sa-Môn hoặc Phạm-Chí có đại như-ý-túc, có đại oai-đức, có đại phúc-hậu, có đại oai-thần, tâm được tự tại, người ấy nói: *“Ta chỉ khởi một niệm sân) làm cho cả xứ Na-lan-Đà này cháy rụi thành tro”*, Ông nghĩ Sa-Môn hoặc Phạm-Chí ấy có thể làm được việc ấy không?

- Đâu phải chỉ một xứ Na -Lan-Đà này, đâu phải hai hay ba hay bốn xứ Na-lan-Đà này; người có những tuyệt đỉnh thù thắng như thế, nếu người ấy khởi một niệm giận có thể làm cho nhân dân trong cả nước thiêu rụi thành tro, huống gì một Na-lan-Đà này.

- Cư-Sĩ, ông hãy suy nghĩ cho kỹ rồi hãy trả lời, những gì ông nói trước đều trái với điều ông nói sau, sau trái với trước, không phù hợp với nhau, không đi đôi với nhau. Cư-Sĩ, ông có từng nghe rừng Đại-Trạch, rừng Kỳ-Lân, rừng Mê-Lộc, rừng Tịch-Tịnh, rừng Không-Dã, tại sao những khu rừng ấy là những khu rừng?

- Thừa, tôi có nghe người ta nói.

- Cư-Sĩ, tại sao những khu ấy trở thành những khu rừng, vì ai mà có những khu rừng ấy?

Khi ấy Cư-sĩ Ưu-ba-Ly im lặng không đáp, một lúc, đức Phật bảo:

- Cư-Sĩ hãy trả lời đi, bây giờ không phải là lúc im lặng, vì chính ông đã tự nói: *“Tôi an trú trong sự thật, Cù-Đàm cũng an trú trong sự thật, bằng sự thật mà đáp, Cù-Đàm hãy cùng tôi mà bàn luận việc này”*.

Cư-sĩ Ưu-ba-Ly im lặng trong chốc lát rồi mới nói:

- Thừa Cù-Đàm, tôi không im lặng mà chỉ suy nghĩ trong chốc lát về ý nghĩa này vậy. Thừa Cù-Đàm, những Ni-Kiền ngu si không hiểu rõ ràng, không thể giải, không thể biết; họ không biết khoanh ruộng tốt mà không tự xem xét, họ cứ mãi lừa dối tôi, tôi mê lầm vì họ. Nay do lời dạy của Cù-Đàm mà tôi hiểu nghĩa, bởi vì tiền nhân khởi một niệm sân mà có thể làm cho những khu ấy trở thành những khu rừng.

Rồi Cư-Sĩ nói tiếp:

- Thừa Thế-Tôn, nhờ sự chỉ dạy của Ngài mà con đã biết đã hiểu. Hôm nay con xin được quy-y Phật, Pháp và chúng Tỳ-Kheo. Cúi xin Thế-Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà Tắc (Cư-sĩ) từ nay cho đến khi chết.

Đức Phật bảo:

- Cư-Sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên tuyên bố, sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp.

- Thừa Thế-Tôn, với sự kiện này, con lại bội phần vui mừng, vì Thế-Tôn đã chấp thuận và nói: *“Cư-sĩ, ông hãy im lặng mà làm, không nên tuyên bố, sự im lặng của người thù thắng như vậy là tốt đẹp”*. Thừa Thế-Tôn, nếu con là đệ-tử của Sa-Môn hoặc Phạm-Chí khác, thì họ đã tổ chức rầm rộ, cầm cờ phướn, dù lọng đi tuyên bố khắp xứ Na-lan-Đà, họ nói như thế này: *“Cư-sĩ Ưu-ba-Ly là đệ-tử của ta ! Cư-sĩ Ưu-ba-Ly là đệ-tử của ta!”*, nhưng Thế-Tôn lại khác họ, khác xa họ như trời với đất. Từ nay trở đi, con sẽ không cho các Ni-Kiền vào nhà con nữa, con sẽ không cho Ni-kiền Thân-Tử và đệ-tử của ông ta vào nhà con nữa; chỉ có Thế-Tôn và bốn chúng đệ-tử (Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà Tắc, Ưu-bà Di) của Thế-Tôn vào nhà con mà thôi.

- Nay Cư-Sĩ, các Ni-Kiền kia và gia-đình ông đã tương kính lẫn nhau trong thời gian lâu dài, nếu họ có đến ông nên tùy theo khả năng của mình mà cúng dường họ.

- Thừa Thế-Tôn, với lời nói này, với sự kiện này, đối với Thế-Tôn, con lại bội phần tôn kính, bội phần vui mừng. Thừa Thế-Tôn, ngày trước con nghe người ta nói Thế-Tôn giảng rằng: *“Nên cho ta, đừng cho người khác, nên cho đệ-tử của ta, đừng cho đệ-tử của người khác; nếu cho ta và cho đệ-tử của ta sẽ được phúc lớn, cho người khác và cho đệ-tử người khác sẽ không được phúc lớn”*. Thừa Thế-Tôn, có phải đúng như vậy không?

- Cư-Sĩ, Ta không nói như thế, mà nói như thế này: *“Cho tất cả tùy tâm hoan-hỷ, nhưng cho người không tinh tấn, không phạm-hạnh thì không được phúc lớn, cho người tinh tấn, phạm-hạnh (chân tu hành) sẽ được phúc lớn”*.

- Thừa Thế-Tôn, con xin nguyện sẽ không làm gì cả đối với họ, con tự biết nên cho hay không nên cho đối với Ni-Kiền. Thừa Thế-Tôn, một lần nữa, con xin được quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo, cúi xin Thế-Tôn nhận con làm Ưu-bà Tắc (Cư-sĩ) cho đến trọn đời.

Nói xong, Cư-sĩ Ưu-ba-Ly cúi đầu lễ Phật, đi quanh ba vòng, rồi trở về nhà, khi trông thấy các người giữ cửa Cư-sĩ bảo:

- Các ông nên biết, bắt đầu từ hôm nay, ta là đệ-tử của Phật, cũng gọi là Thế-Tôn, tức Sa-môn Cù-Đàm. Kể từ giờ phút này về sau, các ông chớ cho các Ni-Kiền vào cửa, chỉ cho bốn chúng đệ-tử của Thế-Tôn là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà Tắc và Ưu-bà Di vào mà thôi. Nếu có Ni-Kiền tới cửa xin vào, các ông nói: *“Tôn-giả, Cư-sĩ Ưu-ba-Ly đã nhận sự giáo hoá của Phật, đã làm đệ-tử của Sa-môn Cù-Đàm, nên không cho các Ni-Kiền vào cửa nữa”*; nếu Ni-Kiền cầu xin ăn, bảo họ đứng chờ, rồi bảo người đem cơm ra cho họ.

Hôm sau Ni-kiền Trường nghe tin: *“Cư-sĩ Ưu-ba-Ly đã nhận sự giáo hoá của Sa-môn Cù-Đàm rồi. Cư-Sĩ đã ra lệnh không cho các Ni-Kiền vào cửa, mà chỉ cho các đệ-tử của Sa-môn Cù-Đàm vào mà thôi”*, ông liền đến nói với Ni-kiền Thân-Tử:

- Thừa Tôn-sư, đây là điều mà con đã nói trước rằng không nên để Cư-sĩ Ưu-ba-Ly đến chỗ Sa-môn Cù-Đàm, vì sợ Cư-sĩ bị biến hoá thành đệ-tử của Sa-môn. Bây giờ thì đúng như vậy, Cư-sĩ Ưu-ba-Ly đã bị biến hoá thành đệ-tử của Sa-môn Cù-Đàm rồi; hiện tại Cư-sĩ cấm không cho các Ni-Kiền vào cửa, mà chỉ cho các đệ-tử của Sa-môn Cù-Đàm vào mà thôi.

Nghe đệ tử nói, Ni-kiền Thân-Tử không tin, ông vẫn nói quả quyết rằng:
“Không có trường hợp cư-sĩ Ưu-ba-Ly bị biến hoá thành đệ-tử của Sa-môn Cù-Đàm, mà chỉ có ngược lại thôi”.

Ni-kiền-Trường thưa :

- Nếu Tôn-sư không tin, Ngài có thể đến xem xét, hoặc sai người tới đó sẽ biết sự thực.

Ni-Kiền Thân-Tử bảo:

- Ông tới đó coi xét, xong về báo cáo cho ta biết hư thực thế nào?

Vâng lời Tôn-sư, Ni-kiền Trường liền đi ngay; khi đến nhà Cư-sĩ Ưu-ba-Ly, người giữ cửa vừa trông thấy Ni-kiền Trường, liền nói y như những lời mà người chủ đã bảo phải nói khi có các Ni-Kiền tới cửa; nghe đúng những lời như thế rồi, Ni-kiền Trường không nói lời nào, bỏ về, thưa lại với Ni-kiền Thân-tử:

- Thưa Tôn-sư, chính tai con nghe người giữ cửa nói những điều mà con đã thưa với Tôn-sư, sự việc xảy ra đúng như thế, Ưu-ba-Ly đã bị biến hoá thành đệ-tử của Sa-môn Cù-Đàm rồi; nếu Tôn-sư không tin nữa, nên đích thân đến đó hỏi cho rõ sự việc.

Hôm sau, Ni-kiền Thân-Tử tập họp đại chúng gồm Cư-Sĩ, Ni-Kiền đông đảo cùng đến nhà Ưu ba-Ly, người giữ cửa nói:

- Thưa Tôn-giả, Cư-sĩ Ưu-ba-Ly đã nhận sự giáo hóa của Phật, tức Sa-môn Cù-Đàm và trở thành đệ-tử của ngài Cù-Đàm rồi, nên không cho các Ni-Kiền vào cửa nữa; chỉ cho bốn chúng đệ-tử Phật vào cửa mà thôi. Nếu Tôn-giả và các Ni-Kiền muốn xin ăn nên đứng ở đây, tôi sẽ thông báo và sẽ có người đem cơm ra cho.

Ni-kiền Thân-Tử nói:

- Ta không dùng cơm, ta chỉ muốn gặp Cư-sĩ Ưu-ba-Ly mà thôi.

Người giữ cửa thưa:

- Xin Ngài đợi một chút, tôi sẽ vào thưa với Cư-Sĩ.

Sau khi được báo cáo rằng Ni-kiền Thân-Tử có đông đảo đệ-tử cùng đến muốn vào gặp, Cư-sĩ Ưu-ba-Ly bảo người hầu đến phòng lớn sửa soạn chỗ ngồi, xong Cư-Sĩ lên toà ngồi (chỗ mà trước kia đã có lần Cư-Sĩ diu Ni-kiền Thân-tử ngồi lên đó), Cư-Sĩ bảo người giữ cửa:

- Người ra cửa nói với Ni-kiền Thân-Tử như thế này: Tôn nhân, Cư-sĩ Ưu-ba-Ly nói: *“Tôn nhân muốn vào thì xin tùy ý”*.

Người giữ cửa trở ra nói y như lời chủ dặn bảo, Ni-kiền Thân-Tử nghe xong cùng đại chúng đồng đảo vào chập cả đại sảnh đường, Cư-Sĩ vừa trông thấy bèn nói:

- Tôn nhân, ở đây có chỗ ngồi, ông muốn ngồi xin tùy ý.

Ni-kiền Thân-Tử nói:

- Cư-Sĩ, ông nên làm như thế sao? Tự mình: lên toà cao ngồi kiết già, cùng nói chuyện với người khác y như người xuất gia học đạo không khác.

- Tôn nhân, tôi có đồ vật, chỗ ngồi này tôi có, cho nên tôi nói: *“Có chỗ ngồi, muốn ngồi xin tùy ý”*.

Ni-kiền Thân-Tử tự trải chỗ ngồi mà ngồi rồi nói:

- Cư-Sĩ, vì sao như vậy? Muốn hàng phục Sa-môn Cù-Đàm, lúc trở về lại bị hàng phục, như người vào rừng tìm con mắt, nhưng khi trở về lại bị mất thêm con mắt thứ hai. Cũng như: người khát nước đi vào hồ nước, khi trở ra vẫn khát nước; Cư-Sĩ cũng vậy, muốn hàng phục Sa-môn Cù-Đàm, nhưng khi trở về lại bị hàng phục ngược lại: này Cư-Sĩ, tại sao thế?

Cư-sĩ Ưu-ba-Ly nói:

- Ví như một người cầm đồ chơi con khỉ nhỏ đến thợ nhuộm và nói: *“Hãy nhuộm đồ chơi con khỉ nhỏ này thành màu vàng và nhờ cho nó phát ra ánh sáng cho tôi”*. Người thợ nhuộm trả lời: *“Đồ chơi này nhuộm thành màu vàng làm cho dễ thương, việc này làm được, nhưng không thể nhờ đập cho nó phát ra ánh sáng”*. Thừa Tôn nhân, những điều Ni-Kiền nói cũng giống như thế, không thể chịu đựng nổi những câu hỏi khó của người khác, cũng không thể suy nghĩ quán sát, mà chỉ nhiệm ngu si; giống như đồ chơi con khỉ không thể phát ra ánh sáng.

Lại nữa, một người cầm chiếc áo Ba-la-nại đến thợ nhuộm nói: *“Nhuộm giùm chiếc áo này thành cực đẹp, và nhờ đập cho nó phát ra ánh sáng”*. Thợ nhuộm nói: *“Áo này có thể nhuộm thành màu rất đẹp, cũng có thể đập nhờ cho phát ra ánh sáng”*. Thừa Tôn nhân, những điều mà Sa-môn Cù-Đàm, tức đấng Như-Lai Vô-Sở-Trước Chánh-Đẳng Chánh-Giác dạy cũng như vậy, rất đủ khả năng chịu được những câu hỏi khó của người khác; cũng có thể suy nghĩ, quán sát một cách thoả đáng, không ngu si.

Ni-kiền Thân-Tử nói:

- Cư-Sĩ, ông đã bị Cù-Đàm biến hoá bằng ảo thuật rồi.

- Thừa Tôn nhân, đó là loại chú huyền thuật tốt đẹp, loại chú huyền thuật làm cho cha-mẹ tôi sung sướng, ích lợi an ổn, khoái lạc lâu dài. Là chú huyền thuật làm cho vợ-con, nô-tỳ, Quốc-Vương, tất cả thế-gian, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm-chí, tất cả được lợi ích an ổn, khoái lạc lâu dài.

- Nay Cư-Sĩ, cả xứ Na-lan-Đà này đều biết Cư-Sĩ là đệ-tử của Ni-Kiền, nay đây cuối cùng, Cư-Sĩ là đệ-tử của ai?

Khi ấy Cư-Sĩ liền từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi quỳ gối phải xuống đất, nhắm hướng Phật đang ở, chắp hai tay và nói:

- Tôn nhân hãy nghe những điều tôi nói.

Rồi Cư-Sĩ nói kệ rằng: *“Đức Phật là đại-hùng, là bậc Thánh, là vô địch, là bất động, là đại-sĩ, là không nhiễm trần”*. Cư-sĩ tán thán: *“Đức Phật là bao dung, là đáng tịch mặc, là dũng mãnh, là trụ pháp, là điều-ngự, là đại-long vượt tục”*. Sau chót Cư-sĩ ca tụng: *“Đức Phật là siêu thế, là thanh-tĩnh, là bậc vô-đẳng, là tịch-tĩnh tịch-huệ, là vô thượng đáng thờ, là Thiện-thệ v. v...”*, trong đó, mười lần tự xác nhận mình (Cư-sĩ) là đệ-tử Phật.

Nghe một hồi lâu, rồi Ni-kiền Thân-Tử nói:

- Cư-Sĩ, ông ca ngợi Sa-môn Cù-Đàm với ý nghĩa gì?

- Thừa Tôn-nhân, Sa-môn Cù-Đàm, Như-Lai, Thế-Tôn, bậc Vô-Sở-Trước Chính-Đẳng, Chính-Giác được vô lượng Người và Trời ca tụng, Ngài là bậc mà tôi tôn kính bậc nhất, nên tôi ca tụng sự thật.

Khi nói Pháp này: Cư-sĩ Ưu-Ba-Ly xa lià trần cấu (những ô nhiễm xấu xa của cuộc đời), phát sinh Pháp nhãn đối với các pháp.

Ngay khi ấy, Ni-kiền Thân-Tử vì sự tức giận mà ói máu ra, các đệ-tử vội vã cùng nhau dìu về; hôm sau, Ni-kiền Thân-Tử nghĩ đến sự mất thể diện nhục nhã ấy liền bỏ đi đến nước Bà-Hòa, và vì tai họa này mà chết ở nước đó....

TÔN-GIẢ LẠI-TRA HÒA-LA

(Trung A-Hàm, quyển 3, từ trang 135 đến 169)

Khi đức Phật du hoá tại phía bắc thôn Thâu-lô-Tra, thuộc nước Câu-Lâu-Sầu, bấy giờ các người trong thôn nghe tin: *“Sa-môn Cù-Đàm, con Vua dòng họ Thích, là bỏ tông-tộc, xuất gia học đạo, đang trú ngụ trong vườn Nhiếp-hoà; vị Sa-môn ấy có tiếng tăm lớn đồn khắp mọi nơi là bậc đức đạo, là thầy của Trời và Người, thuyết pháp vi diệu chưa từng có”*, nên họ rủ nhau cùng đến gặp Ngài để lễ bái cúng dường.

1)- Lại-Tra Hoà-La học đạo:

Khi họ đến chào hỏi lễ bái, rồi được Phật thuyết pháp cho nghe những điều lợi ích, sau đó mọi người đứng dậy chào lễ, rồi ra về; duy chỉ có một thanh niên vẫn còn ngồi tại đó không đứng dậy ra về cùng mọi người, và lúc mọi người đi khỏi rồi, thanh niên ấy đứng lên chắp tay hướng về đức Phật và nói:

- Thưa Thế-Tôn, con tên là Lại-Tra Hoà-La. Như con biết, đối với giáo pháp mà Ngài dạy, nếu con sống tại gia, bị tù hãm trong sự phiền toái, không thể trọn đời tu hành được. Vì vậy, thưa Thế-Tôn, con xin được phép theo Ngài xuất gia học đạo.

Đức Phật hỏi:

- Nay Nam-tử con của Cur-sĩ, cha mẹ có cho phép là bỏ gia-đình để theo chính pháp học đạo không?

- Thưa chưa.

- Nếu cha mẹ chưa cho phép, thì Ta không thể nhận được.

- Con sẽ về xin phép cha-mẹ cho phép con xuất gia học đạo.

- Khi nào cha mẹ cho phép, Hoà-La hãy trở lại đây, Ta sẽ thu nhận.

Lại-Tra Hoà-La bèn vái lễ đức Phật rồi ra về, tới nhà Hoà-La liền thưa với cha mẹ về ý nguyện của mình muốn được phép xuất gia học đạo với đức Phật, nhưng cha mẹ không đồng ý và nói:

- Cha-mẹ chỉ có một mình con, rất mực thương yêu con, lòng đầy quyền luyến không kể xiết. Giả sử con có chết đi, cha-mẹ còn không muốn rời bỏ, huống gì còn sống nữa xa lià, không nhìn thấy mặt được sao?

Lại-Tra Hoà-La lại xin lần thứ hai, rồi lần thứ ba, nhưng vẫn bị cha mẹ từ chối và trả lời như thế; khi ấy Hoà-La liền vật mình xuống đất, vừa thỏm thức vừa nói:

- Từ giờ phút này, con sẽ không ăn không uống, không đứng dậy, cho đến khi nào được cha-mẹ cho phép con.

Rồi một ngày Hoà-La không ăn uống, hai ngày không ăn uống, cho đến ba ngày cũng vậy. Thấy thế, mẹ Hoà-La đến bảo:

- Người con thường khoẻ mạnh đẹp đẽ, nay con tiều tụy quá, con không biết khổ sở sao? Con hãy ăn uống chút ít, sống đời sung sướng mà bố thí để tu phúc nghiệp, vì sao? Vì tu theo cảnh giới của Phật thật là khó, rất là khó khăn.

Hoà-La vẫn im lặng không đáp, rồi cha Hoà-La đến các bà con quyền thuộc và các người có chức tước địa vị trong thôn, nhờ họ đến khuyên can giùm để Hoà-La bỏ ý định xuất gia học đạo, nhưng khi những người ấy đến khuyên can, Hoà-La chỉ nằm yên không trả lời.

Tiếp theo mẹ Hoà-La đến các bạn đồng lứa tuổi của Hoà-La để nhờ họ đến khuyên bảo Hoà-La giùm, nhưng cũng vô hiệu quả.

Sau đó có vài bạn của Hoà-La đến nói với cha-mẹ Hoà-La rằng:

- Hai bác nên cho anh Hoà-La được phép xuất gia tu học, nếu anh ấy thích sống như vậy thì sau này còn có cơ hội gặp nhau; nếu chán sống cảnh ấy, thì anh ấy tự nhiên sẽ trở về với hai Bác. Nay nếu hai bác không chấp thuận cho anh ấy xuất gia, anh ấy sẽ chết mất không nghi ngờ gì nữa, và không ích lợi chi cả!

Cha-mẹ Hoà-La nghe xong thấy có lý, liền đồng ý và nói:

- Chúng tôi đồng ý để Hoà-La xuất gia mà sau này vẫn trở về cho chúng tôi gặp mặt.

Các bạn ấy đến gặp Hoà-La để báo tin và nói:

- Nay bạn, chúng tôi vì bạn nên đã thưa chuyện với hai bác, bây giờ hai bác đã chấp thuận cho bạn được xuất gia tu đạo, nhưng bạn phải hứa khi học đạo rồi phải về thăm cha mẹ.

Lại-Tra Hòa-La nghe các bạn nói như vậy, lòng rất đổi vui mừng hân hoan, bèn ngồi dậy, cảm ơn bạn bè đã khéo giúp đỡ; rồi Hòa-La cố gượng đi đến chỗ cha mẹ để ngỏ lời cảm tạ sự chấp thuận, và hứa khi học đạo rồi sẽ về thăm. Hòa-La ăn uống trở lại, dần dần bồi dưỡng thân thể, chỉ vài ngày sau, sức khoẻ bình phục mau chóng. Hòa-La từ biệt cha mẹ, và người thân, rời khỏi gia đình đến chỗ Phật trú, cúi đầu vái lễ và nói:

- Thừa đức Thế-Tôn, con là Lại-Tra Hòa-La đã được cha mẹ con cho phép xuất gia, ngưỡng mong đức Thế-Tôn cho phép con được theo Ngài tu đạo.

Khi ấy đức Phật độ cho Lại-Tra Hòa-La làm Tỳ-Kheo, và được truyền giới Cụ-túc; từ lúc đó Lại-Tra Hòa-La theo đức Phật du hành trong nhân gian. Khi du hành đến nước Xá-Vệ, Lại-Tra Hòa-La sống cuộc sống cô độc ở nơi xa vắng, tâm không phóng túng tu hành tinh tấn; Tôn-giả Lại-Tra Hòa-La đạt đến vô thượng phạm hạnh, tự tri, tự giác, tự chứng ngộ, thành tựu an trụ. Tôn-giả đã biết pháp như pháp, và chứng đắc quả A-La-Hán, lúc đó mười năm đã trôi qua; Tôn-giả nghĩ: *“Ngày xưa ta đã hứa học đạo rồi sẽ trở về thăm cha mẹ, nay đã đúng lúc ta nên trở về để trọn lời hứa đó”*, nghĩ rồi Tôn-giả liền đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ và nói:

- Thừa Thế-Tôn, ngày trước con đã hứa xuất gia học đạo rồi sẽ trở về thăm cha-mẹ, hôm nay con xin phép Thế-Tôn được từ giả để về thăm cha mẹ con cho trọn lời hứa trước kia.

Bấy giờ đức Phật nghĩ: *“Lại-Tra Hòa-La chắc chắn không xả giới bỏ đạo, dù gặp khó khăn đến đâu cũng không lay chuyển nổi Tỳ-Kheo này”*, đức Phật biết như vậy liền bảo:

- Thầy ra đi, nếu gặp người chưa được độ hãy độ, người chưa giải thoát hãy khiến cho giải thoát, người chưa tịch tịnh hãy khiến cho tịch tịnh; Lại-Tra Hòa-La, nay tùy ý thầy.

2)-Tôn-giả Hòa-La về thăm cha mẹ:

Tôn-giả Lại-Tra Hòa-La sau khi nghe đức Phật chấp thuận và dặn bảo, cúi đầu đánh lễ, rồi từ biệt; Tôn-giả lần lượt du hành về đến thôn Thâu-lô-Tra, nghỉ tại vườn Thi-nhiếp-Hòa là chỗ ngày trước đức Phật đã ngụ trong khi du hoá. Khi đêm đã qua, rồi mặt trời lên cao; Tôn-giả ôm bình bát vào thôn Thâu-lô-Tra khát thực (xin cúng dâng thức ăn) và nghĩ: *“Thế-Tôn khen ngợi việc có thứ lớp khát thực, ta nay nên theo như thế”*; Tôn-giả đi khát thực từ đầu thôn lần lượt về đến nhà cha mẹ. Lúc đó cha của Tôn-giả đứng

trong cửa đang chải tóc, cạo râu, ông thoáng thấy có Sa-môn khát thực, liền nói:

- Sa-môn trọc đầu này bị màu đen tối trói chặt, không con cái tuyệt chủng, phá hoại gia đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến tiếc thương không kể xiết. Thế mà nó dẫn con ta đi mất không thấy tăm hơi cả mười năm nay, không cho Sa-môn trọc đầu này ăn.

Tôn-giả về nhà cha đã không được bố-thí, còn bị xua rửa như thế bèn bỏ đi; lúc đó người giúp việc của cha mẹ Tôn-giả xách một giỏ đồ ăn hư định đổ bỏ vào đồng rác, Tôn-giả trông thấy thế, liền nói rằng:

- Nếu như món ăn đó bỏ đi thì nên bỏ vào bình bát của tôi, tôi sẽ ăn.

Đứa giúp việc ấy nói:

- Không ngon đâu, không nên ăn thức ăn hư này.

Tôn-giả nói:

- Không sao, không sao, tôi sẽ ăn, tôi sẽ ăn.

Đứa giúp việc đổ thức ăn hư ấy vào bình bát của Tôn-giả, và nó phát giác ra hai dấu hiệu mà nó nhận ra Lại-Tra Hòa-La, đó là tiếng nói và tay chân. Nhận ra được hai dấu hiệu này, nó trở vào nhà và nói với cha Tôn-giả:

- Thưa ông, cậu Hòa-La đã về đến thôn này rồi, ông nên đến gặp, cậu Hòa-La đang ngồi ăn thức ăn thiu thối ở ngoài kia kia.

Cha Tôn-giả nghe xong rất đỗi ngạc nhiên, rất đỗi vui mừng phấn khởi; ông bước đi vội vàng, tay trái vuốt tóc tay phải vén áo, đến chỗ Tôn-giả. Trong khi đó, Tôn-giả ngồi xoay mặt vào vách tường nhà hàng xóm và đang ăn thức ăn thiu thối ấy, cha Tôn-giả rảo bước tới nơi thấy thế liền nói:

- Hòa-La con, con thường ăn thức ăn thơm ngon, tại sao bây giờ con lại ăn thức ăn hư thối như thế? Vì lẽ gì con đã về đến thôn này mà không về nhà?

Tôn-giả nói:

- Tôi đã về nhà cha, nhưng đã không được bố thí mà còn bị xua đuổi, rửa mắng rằng: *“Sa-môn trọc đầu này bị màu đen tối trói chặt, không con cái tuyệt chủng, phá hoại gia-đình ta. Ta có một đứa con, hết sức thương yêu chiều chuộng, lòng đầy quyến luyến tiếc thương không kể xiết, thế mà nó dẫn con ta đi mất không thấy tăm hơi cả mười năm nay”*. Cha còn nói: *“Không cho Sa-môn trọc đầu này ăn”*, tôi nghe như vậy, làm sao mà không bỏ đi cho được?

Cha Tôn-giả nói lời nhận lỗi:

- Hòa-La, nên bỏ qua cho cha, rất tiếc, cha thật sự không biết con trở về. Cha thật tình đã không nhận ra con, và cha rất tiếc đã nói những lời bất nhã.

Cha Tôn-giả dìu dẫn Tôn-giả về nhà và mời ngồi, khi thấy Tôn-giả ngồi rồi, người cha bèn bảo người giúp việc đi mời mẹ Tôn-giả, và sửa soạn cơm nước. Mẹ Tôn-giả được tin con về, vô cùng sung sướng vui mừng. Bà đến ôm Tôn-giả mà khóc sụt sùi, và nói những điều nhớ thương của một người mẹ đối với người con duy nhất xa cách cả mười năm trời, trong khi ấy Tôn-giả ngồi yên để cho người mẹ khóc lóc thổ lộ tâm tư.

Sau những phút xúc cảm đầu tiên ấy xong, mẹ Tôn-giả trở vào trong phòng mang tiền, vàng bạc, châu báu ra giữa nhà một đống và nói với Tôn-giả:

- Đây là phần của cải tiền bạc của mẹ, còn của cha thì nhiều vô kể, nay mẹ giao hết cho con, tùy con sử dụng; vậy con nên xả giới bỏ đạo, ở nhà sống cuộc sống sung sướng mà bố thí tu phúc nghiệp, có hơn là học đạo khó khăn mà vất vả khổ sở không?

Tôn-giả thưa:

- Tôi có điều muốn nói, mẹ có cho phép không?

- Có điều gì cần nói con cứ nói, mẹ sẵn sàng nghe.

- Mẹ nên bỏ hết số tiền-của này vào một bao vải, dùng xe chở đến sông Hằng, đổ xuống chỗ thật sâu, vì sao? Vì do tiền của này làm cho con người đau khổ sâu thẳm, không được an vui.

Mẹ Tôn-giả nói:

- Biết bao nhiêu khổ sở vất vả mệt nhọc mới tạo được số của cải này, làm sao mà bỏ đi được.

Dùng cách ấy không được, mẹ Tôn-giả bèn cất tiền bạc của cải rồi bỏ đi, tức tốc tìm đến chỗ mấy cô bạn gái cũ của Tôn-giả để nhờ họ lôi kéo Tôn-giả xả giới bỏ đạo. Chỉ trong thời gian ngắn, mấy người nữ này tới, mỗi người một bên, kẻ nắm tay, người ôm chân Tôn-giả mà nói:

- Nay anh ơi, người yêu quý của em ơi, tại sao anh lại bỏ em đi biệt cả mười năm trời như thế?

- Này người tình bạc bẽo ơi, có người Thiên-nữ nào đẹp hơn em mà khiến anh bỏ nhà đi tu vì nàng?

Tôn-giả co tay, rút chân ra khỏi những bàn tay của họ và nói:

- Này các cô em, các cô nên biết, tôi không vì Thiên-nữ mà đi tu phạm-hạnh, sở dĩ tôi tu là theo mục đích mà đức Phật đã dạy là giải thoát, và những điều cần làm, tôi đã làm xong.

Những người nữ ấy còn nhõng nhẽo nói:

- Em không phải là em gái của anh, em là người yêu của anh, tại sao anh lại gọi em bằng cô em, anh đã quên em thật rồi sao? v.v...

Bấy giờ Tôn-giả nhìn về phía cha-mẹ mà nói:

- Nếu cha mẹ có thí cơm, đúng giờ thì thí, tại sao lại bày ra nhiều phiền phức thế này?

Cha Tôn-giả biết ý con, liền bảo các cô gái tạm đi về và sẽ gặp lại sau. Rồi ông sai người lấy nước cho Tôn-giả rửa tay, và đích thân tự tay đưa các món ăn cho Tôn-giả ăn. Khi ăn no đủ rồi, người làm bung nước cho Tôn-giả rửa tay, và cất dọn chén bát xong. Tôn-giả thuyết pháp cho cha mẹ nghe, và nói bài tụng với ý nghĩa tất cả ở đời là không thật, giả dối, nó trói buộc kẻ u mê, nhưng nó không thể lừa được người đã sang bờ giải thoát; nói bài tụng xong, Tôn-giả từ giả cha mẹ, rồi dùng như-ý-túc (thần-túc) nương hư không mà đi đến ngồi kiết già dưới gốc cây Bệ-hê-Lặc trong rừng Thâu-lô-Tra.

3)- Tôn-giả Hòa-La hành đạo:

Từ đó, tiếng đồn từ thôn Thâu-lô-Tra rằng: “Tôn-giả Lại-Tra Hòa-La đã đắc đạo, có thần-thông” được lan truyền, khắp nơi dân chúng đến lễ bái, cúng dàng; Tôn-giả thường thuyết pháp cho họ nghe, và làm cho họ được lợi ích bằng đủ phương tiện.

Bấy giờ Vua Cao-Lao-Bà nước Câu-Lâu-Sấu, với quân-thần vây quanh, bàn tán khen ngợi Tôn-giả, Vua nói:

- Nếu quả thật thiện nam-tử Lại-Tra Hòa-La về thôn Thâu-lô-Tra thuộc nước ta, thì chúng ta quyết đến thăm hỏi.

Vua sai tùy tùng đến rừng thuộc thôn Thâu-lô-Tra xem xét hư thực, Vua được người ấy về báo:

- Trình Đại-Vương, thuộc hạ đã đến rừng Thâu-lô-Tra, chính mắt thuộc hạ thấy Tôn-giả Lại-Tra Hòa-La ngồi kiết già dưới cây Bệ-hê-Lặc to lớn.

Vua lập tức ra lệnh cho người đánh xe sửa soạn xa-giá. Khi xa-giá sẵn sàng rồi, Vua lên xe ngồi rồi đi đến rừng Thâu-lô-Tra. Từ xa trông thấy Tôn-giả, nhà Vua xuống xe đi bộ. Tôn-giả trông thấy Vua Câu-Lao-Bà và đoàn tùy tùng đến bèn nói:

- Đại-Vương, nay đến đây muốn nói chuyện với tôi chăng, xin mời Đại-Vương ngồi.

Lúc ấy Vua Câu-Lao-Bà và Tôn-giả cùng chào hỏi nhau, quân hầu trải chỗ cho Vua ngồi, Vua ngồi xong đầu gối rồi nói với Tôn-giả:

- Lại-Tra Hòa-La, có phải vì gia đình suy sụp mà xuất gia học đạo? Hay vì không có tiền của nên sống đời hưu quạnh chăng? Câu-Lao-Bà này tại Vương-gia có nhiều của cải, tôi sẽ xuất tài vật cho, ông tha hồ sống đời sống dục lạc sung sướng mà bố-thí, tùy ý mà tu phúc nghiệp; vậy ông hãy xả giới bỏ đạo và đến cung-điện của tôi mà ở, vì giáo-pháp của Tôn-sư ông rất khó, xuất gia tu đạo lại càng khó hơn.

Tôn-giả nghe xong nói:

- Đại-Vương dùng lời bất tịnh mà mời tôi, đó không phải lời thanh-tịnh mà mời, Đại-Vương nên nói: *“Nước tôi nhân dân an ổn, sung sướng, và có lúa gạo đầy đủ. Trong nước không có việc binh đao và đấu tranh, cũng không có việc kinh sợ do nạn hà khắc hoặc khổ nô dịch; nếu Lại-Tra Hòa-La ở trong nước tôi, tôi sẽ ủng hộ như pháp”*, Đại-Vương nói như vậy gọi là dùng lời thanh-tịnh mời tôi.

Vua nghe xong, liền nói:

- Nay tôi dùng lời thanh-tịnh mà mời như thế, chứ không dùng lời bất tịnh mà mời. Tiện đây, tôi có ý nghĩ như thế này: *“Thường thì nguyên nhân xuất gia đi tu của một người là do một trong bốn thứ suy vì, đó là:*

1- Bệnh suy:

Hoặc có người luôn luôn bị bệnh tật nặng quá đau đớn, không thể làm ăn gây dựng gia đình được, nên cạo đầu đi tu.

2- Lão suy:

Hoặc có người già, ngũ quan yếu kém, tuổi thọ gần hết, gân cốt suy đồi không thể thực hiện dục vọng được nữa, nên rời nhà đi học đạo.

3- Tài suy:

Hoặc có người nghèo khổ, không có tiền của để sống, nên nương nhờ nơi tu học cho qua ngày tháng.

4- Thân thể suy:

Hoặc có người không còn cha-mẹ anh-em, vợ chồng con cái không có, bà con chết hết không còn một ai là người thân thuộc; người ấy sống cuộc đời quanh quẽ cô đơn, tứ cố vô thân, không còn cảm thấy thích thú gì nữa, nên xuất gia học đạo”.

Đối với Lại-Tra Hòa-La khi xưa không bệnh hoạn, an ổn trọn vẹn; lúc đó vào tuổi thanh xuân, tóc đen óng mượt, thân thể cường tráng, cha-mẹ bà con quyến luyến, không ai muốn rời xa. Gia đình khá giả bậc nhất, tiền của chẳng thiếu chi. Tôi thấy không có một suy vi nào có thể khiến cho Lại-Tra Hòa-La lià bỏ gia-đình đi tu. Vậy thì Lại-Tra Hòa-La lúc ấy hiểu biết như thế nào, được nghe những gì mà nhất quyết rời bỏ gia-đình để xuất gia học đạo?

Tôn-giả đáp:

- Đại-Vương, đức Phật là bậc Tri-Kiến, Vô-Sở-Trước Chính-Đẳng, Chính-Giác; Ngài dạy bốn điều mà tôi nhận biết như thật, đó là:

Thứ nhất: Trong thế-gian này không có ai hộ trì, không nơi nương tựa.

Thứ nhì: Trong thế-gian này, vạn vật đều phải đi đến chỗ già nua.

Thứ ba: Thế-gian này là vô thường, cần phải bỏ đi.

Thứ tư: Thế-gian này không có sự thoả mãn, không có sự biết đủ, bị ái dục lôi kéo đi không ngừng.

Vua Câu-Lao-Bà hỏi:

- Lại-Tra Hòa-La, như ông vừa nói: *“Thế-gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa”*, nhưng tôi có con cháu anh em, tướng quân các binh chủng nghiêm nghị dũng mãnh; tôi lại có các lực sĩ hộ vệ, có người xem tướng, và có kẻ bày mưu tính toán, tôi cũng lại có người thông hiểu điển sách, và có kẻ giỏi đàm luận giúp tôi.

Tóm lại, tôi có đủ loại người, khi tôi cần đến họ đều sẵn sàng, bất cứ phương nào có khủng bố hoặc biến động đều được chế phục ngay tức khắc;

như vậy nói rằng thế gian này không người hộ trì, không nơi nương tựa có nghĩa thế nào?

- Đại-Vương, bây giờ tôi hỏi nhà Vua, xin tùy theo sự hiểu biết mà trả lời; Đại-Vương, thân Ngài có bệnh chăng?

- Hiện nay thân tôi thường có bệnh Phong, uống thuốc cũng chẳng hết.

- Nếu bệnh Phong bộc phát trầm trọng, rất đau đớn, thì lúc đó Đại-Vương có thể bảo con cháu họ hàng, và tất cả những người mà Ngài vừa kể, họ tạm thời thay thế sự đau đớn cho Ngài được an ổn không?

- Không được, không ai có thể tạm thời thay thế sự đau đớn của tôi được, tôi phải tự chịu lấy mà thôi.

- Như vậy thì lời dạy: *“Thế-gian này không ai hộ trì, không nơi nương tựa”* là đúng sự thật.

Vua Câu-Lao-Bà nói:

- Bây giờ tôi đã hiểu và biết trong thế-gian này không có ai hộ trì, và không có nơi nương tựa là đúng sự thật. Tôi cũng hiểu và biết trong thế-gian này tất cả vạn vật đều già nua đi là sự thật, vì tôi thấy như thân tôi đây, khi mới có hai ba mươi tuổi thì thân thể cường tráng mạnh khỏe đẹp đẽ, bây giờ bảy tám mươi tuổi, gân cốt yếu mềm thấy rõ ràng, như vậy là già nua đi. Nhưng câu: *“Thế-gian này là vô thường cần phải bỏ đi, như vậy có ý nghĩa gì?”*

- Tôi xin hỏi Đại-Vương, bây giờ Ngài có nước Câu-Lâu-Sâu kho tàng đầy đủ, quân lực hùng cường, lương thực dồi dào v.v... Nếu thời gian đã đến, chịu sự phá hoại, không thể nương tựa được nữa, tất cả các thứ này đi đến chỗ diệt vong, lúc đó các thứ đầy đủ, hùng cường, dồi dào có thể mang từ đời này qua đời khác được không?

- Không thể được.

- Thế cho nên lời dạy: *“Thế gian này là vô thường, cần phải bỏ đi”* là đúng sự thật.

- Nay tôi nghe và hiểu điều đó là đúng sự thật, nhưng câu: *“Thế gian này không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, bị ái dục lôi cuốn đi không ngừng, nói như vậy có nghĩa gì?”* xin Ngài giải thích giùm.

- Đại-Vương có nước Câu-Lâu Sầu dồi dào, có cung-điện nguy nga lộng lẫy, có kho tàng đầy đủ, có đủ thứ; nhưng nếu có người từ phương Đông, hoặc từ phương Tây, phương Nam, phương Bắc tới đây. Người ấy không nói dối, và đáng tin nhiệm, người ấy nói với Ngài rằng: *“Tôi từ phương ấy, nước ấy tới đây, tận mắt tôi thấy nước ấy vô cùng giàu có, mà quân mã chẳng có bao nhiêu, binh khí rất thô sơ, lại chẳng đề phòng chi cả; Đại-Vương nên chiếm nước ấy mà lấy tài vật của cải và bành trướng thế lực”*. Vậy Ngài có muốn chiếm một nước rất dễ dàng để cai trị không? Và khi: đã chiếm được một nước rồi, các nước khác cũng giống như vậy, thì Ngài có muốn chiếm luôn không?

- Nếu tôi biết có nước giàu có, không nhiều quân mã, khí giới thô sơ, lại không đề phòng, và chiếm dễ dàng, thì tôi quyết tiến chiếm nước ấy mà cai trị; nếu các phương khác, nước khác cũng giống như thế, thì chắc chắn tôi sẽ đánh chiếm hết để làm bá chủ các nước.

- Thế cho nên lời dạy: *“Thế gian này không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, bị ái dục lôi cuốn đi không ngừng”* là đúng sự thật.

Vua Cao-Lâu-Bà nói:

- Quả thật, thế gian này không có sự toàn mãn, không có sự biết đủ, bị ái dục lôi đi không ngừng; nay tôi đã nghe, và hiểu biết như thật.

Vua nói tiếp:

- Tôi còn nhiều điều cần học hỏi, nhưng thời giờ ngắn ngủi, thỉnh Ngài cùng tôi về Kinh-đô để được dịp cúng dường cùng học đạo; và lại, tại kinh-đô còn có rất nhiều người muốn học đạo, mong Ngài nhận cho.

Tôn-giả im lặng nhận lời, rồi cùng ngồi xe với Vua đến Kinh-đô. Tôn-giả Hòa-La đã độ cho rất nhiều người tại kinh thành, cũng như trong nước Câu-Lâu-Sầu....

TỖ-KHEO THIỆN-TÚC PHÁ GIỚI

(Trường A-Hàm, quyển1, từ trang 521 đến 547)

Một hôm đức Phật vào thành A-Nậu-Di khát thực, nhưng vì còn sớm, nên Ngài ghé vào vườn chỗ cư ngụ của Phạm-chí Phòng-già-Bà, để đợi đến giờ rồi mới đi khát thực; lúc đó, Phạm-Chí từ xa trông thấy đức Phật đi đến liền ra nghênh đón và nói:

- Chào Cù-Đàm, quý hóa thay đức Cù-Đàm; từ lâu không đến, nay Ngài chiếu cố chắc là có chuyện gì, kính mời Ngài ngồi chỗ này.

Khi đức Phật tiến đến chỗ ngồi và an tọa tại đây rồi, Phạm-chí Phòng-già-Bà ngồi xuống một bên và nói:

- Chiều hôm qua có Ly-xa-Tử (là Tỳ-Kheo Thiện-Túc) đến chỗ tôi và nói như sau: “*Này Đại-sư, tôi không còn theo Cù-Đàm để tu phạm hạnh nữa, vì Ngài đã bỏ rơi tôi*”. Ông ta nói lời của Ngài, dù nói như thế nhưng tôi không tin.

Đức Phật nói với Phạm-Chí:

- Tôi biết những lời nói của Thiện-Túc và ông không bao giờ tin. Hồi tôi du hóa ở thành Tỳ-xá-Ly, Thiện-Túc đến nói với tôi: “*Như-Lai bỏ rơi con, con không theo Như-Lai tu phạm hạnh nữa, vì Như-Lai không vì con mà thị hiện thần thông biến hóa*”.

Lúc ấy tôi nói: “*Trước đây Ta có yêu cầu ông ở trong giáo pháp của Ta tu phạm-hạnh, rồi Ta sẽ hiện thần thông biến hóa không?*” Hoặc ông có nói với Ta rằng: “*Như-Lai phải vì ông thị hiện thần thông biến hóa rồi sau đó ông mới tu phạm-hạnh không?*”.

Bấy giờ Thiện-Túc nói: “*Thưa Thế-Tôn, không có*”.

Tôi bảo Thiện-Túc: “*Theo ý ông có cho rằng Như-Lai có thể hiện thần thông hay không? và pháp của Ta nói ra có thể làm cho ông vĩnh viễn xa lìa các khổ và được giải-thoát không?*”

Thiện-Túc trả lời: “*Đúng như vậy, Như-Lai có thể hiện thần thông chứ chẳng phải không, và giáo pháp của Thế-Tôn có thể làm cho người được giải-thoát, xa lìa vĩnh viễn các khổ chứ chẳng phải không*”.

Tôi lại hỏi Thiện-Túc: *“Này Thiện-Túc, nếu giáo pháp của Ta có thể làm cho người tu phạm-hạnh được giải-thoát, có thể hiện thân thông chứ chẳng phải không; vậy ông ở trong giáo pháp này còn mong muốn điều gì nữa?”*

Thiện-Túc đáp: *“Thưa, Thế-Tôn không thể tùy thời dạy con, Thế-Tôn biết hết bí thuật nhưng lại tiếc không dạy hết cho con”*.

Tôi bảo Thiện-Túc: *“Ta có từng bảo ông ở trong pháp Ta, rồi sau đó Ta sẽ dạy các bí thuật không? Hoặc ông có từng yêu cầu Ta dạy bí thuật, rồi sau đó ông mới ở chỗ Ta tịnh tu phạm-hạnh không?”*

Thiện-Túc trả lời: *“Thưa không”*.

Tôi còn bảo Thiện-Túc: {{Trước kia ở lãnh thổ Bạt-Xà, ông dùng vô số phương tiện để khen ngợi Như-Lai, khen ngợi chính-pháp, khen ngợi chúng Tỳ-Kheo khiến cho mọi người ưa thích. Nay ông thối chí, người đời sẽ nói: *“Tỳ-Kheo Thiện-Túc là đệ-tử gần gũi Như-Lai, mà không thể trọn đời tu phạm-hạnh, lại xả giới hoàn tục ở vào địa vị thấp kém, hành động xấu xa”}}*; hôm ấy tôi đã giảng giải đủ điều, nhưng Thiện-Túc vẫn không chịu nghe cứ xả giới hoàn tục.

Hồi tôi ở trên nhà giảng Pháp bên ao Nhĩ-bầu, bấy giờ có Ni-kiền tên là Già-la-Lâu đang cư ngụ gần đó, được mọi người trong vùng tôn kính là người trí thức, có danh tiếng đồn xa. Một hôm, Thiện-Túc vào thành Tỳ-xá-Ly khát thực, lần hồi đi đến chỗ Ni-kiền Già-la-Lâu; Thiện-Túc đem ý nghĩa sâu xa để hỏi, ông ta không đáp được bèn sinh tâm tức giận, thế rồi Thiện-Túc tự nghĩ: *“Ta khuấy rối người này, sẽ không có quả báo về khổ não”*.

Sau khi khát thực xong, Thiện-Túc đi đến chỗ tôi, nhưng không mang sự kiện trên thuật lại, tôi nói: *“Ông là kẻ vô trí, ông đâu có thể tự xưng là Sa-môn Thích-tử được”*.

Thiện-Túc hỏi lại: *“Thưa Thế-Tôn, vì lý do gì Thế-Tôn lại nói con là đồ ngu, và con không nên xưng là Thích-tử?”*

Tôi trả lời: {{Vì ông đã làm cho Ni-Kiền tức giận, và khi ấy ông còn tự nghĩ: *“Nay Ta khuấy rối Ni-Kiền này sẽ mãi mãi không có quả báo về khổ não”*, ông có nghĩ như vậy không?}}.

Thiện-Túc nói: “Ông ta là La-Hán thì vì lý do gì lại có tâm sân hận và ganh tị?”

Tôi bảo Thiện-Túc: “Đã là La-Hán không vì lý do gì lại có tâm sân hận và ganh tị, vả lại, ông tự cho người ấy là La-Hán, nhưng thực tế ông ta chỉ có bảy pháp khổ hạnh. Đó là trọn đời không mặc quần áo, không uống rượu, không ăn thịt, không ăn cơm, không ăn mì khô, không phạm phạm-hạnh, và không ra khỏi bốn tháp đá của thành Tỳ-xá-Ly, nhưng ông ta đã phạm cả bảy điều trên. Vì đã làm trái với bảy điều thề nguyện trên, ông ta ví như con dã-can, mắc bệnh ốm yếu, lở loét và thác ở ngoài gò mả”. Rồi tôi bảo Thiện-Túc: “Nếu không tin lời Ta, ông nên đến đó xem là tự nhiên biết”.

Hai ngày sau, Thiện-Túc vào thành khát thực, khi xong ra khỏi thành, đến nơi gò mả, thấy Ni-kiền Già-la-Lâu đã chết tại đó, thấy xong, Thiện-Túc đến nơi tôi, nhưng không đem sự kiện trên nói lại với tôi, bấy giờ tôi hỏi Thiện-Túc: “Thế nào, Ta đã dự ký về Ni-kiền Già-la-Lâu, sự việc có như lời Ta nói không?”

Thiện-Túc đáp: “Đúng như vậy, đúng như lời Thế-Tôn đã nói”.

Tôi thường vì Thiện-Túc mà hiện Thần thông như thế, nhưng ông ta vẫn nói rằng: “**Thế-Tôn không vì con mà hiện thần thông**”.

Lại nữa, có một lần tôi du hóa ở ấp Bạch-thổ thuộc nước Minh-Ninh, ở đó có một vị Ni-Kiền tên Cứu-la-Đế được mọi người tôn kính, danh tiếng đồn xa; một hôm, Thiện-Túc đi khát thực theo sau tôi, vừa trông thấy Ni-kiền Cứu-la-Đế ở trên đồng phân, đang ăn bã rượu, Thiện-Túc liền có ý nghĩ: “*Các hàng La-Hán trong thế-gian đều không bằng được vị Ni-Kiền này, vì đạo vị của vị này thật là thù thắng, bởi tu khổ hạnh như thế mới trừ được tâm ngã mạn*”.

Ông biết không? lúc đó tôi quay lại bảo Thiện-Túc: “Ông là kẻ vô trí, đâu có thể tự xưng là Thích-tử được”.

Thiện-Túc nói: “Vì lý do gì Thế-Tôn nói con như vậy?”

Lúc ấy tôi bảo Thiện-Túc: { { Vì khi ông vừa trông thấy Ni-Kiền kia ngồi trên đồng phân, đang ăn bã rượu, ông liền nghĩ rằng: “*Các hàng La-Hán trong thế-gian đều không bằng được vị Ni-Kiền này, vì đạo vị của vị này thật*

là thù thắng, bởi tu khổ hạnh như thế mới trừ được tâm ngã mạn”; Ông có nghĩ như vậy không?}}

Thiện-Túc thưa: “*Thật con có nghĩ như vậy, nhưng tại sao Thế-Tôn đối với vị La-Hán mà còn sinh tâm ghen tị?*”

Tôi bảo Thiện-Túc: “*Ta không bao giờ sinh tâm ghen tị đối với một vị La-Hán. Ông là kẻ vô trí, nên cho rằng Ni-kiền Cứu-la-Đế là La-Hán. Người này sau bảy ngày sẽ mắc chứng bệnh bụng to mà qua đời, và sẽ sinh vào loài Ngạ-quỷ Khả-thi thường khổ sở vì đói khát. Hơn nữa, sau khi ông ta chết, người ta dùng dây tơ bó lại rồi bỏ ngoài gò mả, nếu ông không tin thì cứ đến báo trước cho ông ta*”.

Bây giờ Thiện-Túc liền đi đến chỗ Ni-Kiên và nói những lời y như tôi đã nói về cái chết của Cứu-la-Đế. Thiện-Túc còn căn dặn Ni-Kiên: “*Ông nên bớt ăn và phải cẩn thận, chớ để lời nói của Cù-Đàm trở thành sự thật*”.

Thiện-Túc co lòng tay đếm từng ngày, khi hết bảy ngày, Thiện-Túc liền đi đến chỗ của người lỏa thể ấy; không thấy Cứu-la-Đế, Thiện-Túc hỏi thăm những người trong xóm, được biết ông ta đã mắc phải bệnh bụng to mà chết rồi, và xác đã đem bỏ ngoài gò mả. Thiện-Túc liền đi đến gò mả, trông thấy tử thi Cứu-la-Đế bị bó bằng dây tơ, Thiện-Túc nói với ý hỏi tử thi: “*Này Cứu-la-Đế, ông đã chết thật rồi ư? Do bệnh gì, ông sinh về đâu?*”

Bỗng nhiên tử thi cử động và nói yếu ớt: “*Ta đã chết rồi vì bụng xưng to và sinh vào loài Ngạ-quỷ Khả-thi. Ông tuy xuất gia, nhưng không lợi ích gì, vì Sa-môn Cù-Đàm đã nói việc này như thế mà ông không tin*”, khi nói xong lời này, tử thi nằm yên không còn cử động nữa.

Khi Thiện-Túc đi đến chỗ tôi, không đem việc ấy kể lại, tôi bèn hỏi Thiện-Túc: “*Thế nào, Như Ta dự ký về Cứu-la-Đế, có thật như vậy không?*”

Thiện-Túc trả lời: “*Thật vậy, đúng như lời Thế-Tôn đã nói*”.

Một lần khác, lúc đó có Phạm-chí tên Ba-lê-Tử đang sống gần khu tôi trú ngụ, Phạm-chí này được nhiều người cung kính, danh tiếng đồn xa, có nhiều lợi dưỡng. Một hôm, ông ta đứng giữa đại-chúng trong thành Tỳ-xá-Ly nói như sau: “*Sa-môn Cù-Đàm tự xưng có đại trí-tuệ, ta cũng có đại trí-tuệ; Sa-Môn Cù-Đàm tự xưng có thần-túc, ta cũng có thần-túc; Sa-môn Cù-Đàm tự xưng được đạo siêu-việt, ta cũng được đạo siêu-việt. Ta sẽ cùng Sa-*

môn Cù-Đàm hiện thần-túc, Sa-môn hiện một, ta sẽ hiện hai, Sa-môn hiện hai ta sẽ hiện bốn, Sa-môn hiện bốn ta sẽ hiện tám; tùy theo Sa-môn hiện nhiều hay ít, ta sẽ hiện gấp đôi”; lúc ấy Tỳ-kheo Thiện-Túc đi khát thực, nghe thấy phạm-chí Ba-lê-Tử ở giữa đại-chúng nói những điều như thế.

Sau khi khát thực xong, Thiện-Túc đi đến chỗ tôi, và nói lại những điều mà Ba-lê-Tử đã nói giữa đại-chúng; tôi nói với Thiện-Túc: *“Nếu Phạm-chí Ba-lê-Tử ở giữa đại-chúng không bỏ lời nói ấy, không bỏ kiến giải ấy, không bỏ sự kiêu mạn ấy, mà đi đến chỗ Ta, thì hoàn toàn không có sự kiện ấy”.*

Bây giờ Thiện-Túc nói: *“Thế-Tôn nên giữ lời, Như-Lai nên giữ lời, vì ông Ba-lê-Tử có đại oai-thần-lực, có đại công-đức, thoát khỏi đời sau; ông ta sẽ không trông thấy sự hư dối của Thế-Tôn ư?”*

Tôi bảo Thiện-Túc: *“Như-Lai có bao giờ nói hai lời không, và vì có gì ông lại nói Như-Lai nên giữ lời?”*

Thiện-Túc đáp: *“Thưa, Như-Lai không bao giờ nói hai lời, nhưng Thế-Tôn tự biết ông Ba-lê-Tử hay vì chur Thiên đến nói chuyện chứ?”*

Lúc ấy tôi bảo Thiện-Túc: {{Ta tự biết, Chur Thiên cũng đến nói cho Ta biết. Về trường hợp Đại-tướng A-do-Đà trong thành Tỳ-xá-Ly này, sau khi chết sinh lên cõi trời Đạo-Lợi, tướng A-do-Đà đến nói với Ta như sau: “Ông Phạm-chí Ba-lê-Tử chẳng biết hổ thẹn, phạm giới vọng ngữ, ông Ba-lê-Tử ở giữa đại-chúng trong thành Tỳ-xá-Ly, nói lời chê bai như thế này: Đại-tướng A-do-Đà chết rồi sẽ sinh vào loài Quỷ Khởi-thi, nhưng thực ra sau khi qua đời ở cõi trần tôi được sinh lên cõi trời Đạo-Lợi”, về việc ông Ba-lê-Tử thì Ta đã biết trước, và các vị Trời cũng đến nói với Ta. Nay Thiện-Túc, kẻ vô trí, ông không tin lời Ta nói, thì vào thành Tỳ-xá-Ly, tùy ông muốn nói gì thì nói; ngày mai, sau khi khát thực, thụ trai xong, Ta sẽ y như lời mà đến chỗ ở của ông Ba-lê-Tử}}.

Hôm sau Thiện-Túc vào thành khát thực, và hướng về những chúng Bà-la-Môn, Sa-Môn, Phạm-Chí, nói đầy đủ những lời như sau: {{Hôm qua, ông Phạm-chí Ba-lê-Tử ở trong đại-chúng đã nói những lời như sau: “Sa-môn Cù-Đàm tự xưng có đại trí-tuệ ta cũng có đại trí-tuệ, Sa-môn Cù-Đàm tự xưng có thần túc ta cũng có thần túc, Sa-môn Cù-Đàm được đạo siêu-việt ta cũng được đạo siêu-việt. Ta sẽ cùng Sa-môn Cù-Đàm hiện thần-túc, Sa-môn hiện một ta sẽ hiện hai, Sa-môn hiện hai ta sẽ hiện bốn, Sa-môn hiện bốn ta sẽ hiện tám; tùy theo Sa-môn Cù-Đàm hiện nhiều hay ít, thì ta đều hiện gấp

đôi”; bởi thế cho nên Sa-môn Cù-Đàm sẽ đến chỗ ở của ông Ba-lê-Tử sau khi khát thực xong trưa nay, vậy mọi người có thể đến đó sau buổi trưa này}}.

Bấy giờ Phạm-chí Ba-lê-Tử đang đi trên đường, Thiện-Túc trông thấy ông ta vội đến gặp và nói: *“Ngày hôm qua, ở giữa đại-chúng, ông đã nói những lời khiêu khích, thách đố đối với Sa-môn Cù-Đàm; Sa-môn Cù-Đàm đã nghe những lời ấy rồi, nay sẽ đến chỗ ở của ông vào sau buổi trưa hôm nay, vậy ông nên mau trở về ngay đi”*.

Phạm-chí Ba-lê-Tử trả lời Thiện-Túc: *“Ta sẽ về, ta sẽ về”*; nói xong Ba-lê-tử lại tự hoảng sợ, chẳng dám về chỗ ở của mình, mà đến rừng của Phạm-chí Đạo-đầu-Ba.

Sau khi thụ trai xong, tôi cùng nhiều chúng Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-Môn, Phạm-chí, v.v., đến chỗ ở của ông Ba-lê-Tử. Mọi người chờ đợi không thấy ông Ba-lê-Tử về, tôi bảo: *“Hiện tại ông ta đang ngồi trên giường dây (giống như võng) trong rừng của ông Đạo-đầu-Ba”*.

Bấy giờ mọi người đều bảo ông Phạm-chí Giá-La là bạn của Ba-lê-Tử: *“Ông Giá-La nên đi đến rừng của ông Đạo-đầu-Ba, và ông vui lòng nói với ông Ba-lê-Tử rằng: chúng tôi gồm Lệ-xa, Sa-môn, Bà-la-môn, Phạm-chí, Cư-sĩ; mọi người đều tập hợp nơi rừng của ông Ba-lê-Tử, và bàn luận về việc ông Ba-lê-Tử đã nói những lời thách thức đối với Sa-môn Cù-Đàm, vậy ông Ba-lê-Tử nên trở về ngay kéo mọi người mong đợi”*.

Ông Giá-La liền đi đến rừng Đạo-đầu-Ba gặp Ba-lê-Tử, và nói những lời đại chúng đã dặn bảo, Ba-lê-Tử trả lời rằng: *“Tôi sẽ về, tôi sẽ về”*.

Khi nói xong lời này, ở trên giường dây xoay trở không yên, dường như giường dây dính chặt vào chân, khiến ông ta không thể rời khỏi giường, hướng chỉ là về; khi ấy ông Giá-La nói với Ba-lê-Tử: *“Chính ông là kẻ vô trí, chỉ có lời nói suông là sẽ về sẽ về, tự mình còn không thể rời khỏi giường, làm sao có thể đi về gặp đại chúng?”*

Quở trách Ba-lê-Tử xong, ông Giá-La liền trở về nói với đại-chúng những sự việc xảy ra như thế; bấy giờ ông Lệ-xa Nhất-đầu-Ma đang ngồi trong đại-chúng liền đứng dậy, trích áo (trệ) bày vai phải, quỳ gối chấp tay mà thưa với đại-chúng: *“Xin quý vị hãy đợi một lúc, tôi xin đi đến đó, đem ông Ba-lê-Tử về đây”*.

Khi đó tôi bảo Lê-xa Nhất-đầu-Ma rằng: “Ông ta nói những lời như thế, kiến chấp như thế, kiêu mạn như thế, mà muốn ông ta về đây, thì không có sự kiện này. Dù ông lấy dây buộc nhiều vòng, cho bầy trâu kéo, chỉ làm cho thân ông ta tan nát, chứ ông ta cũng nhất định không thể về. Nếu ông không tin, cứ đến đó sẽ tự biết”.

Ông Lê-xa Nhất-đầu-Ma đi đến chỗ Ba-lê-Tử và nói: “Đại-chúng đang nóng lòng chờ đợi ông về vì việc ông đã nói có liên quan đến Sa-môn Cù-Đàm. Vậy ông phải trở về ngay lập tức, không thể vì lý do gì mà trì hoãn được nữa”.

Ba-lê-Tử cũng đáp: “Tôi sẽ về, sẽ về”.

Nhưng ông ta ở trên giường dây, toàn thân rung động, mặt mũi nhăn nhó, thân dính chặt vào giường, khiến ông ta không thể rời khỏi giường (rõ ràng bị Phật hành vì kiêu mạn nói bậy).

Bấy giờ Lê-xa Nhất-đầu-Ma nói với Ba-lê-Tử rằng: “Chính ông là kẻ vô trí, chỉ có lời nói suông là sẽ về sẽ về, mà chính mình không thể rời khỏi giường dây, làm sao mà có thể đi về chỗ đại-chúng được?”

Lê-xa nói tiếp: {{Những người có trí nhờ thí dụ mà hiểu. Về quá khứ thật lâu xa, có một con Sư-tử là vua của các loài thú sống trong rừng sâu; con Sư-tử này, vào mỗi buổi sáng sớm, vừa ra khỏi hang, vươn vai ngó quanh bốn phía, kêu to ba tiếng, rồi mới dạo đi lựa thịt mà ăn. Vua Sư-tử của các loài thú ấy khi ăn xong bỏ đi chỗ khác, thường có một con Dã-can theo sau tự đằng xa nhìn trộm. Khi vua Sư-tử ăn xong bỏ đi liền đến ăn thứ dư thừa còn sót lại, nhờ thế mà khí lực Dã-can được đầy đủ, Dã-can tự nói: “Sư-tử kia là thứ gì mà có thể hơn ta được, nay ta có thể đi săn mỗi riêng tại một khu rừng”. Sau đó Dã-can tìm đến một khu rừng, và ở riêng tại đó; vào sáng sớm, ra khỏi hang, kêu to ba tiếng, dù muốn bắt chước tiếng kêu của Sư-tử, nhưng vẫn là tiếng của Dã-can}}.

Ông Lê-xa Nhất-đầu-Ma nói tiếp: “Này Ba-lê-Tử, ông cũng giống như thế, nhờ ân đức của đức Cù-Đàm, nên được sống còn ở thế gian, được người cung kính cúng dường, có nhiều lợi dưỡng, thế mà nay lại muốn cạnh tranh cùng đức Cù-Đàm”.

Nói xong, Lê-xa Đầu-Ma dùng kệ để trách cứ Ba-lê-Tử như sau:

Dã-can xưng Sư-tử,

Tự cho là vua thú,
Muốn rống tiếng Sư-tử,
Lại ra tiếng Dã-can.
Ở rừng vắng một mình,
Tự cho là vua thú,
Muốn rống tiếng Sư-tử,
Lại ra tiếng Dã-can.
Quỳ đất tìm hang chuột,
Moi mò kiếm tử-thi,
Muốn rống tiếng Sư-tử,
Lại ra tiếng Dã-can.

Lệ-xa Đầu-Ma quở trách Ba-lê-Tử xong, trở về thưa với đại-chúng sự việc xảy ra như trên, và xác nhận những lời tôi đã nói; bây giờ tôi cùng với đại chúng nói các thứ pháp, chỉ bảo những điều lợi ích an vui. Hôm ấy, trong đại-chúng ấy, tôi đã rống tiếng rống Sư-tử, rồi thân bay lên hư không, lại trở về chỗ cũ nhẹ nhàng; tôi đã hiện thân thông như thế, Thiện-Túc cũng thấy như thế, do đó ông biết Thiện-Túc là người như thế nào rồi....

ĐỨC PHẬT NÓI:

- Người nào hổ thẹn ở chỗ không nên hổ thẹn, và không hổ thẹn ở chỗ đáng hổ thẹn là ôm ấp tà kiến, người ấy sẽ vào khổ cảnh.
- Người nào thấy sợ ở chỗ không nên sợ, và không sợ ở chỗ đáng sợ là ôm ấp tà kiến, người ấy sẽ vào khổ cảnh.
- Người nào tưởng tượng những lỗi lầm ở chỗ không có lỗi, và không thấy sai ở chỗ sai là ôm ấp tà kiến, người ấy sẽ vào khổ cảnh.
- Người nào thấy sai biết sai, thấy đúng biết đúng là có chính kiến, người ấy sẽ vào nhàn cảnh.

ĐỀ-BÀ ĐẠT-ĐA TẠO TỘI

(Tăng-Nhất A-Hàm, quyển 3, từ trang 451 đến trang 474)

Khi đức Phật ngụ trong vườn Ni-câu-lưu Ca-tỳ La-Việt, vương-tử Đề-Bà Đạt-Đa là em con ông chú của Phật, đến chỗ Phật cúi đầu vái Phật rồi thưa:

- Cúi xin Thế-Tôn cho con được làm Sa-môn.

Phật bảo:

- Ông nên ở tại gia làm việc bổ thí, làm Sa-môn thật chẳng dễ đâu.

Đề-Bà Đạt-Đa ba lần thưa như thế, Phật cũng ba lần trả lời như thế, Đề-Bà Đạt-Đa liền nghĩ: *“Sa-môn này có lòng tật đố, ta có thể tự cạo tóc, tu phạm hạnh, ta đâu cần”*; Đề-Bà Đạt-Đa bèn bỏ đi về, tự cạo râu tóc, mặc áo cà-sa, tự xưng *“Ta là Thích tử”*.

Lúc ấy có một Tỳ-kheo tên Tu-La-Đa tu hạnh đầu-đà, thông suốt ngũ thông. Đề-Bà Đạt-Đa đến chỗ Tỳ-kheo ấy, cúi đầu lễ dưới chân, rồi thưa:

- Cúi xin Tôn-giả nói pháp cho tôi khiến tôi được yên ổn lâu dài.

Tỳ-kheo ấy liền nói pháp cho nghe, Đề-Bà y lời dạy không sai sót, Đề-Bà lại tới thưa:

- Cúi xin Tôn-giả chỉ dạy cho tôi pháp về thần túc, để tôi tu hành.

Bấy giờ Tỳ-kheo Tu-Đà-La lại chỉ cách thực hành pháp thần túc, Đề-Bà Đạt-Đa tu hành không sai sót, sau một thời gian đạt ngũ-thông thần túc biến hóa vô kể, nên tiếng đồn được truyền lan nhanh chóng. Đề-Bà Đạt-Đa dùng sức thần túc bay lên Trời Đạo-Lợi hái các thứ hoa đem về dâng thái-tử A-Xà-Thế và nói:

- Đây là hoa Trời mà tôi đã lấy về tặng thái-tử.

Rồi Đề-Bà Đạt-Đa hóa hiện ra đứa bé ngồi trên đầu gối thái-tử, thái-tử và cung nữ hỏi: *“Đứa bé này ở đâu đến mà ngồi trên đầu gối thế này?”* Vừa bàn tán xong, Đề-Bà lại hiện hóa thân trở lại như cũ, mọi người khen: *“Đây là Đề-Bà Đạt-Đa”*. Thái-tử và cung nữ khen ngợi và truyền tụng: *“Đề-Bà Đạt-Đa có thần túc và danh đức khó ai sánh bằng”*. Từ đó thái-tử thường

cung cấp đủ thứ vật dụng thức ăn cho Đề-Bà. Có Tỳ-kheo đem việc này bạch Phật:

- Đề-Bà Đạt-Đa có thần túc lớn, thường nhận cúng dường đủ thứ của thái-tử A-Xà-Thế.

Phật bảo:

- Các thầy chớ có khởi niệm tham đắm lợi dưỡng của Đề-Bà Đạt-Đa, cũng đừng khen ngợi sức thần thông của ông ấy; vì những vấn đề đó, ông ấy sẽ rơi vào ba đường ác, và thần túc của ông ấy sẽ chấm dứt, tại sao? Tại vì Đề-Bà sẽ tự tạo nghiệp thân khẩu ý.

Khi đó Đề-Bà Đạt-Đa tự nghĩ: *“Sa-môn Cù-Đàm có thần túc, có trí thức, ta cũng có thần túc, có trí thức; Sa-môn Cù-Đàm là dòng họ cao quý, ta cũng là dòng họ cao quý. Nếu Sa-môn Cù-Đàm hiện thần túc một ta sẽ hiện hai, nếu Sa-môn Cù-Đàm hiện bốn ta sẽ hiện tám; tùy theo sức hóa hiện của Sa-môn Cù-Đàm ta sẽ hiện gấp đôi”*.

Vì thái-tử A-Xà-Thế cung cấp vật thực cho Đề-Bà Đạt-Đa, khiến có tới năm trăm Tỳ-kheo đi theo.

Một hôm, Đề-Bà Đạt-Đa dẫn nhóm Tỳ-kheo ấy đến chỗ Phật, ngang nhiên đòi đức Phật nhường quyền lãnh đạo Tăng đoàn cho ông, Đức Phật không nói một câu, Đề-Bà liền la lối om sòm, rồi kêu gọi các Tỳ-kheo đi theo ông sẽ được hưởng nhiều lợi lộc do A-Xà-Thế cúng dàng cho ông. Lúc đó, Tôn-giả A-Nan, là em của Đề-Bà, cố gắng giảng giải, ngăn cản, nhưng Đề-Bà vẫn ngang tàng uy hiếp. Một số Tỳ-kheo tín tâm chưa vững do sự cúng dường của A-Xà-Thế đối với Đề-Bà, nên đã đi theo.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo thưa Phật:

- Đề-Bà Đạt-Đa có thần túc lớn mới có thể phá hoại Tăng đoàn.

Phật bảo:

- Không phải hôm nay Đề-Bà Đạt-Đa mới phá hoại Tăng đoàn, đòi quá khứ, ông ta đã từng phá hoại Tăng đoàn.

Ta chẳng thấy Đề-Bà có pháp lành nào cả, ngược lại Đề-Bà ngày càng tạo ác sâu nặng, sẽ chịu tội nhiều kiếp, chẳng thể chữa trị, ví như có kẻ rớt xuống hầm cầu tiêu, thân chìm lỉm, không còn một chỗ sạch; có người muốn cứu vớt lên, họ nhìn kỹ không có một chỗ sạch để nắm kéo lên, liền bỏ đi.

Ta xem Đề-Bà ngu si, ham lợi dưỡng, tạo tội, không chịu sửa đổi, khi chết sinh trong đường ác (Tăng-Nhất A-Hàm, quyển 1, trang 126).

Mấy hôm sau, Tôn-giả Xá-Lợi-Phất biết được Đề-Bà đến gây rối Tăng đoàn, Tôn-giả bèn đến chỗ ở của họ, lúc ấy chỉ có một số Tỳ-kheo ở đó, Tôn-giả hỏi họ:

- Nay quý vị, tôi hỏi một câu: “*Quý vị xuất gia tu đạo là vì sự cúng dường hay vì sự tu đạo?*”

Mọi người đều đáp:

- Chúng tôi xuất gia vì mục đích tu đạo để giải thoát sinh tử.

Tôn-giả đồng dục nói lớn:

- Nếu vậy, các ông không theo chính đạo của đức Thế-Tôn, lại để cho lòng tin của mình bị lay động bởi một chút vật chất, các ông phải mau tỉnh ngộ.

Nghe vậy, một số Tỳ-kheo đi theo Tôn-giả về lại Tăng đoàn.

Một hôm, Thế-Tôn vào thành La-Duyệt đi khát thực, xa xa trông thấy Đề-Bà Đạt-Đa, Ngài liền đi ngả khác; Tôn-giả A-Nan đi theo phía sau thấy tự nhiên Phật quẹo ngả khác, bèn hỏi:

- Sao Thế-Tôn đang đi lại rẽ ngả khác?

- Ta không muốn gặp Đề-Bà Đạt-Đa.

- Thế-Tôn sợ Đề-Bà Đạt-Đa sao?

- Ta không sợ, nhưng Ta không muốn gặp kẻ ác.

- Thế-Tôn có thể khiến Đề-Bà đi nơi khác.

- Ta không muốn làm như vậy.

- Nhưng Đề-Bà có lỗi với Thế-Tôn.

- Chẳng nên gặp người ngu si (Tăng-Nhất A-Hàm, quyển 1, trang 432).

Một ngày nọ, hai Tôn-giả Xá-Lợi-Phất và Mục-Kiền-Liên sau khi khát thực xong, bàn với nhau: “Chúng ta đến chỗ Đề-Bà Đạt-Đa nghe ông ấy nói

pháp, xem là luận thuyết gì”, liền cùng đi đến chỗ ấy. Đề-Bà Đạt-Đa xa thấy hai người đi tới, liền bảo các Tỳ-kheo:

- Hai người kia là đệ tử của Tất-Đạt (tên của Phật trước khi xuất gia), rất được khen ngợi.

Hai Tôn-giả đến rồi, cùng hỏi thăm, ngồi một bên; thấy thế, các Tỳ-kheo đều nghĩ: “*Đệ-tử của Sa-môn Cù-Đàm, nay hướng hết về Đề-Bà*”. Đề-Bà Đạt-Đa bảo Tôn-giả Xá-Lợi-Phất:

- Nay thầy có thể thuyết pháp cho các Tỳ-kheo chăng? Tôi đau lưng muốn nghỉ một chút.

Đề-Bà bèn nằm nghiêng ngay đó, do lòng vui mừng nên ngủ luôn; hai Tôn-giả thấy thế, liền dùng thần túc đem các Tỳ-kheo lên không trung đi mất; khi Đề-Bà thức dậy, không thấy các Tỳ-kheo, rất giận dữ nói: “*Ta phải trả thù này, nếu không thì không gọi là Đề-Bà Đạt-Đa*”, vì khởi ý ác ấy, nên liền mất thần túc.

Đề-Bà Đạt-Đa đến nói với thái-tử A-Xà-Thế:

- Người xưa thọ mạng rất dài, ngày nay quá ngắn ngủi, nếu Thái-tử chết chắc lại sinh trong nhân gian, sao không giết phụ vương rồi lên ngôi vua, tôi sẽ giết Sa-môn Cù-Đàm và sẽ làm Phật; Vua mới, Phật mới thì có vui thích không?

Bởi vậy A-Xà-Thế nghe lời xúi ấy, bèn cấu kết với quân thị vệ bắt vua cha giam vào ngục, cấm cho mang thức ăn vào ngục cho tới chết đói!

Đề-Bà thấy A-Xà-Thế đã hại vua cha xong, bèn khởi nghĩ: “*Ta sẽ giết Sa-môn Cù-Đàm để làm Phật trong ba cõi*”.

Một hôm, Thế-Tôn đang đi cạnh núi Kỳ-xà-quật, Đề-Bà leo lên núi, vác một tảng đá lớn ném vào Thế-Tôn. Sơn thần Kim-Tỳ-La tại núi ấy liền lấy tay đỡ, tảng đá bị vỡ bể một mảnh đá nhỏ văng trúng chân Phật làm chảy máu. Đức Phật nói:

- Ông muốn hại Như-Lai, đây là tội ngũ nghịch.

Đề-Bà nghĩ: “*Nay ta không giết được Sa-môn Cù-Đàm*”, liền bỏ đi đến chỗ A-Xà-Thế, nói chuyện về việc ném đá bị thất bại và bàn kế:

- Nên cho voi uống rượu say, rồi thả nó ra khi Sa-môn Cù-Đàm vào thành khát thực ngày mai. Con voi dữ chắc sẽ hại được Sa-môn Cù-Đàm. Nếu có

tha tâm thông, ngày mai Sa-môn sẽ không vào thành; nếu không có tha tâm thông, ngày mai vào thành khát thực ắt bị voi hung dữ làm hại.

Vua A-Xà-Thế nghe theo, bèn sai người quản voi làm theo kế hoạch, lại ra lệnh cho dân không nên đi lại trong khoảng giờ ấy.

Hôm sau, đức Phật đúng thời đi khát thực như hằng ngày, một số người biết được sự việc như thế, bèn đón Phật và nói những điều như thế và khuyên Phật chớ nên vào thành. Nhưng Phật bảo họ đừng lo vì: ***“Phàm đã là bậc chính-giác, người khác không thể hại được”***.

Khi Thế-Tôn vào thành, voi dữ từ xa hý vang, vòi vung qua quật lại, rậm rạp chạy như vũ bão, xông xộc tới; Phật thấy voi giận dữ chạy tới liền nói kệ:

Voi chớ hại đến Ròng,
Voi, Ròng khó xuất hiện,
Do không hại đến Ròng,
Được sinh vào cõi lành.

Voi nghe nói kệ, liền đến gần quỳ mọp, liếm chân Phật; Voi vì hồi quá không an, liền chết, sinh lên cõi Trời Đạo-Lợi, Phật tiếp tục đi khát thực; Vua A-Xà-Thế và Đề-Bà Đạt-Đa từ xa thấy voi đã chết buồn rầu không vui, Đề-Bà nói với vua:

- Sa-môn Cù-Đàm đã giết chết voi.

Vua đáp:

- Sa-môn Cù-Đàm có sức oai thần lớn nên mới hại được voi, Sa-môn này có oai đức lớn mới không bị voi dữ hại.

Đề-Bà nói:

- Sa-môn Cù-Đàm có chú thuật khiến ngoại đạo dị học thấy đều hàng phục, huống chi loài vật.

Lúc ấy Đề-Bà nghĩ: *“Vua A-Xà-Thế này ý muốn như thay đổi”*, nên buồn, bỏ đi ra ngoài thành. Tỳ-kheo Ni Pháp-Thí gặp Đề-Bà Đạt-Đa, liền nói:

- Điều ông làm rất sai quấy, bây giờ hối lỗi còn dễ, sau này sẽ khó.

Đề-Bà nghe nói, thì bực bội quát:

- Đồ ngu! Ta có lỗi gì mà nay dễ sau khó?

Tỳ-kheo Ni đáp:

- Nay ông đi chung với kẻ ác và tạo các điều không tốt.

Bấy giờ, Đề-Bà nổi giận như điên như khùng, đánh tới tấp vào Tỳ-kheo Ni cho đến chết mới thôi! Hại chết bậc A-La-Hán Ni, Đề-Bà Đạt-Đa bỏ về chỗ ở, tuyên bố với các đệ tử:

“Chỗ nào có ác, ác từ đâu sinh? ai làm việc ác này phải chịu quả báo đó, ta cũng chẳng làm việc ác này mà phải chịu quả báo”. (Tăng-Nhất A-Hàm, quyển 1, trang 148).

Có Tỳ-Kheo nghe được những lời ấy, đến thưa với Phật, Ngài bảo:

- Có ác thì có tội, thiện ác đều có báo ứng. Nếu Đề-Bà kia biết có quả báo liền sẽ khô héo, sầu lo chẳng vui, máu sẽ phun lên đầy mặt; vì ông ta chẳng biết quả báo nên mới nói như vậy.

Một hôm, Đề-Bà Đạt-Đa nói với các đệ tử:

- Ta khởi ý ác với Sa-môn Cù-Đàm, xong việc ấy không nên; vì A-La-Hán lại khởi ý ác đối với A-La-Hán, nay ta có thể hướng về Cù-Đàm sám hối.

Đề-Bà lo buồn sinh bệnh trầm trọng, ông nói với các đệ tử của mình:

- Ta không đủ sức đến chỗ Cù-Đàm để sám hối.

Nói rồi lại lén đi lấy thuốc độc bôi vào mười đầu ngón tay, xong bảo các đệ tử khiêng đến chỗ Sa-môn Cù-Đàm.

Khi ấy Tôn-giả A-Nan xa xa thấy liền thưa Phật:

- Đề-Bà Đạt-Đa đến chắc có tâm hối hận muốn hướng về Thế-Tôn cầu xin hối cải.

Phật bảo A-Nan:

- Người ác ấy không thể đến chỗ Như-Lai.

Tôn-giả A-Nan ba lần thưa như thế, Phật trả lời cũng ba lần như thế.

Bấy giờ đến gần chỗ Thế-Tôn, Đề-Bà Đạt-Đa bảo các đệ tử:

- Ta muốn xuống võng, ta không muốn nằm ra mắt Thế-Tôn.

Các đệ tử liền dừng chân, Đề-Bà Đạt-Đa vừa bước chân xuống đất, tự nhiên có lửa gió đốt cháy chân, thân; Đề-Bà bị lửa đốt liền khởi tâm hối hận,

muốn niệm “Nam Mô Phật”, nhưng chưa kịp mà chỉ nói được “Nam Mô” liền ngã lăn ra chết. Sau khi thấy Đề-Bà chết, Tôn-giả A-Nan hỏi Phật:

- Đề-Bà Đạt-Đa có bị đọa Địa-ngục không, nếu bị đọa thì tại Địa-ngục nào?

Phật bảo Tôn-giả:

- Ông ấy có ác tâm đối với Như-Lai, khi chết đọa Địa-ngục A-Tỳ vì phạm tội ngũ nghịch, và phải chịu khổ hết đại kiếp trong hiện kiếp này.

A-Nan nghe Phật nói, buồn khóc mà hỏi Phật:

- Đề-Bà Đạt-Đa từ Địa-ngục ra sẽ sinh về đâu, và về lâu xa về sau Đề-Bà có tạo được công đức gì đáng kể không?

Phật bảo:

- Đề-Bà Đạt-Đa mạng chung ở Địa ngục sinh lên các cõi Trời, trải qua 60 kiếp không rơi vào ba đường ác, qua lại cõi Trời, Người; thân sau chót, ông ta sẽ cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, thành vị Bích-Chi Phật hiệu là Nam-Mô. Vì ông ta có ý lành trong giây lát lúc cuối khi mạng chung, khởi tâm hòa vui nói: “Nam mô”, nên sau làm Bích-Chi Phật hiệu Nam-Mô; nghe Phật nói thế, Tôn-giả A-Nan cảm thấy phấn khởi, không còn buồn rầu nữa.

Mấy ngày sau, Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên, trong đại chúng, đứng lên vái Phật và thưa:

- Nay con muốn xuống Địa-ngục A-Tỳ nói về yếu hạnh nhẫn nhục, hoan hỷ cho Đề-Bà Đạt-Đa, vì con hiểu được 64 âm thanh thông suốt ngôn ngữ, con sẽ dùng âm thanh ấy nói với Đề-Bà Đạt-Đa.

Phật bảo:

- Thầy nên biết, chớ vội vàng hung bạo, chuyên tâm chính ý chớ khởi loạn tưởng; vì hạng chúng-sanh đọa Địa-ngục khó điều phục, thầy nên biết đúng lúc.

Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên vái Phật, rồi liền ở trước Phật vào Địa-ngục trong chớp mắt; khi Tôn-giả đang ở trong Địa-ngục A-Tỳ, đứng trên hư không kêu gọi : “Đề-Bà Đạt-Đa, Đề-Bà Đạt-Đa”. Không thấy gì, cũng không nghe tiếng trả lời, nhưng sau đó có tiếng hỏi:

- Ông là ai, muốn kêu Đề-Bà Đạt-Đa nào?, tại đây có nhiều Đề-Bà Đạt-Đa.

- Ta là Đại Mục-Kiền-Liên, đại đệ tử của Thế-Tôn, nay ta muốn tìm gặp Đề-Bà Đạt-Đa là em con nhà chú của Phật Thích-Ca.

Ngục tốt nói:

- Xin Tôn-giả chờ một chút.

Quý ngục ấy đốt lửa vào thân Đề-Bà Đạt-Đa cho tỉnh rồi nói:

- Kẻ ngu si này, ngủ gù mà mê mệt như thế.

Đề-Bà bị khổ bức bách, tỉnh dậy nói:

- Các ông dạy bảo tôi điều gì, tôi xin vâng hết.

Ngục tốt bảo:

- Người hãy nhìn lên trên kia coi.

Vừa nói ngục tốt vừa chỉ Tôn-giả, Đề-Bà nhìn lên thấy người ngồi kiết già trên hoa sen, rực rỡ sáng ngời như mặt trời vàng chói, bèn nói:

- Vị nào đây? Có điều chi dạy bảo tôi xin vâng hết.

Tôn-giả nói kệ:

Ta đệ tử Thích-Ca,
Thuộc dòng dõi Cù-Đàm,
Đại Thanh-Văn trong ấy,
Tên Đại Mục-Kiền-Liên.

Rồi Tôn-giả bảo:

- Tôi do Phật sai đến, muốn thương xót nhỏ gốc khổ cho ông, Đề-Bà Đạt-Đa chớ lo sợ, Địa-ngục khổ nhất không hơn chỗ này; Đức Phật Thích-Ca chí chân thương xót tất cả chúng-sanh các loài cho đến côn trùng nhỏ tí như mẹ thương con.

Rồi Tôn-giả kể hết những việc Phật đã thọ ký cho Đề-Bà Đạt-Đa nghe, nghe rồi Đề-Bà vui mừng hơn hở, tâm lành phát sinh, thưa với Tôn-giả:

- Lời nói của Như-Lai tôi hoàn toàn tin, Như-Lai đại từ đại bi hóa độ kẻ ngu, dù tôi nằm ở Địa ngục A-Tỳ này trải qua một đại kiếp, tâm ý vẫn chuyên nhất không mệt mỏi.

Tôn-giả hỏi Đề-Bà Đạt-Đa:

- Thế nào, sự đau đớn ra sao, nó như thế nào?

Đề-Bà đáp:

- Sự đau đớn của tôi vô cùng tận! Bánh xe nóng đỏ nghiền nát thân tôi, lại có chày sắt đập nát thân ra, voi đen dữ dằn đạp thân tôi nát tan; lại có núi lửa đè

trên đầu mặt làm cho xẹp lép. Áo mặc hóa thành lá đồng nóng đỏ cuốn lấy thân thiêu đốt hết cả da thịt; đau khổ cùng cực như thế, chịu sao thấu!

Tôn-giả nói kệ bảo:

- Đó là do tội báo ông đã gây ra, do ông bực tức nổi giận đối với bậc Thánh nên bị chày sắt đập nát thân hình. Do ông gây rối, chia rẽ Tăng đoàn nên bị xe nóng nghiền nát thân ra. Do ông vác đá lớn ném mưu hại thân Phật nên bị quả báo núi lửa đè đầu mặt làm cho xẹp lép. Do ông bảo vua cho voi uống rượu say ý mong hại thân Như-Lai, nên bị voi đen giầy đạp trên mình. Do ông nổi hung ác trước người khuyên bảo rồi đánh chết Tỳ-kheo Ni, nên bị lá đồng đốt cuốn quanh khắp thân không gỡ ra được; tội gốc chính là vậy, nay ông phải tự nhất tâm hướng về Phật sẽ được phúc.

Đề-Bà Đạt-Đa nói:

- Tôi nay cúi đầu lễ chân Phật, xin Tôn-giả cho tôi gửi lời thăm hỏi Thế-Tôn, và thăm hỏi A-Nan.

Bấy giờ, Tôn-giả Đại Mục-Kiền-Liên phóng thân lực khiến các khổ não trong Địa-ngục tạm dừng lại, rồi nói kệ:

Hãy niệm Nam-mô Phật,
Bậc Chính-Đẳng tối thắng,
Ngài sẽ ban yên ổn,
Dẹp trừ các khổ não.

Bấy giờ, có sáu vạn người được dứt quả báo khổ, liền mạng chung nơi ấy, tái sinh đến các cõi lành. Tôn-giả liền trở về, vái Phật rồi thưa:

- Đề-Bà Đạt-Đa cung kính vô lượng lễ chân Phật và thăm hỏi Thế-Tôn, ông ta cũng thăm hỏi Tôn-giả A-Nan, ông ta nói: “Được Như-Lai thọ ký sẽ thành Bích-Chi Phật hiệu Nam-Mô, dù cho tôi ở trong Địa-ngục một đại kiếp cũng không mệt mỏi”.

Phật nói:

- Lành thay, Mục-Kiền-Liên, thầy làm được nhiều lợi ích, thương tưởng loài ngu tối, trời, người được nhiều an lạc.

LỜI BÀN:

Đọc qua bài Đề-Bà Đạt-Đa tạo tội, chúng ta thấy khởi đầu, Đề-Bà Đạt-Đa đến chỗ Phật xin theo Phật tu hành. Lúc ấy Phật khuyên Đề-Bà nên ở tại gia tu phước và từ chối không chấp thuận cho làm Tỳ-kheo, chúng ta nghĩ:

“Đề-Bà Đạt-Đa là bà con anh em cùng dòng Hoàng gia, tại sao Phật lại từ chối như thế?”. Chúng ta có biết đâu rằng Phật có Phật nhãn, Ngài thấy trước những gì có thể xảy ra nếu nhận con người ấy vào tu trong Tăng đoàn; do đó Phật đã từ chối để ngăn ngừa trước, nhưng Ngài đã không ngăn ngừa được khi Đề-Bà cố ý làm.

Đến khi Đề-Bà học được ngũ-thông, chưa phải là bậc A-La-Hán (có lục-thông), nhưng vì tính hiếu thắng, trí kiêu căng, lòng tham lợi lộc, nên đã khoe tài thần thông của mình; đồng thời lòng kiêu căng nổi dậy, tính phàm phu vị kỷ che khuất tất cả, nên đã khởi ra những ý nghĩ kiêu ngạo như: *“Sa-môn Cù-Đàm hiện thân tức một, ta sẽ hiện hai, Sa-môn hiện bốn ta sẽ hiện tám v.v...”*; đây chính là những kẻ vô minh không biết mình, không biết người nên mới nghĩ như thế.

Tới khi ném đá mưu giết Phật không thành, Phật chỉ bị mảnh đá văng làm chảy máu chân chút đỉnh; nếu là người trí phải tự hỏi: *“Tại sao ném như thế mà tảng đá lại văng ra chỗ khác, không trúng?”* Nếu Đề-Bà chịu suy xét, phải nghĩ rằng: *“Phải có việc gì bí ẩn, nên mới có hiện tượng ném thẳng mà sao tảng đá bật qua một bên như có người hay vật gì đỡ lại vậy”*; nếu Đề-Bà suy xét và biết như vậy, có lẽ ông ta đã quỳ mọp trước Phật để xin tha thứ, hoặc không còn dám nghĩ tới các hành động ác khác nữa.

Nhưng vì ngu dốt nên mới tiếp tục đi sâu vào tội ác, ông ta bèn đến chỗ vua ác A-Xà-Thế bày mưu độc dùng voi say giết Phật. Nhưng rồi, kế hoạch ác ấy cũng bị thất bại.

Khi voi đang khêu mạnh cường tráng như thế mà tự nhiên lăn đùng ra chết không giãy giụa, phải tự hỏi là tại sao như thế? Mặc dù ông ta nói được câu: *“Sa-môn Cù-Đàm có chú thuật khiến các ngoại đạo dị học đều thấy hàng phục...”* khi nói với vua A-Xà-Thế. Nhưng sự vô minh chưa dễ gì tỉnh được, kẻ ác ngu si tăm tối càng lún sâu trong tội ác.

Trên đường đi, Đề-Bà gặp Tỳ-kheo Ni Pháp-Thí khuyên bảo lẽ phải như thế, không những không hồi tỉnh, lại còn nổi cơn thịnh nộ đánh chết người không góm tay.

Khi bệnh đến thân, mặc dù nói được những lời hối lỗi, nhưng lại là những lời giả dối: Miệng nói hối lỗi, nhưng tâm nghĩ và việc làm lại khác, miệng nói với các đệ tử rằng *“Ta muốn tới chỗ Sa-môn Cù-Đàm để sám hối”*,

nhưng lại ngằm lấy thuốc độc bôi vào mười đầu ngón tay, để làm gì? Kẻ ngu đã lún sâu vào tội ác, lại càng mưu độc lún sâu hơn vào tội đại ác.

Đề-Bà Đạt-Đa quyết giết Phật để làm Phật ba cõi! Thật là mơ ước của kẻ khùng điên, vì lúc này ông ta đã mất hết thần thông rồi, đâu có khác gì kẻ phàm phu bình thường; vậy mà vẫn chưa tỉnh ngộ, để đến nỗi phải mạng vong, sa địa-ngục!..

ĐIỀU NÊN BIẾT:

**Dục là nguồn gốc.
Tiếp xúc là hòa hợp.
Cảm thọ là dẫn khởi.
Tư tưởng là sự có (hữu).
Suy niệm là thượng chủ.
Định tĩnh là tiền đạo.
Huệ là tối thượng.
Giải thoát là chắc thật.
Niết Bàn là cứu cánh.**

NHỮNG LỜI KIÊU MẠN

(Trường A-Hàm, Quyển1, từ trang 365 đến 385)

Khi đức Phật du hóa đến núi Tỳ-ha-La, thuộc thành La-duyet-Kỳ, Ngài trú ngụ trong động cây Thất-diệp (Sau này tập kết Kinh Luật ở đây); có một vị Cư-sĩ tên là Tán-đà-Na thuộc thành La-duyet-Kỳ, cứ mỗi ngày thường đến chỗ Phật ngụ. Một hôm trên đường đi, Cư-sĩ Tán-đà-Na nhìn bóng mặt trời thấy còn sớm, vì Cư-sĩ nghĩ rằng đức Phật còn đang nhập định, và các vị Tỳ-kheo cũng còn đang thiền-định; nghĩ như vậy, nên Cư-sĩ Tán-đà-Na tạm thời tạt vào nghỉ chân tại rừng Ô-tạm Bà-Lợi.

Lúc đó trong rừng Ô-tạm Bà-Lợi có Phạm-chí tên là Ni-câu-Đà cùng năm trăm đệ-tử ở đó, họ đang lớn tiếng bàn luận chính trị. Khi Phạm-chí Ni-câu-Đà vừa trông thấy bóng dáng Cư-sĩ Tán-đà-Na từ xa đi tới, ông liền ra lệnh:

- Mọi người hãy giữ im lặng, vì có người lạ đang đi tới.

Từ xa, Cư-sĩ đã nghe tiếng nói chuyện ồn ào, nên sau khi gặp, chào hỏi xã giao xong, ông nói với Phạm-chí Ni-câu-Đà:

- Thầy tôi là Sa-môn Cù-Đàm thường ưa yên tĩnh không chịu ồn ào, không giống như các ông thường hay bàn luận ồn ào.

Phạm-chí Ni-câu-Đà đáp lời:

- Sa-môn Cù-Đàm có lần nào cùng ông đàm luận không, Ông làm sao biết được Sa-môn Cù-Đàm có đại trí-tuệ? Ông ở nơi biên địa khác nào như trâu đui ăn cỏ, sự thấy biết của ông thiên lệch; Sa-môn Cù-Đàm thầy của ông cũng vậy, ưa bảo thủ những quan niệm thiên lệch, và thích ở chỗ không người; nếu thầy ông tới đây, chúng tôi sẽ gọi là “*con trâu đui*”. Còn việc Sa-môn Cù-Đàm thường tự xưng là đại trí-tuệ, nhưng chúng tôi chỉ cần dùng một câu là làm cho ông ta bí lỗi, mà phải làm thỉnh; ông ta cũng ví như “*con rùa thun rút hết đầu đuôi bốn chân vào vỏ*”, và cho như thế là yên, nhưng chúng tôi chỉ cần một mũi tên bắn ra là không còn chỗ trốn.

Bấy giờ đức Thế-Tôn đang ở trong tịnh-thất nghe (Ngài dùng Thiên nhĩ) Phạm-chí nói những lời như thế, Ngài liền rời động cây Thất-diệp, đi đến chỗ Phạm-chí Ni-câu-Đà. Phạm chí Ni-câu-Đà trông thấy đức Phật từ đằng xa đi tới, vội bảo các đệ-tử rằng:

- Sa-môn Cù-Đàm đang đến đây, vậy các người chớ đón tiếp, không cung

kính, cũng không mời ngồi; trái lại chỉ một chỗ riêng cho ông ta ngồi mà thôi, rồi hỏi: “*Sa-môn Cù-Đàm từ đâu tới? Ông dùng pháp gì để dạy đệ-tử khiến họ được tịch tĩnh ?*”.

Phạm-chí vừa nói xong thì đức Thế-Tôn cũng vừa tới nơi, các đệ-tử Phạm-chí bắt gặp tự nhiên đứng dậy nghênh tiếp và nói:

- Quý hóa thay đức Cù-Đàm đến đây! Vinh hạnh thay đức Sa-môn đến đây! Xin mời Ngài ngồi tạm chỗ phía trước đây, từ lâu không được gặp Ngài, nay có việc gì Ngài lại đến đây?

Tại sao họ lại thay đổi thái độ một cách mau chóng như vậy? Đó là do oai nghi thần-lực của Phật khiến ác tâm của họ bị tiêu tan. Sau khi đức Phật an tọa rồi, cư-sĩ Tán-đà-Na cúi đầu đánh lễ Phật, rồi ngồi qua một bên, lúc ấy Phạm-chí Ni-câu-Đà nói:

- Sa-môn Cù-Đàm: từ đâu đến đây, Ông dùng pháp gì để dạy đệ-tử khiến họ được tịch tĩnh?

Đức Phật liền nói:

- Thôi đi Phạm-chí: pháp của Ta dạy bảo đệ-tử từ trước đến nay thì không thể nào ông so sánh được, ngay cả thầy ông và đệ-tử tu hành tịnh hay bất tịnh Ta đều có thể nói được.

Lúc đó các đệ-tử của Phạm-chí bàn tán với nhau: “*Sa-môn Cù-Đàm có thần-lực lớn, có trí-tuệ lớn, người ta hỏi nghĩa lý của mình, mà mình lại nói nghĩa lý của người ta*”. Khi ấy Phạm-chí Ni-câu-Đà nói:

- Tốt lắm, xin ông hãy phân biệt rõ ràng, chúng tôi đang muốn nghe.

Đức Phật nói:

- Những việc làm của các ông đều thấp kém như lửa thếp rồi lấy tay che, hoặc không nhận thức ăn đựng trong bát. Không nhận đồ ăn khi người ta đang ăn, hoặc khi nhà người ta có người đang có thai. Không nhận thức ăn khi nhà có chó đứng trước cửa, hoặc nhà có nhiều ruồi. Không nhận thức ăn khi người tu hành mời, hoặc một ngày hai ngày cho đến bảy ngày chỉ ăn một bữa. Hoặc chỉ ăn rau, chỉ ăn cỏ, chỉ uống nước cháo, chỉ ăn mè (vừng), chỉ ăn gạo sống. Hoặc ăn phân bò, phân nai; hoặc ăn rễ, búp, lá, hạt; hoặc ăn quả (trái cây) rụng; hoặc choàng áo trên vai, mặc áo cỏ, áo vỏ cây, áo da nai; hoặc cuốn cỏ quanh mình, mang tấm lông, mặc áo bỏ ngoài gò má; hoặc không ngồi giường, cạo tóc chừa râu, nằm trên chông gai; hoặc nằm trên trái cây vỏ cứng, lửa thếp nằm trên đồng phân bò; hoặc một ngày tắm ba lần, hoặc một đêm tắm ba lần.

Tóm lại: các ông dùng vô số khổ hạnh để hành hạ xác thân như thế, ông nghĩ sao, tu khổ hạnh như vậy đáng gọi là thanh tịnh chăng; nếu ông cho là thanh tịnh, Ta sẽ từ trong cái tịnh ấy mà chỉ ra những điều bất tịnh cho ông xem.

Phạm-chí đáp:

- Đó là những pháp thanh tịnh chứ chẳng phải là bất tịnh, ông cứ nói những điều bất tịnh, tôi đang muốn nghe.

Đức Phật bảo:

- Người tu khổ hạnh, trong tâm vẫn tự nghĩ: “Nay ta tu như thế này, sẽ được mọi người nể vì, cung kính, lễ bái, cúng dường”, đó không phải là thanh tịnh, mà là cấu uế (dơ bẩn, xấu xa, dơ hèn, tồi tệ); người tu khổ hạnh khi được cung kính, lễ bái, cúng dường liền say đắm không muốn từ bỏ, luyến ái không muốn thoát ly, đó là luyến ái xấu xa cấu uế.

Khi vừa trông thấy bóng dáng người lạ đến, vội vàng cùng bảo nhau ngồi thiền, nhưng khi không có người lạ lại tự ý đi đứng, ngồi nằm, chuyện trò thỏa thích, đó là không chân chính, cấu uế; khi nghe chính nghĩa của người khác không chịu nhìn nhận, đó là kiến giải sai lầm cấu uế; nếu ai hỏi đúng mà tiếc rẻ không chịu đáp, đó là tư tưởng xấu xa cấu uế.

Thấy người cúng dàng Sa-môn, Bà-la-Môn, sinh lòng chê bai, cản trở gièm pha, đó là cấu uế hèn hạ; nếu có thức ăn, tham lam giữ ăn một mình, đó là ích kỷ dơ bẩn cấu uế; người tu khổ hạnh mà sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời ly gián, nói lời độc ác, nói lời thêm bớt, tham lam, sân hận, tà kiến, đó là cấu uế.

Tu khổ hạnh mà lười biếng, ham vui mê mồi, không tu thiền định, đó là buông lung phóng đãng cấu uế; người tu khổ hạnh không có tín nghĩa, không giữ tịnh giới, không siêng năng học hỏi, kết bạn cùng người ác để làm việc ác, đó là cấu uế; nếu tu khổ hạnh mà thích làm những điều xảo trá, tìm tòi những chỗ sơ hở của người khác, đó là thấp hèn cấu uế.

Thế nào Ni-câu-Đà, lỗi tu khổ hạnh như vậy đáng gọi là thanh tịnh chăng?, Ta sẽ từ trong pháp cấu uế của các ông mà chỉ ra pháp thanh tịnh không cấu uế.

Phạm-chí Ni-câu-Đà đáp:

- Đó là bất tịnh chứ không phải là thanh tịnh, xin Ngài cứ nói những pháp thanh tịnh không cầu uế.

Đức Phật giảng:

Người tu khổ hạnh không tự nghĩ rằng: “*Ta tu như thế sẽ được cung kính, lễ bái, cúng dường*”, đó là pháp khổ hạnh dứt trừ cầu uế; người tu khổ hạnh khi được cúng dường, nhưng tâm không tham đắm, biết cách thoát ly, xa lià, đó là tốt đẹp không cầu uế.

Tu khổ hạnh thường tu tọa thiền theo thường lệ, chứ không vì có người hay không có người đến mà thay đổi, đó là chân chính xa lià cầu uế; khi nghe đến chính nghĩa của người khác liền vui vẻ tin nhận, đó là đúng đắn không cầu uế; nếu có ai hỏi han liền vui vẻ giải đáp, đó là đàng hoàng xa lià cầu uế.

Khi thấy người cúng dường Sa-môn, Bà-la-Môn, thì vui mừng thế cho họ không gièm pha cản trở, đó là có tâm hoan hỷ không cầu uế; lúc nhận được thức ăn, không luyến tiếc tham đắm, không dành ăn một mình, mà chia cho kẻ khác, đó là vị tha hòa đồng xa lià cầu uế; không tự khen mình chê người, đó là chân chính không cầu uế.

Không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói lời ly gián, không nói lời thêm bớt, không nói lời độc ác, không tham lam, không giận hờn thù hận, không tật đố tà kiến, đó là đoạn diệt cầu uế.

Chẳng tự cao tự đại, chẳng kiêu căng ngã mạn, đó là xa lià cầu uế; giữ lòng tín nghĩa, thực hành hạnh báo đáp, giữ gìn tịnh giới, siêng năng học hỏi, làm bạn với người lành, lo tích chứa điều lành, đó là phạm hạnh không cầu uế; không xảo quyệt, không ý mình hiểu biết, không tìm khuyết điểm của người, đó là cao cả xa lià cầu uế.

Này Ni-câu-Đà nghĩ thế nào, pháp khổ hạnh như vậy có phải là pháp thanh tịnh xa lià cầu uế không?

Phạm-chí đáp:

- Đúng vậy, quả thật đó là những pháp thanh tịnh xa lià cầu uế.

Rồi Phạm-chí hỏi Phật:

- Chẳng hay pháp khổ hạnh đến mức độ này có được gọi là kiên cố đệ nhất hay chưa? Xin Ngài cho biết.

- Chưa, đó mới chỉ là vỏ cây thôi, chưa được gọi là kiên cố. Nay Ni-câu-Đà, người tu khổ hạnh tự mình không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói hai lời đối chọi nhau, không nói lời ly gián, không nói lời thêm bớt, không nói lời độc ác, không tham lam, không giận hờn thù hằn, không tật đố tà kiến. Người tu khổ hạnh cũng không bảo người khác làm các việc ác ấy, người này đem tâm Từ trải khắp một phương, đến các phương khác cũng vậy, với tâm Từ quảng-đại, bình đẳng khắp cả thế-gian, không oán giận; với tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả cũng như thế, người tu khổ hạnh này mới được gọi là lõi cây.

- Xin Ngài nói về nghĩa khổ hạnh kiên cố.

- Hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho.

- Vâng.

- Người tu khổ hạnh đã như lõi cây ở trên rồi, còn phải biết việc xảy ra trong vô số kiếp về trước, hoặc một đời, hoặc hai đời cho đến vô số đời, quốc độ thành hoại hay kiếp số trước sau đều biết hết. Đồng thời còn phải biết rõ mình từng sinh vào chủng tộc đó, tên tuổi như thế, từ đó sinh về đây, từ đây chết đi rồi sinh về kia; tất cả những việc từ vô số kiếp như thế đều nhớ cả, đó là người tu khổ hạnh kiên cố không hoại.

- Xin Ngài giảng thế nào là pháp khổ hạnh bậc nhất?

- Hãy lắng nghe, Ta sẽ nói cho.

- Vâng, thưa đức Thế-Tôn, con đang muốn nghe.

- Nay Ni-câu-Đà, những người tu khổ hạnh đã không làm mười điều ác, cũng không bảo người khác làm mười điều ác; vị ấy đem trải tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả rải khắp thế-gian. Vị ấy tự biết việc xảy ra cho chính mình trong vô số kiếp, và vị ấy có thể dùng thiên-nhãn thanh tịnh quán sát các loại chúng-sanh thấy họ chết đây sinh kia, sinh ở cõi tốt, cõi xấu đều thấy biết hết. Lại còn thấy rõ có chúng-sanh thân làm điều ác, miệng nói lời ác, ý nghĩ việc ác, hủy báng thánh-hiền, tin theo tà đạo dị kiến, sau khi chết bị đọa vào ba cõi dữ là Địa-ngục, Súc-sinh và Ngạ-quỷ. Vị ấy còn thấy biết có chúng-sanh làm các điều lành, miệng nói các lời chân thật, ý nghĩ các việc tốt lành, ca ngợi thánh-hiền, tu hành chính tín, và sau khi qua đời được sinh vào cõi tốt là cõi

Trời hoặc cõi Người có địa vị giàu sang. Vị ấy với thiên-nhân thanh-tĩnh thấy chúng-sanh theo hành-nghiệp (việc làm, lời nói, ý nghĩ) mà chết đi ở cõi này và sinh đến cõi kia, không có gì mà không thấy không biết, đó là khổ hạnh thù thắng bậc nhất.

Đức Phật giảng tiếp:

- Còn có pháp thù thắng hơn nữa mà Ta thường đem giảng dạy cho hàng Thanh-văn, và họ nhờ pháp ấy mà tu được phạm-hạnh, trở thành bậc Thánh.

Bấy giờ các đệ-tử Phạm-chí đồng nghĩ và bảo nhau: *“Nay chúng ta mới thấy được đức Cù-Đàm là tối thượng, Thầy ta không thể so sánh được”*.

Khi ấy Cư-sĩ Tán-dà-Na nói với Phạm-chí Ni-câu-Đà:

- Trước đây ông đã nói như thế này: “Hễ thấy Sa-môn Cù-Đàm đến đây, chúng tôi sẽ gọi là *“con trâu đui”*. Chúng tôi chỉ một câu là đủ làm cho Sa-môn Cù-Đàm bí lối mà phải làm thình như con rùa thun cả đầu, đuôi, bốn chân vào trong vỏ và cho thế là yên; nhưng chúng tôi chỉ cần một mũi tên bắn ra là Sa-môn Cù-Đàm không còn chỗ trốn”, sao ông không đem những lời này ra làm bí lối đức Thế-Tôn?

Phạm-chí cúi mặt lặng thinh không nói năng chi cả, đức Phật hỏi Phạm-chí:

- Trước đây ông có nói như vậy không?

- Thưa có, quả thật tôi có nói, nếu tôi biết như vậy, tôi đã chẳng dám nói như thế đối với đức Cù-Đàm.

- Ông khá không nghe các bậc tiền bối thường nói: *“Chư Phật, Như-Lai thường ưa ở núi rừng thanh vắng”*, như Ta ngày nay ưa ở chỗ vắng, chứ không như các ông chỉ thích ở chỗ ồn ào, nói chuyện vô ích suốt ngày.

Phạm-chí nói:

- Tôi có nghe nói chư Phật trong quá khứ ưa chỗ vắng, độc cư trong rừng như Thế-Tôn ngày nay, chẳng như chúng tôi ưa chỗ ồn ào, nói điều vô ích suốt ngày.

Đức Phật bảo:

- Ông há không biết Sa-môn Cù-Đàm hay thuyết pháp về đạo Bồ-đề rằng: *“Không những tự điều phục mình mà còn điều phục cho kẻ khác, không những dứt phiền não cho mình mà còn dứt phiền não cho kẻ khác. Không*

những tự mình qua đến bờ giác giải thoát, mà còn độ cho người khác đến bờ giác giải thoát”.

Khi ấy Phạm-chí Ni-câu-Đà, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt đánh lễ, tay sờ chân Phật, tự xưng tên mình và nói:

- Con là Ni-Câu-Đà, nay xin quy y Phật, và con xin đánh lễ dưới chân Ngài.

Đức Phật dạy:

- Thôi đi Ni-câu-Đà, hãy đứng dậy, chỉ cần tâm ông hiểu lời Ta nói, là đã đánh lễ Ta rồi.

Lúc đó Phạm-chí Ni-câu-Đà lại đánh lễ một lần nữa dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên, Đức Phật dạy tiếp:

- Nay Ni-Câu-Đà,

Chớ nghĩ rằng: *“Nhu-Lai vì lợi dưỡng (lợi lộc về cơm áo v.v..) mà thuyết pháp, vì nếu có lợi dưỡng thì Ta bố thí hết cho ông. Ta thuyết Pháp vì diệu bậc nhất với mục đích diệt trừ làm việc ác, và tăng trưởng làm việc thiện của chúng-sanh mà thôi”.*

Ông không nên nghĩ: *“Nhu-Lai vì muốn được sự tôn trọng, vì muốn được tiếng khen, vì muốn là người dẫn đầu nên nói pháp. Nay quyền thuộc của ông Ta trả hết cho ông, Ta thuyết pháp với mục đích diệt trừ điều ác, tăng trưởng điều thiện của chúng-sanh mà thôi”.*

Cũng chớ nghĩ rằng: *“Nhu-Lai sẽ đặt ông ở nơi thiện pháp thanh bạch, mà chính ông phải tự mình ở nơi thiện pháp và siêng năng tu hành. Có như vậy, Nhu-Lai sẽ nói thiện pháp thanh bạch cho ông để diệt trừ điều ác tăng trưởng điều thiện”.*

Lại nữa, ông đừng nghĩ: *“Nhu-Lai vì muốn làm thầy cho nên thuyết pháp. Ta trả ông lại cho thầy ông, Ta chỉ nói pháp cho ông nghe mà thôi”.*

Sau cùng, nếu ông cho rằng: *“Ta có thiện pháp tương ưng thiện, giải-thoát tương ưng giải-thoát, nhưng Sa-môn Cù-Đàm đoạt của ta”*, Ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại pháp của ông cho ông, Ta chỉ giảng pháp cho ông nghe thôi.

Lúc bấy giờ cả hội chúng đều yên lặng, không có một ý niệm nào, không có một ai lên tiếng gì cả, vì do ma ngu si ám. Đức Phật thấy vậy, liền bảo Cư-sĩ Tán-đà-Na:

- Ta muốn trở về Tịnh-thất, ông hãy đi với Ta.

Đức Phật đứng dậy, nắm tay Cư-sĩ Tán-đà-Na, rồi Ngài vận dụng Thần-túc nương hư không mà đi trước sự ngỡ ngàng của mọi người...,.

ĐỨC PHẬT DẠY:

**Có ước muốn gì?
Ước muốn được chân lý.
Phải thực hành gì?
Thực hành nơi trí tuệ.
Phải thiết lập gì?
Thiết lập bằng giới.
Có y cứ gì?
Y cứ vào vô xứ
(không y cứ vào đâu cả)
Có cứu cánh gì?
Niết-Bàn làm cứu cánh.**

THIẾU PHỤ CUỒNG ĐIÊN

(Tập A-Hàm, quyển 4, trang 259 đến 265)

Khi đức Phật du hóa tại nước Di-hy-La, Ngài ngụ trong vườn Am-La. Bấy giờ có thiếu phụ tên là Bà-tứ-Tra có năm người con chết liên tiếp trong mấy năm. Vì quá nhớ thương buồn rầu, nên khi đưa con thứ năm vừa chết xong, bà phát điên, xõa tóc, xé rách hết quần áo, chạy rong cùng đường kêu la, khi cười khi khóc, lúc nói lảm nhảm một mình.

Một hôm, bà chạy vào vườn Am-La trong lúc đức Phật đang thuyết pháp cho đại-chúng nghe, thiếu phụ điên cuồng chạy vào, vừa trông thấy đức Phật tự nhiên tỉnh lại, bà xấu hổ, khép nép ngồi xuống. Khi ấy đức Phật bảo Thị-giả A-Nan-Đà lấy áo Uất-đa-La của Phật đem cho bà và khiến bà khoác vào, Tôn-giả A-Nan-Đà vâng lời Phật lấy áo đưa cho bà, bà được áo, mặc xong, liền đến trước đức Phật cúi đầu lễ, rồi lui ra ngồi một bên.

Bấy giờ, đức Phật thuyết pháp cho bà nghe, khai thị, chỉ giáo, soi sáng và làm cho vui vẻ. Như thường lệ, đức Phật thuyết pháp theo thứ lớp cho đến khi tín tâm thanh tịnh, thọ tam quy, bà làm lễ xong vui vẻ tỉnh táo ra về.

Một năm sau, đứa con thứ sáu của bà bị bệnh và lăn ra chết! Nhưng lần này bà không ưu sầu phiền não, không còn kêu la khóc lóc, người chồng thấy thế ngạc nhiên hỏi bà:

- Những đứa con chết trước, bà thương nhớ các con nên kêu khóc, than Trời trách Đất ngày đêm, bà bỏ ăn bỏ ngủ, cho đến đứa thứ năm sau khi chết, bà phát cuồng điên, xé rách quần áo, chạy rong kêu la ngoài đường. Nay đứa con thứ sáu chết, bà không kêu la khóc than, không tỏ ra buồn khổ, tại sao vậy?

Bà vợ trả lời:

- Nếu kể từ vô thủy đến giờ, nghĩa là trăm nghìn vạn đời từ trước đến ngày nay, thì tôi có vô số con cháu, không sao tính hết được; nay tôi đã ra khỏi sự sống chết mất còn con cháu, nên không còn sầu khổ nữa.

Chồng bà khen:

- Bà đã được nghe ai nói Pháp ấy ở đâu? tôi chưa từng được nghe nói như thế bao giờ.

- Trong vườn Am-La có đấng Chính-Giác, Ngài là Phật tại thế; Ngài diễn nói tất cả khổ, nguyên nhân đưa đến khổ, làm thế nào diệt trừ khổ, và con đường dẫn đến đạo. Ngài dạy **Bát Chính Đạo** (Chính Kiến, Chính Tư duy, Chánh Ngữ, Chính Nghiệp, Chính Niệm, và Chính Định), tức là tám con đường Hiền-thánh diệt tất cả khổ, an ổn đến Niết-Bàn. Ngài là vị cứu tinh của tôi, là thầy tôi, tôi rất ưa thích giáo-pháp của Ngài, do đó tôi đã buông bỏ ý nghĩ nhớ con sâu khổ vô ích.

- Tôi cũng sẽ đến đó để được Ngài dạy tôi bỏ ưu phiền khổ não.

Bấy giờ chồng bà Bà-tứ-Tra tên Túc-xá-Đế, liền vội vã lên xe ngựa đến vườn Am-La. Ông vừa thấy Phật, lòng tin vui tăng lên, đi đến trước Phật cúi đầu đánh lễ. Khi ấy đức Phật nói kệ khai mở pháp-nhãn cho ông, rồi nói **Tứ Diệu-Đế** về khổ, khổ tập, diệt khổ, và con đường tiến đến đạo; nghe rồi, ông Túc-xá-Đế liền thấy pháp, và thành tựu quán sát pháp.

Sau khi hiểu pháp, ông xin xuất gia, được đức Phật chấp nhận xuất gia rồi, một mình ông ở chỗ yên tĩnh tư duy thiền định; Đức Phật đã nói trước, thọ ký cho ông là đêm thứ ba ông sẽ đắc **Tam-Minh** [gồm: Túc-Mạng-Minh (Biết các tiền kiếp của mình và của các chúng-sanh), Sinh-Tử-Minh (Biết rõ chúng-sanh chết nghiệp gì, sinh quả nào), Lậu-Tận-Minh (Biết rõ ô nhiễm của mình chấm dứt như thế nào)], thì đúng đêm thứ ba ông đắc Tam-Minh. Sau khi đắc Tam-Minh rồi, đức Phật bảo người đánh xe đem xe về nhà, và báo cho vợ ông hay. Người đánh xe vâng lời Phật dong xe về, bà vợ thấy người đánh xe, liền hỏi:

- Ông chủ có được gặp đức Phật không, Đức Phật có vì ông chủ thuyết pháp khai thị không, và ông chủ hiện giờ ở đâu?

- Dạ, ông chủ đã được gặp Phật, và đã có lòng tin thanh tịnh; Ông chủ đã tôn kính Phật làm thầy, và được Phật khai mở Pháp-Nhãn. Ông chủ còn được Phật dạy bốn Diệu-Đế, và thành tựu quán sát pháp. Sau khi biết pháp, ông chủ liền xuất gia, và chuyên cần tinh tấn tư duy thiền định; hiện nay, ông chủ đã đắc Tam-Minh, và đức Phật sai con về đây nói với Bà như thế.

Bà vợ nghe xong, trong lòng vô cùng phấn khởi, vui vẻ nói với người đánh xe:

- Cho người ngựa, xe với một trăm nghìn tiền bạc để làm vốn mà sinh sống, rồi người hãy đi truyền tin tức này, nói rằng: “*Bà-la-Môn Túc-xá-Đế đã theo*

Phật tu hành và chỉ sau ba ngày đã chứng Tam-Minh, khiến lòng bà vợ là Bà-tứ-Tra vô cùng sung sướng”.

Người đánh xe đáp:

- Con bây giờ đâu cần xe ngựa tiền bạc làm gì? Xin trả lại cho bà, vì con sẽ xin đi theo ông chủ, xin Phật cho xuất gia tu đạo.

- Hay thay! Ý Người như thế rất đúng, hãy mau trở lại chỗ Phật để theo ông chủ xuất gia; không bao lâu nữa, chắc cũng đầy đủ Tam-Minh như ông chủ.

- Đúng thế, ông chủ xuất gia, con cũng muốn xuất gia như thế.

- Ông chủ xuất gia, người cũng xuất gia theo, chắc chẳng bao lâu nữa, ta cũng xuất gia theo. Giống như con rồng lớn nương hư không mà bay đi, những con rồng khác, rồng nam, rồng nữ thấy đều bay theo. Ta cũng như thế, sẽ mang bình bát, mặc áo Cà-Sa, sống đời giản dị.

- Ý bà như vậy, ắt sẽ thành tựu, không bao lâu nữa sẽ thấy bà ít muốn, biết đủ, cạo tóc, mặc áo Cà-Sa, mang bình bát đi đến từng nhà khát thực mà ăn. Đối với **năm ấm** (Sắc, thọ, tưởng, hành, thức), **sáu giới** (Đất, nước, gió, lửa, hư không, và thức) đoạn trừ ái dục, xa lià sự trói buộc của tham, và dứt hết phiền não. Đó là những lời Phật giảng cho ông chủ mà con được nghe.

Chẳng bao lâu sau, ông Túc-xá-Đế, người đánh xe, bà Bà-tứ-Tra, và cô con gái Bà-lê-Tôn-Đà, bốn người nối tiếp xuất gia theo Phật tu hành, và giải thoát hết khổ. Về sau tất cả đều đắc quả Thánh....

TU-MA-ĐỀ LẤY CHỒNG

(Tăng Nhất A-Hàm, quyển 2, trang 112 đến 145)

Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc có con gái tên Tu-Ma-Đề, nhan sắc đẹp đẽ, đoan chính, thùy mị, lễ phép, hiếm có trên đời; bấy giờ có Trưởng-giả Mãn-Tài tại thành Mãn-Phú là bạn với Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc, có chút việc đến thăm Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc. Sau khi trông thấy Tu-Ma-Đề, ông hỏi Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc:

- Có phải cô gái vừa rồi là con gái ông không?

Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc trả lời:

- Phải, đó là con gái tôi đây.

- Cháu đã có nơi nào hỏi chưa? Tôi có con trai tới tuổi trưởng thành chưa có vợ, tôi có thể làm thông gia với ông được không?

- Việc này không nên, mặc dù dòng họ và tài sản hai bên tương xứng, nhưng việc ông thờ thần và cúng tế thì khác với tôi.

- Mỗi bên chúng ta sẽ thờ phụng riêng, con ông sẽ phụng sự riêng, tự do, tôi không thấy có gì trở ngại.

- Nếu con gái tôi làm dâu nhà ông thì ông tốn tài sản rất nhiều, có thể nói là tới sáu vạn lạng vàng.

Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc nói vậy với mục đích từ chối, không ngờ Trưởng-giả Mãn-Tài trả lời ngay không cần suy nghĩ:

- Được, tôi hoàn toàn đồng ý như ông đã nói.

- Tôi còn một điều nữa là cần đến hỏi đức Thế-Tôn hiện ở không xa đây, nếu Ngài có dạy điều gì tôi phải vâng làm và sẽ trả lời ông lần chót; vậy ông hãy chờ ở đây, không lâu tôi sẽ trở lại ngay.

Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc sắp xếp mau chóng, đến chỗ Thế-Tôn cúi lạy rồi đứng qua một bên thưa:

- Con gái Tu-Ma-Đề của con được Trưởng-giả Mãn-Tài bên thành Mãn-Phú cầu hôn cho con trai, xin Thế-Tôn chỉ dạy, con nên gả hay không?

Phật bảo:

- Nếu gả Tu-Ma-Đề sang nước đó sẽ có nhiều lợi ích không thể đo lường.

Nghe Phật nói thế, Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc vui mừng cúi lạy, nhiễu Phật ba vòng rồi trở về bảo Trưởng-giả Mãn-Tài:

- Việc gả con gái tôi cho con trai ông đúng như những gì mà chúng ta đã nói. Vậy đúng 15 ngày ông đưa con trai với đầy đủ lễ vật để đón con gái tôi tại biên giới giữa hai nước.

1)- Tu-Ma-Đề về nhà chồng:

Hai Trưởng-giả đều vui mừng phấn khởi rồi chia tay. Đúng 15 ngày, mọi việc sửa soạn xong, Trưởng-giả Mãn-Tài với con trai cùng sính lễ trên đoàn xe từ Mãn-Phú đi qua. Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc cũng đã chuẩn bị cho con gái quần áo, trang điểm điểm lệ cùng hành trang trên đoàn xe từ Xá-Vệ đi tới, hai bên gặp nhau ở biên giới hai nước. Họ gặp nhau làm thủ tục nghi thức cưới, rồi hai bên chia tay, bên chàng trai rước cô Dâu về thành Mãn-Phú.

Bấy giờ tại thành Mãn-Phú có lệ là gả con gái hay cưới cho con trai người nước khác thì sẽ bị phạt bằng cách phải mời tất cả Phạm-chí ăn một bữa cơm với thịt lợn (heo), canh thịt lợn, và rượu.

Trưởng-giả Mãn-Tài biết luật lệ này nên cho sửa soạn cơm thịt rượu, rồi mời hết thấy 6,000 (sáu nghìn) Phạm-chí trong nước đến; khi các Phạm-chí đến, họ mặc hoặc áo da trắng hoặc có lông thú, nhưng khi vào nhà họ đều vắt lệch lên vai phải để lộ nửa người.

Trưởng-giả Mãn-Tài quỳ gối trước cửa nhà đón tiếp cung kính làm lễ, khi mọi người đã ngồi xong dâu đó, thì Trưởng-giả vào trong bảo Tu-Ma-Đề ra làm lễ các thầy, Tu-Ma-Đề từ chối nói:

- Thôi, thôi, thưa cha, con không thể ngó thấy và làm lễ mấy người khỏa thân được.

Trưởng-giả bảo:

- Đây không phải người khỏa thân, không có gì phải hổ thẹn cả, đó là lỗi pháp phục của họ từ xưa đến nay là như thế đây.

Tu-Ma-Đề thưa:

- Đây là những người không biết hổ thẹn nên mới bày thân thể ra ngoài, có dùng pháp phục gì đâu; xin cha nghe con, Thế-Tôn thường nói: *“Có hai nhân duyên mà người đời quý đó là hổ và thẹn. Nếu không có thì cha mẹ,*

anh em, dòng họ, thân tộc tôn ti cao thấp không thể phân biệt giống như loài vật như gà, chó, lợn, dê, lừa, ngựa”. Thật con không thể lễ bái họ được.

Anh chồng cũng đến bảo:

- Nay cô nên ra làm lễ các thầy, vì các Ngài đều là Trời mà gia đình tôi phụng sự.

Tu-Ma-Đề đáp:

- Tôi không thể lễ những người khỏa thân không biết hổ thẹn giống như loài vật, tôi không thể lễ chó heo lừa được.

Anh chồng quát lên:

- Ngậm miệng lại, không được nói bậy; đây chẳng phải dối gạt, cách mặc như thế chỉ là pháp phục.

Bấy giờ Tu-Ma-Đề khóc òa lên, kể lể:

- Thà cha mẹ, bà con tôi mất mạng, thân chặt ra năm mảnh, tôi trọn không nghe theo điều tà kiến.

Các Phạm-chí đều nghe thấy những lời tranh cãi như thế, bèn lớn tiếng nói:

- Thôi thôi, Trưởng-giả, vì sao để đưa tiện tỳ này chửi mắng như thế? Nếu thỉnh mời thì dọn thức ăn mau đi.

Trưởng-giả, chồng Tu-Ma-Đề và các người phục dịch vội mang đầy đủ cơm rượu thịt tiếp đãi cung kính các Phạm-chí; họ ăn uống no say, bàn luận chút đỉnh, rồi đứng lên đi về.

Chiều hôm ấy, có một Phạm-chí bạn thân trước kia với Trưởng-giả tên Tu-Bạt từ xa đến thăm. Khi gặp mặt thấy Trưởng-giả buồn rầu, Phạm-Chí hỏi:

- Sao mà sầu lo đến thế, chẳng lẽ bị quan hạch tội, hay bị trộm cướp bệnh hoạn?

- Chẳng có những việc ấy, nhưng trong nhà có việc không vừa lòng, đó là tôi cưới con gái Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc bên thành Xá-Vệ cho con trai tôi nên phạm luật nước, phải mời các thầy đến đông đủ dùng cơm; rồi tôi bảo con dâu tôi ra làm lễ các thầy, nhưng nó không vâng lời còn nói lời vô lễ đối với các thầy, nên tôi buồn khổ; rồi ông kể hết sự việc đã xảy ra cho Phạm-chí nghe.

Phạm-chí Tu-Đạt nghe xong nói:

- Trưởng-giả, thật lạ lùng, cô gái này còn có thể sống mà không cần lưỡi tự sát hay nhảy từ lầu xuống tự tử thì thật là may mắn lắm đó, vì các Thầy mà cô gái này phụng sự đều là những người phạm hạnh chưa từng có.

Trưởng-giả nói:

- Nghe ông nói tức cười, ông là Phạm-chí dị học, sao lại khen ngợi Sa-môn; họ có oai đức thần biến gì hơn ông và 6,000 Phạm-chí ở thành này?

Phạm-chí nói:

- Trưởng-giả, muốn nghe thần đức của các Sa-môn, thầy của con dâu ông, tôi kể sơ để ông rõ. Có một lần tôi đến phía Bắc núi tuyết sơn đi khát thực trong nhân gian xong, bay đến suối A-Nậu-Đạt. - đó, Trời, Quỷ, Thần từ xa thấy tôi đến, đều cầm khí giới đến bảo tôi: *“Ông Tiên Tu-Đạt, chớ đến suối này, đừng làm dơ bản suối; nếu không nghe lời thì tính mạng ông sẽ bị cắt đứt”*, tôi nghe họ nói thế, bèn bỏ đi khỏi suối đó đến chỗ không xa mà ngồi ăn. Khi tôi còn đang ăn, có một Sa-môn bay đến suối A-Nậu-Đạt tay cầm bát, tay cầm áo dơ bẩn. Khi ấy tôi thấy Trời, Quỷ, Thần cho đến đại Thần suối A-Nậu-Đạt đều cung kính nghênh đón và nói: *“Kính chào thầy của loài người, xin mời ngài đến đây ngồi”*. Bấy giờ Sa-di ấy đem cái áo ngâm trong nước, rửa tay, sau đó mới ngồi ăn ngay giữa suối nước trên cái bàn bằng vàng. Sau khi ăn xong Sa-di rửa bát rồi ngồi kiết già trên bàn ấy mà nhập định. Sau khi xuất định, Sa-di ấy giặt áo dơ, tôi thấy Trời, Quỷ, Thần hoặc kỳ cọ chỗ bẩn, hoặc lấy nước gội vào áo cho sạch; giặt xong, vị ấy phơi áo trên hư không và lại ngồi thiền định. Một giờ sau, vị ấy lấy áo, rồi đi ngang qua chỗ tôi ngồi thiền, tôi bèn chào hỏi mới biết là Sa-Di Quân-Đầu, là đệ tử nhỏ nhất. Trưởng-giả nên biết, thầy của con dâu ông, vị nhỏ nhất cũng có thần lực như thế, huống nữa là các đệ tử lớn hơn, có ai bì kịp; huống chi là vị thầy của tất cả, đó là Sa-nôn Cù-Đàm, đức Như-Lai.

2)- Đức Phật thị hiện thần lực:

Nghe câu chuyện trên, Trưởng-giả hỏi Phạm-chí:

- Chúng ta có thể thấy thầy của con dâu tôi không?

Phạm-chí đáp:

- Hãy hỏi con dâu ông.

Trưởng-giả bèn cho gọi con dâu đến và nói:

- Nay cha muốn được gặp thầy của con, con có thể thỉnh mời được không?

Tu-Ma-Đề nghe nói, vui mừng nói:

- Xin cha cho sửa soạn cơm chay cho đủ 1250 vị, ngày mai Như-Lai sẽ đến đây, có các đệ tử Tỳ-kheo đi theo Ngài. Con trách nhiệm trong việc mời thỉnh.

Tu-Ma-Đề tay bưng lò hương lên lầu, chấp tay hương về phía Tịnh-xá Kỳ-Hoàn nước Xá-Vệ, nơi có Phật mà khẩn nói:

- Cúi mong Thế-Tôn khéo quán sát, không việc gì chẳng biết, không việc gì chẳng xét. Nay con là Tu-Ma-Đề, con gái Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc, lấy chồng về nước Mãn-Phú. Nay con đang ở chỗ nguy khốn, cúi mong Thế-tôn đoái tưởng mà đến đây vào sáng ngày mai. Rồi Tu-Ma-Đề nói kệ tán thán Phật đã từng hàng phục Quỷ Thần, hàng phục kẻ sát nhân, hàng phục voi dữ, v.v... và xin Như-Lai đoái tưởng.

Bấy giờ Tôn-giả A-Nan thấy hương khói bay trong Tịnh-xá , liền bạch Phật:

- Hương khói ở đâu mà lan đến Tịnh-xá này? xin Thế-Tôn chỉ dạy.

Phật bảo:

- Khói hương này là do Tu-Ma-Đề, con gái Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc thỉnh Ta từ thành Mãn-Phú; Thầy hãy tập trung các Tỳ-kheo lại, phát thẻ cho các Tỳ-kheo A-La-Hán để ngày mai đến thành Mãn-Phú thọ thỉnh của Tu-Ma-Đề.

Khi các đệ tử tề tựu đông đủ, Tôn-giả A-Nan phát thẻ rồi Thế-Tôn bảo một số Thánh Tăng ngày hôm sau đi trước rồi Ngài sẽ đến sau.

Sáng sớm hôm sau, người cận sự của chúng Tăng tên Càn-Trà vác một cái chảo to lớn, bay lên hư không đến thành kia, đi ba vòng, rồi xuống nhà trưởng-giả, nhiều người trong thành trông thấy, Trưởng-giả hỏi Tu-Ma-Đề:

- Đây có phải là thầy con không?

Tu-Ma-Đề đáp:

- Đây là Cư-sĩ giúp chúng Tăng trong việc cơm nước, vị này có đủ ngũ thông.

Sau đó lại có Sa-di Quân đầu Tu-Bạt là đệ tử của Tôn-giả Xá-Lợi-Phất, hóa hiện ra rất nhiều loại cây bông hoa, bay trên không, tới thành Mãn-Phú

bay ba vòng quanh thành, rồi hạ xuống nhà Trưởng-giả. Trưởng-giả thấy thế hỏi:

- Đây có phải là thầy con không?

- Không phải, người đó là đệ tử của đệ tử của Phật.

Rồi Tôn-giả Bàn-Đặc mặc áo xanh, hóa hiện ra năm trăm Trâu xanh, ngồi kiết già trên mình trâu đi trên hư không đến nhà thì đàn trâu biến mất, Trưởng-giả liền hỏi:

- Đây có phải thầy con không?

Con dâu trả lời:

- Không phải, đây là đệ tử Phật.

Tiếp đến, Tôn-giả La-Vân hóa hiện ra năm trăm chim Không-tước, đủ màu sắc sỡ đẹp đẽ, ngồi kiết già trên lưng chim bay đến nhà. Trưởng-giả trông thấy hỏi:

- Đây chắc là thầy con?

Con dâu thưa:

- Không phải, đây chính là con ruột của Phật.

Tiếp đến, Tôn-giả Ca-Thất-Na hóa hiện năm trăm chim Cánh vàng dững mãnh, ngồi kiết già trên mình chim bay rợp trời đến nhà. Từ xa thấy, Trưởng-giả hỏi:

- Đây có phải là thầy con không?

- Không phải, đây là đệ tử của Phật.

Sau nữa, Tôn-giả Ưu-tỳ Ca-Diếp hóa hiện 500 Rồng đều có bảy đầu, ngồi kiết già trên mình Rồng cuộn vút như gió đến nhà, Trưởng-giả lại hỏi:

- Đây hẳn là thầy con?

Tu-Ma-Đề thưa:

- Chẳng phải, Tôn-giả này cũng là đệ tử của Phật và có hàng nghìn đệ tử.

Tiếp theo là Tôn-giả Tu-Bồ-Đề, hóa hiện núi Tu-Di Lưu ly trong vắt, ngồi kiết già trong hang, núi bay lơ lửng đến trên thành. Trưởng-giả thấy thế hỏi:

- Đây phải thầy con không?

Con dâu đáp:

- Không phải, đây là Tôn-giả Tu-Bồ-Đề, đệ tử Phật.

Lại đến Tôn-giả Ca-Chiên-Diên hóa hiện năm trăm Ngỗng trắng, ngồi kiết già trên lưng ngỗng bay rợp trời đến. Trưởng giả thấy hỏi:

- Đây là thầy con chăng?

Con dâu đáp:

- Chẳng phải thầy con, đó là Tôn-giả Đại-Ca Chiên-Diên.

Rồi Tôn-giả Việt-Ly hóa hiện ra năm trăm con mãnh Hổ (Cọp), cưỡi trên lưng hổ trên hư không chạy đến, Trưởng-giả trông thấy lại hỏi:

- Đây có phải là thầy con không?

Tu-Ma-Đề đáp:

- Không phải, đây là Tôn-giả Việt-Ly, là đệ tử Phật.

Kế đến Tôn-giả A-Na-Luật hóa hiện năm trăm Sư-tử rống vang, cưỡi trên mình Sư-tử chạy như bay trên không đến. Trưởng-giả hỏi:

- Đây chẳng phải thầy con sao?

Tu-Ma-Đề đáp:

- Đó là Tôn-giả A-Na-Luật là đệ tử Phật, vị này không thấy đường mà có Thiên nhãn.

Tiếp đến Tôn-giả Đại-Ca-Diếp hóa hiện ra năm trăm con Ngựa vàng, cõ đeo nhạc, hý vang, có lông đuôi đỏ chói, ngồi trên mình ngựa, chạy trên không như bay, có hoa trời rải khắp mà đến. Trưởng-giả thấy thế hỏi:

- Chắc đây là thầy con?

Tu-Ma-Đề thưa:

- Cũng không phải, đây là Tôn-giả Đại-Ca-Diếp, đệ tử nối pháp của Phật.

Rồi đến Tôn-giả Đại-Mục-Kiền-Liên hóa hiện ra năm trăm Voi trắng lớn có sáu ngà trang sức vàng bạc, ngồi trên mình voi, phóng ánh sáng chói lòa cùng khắp, đi trong hư không, có âm nhạc trời với phước lọng trong hư không rất kỳ diệu mà đến. Thấy thế, Trưởng-giả lại hỏi:

- Chắc hẳn đây là thầy con?

Tu-Ma-Đề đáp:

- Không phải là Thế-Tôn, đây là đệ tử của Phật, thần túc bậc nhất, tên là Đại Mục-Kiền-Liên.

Mỗi vị vừa kể đều đi 3 vòng trên thành Mãn-Phú, rồi xả thần biến khi xuống nhà Trưởng-giả; lúc này, Thế-Tôn biết đã đến giờ, Ngài khoác áo Tăng-già-lê, đi trên hư không cách bảy nhẫn (?) Tôn-giả A-Nhã-Câu-Lân hóa hiện làm Nguyệt Thiên ở bên trái, Tôn-giả Xá-Lợi-Phất hoá hiện làm Nhật-Thiên ở bên phải, Tôn-giả A-Nan nương oai thần của Phật đứng phía sau tay cầm Phát trần. Hơn 1,200 đệ tử vừa Thánh vừa phàm nương oai thần của Phật vây quanh trên hư không vùng Tịnh-xá Kỳ-hoàn như thế; lúc ấy cũng có Phạm-Thiên Vương tới đứng phía bên phải của Phật, Đế-Thích tay cầm Phát tử đứng phía bên trái, Lực-sĩ Kim-Cang Mật-Tịch ở phía sau tay cầm Chày Kim-cang, Tỳ-Sa-môn Thiên-Vương tay cầm Lọng bảy báu lớn che cho Phật. Bàn-giá-Tuần và các Thiên Thần, kẻ hoà nhạc, kẻ xướng ca công đức vô biên của Phật. Chư Thiên rải muôn hoa muôn màu trên Phật và chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc, Vua Ba-Tư-Nặc, và nhân dân thành Xá-Vệ đều thấy cảnh ấy tán thán không ngớt, trong khi đó, Phật đem các Tỳ-kheo cùng chư Thiên Thần vô số kể đi như chim Phượng-hoàng trong hư không đến thành Mãn-Phú. Dân chúng cả thành đều thấy những cảnh tượng thù thắng như thế suốt từ sáng cho đến giờ phút ấy. Bấy giờ Trưởng-giả Mãn-Tài nói kệ để hỏi con dâu:

Đây là ánh trời chẳng,
Chưa hề thấy vẻ này,
Mấy nghìn vạn ức tia,
Không dám nhìn chăm chú.

Tu-Ma-Đề gật đầu, rồi quỳ xuống, chắp tay hướng về Phật nói kệ đáp:

Chẳng trời, không chẳng trời,
Thường phóng nghìn thứ sáng,
Vì tất cả chúng-sanh,
Đây đúng thật Thầy con,
Trời Người khen Như-Lai,
Quý Thần sợ oai Phật,
Nay sẽ được quả lớn,
Cần siêng cúng dường Ngài.

Trưởng-giả Mãn-Tài liền quỳ gối phải, chắp tay ngược lên, dùng kệ tán thán Phật là bậc tối thắng đẹp hơn Thiên-Đế, sáng hơn mặt trời, tôn quý bậc nhất trong trời đất, không có loài hữu hình vô hình nào sánh cùng Phật, và xin được tự quy y mạng với bậc chí tôn.

Lúc ấy Phật đưa các đệ tử xuống khoảng đất trống, rồi bỏ thân tức, bình thường đi vào nhà Trưởng-giả; khi Ngài vừa bước tới cửa thì trời đất rung động mạnh, nhân dân hoảng sợ, Ngài bảo: *“Đừng sợ, trời đất chấn động là do Như-Lai đây thị hiện thân lực mà ra”*.

Mọi người thấy dung mạo Ngài các căn tịch tĩnh, 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp trang nghiêm, nên đều tự nói: ***“Tại sao chúng ta lại không biết vị thượng tôn cực diệu như thế này, mà đi thờ những Phạm-chí kém cõi không thể sánh được như thế ấy?”*** Thế là họ nói từ người này qua người kia, họ cùng tới để chiêm ngưỡng Phật và chúng Tỳ-kheo. Số người đến mỗi phút mỗi đông hơn, thấy vậy, Thế-Tôn hóa hiện nhà Trưởng-giả thành lưu ly trong suốt, trong ngoài đều thấy hết, để cho nhân dân được lợi lạc chiêm ngưỡng.

Khi ấy Tu-Ma-Đề đến trước Phật quỳ lạy và nói điều cảm tạ Phật đã đáp lời khẩn của cô mà đến, nhưng không hiểu vì ác duyên nào mà cô chịu khổ ở nơi đây, xin Phật dứt nghi cho. Phật trả lời là do lời thệ nguyện cứu chúng-sanh trước kia mà Tu-Ma-Đề đến nơi này, và cũng vì vậy mà được trí tuệ sáng suốt và khiến Trời, Người thấy được Tu-Ma-Đề như một hạt châu sáng, không có gì phải buồn lo cả; Tu-Ma-Đề nghe Phật nói vô cùng mừng rỡ.

Lúc ấy Trưởng-giả thấy Phật và chư Tỳ-kheo đã an tọa xong, ông cùng các người hầu bưng thức ăn đủ món dâng lên cúng dàng đầy đủ. Khi ông thấy Thế-Tôn và chư Tăng đã thọ trai xong, ông cho dọn dẹp sạch sẽ, rồi cùng Tu-Ma-Đề và thân quyến ngồi ngay trước mắt Thế-Tôn. Lúc ấy cũng có vô số kẻ nhân dân ngồi chung quanh xa gần mà nghe. Thế-Tôn nói giới luận, thí luận, luận sinh Thiên, dục là bất tịnh, lậu là dơ xấu, xuất gia là cần yếu; Thế-Tôn thấy Trưởng-giả, Tu-Ma-Đề, và 84,000 (vô số) nhân dân tâm ý khai mở, Ngài liền thuyết các pháp khổ, nguyên nhân gây ra khổ, cách diệt khổ, và con đường tiến tới đạo. Khi ấy, mọi người đều sạch hết trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, không còn hồ nghi, được sự không sợ hãi, mọi người đều xin quy y Tam-Bảo, thụ trì ngũ giới; Phật chấp thuận hết thảy. Trước Phật, Tu-Ma-Đề nói kệ:

Như-Lai tại trong suốt,
Nghe con gặp nạn này,
Giáng thân đến đây xong,

Mọi người được pháp nhãn.

Thế-Tôn thuyết pháp xong, liền từ chỗ ngồi đứng lên cùng các Tỳ-kheo dùng thần thông y như lúc tới để trở về Tịnh-xá Kỳ-Hoàn; mọi người đều quỳ gối, ngược lên trời mà vái Phật và chúng Tăng đang xa dần bầu trời thành Mãn-Phú.

Bấy giờ các Phạm-chí bảo nhau: *“Chúng ta không thể sánh kịp với Sa-môn Cù-Đàm, nhân dân trong nước này đã bị Sa-môn Cù-Đàm hàng phục rồi, chúng ta không nên ở đây nữa, mà nên đi đến nước khác”*, thế rồi họ lần lượt bỏ nước Mãn-Phú mà đi. Ví như Sư-tử chúa của các loài thú, có oai thần, khi rống lên các loài thú đều sợ hãi bay chạy mất hoặc nép phục ẩn núp, hoặc bỏ đi; các Phạm-chí đối với Thế-Tôn có đại oai lực cũng như vậy.

Hôm sau, khi các Tỳ-kheo tụ tập ở giảng đường, có một Tỳ-kheo bạch Phật:

- Xưa cô Tu-Ma-Đề tạo nhân gì mà là con Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc và lại đọa vào nhà tà kiến? Và vì lý do gì cô được pháp nhãn thanh tịnh và lại tạo cho vô số nhân dân cũng được pháp nhãn thanh tịnh như thế, xin Thế-Tôn giải thích cho chúng con.

Phật bảo:

- Trong quá khứ của Hiền kiếp này, lúc đó có Phật Ca-Diếp, Ngài ở tại nước Ba-La-Nại, du hóa cùng 20,000 đại chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ vua Ái-Mẫn có con gái tên Tu-Ma-Na, cô này có tâm cung kính Phật, vâng giữ giới cấm, hằng ưa bố thí, ái Kinh, lợi người và đồng lợi. Cô thường ở trước Phật tụng pháp cú (Câu Phật nói) và phát nguyện rộng lớn rằng: *“Con hằng có pháp tử ái và ở trước Như-Lai tụng pháp cú, nếu con có chút phúc nào, con cầu khi sinh ra không rơi vào ba đường ác (Địa-ngục, Súc-sinh, Ngạ-quỷ), cũng không vào nhà nghèo, đời vị lai cũng gặp Phật ra đời, cho con chẳng chuyển sang thân Nam mà được pháp nhãn thanh tịnh”*.

Nhân dân trong nước nghe được Vương nữ thệ nguyện sâu rộng như thế, vô số người đến gặp, ca tụng công đức Vương nữ đã phát nguyện, nhân dân cũng muốn được đồng lợi như thế. Bấy giờ Vương nữ bảo:

- Tôi đem công đức này cùng thí hết thầy nhân dân các người, nếu về sau gặp được Như-Lai thuyết pháp, tất cả đều đồng được độ.

Các thầy chớ có nghi, vua Ai-Mẫn lúc ấy, nay là Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc, Vương nữ lúc ấy nay là Tu-Ma-Đề, nhân dân lúc ấy, nay là nhân dân

nước Mãn-Phú. Do lời thệ nguyện trước kia nay gặp Ta, nghe pháp được độ, và được pháp nhãn thanh tịnh, là vì nhân duyên ấy....

ĐỨC PHẬT NÓI:

- Không nên tìm lỗi của kẻ khác, những điều chưa làm và những điều không làm của kẻ khác, mà phải tìm lỗi trong hành động của chính mình, những điều đã làm và những điều không làm.

- Thấy lỗi của người thì dễ, nhưng lỗi của mình thì quả thật khó thấy. Lỗi của người thì ta quan sát phân tích tỉ mỉ, nhưng lỗi của ta thì im lặng dấu kín như người bầy chim ngụy trang để ẩn núp.

TÔN GIẢ ĐÀ-PHIÊU MA-LA-TỬ NHẬP NIẾT-BÀN

(Tập A-Hàm, quyển 3, trang 659)

Tôn-giả Đà-Phiêu Ma-La-Tử đến chỗ Phật trong vườn trúc Ca-lan-đà, cúi đầu lễ Phật rồi thưa:

- Con xin được ở trước Thế-Tôn vào Bát Niết-Bàn.

Thế-Tôn im lặng, Tôn-giả bạch Phật tới lần thứ ba, Phật bảo:

- Các hành pháp hữu vi đều như thế cả.

Tôn-giả Đà-Phiêu Ma-La-Tử vái Phật xong liền nhập tam muội, trong chính định, Tôn-giả hướng về phương Đông bay lên không trung, hiện bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi; Tôn-giả hiện lửa tam muội, dưới thân phát ra lửa, cả thân rực sáng. Ánh sáng chiếu khắp màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, hồng. Dưới thân phát ra lửa, trở lại thiêu thân, trên thân ra nước tưới ướt thân. Hoặc trên thân phun lửa đốt thân, dưới thân phun nước tưới trên thân. Khắp tám phương hiện bày biến hóa xong, Tôn-giả ở trong hư không, trong thân hiện lửa tam muội tự thiêu thân vào Vô dư Niết-Bàn, tiêu tận, tịch diệt, khiến không còn một mảy bụi. Ví như thắp cây đèn, dầu, tim đèn đều hết, Tôn-giả Đà-Phiêu Ma-La-Tử ở trong không trung nhập diệt, thân tâm điều bật, tiêu hết, biến hết chẳng còn gì.

Lúc ấy Thế-Tôn nói kệ:

Ví như đốt thanh sắt,
Lửa lóe sáng rực rỡ,
Sức nóng dần dần mất,
Cũng thế sự giải thoát,
Vượt bùn lầy phiền não,
Các dòng đã dứt sạch,
Chóng dứt dấu bất động,
Nhập Vô dư Niết-Bàn.

Ghi chú:

Hữu dư Niết-Bàn: Diệt 5 hạ phần kiết sử (Dâm, Sân, Si, Hữu lậu, Tâm dính mắc), người đó sinh lên cõi Trời một lần, rồi nhập Niết-Bàn.

Vô dư Niết-Bàn: Dứt hết hữu lậu, ý giải thoát, trí tuệ giải thoát, tâm vắng lặng. Như thật tự biết thấy sinh tử đã dứt không còn tái sinh nữa...

TÔN GIẢ ĐẠI MỤC-KIÊN-LIÊN VÀ MA-VƯƠNG

(Trung A-Hàm quyển 3, từ trang 117 đến 128)

Có một thời gian Tôn-giả Đại Mục-kiên-Liên phụ trách trông coi việc dựng thiền-thất tại vườn Lộc-Dã, một hôm trong lúc Tôn-giả đang đi kinh hành trên khoảng đất trống, Ma-Vương hóa hình nhỏ xíu chui vào trong bụng của Tôn-giả. Lúc đó Tôn-giả nghĩ rằng: *“Quái lạ, hình như ta đã nuốt phải vật gì vào trong bụng? Ta nên nhập Như-kỳ tướng-định để nhìn vào bụng xem là vật gì?”*. Nghĩ rồi, Tôn-giả đi đến cuối đường kinh hành, bèn ngồi kiết-già nhập định mà nhìn vào bụng mình thì thấy Ma-Vương đang ở trong đó, Tôn-giả bèn ra khỏi định, rồi nói rằng:

- Này Thiên Ma, ngươi hãy ra mau, đừng sống mãi trong sự không thiện lợi không thiện ích mà ngươi phải thác sinh vào cõi dữ chịu vô lượng khổ.

Khi ấy Ma-Vương bèn nghĩ: *“Sa-môn này không thấy không biết, thế mà lại nói như vậy, đúng là nói mò. Dù Tôn-Sư ông có đại như-y túc, có đại oai-đức, có đại oai-thần, cũng không thể thấy mau biết lẽ như vậy, huống chi là đệ-tử mà thấy biết mau lẽ được sao?”*.

Tôn-giả lại nói:

- Ta lại biết trong ý của ngươi nghĩ rằng: *“Sa-môn này không thấy không biết, thế mà lại nói như vậy, đúng là nói mò. Dù Tôn-Sư ông có đại như-y túc, có đại oai-đức, có đại oai-thần, cũng không thể thấy mau biết lẽ như vậy, huống chi là đệ-tử mà thấy biết mau lẽ được sao?”*.

Nghe Tôn-giả nói như vậy, Ma-Vương nghĩ: *“Sa-môn này đã thấy biết ta, nên mới nói những điều xảy ra, và còn biết cả ý nghĩ của ta nữa; ta không ra không được”*. Rồi từ trong bụng, Ma-Vương chui lên miệng của Tôn-giả, và vọt ra hiện hình người đứng trước mặt Tôn-giả, Tôn-giả bảo:

- Này Ma Ba-Tuần, thuở xa xưa, vào thời đức Phật Giác-Lịch-Câu-Tuần-Đại. Lúc đó ta là đại Ma-Vương tên Ác, ta có cô em tên là Hắc, ngươi chính là con trai của cô Hắc. Này Ma Ba-Tuần, vì lẽ đó cho nên ngươi là cháu gọi ta bằng bác.

Ma Ba-Tuần, thưở ấy đức Phật Giác-Lịch-Câu-Tuần-Đại có hai đại đệ tử tên là Âm và Tường.

Do ý nghĩa nào một người được gọi là Âm? Tôn-giả Âm: kiếp trước đó sống ở cõi Phạm-Thiên, có tiếng nói vang xa cả nghìn thế giới; lại không ai có âm thanh ngang bằng, cho nên Tôn-giả ấy được đức Phật Giác-Lịch-Câu-Tuần-Đại đặt tên là Âm.

Do ý nghĩa nào một người có tên là Tường? Vì Tôn-giả Tường nương vào thôn-ấp mà du hành, Tôn-giả luôn luôn giữ thân, thu nhiếp các căn, giữ vững chính niệm; Ngài thường đến chỗ vắng hoặc dưới gốc cây trong rừng vắng, hoặc đến chỗ yên tĩnh ngồi kiết-già nhập tướng-tri diệt-định. Lúc ấy có vài người đi ngang qua thấy Ngài ngồi ngay như khúc cây khô, thân thể không cử động, lá cây vương mắc cả trên đầu cổ, họ bèn nghĩ: *“Người này ngồi chết trong rừng vắng này, chúng ta nên làm phúc, nhặt cỏ và củi khô chất đống bao thân thể mà đốt thiêu”*; họ bèn làm như vậy, xong bỏ đi.

Tôn-giả Tường sau một đêm, sáng hôm sau đập tro mà ra, phỉ bụi rồi du hành trở lại về thôn-ấp như thường lệ. Những người trước kia đã gặp Tôn-giả, khi thấy Tôn-giả lại ngồi (nhập định) ở chỗ khác, họ bèn nghĩ: *“Trước kia chúng ta đã hỏa thiêu người này rồi sao không chết mà lại ngồi tướng ở chỗ khác này?”*, vì lẽ đó cho nên mọi người gọi Ngài là Tường.

Lúc ấy ta là đại Ma-Vương tên Ác nghĩ rằng: *“Sa-môn này bị trói chặt, bị tuyết chúng, không gia đình con cái; Sa-môn này ngồi (thiền) đăm đuổi giống như con mèo ngồi rình bên hang chuột, mãi miết say đắm; Sa-môn này đăm đuổi cái gì, mục đích gì, mong muốn điều gì, ta chẳng biết người này từ đâu đến và sẽ đi về đâu, ta hãy dạy bảo một số người đến phá không cho ngồi, biết đâu người này chẳng nổi tâm giận dữ để ta dễ lợi dụng”*. Nghĩ như vậy: ta liền đi xúi giục một số người đến chửi rửa mắng nhiếc thậm tệ, phá không cho được ngồi yên; thậm chí một số người dùng đá ném, dùng cành cây đánh đập, làm rách áo, và gây thương tích cho Sa-môn ấy.

Tôn-giả Tường, đệ tử của Phật Giác-Lịch-Câu-Tuần-Đại mang đầu mặt thương tích, áo rách tả tơi đi đến chỗ Phật đang thuyết pháp; khi Ngài trông thấy học trò đi đến, Ngài bảo đại-chúng: *“Đại chúng có thấy chăng? Ác Ma đã xúi giục một số người đến phá Sa-môn tinh tấn tu hành để hồng mong lợi dụng. Nay chư vị đệ tử, hãy để tâm tương ưng với Từ tỏa khắp một phương, thành tựu an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn cho đến mười phương, không oán hận, không si mê nào hại, rộng lớn bao la. Trải khắp tất cả thế-gian, tất cả*

thời gian, thành tựu an trụ; tâm tương ứng với Bi, Hỷ, và Xả cũng như vậy, với tâm như thế khiến ác Ma không thể lợi dụng được”.

Vì vậy ta không thể lợi dụng được, ta lại nghĩ: *“Bằng phương pháp ấy vô hiệu quả, ta phải dùng cách khác, làm cho tăng bốc tâm của các Sa-môn, biết đâu họ chẳng nổi tà tâm để ta dễ dàng lợi dụng”.* Nghĩ vậy, ta bèn đi xúi giục một số con gái đẹp đến lễ bái hầu hạ Sa-môn.

Các Sa-môn sau khi được các người con gái đẹp lễ bái cúng dường v.v.. rồi, họ đi đến chỗ Phật Giác-Lịch-Câu-Tuần-Đại. Ngài bảo các đệ-tử: *“Đại chúng thấy chăng? Ác Ma xúi giục các người con gái đến lễ bái, hầu hạ và cúng dường, ác Ma lại còn xúi những người con gái đánh mất đũa tình, nũng nịu, ông ẹo trước Sa-môn, để mong Sa-môn nổi dục tâm hòng dễ dàng lợi dụng. Nay các đệ-tử, hãy quán sát các hành là vô thường không bền, các pháp thịnh suy không chắc chắn như bọt nước, như cơn gió thoảng; hãy quán các pháp là không thật như ánh trăng đáy nước, như bóng trong gương. Hãy quán thân là ô uế dơ bẩn thối tha ghê tởm, quán vô dục, quán ly xả, quán đoạn diệt tất cả mọi thứ để cho ác Ma không thể lợi dụng được”.*

Này Ba-Tuần, vì thế ta không thể làm gì được Tôn-giả Tường, nên bây giờ ta hóa hình làm một đứa trẻ, tay cầm cây gậy đứng bên đường. Khi đức Phật Giác-Lịch-Câu-Tuần-Đại đi khát thực ngang qua, có Tôn-giả Âm đi theo phía sau. Ta thấy thế, bèn đánh Tôn-giả Âm một gậy, làm vỡ đầu, và máu chảy ướt cả mặt. Tôn-giả Âm bị đánh bể đầu chảy máu, vẫn đi theo sau đức Phật như bóng với hình, không rời xa, cũng không kêu than nói năng chi cả.

Sau một lúc, đức Phật xoay nhìn về phía sau bên phải như cái nhìn của một voi chúa không sợ hãi, không giận dữ, và quán sát. Ngài nhìn thấy Tôn-giả Âm đầu bị chảy máu ướt đỏ cả mặt, bèn nói: *“Ác Ma thật hung ác này có đại oai lực, ác Ma này không biết đủ”*; Ngài vừa nói dứt, thì ngay lúc đó, như tên bắn, chớp nhoáng, ta liền bị dọa vào đại Địa-ngục Vô-Khuyết.

Trong Địa-ngục Vô-Khuyết có Quỷ-ngục đến chỗ ta và nói: *“Người nên biết nếu đình hiệp đình (đình sắt 100 cái mà đóng vào thân thể) phải mãn hạn một trăm năm”* (bằng 100,000 năm thế-gian).

Ma Ba-Tuần nghe nói như vậy, trong lòng hết sức rúng động, sợ khủng khiếp, bèn biến mất....

TÔN-GIẢ XÁ-LỢI-PHẬT VÀ TRƯỞNG-GIẢ CẤP-CÔ-ĐỘC

(Trung A-Hàm, quyển 1, từ trang 309 đến 330)

Khi đức Phật trở lại du hóa tại nước Xá-Vệ trong rừng Đồng-Tử Thắng, đạo tràng Kỳ-Hoàn, thì Trưởng-giả Cấp-cô-Độc mang bệnh hiểm nghèo; hôm ấy, Trưởng-giả Cấp-cô-Độc bảo một người làm sứ-giã đi đến đánh lễ và thăm hỏi đức Phật, rồi sau đó đến đánh lễ Tôn-giả Xá-lợi-Phật. Người này nói ý nguyện của Trưởng-giả muốn được gặp Tôn-giả Xá-lợi-Phật, nhưng vì Trưởng-giả bị bệnh trầm trọng nên không thể đến được, và xin Tôn-giả vì lòng từ-mẫn mà đến nhà Trưởng-giả.

1)- Cách chữa bệnh kỳ lạ:

Vào sáng hôm sau, Tôn-giả Xá-lợi-Phật đi đến nhà Trưởng-giả Cấp-cô-Độc. Trưởng-giả vừa trông thấy Tôn-giả đến cửa, liền từ giường nằm muốn đứng dậy, nhưng Tôn-giả cản lại mà bảo:

- Trưởng-giả cứ nằm, đừng đứng dậy vì còn đang bệnh, bệnh trạng của Trưởng-giả hôm nay thế nào, có thuyên giảm không, ăn uống được không?

Trưởng-giả trả lời:

- Bệnh trạng của con rất nguy hiểm, ăn uống chẳng được, sự đau đớn chỉ tăng thêm mà chẳng giảm bớt chút nào! Không chừng vì vậy mà con có thể chết bất cứ lúc nào.

Tôn-giả Xá-lợi-Phật bảo:

- Này Trưởng-giả,

Ông đừng ngại, chớ nên sợ, vì nếu là kẻ phàm-phu ngu-si bất tín (không tin Phật-Pháp Tăng) thì khi chết sẽ sinh vào cõi xấu; còn Trưởng-giả không hề có sự bất tín mà chỉ có chính tín. Nhờ vậy nên sẽ diệt được đau nhức, sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc do lòng tin ấy nên sẽ chứng quả Tư-đà-Hàm (Thiền thứ hai), hay chứng quả A-na-Hàm (Thiền thứ ba), vì Trưởng-giả đã chứng quả Tu-đà-Hoàn (Thiền thứ nhất).

Nên biết, ông chớ nên ngại, đừng sợ, vì kẻ ngu-si có đủ thứ tham-lam, có đủ thứ sân-hận giận-thù, nên khi chết sinh thẳng vào cõi ác; còn ông không hề có tham, sân, mà chỉ có huệ-thí (bồ-thí, cúng-dường không vụ lợi). Nhân có huệ-thí nên: sẽ tiêu diệt đau đớn thống khổ, và sinh ra thoải mái vô

cùng; hoặc nhân có huệ-thí ấy mà chứng quả thứ hai Tư-đà-Hàm hay quả thứ ba A-na-Hàm, vì ông vốn đã chứng quả thứ nhất Tu-đà-Hoàn.

Ông không nên sợ, chớ lo, vì nếu là kẻ phàm-phu ngu-si không có đa-văn, khi chết sinh vào chỗ không tốt, còn ông có đa-văn (học rộng hiểu nhiều, ghi nhớ không quên), nhờ vậy nên sẽ diệt trừ đau đớn phiền hà, và sinh ra vui vẻ vô cùng; hoặc nhân có đa-văn nên sẽ chứng quả Tư-đà-Hàm hay A-na-Hàm, vì ông vốn đã chứng quả Tu-đà-Hoàn.

Điểm nữa: ông đừng ngại, chớ sợ, vì kẻ làm ác có ác giới (làm các việc ác), nên khi chết liền sinh thẳng vào Địa-ngục; còn ông không hề làm các điều ác, mà chỉ có thiện giới (làm các việc lành). Ông có thiện-giới nên sẽ tiêu diệt sự đau đớn bệnh tật, và sinh ra vui vẻ sung sướng. Hoặc nhân có thiện-giới ấy nên sẽ chứng quả thứ nhì hay quả thứ ba, vì ông đã chứng quả thứ nhất rồi.

Trưởng-giả nên nhớ, không nên sợ, đừng sợ, vì sao? Tại vì nếu là người phàm-phu ngu-si có ác ngữ (nói dối, nói đâm thọc, nói lời độc ác, và nói lời thô bỉ nhảm nhí), nên khi chết đi sẽ sinh vào đường ác; còn Trưởng-giả không hề có ác ngữ mà chỉ có chính ngữ, có chính ngữ nên sẽ diệt tận sự đau đớn trong thân thể, sinh ra thoải mái nhẹ nhàng. Hoặc nhân có chính ngữ mà chứng quả Tư-đà-Hàm hay A-na-Hàm, vì Trưởng-giả đã chứng Tu-đà-Hoàn.

Ông cũng chẳng phải lo, chẳng phải sợ, tại sao vậy? Vì nếu là kẻ có tà nghiệp (hành động nơi thân không chân chính như sát sanh, trộm cướp, tà dâm), nên khi chết sinh vào Địa ngục; còn ông không hề có tà nghiệp, mà chỉ làm các thiện nghiệp, chính nghiệp, nên sẽ tiêu diệt mọi buồn phiền, và sinh ra an ổn nhẹ nhàng. Hoặc nhân có chính nghiệp mà chứng quả Tư-đà-Hàm hay A-na-Hàm, vì ông vốn đã chứng quả Tu-đà-Hoàn.

Lại nữa, ông đừng sợ, chớ sợ, vì sao thế? Vì nếu là kẻ phàm-phu ngu-si làm tà mạng (sống bằng nghề nghiệp không chính đáng như nghề trộm cắp cướp, nghề giết súc vật, nghề dùng bùa chú v.v. để sinh sống) nên khi chết sẽ sinh vào ba cõi ác; còn ông chỉ có chính mạng, nhân có chính mạng nên sẽ chấm dứt sự thống khổ, sinh ra thoải mái. Hoặc nhân có chính mạng nên sẽ chứng quả thứ hai hay thứ ba, vì ông đã chứng quả thứ nhất rồi.

Trưởng-giả, không sợ, đừng lo, vì sao vậy? Vì kẻ ngu-si có tà kiến, nên khi chết đi sinh vào chỗ xấu; còn Trưởng-giả chỉ có chính kiến (hiểu biết có thiện nghiệp, ác nghiệp, thiện báo ác báo, có đời này đời khác, có luân hồi

nhân quả v.v), nhân có chính kiến nên sẽ tiêu diệt hết đau đớn lo buồn. Hoặc nhân có chính kiến nên sẽ chứng quả Tư-đà-Hàm hay A-na-Hàm, vì Trưởng-giả đã chứng quả Tu-đà-Hoàn.

Sau nữa, ông lại càng không nên sợ, chớ sợ, vì sao? Vì kẻ ngu-si có tà giải (tà giải có nghĩa là ý thức, kiến giải, hiểu một cách tà vạy), nên khi chết sẽ sinh vào chỗ dữ; còn ông chỉ có chính giải nên sẽ tiêu diệt được sự thống khổ, sinh ra khoái lạc vô cùng; hoặc nhân có chính giải nên sẽ chứng quả thứ nhì hay thứ ba, vì ông đã chứng quả thứ nhất.

Sau chót, ông đừng sợ, cũng chẳng phải lo tí nào, tại sao vậy? Tại vì nếu là kẻ phàm-phu ngu-si có tà trí (hiểu biết sai) nên khi chết đi thẳng đến chỗ không tốt; còn ông không có tà trí mà chỉ có chính trí, nhân có chính trí nên sẽ chấm dứt mọi bệnh tật đau khổ, sinh ra khoan khoái nhẹ nhàng; hoặc nhân có chính trí nên sẽ chứng quả thứ hai Tư-đà-Hàm hay quả thứ ba A-na-Hàm, vì ông vốn đã chứng quả thứ nhất Tu-đà-Hoàn.

Sau khi nghe Tôn-giả Xá-lợi-Phất thuyết giảng một hồi như thế, tự nhiên bệnh trạng của Trưởng-giả Cấp-cô-Độc biến mất; đang nằm, ông ngồi dậy nhẹ nhàng và khen:

- Hay thay! Hay thay! Tôn-giả thuyết pháp cho bệnh nhân thật là kỳ diệu, rất lạ, như có một điểm gì huyền bí; thưa Tôn-giả, khi con nghe bài pháp giáo hóa cho bệnh nhân vừa xong, liền chấm dứt bệnh khổ, sinh ra thoải mái vô cùng. Bây giờ bệnh của con dứt hẳn, không còn đau đớn mệt mỏi nữa, và bình phục khỏe mạnh rõ ràng.

2)-Nhân duyên Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc đối với Đức Phật.

Thưa Tôn-giả, nhân tiện đây con xin kể về nhân duyên của con đối với đức Thế-Tôn và đối với Tôn-giả trước kia:

Một hôm, nhân có chút việc cần làm, con đi đến thành Vương-Xá, và tạm trú ngụ tại nhà Trưởng-giả, một người bà con. Con thấy vị Trưởng-giả sai bảo con cháu và người giúp việc dọn dẹp trang hoàng nhà cửa, sắp xếp bàn ghế; vị Trưởng-giả ấy đích thân sắp đặt một chỗ ngồi cao, trông trang nghiêm vô cùng.

Thưa Tôn-giả, sau khi thấy vậy, con liền hỏi vị ấy rằng: “Ông vì việc hôn-nhân cưới hỏi, hay thỉnh Quốc-Vương, hay mời Đại-thần mà sửa soạn lớn lao như thế này?”

Lúc ấy, vị ấy trả lời con rằng: *“Tôi không phải vì việc hôn-nhân, cũng chẳng phải thỉnh Quốc-Vương hay mời Đại-thần; nhưng tôi sửa soạn bữa cơm tiệc chay, vì trưa ngày mai tôi sẽ cúng dường đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo”*.

Từ thuở nhỏ cho đến lúc ấy, con chưa từng được nghe đến danh hiệu đức Phật, nên khi nghe rồi, rất là ngạc nhiên, toàn thân con lông dựng ngược, con liền hỏi rằng: *“Ông nói Phật, vậy thế nào là Phật?”*

Vị Trưởng-giả trả lời con rằng: *“Ông chưa được nghe sao? Có một vị dòng dõi họ Thích, từ giã vua cha giàu sang quyền quý, bỏ hết cung vàng điện ngọc, thể tàn mỹ nữ. Vị ấy xa lià vợ đẹp con khôn và đại gia đình Hoàng-tộc, cắt bỏ râu tóc, khoác áo Cà-Sa, với lòng sắt đá sống nơi rừng hoang để tìm đạo; vị ấy đã chứng quả vô thượng Chính-Đẳng Chính-Giác, vị ấy gọi là Phật”*.

Con lại hỏi rằng: { {Ông đã nói: *“Đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo”*, nay tôi đã hiểu Phật, nhưng còn thế nào là đại chúng Tỳ-kheo?} }.

Vị ấy trả lời con: *“Ông nên biết, còn có rất nhiều vị có dòng họ và danh hiệu khác nhau, cũng cạo bỏ râu tóc, mặc áo Cà-Sa, những vị này cũng rời bỏ gia-đình sống không nhà, với lòng chí thiết đi theo đức Phật để học đạo, những vị đó gọi là đại chúng Tỳ-kheo (Ngày nay gọi là chư Tăng). Đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo ấy là những bậc tôi sẽ thỉnh đến vào trưa ngày mai, hiện nay đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo đang trú ngụ tại vườn Ca-lan-Đà, trong rừng Trúc, thuộc thành Vương-Xá này. Nếu ông muốn có thể đến đó hay ở lại đây đến ngày mai cũng có thể gặp được, tùy ý”*.

Thưa Tôn-giả, nghe vị ấy nói xong, lòng con háo hức mong mỏi muốn được gặp đức Phật; nhưng con tự nhủ rằng hôm sau sẽ được cơ hội gặp Phật, nên con lấy làm vui mừng và yên tâm đi ngủ. Con đi ngủ, chẳng biết đã ngủ được bao lâu, khi thức tỉnh, trong lòng con lại nhớ ngay đến việc gặp Phật và không còn ngủ lại được nữa. Con ngồi dậy nhìn ra ngoài cửa sổ, thấy trời sáng, vì lòng chí thành của con mong muốn được yết kiến đức Phật, nên lúc đang đêm ấy mà con tưởng đã gần sáng rồi. Con liền từ nhà vị Trưởng-giả ấy đi ra, đến trạm kiểm soát nơi cổng thành, trời vẫn còn chưa sáng hẳn. Con vượt cổng thành để đi ra bên ngoài, chẳng bao lâu con đi ngang qua một nghĩa-địa, tự nhiên trời tối hẳn lại, ánh sáng biến mất, con cảm thấy sợ hãi,

toàn thân nổi gai ốc. Lúc ấy con nghĩ: “Mong sao đừng có người hay ma-quỷ đến xúc nhiễu (xúc phạm quá nhiễu)”.

Đột nhiên, con thấy có ánh sáng tỏa chiếu khắp và có tiếng nói: “Này Trương-giả đừng sợ, này Trương-giả chớ sợ, vì sao vậy? Vì kiếp trước tôi vốn là bạn của ông tên là Mật-Khí, vào lúc còn trẻ chúng ta rất quý mến nhau; này Trương-giả, thuở xa xưa ấy, tôi đến chỗ Mục-kiền-Liên được Ngài thuyết pháp cho tôi và khuyến khích tôi, ban cho tôi tam tự quy y Phật, Pháp, Tăng, và trao cho tôi năm giới (Không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu). Này Trương-giả, vì tôi đã thọ trì năm giới một cách kiên cố, nên sau khi chết tôi được sinh lên cõi trời Tứ Thiên-Vương, và ở trong trạm dừng tại cổng thành Vương-Xá; Trương-giả hãy đi mau lên, hãy đi nhanh lên, đi tốt hơn là dừng lại”.

Rồi vị Trời ấy nói bài tụng khuyên con như sau:

Được trăm ngựa, tỳ nữ,
Trăm xe đầy châu báu,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi đến Phật.
Trăm voi trắng tối thượng,
Với yên cương bằng vàng,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi đến Phật.
Trăm nữ nhân tuyệt đẹp,
Đeo chuỗi ngọc, tràng hoa,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi đến Phật.
Chuyển-luân-Vương đệ nhất,
Ngọc-nữ báu yêu mến,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi đến Phật.

Vị Trời tụng xong, tiếp tục khuyên con rằng: “Này Trương-giả đi mau lên, này Trương-giả đi nhanh lên, quả thật, đi tốt hơn là dừng lại”.

Bấy giờ con nghĩ: “Đức Phật có ân đức rộng lớn che chở bao trùm, đại chúng Tỳ-kheo cũng có ân đức che chở bao trùm, vì vị Trời cũng muốn khiến ta đi đến yết kiến”. Thừa Tôn-giả, con do ánh sáng của vị Trời ấy hướng dẫn mà đi đến Trúc-lâm, vườn Ca-lan-Đà, thì ánh sáng ấy biến mất.

Lúc ấy, trời còn chưa sáng tỏ, con thấy đức Thế-Tôn từ thiên thất đi ra kinh hành ở khu đất trống. Từ xa con trông thấy đức Phật có ánh hào quang rực rỡ tỏa ra chung quanh, đi gần hơn nữa, con thấy Ngài đẹp đẽ trang nghiêm, như mặt trăng giữa các vì tinh-tú. Con thấy rồi, liền hân hoan đi đến trước Phật, đánh lễ rồi đứng lên theo Ngài kinh hành.

Bấy giờ đức Phật vừa đi đến cuối đường kinh hành, Ngài trái Ni-sur-Đàn (tọa cụ của Phật) rồi ngồi kiết-già; lúc ấy con lại đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi sang một bên. Đức Thế-Tôn bắt đầu thuyết pháp cho con nghe, Ngài dùng đủ thứ phương tiện thuyết pháp làm cho con được vui thích; rồi Ngài theo thông lệ của chư Phật, trước hết nói về pháp đoạn chính để người nghe vui vẻ, đó là nói về bố thí, trì giới và về pháp sinh lên cõi Trời; sau Ngài nói về tai họa của tham dục, sân hận, tà kiến v.v...

Khi đức Thế-Tôn biết con đã có tâm kham nhiễm nhu nhuần, có tâm hoan hỷ vược lên, và có tâm tín chuyên nhất, Ngài liền nói về Khổ, Tập (nguyên nhân gây ra khổ), Diệt (cách diệt trừ khổ), Đạo (con đường dẫn đến đạo) cho con nghe. Ngay khi ấy, con đã thấy bốn Diệu-Đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) thật rõ ràng, giống như tấm vải trắng nhuộm thành màu sắc, con cũng như vậy.

Thưa Tôn-giả, con đã thấy Pháp, đắc Pháp; con đã đoạn nghi trừ hoặc, không còn tôn sùng ai, cũng chẳng tin theo người khác. Con không còn một chút do dự, đã trụ nơi quả chứng, và được sự không sợ hãi đối với giáo-pháp của đức Thế-Tôn, lúc ấy con liền đứng dậy đánh lễ đức Phật và nói: *“Thưa đức Thế-Tôn, con hôm nay tự quy y Phật, Pháp, và chúng Tỳ-kheo; cúi mong đức Thế-Tôn chấp nhận cho con làm Ưu-bà Tắc (Nam Cư-sĩ) bắt đầu từ giờ này cho đến trọn đời con”*.

Thưa Tôn-giả, con chấp tay thưa tiếp rằng: *“Thưa Thế-Tôn, ngưỡng mong Ngài nhận lời mời của con, cùng đại-chúng Tỳ-kheo đến thành Xá-Vệ (về phương Bắc) thuộc nước Xá-Vệ để an cư mùa mưa”*.

Lúc ấy đức Thế-Tôn hỏi con: *“Ông tên là gì, người dân nước Xá-Vệ gọi ông bằng gì?”*

Con liền thưa: *“Con tên là Tu-đạt-Đa, vì con thường cung cấp cho người nghèo cô độc nên người dân trong nước Xá-Vệ gọi con là Cấp-cô-Độc”*.

Đức Thế-Tôn lại hỏi: *“Tại nước Xá-Vệ ông có phòng ốc gì chưa, nếu có phòng ốc thì các thầy Tỳ-kheo mới có thể vắng lai, mới có thể trú ngụ được”*.

Con trả lời rằng: *“Thưa Thế-Tôn, tại nước Xá-Vệ, con chưa có phòng ốc, nhưng con có thể cho xây cất, để các thầy Tỳ-kheo vắng lai cư ngụ. Mong đức Thế-Tôn cử một vị Tỳ-kheo đến nước Xá-Vệ giúp con trong việc kiến lập phòng ốc”*.

Bấy giờ đức Thế-Tôn liền cử Tôn-giả (Xá-lợi-Phất) đi giúp đỡ con, khi công việc tại thành Vương-Xá xong xuôi, con cùng Tôn-giả đi đến nước Xá-Vệ; nhưng không vào thành ngay, cũng chẳng về nhà, mà lập tức đi dạo khắp nơi bên ngoài thành. Quan sát xem chỗ nào có thể đi lại tiện lợi, ban ngày không ồn ào, và ban đêm tịch tĩnh; chỗ không có muỗi mòng, cũng chẳng ruồi bọ, không nóng cũng chẳng lạnh, có thể xây cất phòng ốc cúng dàng đức Phật và đại-chúng Tỳ-kheo.

Thưa Tôn-giả, bấy giờ con chỉ thấy vườn của hoàng-thân Đồng-Tử Thắng là đủ tiêu chuẩn đã định, con quan sát kỹ rồi liền nghĩ: *“Chỉ có chỗ này là thích hợp nhất, là tốt nhất, không còn chỗ nào khác tốt hơn”*.

Nghĩ như vậy, con liền đi thẳng đến nhà Đồng-Tử Thắng mà nói rằng: *“Thưa Hoàng-thân, Ngài có thể bán khu vườn kia lại cho tôi được không?”*

Đồng-Tử liền bảo con: *“Trưởng-giả nên biết, tôi không bán vườn đâu”*.

Cứ như vậy, lần thứ hai, rồi lần thứ ba con nói như thế; Đồng-Tử cũng lần thứ hai từ chối, rồi lần thứ ba bảo con rằng: *“Này Trưởng-giả, tôi đã nói tôi không bán vườn. Ông cứ hỏi lời thôi mãi, ngoại trừ chỉ khi nào tiền ức triệu ông trải đầy mặt đất”*.

Lúc ấy con liền nói: *“Này Hoàng-thân, Ngài đã quyết định giá cả, chỉ còn việc trao tiền nữa thôi”*.

Thưa Tôn-giả, con và Đồng-Tử Thắng, người thì nói đã quyết định giá cả rồi, người thì nói chưa có quyết định giá cả. Cùng nhau tranh cãi lớn, rồi dắt nhau đến vị Phán Quan xử án của nước Xá-Vệ để xin phán quyết về việc ấy. Bấy giờ vị Phán Quan sau khi nghe đôi bên trình bày, liền bảo Đồng-Tử Thắng rằng: *“Này Đồng-Tử Thắng, thế là ông đã tự quyết định giá cả rồi, chỉ còn việc nhận tiền của Trưởng-giả mà thôi, không còn tranh cãi gì nữa”*.

Thế là con liền trở về nhà lấy tiền, và dùng voi, xe ngựa để chuyên chở các kho bạc đem đến. Con đã xuất ra tới ức triệu tiền bạc để trải khắp mặt đất, nhưng còn một chỗ chưa trải đến. Con còn đang suy nghĩ nên lấy bạc ở kho nào để trải chỗ đất còn dư ấy để cho đủ; bấy giờ Đồng-Tử Thắng bảo con rằng: *“Này Trưởng-giả, nếu có ăn năn về số tiền ấy thì hãy mang trở về, trả lại khu vườn cho tôi”*.

Con bảo Đồng-Tử Thắng: *“Tôi không có ăn năn, tôi chỉ suy nghĩ xem nên lấy tiền ở kho nào để mang đến trải chỗ đất còn lại cho vừa đủ, không thừa cũng không thiếu”*.

Bấy giờ Đồng-Tử Thắng tự nghĩ: *“Đức Phật hẳn là một người cao cả, vĩ đại, và có oai đức lớn; đại chúng Tỳ-kheo hẳn cũng rất cao cả, và cũng có oai đức lớn. Do đó mới làm cho Trưởng-giả này thiết bày sự cúng dàng vĩ đại, coi của cải rẻ đến như thế; có lẽ ta nên xây cổng ngõ tại miếng đất còn lại để cúng dàng”*, rồi Đồng-Tử Thắng bảo con: *“Này Trưởng-giả, hãy thôi đi, đừng xuất tiền để trải chỗ đất còn lại nữa, vì ngay chỗ đất ấy tôi sẽ xây cổng ngõ để cúng dàng Phật và đại-chúng Tỳ-kheo”*.

Thưa Tôn-giả, vì lòng từ-mẫn, nên con đồng ý để chỗ đất ấy lại cho Đồng-Tử Thắng xây cổng ngõ.

3)- Ngoại đạo quy phục Tôn-giả Xá-Lợi-Phất:

Khi vừa khởi công xây cất, lại xảy ra việc ngoại đạo ngăn cản, nhiều nhóm Bà-la-môn (Ấn-Độ-Giáo) đến gặp con yêu cầu hủy bỏ xây cất Tịnh-xá, nhưng tín tâm đối với đức Phật của con rất kiên cố nên họ không thể nào lay chuyển nổi; họ bèn xoay qua việc đòi tranh luận với đệ-tử Phật là Tôn-giả để đánh bại lý thuyết Phật-giáo, hầu dẹp trừ sự phát triển của Phật-giáo tại vùng Bắc (Ấn-Độ) này.

Thưa Tôn-giả, con nghe tin như thế thì đâm ra hoang mang lo sợ, vì họ huy động một lực lượng hùng hậu gồm 10 Luận-Biện-Sư nổi tiếng nhất xứ (Ấn-Độ) đến, trong khi đó chỉ có một mình Tôn-giả. Con rất lo ngại báo tin ấy với Tôn-giả, nhưng Tôn-giả trái lại không hề lo lắng, mà tỏ ra hoan-hỷ, vì Tôn-giả cho rằng đây là cơ hội tốt để thể hiện và tuyên dương lý thuyết của Phật-giáo tại miền Bắc này, rồi họ hẹn ngày và địa điểm tranh biện.

Ngày tranh luận, dù họ đông, dương oai thế lực, nhưng từ nhỏ Tôn-giả đã thừa hưởng một kiến thức siêu quần về Bà-la-môn của cha ông, và đặc biệt hơn là Tôn-giả đã đắc quả A-La-Hán với giáo-lý của Phật. Kết quả cuối cùng là Tôn-giả thắng lợi, khiến một số ngoại đạo tiếp thu chân-lý và xin Tôn-giả hướng dẫn quy-y Phật-Pháp. Từ đó đến nay vô số người tại miền Bắc này trở thành con Phật.

Việc xây cất Tịnh-xá chủng-viện bởi thế trở nên rất thuận lợi và nhanh chóng, rồi suốt trong mùa hè ấy, con đã cấp tốc cho xây cất hoàn tất mười sáu dãy nhà làm các giảng đường và đại giảng đường, và mười nhà lớn biệt lập, mỗi nhà đều có ngăn nhiều phòng riêng biệt làm nơi trú ngụ. Lại có nhà tắm, nơi chứa nước, ao hồ, suối, đường để đi kinh hành v.v...

Con còn nhớ rõ, lúc Tịnh-xá sắp hoàn tất, hôm ấy đang khi đi thăm công việc xây cất, Tôn-giả bỗng nhiên nói với con: *“Này Trưởng-giả, ông hãy nhìn lên Trời xem có gì lạ kia.”* Con vội nhìn lên nhưng chẳng thấy gì cả nên đã trả lời rằng: *“Con chẳng thấy gì trên Trời cả”*. Tôn-giả nói: *“À phải rồi, mắt thường của con người không thấy được, Trưởng-giả hãy đến gần tôi và nương theo Thiên nhãn của tôi mà nhìn lại xem sao”*. Con liền đến đứng sát Tôn-giả mà nương nhìn liền thấy rất nhiều cung-điện trang nghiêm đẹp đẽ vô cùng. Tôn-giả giải thích rằng: *“Những cung điện ấy dành cho Trưởng-giả vì ông đã phát đại tâm xây cất Tịnh-xá cúng dường Phật.”*

Thưa Tôn-giả, lúc ấy con đâm ra hoang mang, và nói: *“Sao nhiều cung điện quá, con biết ở cung điện nào?”*. Tôn-giả bảo: *“Trưởng-giả nên chọn cung điện ở cung Trời Đạo-Lợi, có thọ mạng khá lâu dài, lại biết tu hành, và khó đọa lạc”*. Con ưng ý ngay và buột miệng nói: *“Con ước mong sau này được sinh đến cõi Trời Đạo-Lợi”*, con vừa nghĩ vừa nói xong, lạ thay các cung điện đều biến mất, chỉ còn một cung điện mà thôi, khi ấy Tôn-giả bảo: *“Chỉ còn cung điện của cõi Trời Đạo-Lợi theo ý nguyện của Trưởng-giả đó”*. Lúc ấy con vui mừng biết mấy.

Thời ấy Tôn giả đã giúp đỡ con rất nhiều trong việc dựng lập Tịnh-xá chủng-viện, hôm nay Tôn-giả thuyết pháp để giáo hóa người bệnh rất là kỳ lạ. Con nghe bài giáo hóa người bệnh vừa rồi, bệnh khổ nặng nề liền biến mất, lại sinh ra vui vẻ nhẹ nhàng vô cùng.

Thưa Tôn-giả, bây giờ con không còn bệnh nữa, và được yên ổn hoàn toàn, kính mong Tôn-giả ở lại thọ trai; Tôn-giả Xá-lợi-Phất im lặng nhận lời

mời, sau khi thọ trai xong, Tôn-giả thuyết pháp cho Trưởng-giả nghe, xong Tôn-giả ra về.

Khi ấy đức Thế-Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng nghe, từ đằng xa, đức Thế-Tôn thấy Tôn-giả Xá-lợi-Phất đi lại, Ngài bảo đại chúng: “*Tỳ-kheo Xá-lợi-Phất là bậc thông tuệ, tốc huệ, tiếp huệ, quảng huệ, xuất yếu huệ, minh đạt huệ, và biện tài huệ; Tỳ-kheo Xá-lợi Phất đã thành tựu thật huệ, vì sao vậy? Vì: về bốn hạng Tu-đà-Hoàn mà Ta đã nói sơ lược, thì Tỳ-kheo Xá-lợi-Phất triển khai thành mười hạng để nói cho Trưởng-giả Cấp cô-Độc nghe và khỏi bệnh*”.

4)- Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc sinh lên cõi Trời.

Về sau, lúc đã lớn tuổi già yếu bệnh hoạn nhiều, và cảm thấy không còn sống được bao lâu nữa; Trưởng-giả Cấp cô-Độc sai sứ-giả đến đánh lễ, thăm hỏi đức Thế-Tôn và thưa rằng bệnh tình của Trưởng-giả đã đến hồi trầm trọng, nhưng ông vẫn từ giường bệnh kính cẩn đánh lễ đức Thế-Tôn. Sau đó: sứ-giả cũng đến thăm hỏi Tôn-giả Xá-lợi-Phất, và nói ý nguyện của Trưởng-giả là muốn được gặp Tôn-giả trước khi nhắm mắt qua đời.

Theo lời thỉnh, Tôn-giả Xá-lợi-Phất đi cùng với Tôn-giả A-nan-Đà đến nhà Trưởng-giả Cấp cô-Độc và thăm hỏi bệnh tình; Trưởng-giả Cấp cô-Độc thưa rằng bệnh của ông không có dấu hiệu giảm bớt, mà chỉ có tăng thêm, càng ngày càng trầm trọng hơn, và có thể chết bất cứ lúc nào.

Tôn-giả Xá-lợi-Phất liền thuyết cho ông một bài pháp rất chi tiết mạch lạc, Tôn-giả bảo ông ráng thực hành, đại cương gồm những điểm sau đây:

1- Quán niệm về Tam Bảo Phật-Pháp-Tăng thì sẽ không bị dọa vào ba đường ác là Ngạ-Quỷ, Súc-sanh, và Địa-Ngục.

2- Quán niệm về 18 giới: sáu căn (giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý), **sáu trần** (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), **sáu thức** (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, xúc thức, và ý thức) đều không phải là ta, không vương mắc tới ta .

3- Quán niệm sáu đại: (đất, nước, gió, lửa, không gian, và tâm thức) không phải là ta, không vương mắc tới ta.

4- Quán niệm năm uẩn (hay 5 ấm): (hình sắc, cảm thọ, tri tưởng, tâm hành, nhận thức) không phải là ta, ta không bị giới hạn bởi năm uẩn.

5- Quán niệm về thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai) không phải là ta, ta không bị giới hạn bởi thời gian. (quá khứ đã qua rồi, hiện tại không dừng, tương lai chưa tới)

Các pháp đều do nhân duyên sinh khởi và diệt đi, thật ra tự tánh của các pháp là không sinh cũng chẳng diệt, không tới cũng chẳng đi. Khi có đầy đủ nhân duyên hội tụ thì con mắt có mặt, khi nhân duyên thiếu thì con mắt vắng mặt. Điều này cũng đúng với tất cả các pháp khác của sáu căn, sáu trần, sáu thức, năm uẩn, và thời gian.

Trong năm uẩn không gì có thể gọi được là ta, không thấy được sự thực này là vô minh (ngu si). Vì vô minh mà có hành (hành động), vì hành mà có thức (vọng thức), vì thức mà có danh sắc (danh: tên gọi, sắc: vật chất), vì danh sắc mà có sáu nhập (tai mắt mũi lưỡi thân ý), vì lục nhập mà có tiếp xúc (mắt nhìn, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm, ý nghĩ tưởng), vì xúc chạm mà có thọ (thụ cảm), vì cảm thọ mà có ái (yêu thích, ghét chê), vì tham ái mà có thủ (vướng mắc giữ lấy), vì thủ mà có hữu (có), vì hiện hữu mà có sinh, già, bệnh hoạn khổ não, rồi chết.

Mọi pháp đều không có tự tánh riêng biệt, và đều do nhân duyên mà phát hiện, đó gọi là quán niệm muôn pháp đều không, một phép quán cao siêu vào bậc nhất.

Khi nghe xong, nước mắt Trưởng-giả ràn rụa trào ra. Tôn-giả A-nan-Đà thấy thế bèn hỏi:

- Có phải Trưởng-giả sợ thực hành không được, nên tinh thần suy nhược chẳng?

Ông trả lời:

- Thưa Tôn-giả A-nan, không phải vậy, con thực tập rất thành công, tinh thần con không chút giảm suy. Chỉ vì mặc dù đã được nghe nhiều bài pháp do Tôn-Sư giảng, con chưa hề được nghe pháp cao siêu như thế này.

Tôn-giả A-Nan-Đà nói:

- Ông nên biết giáo pháp này thường được Thế-Tôn dạy cho các Tỳ-kheo nghe.

Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc nói :

- Xin Tôn-giả A-Nan thừa lại với đức Thế-Tôn, xin Ngài cho phép giới Cư-sĩ được nghe những giáo pháp vi diệu như giáo pháp này, vì cũng có Cư-sĩ đủ sức hành trì những giáo pháp thâm diệu ấy.

Khi hai vị Tôn-giả đệ-tử Phật ra về Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc tiếp tục quán niệm giáo pháp vi diệu ấy, mấy ngày sau Trưởng-giả thở hơi cuối cùng, qua đời, và tức khắc, sinh lên cõi trời Đạo-Lợi.

Sau đó ít lâu, một đêm, vị Trời Cấp-cô-Độc từ cung trời Đạo-Lợi trở về Tịnh-xá, hào quang sáng ngời, chiếu cả một khu rộng lớn. Vị Trời Cấp-cô-Độc đến đánh lễ đức Thế-Tôn, Thiên-tử Cấp-cô-Độc bày tỏ niềm hân hoan được gặp lại đức Thế-Tôn và chư vị Đệ-tử của Ngài trong Tịnh-xá do ông đã kiến tạo. Vị Trời Cấp-cô-Độc cũng hết mực ca tụng phẩm hạnh và tài đức của Tôn-giả Xá-lợi-Phất. Sau khi ngỏ lời từ giã, vị Trời Cấp-cô-Độc đánh lễ đức Thế-Tôn, rồi biến mất chỉ trong chớp mắt.

5)- Quỷ Già-La đấm Tôn-giả Xá-Lợi-Phất.

(Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận, trang 103-104)

Một lần, Tôn-giả Xá-Lợi-Phất nhập Kim-Cang Định ở bên một gốc cây ngay chân núi Kỳ-Xà-Quật, trên núi có hai con Quỷ một con Quỷ thiện tên Ưu-Bà Ca-La, một con Quỷ ác tên Già-La, chúng nhìn thấy Tôn-giả đang ngồi thiền dưới một lùm cây cổ thụ, Quỷ ác liền nói:

- Ta sẽ đánh bể cái đầu trọc của lão Sa-môn kia.

Quỷ thiện nói cản lại:

- Đừng làm thế, vị ấy có thần-lực, nguy hiểm lắm.

- Ngươi sợ lão Sa-môn này sao? Ta chỉ đấm một cái là cái đầu trọc kia bể nát ra cho mà xem.

Nói vừa dứt, nhanh như chớp, liền vung tay đánh xuống đầu Tôn-giả như sấm nổ, trong lúc ấy Quỷ thiện sợ quá biến mất. Quỷ ác đánh tới mà Tôn-giả chỉ cảm thấy như có một chiếc lá rơi trên đầu, rồi Tôn-giả thấy một con Quỷ máu từ miệng, mũi, tai, mắt chảy ra, và đang sa vào Địa-ngục.

Khi Tôn-giả đến vườn Ca-lan-Đà, đức Phật hỏi:

- Xá-Lợi-Phất, hôm nay ông có sao không?

- Thừa Thế-Tôn, con không sao, chỉ hơi ê đầu một chút thôi.

- Xá-Lợi-Phất, hôm nay ông nhập Kim-Cang Định rất tốt, quý Già-La mà đấm núi Tu-Di cũng phải vỡ nát. Sức mạnh của Định Kim-Cang vững mạnh đến như thế đó, ngay khi đánh, quý Già-La bị sức phản lại của Kim-Cang Định nên thất khiêu bị chảy máu mà chết và bị đọa địa ngục vì làm ác, các ông (các Tỳ-kheo) cần phải tu trì như thế.

6)- Xá-Lợi-Phất rống tiếng rống Sư-tử :

Sau này, khi Tôn-giả Xá-lợi-Phất muốn đi giáo hóa trong nhân gian, Ngài đi đến chỗ đức Phật đánh lễ và thưa:

- Bạch Thế-Tôn, con an cư ba tháng ở tại nước Xá-Vệ này vừa xong, bây giờ con muốn đi du hành trong nhân gian.

Đức Phật bảo:

- Ông hãy đến đâu tùy ý, người nào chưa được hóa độ hãy khiến họ được hóa độ, những người nào chưa được giải thoát hãy khiến họ được giải thoát.

Sau khi nghe đức Phật dạy xong, Tôn-giả đánh lễ, đi quanh Phật ba vòng, rồi lui ra về phòng riêng lấy y bát, rồi ra đi; Tôn-giả vừa ra đi, có một vị Tỳ-Kheo đến thưa với Phật rằng:

- Thừa Thế-Tôn, hôm nay Tỳ-kheo Xá-lợi-Phất sau khi khinh mạn con rồi đi du hành trong nhân gian.

Khi nghe lời ấy, đức Thế-Tôn liền bảo một Tỳ-Kheo khác đi gọi Tôn-giả Xá-lợi-Phất trở lại; lúc ấy, Tôn-giả A-Nan-Đà đang đứng phía sau đức Phật nghe những lời ấy, liền cầm chùm chìa khóa đi đến khắp các phòng, mời các Tỳ-Kheo đến đại giảng đường để nghe Tôn-giả Xá-lợi-Phất sẽ ở trước Phật mà rống tiếng rống Sư-tử. Tôn-giả A-Nan-Đà còn căn dặn: *“Nếu Tôn-giả Xá-lợi-Phất nói ra những điều sâu xa, tịch tịnh, vi diệu, mọi người phải khéo ghi nhớ và thọ trì”*.

Khi Tôn-giả Xá-lợi-Phất được vị Tỳ-Kheo đi kịp nói lại sự việc xảy ra và lời đức Phật bảo, Tôn-giả liền quay trở lại chỗ đức Phật, cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi qua một bên. Đức Phật bảo:

- Xá-lợi-Phất, sau khi ông rời khỏi đây, có một Tỳ-Kheo đến đây nói: *“Thừa Thế-Tôn, hôm nay Tỳ-kheo Xá-Lợi-Phất sau khi khinh mạn con rồi đi du hành trong nhân gian”*, có thật sau khi khinh mạn một Tỳ-Kheo phạm hạnh rồi ông đi du hành trong nhân gian chăng?

Tôn-giả Xá-Lợi-Phất thưa:

- Bạch Thế-Tôn, nếu người nào không thực hành niệm thân trên thân, thì người ấy mới khinh mạn một vị Tỳ-Kheo phạm hạnh; còn con luôn luôn không quên thực hành niệm thân trên thân, thì sao con lại có thể khinh mạn một vị phạm hạnh?

Thưa Thế-Tôn,

Cũng như một con trâu gầy cả hai sừng, rất nhường nhịn, hiền lành, dễ chế ngự, không gây gỗ; nó từ xóm thôn này đến xóm làng khác, những nơi nó đi qua không gì bị nó xâm phạm. Con cũng như vậy, tâm con như trâu gầy cả hai sừng, không nào hại, con đã tu tập thuần thực như thế.

Như con của người trọng tội, nên nó phải bị chặt hai tay, tâm ý nó rất thấp kém, nó từ xóm này đến xóm khác, những nơi nó đi ngang qua, không có gì bị xâm phạm. Tâm con cũng giống như con của người trọng tội kia, không nhìn ngó người khác, không sân hận, con khéo tu tập tâm ý như thế.

Lại như mặt đất dung nạp tất cả thứ sạch, đồ dơ, nước mũi, nước miếng, nước tiểu, cho đến đủ thứ phân người và phân các loài súc vật v.v.. Mặt đất không phải vì thế mà có sự thương ghét giận hờn, không lấy thế làm xấu xa, cũng chẳng thẹn thùng; tâm con cũng như mặt đất, không phân biệt dơ sạch, không oán kết, khéo hành trì, biến mãn tất cả thế gian.

Cũng lại như ngọn lửa đốt cháy tất cả, không phân biệt thứ sạch đồ dơ, ngọn lửa không có sự yêu ghét, không kiêu hãnh, cũng chẳng hổ thẹn. Tâm con cũng như ngọn lửa, khéo điều phục, rộng lớn vô biên, thành tựu an trụ đầy đủ.

Lại nữa, như gió thổi bay những thứ nhẹ, không phân biệt là thứ gì, không phân biệt là sạch sẽ hay dơ bẩn, gió không vì thế mà có sự yêu thương hay ghét bỏ; gió thổi đến mọi chỗ, từ đồng bằng đến biển cả cho tới đồi hoang, chỗ nào cũng có gió, không e lệ, không kiêu căng, cũng chẳng thẹn thùng. Tâm con cũng vậy, luôn luôn bình đẳng như gió, khắp tất cả thế gian.

Cũng như cây chổi, quét khắp tất cả bụi, rác, nước miếng, nước mũi, không phân biệt sạch dơ; cây chổi không vì thế mà có yêu ghét, không lấy làm xấu xa, không xấu hổ, cũng chẳng ngại ngùng. Tâm con cũng như cây chổi, không oán không kết, khéo tu tập đầy đủ.

Như cái chậu đựng nước lau sàn nhà, khăn lau chùi tất cả chỗ sạch chỗ dơ, rồi khăn lau được giặt vào cái chậu nước ấy; cái chậu không vì thế mà có sự thích hay không thích, cũng không lấy làm xấu xa hổ thẹn; con cũng như vậy, tâm con như cái chậu nước lau sàn nhà kia, không chọn lựa, không chê bai, cũng chẳng giận hờn.

Sau nữa, cũng như bình mỡ nứt nẻ đựng đầy mỡ rồi để dưới ánh nắng mặt trời, mỡ chảy rỉ thấm ướt khắp cả; con cũng thế, con thường quán sát thân này có chín lỗ thường chảy ra, thoát ra, rỉ ra, thấm khắp cả những đồ bất tịnh, dơ bẩn, khó coi, khó ngửi, ghê tởm, nên con không coi trọng, không quý, không ham, không đề cao thân này.

Sau chót, cũng như con một Trưởng-giả ưa thích tuổi niên thiếu của mình, thường tắm gội sạch sẽ, xông thân thể bằng hương thơm, mặc áo trắng thêu hoa đeo vòng ngọc, đầu đội tràng hoa. Nếu đem ba xác chết: Rắn chết, chó chết và người chết, máu ứ bầm xanh, sinh trương to lớn, rữa ra, rất khó chịu vì mùi hôi thối, nước dơ rỉ chảy ra dính khắp. Người niên thiếu ấy thấy thế sẽ rất sợ hãi, rất khủng khiếp, ghét vô cùng cảnh ô uế đó; con cũng như thế, thường quán sát những chỗ thối tha dơ bẩn của thân này giống như các xác chết ấy, tâm ôm lòng sợ hãi, và rất chán ghét thân này.

Thưa Thế-Tôn, nếu ai không thực hành niệm thân trên thân, có thể sẽ khinh mạn một vị phạm hạnh. Còn con không oán không kết, không sân hận, không nào hại, rộng lớn vô biên, đã khéo thực hành, tu tập, hành trì niệm thân trên thân, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ, tại sao con lại khinh mạn một vị phạm hạnh, rồi đi du hành trong nhân gian?

Bỗng nhiên lúc ấy Tỳ-Kheo kia liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật và nói:

- Thưa Thế-Tôn, con xin sám hối, con xin sám hối, con thành thật xin hối lỗi; con như người ngu si, con như người bất định, con như người bất thiện, con như người mù quáng; con đã đem lời dối trá để vu khống cho Tỳ-kheo Xá-Lợi-Phất, là bậc phạm hạnh thanh tịnh. Thưa Thế-Tôn, con nay xin sám hối tội lỗi đã tạo ra, mong Ngài chấp nhận cho con; sau khi sám hối, con quyết sẽ không còn tạo tội nữa, xin Ngài chấp nhận lời sám hối của con.

Đức Phật dạy:

- Nay Tỳ-Kheo, ông quả thật là người ngu si, như người bất định, như người bất thiện, như người vô trí; Ông đã đem lời dối trá hoàn toàn không chân

thật dễ vu báng Tỳ-kheo Xá-Lợi-Phất là bậc phạm hạnh thanh tịnh. Ông có thể sám hối tội lỗi, đã sám hối rồi sau này sẽ không còn tạo tội nữa; nếu có người nào sám hối tội lỗi đã phát lồ rồi, sau này không còn tạo tội nữa, như thế sẽ được trưởng thành trong Thánh pháp luật mà chẳng suy giảm.

Nói rồi, đức Phật bảo:

- Tỳ-kheo Xá-Lợi-Phất, ông nên sớm nhận lời sám hối của người ngu si kia, chớ để Tỳ-Kheo kia lập tức ở trước ông mà đầu bị vỡ tung ra.

Bấy giờ Tôn-Giả Xá-Lợi-Phất vì thương xót Tỳ-Kheo kia nên liền nói:

- Tôi nhận lời sám hối tội lỗi của ông, từ nay về sau ông không còn phạm tội tương tự như thế nữa đối với tất cả mọi người.

Nhận sự sám hối của Tỳ-kheo kia xong, Tôn-giả Xá-Lợi-Phất đứng dậy đánh lễ Phật, đi quanh ba vòng, lui bước ra khỏi đại giảng đường rồi đi du hành trong nhân gian....

ĐỨC PHẬT NÓI:

Giáo pháp của Ta chỉ có một vị Giải thoát, cũng như nước trong các biển chỉ có một vị mặn.

ĐẾ THÍCH THAM KIẾN PHẬT

(Trường A-Hàm, quyển 1, từ trang 493 đến 520)

Khi đức Phật ngự trong động Nhẫn-Đà Bà-La, tại núi Tà-đà, thuộc nước Ma-kiệt-Đà, bấy giờ Vua Trời Thích (Đế-Thiên Đế-Thích cũng gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế) khởi tâm muốn đến gặp Phật. Ngay khi ấy, các vị Trời cõi Đạo-Lợi biết được Đế-Thích khởi tâm như thế, liền đến chỗ Đế-Thích thưa :

- Nay Ngài khởi tâm thiện vi diệu muốn đến chỗ Như-Lai nơi cõi trần phàm, chúng tôi cũng muốn theo hầu, để được đến mà chiêm bái và học hỏi nơi Thế-Tôn.

Lúc đó Đế-Thích bảo Thần-nhạc là Bàn-già-Dực rằng:

- Ta muốn đến nơi Thế-Tôn ngự, vậy ông và chư Thiên có thể đi cùng ta đến đó.

Thần nhạc đáp:

- Thừa vâng.

Rồi Thần nhạc cầm cây đàn Lưu-ly khảy khúc đàn cúng dàng Đế-Thích và chư Thiên. Tiếng đàn vừa dứt, chỉ trong khoảnh khắc như người lực sĩ duỗi cánh tay, họ biến mất khỏi Thiện Pháp-đường cõi Trời và đến trên núi Tỳ-Đà.

Trong khi ấy, đức Phật đang nhập định Hỏa-diệm tam-Muội, khiến cả vùng núi có một màu đỏ rực; một vài người dân trong vùng gần đấy trông thấy tự nói: *“Núi Tỳ-Bà là một biển lửa! Không biết chuyện gì đã xảy ra mà đang đem cháy như thế?”*. Đế-Thích bảo Bàn-già-Dực:

- Đức Như-Lai ra đời thật hy hữu hiếm có, Ngài thường được các chư Thiên và đại Quỷ-Thần theo hầu. Nay ông hãy vào động Nhẫn-Đà Bà-La khảy đàn cúng dàng Như-Lai, còn ta và chư Thiên sẽ đến sau.

Vâng lời Đế-Thích, Bàn-già-Dực liền vào động khảy khúc đàn hòa với tiếng ca cúng dàng Như-Lai, tiếng đàn trầm bổng, xen với tiếng hát ca tụng công đức vô lượng vô biên của Như-Lai; khi đàn hát vừa dứt, thì đức Phật xuất định, và bảo Bàn-già-Dực:

- Hay thay! Hay thay! Ông có thể dùng âm thanh thanh tịnh hòa điệu với tiếng đàn Lưu-ly để khen ngợi Như-Lai, giọng ca, tiếng đàn uyển chuyển, trầm bổng, mà có ý nghĩa tham dục là trôi buộc, phạm hạnh của Sa-môn đưa đến giải thoát.

Lúc đó Bàn-già-Dục liền đánh lễ Phật, xong thưa:

- Vua Trời Thích và Chư vị Trời Đạo-Lợi sai con đến thăm hỏi đức Thế-Tôn có được mạnh khỏe không, đi đứng có được thoải mái không?

Đức Phật nói :

- Ta mong cho Đề-Thích của ông, và Chư Thiên Đạo-Lợi sống lâu, an vui, và không hoạn nạn.

Lúc ấy, Đề-Thích tự nghĩ: *“Bây giờ chúng ta nên đến ra mắt Như-Lai cho đúng lúc”*. Nghĩ rồi cùng Chư Thiên vào động đánh lễ và thưa:

- Đề-Thích và chư Thiên Đạo-Lợi đến đánh lễ Như-Lai, không biết chúng con nên ngồi gần hay nên đứng cách xa đức Thế-Tôn?

Phật đáp:

- Thiên chúng của ông quá đông, vậy nên ngồi gần Như-Lai.

Lúc đó động đang chật hẹp tự nhiên rộng hẳn ra, chứa hết chư Thiên, và chỉ trong khoảnh khắc tất cả đã an vị xong, Đề-Thích nói:

- Trước kia, có một lần Thế-Tôn ngự tại nước Xá-Vệ, lúc ấy trong khi Ngài đang nhập định, con vì có chút việc nên ngồi xe báu nghìn cãm đến chỗ Tỳ-lâu-Lặc Thiên-Vương. Khi đi ngang qua hư không, con thấy một Thiên nữ đang chấp tay đứng trước Thế-Tôn, con liền nói với nàng ấy rằng: *“Nếu khi Thế-Tôn xuất định, nàng hãy nhân danh ta thăm hỏi đức Thế-Tôn có được mạnh khỏe thoải mái không?”*. Nhưng không biết Thiên-nữ ấy có hiểu được hậu ý của con không, đồng thời Thế-Tôn có còn nhớ sự việc ấy không?

Phật đáp:

- Nhớ, Thiên-nữ ấy đã nhân danh ông mà nói đúng như những lời ấy, và khi Ta xuất định cũng nghe tiếng xe của ông.

Đề-Thích lại nói:

- Thuở xưa có một Thiên chúng nói: *“Nếu Như-Lai xuất hiện ở thế-gian, Thiên chúng các cõi Trời sẽ tăng lên, và A-Tu-La (Thần) sẽ giảm bớt vì do sự giáo hóa của Như-Lai”*. Nay đích thân con thấy Như-Lai đang ở thế-gian,

thì tự con biết rằng Chư Thiên đang tăng lên, và A-Tu-La đang giảm xuống, đó là điều vô cùng vui mừng thấy được Thế-Tôn nơi đây.

Ca tụng Phật xong, Đế-Thích nói tiếp:

- Thừa Thế-Tôn, có Thích-nữ Cù-Di ở nơi Pháp của Thế-Tôn trước đây tu phạm-hạnh, sau khi qua đời ở thế-gian, được sinh về cõi Trời và làm con của con; Chư Thiên đều khen ngợi Thiên-nữ Cù-Di có công đức lớn, có oai lực lớn. Lại có ba Tỳ-kheo cũng theo Thế-Tôn tu phạm hạnh trước kia, cũng được sinh lên cõi Trời, nhưng lại ở địa vị thấp kém hơn, làm kẻ đánh nhạc ca hát cho con.

Nói đến đó, Đế-Thích lại thưa tiếp:

- Nếu Thế-Tôn có rảnh, xin Ngài cho con hỏi một điều thắc mắc.

Phật nói:

- Tùy ý ông cứ hỏi, Ta sẽ tùy từng trường hợp mà giải thích cho.

Đế-Thích hỏi:

- Thế nào là cứu cánh của một vị tu hành?

Đức Phật giảng:

- Nếu ai bị ái làm khổ thân mà diệt được thì gọi là cứu cánh, cứu cánh phạm hạnh, cứu cánh an ổn, cứu cánh vô dư (Niết-Bàn).

Đế-Thích thưa:

- Con đã ôm ấp mỗi nghi này từ lâu, nay nhờ Thế-Tôn mà con được giải nghi. Con còn nhớ ngày xưa con đã từng đến nơi Bà-la-Môn để hỏi về nghiã này rồi, vì trước đó, con cùng Chư Thiên đã nhiều lần thảo luận về Như-Lai đã xuất hiện ở thế-gian này hay chưa. Chúng con cũng đã đi tìm kiếm khắp, nhưng không thấy Như-Lai, nên chúng con trở về Thiên cung vui thú ngũ dục.

Về sau, con thấy một số Chư Thiên, đại Thiên-Thần sau khi vui thú ngũ dục thì dần dần lần lượt mạng chung (chết). Thấy như thế xong, con đâm ra sợ hãi cùng cực, không biết làm sao, con bèn hội họp Chư Thiên lại thảo luận để tìm nguyên nhân, nhưng chẳng ai biết được! Con bèn đi tìm những vị Thánh ở thế-gian để hỏi, con thấy Sa-môn, Bà-la-Môn ở nơi thanh vắng tu hành lánh tục, con liền đến chỗ ấy mà hỏi: *“Thế nào là cứu cánh của một vị tu hành?”*. Khi con hỏi như thế, người ấy không đáp được, đâm ra lúng túng, lại còn hỏi ngược lại con: *“Ông là ai?”* Con đáp: *“Tôi là Thích-đề-*

hoàn-nhân”. Họ lại hỏi: “Ông là Thích, mà là Thích gì?” . Con lại đáp: “Tôi là Vua Trời Thích (Thiên Đế-Thích)”. Khi đó, con và họ cứ theo sự hiểu biết của mình mà nói qua nói lại một hồi, kết quả chẳng đi đến đâu. Xong, họ lại tự nguyện xin làm đệ-tử của con! Do đó sự thắc mắc ấy vẫn giữ mãi trong tâm cho tới nay mới được Thế-Tôn giải mối nghi to lớn của con.

Thưa Thế-Tôn, nay con là Phật-tử, đã chứng quả thứ nhất Tu-đà-hoàn. Cúi xin Thế-Tôn thọ ký cho con sẽ chứng quả thứ hai Tư-đà-hàm.

Phật bảo Đế-Thích:

- Ông còn nhớ khi được hỷ lạc (sung sướng vui vẻ) và niệm lạc (ý nghĩ vui sướng) không?

- Thưa Thế-Tôn, con còn nhớ ngày xưa, con và chư Thiên đã cùng A-Tu-La đánh nhau, chúng con thắng, A-Tu-La bại. Khi trở về ca khúc khải hoàn thật là sung sướng vui vẻ vô cùng. Tuy nhiên, đó chỉ là sự vui vẻ sung sướng trên chiến tranh, chửi lộn, đánh nhau, dùng mưu kế đánh đập, hành hạ, giết chóc.

Nay con ở nơi Phật ngự được thoải mái, vui vẻ, không có binh giáp chiến tranh, không có đánh đập giết chóc, mà trí tuệ lại được mở mang.

- Vậy ông ở trong sự hỷ lạc (vui sướng) này còn mong cầu điều gì nữa?

- Con mong cầu được tăng tuổi thọ, sau này qua đời khi tái sinh không còn lo buồn. Con lại biết nói chính đạo, nhớ tu phạm hạnh, và thấy được chân-đế (chân lý).

Thưa Phật tới đó, Đế-Thích xoay qua nói với chư Thiên:

- Chư Thiên, các ông ở trước Phạm-Đồng-Tử (Phạm Thiên Vương) cung kính lễ bái, nay ở trước Thế-Tôn các ông cung kính lễ bái, như vậy thì không đẹp lắm sao?

Khi Đế-Thích vừa nói dứt lời, Phạm Đồng-Tử bỗng nhiên xuất hiện giữa hư không bên trên chúng Thiên, đồng thời hướng về Đế-Thích nói kệ:

Thiên-Vương hạnh thanh tịnh,
Nhiều lợi ích chúng-sanh,
Ma-Kiệt, Đế-Thích chủ,
Hay hỏi nghĩa Như-Lai.

Phạm Đồng-Tử vừa nói kệ xong, bỗng nhiên biến mất; rồi Đế-Thích đứng lên đánh lễ Phật, Chư Thiên, Bàn-già-Dục cùng đứng lên đồng loạt đánh lễ Phật, rồi tất cả đều biến mất khỏi chỗ Phật chỉ trong chớp mắt.

Đế-Thích đi trước, xoay lại nói với Bàn-già-Dục:

- Hay thay, ông có thể ở trước Như-Lai khảy đàn ca hát vui vẻ cúng dàng, sau đó ta và Chư Thiên đến sau; nay ta bổ nhiệm ông vào chức vị của cha ông là bậc tối thượng của hàng Càn-thát-Bà (Nhạc Thần), đồng thời sẽ gả Bạt-Đà Càn-Thất Vương-nữ cho ông làm vợ.

Bàn-già-Dục thưa:

- Xin đa tạ Thiên-Vương, kính chúc Thiên-Vương vạn vạn tuế....

ĐỨC PHẬT NÓI:

Từ cánh đồng hoa, người ta hái từng đóa hoa để làm thành tràng hoa đẹp đẽ; cũng vậy, chúng-sanh phải thâm nhập góp lại những hành động tốt của mình.

THẦN-LỰC KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN CỦA CƯ SĨ DUY-MA-CẬT

(Kinh Duy-Ma-Cật, Cưu Ma la Thập dịch từ Phạn ra Hán, Thích-Duy-Lực dịch 1993, từ trang 257 - 379)

Một đạo, Phật ngụ tại vườn Am-La-Thọ, thuộc thành Tỳ-Da-Ly, có đông đảo các Bồ-Tát và tứ chúng; ngoài ra còn có vô số chư Thiên, Phạm Thiên-Vương, Đế-Thích, Long, Thần, A-Tu-La, Dạ-Xoa, Càn-Thát-Bà, Khẩn-Na-La, v.v.. đến tham dự.

Bấy giờ tại thành Tỳ-Da-Ly có Trưởng-giả Bửu-Tích cùng năm trăm Trưởng-giả cầm Bảo-Cái (Bửu-Cái) đến nơi Phật ngự cung kính đánh lễ, rồi mỗi vị đều dâng Bảo-Cái của mình cúng dàng Phật. Lúc ấy Phật dùng oai thần nhập năm trăm Bảo-Cái ấy thành một đại Bảo-Cái vô cùng to lớn trùm khắp Đại-Thiên Thế-giới. Tất cả núi sông đất đai, nhà cửa, cho đến Thiên cung, Long cung, bốn biển, mặt Trời, mặt Trăng, v.v...đều hiện trong đại Bảo-Cái ấy.

Lúc ấy đại chúng thấy thần-lực của Phật như thế, đều ca ngợi là việc chưa từng có, nên tất cả đều đánh lễ Phật và tán than, Trưởng-giả Bửu-Tích liền tụng bài kệ ca tụng công-đức của Phật

Rồi theo sự thỉnh cầu của Trưởng-giả Bửu-Tích, Phật thuyết giảng về Tịnh-Độ của Bồ-Tát là Trục-Tâm, Thâm-Tâm, Bồ-Đề-Tâm, Bồ-Thí, Trì-Giới, Nhẫn-Nhục. Tịnh-Độ của Bồ-Tát là Tinh-Tấn, Thiền-Định, Trí-Tuệ, bốn Vô-Lượng-Tâm (Từ, Bi, Hỷ, Xả), bốn Nhiếp-Pháp (Bố thí, Ái ngữ, Vị tha, Đồng sự). Tịnh-Độ của Bồ-Tát còn là Hồi-Hướng-Tâm, Giải-Thoát ba ác (tham, sân, si), tám nạn [sinh vào 8 nơi: Ngạ-Quỷ, Súc-Sinh, Địa-Ngục, Trường-Thọ-Thiên, Biên Địa (chỗ không có người tới), Càn Khuyết (không đủ giác quan như điếc câm), Tà kiến, và thời không có Phật Pháp Tăng], là chẳng chê bai, là làm mười việc lành v.v...; tóm lại, nếu Bồ-Tát muốn đắc Tịnh-Độ, nên tự tịnh tâm, tùy nơi tâm tịnh thì Phật độ tịnh. v.v...

Cũng trong thành Tỳ-Da-Ly có một vị Cư-Sĩ tên Duy-Ma-Cật đã từng cúng dàng vô lượng chư Phật, trồng sâu cội lành, được Vô-Sinh-Pháp-Nhẫn (không chi phối bởi sinh tử luân hồi). Cư-Sĩ có biện tài vô ngại, du hí thần

thông, được vô sở úy (không sợ hãi), Ma-Vương phải hàng phục; lại được nhập pháp môn thâm diệu, khéo dùng trí tuệ, thông đạt mọi phương tiện, và nhất là thấu rõ tâm chúng-sanh; việc làm của Cư-Sĩ chẳng cần tác ý, tâm như biển cả, oai nghi y như chư Phật. Cư-Sĩ được chư Phật khen ngợi, Vua Chúa, Trời Người đều cung kính cúng dàng.

Cư-Sĩ Duy-Ma-Cật dùng phương tiện hiện thân có bệnh để lợi ích chúng-sanh, Ngài dùng vô lượng của cải để cứu độ dân nghèo, Ngài dùng vô lượng phương tiện để giúp đỡ chỉ bảo mọi loại, mọi giới, mọi hạng. Ngài làm vô lượng công đức như thế, nên hết thảy ai ai cũng nghe biết Ngài; vì Ngài bệnh, nên Chư Thiên, Quốc-Vương, Đại-Thần, Trưởng-Giả, Cư-Sĩ, Bà-La-Môn, v.v... cùng quyến thuộc đều đến thăm bệnh Ngài.

Nhân dịp thăm bệnh, mà Ngài nói rằng: *“Thân này không có sức, không bền vững, mau hư hoại, chẳng thể tin cậy; thân này, nó là ổ chứa bệnh khổ, chứa phiền não, không nên nương cậy nó. Xét kỹ, nó như bọt bóng không lâu, như trăng đáy nước không thật, v.v... Các nhân-giả, nên thích thân Phật, nhằm chán thân này; vì thân Phật từ Giới, Định, Huệ sinh, từ Bồ-Thí, Nhẫn-Nhục, Trì-Giới (giữ giới), Tinh-Tấn, Thiền-Định sinh, từ đoạn dứt làm điều ác, tu tập làm điều lành sinh, v.v... Như thế, muốn dứt tất cả thân bệnh, và đắc thân Phật, phải phát tâm Vô-Thượng Chính-Đẳng Chính-Giác”*; như thế, Cư-Sĩ Duy-Ma-Cật tùy cơ thuyết pháp, khiến vô số Trời, Người phát tâm Bồ-Đề.

1)- Từ chối đại diện Phật đi thăm bệnh Cư-Sĩ Duy-Ma-Cật:

Một hôm, Cư-Sĩ thăm nghĩ: *“Nay mình nằm ở giường bệnh, Thế-Tôn đại Từ, đại Bi, lẽ nào Ngài chẳng đoái lòng thương xót?!”* Lúc ấy Phật biết ý của Cư-Sĩ, Ngài liền bảo Tôn-giả Xá-Lợi-Phất đại diện Phật đi thăm người bệnh thì Tôn-giả thưa:

- Thế-Tôn! con không xứng đáng là đại diện đến thăm Cư-Sĩ Duy-Ma-Cật, vì con còn nhớ có một hôm con đang tĩnh tọa (ngồi thiền) dưới gốc cây trong rừng, Cư-Sĩ đến bảo con rằng: *“Xá-Lợi-Phất! Không hẳn ngồi đó mới là tĩnh tọa, nói tĩnh tọa là chẳng hiện thân ý nơi tam giới là tĩnh tọa; đại định (tâm thức yên lặng tuyệt đối) mà chẳng khởi diệt mà hiện các oai nghi là tĩnh tọa, thị hiện việc phạm phu mà chẳng bỏ đạo pháp là tĩnh tọa, chẳng dứt phiền não mà nhập Niết-Bàn là tĩnh tọa; Xá-Lợi-Phất! nếu tọa như thế mới được Phật ấn khả”*. Bạch Thế-Tôn! Lúc ấy con im lặng chẳng thể mở miệng trả lời, vì thế con không xứng đáng là đại diện đến thăm bệnh Ngài.

Rồi Phật bảo các đệ-tử khác đi thăm bệnh, tất cả đều không dám nhận, lần lượt tới Tôn-giả A-Nan-Đà, Tôn-giả nói:

- Thừa Thế-Tôn! con không xứng đáng là đại diện đến thăm Cư-sĩ Duy-Ma-Cật, vì có một lần Thế-Tôn có bệnh cần dùng sữa bò. Con cầm Bình-bát đến trước cửa nhà Bà-La-Môn để xin thí sữa.

Lúc ấy Cư-Sĩ đến hỏi con: “A-Nan! làm gì mà cầm Bình-bát đứng đây sớm thế?” Con đáp: “Thưa Cư-Sĩ! Thế-Tôn thân có chút bệnh cần dùng sữa bò nên tôi mới đến đây”.

Ngài nói: {{Thôi, thôi, A-Nan! chớ nói như thế! Thân Như-Lai (Phật) là thể Kim-cương, ác đã dứt sạch, thiện đã viên mãn, đâu còn bệnh nào nữa? A-Nan! Hãy im lặng về đi, chớ phỉ báng Như-Lai, đừng cho người khác biết về việc này, chớ cho Chư Thiên và các Bồ-Tát ở các phương khác đến nghe biết lời này. A-Nan! Chuyển-Luân-Thánh-Vương (Vua có rất nhiều nhân đức, dùng chính pháp giáo hóa cai trị dân) có chút ít phước-đức còn chẳng bệnh tật, huống là Như-Lai có vô lượng công-đức tụ. A-Nan! Chớ để cho chúng ta chịu sự sỉ nhục ấy, ngoại đạo, Phạm-chí, Ni-Kiền, v.v...nếu biết được việc này sẽ nghĩ rằng: **“Sao gọi là thầy được! Bệnh của mình không chữa nổi, mà chữa được bệnh cho người khác sao?”** A-Nan! Nên lén đi mau, chớ để cho người nghe biết việc này! Nên biết: Thế-Tôn siêu việt ba cõi (Dục, Sắc, và Vô-Sắc), thân Như-Lai tức là Pháp-thân, chẳng phải thân sắc dục. Thân Phật vô lậu, các ô trược phiền não đã sạch hết, là vô-vi (tùy thuận thiên nhiên, không dụng tâm tạo tác), như thế còn bệnh gì nữa? }}.

Nói rồi Ngài bỏ đi, thừa Thế-Tôn! Lúc ấy con thật quá hổ thẹn! Chỉ muốn độn thổ mà chạy trốn! Chẳng lẽ con gần Thế-Tôn mà nghe làm sao? May thay! Lúc ấy trên hư không có tiếng nói rằng: “**Đúng như lời Cư-Sĩ, chỉ vì Phật ra đời nơi ngũ trược ác thế, nên thị hiện để độ chúng-sanh thôi. Nay A-Nan cứ lấy sữa, chớ cho là hổ thẹn**”.

Thưa Thế-Tôn! Ngài Duy-Ma-Cật trí-huệ biện tài như thế ấy, cho nên con không xứng đáng là đại diện đến thăm bệnh Ngài; rồi đức Phật bảo Tri-Thế Bồ-Tát đến thăm bệnh nhân, Tri-Thế Bồ-Tát thưa:

- Thế-Tôn! con không xứng đáng là đại diện Phật đến thăm bệnh Cư-sĩ Duy-Ma-Cật, vì nhớ lại khi xưa, con ở nơi tịnh-thất, có Ma Ba-Tuần dắt theo mười hai nghìn Thiên nữ, giả dạng giống như Đê-Thích, trỗi nhạc (hòa nhạc) đàn ca. Thiên Ma đến nơi đánh lễ dưới chân con, chấp tay cung kính đứng hầu. Con tưởng là Đê-Thích, nên bảo rằng: “**Khéo đến Kiều-Thi-Ca (Đê-**

Thích)! Dù đã có phúc, cũng chẳng nên buông lung, phải quán ngũ dục là vô thường để cầu cội lành, dùng thân mạng tài sản để tu pháp kiên cố”. Đại Ma nói với con: “Thưa Chánh-Sĩ! Hãy nhận lấy mười hai nghìn Thiên nữ này dùng để hầu hạ”. Con bảo: “Kiều-Thi-Ca! Chớ lấy vật phi pháp cho Sa-Môn, việc này không thích hợp với tôi”.

Nói vừa dứt lời, Cư-sĩ Duy-Ma-Cật hiện đến bảo con rằng: “Đây là bọn Thiên Ma đến quấy nhiễu ông, chứ chẳng phải Đế-Thích”. Cư-Sĩ lại bảo đại Ma rằng: “Những Thiên nữ này hãy cho ta, như ta mới đáng thọ lấy”. Đại Ma kinh sợ nghĩ rằng: “Có lẽ Duy-Ma-Cật báo hại ta?” nên muốn tàng hình bỏ đi mà chẳng thể được, Ma Ba-Tuần cố hết sức thần lực cũng không biến đi được.

Lúc ấy trên hư không có tiếng nói: “Ba-Tuần: Hãy đem các Thiên nữ dâng cho Ngài Duy-Ma-Cật rồi mới đi được”. Đại Ma vì sợ hãi nên phải miễn cưỡng nghe theo và nói: “Tôi thuận giao các Thiên nữ cho Ngài, tùy Ngài sử dụng”.

Cư-Sĩ bảo các Thiên nữ: “Đại Ma đã đem các nàng cho ta, thì các nàng phải phát ý đạo là tin Phật, thích nghe pháp, thích cúng dường Sa-môn. Các nàng học pháp lạc là quán năm ấm (Sắc, thọ, tưởng, hành, thức) như oán tặc, quán bốn đại (đất, nước, gió, lửa) như rắn độc, quán sáu nhập (Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) như hư không, v.v.. để làm vui. Các nàng chẳng nên vui thú năm dục (thích sắc đẹp, tiếng hay, vị ngon, mùi thơm, xúc chạm) nữa, mà phải phát tâm Vô-Thượng Chính-Đẳng Chính-Giác”.

Sau khi Cư-Sĩ thuyết pháp cho các Thiên nữ nghe, Thiên Ma Ba-Tuần nói: “Cư-Sĩ ! Xin Ngài xả các Thiên nữ cho tôi, vì thí tất cả sở hữu cho kẻ khác, mới là đại Bồ-Tát”. Cư-Sĩ nói: “Ta đã xả rồi, người cứ dắt đi, để cho tất cả chúng-sanh được pháp nguyện thỏa mãn”.

Lúc ấy, các Thiên nữ hỏi Cư-Sĩ: “Trong khi chúng tôi ở trong cung Ma-Vương, chúng tôi phải làm thế nào?” Ngài nói: “Có pháp môn gọi là Vô Tận Đẳng, các nàng nên học và hành. Vô Tận Đẳng ví như ngọn đèn mỗi dùng để mỗi đốt trăm nghìn ngọn đèn khác, mọi chỗ tối đều sáng, ánh sáng ấy sẽ vô cùng tận. Cũng thế ấy, một Bồ-Tát dẫn dắt trăm nghìn chúng-sanh khiến họ phát tâm Vô-Thượng Bồ-Đề. Nơi ý đạo của họ cũng sáng mãi vô tận, tùy theo pháp sở thuyết mà tự tăng thêm pháp lành. Các nàng ở trong cung Ma hãy dùng pháp Vô Tận Đẳng này, khiến cho vô số Thiên Tử, Thiên nữ phát tâm Bồ-Đề để đền ơn Phật, cũng là lợi ích cho chúng-sanh”. Bấy

giờ, các Thiên nữ cúi đầu đánh lễ Ngài rồi theo Ma Vương về cung, tất cả bỗng nhiên biến mất.

Thưa Thế-Tôn: Cư-Sĩ Duy-Ma-Cật có thần-lực tự tại như thế, có trí tuệ biện tài như thế, nên con không xứng đáng đại diện thăm bệnh Ngài.

Rồi đức Phật bảo Bồ-Tát Di-Lặc, Bồ-Tát Quang-Nghiêm Đồng-Tử, Trưởng-giả Thiện-Đức, và bảo vô số Bồ-Tát, nhưng mỗi vị đều đem chuyện của mình khi gặp Cư-sĩ Duy-Ma-Cật mà thuật lại, và nói: “Con không xứng là đại diện đến thăm bệnh Ngài”.

2)- Bồ-Tát Văn-thù nhận đi thăm Cư-sĩ Duy-Ma-Cật.

Sau cùng Phật bảo Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát đi thăm người bệnh, Văn-Thù thưa:

- Thế-Tôn! Bậc Thượng nhân kia khó bì đối đáp, vì đã thấu đạt thật-tướng, khéo thuyết yếu chỉ pháp-tướng; người ấy có trí-huệ biện tài vô ngại, biết hết tất cả lỗi tu của Bồ-Tát. Ngài còn thâm nhập bí-tạng của chư Phật, du hí thần-thông, hàng phục Ma chúng, trí-huệ phương tiện đều viên mãn; tuy thế, con vâng Thánh chỉ, đến thăm bệnh Ngài.

Lúc ấy, các Bồ-Tát, các đại đệ-tử Phật, Phạm Thiên, Đế-Thích, Chư Thiên, v.v... trong chúng đều nghĩ rằng: “*Nay hai Đại-Sĩ gặp nhau ắt sẽ có nói pháp vi-diệu*”. Tức thì tám nghìn Bồ-Tát, Thanh-Văn, trăm nghìn Trời Người đều muốn đi theo. Do đó Văn-Thù cùng với vô số Bồ-Tát, Trời Người như thế cùng nhau cung kính vào thành Tỳ-Da-Ly.

Cư-sĩ Duy-Ma-Cật biết Văn-Thù Bồ-Tát cùng đại chúng đến, bèn dùng thần-lực đem đi tất cả đồ đạc và người hầu, trong phòng trống rỗng chỉ còn có một giường nằm bệnh; Văn-Thù đi đầu vừa bước vào, Cư-Sĩ liền nói:

- Khéo đến Văn-Thù: Tướng (hình dạng) chẳng đến mà đến, tướng chẳng thấy mà thấy (không mà là có).

Bồ-Tát Văn-Thù nói :

- Đúng thế Cư-Sĩ! Nếu đến rồi thì chẳng đến nữa, nếu đi rồi thì chẳng đi nữa; vì nói đến thì chẳng từ đâu đến, nói đi thì chẳng đi về đâu (ý nói Phật tánh cùng khắp chỗ nào cũng có, lúc nào cũng hiện diện), chỗ được thấy chẳng còn thấy nữa (có mà là không); hãy bỏ qua việc này, nay bệnh của Cư-Sĩ có bớt mà chẳng thêm không? Thế-Tôn gửi lời ân cần vô lượng để hỏi thăm Cư-Sĩ. Bệnh do đâu mà khởi, làm thế nào mới khỏi được?

Cư-sĩ Duy-Ma-Cật đáp:

- Từ “Si” có “Ái” thì bệnh “Ngã” sinh, vì tất cả chúng-sanh bệnh nên tôi bệnh, tất cả chúng-sanh không bệnh thì tôi khỏi bệnh, tại sao? Bồ-Tát vì độ chúng-sanh nên vào sinh tử, có sinh tử thì có bệnh; nếu chúng-sanh lià được sinh tử thì Bồ-Tát chẳng còn bệnh, nói bệnh này do đâu khởi, bệnh của Bồ-Tát do đại Bi khởi.

Văn-Thù hỏi:

- Phòng của Cư-Sĩ sao trống không, không có đồ đạc, Thị-giả, và người hầu đâu cả?

- Các cõi Phật cũng đều rỗng không, tất cả Ma chúng, ngoại đạo đều là Thị-giả của tôi; bọn Ma ham sinh tử (sống chết), Bồ-Tát ở nơi sinh tử mà chẳng bỏ (mất); ngoại đạo ham tri kiến (suy nghĩ, thấy biết), Bồ-Tát ở nơi tri kiến mà chẳng động (tâm lúc nào cũng vắng lặng).

Văn-Thù lại hỏi:

- Tướng bệnh của Cư-Sĩ thế nào?

- Bệnh tôi vô hình chẳng thể trông thấy.

- Bồ-Tát làm sao an ủi Bồ-Tát có bệnh?

- Nói thân vô thường, chẳng nói nhàm chán thân; nói thân có khổ, chẳng nói ưa thích Niết-Bàn; nói thân vô ngã (thân không phải là ta), thân không tịch, mà chẳng nói tịch diệt rốt ráo. Nói hồi cải việc trước mà chẳng nói vào thời gian quá khứ; nói vì bệnh của mình mà thương xót bệnh của người, nguyện làm Y-Vương để điều trị bệnh chúng-sanh; Bồ-Tát nên an ủi Bồ-Tát có bệnh như thế để cho người bệnh hoan hỉ.

Văn-Thù lại hỏi:

- Cư-Sĩ! Vì Bồ-Tát có bệnh phải tự điều phục tâm như thế nào?

- Bồ-Tát có bệnh nên nghĩ bệnh của tôi đều do các vọng tưởng phiền não từ kiếp trước sinh, nay pháp vốn chẳng thật thì ai là kẻ thụ (thọ) bệnh? Vì bốn đại (đất, nước, gió, lửa) hòa hợp giả danh là thân, tứ đại không có chủ, thân cũng vô ngã (không có ta), vì thế chẳng nên chấp ngã (chấp ta đây). Đã biết gốc bệnh như thế, nên phải trừ ngã tưởng (đoạn trừ suy nghĩ về cái ta), trừ chúng-sanh tưởng (không suy nghĩ đến người này con vật kia). Bồ-Tát nên

nghĩ rằng: “*Thân này do các pháp hòa hợp mà thành, khởi chỉ là pháp khởi, diệt cũng chỉ là pháp diệt*”. Dù nói các pháp hòa hợp, mà mỗi pháp đều chẳng biết nhau, Bồ-Tát muốn lià pháp tướng nên nghĩ rằng: “*Ngã tướng, chúng-sanh tướng là điên đảo, điên đảo tức bệnh lớn ta nên lià nó, đoạn nó*”.

Khi Cư-Sĩ nói pháp xong, cả đại chúng đi theo Văn-Thù đều phát tâm Vô-Thượng Chính-Đẳng Chính-Giác.

Bấy giờ Tôn-giả Xá-Lợi-Phất thấy trong phòng chẳng có chỗ ngồi nên nghĩ: “*Lạ quá! sao trong phòng chẳng có chỗ để ngồi như thế này?*” Cư-Sĩ biết ý, liền hướng về phía Tôn-giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Thế nào, nhân-giả vì pháp đến đây hay vì chỗ ngồi mà đến?

- Tôi vì pháp mà đến, chứ chẳng phải vì chỗ ngồi.

Cư-Sĩ nói:

- Xá-Lợi-Phất! Kẻ cầu pháp, thân mạng còn chẳng tiếc huống chi là chỗ ngồi. Kẻ cầu pháp chẳng cầu nơi **năm uẩn** (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), **sáu nhập** (Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), **mười tám giới** (6 căn + 6 trần + 6 thức = 18 giới); cũng chẳng cầu nơi **ba giới** (dục giới, sắc giới, vô sắc giới).

Kẻ cầu pháp chẳng chấp cầu Phật, Pháp, Tăng; cũng chẳng cầu nơi Khổ, Tập (nguyên nhân gây ra khổ) Diệt (cách diệt khổ), Đạo (con đường đưa đến đạo), vì pháp chẳng hý luận (chẳng phải bàn luận cho vui đầu), nếu nói ta Khổ phải đoạn Tập, chứng Diệt, tu Đạo, ấy là hý luận, chẳng phải cầu pháp.

Pháp gọi là tịch diệt, nếu hành nơi sinh diệt, là cầu sinh diệt, chẳng phải cầu pháp; pháp gọi vô tướng (không hình dáng), nếu nhận biết nơi tướng ấy là cầu tướng, chẳng phải cầu pháp; pháp chẳng thể Kiến (thấy) Văn (nghe) Giác (cảm nhận) Tri (biết), nếu hành Kiến Văn Giác Tri, ấy là Kiến Văn Giác Tri, chẳng phải cầu pháp. Pháp gọi Vô-Vi, nếu hành Hữu Vi, là cầu Hữu Vi, chẳng phải cầu pháp; như thế, kẻ cầu pháp, đối với tất cả pháp nên Vô Sở Cầu (Không mong cầu); khi Cư-Sĩ nói những lời ấy, có vô số Thiên-tử được Pháp-Nhãn Thanh-Tịnh.

3)- Cư-sĩ Duy-Ma-Cật trụ Pháp môn Bất Khả Tư Nghì.

Nói pháp xong, Cư-Sĩ hỏi Bồ-Tát Văn-Thù:

- Nhân-giả đã dạo qua vô lượng cõi Phật thấy cõi nào có tòa Sư-tử (tòa ngồi) được thành tựu công đức vi diệu nhất?

Bồ-Tát Văn-Thù trả lời:

- Cư-Sĩ! bên phương Đông cách đây ba mươi sáu hằng sa quốc độ, có thế-giới gọi là Tu-Di-Tướng, hiện nay có Phật hiệu là Tu-Di Đăng-Vương. Thân Phật ấy cao tám mươi bốn nghìn do-tuần, tòa Sư-tử cũng cao như thế, là trang nghiêm bậc nhất.

Cư-sĩ Duy-Ma-Cật nghe xong liền hiện thần-lực, tức thì đức Phật ấy điều khiển ba mươi hai nghìn tòa sư-tử cao rộng trang nghiêm đến trong phòng của Cư-Sĩ. Các Bồ-Tát, chư Thiên, và tất cả đại chúng đều thấy việc xưa nay chưa từng có: Phòng nhỏ chứa ba mươi hai nghìn tòa ngai cao rộng như thế mà chẳng thấy trở ngại chật hẹp; nơi thành Tỳ-Da-Ly, cho đến cả nước cũng chẳng thấy thay đổi, tất cả đều y như trước.

Lúc ấy Cư-Sĩ mời tất cả Bồ-Tát, Chư Thiên và đại đệ-tử lên tòa ngai, những vị đắc thần thông liền biến hình cao bằng tòa Sư-tử rồi ngai, nhưng các sơ tâm Bồ-Tát và hầu hết đại chúng chưa thể ngai được, Cư-Sĩ nói:

- Những vị nào muốn ngai mà không lên tòa Sư-tử được thì phải đánh lễ Phật Tu-Di-Đăng-Vương thì mới ngai được.

Nghe Cư-Sĩ nói thế, những người ấy liền đánh lễ Tu-Di-Đăng Như-Lai, tức thì họ ngai được trên tòa Sư-tử, Tôn-giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Thưa Cư-Sĩ, thật chưa từng có, phòng này chứa được các tòa ngai cao lớn như thế, nhiều như vậy, mà chẳng thấy chật hẹp trở ngại gì cả.

Cư-Sĩ nói :

- Xá-Lợi-Phất, chư Phật và đại Bồ-Tát có Pháp-môn Giải-thoát gọi là **“Bất-Khả-Tư-Nghì”** (không thể luận bàn suy nghĩ tới). Nếu đại Bồ-Tát trụ nơi pháp Giải-thoát đó, đem núi Tu-Di to lớn để vào trong hạt cải nhỏ bé, mà chẳng thêm chẳng bớt, hình dáng núi Tu-Di vẫn y nguyên như cũ, các cung Trời Dục-giới cũng chẳng biết mình đã vào đó, ấy là pháp môn Bất-Khả-Tư-Nghì.

Lại nữa, đại Bồ-Tát đem nước của bốn biển lớn để vào một lỗ chân lông mà các loài sống trong nước như cá, tôm, cua, cho đến Long-Vương, Quỷ-Thần cũng chẳng hay biết mình đã vào đó.

Xá-Lợi-Phất, đại Bồ-Tát trụ nơi Giải Thoát Bất Khả Tư Nghì rút lấy Đại-Thiên thế-giới như lấy đồ vật để trên bàn tay, quăng ra ngoài hằng sa thế-giới, rồi thu lấy để lại chỗ cũ, mà chúng-sanh sống trong đó vẫn không

hay biết mình đã bị di chuyển. Hoặc có chúng-sanh đáng độ ham trụ lâu (sống lâu) nơi thế-gian thì đại Bồ-Tát biến hiện bảy ngày dài như một kiếp khiến chúng-sanh ấy tưởng là rất lâu, hoặc có chúng-sanh đáng độ mà chẳng ham trụ lâu, thì đại Bồ-Tát rút một kiếp xuống còn bảy ngày, khiến chúng-sanh ấy tưởng là bảy ngày.

Xá-Lợi-Phất, đại Bồ-Tát trụ nơi Giải-Thoát Bất Khả Tư Nghì đem sự trang nghiêm của tất cả các cõi Phật trong mười phương gom lại trong một quốc-độ để thị hiện cho chúng-sanh biết; lại nữa, đại Bồ-Tát đem tất cả chúng-sanh trong một cõi để trên bàn tay rồi bay khắp mười phương thế-giới, bày ra cho ai cũng thấy, mà chẳng thấy lay động. Hoặc tất cả mặt trời, mặt trăng trong mười phương thế-giới cùng hiện trong một lỗ chân lông cho tất cả đều thấy, hoặc đại Bồ-Tát hút vào miệng tất cả mười phương thế-giới mà thân hình chẳng đổi, cây cối nhà cửa, núi non biển hồ chẳng đổ gãy xê dịch.

Xá-Lợi-Phất, đại Bồ-Tát trụ nơi Giải-Thoát Bất Khả Tư Nghì, dùng thân-thông hiện thành thân Phật, hoặc làm thân Duyên-Giác, hoặc làm thân Thanh-Văn, hoặc làm thân Đế-Thích, hoặc thân Phạm Thiên-Vương, hoặc thân Vua Chúa, v.v...; nay ta sơ lược nói ra như thế, nếu nói chi tiết cả kiếp cũng chẳng hết.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp nghe rồi tán thán việc làm của đại Bồ-Tát ngoài sự nghĩ bàn tới, ngoài sức tưởng tượng của hàng Thanh-Văn, chứ đừng nói chi đến hàng phàm phu lại càng khó tin được. Rồi Tôn-giả nói với Tôn-giả Xá-Lợi-Phất:

- Ví như có người hiện nhiều hình dạng khác nhau trước người đui mù, người mù chẳng thể thấy biết được. Vậy tất cả những ai chẳng tin hiểu được pháp môn này thì nên khóc to lên cho vang xa đến cả Đại Thiên thế-giới này nghe, còn những Bồ-Tát tin pháp môn này nên vui mừng mà lãnh thọ vì bọn ma muốn quấy phá cũng chẳng làm gì được.

Khi Tôn-giả Đại Ca-Diếp nói những lời này, có vô số Chư Thiên phát tâm Vô-Thượng Chính-Đẳng Chính-Giác; bấy giờ có Thiên nữ đem hoa tung rải cúng dàng khắp trong phòng, khi hoa đến các Bồ-Tát, chư Thiên, hoa rơi xuống, khi hoa đến các Tỳ-Kheo, Trưởng-giả v.v... hoa dính trên áo chẳng rơi xuống, dù có phỉ cũng vẫn không rơi. Lúc ấy Thiên nữ hỏi Tôn-giả Xá-Lợi-Phất:

- Tại sao lại phỉ hoa?

Tôn-giả trả lời:

- Bông hoa này chẳng đúng pháp nên phải.

Thiên nữ nói:

- Chớ nói hoa này chẳng đúng pháp, vì hoa này chẳng phân biệt. Tại nhân-giả có tâm phân biệt (về đủ thứ như: phải trái, đúng sai, ưa ghét, ngắn dài, sáng tối, ngon không ngon v.v.) mà thôi; người ở nơi pháp, tu hành, lại có tâm phân biệt tướng (suy nghĩ phân biệt này nọ) là không đúng pháp. Nay các vị Bồ-Tát chẳng dính hoa là do đã đoạn dứt tất cả phân biệt tướng, cũng như người có tâm khiếp sợ thì chúng Ma mới được dịp mê hoặc vậy.

Tôn-giả hỏi:

- Thiên nữ ở trong phòng này được bao lâu?

- Tôi ở đây lâu như ông Giải-thoát.

Tôn-giả im lặng, Thiên nữ nói tiếp:

- Sao ông không nói?

- Sự Giải-thoát vốn: chẳng ngôn thuyết, nên tôi không nói.

- Ngôn thuyết, văn tự đều là tướng Giải-thoát, sự Giải thoát chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa; văn tự cũng thế, cho nên chẳng có sự lià văn tự mà thuyết pháp Giải-thoát, vì tất cả các pháp đều là tướng Giải-thoát.

- Nghĩa là chẳng cần lià tham sân si cũng được Giải-thoát sao?

- Phật vì nói với kẻ tăng thượng mạn (kiêu căng ngã mạn) mà nói: “*Lià tham sân si là Giải-thoát*”, đối với người không hề có tăng thượng mạn thì Phật nói: “*Tánh tham sân si là Giải-thoát*” vậy.

- Lành thay! lành thay! Thiên nữ: đắc được gì mà có biện tài như thế?

- Tôi vô đắc vô chứng, kẻ có đắc có chứng Phật pháp gọi là kẻ tăng thượng mạn.

- Thiên nữ ở nơi tam thừa có chí cầu gì?

- Tôi làm Thanh-Văn để dùng pháp Thanh-Văn hóa độ chúng-sanh, tôi làm Duyên-Giác để dùng pháp nhân duyên hóa độ chúng-sanh, tôi làm Bồ-Tát để dùng pháp đại Bi hóa độ chúng-sanh.

Xá-Lợi-Phất, tôi ở trong phòng này mười bai năm chỉ nghe Phật pháp đại Từ, đại Bi Bất Khả Tư Nghì của Bồ-Tát, phòng này thường hiện tám thứ công-đức chưa từng có là:

- 1)- Trong phòng thường có ánh sáng màu vàng chiếu soi chẳng nhờ ánh sáng mặt trời mặt trăng, hoặc đèn đóm củi lửa .
- 2- Kẻ vào phòng này chẳng bị câu bần làm cho phiền não.
- 3- Phòng này thường có các Đế-Thích, Phạm-Vương, Tứ Thiên-Vương, chư Thiên, và Bồ-Tát ở các phương khác đến tụ hội chẳng có gián đoạn.
- 4- Phòng này thường có thuyết Bát Thối Chuyển và sáu Ba-La Mật.
- 5- Phòng này thường trỗi âm nhạc bậc nhất cõi Trời và vô lượng pháp âm.
- 6- Phòng này có kho tàng chứa vô lượng bảo vật để cứu kẻ nghèo khổ.
- 7- Phòng này khi Thượng nhân khởi niệm, Chư Phật mười phương đến thuyết Pháp Tạng Bí Mật của Chư Phật.
- 8- Phòng này có tất cả cung điện các Chư Thiên và các cõi Phật đều hiện trong đó.

Phòng này thường hiện tám thứ pháp chưa từng có như thế, Tôn-giả Xá-Lợi-Phất lại hỏi:

- Thiên-nữ diệt nơi đây rồi sẽ sinh nơi đâu?

- Phật biến hóa sở sinh, tôi cũng theo đó sinh, nếu biến hóa sở sinh thì chẳng phải diệt và sinh.

- Thiên-nữ bao lâu nữa sẽ đắc Vô-Thượng Bồ-Đề?

- Khi ông trở lại làm phàm phu thì tôi sẽ đắc Vô-Thượng Bồ-Đề.

- Tôi sẽ trở lại làm phàm phu thì không có chỗ đứng.

- Tôi đắc Vô-Thượng Bồ-Đề cũng chẳng có chỗ đứng, vì Bồ-Đề chẳng nơi trụ nên chẳng có kẻ đắc.

- Hiện nay Chư Phật đã đắc Vô-Thượng Bồ-Đề nhiều vô số, việc này gọi là gì?

- Ấy là: dùng văn tự số lượng của thế-tục mà nói có tam thế, chứ chẳng phải Bồ-Đề có quá khứ, hiện tại, vị lai; Xá-Lợi-Phất, ông đắc A-La-Hán ư?

- Vì vô sở đắc mà đắc.

- Chư Phật và Bồ-Tát cũng thế.

Lúc ấy, Cư-Sĩ Duy-Ma-Cật nói với Tôn-giả Xá-Lợi-Phất:

- Thiên nữ này đã từng cúng dàng chín mươi hai ức chư Phật, đã đắc du hí thần thông của Bồ-Tát, nguyện lực đầy đủ. Thiên nữ này đã đắc Vô-Sinh Pháp-Nhẫn, trụ nơi chẳng thối chuyển, tùy theo bốn nguyện thì hiện tùy ý để giáo hóa chúng-sanh.

Rồi Cư-Sĩ nói với các Bồ-Tát:

- Các nhân-giả, Bồ-Tát làm sao nhập Pháp-Môn Bất-Nhị (không hai)? Hãy: tùy sở ngộ của mình mà nói ra cho đại chúng biết.

Trong hội có Bồ-Tát tên Pháp-Tự-Tại nói:

- Các nhân-giả, Sinh Diệt là nhị, pháp vốn chẳng Sinh, nay cũng chẳng Diệt; đắc Vô-Sinh Pháp-Nhẫn này, gọi là nhập Pháp-Môn Bất-Nhị.

Phất-Sa Bồ-Tát nói:

- Thiện với Bất-Thiện là hai, nếu chẳng khởi Thiện và Bất-Thiện thì vào nơi vô tướng, kẻ thông đạt lý này là nhập Pháp-Môn Không Hai.

Đức-Thủ Bồ-Tát nói:

- Ngã (Ta) với Ngã Sở (cái của ta) là hai, vì có cái ta, nên mới có cái của ta, nếu chẳng có cái ta thì chẳng có cái của ta, ấy là Pháp-môn Không-Hai.

Vô số Bồ-Tát, mỗi vị đã nói như trên, xong một vị Bồ-Tát hỏi Văn-Thù Bồ-Tát:

- Thế nào là Pháp-Môn chẳng phải hai của Bồ-Tát?

Bồ-Tát Văn-Thù trả lời:

- Theo ý tôi, nơi tất cả pháp vô ngôn vô thuyết, vô thị vô thức, là nơi vẫn đáp suy nghĩ, ấy là Pháp Môn Bất Nhị.

Rồi Bồ-Tát Văn-Thù nói với Cư-sĩ Duy-Ma-Cật:

- Chúng tôi mỗi người đều nói xong, nay xin Cư-Sĩ trả lời cho cùng một câu hỏi ấy.

Cư-sĩ Duy-Ma-Cật im lặng, không nói năng chi cả, Bồ-Tát Văn-Thù thấy thế tán thán:

- Lành thay! Lành thay Cư-Sĩ! Cho đến: chẳng có lời nói mới là chân nhập Pháp Môn Không Hai.

Bấy giờ Tôn-giả Xá-Lợi-Phất sực nghĩ: *“Sắp đến trưa rồi, mọi người có được ăn không? Làm sao có đủ thức ăn cho cả đại chúng đông đảo này?”*

Cư-Sĩ Duy-Ma-Cật biết ngay, liền nhìn Tôn-giả Xá-Lợi-Phất mà nói:

- Phật thuyết bát (tám) Giải-thoát, nhân-giả đã thọ hành, đừng nên xen cái tâm muốn ăn trong khi nghe pháp. Nếu muốn ăn, hãy đợi giây lát, nhân-giả sẽ có bữa ăn chưa từng có trên thế-gian này.

Nói xong, Cư-Sĩ liền nhập định, thị hiện thần lực cho đại chúng thấy tại phương Trên cách xa bốn mươi hai hằng sa (hằng hà sa số) quốc độ {Ngày nay các nhà khoa học ước lượng là nếu đi nhanh bằng tốc độ ánh sáng (300,000 cây số một giây đồng hồ) để đi từ trái đất tới đó thì phải mất bao nhiêu năm. Trong quyển Thiên văn học và Không Gian (Astronomy & Space) của Lisa Miles và Alastair Smith xuất bản năm 1998, trang 74 cho biết từ trái đất này đi tới ngôi sao hay hệ thống mặt trời gần nhất là sao Alpha, sao Beta có thể nhìn thấy bằng mắt trần, và sao Proxima có thể nhìn bằng viễn vọng kính. Các ngôi sao này nằm trong chòm sao Centaurus (đầu người mình ngựa) có thể nhìn thấy rõ về ban đêm ở những nước thuộc Nam bán cầu trái đất. Nếu đi nhanh bằng tốc độ ánh sáng phải mất vào khoảng 4.25 năm, nghĩa là cách xa ta 40,318,600,000,000 km. (bốn mươi trìn, ba trăm mười tám tỷ, sáu trăm triệu cây số) hay 25,199,125,000,000 miles (hai mươi lăm trìn, một trăm chín mươi chín tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu dặm Anh)(tạm gọi trillion tiếng Anh bằng danh từ Việt là trìn=1,000 tỷ)} có Phật Hương-Tích ở cõi Chúng-Hương. Mùi hương thơm của cõi ấy hơn hết thảy các cõi khác, và tất cả vạn vật ở cõi ấy đều có mùi hương đặc biệt. Lúc ấy, đức Phật Hương-Tích cùng các Bồ-Tát đệ-tử đang ăn cơm, lại có các Vua Trời (Thiên-Vương) có cùng danh hiệu là Hương-Nghiêm đang cúng dường

Phật và chúng Bồ-Tát. Com ở cõi này có mùi thơm vô cùng đặc biệt và lan tràn khắp mười phương thế-giới. Lúc ấy đại chúng đều thấy rõ ràng cảnh cõi Chúng-Hương như thế. Cư-sĩ Duy-Ma-Cật hỏi đại chúng:

- Vị nào có thể đi thỉnh com của đức Phật cõi Chúng-Hương kia?

Do sức oai thần của Bồ-Tát Văn-Thù, nên đại chúng đều im lặng. Không thấy ai lên tiếng tự nguyện đi, Cư-Sĩ nói:

- Nay các nhân-giả, không tự hổ thẹn sao?

Bồ-Tát Văn-Thù nói:

- Như lời Phật dạy: *“Chớ khinh kẻ sơ học”*.

Khi đó, Cư-Sĩ Duy-Ma-Cật chẳng rời chỗ ngồi, trước mặt đại chúng, hóa hiện ra một Bồ-Tát có tướng đẹp thù thắng vô cùng, rồi Cư-Sĩ bảo vị Bồ-Tát ấy:

- Ông hãy đến cõi Phật Chúng-Hương nói những lời tôi dặn bảo: *“Duy-Ma-Cật vô cùng cung kính đánh lễ Như-Lai, và kính lời hỏi thăm đức Như-Lai. Duy-Ma-Cật mong được đức Như-Lai thí cho ít com thừa để làm Phật sự dưới cõi Ta-Bà, khiến cho chúng-sanh được vào đại-thừa, cũng khiến cho tiếng tăm của Như-Lai vang tới cõi Ta-Bà”*.

Một lần chớp loé lên, đại chúng đều trông thấy hóa thân Bồ-Tát bay lên đến cõi Chúng-Hương chỉ trong giây lát, đánh lễ chân Phật và nói lại lời Cư-Sĩ. Các Bồ-Tát cõi ấy thấy hóa thân Bồ-Tát thì tán thán việc chưa từng có, rồi hỏi Phật Hương-Tích:

- Thượng-nhân này từ đâu tới, cõi Ta-Bà ở đâu?

Phật Hương-Tích bảo:

- Nơi phương Dưới cách đây bốn mươi hai hằng sa cõi Phật có thế-giới gọi là Ta-Bà, có Phật Thích-Ca đang vì chúng-sanh thuyết pháp. Ở đó có một vị đại Bồ-Tát tên Duy-Ma-Cật trụ nơi Giải-Thoát Bất-Khả Tư-Nghì, vì thuyết pháp cho các Bồ-Tát và đại chúng nên sai hóa thân đến đây.

Các Bồ-Tát lại hỏi:

- Vị đó như thế nào mà có sức công đức vô cùng lớn lao có thể hóa ra Bồ-Tát có thần-túc như thế?

- Thần-lực của Bồ-Tát Duy-Ma-Cật rất lớn lao, thường sai hóa-thân đến khắp mười phương làm Phật sự để lợi ích chúng-sanh.

Nói xong, Phật Hương-Tích liền lấy một bát đựng đầy cơm trao cho hóa thân Bồ-Tát và nói:

- Người hãy mang bát cơm này về trao lại cho Bồ-Tát Duy-Ma-Cật.

Khi ấy vô số Bồ-Tát cõi ấy thưa với Phật Hương-Tích:

- Chúng con muốn đến cõi Ta-Bà cúng dường Phật Thích-Ca và muốn gặp Bồ-Tát Duy-Ma-Cật cùng đại chúng cõi ấy.

Phật Hương-Tích bảo:

- Lành thay! Nhưng các ông phải thu nhiếp mùi hương, chớ để chúng-sanh cõi Ta-Bà say đắm mùi hương; lại nữa, hãy bỏ hình dạng cao lớn đẹp đẽ của các ông, kéo ở cõi ấy khởi tâm hổ thẹn, và đặc biệt là các ông không nên khởi tâm khinh chê họ.

Lúc ấy vô số Bồ-Tát cõi ấy thừa oai-thần của Phật Hương-Tích, cùng với hóa thân Bồ-Tát đang ở cõi ấy bỗng nhiên biến mất, và chỉ trong chớp lát đến nhà Cư-sĩ Duy-Ma-Cật. Cư-Sĩ liền hóa hiện đủ số tòa sư-tử, các Bồ-Tát cõi ấy cúi đầu chào tất cả Bồ-Tát và đại chúng rồi an tọa mau chóng.

Hóa Thân Bồ-Tát liền đưa bát cơm cho Cư-sĩ Duy-Ma-Cật. Mùi thơm của cơm tỏa khắp cõi Ta-Bà. Mọi chúng-sanh ngửi được mùi thơm ấy đều khoan khoái, tán thán mùi hương thơm lạ chưa từng có. Các chư Thiên cõi Dục giới, Sắc giới, Không Thần, Địa Thần, ngửi thấy mùi hương đều đến nhà Cư-Sĩ. Trưởng-giả Nguyệt-Cái và vô số người cũng đến nhà Cư-Sĩ, thấy trong nhà có vô số Bồ-Tát ngồi trên tòa sư-tử cao rộng đẹp đẽ trang nghiêm thì tất cả đều rất vui mừng và cung kính đánh lễ.

Cư-Sĩ bảo tất cả đại chúng:

- Quý vị cứ tùy ý dùng cơm cam-lồ của Như-Lai cõi Chúng-Hương.

Khi ấy có nhiều người lại nghĩ rằng: *“Cơm ít quá! Chỉ có một bát cơm như thế! Làm sao đủ cho đại chúng vô cùng đông đảo như thế này ăn?”*. Hóa thân Bồ-Tát hiểu ý liền nói:

- Chớ lấy tiểu trí, tiểu đức mà đo lường vô lượng công-đức của Như-Lai; nước bốn biển lớn có thể cạn, chứ cơm này thì vô tận. Dù tất cả các vị có mặt nơi đây, ăn mỗi vị nhiều to bằng núi Tu-Di, ăn mãi cho đến khi hết kiếp cũng chưa hết, vì cơm dư của người đầy đủ công-đức thì vô lượng vô biên.

Quả thật sau khi tất cả đại chúng ăn xong rồi mà cơm vẫn còn dư thừa!?! Thân thể lại an vui thoải mái, và từ lỗ chân lông phát ra mùi hương thơm nữa!

Bấy giờ Cư-sĩ Duy-Ma-Cật hỏi các vị Bồ-Tát cõi Chúng-Hương:

- Chúng tôi muốn biết Hương-Tích Như-Lai lấy gì để thuyết pháp?
- Đức Như-Lai cõi chúng tôi chẳng dung lời nói văn tự, chỉ dùng mùi hương khiến chúng-sanh vào luật hạnh; Bồ-Tát ngồi dưới gốc cây Diệu-Hương đắc Nhất Thiết Đức Tạng Tam Muội.

Một Bồ-Tát cõi ấy hỏi Cư-sĩ Duy-Ma-Cật:

- Phật Thích-Ca ở đây lấy gì giáo hóa chúng-sanh?

Cư-Sĩ trả lời:

- Chúng-sanh cõi này cương cường, nên Phật thuyết những lời mạnh mẽ để điều phục họ. Nào là Địa-Ngục, Súc-sanh, Ngạ-Qủy; nào là chỗ đọa sinh của kẻ Tham Sân Si từ Thân Miệng Ý phát sinh ra mười thứ bất thiện phải chịu quả báo v.v..

Bồ-Tát cõi kia nói:

- Thật chưa từng có, lần đầu chúng tôi mới được nghe như thế.

Cùng lúc đó, nơi vườn Am-La-Thọ, Phật Thích-Ca đang thuyết pháp cho bốn chúng nghe; vườn bỗng nhiên rộng ra, mọi người đều có sắc vàng, thấy thế, Tôn-giả A-Nan-Đà thưa Phật:

- Thế-Tôn! Do nhân duyên gì mà có điềm lành ứng hiện lạ quạ: “Vườn cây trang nghiêm rộng rãi, sắc tướng của mọi người đều có màu vàng như thế này?”

Đức Phật Bảo:

- Ấy là do Cư-sĩ Duy-Ma-Cật, Văn-Thù cùng vô số Bồ-Tát cõi Chúng-Hương và đại chúng vây quanh khởi ý muốn đến đây nên báo hiệu như thế.

Vì đúng lúc ấy, Cư-Sĩ bảo Bồ-Tát Văn-Thù:

- Chúng ta hãy đến gặp Phật để các Bồ-Tát cõi Chúng-Hương được lễ bái thỉnh pháp Phật.

Bồ-Tát Văn-Thù nói:

- Lành thay! Nay đã đúng lúc nên đi.

Cư-sĩ Duy-Ma-Cật liền dùng thần-lực đem đại chúng cùng tòa sư-tử để trên bàn tay phải đến nơi Phật rồi để xuống. Cư-Sĩ đánh lễ Phật, chấp tay đi nhiều bảy vòng chung quanh Phật, các Bồ-Tát, chư Thiên, v.v... đều xuống tòa đánh lễ cùng đi nhiều bảy vòng theo sau Cư-Sĩ.

Bấy giờ, sau khi hỏi thăm các Bồ-Tát, Phật bảo tất cả ngồi lại như cũ; chỉ trong giây lát tất cả ngồi im lặng rồi Phật nói:

- Xá-Lợi-Phất! Ông có thấy thần lực của Cư-sĩ Đại-Sĩ chăng?
- Vâng, con đã thấy những việc làm của Cư-sĩ Duy-Ma-Cật là Bất Khả Tư Nghì, chẳng phải suy nghĩ tưởng tượng mà có thể đo lường được.

Lúc ấy, Tôn-giả A-Nan-Đà thưa :

- Thế-Tôn! Nay con ngửi mùi hương thơm xưa nay chưa từng có.

Phật bảo:

- Đó là mùi hương từ lỗ chân lông của các Bồ-Tát cõi Chúng-Hương đang hiện diện nơi đây.

Tôn-giả Xá-Lợi-Phất vội nói:

- Hiền-giả A-Nan biết không? Lỗ chân lông của chúng tôi bây giờ cũng có mùi hương này, vì trưa nay, Cư-sĩ Duy-Ma-Cật biến hóa một Bồ-Tát Hóa thân, rồi sai Hóa thân lên cõi Chúng-Hương xin cơm của Phật Hương-Tích mang về cho vô số Bồ-Tát, Chư Thiên và đại chúng cùng ăn nơi nhà của Ngài. Do đó các lỗ chân lông của tất cả mọi Bồ-Tát, Trời, Người đã ăn cơm ấy đều có mùi thơm này.

Tôn-giả A-Nan-Đà hỏi:

- Thưa Cư-Sĩ! Mùi hương này giữ được bao lâu?

- Mùi hương này hết khi cơm tiêu.

- Thưa, cơm này bao lâu mới tiêu?

- Thế lực của cơm này đến bảy ngày mới tiêu. Đúng ra, nếu là người chưa vào chính vị, ăn cơm này đến khi vào chính vị mới tiêu. Người đã vào chính-vị, ăn cơm này đến khi tâm được Giải-thoát mới tiêu. Người chưa phát tâm đại-thừa, ăn cơm này đến khi phát tâm đại-thừa rồi mới tiêu. Người đã phát tâm đại thừa, ăn cơm này, đến khi đắc Vô-Sinh Pháp-Nhẫn mới tiêu. Người đã đắc Vô-Sinh Pháp-Nhẫn, ăn cơm này đến khi một đời kế vị Phật mới tiêu; nhân-giả nên biết, ví như có thuốc gọi là Thượng-vị, kẻ uống thuốc này,

những độc trong thân diệt hết rồi mới tiêu thuốc, cơm này cũng thế, khi diệt hết độc phiền não rồi mới tiêu.

Tôn-giả A-Nan-Đà nói:

- Cảm tạ Cư-Sĩ đã giảng giải.

Rồi Tôn-giả quay lại bạch Phật:

- Thưa Thế-Tôn! Cơm hương hiếm quý này hay làm Phật sự như thế, thật chưa từng có.

Phật bảo:

- Đúng thế! A-Nan! Có cõi Phật dùng ánh sáng mà làm Phật sự, hoặc dùng người huyền mà làm Phật sự. Có cõi Phật nhờ Bồ-Tát mà làm Phật sự, hoặc dùng quần áo ngọc cụ mà làm Phật sự; có cõi Phật dùng cơm ăn, hoặc vườn tược, hoặc lâu đài, hoặc âm thanh, mộng huyền, v.v.. mà làm Phật sự. Như thế tùy theo nhân duyên, cảm ứng của chúng-sanh mà làm cho họ được vào luật hạnh.

A-Nan, ông thấy các cõi như đất đai có số lượng, chứ hư không thì không có giới hạn. Cũng thế, hình dáng Chư Phật có giới hạn, chứ trí tuệ biện tài vô ngại của chư Phật thì vô hạn vô biên; dù chúng-sanh trong đại thiên thế-giới đều có đa văn như A-Nan, và dù trải qua nhiều kiếp cũng chẳng thể lãnh thọ hết.

Tôn-giả A-Nan-Đà thưa:

- Từ nay về sau con chẳng dám tự cho là đa văn nữa (biết nhiều nhớ rộng).

Phật bảo:

- Chớ nên khởi tâm thối lui. Ta nói người đa văn trong hàng Thanh-Văn, chẳng phải trong hàng Bồ-Tát; người có trí chẳng nên so sánh, biện sâu vực thăm còn có thể đo được, chứ biện tài, công đức của Bồ-Tát chẳng thể đo lường được.

Bấy giờ một Bồ-Tát cõi Chúng-Hương chấp tay vái Phật rồi thưa:

- Như-Lai! Chúng con khi mới thấy cõi này sinh tâm cho là thấp kém, nay tự hối trách, lià bỏ ý ấy. Phương tiện của chư Phật không thể nghĩ bàn, vì độ chúng-sanh mà tùy cơ hiện cõi Phật chẳng đồng (chẳng giống) nhau. Thưa Như-Lai xin ban cho chúng con ít lời chỉ dạy để khi về chúng con được tưởng nhớ Ngài.

Phật bảo các vị Bồ-Tát cõi Chúng-Hương :

- Lành thay! Lành thay! Có pháp môn Hữu-Tận Vô-Tận Giải-Thoát, các ông nên học; sao gọi là Hữu-Tận? Ấy là pháp Hữu-vi; sao gọi là pháp Vô-Tận? Ấy là pháp Vô-vi; Bồ-Tát thì chẳng nên tận Hữu-vi, cũng chẳng nên trụ Vô-vi.

Thế nào là chẳng tận Hữu-vi? Ấy là chẳng lià đại Từ, chẳng bỏ đại Bi, thân tâm phát khởi Nhất Thiết-Trí (một trí kiên cố) và chẳng tạm quên; thường tùy thuận (phương tiện) hộ trì chính pháp chẳng tiếc thân mạng, thuyết pháp cho chúng-sanh chẳng bỏn sẻn hà tiện, siêng năng cúng dường mười phương chư Phật, v.v...

Thế nào là chẳng trụ nơi Vô-vi? Ấy là quán pháp không mà chẳng chứng pháp không, quán pháp vô thường mà chẳng chán pháp thiện; quán thế gian khổ mà chẳng ghét sinh tử, quán pháp hư vô mà chẳng bỏ đại Bi v.v...; Bồ-Tát chẳng tận Hữu-vi, chẳng trụ Vô-vi như thế gọi là pháp môn Tận Vô Tận Giải-Thoát mà các ông nên học.

Bấy giờ các Bồ-Tát cõi Chúng-Hương nghe Phật dạy xong đều vui mừng tán thán ca ngợi việc chưa từng có rằng: “*Phật Thích-Ca khéo hành phương tiện nơi cõi Ta-Bà*”. Vị Bồ-Tát cõi Chúng-Hương thưa:

- Chúng con xin đa tạ đức Như-Lai đã dạy bảo những lời quý báu chưa từng có. Chúng con xin cáo từ Như-Lai, đại Bồ-Tát Duy-Ma-Cật, và tất cả chư vị nơi đây.

Lời nói vừa dứt, tất cả Bồ-Tát cõi Chúng-Hương đều đồng loạt đánh lễ Phật xong bỗng nhiên biến mất, và chỉ trong khoảnh khắc, họ dùng hoa đủ màu sắc trải khắp Đại-Thiên thế-giới để cúng dàng Phật Thích-Ca, các vị Bồ-Tát, và đại chúng.

Bấy giờ Phật hỏi Cư-sĩ Duy-Ma-Cật:

- Cư Sĩ, Ông muốn gặp Như-Lai, mà lấy gì để quán Như-Lai?

Cư-Sĩ Duy Ma Cật thưa:

- Con quán hình hài của chính mình, quán Phật cũng vậy. Con quán Như-Lai việc trước chẳng có, việc sau chẳng tới, chẳng để ý đến việc hiện tại chẳng dừng. Con quán **bốn Đại** (đất, nước, gió, lửa) giống như hư không, **sáu trần** (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) chẳng thể dính sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). **Ba độc** (tham sân si) đã đoạn lià, chẳng ở **ba cõi** (Dục-giới, Sắc-giới và Vô-Sắc-giới), tùy phương tiện mà vào ba cửa Giải-Thoát. Tam-minh

bằng với Vô-minh, chẳng phải không có hình tướng, chẳng phải chấp hình tướng, chẳng một hình tướng, chẳng khác hình tướng; chẳng bờ bên đây, chẳng bờ bên kia, cũng chẳng ở giữa, mà giáo hóa chúng-sanh v.v...

Cư-Sĩ Duy-Ma-Cật vừa nói dứt, Tôn-giả Xá-Lợi-Phất liền hỏi:

- Cư-Sĩ diệt nơi đâu mà thụ sinh nơi đây?

Cư-Sĩ trả lời:

- Pháp sở đắc của ông có sinh diệt chăng?

- Chẳng có sinh diệt.

- Nếu các pháp chẳng có tướng sinh diệt thì sao còn hỏi: “Diệt nơi nào rồi đến sinh nơi đây?”, ý ông thế nào, nếu người nam, người nữ do nhà huyền-thuật làm ra đó có sinh diệt chăng?

- Chẳng có sinh diệt.

- Ông há chẳng nghe Phật thuyết các pháp (vạn vật) như tướng huyền hóa sao?

- Tôi có nghe.

- Vậy sao còn hỏi về sự sinh diệt chi nữa? Diệt là: pháp giả dối của tướng hư hoại, sinh là tướng giả dối của tướng tương tục, Bồ-Tát dù diệt mà thiện pháp chẳng hết, dù sinh mà ác nghiệp chẳng sinh.

Khi ấy Phật bảo Tôn-giả Xá-Lợi-Phất:

- Có Cõi Diệu-Hỷ, Phật hiệu Vô-Động, Duy-Ma-Cật diệt nơi ấy mà sinh nơi đây.

Tôn-giả Xá-Lợi-Phất nói:

- Cư-sĩ Duy-Ma-Cật nguyện bỏ cõi thanh tịnh mà đến sinh nơi có nhiều ác hại này, thật chưa từng có.

Cư-Sĩ bảo Tôn-giả:

- Ý ông thế nào, khi mặt trời chiếu, ánh sáng ấy có hợp với tối không?

- Thừa không, khi mặt trời chiếu ánh sáng thì chẳng còn đen tối nữa.

- Tại sao mặt trời phải có tại cõi Ta-Bà?
- Vì muốn dùng ánh sáng chiếu soi để diệt đen tối.
- Bồ-Tát cũng vậy, vì giáo hóa chúng-sanh, nên dù sinh nơi cõi bất tịnh mà chẳng hợp với đen tối, chỉ vì diệt trừ phiền não ngu si của chúng-sanh thôi.

Nghe Phật nói có Phật Vô-Động tại cõi Diệu-Hỷ, đại chúng liền khao khát muốn thấy Vô-Động Như-Lai, các Bồ-Tát, và đại chúng cõi Diệu-Hỷ. Phật biết ý đại chúng, Ngài bảo Cư-Sĩ Duy-Ma-Cật:

- Cư-Sĩ ! Hãy vì đại chúng trong hội này mà thị hiện thần lực để tất cả được thấy Vô-Động Như-Lai, các Bồ-Tát, cùng đại chúng cõi Diệu-Hỷ kia.

Cư-Sĩ nói:

- Thừa vâng.

Khi ấy Cư-Sĩ nghĩ rằng: *“Ta sẽ chẳng cần rời chỗ ngồi mà thị hiện thần-lực đối với vạn vật trong cõi Diệu-Hỷ như sông biển, đất đai, núi rừng, mặt trời mặt trăng, Thiên, Long, Quỷ-Thần, v.v... cho đến Vô-Động Như-Lai. Ta sẽ dùng tay phải rút lấy cõi ấy đem vào cõi này cho tất cả đại chúng ở đây đều thấy”*. Nghĩ xong, Ngài liền nhập định, hiện sức đại thần thông, dùng tay phải rút lấy cõi Diệu-Hỷ mang vào cõi Ta-Bà..

Lúc ấy, các Bồ-Tát, Chư Thiên cõi Diệu-Hỷ đều cất tiếng hỏi: *“Tại sao tự nhiên bị di chuyển thế này? Như-Lai! Mong cứu hộ cho, ai mang con đi thế này?”*. Phật Vô-Động bảo:

- Chẳng phải ta làm, đó là do thần-lực của Bồ-Tát Duy-Ma-Cật làm như thế.

Những người không có thần-thông, khi bị di chuyển không hề hay biết chi cả (Hiện tại quả đất đang chạy chung quanh mặt trời với tốc độ khoảng 110,000 cây số một giờ hay 30 cây số một giây, và tự quay 24 giờ một vòng rất là mạnh mẽ kinh khủng như thế mà chúng ta có thấy đâu; nếu các nhà khoa-học không nói ra thì ít người biết là trái đất đang chạy với tốc độ khủng khiếp như vậy!). Cõi Diệu-Hỷ được Ngài Duy-ma-Cật đưa vào cõi Ta-Bà để mọi người đều thấy rõ, mà cõi Ta-Bà vẫn không thay đổi, Đức Phật Thích-Ca bảo đại chúng:

- Tất cả hãy xem quốc độ trang nghiêm, Bồ-Tát thanh-tịnh, đệ-tử, đại chúng cõi Diệu-Hỷ v.v...

- Vâng, chúng con đã thấy rõ.

Phật bảo:

- Nếu muốn đắc cõi trong sạch ấy, nên học theo sở hành của Vô-Động Như-Lai.

Lúc ấy có vô số người phát tâm Vô-Thượng Bồ-Đề, nguyện sinh sang cõi Diệu-Hỷ, Phật Thích-Ca liền thọ ký cho họ được sinh sang cõi ấy, sau khi tất cả đại chúng thấy và tán thán xong, Cư-sĩ Duy-Ma-Cật dùng thần-lực đẩy cõi Diệu-Hỷ về bản xứ, tất cả đại chúng đều thấy rõ.

Phật bảo Tôn-giả Xá-Lợi-Phất:

- Ông thấy Cõi Diệu-Hỷ, Vô-Động Như-Lai chăng?

- Thừa Thế-Tôn, con đã thấy rõ. Nguyện cho tất cả chúng-sanh đều được cõi Phật trong sạch như thế, được sức thần-lực như Cư-sĩ Duy-Ma-Cật. Thế-Tôn, chúng con được gặp Ngài Duy-Ma-Cật để cúng dường thân cận sẽ được nhiều lợi ích. Con mong cho chúng-sanh đời sau khi đọc được những việc xảy ra hôm nay không có sợ hãi, không có điều nghi ngờ và tin tưởng hoàn toàn thì sẽ có biết bao phước đức lợi lạc v.v..(Xin xem Kinh Duy-Ma-Cật)....

ĐỨC PHẬT NÓI:

Các ông không nên chấp lời Ta nói qua sự tôn kính, mà đúng hơn là nên thông qua sự chiêm nghiệm của chính mình.

NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

(Trường A-Hàm, quyển 1, trang 547, 548. Quyển 2, từ trang 483 đến trang 485)

Nói về nguồn gốc loài Người, một vấn đề liên quan tới nguồn gốc của chính Tổ-tiên xa xưa lâu đời của chúng ta; nó hết sức khó hiểu cho con người, đã có biết bao người suy nghĩ, nghiên cứu và lý luận để tìm câu trả lời. Ngày nay chúng ta đã có những thuyết trả lời khác nhau như sau:

- Thuyết cho rằng Người đầu tiên trên thế-gian này do một Thượng-Đế sinh ra, được viết trong Thánh Kinh của người Do-Thái giáo (Xin miễn bàn).

- Thuyết cho rằng loài Người do một loài Khi-Đột tiến hóa biến hóa mà thành, do một người nước Anh tên Charles-Robert-Darwin (1809-1882) nghiên cứu về loài Khi-Đột mà viết ra (Xin miễn bàn).

- Thuyết của Phật-giáo

Ở đây người viết không trình bày hay phê bình chỉ trích hai thuyết trên, mà chỉ trình bày và mô tả thuyết của Phật giáo. Người đọc có toàn quyền suy xét, nhận xét theo quan điểm riêng của mình. Dù sao đi nữa, chân-lý bao giờ cũng là sự thật; dù thời gian có trôi đi, không gian có đổi chỗ, nhưng trải qua nghìn muôn ức tỷ năm sau, hoặc tại châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, hay châu Úc đi nữa, chân-lý vẫn bất di bất dịch không thay đổi, đó mới là chân lý.

Sau đây tôi xin ghi lại thuyết nguồn gốc loài Người của Phật-giáo do đức Phật đã dùng Phật- nhãn (mắt Phật) chiếu soi, nhìn thấu về vô thủy, nghĩa là Ngài nhìn về quá khứ hàng vô số tỷ năm, nên Ngài nói ra những gì đã thấy. Tôi viết như vậy chỉ là lấy ý của một kẻ phàm-phu mà viết, chứ chẳng phải như triết thuyết của Phật-giáo Tối-thượng-thừa; theo Phật-giáo Tối-thượng-thừa thì: “Như-Lai không đến, không đi, không quá khứ, không hiện tại, không tương lai, chỉ như như”. Nghĩa là chân-tánh cùng khắp không gian chỗ nào cũng có, chân-tánh cùng khắp thời gian lúc nào cũng hiện diện; như vậy làm gì có sự phân biệt quá khứ, hiện tại, tương lai, đâu còn phân biệt chỗ này chỗ kia nữa.

Khi có thể giới (thế gian) hư hoại, hủy diệt bởi đại Hỏa tai, tất cả con người ở đó chết đi, hóa sinh đến cõi Trời Quang-Âm tương ứng với Nhị-thiên Sắc giới. (Khi có thể giới hư hoại hủy diệt bởi đại Thủy tai, tất cả con người chết đi, hóa sinh đến cõi Trời Biến-Tĩnh tương ứng với Tam-thiên Sắc-giới. Khi có thể giới hư hoại, hủy diệt bởi đại Phong tai, tất cả con người chết đi hóa sinh đến cõi Trời Quả-Thật tương ứng với Tứ-thiên Sắc-giới). Các vị Trời ở Quang-Âm Thiên sống rất lâu dài là 8 A-Tăng-Kỳ (1 A-Tăng kỳ = 1 Kiếp = 16,798,000 năm, sẽ giải thích cách tính sau, ở mục các đại tai họa).

Các vị Trời ở cõi Quang-Âm Thiên khi thọ mạng và hành nghiệp đã hết, họ chết đi ở đó, và hóa-sinh đến cõi Trời Không-Phạm (Phạm-Thiên), tức là sinh đến cõi Trời khác thấp hơn (cõi Phạm-Thiên tương ứng với Sơ-thiên Sắc-giới).

Bấy giờ vị Phạm-Thiên (vị Trời ở cõi Không-Phạm) hóa-sinh ra đầu tiên tự nghĩ: *“Ta là Đại Phạm-Thiên, tự nhiên mà có, không ai tạo ra ta. Ta có thể thấu suốt được tất cả nghĩa lý, rất được tự-tại, và vi diệu bậc nhất. Ta trước đây chỉ có một mình, và do sức ta mà có chúng-sanh, ta tạo ra chúng-sanh”*. Vì trước đây ta nghĩ: *“Phải chi có những chúng-sanh khác được ra đời, thì ta vui biết mấy! Và sau đó có những chúng-sanh sinh ra, tuổi thọ của ta sống lâu hơn các chúng-sanh sinh ra sau, do đó ta là bậc nhất, hơn hết tất cả”*.

Đồng thời những vị Phạm-Thiên hóa-sinh ra sau tại cõi Trời Không-Phạm cũng tự nghĩ: *“Vị ấy là Đại Phạm-Thiên, không do ai sinh ra và tự nhiên có. Vị ấy thấu suốt các nghĩa lý, rất được tự-tại, có thể tạo ra, và có thể hóa ra. Vị ấy vi diệu bậc nhất và đáng tôn kính bậc nhất, vị ấy sống lâu hơn chúng ta; trước chỉ có vị ấy, sau mới có chúng ta, vị ấy đúng là đáng tạo ra chúng ta”*.

Tất cả chúng-sanh tại cõi Trời Không-Phạm đều tùy theo phúc nghiệp đã tạo ra trước kia mà được quả báo là:

- Đại Phạm-Thiên:

Vi diệu, đẹp đẽ, uy nghi, tự tại, hạnh phúc, có ánh sáng cực kỳ rực rỡ; vị Đại Phạm-Thiên có các vị Phạm-Thiên thân cận, và Phạm-Chúng-Thiên bao quanh. Tuổi thọ của Đại Phạm-Thiên là một 1 Tiểu kiếp rười = 16,798,000 + 8,399,000 = 25,197,000 năm của trái đất.

- Phạm-Thiên:

Là những vị Trời thân cận Đại Phạm-Thiên, kém vị Đại Phạm-Thiên một chút, ví như các vị quan đại-thần; các vị Phạm-Thiên sống lâu một Tiểu kiếp = 16,798,000 năm của trái đất.

- Phạm-Chúng-Thiên:

Là các vị Trời tùy tùng các vị Phạm-Thiên, cũng có đầy đủ thần thông, nhưng không bằng các vị Phạm-Thiên; Phạm-Chúng-Thiên sống lâu một nửa Tiểu kiếp = $16,798,000 / 2 = 8,399,000$ năm của trái đất.

Những chúng-sanh ở cõi Phạm-Thiên tùy theo thọ mạng và hành nghiệp hết, qua đời, và sinh đến trái đất (thế-gian) này.

Các chúng-sanh sinh đến thế-gian này khi mặt trời và các hành-tinh được cấu thành và ổn cố rồi, tức là mới thành lập (lập Địa); hoặc được thành lập trở lại sau khi bị hủy hoại (tái lập Địa) bởi một trong ba đại tai họa, đó là đại Hỏa tai, đại Thủy tai, hoặc đại Phong tai (sẽ trình bày ở một mục sau). Khởi đầu, các chúng-sanh này đều do hóa-sinh mà ra, không phải là một chúng-sanh được hóa sinh ra đời, mà là nhiều chúng-sanh được hóa sinh ra tùy theo thọ mạng hết tại cõi Trời Không-Phạm. Có thể là các chúng-sanh khởi đầu ấy hóa sinh ra không cùng một lúc, và không do chúng-sanh trước sinh ra chúng-sanh sau.

Các chúng-sanh đầu tiên ấy: không cần chúng-sanh khác nuôi nâng dạy bảo trông nom, mà có thể tự lực sinh sống; họ lấy niệm thực để ăn, nghĩa là lấy sự vui vẻ, thanh tao, nhân từ làm thức ăn. Nói đúng hơn, như thức ăn ngày nay, họ không cần ăn uống mà vẫn sống phây phây, không thấy đói khát, lại luôn luôn mạnh khỏe, thật sung sướng vô cùng.

Trên thân thể họ phát ra ánh sáng, soi chiếu khắp chung quanh. Họ có thể nhìn thấy rõ ban đêm cũng như ban ngày. Họ có thần-túc-thông đi, bay trên hư không chớp nhoáng, nhẹ nhàng, an lạc, tự-tại, vô ngại, suốt ngày đêm vui vẻ bay nhảy đùa rỡ với nhau thỏa thích. Họ không cần ăn uống, không cần làm việc chi cả, cuộc sống vô cùng thanh tao nhân hạ; họ muốn đi đâu thì đi, muốn nghỉ thì nghỉ, muốn ngủ thì ngủ, luôn luôn thoải mái chẳng có gì là mệt nhọc buồn phiền cả.

Bấy giờ không có nam nữ phân biệt vì hình dạng giống như nhau, mọi chúng-sanh đều đẹp tuyệt vời; không có tôn ty trên dưới, ai cũng như ai, bình đẳng hoàn toàn, không ai động chạm tới ai vì không có gì để tranh giành cả. Không có tuổi tác, không có trẻ già, tất cả chúng-sanh đều tươi trẻ như nhau; không có tên gọi khác nhau, khi nói chuyện thì nói ta, ngươi, chúng-sanh này, chúng-sanh kia, chúng ta, chúng ngươi v.v...

Thế-gian này chỉ có nhiều chúng-sanh (Người) hóa-sinh ra, nên gọi là chúng-sanh; các chúng-sanh sống cuộc sống an nhàn thoải mái, không có sự tham lam, không có sự giận hờn, không có đẹp xấu, hơn thua,, phải trái, yêu ghét, đối no v.v..., nghĩa là không có bất cứ một tranh cãi phiền não, dù đó là sự tranh cãi phiền não nhỏ bé của ngày nay.

Các chúng-sanh sống cuộc sống đẹp đẽ như thế một thời gian khá lâu dài, rồi đại Địa (quả đất lớn) này tự nhiên có nước xuất hiện, nước ngưng tụ trên mặt đất và nước có vị ngon như nước đề hồ; những chúng-sanh ấy thấy nước xuất hiện, thì sinh tâm thắc mắc, bèn hỏi nhau: *“Đây là cái gì, đây là vật gì, ta chưa thấy cái lạ này bao giờ, cái này ở đâu ra?”*

Những chúng-sanh ấy tự nghĩ: *“Không biết cái này ra sao, nó có mùi gì, nó có vị gì?”* Nghĩ như thế, họ bèn lấy ngón tay chấm rồi ngửi thì chẳng có mùi gì cả. Họ lại lấy ngón tay chấm nước đề-hồ cho vào miệng nếm thử. Sau khi nếm, họ thấy ngon họ gọi cái ấy là *“Nước”* và họ khen: *“Cái này ngon, nước này ngon quá!”*

Những chúng-sanh khác thấy khen ngon, cũng bắt chước làm theo, họ dùng ngón tay chấm nếm thử. Lúc đầu nếm thử, họ cũng thấy ngon, liền sinh tâm đắm nhiễm, cứ chấm nếm hoài không thôi; dần dần tâm ưa thích càng tăng, họ dùng cả bàn tay bốc để ăn, những chúng-sanh khác trông thấy thế, cũng bắt chước lấy tay bốc ăn. Càng ăn, tâm đắm nhiễm càng nhiều, nên họ bốc ăn mãi liên tiếp, và họ cứ tiếp tục ăn mãi như thế không biết chán.

Trải qua một thời gian không lâu, thân thể của chúng-sanh trở nên nặng nề, thô kệch, không còn mềm mại, và không còn bay trên hư không được nữa, mà phải đi trên đất. Trên thân mình chúng-sanh mất dần ánh sáng, và không còn nhìn rõ trong đêm tối được nữa. Những chúng-sanh ấy bắt đầu than van về việc thân họ mất ánh sáng và mất nhẹ nhàng, nhưng họ vẫn giữ tâm ưa thích vị nước và họ không ngừng dùng tay bốc nước để ăn uống.

Sau một thời gian lâu dài như thế, rồi nước tự nhiên biến mất (vì nước ngấm vào đất, chảy xuống các chỗ thấp xa xôi, và bốc thành hơi), các chúng-sanh dùng ngón tay bới đất tìm nước. Không tìm thấy nước, chúng-sanh nếm (ăn) thử đất có thấm nước, nhão mềm như bùn, và cảm thấy cũng ngon; họ bèn ăn đất nhão mềm ấy, và gọi đó là “*Vị đất*”. Chúng-sanh khác thấy khen ngon cũng lấy tay bốc vị đất ăn. Những chúng-sanh nào ăn nhiều vị đất thì nhan sắc trở nên xấu xí, những chúng-sanh nào ăn ít vị đất thì nhan sắc còn tươi đẹp; lúc đó chúng-sanh bắt đầu sinh tâm phân biệt về nhan sắc, dung mạo, đẹp xấu. (Trường A-Hàm, Q2, từ 504 đến 512)

Có chúng-sanh nói:

- Ta đẹp.

Có chúng-sanh nói:

- Người xấu.

Chúng-sanh sống một thời gian như thế, rồi dần dần đất khô cứng lại, không còn vị đất mềm nữa; bấy giờ chúng-sanh bắt đầu buồn rầu than thở mà nói: “*Khô thay, khô thay, đây là tai họa, tại sao vị đất bỗng nhiên mất đi như thế?*”

Sự kiện ấy cũng giống như ngày nay người ta có đầy đủ thức ăn ngon, thì người ta nói: “*Ngon quá, ngon quá!*”, nhưng sau đó thức ăn ngon ấy bỗng dung hết không còn nữa, họ lấy làm nhớ tiếc, buồn rầu; những chúng-sanh nhớ tiếc vị đất, cũng buồn rầu như thế, từ đó chúng-sanh bắt đầu sinh tâm buồn phiền.

Khi đất khô cứng lại, trên mặt hình thành một lớp vỏ mỏng như cái bánh ngày nay (cũng giống như ngày nay mỗi khi có nước lụt lớn, nước đục lẫn đất tràn vào đồng ruộng; sau khi hết lụt lội, nước bốc hơi cạn đi, đất trở nên khô cứng, đồng ruộng nứt nẻ, có một lớp đất mỏng ở trên mặt), không có vị đất, chúng-sanh bèn bóc lấy lớp đất ấy để ăn, và họ gọi là “*Vỏ đất*”. Dần dần họ cảm thấy ăn vỏ đất cũng có mùi vị và ngon miệng. Trong số đó những chúng-sanh nào ăn nhiều nhan sắc trở nên xấu xí hơn, những chúng-sanh nào ăn ít thì còn giữ được tươi đẹp. Chúng-sanh tranh cãi nhiều hơn về dung mạo nhan sắc, có chúng-sanh nói:

- Ta đẹp hơn người.

Có Chúng-sanh nói:

- Người xấu hơn ta.

Có chúng-sanh nói:

- Chúng-sanh này đẹp hơn chúng-sanh kia.

Về sau có thứ nấm mọc từ đất xuất hiện, nấm có màu sắc đẹp, mềm mại; chúng-sanh thấy vật lạ xuất hiện thì thắc mắc hỏi nhau: *“Đây là cái gì, đây là vật gì, cái này trông lạ quá, ta chưa thấy vật này bao giờ, nó là cái gì? v.v...”*

Họ bèn lấy tay sờ thấy mềm, họ bèn cầm cây nấm kéo lên rồi ăn thử, họ thấy ngon ngọt và có mùi thơm vị ngon hơn vỏ đất; họ gọi vật ấy là *“Nấm đất”*, vì nó mọc từ đất lên. Họ nói cho những chúng-sanh khác biết như thế, chúng-sanh khác nghe nói cũng làm theo.

Từ bấy giờ chúng-sanh thôi ăn vỏ đất và cùng nhau ăn nấm đất. Trong số đó, những chúng-sanh nào ăn nhiều nhan sắc trở nên xấu hơn nữa, những chúng-sanh nào ăn ít nhan sắc còn giữ được tươi đẹp. Các chúng-sanh sinh tâm phân biệt tranh cãi đẹp xấu nhiều hơn, có chúng-sanh nói:

- Sắc đẹp của người kém sắc đẹp của ta.

Có chúng-sanh nói:

- Ta đẹp, người xấu, sắc đẹp của ta hơn sắc đẹp của người.

Có chúng-sanh nói:

- Người xấu hơn ta nhiều, người xấu quá, tại sao người xấu thế?

Có chúng-sanh nói:

- Chúng-sanh này đẹp, chúng-sanh kia xấu, tại sao thế?

Chúng-sanh sinh tâm hơn kém, ôm lòng cạnh tranh càng ngày càng tăng; họ sống như thế một thời gian khá lâu, rồi tự nhiên nấm đất dần dần ít đi; chúng-sanh thấy nấm đất ít đi, họ tụ tập lại mà than vãn với nhau, một chúng-sanh hỏi:

- Tại sao tôi không thấy có nhiều nấm đất như trước kia?

Các chúng-sanh khác đều trả lời:

- Tôi không biết tại sao.

Có chúng-sanh nói:

- Bây giờ chúng ta phải đi xa để tìm kiếm nấm đất mà ăn.

Nhiều chúng-sanh nói: *“Khổ thay, khổ thay, đây là tai họa cho chúng ta, tại sao năm đất càng ngày càng ít đi như thế?”*

Thế là họ rủ nhau đi chỗ xa tìm kiếm năm đất để ăn, đang khi năm đất ít dần đi như thế và các chúng-sanh đều lo lắng không có đủ năm đất để ăn, tự nhiên có một số loại cây có hạt xuất hiện như lúa gạo, lúa mì, lúa mạch v.v...

Các chúng-sanh thấy các cây có hạt xuất hiện nên ngạc nhiên vô cùng, họ không biết những thứ ấy từ đâu mà sinh ra; các loại cây này sinh ra nhiều hạt không có vỏ cứng, chúng-sanh thấy thế thì lấy ăn thử, họ ăn thấy bùi bùi, ngon ngon, lại có mùi thơm. Họ bèn lấy các hạt ấy để ăn và bảo nhau cùng ăn. Do nhân duyên này nên có tên *“Hạt gạo, hạt mì, hạt mạch, v.v..”*. Từ lúc bấy giờ, chúng-sanh cùng nhau lấy hạt để ăn, họ ăn hạt trong một thời gian không lâu, thân hình trở nên thô xấu hơn, phát triển nảy nở mạnh mẽ.

Bắt đầu từ lúc bấy giờ, các chúng-sanh có hai loại thân hình sai khác nhau, nên mới có danh từ: *“Chúng-sanh Nam (đàn ông), chúng-sanh Nữ (đàn bà)”*. Con Người bắt đầu thành hình rõ rệt và phát triển từ đây, các chúng-sanh nam lạ lùng về hình dáng khác biệt của các chúng-sanh nữ, phái nữ lạ lùng về sự sai khác hình dáng của phái nam. Các chúng-sanh phái này thích nhìn chúng-sanh phái kia, họ nhìn nhau, và nhìn nhau không biết chán, họ nhìn nhau mãi không thôi. Rồi chúng-sanh phái này bắt đầu sinh tâm thích thú, lưu luyến phái kia, và chỉ muốn gần gũi nhau; họ thích nhìn ngắm (vướng mắc về Sắc) vuốt ve (vướng mắc về Xúc chạm) những thứ khác lạ của nhau, và họ bắt đầu thích nói chuyện (vướng mắc về Thanh), khen ngợi lẫn nhau. (Trung A-Hàm, quyển 3, từ 526 đến 532)

Tưởng (ý nghĩ) dục (dâm dục) từ đó phát sinh, chúng-sanh nam và chúng-sanh nữ cùng nhau tìm chỗ kín đáo hay chỗ không có chúng-sanh khác để được tự do nhìn ngắm, nói chuyện, ôm ấp, vuốt ve, và làm điều bất tịnh (làm tình). Những chúng-sanh khác thấy thế, bèn nói: *“Than ôi! Đó là việc sai trái, tại sao chúng-sanh nam này cùng với chúng-sanh nữ kia làm việc dâm dục xấu xa như thế?”*

Danh từ *“Ôm ấp, vuốt ve, dâm dục, làm tình”* bắt đầu có từ đó; những chúng-sanh nam làm việc bất tịnh dâm dục ấy thấy chúng-sanh khác quở trách thì ăn năn và nói: *“Việc làm của tôi là sai quấy, tôi đã làm việc xấu xa, tôi đáng khiển trách”*.

Tức thì chúng-sanh nam ấy gieo mình xuống đất không đứng dậy nữa, chúng-sanh nữ thấy thế thì lo chúng-sanh nam ấy đói, nên bèn đi lấy hạt (thức ăn) đem đến cho ăn, chúng-sanh khác thông thấy hỏi:

- Người mang thức ăn này đi đâu?

- Chúng-sanh nam kia vì ăn năn về việc làm bất tịnh của mình, nên gieo thân xuống đất không chịu đứng dậy, tôi sợ hắn đói nên tôi đem thức ăn đến cho hắn.

Từ đây các chúng-sanh đã có đủ năm dục (Ngũ dục: Sắc, thanh, hương, vị, và xúc). Về sau chúng-sanh càng ngày càng tham đắm làm việc dâm dục nhiều hơn, và muốn che kín để tránh sự nhòm ngó của chúng-sanh khác, nên họ mới tìm đến chỗ kín đáo như nơi hang hốc, gò đồng, hoặc tạo ra ngăn che riêng biệt kín đáo. Bởi nhân duyên ấy nên mới có danh từ: *“Hang ổ, chỗ kín đáo, chỗ riêng biệt, chỗ ở, túp lều, nhà, v.v...”* và gọi chúng-sanh nam, chúng-sanh nữ ở chung làm việc dâm dục là *“Nhân tình, chồng vợ”*.

Từ lúc đó, những chúng-sanh khác tại cõi Trời Phạm hết mạng sống, hoặc hết hạnh nghiệp, hoặc hết phúc báo nên chết tại đó sinh đến thế gian này, nhưng không còn là hoá-sinh nữa, mà ở trong bào thai của chúng-sanh nữ. Nhân đó mới có danh từ: *“Có thai, có chứa, có bầu, bào thai, đẻ con, sinh con, con trai, con gái v.v...”*, từ đây bắt đầu đặt tên cho con khi mới sinh đẻ ra, và người nam nữ sống chung có con là một *“gia đình”*.

Cũng cần ghi nhận rằng: từ khi các loại cây có hạt vỏ mềm xuất hiện, chúng-sanh lấy hạt để ăn, khi hạt lấy đi rồi, những hạt khác lại sinh ra. Sáng lấy chiều lại có, chiều lấy sáng hôm sau có, vì vậy nên lấy hoài, ăn hoài không hết; họ sống một thời gian như thế khá lâu rất thoải mái.

Bỗng có chúng-sanh tự nghĩ: *“Nếu mỗi ngày đều đi lấy hạt thì nhọc công quá, nay ta nên lấy gấp hai để ăn trong hai ngày”*. Sau khi nghĩ như vậy rồi, chúng-sanh ấy bèn đi lấy đủ số lượng hạt để ăn trong hai ngày, *“Tâm tham”* bắt đầu phát sinh từ đây. Khi chúng-sanh nọ đến rủ đi lấy hạt, thì chúng-sanh ấy nói:

- Ta đã lấy hạt đủ để ăn trong hai ngày rồi, không cần đi lấy nữa, người muốn đi tùy ý.

Chúng-sanh nọ nghe nói thế, bèn nghĩ: *“Chúng-sanh ấy đã lấy hạt để ăn trong hai ngày, sao ta không lấy hạt để ăn trong ba ngày?”* Nghĩ như vậy rồi, liền đi lấy hạt đủ dự trữ ăn trong ba ngày.

Cũng như thế ấy, có chúng-sanh kia đến gặp chúng-sanh nọ và nói: Chúng ta hãy cùng đi lấy thực phẩm (hạt) để ăn,

Chúng-sanh nọ nói:

- Ta đã lấy thực phẩm đủ để ăn trong ba ngày rồi, ngươi tùy ý đi lấy.

Chúng-sanh kia nghe xong tự nghĩ: *“Ngươi đã lấy dự trữ ăn trong ba ngày, ta sẽ lấy nhiều hơn, ta sẽ lấy dự trữ ăn trong năm ngày”*. Chúng-sanh kia bèn đi lấy hạt đủ ăn trong năm ngày, tất cả chúng-sanh đều sinh tâm *“tranh đua”* nhau tích trữ hạt như thế, và càng ngày càng gia tăng mãi lên.

Sau một thời gian như thế, tự nhiên các loại hạt sinh ra *“có vỏ cứng, có trấu”* không ăn được ngay mà phải bỏ vỏ đi mới ăn được. Khi hạt lấy đi rồi, những cây ấy không còn sinh ra những hạt khác nữa, đồng thời các loại cỏ: cỏ lẩn, cỏ lác, v.v... xuất hiện, mọc đầy cả.

Lúc đó, chúng-sanh gặp nhau kêu than, buồn rầu, họ ôm bụng tự than nói:

“Khổ thay, đây là tai họa, biết làm sao bây giờ? Chúng ta trước kia đều là hóa-sinh, không cần ăn uống gì cả, chỉ lấy sự rong chơi, nhàn tản đó đây làm vui vẻ thỏa thích (được tự tại). Trên thân chúng ta phát ra ánh sáng, nên nhìn khắp tất cả không trở ngại đêm cũng như ngày (Có hào quang). Chúng ta lại bay trên hư không, được an lạc, tự tại, vô ngại (Có thần túc).

Rồi sau nước xuất hiện như nước đề hồ, chúng ta thắc mắc muốn biết là vật gì (khởi ý niệm đầu tiên) nên dùng ngón tay chấm quệt cho vào mũi người (khởi ý niệm thứ hai), rồi cho vào miệng nếm thử (khởi ý niệm thứ ba). Khi nếm thử thấy vị lạ, ngon (dính mắc vào vị), chúng ta liền sinh ra ưa thích, và nếm mãi không ngưng; lòng tham đắm càng ngày càng tăng lên, nên dần dần chúng ta dùng tay bóc để ăn cho được nhiều (tâm tham khởi sinh). Chúng ta bóc ăn mãi như thế không thôi. Rồi thân chúng ta không còn mềm mại nữa, mà trở nên thô kệch, nặng nề (vì có nước trong thân), không còn bay trên hư không được nữa (nặng nề quá).

Sau một thời gian nước đề hồ dần dần biến mất, chúng ta phải ăn vị đất (vì cần phải có một cái gì trong bụng). Khi vị đất không còn, chúng ta ăn vỏ đất. Rồi nắm đất có mùi thơm và vị ngọt xuất hiện, chúng ta ăn nắm đất

(dính mắc hương vị); trải qua mỗi thời kỳ, thân hình chúng ta càng ngày càng trở nên thô kệch xấu xí hơn, tâm trí chúng ta càng ngày càng cạnh tranh hơn thua về nhan sắc đẹp xấu (mà sự thực thì nhan sắc càng ngày càng xấu đi).

Từ khi các loại cây có hạt xuất hiện, chúng ta lấy hạt ăn mà không cần làm gì cả, hạt lấy đi rồi hạt khác lại sinh ra. Buổi sáng lấy buổi chiều các hạt mới sinh chín, buổi chiều lấy sáng hôm sau các hạt mới sinh chín, sẵn sàng để lấy ăn. Vì sự đua nhau lấy hạt cất giữ của chúng ta (phát sinh lòng tham), nên các loại hạt lấy đi, các hạt mới không sinh ra nữa; tệ hại hơn nữa các hạt sinh ra có vỏ, có trấu, không ăn hạt ngay được, mà phải bỏ vỏ, bỏ trấu đi rồi mới ăn được”.

Chúng-sanh cùng nhau suy nghĩ về các khó khăn ấy, và bảo nhau phải tìm cách bỏ vỏ đi, và tự gieo trồng để có hạt mà ăn; họ thỏa thuận với nhau việc phân chia đất ra từng ô để mỗi người tự trồng trọt trên phần đất của mình, từ đó danh từ “*Ruộng rẫy, trồng trọt, v.v...*” được nói đến, và có lời nói “*Của ta, của người*”.

Họ cùng nhau gieo trồng chăm sóc để lấy hạt mà ăn, cuộc sống cũng tạm ổn; sau một thời gian yên lành như thế, có một số người sinh tâm dối trá (khởi tâm dối trá), họ giấu hạt của mình, và đi lấy hạt của người khác; tính gian dối bắt đầu từ đây, những người bị mất trông thấy người khác lấy hạt của mình nói:

- Người làm sai, người làm quấy, tại sao người giấu hạt của mình, rồi đi lấy vật thực của ta, từ nay người không được lấy trộm nữa.

Từ đó có danh từ “*Cất giấu, vật thực, dối trá, trộm, cắp*” bắt đầu được nói đến, nhưng những người có tâm dối trá ấy vẫn tiếp tục làm điều xấu như trước, họ lại trộm cắp; khi bắt được kẻ trộm cắp, những người bị mất trách:

- Người làm điều xấu xa, tại sao người không bỏ việc đi trộm cắp?

Họ dùng tay đánh người trộm cắp, rồi cầm tay lôi kéo người ấy đến chỗ có nhiều người mà nói lớn lên rằng:

- Người này giấu vật thực của mình và đã trộm cắp của tôi hai ba lần.

Kẻ trộm thì nói:

- Người này đánh vào lưng tôi nhiều lần bằng tay, người này đánh đau tôi!

Lúc ấy các người khác nghe hai người nói thế, sinh lòng buồn rầu, lắc đầu, nói: *“Thế-gian này dần dần trở nên độc ác, có phải đây là ác pháp sinh chăng?”*

Từ đó phát sinh ra các danh từ *“Lôi kéo, đánh đập, ác độc, v.v...”* Con người từ đây sinh lòng buồn khổ về việc này, rồi tiếp đến việc khác. Từ lòng buồn khổ ấy kết (tạo) thành quả báo khổ não, các khổ não buồn phiền là nguồn gốc của **“sinh già bệnh chết”**, và các việc làm bất thiện là nhân để đọa sinh vào các cõi ác.

Từ khi ruộng đất được phân chia, chỗ ở tạo ra riêng biệt, và từ khi có kẻ sinh tâm tham lam, giấu giếm vật thực của mình, trộm cắp, dành giết vật thực của người khác. Con người cãi lộn, nói xấu, giằng co, thậm chí đi đến đánh nhau và tìm cách giết nhau, các việc không tốt như thế xảy ra hàng ngày càng nhiều hơn lên, họ không sao tự giải quyết được; họ bèn thảo luận và thỏa thuận với nhau rằng họ cần một người có đủ khả năng để trông coi phân xử mọi việc xảy ra cho họ.

Bấy giờ, trong chúng-sanh có người hình vóc to lớn, khoẻ mạnh, dung mạo đoan chính, nói năng từ tốn phải lẽ, trông rất uy nghi, và có đức độ; mọi người thấy thế bèn đến nói với người ấy:

- Như ông biết ngày nay có nhiều việc không tốt đẹp xảy ra hàng ngày, chúng tôi thấy ông là người tốt, mạnh khoẻ, có đủ khả năng làm người trông coi, và phân xử các việc xảy ra. Chúng tôi muốn tôn ông lên làm người trông coi phân xử công bằng, khen người làm việc tốt, chê bai trừng phạt kẻ làm việc xấu v.v...; vậy ông khéo giúp đỡ mọi người, chúng tôi mỗi người sẽ bớt ra một số vật thực để tặng ông.

Người ấy nghe xong thấy hay, bèn chấp nhận làm người trông coi phân xử; từ đó, mới có danh từ *“người trông coi phân xử, người có trách nhiệm giữ trật tự chung, người đại diện dân, v.v...”* Về sau các việc giải quyết càng ngày càng nhiều, nên cần có người phụ giúp; những người có trách nhiệm trông coi phân xử ấy được tổ chức thành nhiều người có một người đứng đầu chỉ huy, nên từ đó có những danh từ mới được nói đến như *“Người trông coi, người đứng đầu, người lãnh đạo, chúa, vua v.v...”*.

Tóm lại, những người sinh ra đầu tiên trên trái đất này đều từ cõi Phạm-Thiên sinh đến bằng hóa-sinh, nghĩa là không có ai sinh đẻ ra, hay một vị nào tạo ra cả, mà là chết từ cõi Phạm-Thiên rồi sinh đến cõi này bằng hóa sinh. Những người mới hóa-sinh ra không cần đến người khác nuôi nấng

chăm sóc, bế bồng mà vẫn sống được một mình; vì dù mới sinh ra, nhưng họ không cần ăn uống như trẻ mới sinh ngày nay. Cũng không phải là chỉ có một người được hóa sinh ra, mà là nhiều người cùng hóa sinh ra, nhưng cũng có người hóa sinh ra trước, kẻ hóa sinh ra sau, tùy theo hạnh nghiệp, phúc báo, và mạng sống ở cõi Trời Không-Phạm đã hết chết đi, sinh đến cõi này. Cũng vì mọi người đều được hóa sinh ra như thế, nên không có cha mẹ, không có ai đặt tên cho, nên mọi người đều có cái tên chung gọi là chúng-sanh.

Chúng ta không thấy nói tới hình hài của những người đầu tiên ấy, nhưng chắc là có thân hình trong vắt như pha lê(?), mềm mại, nhẹ nhàng, có ánh sáng phát ra, nên bay đi tới lui dễ dàng. Khi bốc nước ăn uống thì dần dần thân hình trở thành căng phồng lên giống như bơm nước vào bong bóng(?), con người trở thành thô cứng, nặng nề, không còn nhẹ nhàng để bay được nữa, nhưng vẫn còn trong đẹp. Đến khi ăn bùn, ăn đất, cho đến ăn nắm đất, con người trở thành có màu giống màu bùn đất(?) xấu xí. Và khi tới giai đoạn ăn các hạt, con người mới thực sự phát triển, nảy nở các cấu trúc của cơ thể.

Những người đầu tiên ấy sống từ lúc lập Địa, hay tái lập Địa, họ sống từ lúc hóa sinh ra tại trái đất này cho đến khi chết trung bình khoảng 84,000 (tám mươi tư nghìn) năm; họ sống rất lâu, rất thọ như thế, (họ thọ gấp một trăm linh (lẻ) năm lần ông Bành-Tổ mà người ta thường nói đến chỉ sống khoảng 800 năm mà thôi).

Chắc rằng có một số người không tin rằng những con người sinh ra đầu tiên trên trái đất này lại sống lâu như vậy. Người không tin cũng giống như người vừa sinh ra đã bị mù mắt không thấy được các màu sắc khác nhau như thế nào, nên khi có người nói với người mù ấy về sự khác biệt giữa các màu sắc trắng xanh vàng đỏ đen tím nâu v.v., thì người mù ấy không tin, không tưởng tượng nổi sự khác biệt giữa các màu sắc, và nói rằng làm gì có các màu sắc khác nhau như thế.

Vậy những con người đầu tiên xuất hiện trên trái đất này từ lúc lập Địa hay tái lập Địa đến bây giờ, phải là bao nhiêu triệu năm? Về điểm này sẽ được nói tới ở phần lời bàn nơi cuối đề tài này, trước đây, người ta đã phát giác ra những kiến trúc nhà cửa ở dưới đáy Đại-Tây-Dương rất là lâu đời rồi; mới đây, với sự tiến bộ của con người, các nhà Khoa-học khám phá ra những bộ xương hóa đá chôn vùi dưới đất của loài tương tự cá sấu gọi là SuperCroc mà các nhà cổ sinh vật học Pháp đã đặt cho chúng cái tên khoa

học *Sacosuchus imparator* cách nay vài chục năm. Những con vật này có chân dài ba thước nhưng sống trên cạn, có niên kỷ cách nay 110 triệu năm, chúng sống đồng thời với những con vật Khủng long, và những con *Titanosaurus*.

Các nhà khoa học còn cho rằng Nam Mỹ-châu đã tách rời khỏi Phi-châu cách nay khoảng 70 triệu năm, vì họ tìm thấy các bộ xương hóa đá của cá sấu cùng loại tại Patagonia thuộc Argentina (Nam Mỹ châu) và Madagasca thuộc Phi-châu.

Nhưng xa hơn thế rất nhiều, các nhà Khoa-học Đức lại khám phá ra vỏ loài Sam biển hóa đá, nó đã xuất hiện trên trái đất với niên kỷ là 330 triệu năm rồi, thành ra sự truy nguyên về quá khứ của các nhà khoa-học vẫn còn chưa rõ ràng.

Về sau, tuổi thọ của con người giảm xuống, có những thời kỳ tuổi thọ tăng lên, có những thời kỳ tuổi thọ giảm xuống, và bây giờ tuổi thọ trung bình của con người quá ngắn ngủi, khoảng 75 tuổi (Phật lịch: năm 2629, Dương lịch: năm 2006). Tuổi thọ của con người tùy thuộc vào ý nghĩ và hành động của con người. Ý nghĩ này không phải là ý nghĩ muốn sống lâu mà được, mà là ý nghĩ những việc thật thà, đạo đức, hay ý nghĩ gian dối lừa đảo, mưu mô độc ác. Ý nghĩ là đầu mối của hành động, ý nghĩ bằng tâm (óc, bộ não), hành động bằng thân (đầu, mình, tay chân và các bộ phận phụ thuộc thân) và khẩu (mồm miệng). Tâm nghĩ, thân làm, miệng nói, miệng cũng thuộc về thân, nên mới nói **“Tâm nghĩ thân hành”** (thân làm).

Nói chung là tâm thân hành của đa số con người tạo nên cộng nghiệp, cái cộng nghiệp này nó dẫn dắt tuổi thọ trung bình của con người, còn cái biệt nghiệp của mỗi người nó sẽ dẫn dắt chính người đó. Ví như ngày nay có người sống chín mươi tuổi, nhưng cũng có người chỉ sống năm mươi tuổi v.v... mà thôi.

Từ những niệm tham, sân, si dẫn dắt ý khẩu thân hành động, đưa đến quả báo khổ não là sinh già bệnh chết, và đọa sinh vào sáu cõi; nghiệp báo trói chặt con người trong sáu nẻo phải đi qua, đó là: *“Các cõi Trời, cõi Người, cõi A-tu-La (Thần), cõi Ma-Quỷ, cõi Súc-sanh, và cõi Địa-ngục”*.

Con người cứ thế sinh ra, già đi, bệnh tật, chết đi, trải dài theo thời gian lên bổng xuống chìm, tùy theo ý thân hành thiện hay ác của mỗi người, đó là tạo nghiệp; nghiệp dẫn dắt ta như hình với bóng không sao thoát ra khỏi,

ngoại trừ những vị tu hành đạt đạo thì mới ra khỏi vòng luân hồi luân quần ấy mà thôi.

Đến đây: chúng ta không thấy nói tới vạn vật cây cỏ bắt đầu xuất hiện trên trái đất này từ lúc nào? Các loại cỏ thì được nói đến ngay khi các loại cây có hạt có vỏ có trấu xuất hiện thì các loại cỏ đồng thời xuất hiện, và có lẽ các loại cây khác cũng với thời gian sau đó dần dần xuất hiện; riêng về các loài vật thì không thấy đề cập tới, nhưng nhận thấy con người từ khi tạo nghiệp báo, sinh khổ não đi đến già bệnh chết, rồi sinh vào sáu cõi khác nhau tùy theo ý khẩu thân hành việc lành dữ. Do đó các loài súc vật với thời gian sau đó dần dần xuất hiện trên trái đất này, còn những con vật đầu tiên của mỗi loài được sinh ra bằng cách nào? Người viết chưa được đọc về điểm này, nhưng được biết trong thiên nhiên cả thấy có **bốn loại sinh**, đó là:

- Hóa sinh:

Chúng-sanh đột nhiên mà có, bỗng nhiên xuất hiện, không qua giai đoạn phôi thai nào cả. Những chúng-sanh thuộc loại hóa sinh thường là vô hình như chư vị Trời, A Tu La, Ngạ-quỷ v.v... và những người đầu tiên như đã nói ở trên.

Lại có những loài biến hóa sinh ra từ một loại khác như ve, bướm v.v... Loại này đời trước hay thay đổi lòng dạ, trước sau nói khác nhau, cố làm cố phạm. (Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận, trang 22)

- Noãn sinh:

Là những chúng-sanh sinh từ trong trứng gồm có: Loài có lông vũ như gà, chim, loài bò sát như rùa, rắn, và loài sống với nước như cá; loại này, đời trước tham lam, mưu mô lừa đảo, kế hoạch cao thì làm chim, kế hoạch sâu thì làm cá. (Đại Thừa Kim Cang Kinh Luận, trang 21)

- Thai sinh:

Là những chúng-sanh sinh từ bào thai như người và các loài thú, đời trước tham đắm dâm dục; tham dục phải đạo thì làm người, tham dâm ngang trái thì làm thú bốn chân đi ngang.

- Thấp sinh:

Là những chúng-sanh sinh từ nơi ẩm ướt như vài loài côn trùng, muỗi mòng, vi khuẩn, vi trùng, gạo ẩm sinh mốc, cỏ mọc sinh đom đóm, lúa sinh

sâu... Đòi trước tham ăn thịt uống rượu, lấy việc đánh đập, gây gổ, ồn ào làm vui.

Trong quyển Đạo Phật và Khoa Học, trang 167, có thêm chi tiết như sau: *“Noãn, Thai, Thấp, Hóa sinh đều lấy cái định nghiệp mà tương cảm nhau, cho nên cái định báo của chúng-sanh cũng tùy theo chỗ cảm mà ứng. Như loài sinh trứng thì ứng theo loạn tướng mà sinh. Loài sinh thai thì ứng theo tình ái mà sinh. Loài Thấp sinh thì ứng theo hiệp mà sinh, tức là nương phụ với thấp khí. Loài Hóa sinh thì ứng theo Ly mà sinh, tức là bỏ dây tới kia. Xong, tình, tướng, hiệp, ly trong bốn giới ấy vốn không nhất định, hoặc tình biến làm tướng, hiệp biến làm ly, hoặc đổi làm tình, hoặc thấp đổi làm hóa. Vậy tùy nghiệp thọ báo, cũng có thứ bay mà trở lại làm thứ lặn, cũng có thứ lặn mà trở thành làm thứ bay, như cá hóa rồng; đại để những truyện kỳ quái như vậy rất nhiều, thay hình đổi xác, quay lộn luôn luôn; vì thế, chúng-sanh có hoài không dứt”*.

Trong quyển Thiền Đốn Ngộ do Hòa-Thượng Thích-Thanh-Từ dịch năm 1974, phần Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn, trang 146 lại ghi: *“Vô minh là noãn sinh, phiền não bao bọc ở trong là thai sinh, nước ái đượm nhuần là thấp sinh, chợt khởi phiền não là hóa sinh (từ loài này hóa sinh loài khác)”*.

Ta thấy là con người có mặt trên trái đất này trước các loài thực vật và các loài động vật. Nhưng những con vật đầu tiên thuộc loại noãn sinh và thai sinh trên trái đất này từ đâu mà có? Con gà, con chim, con rùa v.v... có trước hay cái trứng gà, trứng chim, trứng rùa có trước, nếu những cái trứng có trước, cái gì sinh ra những cái trứng đầu tiên ấy? Người viết thiền nghĩ rằng những con vật đầu tiên ấy cũng là do hóa sinh mà ra. Kể cả những loài thai sinh cũng giống như vậy mà thôi.

Về nòi giống: chúng ta không thấy nói tới, đại loại trên thế giới này có mấy trăm nước và có rất nhiều tiếng nói khác nhau, ngay trong một nước cũng có nhiều thứ tiếng nói khác nhau, tại sao thế? Có lẽ rằng những nhóm chúng-sanh đầu tiên khi hóa sinh đến cõi này, ở những vùng cách biệt nhau nên phát sinh ra tiếng nói khác nhau; lại nữa, trên thế-giới này có những người da trắng, những người da vàng, những người da đen, tại sao vậy?

Có người muốn làm vui cho người khác, nên nói: *“Thuở khai sinh lập địa, khi Thượng-Đế sinh ra con người bằng cách: Ngài nặn hai con người, một nam một nữ, xong Ngài bỏ hai con người ấy vào lò đốt lửa nung, lúc ấy Ngài ngủ quên nên không lấy ra kịp thời, khi nhô ra hai người ấy đã bị cháy*

đen thui. Ngài bèn nặn hai người khác, rồi bỏ vào lò nung, lần này vì sợ cháy đen như lần trước Ngài lấy ra sớm quá, nên trông còn trắng bệch. Thượng-Đế vẫn chưa vừa ý, nên nặn thêm hai con người nữa, Ngài tự nặn, lần này Ta phải canh chừng để lấy ra cho đúng cho vừa ý, và quả thật lần này Ngài nung được hai con người có nước da vàng vàng, không đen cũng không trắng đúng theo ý, Ngài nói: Thế là được rồi.

Bởi lẽ đó chúng ta mới có những người anh cả da đen, những người anh hai da trắng, và những người thứ ba da vàng. Ba cặp nam nữ này đã sinh con để cháu nầy nở ra nhân loại trên trái đất này từ ngày đó đến ngày nay!”.

Trong những sự giải thích có lẽ lý do địa dư ảnh hưởng đến màu da con người, vì sau thời kỳ khai Thiên lập Địa hay tái lập Địa, trái đất trở trụi. Những con người đầu tiên chịu biết bao khổ cực với thiên nhiên, phải dầm mưa dãi nắng bỏng cháy khét thân thể đầu tóc đối với con người sống ở vùng Xích-đạo như Phi-Châu, Ấn-Độ, Nam Mỹ. Con người phải chịu cái lạnh thấu xương tại vùng Bắc-Cực, Nam-Cực, mặt trời chiếu tới rất ít. Những khí hậu khác biệt ấy đã tạo nên màu da khác biệt của con người tiền sử và truyền lại nhân loại hiện tại (?)

Mặt khác, nên đề ý rằng những chúng-sanh sinh ra đầu tiên không phải được sinh ra tại một nơi hay một vùng, mà đã được sinh ra ở nhiều nơi khác nhau trên mặt địa cầu này; ngoài ra, các chúng-sanh sinh tới cõi Quang âm Thiên trước kia có lẽ đã từ nhiều nơi (nhiều thế-giới) khác nhau hóa sinh tới đó, về sau các chúng-sanh hóa sinh đến cõi Phạm Thiên cũng có thể từ nhiều nơi khác nhau tới và sau khi chết đi đã sinh đến trái đất này; những điều trên đây có thể giải thích những sự khác biệt của các chủng tộc khác nhau tại thế-gian này.

Một điểm nữa được suy ra là trong thời kỳ đầu tiên của con người, chưa có phát minh ra lửa, nên chỉ là ăn sống không có thức ăn nấu nướng chín. Có lẽ sau đó có những vụ cháy rừng do các loại cỏ cây khô, con người mới biết tới lửa. Chưa có các đồ dùng như nồi niêu bát đĩa, chén đũa dao thớt v.v., mà phải dùng hai bàn tay. Chỗ ở chỉ là hang ổ lều nhỏ thô sơ để trú thân, mà vật liệu là rom rạ cỏ cây. Cũng không có quần áo che thân, mà phải dùng cỏ lá rom rạ bó kết lại che thân. Thức ăn chỉ là ăn các loại hạt, lá, hoa quả v.v... từ thực vật mà thôi.

Được biết, để giúp chúng sanh sống còn và tăng trưởng, ta thấy có **bốn cách ăn** như sau:

- Đoàn thực:

Ăn từng miếng, từng nắm, từng cục. Đây là cách ăn của loài người và các loài vật.

- Xúc thực:

Ăn bằng tiếp xúc, xúc chạm, như Quỷ Thần tiếp xúc với vật thực thì đủ no; cũng gọi là Cảnh lạc thực, như quần áo, hương hoa, cùng thiên nữ vui vậy khiến vui no đủ.

- Niệm thực:

Cũng gọi là Tư thực, ăn bằng ý suy nghĩ, tư tưởng, các cõi Trời Sắc-giới lấy thiền định, hỷ lạc làm vị ăn.

- Thức thực:

Ăn bằng thức phân biệt, niệm hiểu, ý biết; các tầng Trời vô Sắc-giới và chúng-sanh trong Địa-ngục đều lấy thức duy trì sinh mạng. (Trường A-Hàm, quyển 2, trang 402).

Về sau, sống với hoàn cảnh, cọ sát với thực tế, dần dần trải qua thời gian lâu dài, con người đã khám phá, phát minh và tạo ra rất nhiều thứ để làm cho cuộc sống được tốt đẹp hơn về vật chất; còn vấn đề tinh thần đạo đức mà ai cũng biết là cần thiết, nhưng phần lớn chỉ được dàn dựng lên bằng những lớp vỏ bề ngoài hào nhoáng, mà thực ra bên trong có nhiều vụ lợi, thiếu chân thật. Con người càng ngày càng có mưu thâm độc sâu, kế hiểm ác cao, nên nghiệp quả càng ngày càng sâu dày nặng nề vậy. (Tập A-Hàm, Q 2, trang 70: Bốn cách ăn)

LỜI BÀN: Tuổi thọ tối đa của con người:

“Thế nào là kiếp đao binh? Nghĩa là con người ở thế gian này vốn sống 40,000 (bốn vạn) tuổi, sau đó giảm dần còn sống hai vạn tuổi, và tiếp tục giảm xuống còn một vạn tuổi, một ngàn tuổi, năm trăm tuổi, ba trăm tuổi, hai trăm tuổi. Như ngày nay con người sống trăm tuổi, tăng ít, giảm nhiều; nhưng về sau, tuổi thọ con người giảm dần, chỉ còn 10 (mười) tuổi là dừng lại”.

Quyển Đường Về Bến Giác của Hòa-Thượng Thích-Thanh-Cát, trang 78 ghi: “*Theo luận Trí Độ thì người ta thọ từ 10 tuổi, cứ trăm năm lại tăng một tuổi, cứ tăng mãi cho tới khi nào thọ 84,000 tuổi mới thôi...*”; theo quyển Nhị Khóa Hiệp Giải thì lại lấy 80,000 năm là tuổi tối đa để tính ra Kiếp và Đại kiếp, như vậy chúng ta không chắc chắn tuổi thọ tối đa của loài người là bao nhiêu.

Tuy nhiên trong sách này người viết cũng phải lấy con số 84,000 năm làm tuổi tối đa (như quyển Đường Về Bến Giác đã ghi) để tính số năm của kiếp, đại kiếp. Nếu sau này có sự khám phá ra số tuổi thọ tối đa của con người có sự khác biệt với con số tối đa 84,000 năm nêu trên, thì số năm trong một kiếp, trung kiếp, đại kiếp, v.v... của sách này phải thay đổi theo.

LỜI BÀN: Tuổi thọ con người có đang giảm xuống không?

Ngày nay khoa học đang tiên bộ, kể cả ngành Y khoa mà ai cũng thấy; vậy mà đạo Phật lại nói ngày nay đang vào thời kỳ giảm tuổi thọ dần dần cho tới 10 tuổi thọ, vậy liệu có đúng không? Thật là khó trả lời rõ ràng, nhưng chúng ta thấy rằng:

1)- Hồi đức Phật còn tại thế, tuổi thọ trung bình là 100, đến nay đã 25 thế kỷ, 100 năm giảm một tuổi, tức giảm đi 25 tuổi. Chắc mọi người cũng đồng ý là tuổi thọ trung bình của con người bây giờ là 75, phải không?

2)- Hiện tại tuổi thọ trung bình là 75 tuổi, nhưng vẫn có người sống 100 tuổi hay hơn nữa, thế thì khi tuổi thọ giảm xuống còn 50 tuổi vẫn có người sống tới 70 hay 80, khi tuổi thọ giảm xuống còn 25 tuổi vẫn có người sống tới 40 hay 50 tuổi v.v...

3)- Mặc dù khoa học tiên bộ, nhưng vì chính những cái tiên bộ đã làm ô nhiễm bầu khí quyển và môi trường sinh sống của con người; chính những hệ thống đông lạnh, máy lạnh đã làm hoại dần vòng o-zone của bầu khí quyển che chở cho trái đất. Chính những nhà máy, xe cộ các loại tỏa khói độc hại bùng phôi con người. Chính những chất hóa học thải ra từ việc làm ra cái này cái nọ đang thải vào các dòng sông và lan dần cùng khắp mặt địa cầu tác hại đến sức khỏe con người và muôn vật. Như các loài vật ăn, loài cây cối hấp thụ, loài cá sống trong các chất hóa học, chất độc, rồi con người ăn thịt loài vật, loài cá hay rau quả ấy thì sẽ sinh bệnh. Chính các lò nguyên tử là nguồn gốc thải dần những phóng xạ đến khắp mọi nơi v.v..., đó là chưa

kể đến chiến tranh nguyên tử có thể xảy ra; do đó, phần lớn những việc làm có tính cách tiến bộ để phục vụ con người lại là nguồn gốc của sự hại mạng sống lâu dài của con người vậy.

4)- Đồng ý rằng y khoa tiến bộ rất nhiều, nhưng thử hỏi ngành y tế có thể đương đầu với những tai hại do tiến bộ khoa học kể trên không? Bởi vì mỗi ngày sinh ra bệnh mới có thể do những thứ nêu trên gây ra, mà chúng ta không thể tiên đoán trước được.

5)- Con người càng ngày càng bôi bác gian dối, mưu trí tẻ hại, giết người vui thích, huà với nhau bắt nạt kẻ yếu, hại người ngay trong vui thích. Tỉ như muốn có quyền lợi, thương lượng không được, bèn dùng mưu kế dàn dựng nên tội, rủ kẻ khác cùng nhau hiệp lực thanh toán, mặc cho máu có đổ, xương có chất thành núi đi nữa vẫn vui vẻ v.v...; như vậy thì làm sao mà tuổi thọ không giảm?

LỜI BÀN: Khi nào Phật Di-Lặc ra đời?

Một số người đang chuẩn bị đón Phật Di-Lặc ra đời, thật là tức cười, họ chính là người đang mò trăng đáy nước; quyển Nhị Khóa Hiệp Giải ghi: “Trong Hiền kiếp này, tức trong Trung kiếp Trụ này, hiện nay đang ở kiếp thứ 9, tới kiếp thứ 10, khi mà giảm xuống đến thuở con người còn sống được 8 vạn tuổi là đức Phật Di Lặc ra đời”. Nguyên tắc tính số năm là thời kỳ đang giảm tuổi thọ (ở kiếp thứ 9 này) từ thời Phật Thích-Ca, con người sống trung bình 100 tuổi. Bây giờ, sau 2550 năm (tính từ khi Phật nhập Niết-Bàn), con người trung bình sống 75 tuổi thọ, cứ 100 năm giảm một tuổi. Như vậy số năm cần thiết để giảm xuống tới 10 tuổi thọ là: $(75 - 10) \times 100 = 6500$ năm. Số năm cần thiết để tăng tuổi thọ con người (cũng ở kiếp thứ 9) từ 10 tuổi lên 84,000 là: $(84,000 - 10) \times 100 = 8,399,000$ năm. Số năm cần thiết để giảm tuổi thọ từ 84,000 xuống còn 80,000 (ở kiếp thứ 10) là lúc Phật Di-Lặc ra đời là: $(84,000 - 80,000) \times 100 = 400,000$ năm. Cộng ba con số năm trên, chúng ta có thể biết đức Phật Di-Lặc sẽ ra đời vào khoảng : $6500 + 8,399,000 + 400,000 = 8,805,500$ (tám triệu tám trăm linh (lẻ) năm nghìn năm trăm) năm nữa.

LỜI BÀN: Khi nào tận thế?

Không khó khăn để biết ngày tận thế mà nhiều người đã quá lo lắng, nhất là những người ngoại đạo, không biết họ nghe lời tiên đoán từ đâu mà họ cho rằng năm 2000 Dương lịch vừa rồi là tận thế; tội nghiệp! Họ đã lo

lắng cùng cực, cầu nguyện ngày đêm, cho đến khi chẳng thấy gì xảy ra cả!
Để biết rõ ngày tận thế, chúng ta thử làm con toán:

- Trước hết chúng ta đã có con số năm từ nay đến hết kiếp thứ 9 này là $6500 + 8,399,000 = 8,405,500$ năm như trên đã tính.

- Từ kiếp thứ 10 đến hết kiếp thứ 20 của Trung kiếp Trụ này là 11 kiếp nữa thì bắt đầu vào thời kỳ Hoại của trái đất, chứ không phải hoại của mặt trời, mỗi kiếp là $(84,000 - 10) \times 100 \times 2 = 16,798,000$ năm; như vậy số năm trong 11 kiếp là $16,798,000 \times 11 = 184,778,000$. Do đó số năm để trái đất này sẽ chết (tạm thời, vì sẽ tái lập địa) là vào khoảng: $8,405,500 + 184,778,000 = \mathbf{193,183,500}$ (một trăm chín mươi ba triệu một trăm tám mươi tư nghìn năm trăm) năm, vì đại tai sẽ trình bày ở một mục sau.

LỜI BÀN: Các Cụ Tổ loài người có từ lúc nào?

Như vậy, thời gian từ lúc tái lập địa tới nay là bao lâu? Chúng ta có thể tính như sau: Trung kiếp Trụ có 20 kiếp, cho đến nay ta đang ở kiếp thứ 9 giảm tuổi, như vậy, trong 8 kiếp trước ta có: một kiếp $\times 8 = 16,798,000 \times 8 = 134,384,000$ năm, cộng với số năm từ đầu kiếp thứ 9 đến nay là $(84,000 - 75) \times 100 = 8,392,500$ năm, thì ta có: $134,384,000 + 8,392,000 = \mathbf{142,776,500}$ năm; đó là thời gian từ lúc tái lập địa đến giờ, và cũng là lúc mà các ông Tổ các bà Tổ loài người xuất hiện vậy.

Về khoa học thì sao?

1)- Trong quyển Những Nguồn Gốc (Origins), trang 236 ghi: “*Hệ thống mặt trời và trái đất được thành lập khoảng 4.6 tỉ năm, sau 600 triệu năm thì ổn cố và xuất hiện đời sống trên trái đất*”; lại có nhà khoa học nói đời sống khởi thủy ít ra cũng vài chục triệu năm rồi.

2)- Quyển Đạo Phật và Khoa Học, trang 270, ghi:

- Các nhà khoa học cho rằng vào thời kỳ xuất hiện đột nhiên (Cambrian Explosion) là thời kỳ mà các chủng loại khác nhau có mặt bất ngờ. Thời kỳ các lớp đá xuất hiện từ động vật hóa thạch cổ xưa cách nay 545 triệu năm, các nhà khảo cổ còn cho rằng đã có nhiều sinh vật khác nhau đã được sinh ra từ cả tỉ năm phần lớn sống trên đại dương và các vùng thấp, những sinh vật đầu tiên này có cơ thể mềm yếu không tồn tại lâu dài và không hóa đá được.

3)- Theo tài liệu cổ của nhân chủng học trong quyển Đạo Phật và Khoa Học, trang 325 ghi:

Về động vật: Sự sống cách đây 4 tỉ năm, loài có vú đầu tiên cách đây 50 triệu năm.

Lại có khoa học gia tìm thấy trong lớp địa tầng ở Phần-Lan có bằng chứng về sự sống cách nay 3 tỉ 850 triệu năm từ những hạt khoáng chất do vi sinh vật tạo nên.

Về thực vật: Trước kia các nhà khoa học nghiên cứu về hóa thạch cho rằng loài thực vật có trên trái đất vào khoảng 425 triệu năm.

Nhưng mới đây Tiến sĩ Blair Hedges trưởng nhóm nghiên cứu của trường đại học Pennsylvania Hoa-Kỳ nói là loài nấm đất có từ 1.3 tỉ năm, loài rêu có từ 700 triệu năm; ông nói rằng thuở ấy trái đất còn bao phủ bởi băng hà, và sự có mặt của thực vật đã làm tăng lượng oxy và giảm lượng carbon dioxides trong khí quyển. Hiện tượng này kéo dài hơn 100 triệu năm, cho đến cách đây 530 triệu năm là thời kỳ băng hà chấm dứt; những loại động vật đầu tiên xuất hiện, được gọi là thời đột xuất Cambri Explosion; chính sự phong phú hiện diện của thực vật đã làm lượng oxy tăng lên đủ để động vật phát triển xương và có thân hình to lớn.

4)- Các nhà Nhân chủng học ngành huyết thống (đạo Phật và Khoa Học trang 262) cho rằng có hai chủng loại khác nhau:

- Chủng loại Lucy có 4 loại khác nhau cách đây từ 1 tới 4 triệu năm. Chủng loại Lucy đã tìm thấy bộ xương sọ ở Hadar, Phi châu.

- Chủng loại Homo cũng có 4 loại khác nhau cách đây từ 1 tới 3 triệu năm.

Năm 1980, Allan Wilson, Rebecca Cann, và Mark Stoneking đưa ra bằng chứng về Vi Năng tử DNA để nói rằng bà Tổ loài người xuất phát từ Phi-Châu cách đây 200,000 năm, rồi một số di cư tới Âu-Châu (Đạo Phật và Khoa Học, trang 265).

Nhưng giả thuyết này bị chống đối, nhà khoa học gia Ayala cho rằng người đàn bà Phi-Châu không thể coi là thủy tổ của tất cả nhân loại, mà di tử được truyền thừa từ nhiều tổ tiên chứ không phải một hay một số ít tổ tiên.

5)- Ông Robert L Drit thuộc đại học Yale Hoa-Kỳ tìm nguồn gốc tổ tiên bằng cách hoán chuyển Di-tử (Gene Mutual) trong những đoạn đặc biệt của dây nhiễm sắc (Chromosome Y), là những dây di truyền từ cha đến con. Bằng cách hoán chuyển với một tỉ lệ ngược thời gian nhiều thế hệ đến một

điểm mà nhân loại có một ông tổ chung; ông tính ra là 270,000 năm (Đạo Phật và Khoa Học, trang 267).

Nhưng ông Mike Hammer nói rằng ông Dorit chỉ nghiên cứu 38 người trên thế giới chưa đủ, cần nghiên cứu nhiều người khác nữa trên thế giới.

6)- Christ Turner 2, Giáo sư Nhân chủng học đại học Arizona Hoa-Kỳ nghiên cứu 250,000 chiếc răng cho rằng người tiền sử, nói rằng nếu con người hiện đại chỉ xuất hiện ở một nơi, thì nơi đó phải là vùng Đông Nam Á châu, vì những yếu tố ông thu thập được chứng minh như thế (Đạo Phật và Khoa Học trang 269).

Nhưng Chris Stringer, trưởng toán nghiên cứu nguồn gốc loài người tại Viện Bảo Tàng Lịch-sử thiên nhiên ở Luân-Đôn không đồng ý và cho rằng yếu tố thu thập về răng chỉ chứng tỏ rằng Á-Châu là nơi di cư tản mát của loài người sau khi xuất phát từ Phi-Châu.

LỜI BÀN VỀ KHOA HỌC:

Xem vậy, lâu lâu các nhà khoa học lại khám phá ra một điều mới lạ có liên quan đến nguồn gốc loài người, loài vật và thực vật; nhưng xem ra chưa phải là kết quả cuối cùng, thậm chí điều khám phá ra sau lại trái với điều khám phá ra trước, nhất là các con số đưa ra, làm cho người đọc lẫn lộn, bối rối, vì chưa rõ ràng. Có người bảo các nhà khoa học như những người mù sờ voi chỉ trúng một phần thôi chứ không trúng hết, nói vậy cũng là quá khoe khắt, dù sao, họ cũng đang chứng minh bằng khoa học thực nghiệm được một phần nào mà đức Phật đã dạy trước kia như có những sinh vật nhỏ bé trong nước, vũ trụ vô biên, thế giới vô số nhiều hơn cát sông Hằng v.v.....,

TẠI SAO CÓ NGƯỜI ĐẸP, CÓ NGƯỜI SỐNG LÂU?

(Trung A-Hàm, quyển 3, từ trang 747 đến 776)

Nghiệp là kết quả sự tổng hợp của các hành động trong quá khứ và hiện tại của con người. Chính chúng ta phải lãnh trách nhiệm về những hành động trước của chúng ta, chúng ta gặt hái quả tốt hay xấu tùy thuộc sự gieo nhân lành hay ác của chính chúng ta. Chính ta tạo ra Thiên-đường hay Địa-ngục cho ta, không ai đưa ta lên Niết Bàn được, cũng không ai đẩy ta xuống Địa ngục cả. Tất cả chúng-sanh đều mang theo cái nghiệp của chính mình như một di sản, như vật di truyền, như chỗ nương tựa. Chính vì cái nghiệp riêng biệt của mỗi người mỗi khác, nên mới có sự khác biệt giữa người này và người kia.

1) Nhân quả.

Sau đây là một số câu hỏi và trả lời có liên quan đến nghiệp quả của đời sống con người:

1- Tại sao có người đời sống ngắn ngủi, có người hưởng tuổi thọ lâu dài?

Những kẻ mà kiếp trước hay sát sinh, hung dữ, cực ác, uống máu, uống mật, ăn gan, ăn thịt chúng-sanh, cố ý sát hại chúng-sanh. Những kẻ ấy lại còn dạy bảo người sát sanh, khen ngợi sự sát sanh, thấy người khác giết người hại súc vật, sinh tâm vui thích, và mang tâm niệm xấu xa ác độc đối với chúng-sanh. Những kẻ ấy thọ lấy nghiệp ấy, tạo tác đầy đủ rồi, đến khi chết đi, chắc chắn đi đến chỗ dữ, sinh vào Địa-ngục rất lâu dài (trăm nghìn năm), chịu vô kể cực khổ; mãn kiếp Địa-ngục, lại được sinh vào nhân gian, sống đời sống ngắn ngủi.

Ngược lại, những người mà kiếp trước không sát sanh, không bảo người sát sanh, thấy người khác sát sanh khởi tâm thương xót và ngăn cản chê bai kẻ sát sanh; những người ấy có tâm từ-ái, và làm lợi ích mạng sống của tất cả chúng-sanh mọi loài. Những người ấy tạo nghiệp lành này, thọ nghiệp này đầy đủ, khi qua đời, chắc chắn đến cõi lành, sinh lên cõi Trời, sống rất lâu dài; khi mãn kiếp ở cõi Trời, người ấy lại sinh vào nhân-gian, và cũng lại có tuổi thọ lâu dài.

2- Tại sao người sinh vào gia đình thấp hèn, người sinh vào gia đình danh giá?

Người kiêu ngạo, ngã mạn, không tôn trọng người đáng tôn kính, khinh người, và không biết phục thiện; người ấy thọ nghiệp này rồi, tạo tác đầy đủ, đến khi chết, đi đến cõi dữ; mãn kiếp tại cõi dữ rồi, tái sinh vào nhân gian làm người đê tiện thấp hèn.

Người không ngã mạn kiêu ngạo, luôn luôn nhã nhặn lễ độ, biết tôn trọng người đáng tôn kính, và biết phục thiện; người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, khi qua đời, tiến đến chỗ lành ở cõi Trời hoặc cõi Người nơi gia đình sang trọng quyền quý. Nếu sinh lên cõi Trời, hưởng cuộc đời sung sướng rất lâu dài. Khi mãn kiếp ở cõi Trời, tái sinh vào cõi Người nơi gia đình quyền quý sang trọng.

3- Tại sao có người giàu, kẻ nghèo?

Do người nào không bố thí từ tiền bạc, của cải, thực phẩm, cho đến lời chỉ bảo lợi ích; người ấy luôn luôn keo kiệt ích kỷ, và không có lòng thương kẻ nghèo nàn khốn khổ; người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi chết, sinh vào nơi dữ; mãn kiếp tại nơi dữ, tái sinh vào nhân-gian, sống cuộc đời nghèo nàn thiếu thốn không của cải.

Ngược lại, người ưa làm bố thí từ tiền bạc, của cải, cho đến các lời chỉ bảo lợi ích; người ấy có lòng quảng đại đối với mọi người, và có tâm thương người nghèo khó; do lòng quảng đại rộng rãi, người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ, đến khi qua đời, sinh vào cõi Trời. Mãn kiếp ở cõi Trời rồi, tái sinh vào nhân-gian, người ấy tạo được nhiều của cải, và trở nên giàu có.

4- Tại sao có người vợ con bị hại, người vợ con không ai xâm phạm?

Nếu kẻ quen thói tà dâm, hay làm điều tà dâm như cướp vợ người khác, hãm hiếp đàn bà con gái v.v., kẻ ấy sau khi chết sẽ sinh vào cõi ác; mãn kiếp ở cõi ác rồi, tái sinh vào nhân gian, có vợ con bị người khác xâm phạm tiết trinh.

Ngược lại, nếu người không hề làm điều tà dâm, không dạy bảo người làm điều tà dâm, thấy người làm điều tà dâm không sinh tâm vui thích; người ấy sau khi qua đời, nếu sinh vào cõi Người có vợ con hiền hòa, xinh đẹp, thuận thảo, không bị người khác trêu chọc xâm phạm tiết hạnh.

5- Tại sao có kẻ hay gặp tai họa về tiền của, người không bị mất mát gì?

Những kẻ hay quen thói trộm cướp, cắp vặt, thích thú trong việc trộm cướp, cắp vặt, và luôn luôn nghĩ mưu kế để lừa đảo, cắp vặt dù đó là của công hay của tư. Mỗi khi trộm cướp lừa đảo cắp vặt thành công, người ấy

sinh tâm thích thú vui mừng; những kẻ ấy thọ nghiệp này rồi, tác thành đầy đủ, khi chết đi, sinh vào ba đường ác; mãi kiếp ở đường ác rồi, tái sinh vào nhân-gian, làm người thường có tai họa về tiền bạc, của cải hay bị mất mát.

Trái lại, những người không hề lừa đảo, trộm cướp, cắp vặt; không bảo người khác lừa đảo, trộm cướp, cắp vặt; không vui mừng khen ngợi khi thấy người khác lừa đảo trộm cướp, cắp vặt dù của công hay của tư cũng vậy; những người đó sau khi qua đời, sinh vào chỗ thiện, nếu sinh làm người thì tiền bạc của cải không thất thoát mất mát.

6- Tại sao có kẻ thường bị người khác chê, người được người khác khen?

Nếu có người thường hay quen thói nói dối, dấy bảo người khác nói dối, và khen ngợi vui mừng khi thấy người khác nói dối, người ấy sau khi chết, sinh vào cõi dữ. Mãi kiếp ở cõi dữ rồi, tái sinh làm người, người ấy sẽ bị những người khác chê bai dè bĩu đủ thứ.

Những người không nói dối, không bảo người khác nói dối, không khen, không vui khi thấy người khác nói dối; người này sau khi qua đời, sinh đến cõi lành, nếu sinh vào cõi Người sẽ được nhiều người khen ngợi.

7- Tại sao kẻ thường bị chống đối, người được người khác thuận hòa?

Những kẻ có thói quen nói hai lưỡi, hay đâm thọc, ly gián, và làm cho những người khác ghét nhau, thù nhau, hại nhau, và giết nhau; những kẻ này sau khi chết, sinh vào đường ác, khi mãi kiếp ở cõi ác, tái sinh làm người bị thân quyến, bạn bè xa lìa chống đối.

Ngược lại, những người không hề nói hai lưỡi, không bảo người khác nói lời đâm thọc, chê bai khi thấy người khác nói lời ly gián; những người này sau khi qua đời, sinh vào chỗ lành, nếu sinh làm người thì gia đình vợ (chồng) con đoàn tụ vui vẻ; anh em, bà con, bạn bè thương yêu gắn bó

8- Tại sao kẻ thường phải nghe tiếng xấu xa, người được nghe lời êm dịu?

Kẻ quen nói những lời thô lỗ, độc ác, như lời nguyên rủa, lời chửi mắng thậm tệ, và lời nhiếc mắng tàn nhẫn; kẻ này sau khi chết đi, sinh vào cõi ác, nếu tái sinh làm người, thường phải nghe những lời xấu xa ác độc, không sao tránh khỏi được.

Trái lại, người suốt đời không nói lời độc ác, không dạy bảo người khác nói lời độc ác, và chê bai khi nghe thấy người khác nói lời độc ác, như can

ngăn người hay chửi rủa nhiếc mắng người khác một cách thậm tệ; người này sau khi qua đời, nếu sinh lại làm người thì thường được nghe những lời êm dịu ngọt ngào.

9- Tại sao người này nói không ai tin, người khác nói có nhiều người nghe?

Những kẻ thích nói lời thêu dệt, như có một nói mười có mười nói một; những kẻ ấy nói không đúng sự thật, và làm cho những người khác nghi ngờ xích mích, hằn thù nhau vì những lời nói thêu dệt của mình; những kẻ này sau khi chết đi, sẽ sinh vào ác xứ. Đến khi mãn hạn ở ác xứ, tái sinh vào nhân-gian, làm người thì lời nói không được tin dùng, đề nghị chẳng có ai nghe theo.

Ngược lại, những người không bao giờ nói lời thêu dệt, không bày vẽ cho người khác nói thêu dệt, và cũng can ngăn khi thấy người khác nói thêu dệt; sau khi qua đời, nếu những người ấy tái sinh làm người, thì lời nói sẽ được người khác tin dùng, và lời đề nghị sẽ được mọi người nghe theo.

10 Tại sao có người đàn độn ngu si, có người lanh lẹ thông minh?

Người nào không chịu học hỏi, tìm hiểu, nghiên cứu; không chịu gần người có tài đức để học hỏi các điều phải trái, lành ác; giả thử người ấy có học hỏi, nhưng không thực hành theo lẽ phải đã được chỉ dẫn. Người ấy sau khi chết nếu được tái sinh làm người sẽ có đầu óc đàn độn ngu si dốt nát.

Mặt khác, người thích học hỏi, nghiên cứu, tìm tòi; ưa gần gũi người tài đức để học hỏi các điều phải trái, thiện ác. Học hỏi rồi, người ấy ghi nhớ và thường thực hành; người ấy thọ nghiệp này, tác thành đầy đủ rồi, đến khi qua đời, tiến đến chỗ lành, sinh vào cõi Trời hay cõi Người là người hiểu biết mau lẹ, trí óc thông minh.

11- Tại sao có người mặt xấu xa, có người đẹp dễ dễ yêu?

Nếu kẻ hay thô lỗ, cộc cằn, luôn luôn giận dữ, nhẫn nhó, khó chịu. Kẻ ấy hay gây gổ, và tìm đủ cách để gây thù kết oán. Do sự giận dữ, cộc cằn ấy, sau khi chết, nếu tái sinh làm người sẽ có thân hình, mặt mũi xấu xí. Nếu người thanh tao nhã nhặn, không hề giận dữ gây gổ với bất cứ ai, do kết quả của sự thanh tao và không giận dữ cộc cằn ấy, sau khi qua đời, nếu tái sinh lại nhân-gian, người ấy sẽ có thân hình rất đẹp dễ, mặt mũi dễ yêu.

12- Tại sao kẻ không ảnh hưởng tới ai, có người làm gì cũng có người theo?

Kẻ nào hay đổ kị, thêm muốn lợi danh của người khác, và luôn luôn chấp chứa lòng ganh tị với kẻ khác; do kết quả của tính tật đổ ganh tị ấy, sau khi chết, nếu tái sinh làm người, sẽ là người không có ảnh hưởng, nói gì, làm gì cũng không có người theo.

Ngược lại, người nào không có tính tật đổ, không thêm muốn lợi danh của người khác, và không chứa chấp lòng ganh tị, do lòng không tật đổ, không ganh tị, và không thêm muốn ấy, sau khi qua đời, nếu sinh lại vào cõi Người, sẽ là người có thể lực, nói gì, làm gì cũng có người theo.

2) Những điểm cần biết về nghiệp.

1- Nghiệp hiện tại nhân tiền.

Có trường hợp quả xảy ra ngay sau khi nhân đã gieo, Quyền Đức Phật và Phật Pháp, trang 377, ghi có hai loại:

- Quả lành trở trong kiếp hiện tại:

Có hai vợ chồng nhà kia rất nghèo, chỉ có một cái áo, khi chồng có việc đi đâu, cần áo mặc vợ phải ở nhà; ngược lại, nếu vợ cần đi chồng phải ở nhà.

Một hôm, người chồng đi nghe thuyết pháp, lấy làm vui vẻ thỏa thích, ông nảy sinh ra ý muốn cúng dàng đức Phật chiếc áo duy nhất ấy, nhưng ông lại sợ nhớ tới người vợ ở nhà. Sau khi nghe thuyết pháp xong, ông bèn lễ chào Phật rồi ra về; vừa tới nhà, ông bèn nói những gì Phật đã thuyết pháp giảng dạy cho người vợ nghe, xong ông nói ý định cúng dàng chiếc áo cho Phật. Người vợ sau khi nghe hoan hỷ nói:

- Sao ông không cúng dàng ngay, còn về hỏi tôi làm gì? Ông hãy: mau mau đem chiếc áo đến cúng dàng đi, chúng ta không cần đi đâu cả, chúng ta sẽ tạo ra chiếc áo khác sau này.

Được vợ đồng lòng và khuyến khích như thế, người chồng vội vã đem chiếc áo ấy đến cúng dàng đức Phật, trong khi ông ta ở trần!

Câu chuyện này lọt đến tai Vua, Vua lấy làm cảm động, Ngài liền truyền lệnh ban cho vợ chồng ấy ba mươi hai bộ quần áo mới. Hai vợ chồng nhà kia chỉ lấy mỗi người một bộ quần áo, còn lại bao nhiêu họ đem cúng dàng Phật!

- Quả dữ trở trong kiếp hiện tại:

Một người thợ săn dắt bầy chó dữ vào rừng kiếm súc vật, gặp một tu-sĩ đang đi tới trên đường; đi cả buổi không săn được gì, người thợ săn lấy làm bức tức cho rằng vì gặp đạo sĩ lúc đi giữa đường nên xui xẻo. Đến khi trở về cũng lại gặp đạo sĩ ấy nữa, người thợ săn nổi giận nói:

- Vì sáng nay ta đi săn gặp người nên xui quấy, không bắt được con mồi nào phải về không! Cho người biết tay ta .

Rồi hắn xua đàn chó cho cắn, mặc dù vị tu-sĩ năn nỉ rằng:

- Không phải gặp tôi mà anh xui xẻo, xin anh đừng xua chó cắn tôi.

Nhưng người ấy không bớt tức giận, vẫn xua chó xông tới cắn; không còn cách nào khác, vị tu-sĩ liền tức tốc chạy và trèo lên cây gần đấy để tránh bầy chó dữ; người thợ săn trông thấy thế, cơn giận càng gia tăng, bèn chạy đến gốc cây dương cung bắn lên trúng nơi chân vị tu-sĩ. Trong lúc đau đớn và sợ hãi mất bình tĩnh, vị tu-sĩ đánh rơi cái áo choàng ngoài đang cầm nơi tay. Chiếc áo choàng rộng rơi xuống trong gió tung bay trùm lên đầu mình người thợ săn. Bầy chó dữ thấy một người đang lúng túng trong chiếc áo choàng, chúng ngỡ là vị tu-sĩ, nên áp lại cắn chủ mình!

2- Tại sao có khi quả trở trái ngược với nhân đã gieo?

Nhân lành tạo quả lành, nhưng nếu đã gieo nhân lành mà còn hối tiếc, thì quả trở không được tương xứng với nhân đã gieo; quyển Đức Phật và Phật Pháp do Phạm-Kim-Kính dịch, trang 396 viết:

Một hôm, vua Ba-tư-Nặc nước Xá-Vệ đến viếng đức Phật và thưa rằng:

- Thưa đức Thế-Tôn, tại thành Xá-Vệ có một người giàu có vừa qua đời mà không có người thừa kế. Vì lẽ ấy, tất cả tài sản của ông ta gồm hàng trăm thoi vàng, hàng nghìn nén bạc, ruộng đất, nhà cửa, và các bảo vật của cải khác, đều được sung công vào kho của nhà nước. Thưa đức Thế-Tôn, người giàu có ấy, khi còn sinh tiền sống thật là kham khổ, ăn chỉ cơm hẩm (gạo cũ rẻ tiền) với muối tương cà; mặc chỉ dùng vải thô may bằng chỉ gai; còn di chuyển chỉ có một cái xe cũ kỹ với con ngựa gầy còm ốm yếu.

Đức Phật bảo Vua:

- Mặc dầu vậy, trong một tiền kiếp người giàu có ấy thường để bát cúng dàng một vị Độc-Giác Phật. Tuy để bát cúng dàng, nhưng ông không hề quan tâm đến công đức ấy. Ông ngồi chễm chệ trên ghế kê người làm mà bảo: *“Hãy đem thức ăn ra cho vị đạo-sĩ”*, rồi ông đứng dậy bỏ đi. Ông lại có ý hối tiếc vì đã bố thí và tự nói thầm: *“Phải chi ta để dành thức ăn ấy*

cho kẻ ở người ăn trong nhà còn hơn”; ngoài ra, ông còn giết chết một người con của em ông để chiếm đoạt tài sản.

Do quả lành của sự bố thí cúng dường, ông tái sinh bảy lần trong cõi Trời. Cũng do quả lành ấy, ông tái sinh bảy lần làm người giàu có tại thành Xá-Vệ này. Vì ông đã hối tiếc về sự cúng dàng, nên mặc dù giàu có, ông không được toại hưởng sự nghiệp vĩ đại ấy. Ăn không dám ăn ngon, mặc không dám mặc đẹp, ông luôn luôn lo sợ hết của, nên không dám dùng tiền để tạo tiện nghi cho đời sống vật chất.

Vì đã giết chết một người con của em để tranh đoạt tài sản, người giàu có ác độc ấy đã phải chịu đau đớn khổ sở nơi Địa-ngục vài nghìn năm. Và cũng vì hành động ác độc ấy, ông phải chịu tuyết dòng trong bảy kiếp liên tiếp; do đó bao nhiêu của cải tài sản của ông trong bảy kiếp đều phải bị sung vào quốc khố.

3- Tạo nghiệp gì sinh cõi trời?

Nếu người nào tin nơi Tam-Bảo (Phật Pháp Tăng), người làm mười điều lành, không tham lam, không tức giận thù hận, không tà kiến tức là tin ở nhân quả, luân hồi, v.v..

Người ấy còn làm các việc phúc đức khác như phụng kính cha mẹ, giúp đỡ các kẻ nghèo hèn, bệnh hoạn, luôn luôn có tâm thương tất cả chúng sanh khổ ải; người ấy sau khi chết liền được sinh lên cõi Trời bằng hóa sinh, hưởng vui thú ngũ dục nhiệm màu. Muốn ăn gì chỉ cần khởi sinh niệm tưởng là có ngay thứ mình muốn; muốn mặc quần áo đẹp cũng vậy, chỉ cần nghĩ tưởng đến thứ quần áo mình muốn là có ngay, tự nhiên biến hóa ra, không phải làm lụng chi cả. Lại có đủ năm thứ thần thông về thân biến hóa, mắt thấy suốt thông, tai nghe thấu suốt, mũi ngửi xa muôn dặm, và ý tưởng muốn gì được ấy. Cuộc sống luôn luôn hưởng lạc an vui tự tại, và có đời sống rất dài lâu.

4- Tạo ác nghiệp gì đọa Địa-ngục?

Người phạm tội ngũ nghịch (Giết cha, giết mẹ, khởi ác hại Phật, giết thánh Tăng Ni, phá rối Tăng đoàn), người làm mười điều ác, hoặc sai khiến, xui giục, mưu mẹo để người khác làm các điều ác, hoặc vui thích khi thấy nghe người khác làm các điều ác. Người như vậy sau khi chết chắc chắn phải đọa sinh vào Địa-ngục chịu vô lượng cực hình khổ trong thời gian lâu dài triền miên hàng trăm nghìn năm. Mãn kiếp ở địa-ngục rồi, tùy theo tội

nặng nhẹ còn dư, có thể tiếp tục phải sinh vào loài Súc-sanh, Ngạ-quỷ, hay làm người khôn khổ.

5- Tạo ác nghiệp gì đọa làm Ngạ-quỷ?

Người lừa đảo, dối gạt, trộm cắp của tư hay công, hay bảo người khác lừa đảo dối gạt trộm cắp, hoặc thấy người khác lừa đảo dối gạt trộm cắp sinh lòng vui thích; người này còn bòn sẻn tham tiếc không cứu vớt người hoạn nạn nghèo khổ cầu cứu, lại còn sân hận, mắng nhiếc người hoạn nạn nghèo khổ đủ điều thậm tệ. Người như vậy sau khi chết hóa sinh vào loài Ngạ-quỷ, Ma đói, có đầu lớn, cổ nhỏ tí, bụng lại to như cái trống, ăn nuốt không được nên luôn luôn đói khát khổ sở vô cùng.

6- Tạo ác nghiệp gì đọa làm Súc-sanh?

Người hay giết hại súc vật, ăn tươi nuốt sống súc vật, đánh đập hành hạ và coi rẻ sinh mạng súc vật như cỏ rác; người như thế khi chết sẽ sinh vào loài súc vật để đền mạng oan trái đã gây ra. Lại có kẻ vay mượn tiền bạc không trả, lường gạt, quyt nợ, cướp đoạt tiền của của người khác, biển thủ của công; người như thế, sau khi chết phải đọa làm loài Súc-sanh hoặc làm người hầu hạ để đền nợ cũ.

3) Căn bản về nhân quả:

Trong Kinh Pháp-Cú viết: **“Dù có bay lên trời cao, lặn xuống biển sâu, hay trốn vào hang núi, cũng không thể trốn khỏi quả dữ của nghiệp báo đã gây ra”**.

Mặc dù nghiệp quả luôn luôn theo ta như hình với bóng, nhưng không phải vì thế mà ta nói nghiệp giống như số-mạng đã an bài. Ta cũng không thể nói nghiệp giống như tiền-định do một oai lực vô hình huyền bí đã quyết định, đã an bài, không thay đổi, ta phải thúc thủ tuân theo một cách tuyệt đối; trái lại, ta biết nghiệp quả báo là có, nhưng ta có thể tạo ra phản ứng mới để hòa dịu nghiệp lực cũ. Ta có đủ năng lực để chuyển phần nào cái nghiệp của ta theo ý muốn, và chuyển đến mức độ nào tùy chỉ nơi ta, do ta, không do bất cứ năng lực bên ngoài nào khác; như vậy, ta không bắt buộc phải nhận lãnh tất cả những gì đã gây ra, trong một tình trạng nào đó với sự cố gắng làm các điều lành một cách chính đáng, có thể sửa đổi cái nghiệp của ta.

Trong Kinh Tăng Nhất A-Hàm có câu: *“Nếu cho rằng con người phải hoàn toàn gặt hái tất cả những hành động trong quá khứ, thì không thể có đời sống đạo đức, và con người cũng không thể có cơ hội để tận diệt phiền*

não. Nhưng nếu nói rằng quả gặt tương xứng với nhân ắt có đời sống đạo đức, con người sẽ có cơ hội đập tắt khổ não”.

Chúng ta thấy nghiệp báo nhân quả không cứng nhắc cố định mà chuyển biến linh động, và đây cũng là luật biến hóa chung của con người và vũ trụ; nhờ sự chuyển biến nên sự vật trở thành thế này hay thế khác, con người mới có sự khác biệt giữa người này và người kia. Một đứa nhỏ có tính gian xảo thường trộm cắp, nói dối, nếu cha mẹ, người trong gia đình biết giáo dục theo đường lối tốt, đứa nhỏ ấy sẽ dần dần bỏ tính xấu, và lớn lên trở thành người lương thiện. Một người có nhiều tâm lành, nhưng không tạo điều kiện cho nó tăng trưởng, lại rủi ro gây phải một việc xấu, thì vẫn dễ dàng bị lui sụt sa đọa. Một người khi mới sinh ra dù đã tạo nhiều điều ác và mang nhiều nghiệp dữ, nhưng nếu người này biết hướng thiện, làm các việc lành, thì nghiệp dữ trước kia dần dần rửa sạch.

Khi gieo nhân, con người còn có nhiều yếu tố trợ duyên hay thuận duyên, nghịch duyên hay chướng duyên, những duyên này góp phần vào nhân ấy để quyết định vào quả báo; có thể, một người làm điều tốt nhỏ, nhưng lại gặt được quả báo lớn, tại sao? Vì một người làm việc lành nhỏ, nhưng lại luôn luôn thỏa thích hoan hỷ việc làm của mình, vui thích lâu dài với việc làm ấy thì phúc quả sẽ to lớn hơn; nếu một người làm việc dữ, nhưng suốt ngày đêm ăn năn hối hận, luôn luôn bức rức khó chịu vì đã phạm tội làm việc ác. Người ấy còn thề nguyện sẽ không bao giờ tái phạm nữa, chính cái tâm ăn năn hối hận ấy đã làm cho quả báo nhỏ đi, nhẹ đi.

Một người có trí làm điều xấu, tội nhẹ, vì người trí hiểu biết đó là việc ác, tội ác, nên tìm cách này hay cách khác làm cho tội ấy giảm nhẹ đi; còn kẻ ngu dù làm tội ác nhỏ, nhưng không nhận biết đó là việc ác, tội ác; nên càng lún sâu vào làm ác, kết quả là tội ác càng nặng nề hơn; bởi vậy, chuyện nhân quả xảy ra muôn mặt, muôn chiều, chứ không đơn giản đâu.

Vì vậy: nếu bảo làm nhân gì phải trả quả ấy, tức nhân quả cố định, thì tu hành không có công dụng gì sao? Những người chủ trương định mạng cố định, thiên định đã cố định như vậy dù có tu hành hay không cũng chẳng thêm bớt được gì, vô tình họ đưa con người vào đường đen tối, tuyệt vọng, yếm thế, chịu bó tay, hết hy vọng cải thiện, đó là một chủ trương không giúp ích gì cho nhân loại cả.

Những bằng chứng cho sự sửa đổi nghiệp báo dữ còn được ghi lại rất nhiều trong Kinh như:

- Trong Tập A-Hàm, quyển 3, trang 661, nói có tên sát nhân Angulimala nghe theo tà giáo đã giết chín trăm chín mươi chín người, rồi chặt mỗi người lấy một ngón tay khâu thành chuỗi. Khi gặp Phật, Angulimala định bắt giết Phật để cho đủ một nghìn ngón tay, nhưng Phật dùng thần thông khiến cho hắn không sao đuổi kịp, lúc đó Phật bắt đầu giáo hóa, và làm cho hắn thức tỉnh u mê; sau nhờ tu tập mà trở thành một vị A-La-Hán, và thoát khỏi quả dữ của hành động ác ấy.

- Quỷ Dạ-Xoa Alavaka hung ác, thường giết hại rất nhiều người, đã từ bỏ thói hung ác ấy, và cố gắng tu hành, sau cũng đắc quả Tu-đà-Hoàn là bậc Thiền thứ nhất trong bốn Thiền định.

Tóm lại, những người tu mà chưa thấy tánh, có thể đổi nghiệp một phần; còn người đã kiến tánh thì tiêu diệt hết nghiệp, người đạt đạo đối với nghiệp như mặt trời giọi sương tuyết, như lửa đốt lá cây khô, tan biến, cháy tiêu mất luôn....

ĐỨC PHẬT NÓI:

Đêm dài đối với người không ngủ, người mệt mỏi thấy đường xa. Đối với kẻ ngu si điên cuồng không hiểu chân lý cao siêu, con đường luân hồi quả thật xa xôi.

NI SƯ ĐẠI ÁI ĐẠO NHẬP NIẾT-BÀN

(Tăng-Nhất A-Hàm, quyển 3, từ trang 573 đến 584)

Ni Sư Đại Ái Đạo là người nuôi dưỡng Phật từ lúc mới sinh ra sau khi Phật mẫu qua đời, sau này bà được Tôn-giả A-Nan xin Phật cho phép bà được thành lập Ni đoàn với điều kiện phải tuân thủ những điều lệ do Phật đưa ra; từ đó, bà điều hành Ni đoàn tu hành một cách tinh tấn nghiêm trang, và đã có tới 500 vị Ni là bậc A-La-Hán (bậc Thánh).

Khi Bà và Ni đoàn đang ở chùa Cao-Đài trong thành Tỳ-Xá-Ly, bà nghe một vị Tỳ-kheo nói: *“Không đầy 3 tháng nữa, đức Thế-Tôn sẽ Niết-Bàn tại rừng Sa-La nước Câu-Thi Na-Kiệt”*. Bà liền nghĩ: *“Ta không kham nhìn thấy Như-Lai diệt độ, nay ta nên diệt độ trước”*. Bà liền đi đến chỗ Phật tại giảng đường Phổ-hội xứ Tỳ-Xá-Ly, cúi lạy rồi nói:

- Con nghe Thế-Tôn sẽ diệt độ tại rừng Sa-La xứ Câu-Thi Na-Kiệt. Nay con không kham thấy Thế-Tôn diệt độ. Cúi xin Thế-Tôn cho con diệt độ trước.

Khi ấy đức Phật im lặng chấp thuận, bà Đại Ái-Đạo nói:

- Từ nay, con không còn thấy tôn nhan Thế-Tôn, cũng không còn thấy chư Phật tương lai nữa. Con không còn tái sinh, vĩnh viễn ở chỗ an vui.

Bà Đại Ái-Đạo làm lễ dưới chân Phật xong đi quanh Phật bảy vòng, đi quanh đại chúng Tỳ-kheo ba vòng rồi lui; bà trở về bảo các Tỳ-Kheo Ni:

- Ta muốn vào Niết Bàn vô vi, vì Thế-Tôn chẳng bao lâu sẽ diệt độ, các vị nên tùy nghi.

Khi đó Tỳ-kheo Ni Sai-Ma hướng dẫn 500 Tỳ-Kheo Ni đến chỗ Phật, tất cả làm lễ Phật, rồi Ni-Sư Sai-Ma thưa:

- Chúng con nghe nói Thế-Tôn không bao lâu nữa sẽ diệt độ, chúng con không kham nhẫn thấy Thế-Tôn diệt độ. Cúi xin Thế-Tôn cho phép chúng con diệt độ trước. Nay chúng con vào Niết Bàn chính là phải lúc.

Đức Phật im lặng chấp thuận, các Tỳ-kheo Ni thấy Phật hứa khả, liền làm lễ Phật, đi nhiễu quanh ba vòng rồi trở về. Trong khi ấy, Ni-Sư Đại Ái-Đạo trải tọa cụ tại nơi đất trống, bay lên hư không; ở trong hư không, bà ngồi, nằm, đi, đứng, nửa thân dưới phát ra khói, nửa thân trên phát ra lửa, hoặc nửa thân dưới phát ra nước, nửa thân trên phát ra khói, hoặc nửa thân

dưới phát ra lửa, nửa thân trên phát ra nước. Hoặc hông bên phải tuôn ra lửa, hông bên trái tuôn ra khói, hoặc hông bên phải tuôn ra nước, hông bên trái tuôn ra lửa, hoặc hông bên phải tuôn ra khói, hông bên trái tuôn ra nước; hoặc phía trước phun khói, phía sau phun nước, hoặc phía trước phun lửa, phía sau phun khói, hoặc phía trước phun nước, phía sau phun lửa; hoặc toàn thân phóng lửa, hoặc toàn thân phóng khói, hoặc toàn thân phóng nước.

Sau khi làm đủ thứ biến hóa, bà Đại Ái-Đạo trở xuống tòa ngai kiết già, vào chính định nhập từ Sơ thiên cho tới Tướng tri diệt (10 bậc thiên). Lại từ Tướng tri diệt trở lại tới Sơ thiên. Rồi lại từ Sơ thiên lên tới tứ thiên, liền diệt độ; khi ấy trời đất chấn động, nhạc trời nổi lên, muôn hoa trời rải xuống chỗ đạo tràng, bấy giờ Ni-Sư Đại Ái-Đạo đã 100 tuổi thọ.

Tỳ-kheo Ni-Sư Sai-Ma và 500 Ni, đều là bậc thượng thủ về đến nơi thì Ni-Sư Đại Ái-Đạo đã diệt độ xong. Mỗi vị đều trải tọa cụ nơi đất trống theo thứ lớp, rồi cùng bay lên hư không. - trên hư không ngai, nằm, đứng, đi, làm 18 phép thần biến (như trên đã diễn tả), rồi tất cả đều trở về tòa ngai kiết già nhập Sơ thiên cho tới Tướng tri diệt, và cho tới diệt độ; lúc ấy, trời đất chấn động, nhạc Trời nổi lên, muôn hoa Trời rải xuống chỗ đạo tràng.

Trong khi ấy trong thành Tỳ-Xá-Ly có Đại tướng Du-Da-Đề và năm trăm thanh niên đang tụ họp. Từ xa, họ trông thấy cảnh Tỳ-kheo Ni làm 18 phép thần biến trên không trung như thế, thì họ ngạc nhiên, vui mừng, vỗ tay vái về phía ấy.

Lúc ấy Thế-Tôn bảo Tôn-giả A-Nan:

- Thầy đến chỗ Đại-tướng Da-Du-Đề bảo hoan hỷ sắm cho: *“Giường nằm, bình tô lặc, bình dầu, xe hoa, xe hương, xe gổ củi cho đủ để thiêu 500 người, vì bà Đại Ái-Đạo và 500 Tỳ-kheo Ni đã diệt độ”*.

Tôn-giả A-Nan nghe thì buồn khóc than *“Bà Đại Ái-Đạo và chúng Tỳ-kheo Ni sao diệt độ nhanh chóng thế!”*, Tôn-giả liền đến chỗ Đại-tướng, Đại-tướng thấy Tôn-giả đến, liền chào hỏi:

- Chào Tôn-giả A-Nan, Tôn-giả đến đây thật rất quý, Tôn-giả muốn dạy điều gì mà đến bất ngờ thế này?

Tôn-giả A-Nan nói:

- Chào Đại-tướng, tôi do Phật sai đến.

Rồi Tôn-giả nói cho Đại tướng nghe tất cả những điều Phật đã bảo, Đại tướng nghe nói xong thì buồn khóc mà nói:

“Ni-Sư Đại Ái-Đạo, Ni-Sư Sai-Ma, và năm trăm Tỳ-kheo Ni diệt độ nhanh chóng quá, từ nay ai sẽ giáo hóa và chỉ dạy chúng tôi bố thí?”

Sau khi Tôn-giả A-Nan ra về, Đại-tướng cho sắm sửa chuẩn bị đầy đủ các thứ cần thiết xong đi đến chỗ Phật, cúi lạy rồi thưa:

- Thế-Tôn chỉ dạy con chuẩn bị các thứ, nay đã xong.

Phật bảo:

- Ông hãy đến chùa Cao-Đài để đưa thân bà Đại Ái-Đạo và năm trăm Tỳ-kheo Ni ra khỏi thành đến chỗ đất trống, Ta muốn cúng dường Xá-lợi ở đó.

Đại-tướng Da-Du-Đề đáp:

- Xin vâng, thưa Thế-Tôn.

Đại-tướng liền đến chỗ đạo tràng của bà Đại Ái-Đạo, thấy các vị Tỳ-kheo Ni vẫn ngồi kiết già mà tịch, Đại-tướng bảo năm trăm thanh niên cùng nhau đưa các vị lên giường.

Cùng lúc ấy Phật dẫn chúng Tỳ-kheo đến, Thế-Tôn bảo Tôn-giả A-Nan và La-Vân:

- Các thầy khiêng thân của bà Đại Ái-Đạo lên giường, ta sẽ đích thân cúng dường.

Khi ấy Phạm Thiên Vương, Đế-Thích, biết ý Thế-Tôn, liền đem theo Thiên chúng đến cúi lạy rồi mỗi vị đứng một bên Phật. Tỳ-sa-môn Thiên vương đem theo Quý Thần Dạ-xoa. Đề-địa Lại-tra Thiên Vương đem theo Càn-thát-bà. Tỳ-lâu-lặc Thiên Vương đem theo Cưu-bàn-trà. Tỳ-lâu-ba-xoa Thiên vương đem theo Long Thần. Và các chư Thiên các tầng Trời đều đến chỗ Thế-Tôn cúi lạy (Chỉ có người nào đã đắc lậu tận mới nhìn thấy các thành phần vừa nêu ra).

Thích-đề-hoàn-nhân và Tỳ-sa-môn Thiên vương trước Phật vái rồi nói:

- Cúi xin Thế-Tôn, chớ nhọc thân, chúng con sẽ cúng dường Xá-lợi.

Phật bảo:

- Thôi, thôi, Thiên vương, Như-Lai tự biết; đây là việc Ta phải làm, chẳng phải hàng Trời, Quý Thần, Rồng mà làm được, vì sao? Cha mẹ sinh con

nhieu lợi ích cho con, ân trọng dưỡng nuôi, bú mớm ẵm bồng, cần phải báo ân; như thế, Như-Lai nên tự cúng dường, chẳng ai làm thay được.

Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo năm trăm Quỷ đi lấy củi thơm chiên đàn, các Quỷ liền mau chóng đi lấy mang tới chỗ hỏa thiêu.

Khi ấy, Thế-Tôn khiêng một chân giường, Nan-Đà, A-Nan, La-Vân mỗi người một chân, bay lên hư không đến chỗ hỏa thiêu (Đây là do thần lực của Phật, vì Tôn-giả A-Nan chưa có thần thông). Bốn chúng có Chư Thiên Thần hỗ trợ khiêng 500 Thánh Ni đến chỗ hỏa thiêu; tất cả Trời người, Thần, Quỷ, Long và nhân dân đến chỗ trà-tỳ có vô số kể, không thể tính hết được.

Khi tới nơi Quỷ đã mang một số củi chiên đàn tới trước rồi, Thế-Tôn lấy củi chiên đàn chất trên thân bà Đại Ái-Đạo và mọi người cũng làm cũng lấy gỗ củi chất lên thân năm trăm Tỳ-kheo Ni. Sau khi hết thấy năm trăm thân Xá-lợi Thánh Ni hỏa thiêu xong, Thế-Tôn nói Kệ:

Tất cả hành vô thường,
Có sinh ắt có diệt,
Không sinh thời không diệt,
Diệt này là vui tốt.

Đức Phật bảo Đại-tướng:

- Nay ông đem Xá-lợi của năm trăm Tỳ-kheo Ni xây tháp để mọi người tưởng nhớ, sẽ được phúc vô lượng.

Rồi Thế-Tôn nói pháp vi diệu, khuyến khích cho Chư Thiên và nhân dân được hoan hỷ; có vô số Trời, Người được dứt trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, tất cả đều vui vẻ cúi lạy Phật rồi ra về; Đại-tướng Da-Du-Đề sau đó cho nhặt Xá-lợi đem về xây tháp để mọi người tưởng nhớ.

Ghi chú: Trước đó, hai Tôn-giả Thượng-thủ của Phật là Đại-Trí Xá-Lợi-Phất và Đại Mục-Kiên-Liên cũng đã nhập diệt không lâu)...

ĐẠI HỎA, THỦY, PHONG TAI, PHỤC SINH CỦA QUẢ ĐẤT

(Trường A-Hàm, quyển 2, từ trang 429 đến 456)

Trước khi đề cập tới ba đại tai họa, chúng ta nên biết rằng có những sự kiện xảy ra rất lâu dài, có thể nói là rất lâu dài hàng nhiều tỷ năm, đó là:

- Từ khi Thái-Dương hệ (hệ thống mặt trời) được thành lập rồi, trong thời gian Thái-Dương hệ tồn tại cho tới khi bị tiêu diệt, thời gian ấy rất lâu dài. (Một nhà khoa học nói: *“Thái-Dương hệ của chúng ta có đời sống mười tỷ năm, và hiện tại nó đã sống được một nửa rồi”*).
- Từ khi Thái-Dương hệ bị tiêu diệt tới khi được thành lập trở lại rất lâu dài.
- Trong khi Thái-Dương hệ vẫn tồn tại, nhưng quả đất mà chúng ta đang ở phải trải qua những đại tai họa là Hỏa tai, Thủy tai, và Phong tai (Về các điểm này chưa thấy nhà khoa học nào nói tới?). Thời gian xảy ra mỗi đại tai họa ấy cũng không phải là ngắn, sẽ được trình bày dưới đây:

1)- Đại Hỏa tai :

Tới một lúc nào đó, không còn mưa nữa, các loại cỏ cây khô héo dần; sau một thời gian, tự nhiên có mặt trời thứ hai xuất hiện, khiến cho cây cối đều chết dần; các kinh, rạch, ao, hồ nhỏ, sông nhỏ đều khô cạn. Tiếp theo, mặt trời thứ ba xuất hiện, đến lúc này cây cối đều chết khô hết cả, các hồ, sông lớn đều khô cạn, nước biển cạn mất 1/4.

Sau đó, mặt trời thứ tư xuất hiện, các hồ sâu lớn cạn sạch, nước biển vơi đi khoảng phân nửa; rồi mặt trời thứ năm hiện ra, nước bốn biển lớn cạn dần tới gần hết; lúc mặt trời thứ sáu xuất hiện, năm châu bốn biển không còn một giọt nước, khô hết!

Sau chót, mặt trời thứ bảy xuất hiện, thì ôi thôi! cả cõi trần gian cỏ cây, nhà cửa, kiến trúc v.v.. cho đến tám vạn chư Thiên, núi lớn núi nhỏ, núi chúa Tu-Di, ao vườn, cây trái, lâu đài cung điện, thành quách chư Thiên v.v..., tất cả đều bốc khói rồi cháy tiêu tan. Lửa cháy từ đại địa lên tới A-Tu-La, Tứ Thiên Vương, cung Trời Đạo-Lợi, cung Trời Diêm-Ma, cung Trời Đâu-Xuất, cung Trời Hóa Tụ-Tại, cung Trời Tha-Hóa Tụ-Tại, cung Trời Phạm,

tức là cháy hết Sơ thiên. Hết thấy đều bùng bùng như một khối lửa hồng khổng lồ, chẳng có cách gì dập tắt được nữa!

Trong khi đó lại có gió thổi hùng hực ngọn lửa đỏ lên đến tận giáp cung Trời Quang-Âm (Nhị thiên), các vị Thiên-Tử mới sinh ra ở cõi ấy trông thấy lửa cháy bùng bùng như thế lấy làm lo sợ và nói: “*Ôi vật gì thế? vật gì thế kia mà lớn quá?*”. Các vị Thiên-Tử sinh trước nói: “*Đừng sợ, đó là lửa, lửa ấy chỉ đến ngang đây là ngừng lại, chớ sợ*”.

Khi lửa đã đốt tiêu tan tất cả, thì từ núi Chúa Tu-Di, núi lớn, núi nhỏ, của chư Thiên đều tiêu tan. Thành quách, lâu đài, cung điện, vườn ao, cây Trú-Độ, các tảng đá v.v... của các cung Trời, cho đến nhà cửa, kiến trúc cây cối, của cải, vật dụng v.v... ở thế gian đều thiêu rụi hết sạch chẳng còn gì cả!

Đại tai họa này đã xảy ra trong một thời gian lâu dài (Giai đoạn Hoại = 336 triệu năm). Hỏi rằng, có cái gì có thể chống đỡ nổi đại Hỏa tai khủng khiếp như thế? Có ai đang tâm gây ra như vậy, chẳng ai gây ra cả, đó chỉ là thành trụ hoại không của quả đất hay sự tuần hoàn của vũ-trụ mà thôi; có cách gì chống đỡ nổi chẳng, ai tin cảnh đại Hỏa tai này? Qua thời gian lâu dài: lửa tắt, các mặt trời dần dần biến mất, đại địa nguội đi, nhưng còn gì đâu; không một giọt nước, đại địa như chết, ai mà tin được việc này? Chỉ ai riêng thấy tự mình biết việc xảy ra, chỉ có Phật thấy cảnh đại Hỏa tai này mà thôi.

2)- Đại Thủy tai :

Tới một lúc nào đó, những vàng mây đen hiện khắp nơi cho đến khắp cõi Quang-Âm Thiên, tức là hết Nhị thiên, giáp tới cõi Biến-Tịnh Thiên; rồi mưa tuôn xối xả, những hạt mưa nóng như nước sôi rơi trong cuồng phong bão táp làm thành những mũi tên phá đốt thiêu rụi tan tác các lâu đài, cung điện cõi Quang-Âm Thiên, cõi Phạm-Thiên.

Mây đen vẫn vùn vụt, nước vẫn sôi bỏng, gió bão vẫn quay cuồng, mưa vẫn nổi tiếp đốt phá các lâu đài cung điện cõi Tha-Hóa Tự-Tại, cõi Hóa Tự-Tại, rồi cõi Trời Đâu-Xuất, cõi Trời Diệm-Ma, tất cả đều tan nát chẳng còn gì.

Mây đen vô tận vẫn bao phủ, mưa tuôn nước nóng bỏng không ngớt bắn phá các thành quách, lâu đài, cung điện, vườn ao, cây cối v.v.. của cõi Trời Đạo-Lợi, Tứ Thiên-Vương, A-Tu-La, núi lớn núi nhỏ, núi Chúa Tu-Di. Tất cả đều tan nát tiêu tan chẳng còn gì nữa.

Bầu trời đen tối, sấm chớp vang trời, cùng khắp quanh đại địa này, chẳng còn nhìn thấy mặt trời đâu nữa; rồi mưa tuôn nước sôi bỏng, gió cuốn vũ bão khắp cả năm châu bốn biển, mưa triền miên, nước ngập lai láng, sóng trào gió dữ. Mưa đến độ nước đã bao phủ cả đại địa này rồi mà còn vẫn mưa tuôn không ngớt, nhà cửa, cây cối, cầu cống, dinh thự, kiến trúc v.v..., tất cả đều đổ nát, cuốn đi bởi sóng nước, chìm ngấm trong nước mênh mông. Mưa vẫn rơi, nước vẫn dâng lên dần dần khiến cho núi thấp, rồi núi cao ngập trong biển nước; nước càng tăng lên, gió càng mạnh, sóng càng dồn dập vũ bão, khiến tất cả đều tan rã, quay cuồng, chôn vùi trong lòng hành tinh bao phủ bởi nước.

Khi đại địa này đã bao phủ bởi nước rồi, dù ngọn núi cao nhất như ngọn núi Hy-Mã-Lạp-Son (cao gần chín cây số, cao nhất của trái đất) ngày nay chẳng hạn, cũng chìm ngấm chẳng thấy đâu nữa; nhưng mưa xối xả vẫn tiếp tục, nước ngập núi Chúa Tu-Di, rồi dần dần ngập cõi Trời Đạo-Lợi, tới cõi Trời Diêm-Ma cũng chung một số phận. Mưa vẫn chẳng chịu ngừng, làm cho từ cõi Trời Đâu-Xuất, lên cõi Hóa Tự-Tại, tới cõi Tha-Hóa Tự-Tại, cũng chung số phận nước ngập mênh mông. Đến lúc này, trái đất đã ngập nước sâu không biết bao nhiêu nghìn cây số rồi! Như thế mà đã chịu ngưng mưa đâu, rồi dần dần nước ngập luôn cõi Phạm-Thiên, cho tới cõi Quang-Âm Thiên cũng thế! Như từ nguồn nước vô tận, nước ngập từ cõi trần gian lên đến hết cõi Quang-Âm Thiên tới giáp cõi Biến-Tịnh Thiên mới thôi!

Khi nước đã ngập cõi Quang-Âm Thiên tới giáp cõi Biến-Tịnh Thiên, thì mưa đã cả nghìn vạn năm rồi, các vị Thiên-Tử mới sinh ở cõi Biến-Tịnh Thiên trông thấy mây đen kịt vần vũ, sấm chớp giăng đầy, rung động phía dưới thì hoảng hốt nói: *“Ôi! Đó là cái gì mà đen kịt vần vũ, chớp lo ngoằn ngoèo, sấm động vang rền như thế?”* Các vị Thiên-Tử sinh trước nói: *“Đừng sợ, mây đen mù mịt, sấm chớp vũ bão, mưa tuôn tràn ngập, chỉ đến ngang đây mà thôi, đừng lo”*.

Gió vẫn thổi, nước vẫn động, sóng luôn luôn vỗ dồn dập bập bênh, tất cả đều nằm dưới sóng nước mênh mông, âm ầm, cuốn đi, xô lại, xoáy đi mất hút; lúc này trái đất chìm sâu không biết là bao nhiêu nghìn cây số, làm sao mà còn có sinh vật sống sót nổi trôi trên mặt nước? Có chẳng là những mảnh vụn tan tác bập bênh trên mặt nước, cuốn đi xô lại âm ầm!!

Vẫn như thế, hết ngày này qua năm khác cho tới vài vạn năm, thử hỏi cái gì còn có thể chống đỡ sóng sót nổi đại Thủy tai này, có cách gì để chống

đờ đây? Lâu lắm rồi về sau (giai đoạn Hoại: 336 triệu năm), nước giảm đi, rồi dần dần cạn hết, nhưng có còn gì đâu nữa? Tất cả tan nát, mất hết dấu tích, chôn vùi trong lòng đất, không một sinh vật, không cỏ cây, khô cằn, đại địa như chết vậy. Đúng, lúc ấy đại địa đã chết rồi!

Ai đang tâm gây ra cảnh đại họa này, chẳng ai gây ra cả, đó chỉ là thành trụ hoại không của trái đất, hay sự tuần hoàn của vũ trụ; có cách nào chống đỡ nổi đây, ai tin được cảnh đại Thủy tai này? Chỉ ai riêng thấy tự biết mà thôi, phải chăng chỉ có Phật thấy thôi, còn có ai thấy cảnh đại Thủy tai này nữa không?

3)- Đại Phong tai :

Tới một lúc nào đó, có những trận gió bão nổi lên khắp nơi, từ cõi Biến-Tịnh Thiên (Tam thiên) cho giáp tới cõi Quả-Thật Thiên, gió bão nổi lên như điên cuồng (ít ra cũng phải trên một nghìn cây số hay sáu bảy trăm miles (dặm) một giờ) (Trong quyển Thiên văn học và Không gian (Astronomy & Space), nhà khoa học cho biết ở vùng đỏ của hành tinh Mộc (Jupiter) đang có bão với tốc độ 500 cây số/giờ, và tại vùng đen tối của hành tinh Hải-Vương (Neptune) có bão 2000 cây số/giờ), làm cho các lâu đài, cung điện tan nát tiêu tùng; rồi xuống đến cõi Quang-Âm Thiên, cõi Phạm-Thiên cũng cùng một số phận, hết thấy đều nát tan, không còn dấu vết gì nữa.

Bão tố cuồng phong hoành hành tiếp nổi tới cõi Tha-Hóa Tự-Tại, cõi Hóa Tự-Tại, rồi đến cõi Trời Đâu-Suất, cõi Trời Diêm-Ma. Số phận các lâu đài, cung điện v.v... của các cõi này cũng vậy thôi, tất cả đều tan nát tiêu tùng, chẳng còn gì nữa.

Khi loạn cuồng phong bão táp xuống tới cõi Trời Đạo-Lợi, Tứ Thiên-Vương, A-Tu-La, núi Chúa Tu-Di, các núi Tu-Di, khiến tất cả thành quách, lâu đài, cung điện, vườn ao, cây cối v.v.. cùng đều tan nát như cám. Cũng giống như có người lực sĩ khổng lồ mạnh vô song, dùng hai tay nắm hai trùy đồng mà đập vào nhau, những gì ở giữa hai trùy đồng đều bị nát ra như cám.

Sau cùng, các cuồng phong thổi đến khắp cả xung quanh đại địa này, tất cả nhà cửa, dinh thự, cầu cống, công trình kiến trúc, cây cối, núi to lớn, núi nhỏ bé, bờ đập, đê điều v.v... đều đổ nát tan tành, vùi lấp. Các ao hồ, suối rạch, sông biển đều dần cạn sạch; các mảnh to, mảnh nhỏ, sỏi đá, cây cối, gạch ngói, đất cát, v.v... bay cao tới cả vài do tuần ($3 \times 18 = 48$ cây số), các

mảnh ấy quay cuồng chém phá khắp đại địa chẳng sót một chỗ nào, khiến tất cả đều vỡ tung, tan tác, nát tan.

Cứ thế, hết lớp cuồng phong này tiếp nối tới luồng cuồng lốc khác, tất cả mọi lúc ở khắp mọi nơi cho giáp tới cõi Quả-Thật Thiên, thì cuồng phong bão táp mới ngừng. Nên biết, đại tai họa cuồng phong chỉ ngừng trong thời gian rất lâu dài, đừng nói là một nghìn năm, không phải là vạn năm, (Giai đoạn Hoại = 336 triệu năm) thử hỏi còn cái gì có thể vững bền nổi, có chăng chỉ là những gì được chôn vùi dưới lòng đất mà thôi. Về sau, gió giảm dần, nhưng trái đất tan nát, khô cằn, trống rỗng, chẳng còn gì, không một sinh vật, không một cỏ cây, tàn tạ, im lặng như đại địa chết.

Ai gây ra đại họa này?, chẳng ai gây ra cả, đó chỉ là thành trụ hoại không của địa cầu hay sự tuần hoàn của vũ trụ mà sinh ra như thế. Có cách gì chống đỡ nổi đây, ai tin được cảnh đại họa Phong tai này? Ai riêng thấy thì tự mình biết sự việc xảy ra, chỉ có Phật thấy cảnh đại Phong tai này mà thôi.

Tóm lại, chúng ta thấy những cảnh đại tai khủng khiếp như thế, mọi người nên biết tất cả đều là vô thường, thay đổi, hư hoại, không có cái gì chắc chắn, không thể nương tựa, chẳng còn gì, không ai cứu nổi. Ngay cả địa cầu to lớn như thế, vững chắc như thế, con người dựa trên đất để tạo dựng, để sinh sống, và tưởng chừng như nó sẽ vĩnh cửu trường tồn bất biến; nhưng sự thực chẳng phải thế, tất cả những gì gọi là hữu vi, vật chất, đều như thế đấy. Tất cả đều chịu sự chi phối của thành-trụ-hoại-không, thật là đáng chán nản, vô phương cứu chữa, không đáng nương tựa, tuyệt vọng hoàn toàn; dù có được sinh lên các cõi Trời cũng vậy thôi, không thoát khỏi những cảnh đại tai họa, vậy phải làm sao? Ngồi đây mà khóc than buồn rầu hay van xin mất thời giờ vô ích, câu trả lời là: ***“Phải tin mà tìm đạo giải thoát, phải tự cứu mình hầu ra ngoài vòng sinh tử luân hồi, có như vậy mới thoát ra khỏi những tai ách của sáu cõi”***.

Thời gian thế giới (trái đất) thành hoại.

Được tính theo Tiểu-Kiếp, Trung-Kiếp, và Đại-Kiếp như sau:

- **Một Tiểu Kiếp:** Theo Quyển Đường Về Bến Giác của Hòa-Thượng Thích-Thanh-Cát, trang 80, lấy tuổi thọ tối đa là 84,000 năm để tính. Tiểu Kiếp = $(84,000 - 10) \times 100 \times 2 = 16,798,000$ (mười sáu triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn) năm, trong đó con người trải qua từ tuổi tối đa (84,000

tuổi) đến tuổi tối thiểu (10 tuổi) rồi lại tiến lên tuổi tối đa, (thời kỳ giảm cứ một trăm năm giảm một tuổi và thời kỳ tăng lên cũng thế), tức một chu kỳ của tuổi thọ tối đa gọi là một Kiếp.

- **Một Trung Kiếp** bằng 20 Tiểu Kiếp = $16,798,000 \times 20 = 335,960,000$ (ba trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi nghìn) năm. Một Trung Kiếp cũng gọi là giai đoạn Thành (tái thành lập), hay giai đoạn Trụ (phát triển), hay giai đoạn Hoại (đại tai), hay giai đoạn Không (tạm chết).

- **Một Đại Kiếp** bằng bốn Trung-Kiếp = $335,960,000 \times 4 = 1,343,840,000$ (một tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn) năm. Một Đại Kiếp gồm bốn Trung Kiếp hay bốn thời kỳ Thành, Trụ, Hoại, Không như trên đã nêu.

Cứ khoảng một đại Kiếp lại xảy ra một đại tai, hoặc Hỏa tai, hoặc Thủy tai, hoặc Phong tai. Sau nhiều lần đại Hỏa tai mới có một lần đại Thủy tai, sau nhiều lần đại Thủy tai mới có một lần đại Phong tai. Như vậy có rất nhiều lần đại Hỏa tai mới có một lần đại Phong tai. (Theo Quyển Đường Về Bến Giác, trang 80 ghi: “Cứ 7 lần hỏa tai lại một lần thủy tai; trong 64 đại kiếp, thế giới hoại vì hỏa tai 56 lần, thủy tai 7 lần, phong tai 1 lần”).

LỜI BÀN VỀ CÁC ĐẠI TAI

Chúng ta được biết cứ khoảng một đại kiếp lại xảy ra đại tai, nghĩa là khoảng 1,344,000,000 (một tỷ ba trăm bốn mươi bốn triệu) năm lại xảy ra đại tai một lần. Đức Phật cho biết lúc đại Hỏa tai xảy ra có tới 7 mặt trời xuất hiện. Chúng ta không biết tại sao có tới 7 mặt trời, mặt trời ở đâu ra mà nhiều như thế, có lẽ có người cho là vô lý, không thể nào như vậy được, có phải không? Có thể có người lại bảo: Những đại tai xảy ra là do con người không tuân theo ý muốn của một vị Tối cao nên mới như thế”; lý luận này tỏ ra thiếu trí tuệ, tại sao?

Vì ngày nay với Khoa học tiên bộ, các nhà Khoa học đã chụp được cả giải Ngân Hà (Milky Way) mà hệ thống mặt trời (Thái dương hệ) của chúng ta nằm ở bên ngoài cánh xoáy thứ hai về phía Đông Bắc của giải Ngân Hà. Tất cả các Tinh tú (Stars) thuộc giải Ngân Hà đều quay theo chiều xoắn ốc trong hệ thống của giải Ngân Hà (Xin coi hình bìà sau sách).

Như vậy, chúng ta có thể hiểu tại sao khi bị đại Hỏa tai có tới 7 mặt trời, vì lúc đó hệ thống mặt Trời của chúng ta sẽ quay tới điểm mà ở đó có nhiều

mặt Trời (Tinh tú) quần tụ gần nhau, nên các mặt Trời này đã thiêu đốt trái Đất. Do đó, Đức Phật nói khi có đại Hỏa tai có 7 mặt Trời xuất hiện, không còn gì nghi ngờ thối mất nữa, và khi hệ thống mặt Trời của chúng ta quay tới chỗ vùng nước hay vùng bão tố, thì trái Đất của chúng ta cũng phải chịu cảnh đại Thủy tai hay đại Phong tai vậy.

Đến đây: chúng ta thấy Khoa học đã chứng minh lời Đức Phật nói, đó là những điều có thể hiểu được, không còn gì là huyền bí nữa.

LỜI BÀN về Kiếp, A-Tăng Kỳ Kiếp:

Theo Trường-A-Hàm, quyển 3, trang 95 ghi: “Kiếp vô chừng , rất lâu dài, cũng ví như núi đá lớn mỗi chiều một do tuần (18km), giả sử có người mang áo trời (áo lớn lắm) trăm năm lau một lần, cho tới khi mòn hết, đó là một Kiếp số”.

Theo quyển Tự Điển Phật Học của Chân-Nguyên và Nguyễn-Tường-Bách trang 214 lại ghi: “Kiếp: Một khái niệm Phật giáo nhằm chỉ một thời gian rất lâu dài. Một thời kiếp được biểu diễn như sau: Cứ trăm năm có người dùng tấm khăn lụa chùi một khối đá lập phương mỗi bề một dặm (1km=1 dặm) tới lúc khối đá mòn hết, đó là một kiếp”. Chúng ta thấy có sự khác biệt về đơn vị.

Theo quyển Nhị Khóa Hiệp Giải lại, trang 319-323 ghi: “Kiếp: tiếng Phạn là Kalpa là thời phần, nghĩa là rất lâu dài. A-Tăng-Kỳ: tiếng Phạn là Asamkhyā nghĩa là vô số, Bồ-Tát muốn thành Phật phải trải qua 3 A-Tăng-Kỳ. Tiểu Kiếp=16,000,000 năm. Trung Kiếp=20 tiểu Kiếp = 320,000,000 năm. Đại Kiếp = 4 Trung Kiếp = 1,280,000,000 năm”. Như vậy ở đây dùng tuổi thọ tối đa của con người là 80,000 năm để tính ra Tiểu Kiếp nên ngắn hơn.

Cũng trong Trường-A-Hàm, quyển 3 trang 95 ghi: “Cách đây 91 kiếp về quá khứ, có đức Phật Tỳ-Bà-Thi, loài người sống 8 vạn tuổi. Cách đây 31 kiếp về quá khứ, có đức Phật Thi-Khí, loài người sống 7 vạn tuổi; cũng cách đây 31 kiếp khi loài người sống 6 vạn tuổi có đức Phật Tỳ-Xá-Bà. Đời Hiền kiếp (kiếp hiện tại), có đức Phật Câu-Lưu-Tôn, loài người sống 4 vạn tuổi; khi có đức Phật Câu-Na-Hàm, loài người sống 3 vạn tuổi; khi có đức Phật Ca-Diếp, loài người sống 2 vạn tuổi. Và nay có Phật Thích-Ca, loài người sống chỉ vào khoảng một trăm tuổi”. Trong quyển Nhị Khóa Hiệp Giải, trang 322 lại ghi: “Trong Hiền kiếp này, tiểu kiếp thứ 9 này, về giảm thời, có

bốn đức Phật ra đời: 1) Phật Câu-Lưu-Tôn ra đời, nhằm thời xuống đến thuở con người còn sống được 60,000 tuổi. 2) Phật Câu-Na-Hàm ra đời nhằm thời xuống thuở mà con người sống được 40,000 tuổi. Phật Ca-Điếp ra đời nhằm thời giảm xuống thuở mà con người sống được 20,000 tuổi. Phật Thích-Ca nhằm thời giảm xuống đến thuở mà toàn thể giới con người chỉ sống được một trăm tuổi”. Chúng ta thấy có sự khác biệt tuổi thọ của con người trong thời kỳ có đức Phật Câu-Lưu-Tôn và đức Phật Câu-Na-Hàm của hai cuốn sách nêu trên.

Ngoài ra, xem về các con số về kiếp các đức Phật xuất hiện, chúng ta thấy và xét rằng:

1)- Trái đất này đã từng trải qua nhiều lần đại tai.

2)- Ở đây không tính các kiếp của thời gian Thành, Hoại, Không, mà chỉ tính các kiếp Trụ mà thôi. Nếu tính các kiếp của các giai đoạn ấy, chúng ta không thể tính 31 kiếp hay 91 kiếp về quá khứ mà có loài người đang sống được, vì 31 kiếp về trước là thời kỳ Không, và 91 kiếp về trước là thời kỳ tái Thành.

3)- Nếu chấp nhận sự nhận xét ở điểm hai, ta có:

- Đức Phật Tỳ-Bá-Thi xuất hiện cách đây 91 kiếp (Trường A-Hàm, quyển 1, trang 18) phải là cách nay 5 đại kiếp, tức là đã có 5 lần đại tai rồi (tức là trên 6.5 tỷ năm).

- Đức Phật Thi-Khí và đức Phật Tỳ-Xá-Bà xuất hiện cách đây 31 kiếp phải là cách nay 2 đại kiếp (tức là cách nay 2.7 tỉ năm).

Có một điểm chúng ta không biết là: từ ngày quả đất được thành lập tức là hệ thống mặt trời được thành lập đến nay là bao lâu rồi? Về điểm này: không thấy Phật đề cập tới, có lẽ Phật muốn để dành cho các nhà khoa học?

4)-Sự phục sinh của Quả Đất:

Sự phục sinh của trái đất sau mỗi đại tai họa đều tương tự như nhau. Sự tái lập địa sau đại Hỏa tai bắt đầu từ cõi Phạm-Thiên, sự tái lập địa sau đại Thủy tai bắt đầu từ cõi Quang-Âm Thiên, và sự tái lập địa sau đại Phong tai bắt đầu từ cõi Biến-Tịnh Thiên trở xuống cõi trần gian.

Như đã nói ở trên, thời gian sau khi bị một trong ba đại tai họa, lúc đó thế giới này trống rỗng trong một thời gian lâu dài (Hoại+Không=672 triệu năm) sau mới bắt đầu phục sinh trở lại, giai đoạn Thành cũng phải một thời gian là 336 triệu năm.

Tới một lúc nào đó quá xa xôi cái ngày bị đại họa, tự nhiên mây đen nổi lên khắp nơi, cùng khắp cả thế giới, rồi mưa tuôn khắp cả, hạt mưa to như bánh xe (mưa nước đá); mưa liên miên như thế không ngưng nghỉ, kéo dài cho đến vài nghìn năm; mực nước từ lúc ngập đại địa cho đến khi dâng cao lên không biết là bao nhiêu nghìn cây số nữa.

Mưa đến nỗi mực nước cao ngập luôn cõi Phạm Thiên giáp cõi Quang-Âm Thiên sau đại họa Hỏa tai trước kia, mưa mới dừng lại. Mực nước dâng cao ngập cõi Quang-Âm Thiên đến giáp cõi Biến-Tĩnh Thiên sau đại Thủy tai xưa kia mưa mới dừng lại. Mực nước mưa dâng cao ngập cõi Biến-Tĩnh Thiên đến giáp cõi Quả-Thật Thiên sau đại Phong tai xa xưa kia mưa mới dừng lại.

Khi nước đã ngập đến mức vừa kể trên rồi, không còn mưa nữa, nước bắt đầu giảm dần; lúc đó tất cả thế giới chỉ là một trái banh nước khổng lồ bên trong có cái nhân ở giữa là trái đất, nếu nhìn từ một hành-tinh khác ở xa trông giống một hành-tinh nước. Những cơn gió thổi tới, làm nước chao động, sóng vỗ nổi lên khắp chốn, gió càng mạnh sóng càng lớn, sóng càng lớn bọt nước càng nhiều, bọt kết tụ lại. Gió lại thổi bọt rời nước tung lên hư không lâu dần kết thành lâu đài, cung điện, có nhiều màu sắc đẹp đẽ do bảy báu tạo thành. Do nhân duyên này, mà có cung Biến-Tĩnh Thiên, cung Quang-Âm Thiên, và cung Phạm-Di-Ca Thiên (Mắt trần không thể thấy được các cung điện cõi Trời).

Mực nước tiếp tục giảm xuống vô số do tuần, gió vẫn thổi, nước vẫn động, sóng vẫn nổi âm âm, bọt vẫn tụ. Do đó gió đưa bọt lên kết thành Thiên cung Tha-Hóa Tự-Tại, Thiên cung Hóa Tự-Tại, rồi dần dần xuống tới Thiên cung Đâu-Suất, Thiên cung Diệm-Ma.

Rồi mực nước tiếp tục giảm vô số do tuần trong thời gian rất lâu dài, gió thổi sóng vỗ, bọt nổi tụ lại bay lên hư không, tự nhiên rắn chắc lại mà thành các lớp thành quách, Long cung, lâu đài, cung điện, vườn ao, v.v... của cung Trời Đạo-Lợi. Bấy giờ gió cuồng lốc lớn nổi lên, làm cho bọt nước dậm lại mà thành núi Chúa Tu-Di cao một trăm sáu mươi tám nghìn do tuần ($168,000 \times 18 = 3,024,000$ cây số), và rộng tám mươi tư nghìn do tuần

(84,000 x 18 = 1,512,000 cây số) ngay phía dưới cỏi Đạo-Lợi; núi Tu-Di tạo bằng bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, và thủy tinh.

Các cơn gió lốc khác cũng thổi xoáy làm bọt nước tụ thành nhiều núi Tu-Di khác nữa. Trong khi đó lại có những cơn gió khác thổi bọt nước đồng thời bay lên lưng chừng núi chúa Tu-Di tạo thành cung Tứ Thiên Vương. Sau nữa có những cơn gió thổi làm bọt nước kết tụ lại mà tạo thành các cung điện A-Tu-La v.v... tại bốn bên núi chúa Tu-Di (Nên nhớ tất cả những gì tạo ra trên đây, mắt phàm phu con người không thể nhìn thấy được).

Sau chót, nước giảm vô số do tuần nữa, gió vẫn thổi, lốc vẫn xoáy, nước vẫn xô động, sóng vẫn dồn dập; sóng nước nhào nặn đại địa này thành đồi lồi, núi đồi lồi chồm, biển hồ sâu thẳm bởi nước xoáy, sông suối ngoằn ngoèo do thể đất cứng mềm và bởi nước chảy xuống chỗ thấp hơn.

Có những nơi ngấn nước sóng làm mòn còn để lại dấu tích ở những điểm thật cao từ từ các ngấn xuống dần, mà chúng ta cứ tự hỏi: *“Mức nước ở đâu mà cao đến thế, thời nào có nhiều nước đã làm cho đá ngấn nước sỏi mòn như thế?”* Câu trả lời là các mức ngấn nước ấy đã được tạo ra từ khi lập địa hay tái lập địa rồi vậy, mực nước không chỉ đến chỗ ngấn trên đá đó, mà mực nước còn cao hơn rất nhiều, rất là nhiều; cả một trái đất này nằm gọn, bao phủ trong nước.

Các di tích về ngấn nước sóng làm mòn trên núi đá, chúng ta có thể đến thăm để thấy như trên đỉnh núi đá ở Navarra Tây Ban Nha (Spain); hòn đá khổng lồ Brimham Roch ở Anh Quốc (England); vô số cột đá to lớn trông như ống khói trong vùng đồi thung lũng ở Thổ Nhĩ Kỳ (Goreme Valley Fairy Chimneys, Turkey); vô số lớp ngấn mòn trên đá vùng Torcal de Antequera ở Andalusia; vùng đá đỏ Wadi Rum ở Jordania. Đặc biệt tại Hoa Kỳ những ngấn nước hàng hàng lớp lớp khắp vùng thung lũng Bryce Canyon National Park và Delicate Arch ở Tiểu Bang Utah; cột đá hình nấm khổng lồ chân rất cao có ngấn nước rõ rệt trên đầu nấm ở Tiểu Bang Kansas; đá đỏ hình tháp to lớn thuộc vùng đồi núi Palo Duro Canyon Tiểu Bang Texas; vùng núi thung lũng đá đỏ ở Tiểu Bang Colorado; và nhất là vô số ngấn nước do sóng soi mòn trên đá đỏ ở vùng Chelly Canyon, vùng the Waves Canyon, và vùng Grand Canyon thuộc Tiểu Bang Arizona, Hoa Kỳ.

Ngày nay với đà văn minh của con người càng ngày càng phát triển, hẳn rằng các nhà khoa học khi khám phá ra các mỏ nọ mỏ kia như mỏ than, mỏ dầu, mỏ khí, v.v... phải nhận ra rằng: “Các mỏ ngày nay có được là do thành

trụ hoại không của trái đất này đã tạo ra trải qua những thời gian rất lâu dài vậy”. Lại có Hành-tinh hiện tại đang bao phủ toàn là nước, biết đâu rằng Hành-tinh ấy chẳng đang trải qua thời kỳ đại Thủy tai hoặc đang ở trong thời kỳ lập địa hay tái lập địa? Và nếu ta nhìn trong kính thiên văn thật xa xôi trong vũ trụ, biết đâu rằng ta chẳng thấy có những Hành-tinh đang ở thời kỳ đại Hỏa tai v.v...; nhắc lại thời gian giai đoạn tái Thành lập cho tới khi ổn cố là 336 triệu năm.

LỜI BÀN VỀ NÚI TU DI VÀ CÁC TẦNG TRỜI:

Khi đọc Kinh sách nói đến núi Tu-Di và các tầng Trời, hầu hết chúng ta đều không thể tưởng tượng được vị trí của chúng ở chỗ nào, người viết sau khi thấy các con số lớn lao quá, đâm ra lo ngại, vì sao? Vì sau khi đọc và viết xong, người viết khám phá ra rằng nếu Núi Tu-Di và các tầng Trời cao xa trái đất quá như vậy sẽ có hiện tượng đưng mặt trăng, mặt trời, một điều vô lý; tỉ dụ như núi Tu-Di cao $168,000$ do tuần $\times 18 = 3,024,000$ cây số, trong khi các nhà khoa-học cho biết mặt trăng cách trái đất chỉ có $384,400$ cây số trong quyển Thiên văn học và Không-gian (Astronomy & Space) của Lisa Miles và Alastair Smith xuất bản năm 1998, trang 24; các nhà khoa học cũng cho biết mặt trời cách trái đất là $150,000,000$ cây số, trang 22. Trong khi tính theo quyển Nhị Khóa Hiệp Giải nơi trang 202, cõi Trời sắc giới thấp nhất là Phạm-chúng-Thiên cũng đã cao tới $194,400,000$ cây số rồi, còn các cõi Trời Vô Sắc giới rất cao, vì sao? Vì lấy con số $168,000$ nhân với 2, rồi lại nhân với 2 cho tới 28 thành số do tuần của cõi Trời Phi Phi Tướng là cõi Trời xa chúng ta nhất; tuy nhiên, người viết đã hiểu ra được khi nhìn bức hình của hệ thống mặt trời mà các nhà khoa học đã vẽ trong quyển sách nêu trên. Tất cả các hành tinh quay quanh mặt trời đều tự quay quanh nó, không có một sự lộn xộn nào; mỗi hành tinh quay một quỹ đạo riêng rất xa nhau, gần như trên một mặt phẳng mà mặt trời ở giữa, và đều có cực nam, cực bắc. Ngoài ra, mặt trăng cũng quay quanh trái đất theo trên dưới đường xích đạo của trái đất, như thế, chỗ có núi Tu-Di và các cõi Trời phải là ở bắc cực đi lên, dù cho các cõi trời có cao tới đâu cũng không đưng chạm vào đâu cả.

Khoa học đối với trái đất:

Các nhà Khoa học nghiên cứu được những gì đối với quả đất?

Trong quyển Lịch Sử Khoa Học Hoa-Kỳ (The Story of Science in America) của L Sprague De camp và Catherine C De Camo, trang 121, 122 ghi:

- Sự cố gắng đo lường tuổi của trái đất do Buffon giả định là trái đất đã từng nóng sáng như mặt trời, và nó nguội đi thành một quả cầu bằng đá phải mất 74,832 năm, nhưng các nhà khoa học khác không đồng ý và cho rằng sự dự đoán này quá ngắn, vì sự nguội của trái đất to lớn nó nguội rất chậm.

- Còn các nhà địa chất học thì đoán rằng để có đủ thời gian cho các khoáng chất (chất muối) rời khỏi đá chảy hết xuống biển và các dòng sông có nước ngọt, phải mất thời gian từ 24 triệu đến 100 triệu năm (đây là thành lập địa, không phải tái thành lập).

- Cuối thế kỷ thứ 19 nhà khoa học Becquerel và Curie dùng kiến thức về phóng xạ để phân tích về nguyên tử Uranium phân hóa dần dần đến khi nó trở thành Chì. Bất cứ một phân lượng nào của Uranium, một nửa của nó sẽ đổi thành Chì phải mất 4.5 tỉ năm, và trong 4.5 tỉ năm kế tiếp, phân nửa còn lại sẽ biến thành Chì. Do đó, các nhà khoa học đoán rằng trái đất đã có từ 4.5 tỉ năm.

Trong quyển Những Nguồn Gốc (Origins), của Neil De grass Tyson và Donald Goldsmith xuất bản năm 2004, trang 236-239 ghi:

- Việc thành lập trái đất cách đây khoảng 4.6 tỉ năm, sau 600 triệu năm thì ổn cố và đời sống bắt đầu xuất hiện trên trái đất này.

- Chúng ta không còn bằng chứng về địa chất trong các thời đại từ hơn 4 tỉ năm đã qua vì sự chuyển động, vỏ trái đất do các lớp đất trườn, trượt lên nhau đã dần dần chôn vùi tất cả những gì đã từng ở trên mặt đất.

- Sự va chạm từ một vật lớn với trái đất vào khoảng gần 10 triệu năm đã tiêu diệt phần lớn những động vật, thực vật trên hành tinh chúng ta. Một sự kiện là sự tiêu diệt loài Dinosaurs (Khủng-Long) cách nay 65 triệu năm, cũng tiêu diệt 90% đời sống dưới biển, và 70% đời sống động vật trên mặt đất.

- Hiện tại, chúng ta có được một ít đá có niên kỷ hơn 2 tỉ năm do các nhà Địa chất học khám phá ra, oxy xuất hiện trên trái đất đã làm rỉ sắt trong đá đỏ ở vùng Grand Canyon, Arizona, Hoa-Kỳ.

- Cách đây 10 năm một nhà khoa học đoán rằng trái đất chỉ còn tồn tại 100 triệu năm nữa, nhưng cách đây vài năm, nhà khoa học James Kasting và Caldeira lại cho rằng trái đất sẽ tồn tại khoảng 1 tỉ năm nữa; lúc đó mặt trời

sẽ bùng nổ lớn ra và vỏ ngoài của mặt trời sẽ thiêu hủy trái đất, nhưng có nhà khoa học khác lại cho rằng mặt trời còn đủ nhiên liệu cho 5 tỉ năm nữa.

LỜI BÀN VỀ KHOA HỌC:

Xem vậy, chúng ta thấy các nhà Khoa học, đã cố gắng phân tích tìm tòi để biết nguồn gốc của trái đất, nhưng kết quả chưa có là bao, và những ý kiến nhiều khi tương phản hay không ăn khớp nhau, khiến cho chúng ta càng thêm thắc mắc. Có một điều mà người viết tự hỏi là không biết các nhà khoa học nghiên cứu có biết rằng trái đất đã xảy ra nhiều lần đại tai như Hỏa tai, Thủy tai không? Vì chính những đại tai này đã xóa đi các dấu vết của đời sống trên trái đất mà đức Phật đã cho biết vậy....

ĐỨC PHẬT NÓI:

Các ông không nên chấp lời Ta nói qua sự tôn kính, mà đúng hơn là nên thông qua sự chiêm nghiệm của chính mình.

ĐỨC PHẬT NHẬP NIẾT-BÀN

(Trường A-Hàm, quyển 1, từ trang 119 đến 234)

Sau khi đức Phật độ cho Bà-la-môn Tỳ-sa đà-La gần Trúc-Lâm, Ngài dặn Tôn-giả A-nan-Đà là Thị-giả của Ngài rằng: ***“Sau khi Ta diệt độ nhập Niết-Bàn, hãy tự thấp đuốc lên mà đi; thấp lên với chính pháp, đừng thấp lên với pháp nào khác; hãy nương tựa với chính mình, đừng nương tựa với một pháp nào khác”***.

Đức Thế-Tôn nói với Tôn-giả A-nan-Đà:

- Ta nay đã già rồi, tuổi đã tám mươi, ví như chiếc xe cũ, nhờ phương tiện sửa chữa mà đi đến nơi đến chốn; nay thân Ta cũng thế, nhờ nhập định vô-tưởng không còn nghĩ đến một điều gì, nên thân Ta được yên ổn không đau nhức.

Khi đức Phật đi đến ngôi tháp Già-ba-La, Ngài bảo Tôn-giả trái tọa-cụ dưới gốc cây để Ngài nghỉ tại đây, khi Tôn-giả trái tọa-cụ xong, đức Phật an tọa rồi bảo:

- Nay A-Nan, người nào thường xuyên tu tập bốn món thần-túc, có thể tùy ý muốn sống đến một kiếp hay hơn một kiếp cũng được. Nay A-Nan, Như-Lai đã nhiều lần tu tập bốn món thần-túc này, chuyên chú nhớ mãi không quên. Bởi vậy cho nên Như-Lai tùy ý muốn sống một kiếp hay hơn một kiếp cũng được để diệt trừ sự tăm tối cho đời, đem lại lợi ích cho Người và Trời.

Lúc đó Tôn-giả A-nan-Đà nghe rồi làm thỉnh không thưa hỏi nói năng chi cả, Đức Phật lại nói lần thứ hai, Tôn-giả vẫn làm thỉnh; Đức Phật lại nói y như thế lần thứ ba, Tôn-giả cũng vẫn làm thỉnh, vì lúc đó bị ma si ám, mê man không hiểu để thưa thỉnh, rồi đức Phật bảo:

- Nay A-Nan nên biết, nay đã phải thời (đến giờ).

Tôn-giả A-nan-Đà vâng ý chỉ, đứng dậy đánh lễ rồi lui ra, đến một góc cây không xa ngôi thiền; chỉ trong chốc lát Ma Ba-Tuần đến thưa với Phật:

- Sao Ngài chưa sớm vào Niết-Bàn?, nay đã đúng thời rồi, xin Ngài mau diệt độ.

- Thôi, thôi Ba-Tuần, người đừng nói nữa, Ta đã tự biết thời. Như-Lai giờ đây chưa vội vào Niết-Bàn, vì Ta cần đợi các Tỳ-kheo về đông đủ; trong số đó có những đệ tử đã khéo chế ngự được thân tâm, mạnh dạn không khiếp sợ, họ thường sống trong an ổn. Họ không những việc lợi mình đã làm xong, mà còn làm thầy để dẫn dắt kẻ khác, hiện đang truyền bá chính pháp, giảng giải nghĩa lý; nếu họ gặp chủ thuyết ngoại đạo, họ đủ sức đem chính pháp và sự tự chứng ngộ cùng thần biến của mình ra để hàng phục chúng, nhưng mà những đệ-tử ấy chưa về. Lại có những Tỳ-kheo (Tăng), Tỳ-kheo Ni (Ni), Ưu-Bà Tắc (Cư-sĩ Nam), Ưu-Bà Di (Cư-sĩ Nữ) cũng chưa quy tụ; và lại Ta muốn truyền phạm hạnh một cách sâu rộng, và phổ biến giáo lý giác ngộ cho hàng Trời-Người đều biết và thấy thần biến.

Ma Ba-Tuần thưa:

- Khi xưa, Ngài ở bên bờ sông Ni-Liên-Thuyền thuộc xứ Uất-Tỳ-La, và lúc ở dưới gốc cây A-du-Ba-Ni-câu-Luật khi Ngài mới thành đạo Chính-Giác, những lúc ấy tôi đã đến thỉnh Ngài nên vào Niết-Bàn; nay đã đúng lúc rồi, vậy xin Ngài hãy mau mau diệt độ.

Đức Phật lại trả lời:

- Thôi, thôi, Ba-Tuần, Ta tự biết thời, Như-Lai chưa vội vào Niết-Bàn, mà cần đợi các đệ-tử trở về, và cho đến hàng Trời-Người đều biết và thấy được thần biến, Ta mới nhập diệt.

Ma Ba-Tuần lại thưa lần thứ ba:

- Thưa Ngài, nay các đệ-tử của Ngài đã nhóm họp, và cho đến hàng Trời - Người đã thấy thần biến, nay đã đúng lúc rồi, sao Ngài chưa diệt độ?

Đức Phật bảo:

- Thôi, thôi, Ba-Tuần, Ta tự biết thời, còn không bao lâu nữa, sau ba tháng này, Ta sẽ ở nơi sinh quán đời trước của Ta, giữa cây Long-Thọ, trong rừng Ta-La thuộc xứ Câu-thi-La mà nhập Niết-Bàn.

Lúc ấy Ma Ba-Tuần nghĩ: *“Phật không bao giờ đổi ý, không bao giờ nói dối, và chắc chắn là Ngài sẽ diệt độ”*, nên vui mừng nhảy nhót rồi biến mất.

Sau khi Ma Ba-Tuần biến đi không lâu, đức Phật nhập định Ý-tam-Muội mà xả bỏ tuổi thọ; ngay lúc đó cõi đất rung động mạnh, nhân dân cả nước đều kinh sợ, lông tóc dựng ngược. Đức Phật phóng hào quang chiếu khắp các nơi, khi ấy Tôn-giả A-nan-Đà thấy mặt đất rung động và có ánh sáng tỏa chiếu nên kinh hãi, vội vàng đi đến chỗ Phật đánh lễ rồi thưa:

- Thừa đức Thế-Tôn, lạ thay! Không hiểu lý do gì mà mặt đất rung động mạnh như thế, lại có ánh sáng rực lên nữa? Xin Ngài giải thích cho con hiểu.

Đức Phật giảng: Phạm mặt đất rung động có tám nguyên nhân:

Thứ nhất: Đất lẫn với đá, kim loại, nằm trên chất lỏng và nương với nước, nước nương với gió, gió nương với hư không mà tồn tại; nếu gió nổi lên nước chao động, nước chao động làm đất và chất lỏng chuyển dịch, nước chao động quá mạnh nên đất rung rinh chuyển động.

Thứ hai: Tỳ-kheo khi đắc đạo, hoặc vị Thiên-thần tu quán về tính nước nhiều, tính đất ít, hoặc do họ thử sức thần-thông nên làm cho cõi đất rung động.

Thứ ba: Khi có vị Bồ-Tát từ cung trời Đâu-Xuất đáng thần vào thai mẹ mặt đất rung động.

Thứ tư: Khi vị Bồ-Tát đản-sinh mặt đất rung động.

Thứ năm: Khi Bồ-Tát thành Vô-Thượng Chính-Đẳng Chính-Giác, mặt đất rung động.

Thứ sáu: Khi Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên mặt đất rung động.

Thứ bảy: Khi Phật xả tuổi thọ mặt đất rung động.

Thứ tám: Khi Phật nhập diệt mặt đất rung động.

LỜI BÀN VỀ ĐỘNG ĐẤT:

Ngày nay hầu như chỉ có động đất là do điểm thứ nhất, vì điểm 3,4,5,6,7,8 ngày nay không có Bồ-Tát thành Phật. Còn điểm 2 thì quá hiếm.

Quyển Thiên Văn Học và Không Gian (Astronomy & Space) của Lisa Miles và Alastair Smith trang 22 ghi cấu tạo trong trái đất có 4 lớp như sau: Vỏ ngoài cứng giòn (crust) gồm đá, đất...dày khoảng 50km. Bên trong là lớp vỏ bao bọc (mantle) gồm chất đặc lẫn chất lỏng, lớp này dày chiếm tới 67% của trái đất. Lớp trong nữa là vỏ ngoài của lõi (outer core), là chất lỏng (liquid), luôn luôn di chuyển; trong cùng (inner core) là lõi cứng (solid) phần

lớn là chất sắt; vỏ đất đá cứng giòn làm thành những mảnh, gọi là lớp, tầng, di chuyển đối nghịch nhau; những mảnh lớp này luôn di động, đôi khi gây ra động đất ở chỗ chúng đụng nhau. Khoa học không giải thích tại sao chất lỏng của lõi ngoài luôn luôn di chuyển, thì Đức Phật đã nói là do gió và nước gây ra.

1)-Phật báo 3 tháng trước khi nhập Niết-Bàn.

Sáng hôm sau, đức Phật bảo Tôn-giả A-nan-Đà đến Hương-Pháp nhóm họp hết thầy các Tỷ-kheo chung quanh vùng đến giảng đường Hương-Pháp. Tại đây, đức Phật dạy các Tỷ-kheo:

- Ta do những Pháp sau đây mà tự chứng ngộ thành bậc Chính-Đẳng Chính-Giác, đó là: ***“Bốn Niệm-Xứ, Bốn Ý-Đoạn, Bốn Thần-Túc, Bốn Thiền, Năm Căn, Năm Lực, Bảy Giác-Chi, và Tám Chính-Đạo”***. Vậy các thầy hãy ở trong giáo-pháp ấy siêng năng tu học, cùng nhau hưng say (hưng thịnh say sưa) phát triển. Các thầy hãy khéo thủ trì tùy theo trường hợp mà tu hành, tại sao vậy?, vì không bao lâu nữa, Như-Lai, sau ba tháng sẽ nhập Niết-Bàn.

Các Tỷ-kheo nghe Phật nói như thế, hết sức sùng sốt kinh hoàng, hoang mang tốt độ, gieo mình xuống đất, giậm chân đập tay, cất tiếng kêu than: *“Tại sao đức Thế-Tôn diệt độ quá sớm? Tại sao con mắt thế-gian diệt mất quá mau? Tại sao đức Thế-Tôn bỏ chúng con bơ vơ? Chúng con sẽ không còn nhìn thấy đức Thế-Tôn nữa. Chúng con sẽ mất đức Thế-Tôn mãi mãi v.v.”*

Có Tỷ-kheo thương cảm lẫn lóc, cũng như rắn bị chém đứt làm hai, quần quai, run rẩy, ngẩn ngơ, không còn biết gì cả.

Một lúc trôi qua như thế, đức Phật bảo:

- Các thầy hãy dừng cơn bi lụy, chớ ôm lòng sầu muộn, vì từ Trời, Đất cho đến chư Thiên, Người, Vật, không một cái gì là không thành trụ hoại diệt (sinh ra, phát triển, biến dạng, diệt mất), không một sinh vật nào sinh ra mà không chết đi. Nếu các thầy muốn cho các pháp hữu vi không biến dịch thì không được. Hơn nữa trước đây Ta đã từng giảng rằng: *“Án ái là vô thường, nếu có sum họp ắt phải có chia lià, nhất là thân này không phải của ta, mạng sống không tồn tại mãi mãi được”*.

Rồi Ngài nói tiếp:

- Ta sở dĩ khuyên bảo như thế vì tối hôm qua Thiên-Ma Ba-Tuần đã đến thỉnh Ta nhập Niết-Bàn ba lần, tới lần thứ ba Ta đã chấp thuận lời thỉnh cầu ấy, và sau đó Ta đã xả bỏ tuổi thọ rồi.

Bấy giờ Tôn-giả A-nan-Đà đứng dậy, quỳ gối phải, chắp tay thưa:

- Cầu mong đức Thế-Tôn thương xót chúng-sanh, hãy sống thêm một kiếp, không nên diệt độ sớm, để làm lợi ích cho Trời và Người.

Khi ấy đức Phật im lặng không đáp, Tôn-giả A-nan-Đà thưa thỉnh lần thứ hai, đức Phật cũng vẫn im lặng, Tôn-giả thưa thỉnh lần thứ ba, lúc ấy đức Phật mới nói:

- Nay A-Nan, thầy ba lần làm phiền Ta, Thầy đã đích thân nghe từ Như-Lai nói là người nào tu tập bốn pháp như-ý-túc một cách chuyên chú không quên, nên tùy ý muốn kéo dài mạng sống trong một kiếp hay hơn một kiếp cũng được. Như-Lai đã tu tập bốn pháp như-ý-túc một cách chuyên chú không quên, có thể tùy ý kéo dài tuổi thọ trong một kiếp hay hơn một kiếp, Thầy đã được Ta nhắc đi nhắc lại tới ba lần như thế; tại sao lúc ấy thầy không thỉnh cầu Như-Lai sống một kiếp hay hơn một kiếp? Nay thầy mới nói há không trễ muộn hay sao? Ta ba lần hiện tướng, thầy ba lần làm thỉnh. Sau đó không lâu, Thiên-Ma tới, thỉnh cầu Ta nhập Niết-Bàn ba lần, Ta đã hứa với Thiên-Ma, và Ta đã xả bỏ tuổi thọ tối hôm qua; một khi đã xả bỏ, nhỏ bỏ, mà muốn cho Như-Lai hành động trái với lời nói của mình sẽ không bao giờ có sự kiện ấy.

Bấy giờ đức Phật và Tăng chúng đi đến một khu rừng núi gần thôn Am-ba-La, tại đây Ngài dạy cho đại chúng về Giới, Định, Huệ; do tu Giới mà được Định, do Định mà có trí-tuệ tức là được Huệ. Do tâm và trí đồng thời cùng tu tập, tu tập nhiều, nên được thanh tịnh và giải thoát.

Tại thôn Am-ba-La, đức Phật nhận thấy cơ duyên hóa độ đã xong, Ngài tiếp tục di chuyển tới thôn Chiêm-Bà, thôn Kiền-Trà, thôn Bà-lệ-Bà, rồi đến vườn Xà-Đầu thuộc thành Ba-Bà. Tại nơi đây có người thợ rèn tên là Châu-Na nghe tin Phật đến, liền thay quần áo chỉnh tề đến chỗ Phật ngự, cúi đầu đánh lễ rồi ngồi qua một bên. Lúc đó đức Phật giảng dạy cho ông những điều lợi ích, nghe xong lòng tin tràn đầy vui vẻ, ông liền thỉnh đức Phật và đại chúng Tỳ-kheo đến nhà thụ trai cúng dàng vào ngày hôm sau, Đức Phật im lặng nhận lời mời, Châu-Na biết đức Phật chấp nhận lời mời, liền đứng dậy đánh lễ, ra về.

Nội trong đêm đó Châu-Na và người nhà ông lo sửa soạn thức ăn đầy đủ. Sáng hôm sau, ông đến đánh lễ trước Phật và nói:

- Thưa đức Thế-Tôn, đã đến giờ thụ trai, kính tin Ngài rõ.

Bấy giờ đức Phật cùng đại-chúng đi đến nhà ông Châu-Na, và mọi người tiến vào chỗ ngồi, Ông Châu-Na bày biện thức ăn cúng dàng đức Phật và chư Tăng. Ông lại nấu một thứ nắm chiên-đàn là thức ăn quý lạ nhất trên đời đem dâng riêng cho đức Phật. Ngay lúc đó, đức Phật bảo Châu-Na:

- Chớ đem thứ nắm này dâng cúng cho chư Tăng.

Lúc đó, ông vâng lời Phật, không dám hành động trái ngược, nhưng có một vị lão Tăng mới xuất gia, thấy tô nước nắm còn dư để gần chỗ ngồi của mình, lại bung uống hết!

Sau khi thụ trai, đức Phật giảng pháp cho ông Châu-Na nghe xong, Ngài và đại-chúng lại tiếp tục đi, trên đường đi đức Phật hỏi Tôn-giả A-nan-Đà:

- Ông Châu-Na có ý gì hối hận không?

Tôn-giả A-nan-Đà đáp:

- Thưa Thế-Tôn, ông Châu-Na cúng dàng đức Phật như thế không được lợi phúc gì cả, vì sau khi Như-Lai thụ trai tại nhà ông thì Ngài nhập diệt.

Đức Phật dạy:

- Chớ nói như vậy, chớ nói như vậy. Hiện nay Châu-Na được lợi ích lớn là: *“Được sức khoẻ tốt, được tiếng tốt, được sống lâu, có nhiều của cải tiền bạc, đến khi qua đời được sinh lên cõi Trời muốn chi có vậy”*, tại sao vậy? Vì: người cúng dàng Như-Lai lúc thành đạo cũng như người cúng dàng Như-Lai lúc sắp nhập Niết-Bàn, công-đức của hai người này không hơn không kém. Vậy thầy hãy đến báo cho Châu-Na biết.

Tôn-giả A-nan-Đà vâng lời dạy của đức Phật, liền trở lại báo tin mừng cho ông Châu-Na biết; Đức Phật đi được một đoạn đường nữa thì bệnh tình phát khởi trầm trọng, nên Ngài phải dừng lại nghỉ dưới một gốc cây.

Bấy giờ có một đệ-tử của một vị A-la-Hán tên là Phúc-Quý, từ thành Câu-di na-Kiệt đi đến thành Ba-Bà, đang đi bỗng trông thấy đức Phật ngồi dưới gốc cây với dung mạo đoan chính, các căn đều tịch tĩnh, tâm ý vắng lặng bậc nhất cũng như hồ nước trong suốt không gợn sóng. Thấy xong, ông liền sinh thiện tâm, bèn vui mừng đi đến chỗ Phật ngồi, cúi đầu đánh lễ, rồi ngồi sang một bên và nói:

- Thừa Ngài, người xuất gia ưa thích sự nhàn tịnh, khi ở chỗ thanh vắng chuyên tu thì thật kỳ lạ ! Dù có đoàn xe năm trăm chiếc chạy ngang qua bên họ, họ vẫn không hay biết. Thầy tôi đã có lần im lặng ngồi dưới gốc cây bên đường, lúc đó có đoàn xe năm trăm chiếc đi ngang qua, tiếng xe chạy ầm ầm, Ngài vẫn thức tỉnh nhưng mà không nghe. Vì sau đó có người đến hỏi thầy tôi rằng: *“Nãy giờ ông có thấy đoàn xe chạy ngang qua đây không?”*

Thầy tôi trả lời: *“Không thấy”*.

Người ấy lại hỏi: *“Hồi nãy ông có nghe tiếng xe chạy ầm ầm không?”*

Thầy tôi đáp: *“Không nghe”*.

Người ấy thắc mắc hỏi: *“Từ nãy đến giờ ông thức hay ngủ?”*

Thầy tôi trả lời: *“Thức”*.

Người ấy im lặng cho là hy hữu và nói với thầy tôi: *“Vừa rồi không lâu, có năm trăm chiếc xe chạy qua đường này, tiếng xe vang động như thế mà Ngài không nghe không thấy, có đâu lại nghe chuyện khác?”*

Nói xong người ấy đánh lễ thầy tôi với tâm niệm vui vẻ, rồi ra đi, Đức Phật bảo Phúc-Quý:

- Nay Ta hỏi ông, hãy tùy ý mà đáp. Đoàn xe chạy vang động như thế, tỉnh thức mà không nghe; có tiếng sấm sét vang động cả trời-đất, tỉnh thức mà không nghe; trong hai trường hợp đó, cái nào khó hơn?

Phúc-Quý thưa:

- Tiếng ầm ầm của hàng nghìn, hàng vạn chiếc xe chạy sao bằng tiếng sấm sét. Không nghe tiếng ầm ầm của xe chạy chưa hẳn là khó; sấm sét vang động đất-trời, thức tỉnh không nghe mới là khó.

Đức Phật bảo Phúc-Quý:

- Ta có lần ở thảo-lư thuộc thôn A-Việt, lúc đó có một vàng mây lạ xuất hiện, tiếp theo là sấm sét vang động làm chết bốn con bò và hai anh em người đi cày, do đó mọi người tụ tập lại đông đảo; lúc ấy Ta ra khỏi thảo-lư để đi kinh hành một cách chậm rãi. Trong đám đông ấy có một người đến chỗ Ta cúi đầu đánh lễ, rồi đi theo Ta kinh hành. Dù biết nhưng Ta vẫn hỏi người ấy: *“Họ tụ tập làm gì thế?”*

Người ấy hỏi lại Ta: “*Nãy giờ Ngài ở đâu? Ngài đã ngủ hay thức?*”

Ta đáp: “*Ta ở trong thảo-lư và không ngủ*”.

Người ấy nói: “*Thưa Ngài, người ta tụ tập đông đảo để bàn tán với nhau về việc sấm sét đánh chết hai anh em người đi cây và bốn con bò; với tiếng sấm sét vang động cả trời-đất như thế, Ngài thức tỉnh mà không nghe thật là hy hữu, chưa từng có, và chưa từng thấy ai được định tỉnh như Ngài*”.

Lúc ấy Phúc-Quý có đem theo hai xấp vải màu vàng rất giá trị, từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay thưa:

- Nay con xin dâng cúng dâng hai xấp vải này, xin Ngài xót thương mà nhận cho.

Đức Phật bảo:

- Ông hãy dâng cho Ta một xấp, còn một xấp đem dâng cho Tỳ-kheo A-Nan hiện đang ngồi ở gốc cây đằng kia.

Vừa nói, Ngài vừa chỉ tay về phía Tôn-giả A-nan-Đà, Phúc-Quý vâng lời Phật, dâng lên Ngài một xấp, còn xấp thứ hai mang đến cúng dâng Tôn-giả A-nan-Đà. Sau đó trở lại chỗ Phật nghe đức Phật giảng pháp, nghe xong, Phúc-Quý xin được quy-y Phật-Pháp-Tăng, và nguyện tôn trọng năm giới (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, và không uống rượu); khi Phúc-Quý đánh lễ ra về rồi, Tôn-giả A-nan-Đà đem xấp vải ấy cúng dường đức Phật.

Khi Tôn-giả A-nan-Đà mặc áo Cà-Sa cho Phật lấy làm ngạc nhiên, vì thấy rằng nước da của đức Phật chiếu sáng lạ thường, nên Tôn-giả nói:

- Thưa đức Thế-Tôn, tại sao có chuyện lạ thường, rất là kỳ diệu. Màu da của đức Thế-Tôn trở nên sáng ngời, rực rỡ một cách lạ thường chưa từng có. Khi con đắp chiếc áo màu vàng lóng lánh lên mình Ngài, thì màu sắc của áo bị lu mờ đi mất.

Đức Phật bảo:

- Có hai trường hợp màu da của Như-Lai trở nên sáng lạ, rực rỡ lạ thường, đó là ngay khi thành Đạo Bồ-Đề và trước khi nhập-diệt.

2)- Đức Phật nhập Niết-Bàn.

Đức Phật tiếp tục đi, lần hồi đến rừng Long-thọ thuộc thành Câu-Thi, nơi sinh quán đời trước, thuộc Bộ-tộc Mạt-La, và Ngài bảo Tôn-giả A-nan-Đà:

- Thầy hãy sửa soạn chỗ cho Ta nằm giữa hai cây Long-thọ, đầu quay về hướng Bắc, mặt quay về hướng Tây.

Tôn-giả A-nan-Đà y theo lời Phật dạy, sửa soạn xong, đức Phật nằm xuống nghỉ, và tự lấy áo Tăng-già-Lê xếp thành bốn lớp đắp lên mình. Ngài nằm nghiêng về phía bên tay phải, hai chân xếp chồng lên nhau, trông như sư-tử chúa.

Lúc ấy giữa đám rừng cây Long-thọ, có các Quỷ-Thần hết lòng cung kính tin Phật, lấy các thứ hoa trái mùa rải khắp mặt đất. Thấy thế, đức Phật bảo Tôn-giả A-nan-Đà :

- Các Thần Long-thọ này: dùng hoa trái mùa dâng cúng cho Ta như thế, chẳng phải là cúng dàng Như-Lai.

Tôn-giả A-nan-Đà thưa

- Thế nào mới gọi là cúng dàng Như-Lai?

Đức Phật bảo:

- Người nào biết lĩnh thọ, và thực hành chính Pháp mới gọi là cúng dàng Như-Lai.

Khi ấy Tỳ-kheo Phạm-ma-Na đang cầm quạt đứng hầu, đức Phật bảo:

- Nay Phạm-ma-Na: thầy chớ đứng trước Ta, hãy đi chỗ khác.

Nghe đức Phật nói vậy, Tôn-giả A-nan-Đà thưa:

- Thầy Phạm-ma-Na thường: hầu hạ bên cạnh đức Thế-Tôn, cung cấp những điều cần thiết cho đức Thế-Tôn, cung kính Ngài không bao giờ biết chán nản mỗi một, hôm nay là ngày cuối cùng, nên để cho thầy Phạm-ma-Na hầu hạ, sao đức Thế-Tôn lại đuổi đi là vì lý do gì con không hiểu?

Đức Phật bảo:

- Nay A-Nan, chung quanh thành Câu-Thi này, cách xa mười hai do tuần (12 x 15 = 180 kilomet = 120 miles) đều có các vị Thiên-Thần chật ních cả. Các vị đại Thiên-Thần đều trách Tỳ-kheo Phạm-ma-Na rằng: *“Sao lại đứng trước đức Thế-Tôn như thế, trong giờ phút Thế-Tôn sắp nhập Niết-Bàn? Chúng ta đến muốn chiêm- bái một lần cuối, nhưng vị Tỳ-kheo này với oai đức lớn lao, ánh sáng chói lòa che lấp tất cả, khiến chúng ta không thấy,*

không đến gần đức Như-Lai được để lễ-bái cúng dàng”. Nay A-Nan, vì thế mà Ta bảo thầy ấy đi chỗ khác.

Bấy giờ Tôn-giả A-nan vội quỳ chấp tay thưa:

- Xin đức Thế-Tôn chớ diệt độ nơi vùng đất hoang vu này, vì hiện nay có các thành nước lớn như Chiêm-Bà, Tỳ-xá-Ly, thành Vương-Xá, nước Bạt-Kỳ, nước Xá-Vệ, nước Ca-duy-la-Vệ, thành Ba-la-Nại. Tại những nơi đó dân cư đông đúc, nhiều người ngưỡng mộ Phật-Pháp-Tăng. Nếu đức Thế-Tôn nhập diệt ở những nơi ấy chắc chắn nhiều người sẽ đến cung kính cúng dàng Xá-lợi Phật.

Đức Phật dạy:

- Thôi, thôi, A-Nan chớ nghĩ như thế, Ta đã mất ba tháng để đi tới đây, chớ cho đây là vùng hẻo lánh chật hẹp. Tại sao? Vì từ xa xưa, tại quốc độ này có một vị Vua tên là Đại Thiện-Kiến, thành này lúc đó tên là Câu-xá-bà-Đề, kinh đô của nhà Vua rất nguy nga đồ sộ, dân cư đông đúc, và đời sống rất phồn thịnh. Vua có đủ bảy báu, đó là: *“Xe báu, Ngựa-xanh báu, Voi-trắng báu, Cừ-sĩ báu, Thần-châu báu, Chủ-binh báu và Ngọc-nữ báu”*. Vua dùng chính pháp trị dân. Về sau Vua Đại Thiện-Kiến tự nghĩ: *“Ta đã tu hành điều gì mà có được quả báo tốt đẹp này? Nay Ta đã hưởng phúc nhân-gian, vậy ta hãy tu về phúc báo cõi Trời”*. Nghĩ xong, Vua liền bảo Ngọc-nữ báu rằng: *“Ta đã hưởng phúc báo nhân-gian, vậy nay ta cần tu thêm về phúc báo cõi Trời, muốn như thế ta phải tự hạn chế, tránh chỗ ồn ào, đồng thời ở nơi thanh vắng để tu luyện”*.

Lúc đó Vua bảo Ngọc-nữ báu ra lệnh cho tất cả mọi người trong ngoài từ nay về sau miễn sự châu chực Vua. Vua bèn lên Pháp-điện, vào Lầu-vàng, ngồi trên Long-sàng (giường của vua) bằng bạc mà tư-duy quán tưởng. Trải qua một thời gian, nhà Vua đạt được ý niệm thanh-tịnh, và chứng được lần lượt từ thiền thứ nhất đến thiền thứ tư, rồi Vua tu tập về tâm Từ.

Bấy giờ Ngọc-nữ báu tự nghĩ: *“Đã lâu ta không được diện kiến đức Vua, vậy nay đã đến lúc ta nên ra mắt Ngài một lần”*. Nghĩ xong, ngọc-nữ báu Thiện-Hiền liền ra lệnh cho tất cả Mỹ-nữ trong cung Vua: *“Các em hãy tắm gội sạch sẽ, xoa dầu thơm, trang sức áo quần đẹp đẽ. Vì sao? Vì đã lâu ta không diện kiến đức Vua, vậy nay ta phải ra mắt Ngài một lần”*.

Khi mọi người chuẩn bị xong, Ngọc-nữ báu hướng dẫn đoàn người (đẹp như Tiên-nữ) đến vườn Đa-Lân, tiếng ồn ào (tiếng cười nói như tiếng chim

hót liú lo) của đoàn người đến tai Vua. Ngài bèn đi đến bên cửa sổ nhìn xem, thấy Ngọc-nữ báu đang tiến lên bên dưới cửa sổ, Vua liền bảo: “*Ngọc-nữ báu, hãy đứng đó, đừng tiến lên, vì ta sắp ra*”.

Vua Đại Thiện-Kiến đi ra khỏi điện Chính-Pháp, tiến đến chỗ ngồi tại vườn Đa-Lân, Ngọc-nữ báu đến trước mặt Vua mà thưa: “*Tâu Đại-Vương, nay nhan sắc Ngài trở nên tươi đẹp hơn lúc bình thường, chắc không phải điềm gì khác hơn là Ngài xả bỏ tuổi thọ chăng?*”

Ngọc-nữ báu nói tiếp: “*Vậy nay đây,
Trong tám vạn bốn nghìn cỗ Xe, Xe-báu giá trị nhất;
Trong tám vạn bốn nghìn loại Ngựa, Ngựa-xanh báu là chạy nhanh hơn
cả;*

*Trong tám vạn bốn nghìn loại Voi, Voi-trắng báu là can đảm nhất;
Trong tám vạn bốn nghìn Bảo vật, Thân-châu báu là quý nhất hạng;
Trong tám vạn bốn nghìn Cư-sĩ, Cư-sĩ báu là giỏi hơn cả;
Trong tám vạn bốn nghìn Sát-đế-Lý, Chủ-binh báu là anh dũng số một;
Trong tám vạn bốn nghìn Mỹ-nữ, Ngọc-nữ báu là đẹp để đảm đang hơn
hết các Mỹ-nữ;*

*Trong tám vạn bốn nghìn thành-trì, thành Câu-xá-bà-Đề này lớn nhất với
cung-điện Chính-Pháp, lâu-đài Đại-Chính đều là hơn hết thảy.*

*Tất cả các thứ báu ấy đều là của Đại-Vương đấy, xin Ngài một chút lưu
tâm để cùng hưởng vui thú, chớ vội qua đời bỏ muôn dân phải cô quạnh
thương nhớ”.*

Vua Đại Thiện-Kiến trả lời Ngọc-nữ báu rằng: “*Từ xưa tới nay nàng đã
cung phụng ta một cách từ-ái, chưa bao giờ có những lời nói sơ sót, sao nay
lại có những lời nói ấy? Tất cả các thứ báu ấy đều là vô thường, không gìn
giữ lâu dài được, mà nàng khuyên ta phải giữ lấy là thuận sao?*”

Ngọc-nữ báu thưa: “*Chẳng hay Đại-Vương bảo phải nói như thế nào
mới đúng?*”

Nhà Vua ôn tồn bảo Ngọc-nữ báu: { {Nếu như nàng nói rằng: “*Các thứ
báu ấy đều là vô thường không gìn giữ lâu được, xin Ngài không nên lưu
luyến làm chi cho nhọc tâm tổn sức*”. Tại sao vậy? “*Vì mạng sống của Đại-
Vương, không còn kéo dài được bao lâu nữa, sẽ chấm dứt, để qua đời khác.
Trên đời này hề có sinh ắt có tử, có hợp thì có tan, và không sống đời mãi
mãi được. Vậy Ngài hãy cắt đứt ái ân mà giữ ý đạo*”; đây chính là lời nói
kính thuận vậy} }.

Đức Phật kể tiếp:

- Nay A-Nan, khi ấy Ngọc-nữ báu nghe đức Vua dạy xong, nước nở khóc, buồn rầu rũ rượi, ngậm ngùi nhắc lại các lời Vua vừa dạy bảo. Trong khi Ngọc-nữ báu nước mắt giàn giụa, nói lời vỗ về ấy thì Vua Đại Thiện-Kiến bỗng nhiên băng-hà (qua đời) mau chóng, nhẹ nhàng và đơn giản.

Sau khi Vua Đại Thiện-Kiến băng-hà, lần lượt Ngọc-nữ báu, Chủ-binh báu, Cư-sĩ báu, Voi-Trắng báu, và Ngựa-xanh báu chết dần dần hết. Xe báu, và Thần-châu báu đều biến mất. Còn thành-trì, cung-điện, và lâu-đài cũng dần dần đổ nát hết mà biến vào đất.

Này A-Nan, Ta còn nhớ thời xa xưa ấy, đã sáu lần làm Chuyển-Luân Thánh-Vương, và đã có lần Ta bỏ xác tại nơi đây. Nay Ta đã thành Vô-Thượng Chính-Giác, lại cũng muốn bỏ xác tại đây. Từ nay về sau Ta dứt hẳn sinh tử, không còn chỗ nào là chỗ bỏ xác Ta nữa, đây là lần cuối cùng.

Bấy giờ đức Phật bảo Tôn-giả A-nan-Đà vào thành Câu-Thi báo cho dân chúng biết. Khi Tôn-giả đến nơi gặp một nhóm người đông đảo vì một nhân duyên đang tụ họp, Tôn-giả nói:

- Nay quý vị, tôi vì lợi ích của quý vị mà đến báo tin là đức Như-Lai định vào lúc nửa đêm hôm nay, Ngài sẽ vào Niết-Bàn. Quý vị nên đến nơi hai cây đại Long-thọ thuộc rừng Ta-La là chỗ Như-Lai đang ngự để kịp thời hỏi những điều hoài nghi, và trực tiếp nghe Ngài chỉ dạy, để sau khỏi hối tiếc.

Khi nghe những lời ấy, họ đều kinh ngạc, kêu than, rồi họ bảo nhau về nhà đem quyến thuộc cùng đi đến rừng Ta-La chỗ có các cây Long-thọ. Tôn-giả A-nan-Đà dẫn số người này đến trước đức Phật đánh lễ và thăm hỏi xong, đức Phật vì họ mà dạy về lý vô thường, và chỉ dẫn những điều lợi ích vui mừng. Khi nghe Pháp xong, các người Mạt-Na đem năm trăm thước (mỗi thước bằng hai gang tay) vải trắng đã mang theo dâng lên cúng dàng đức Phật, và đánh lễ lui về.

Lúc đó trong thành Câu-Thi có một Phạm-chí tên là Tu-Bạt, đã một trăm hai mươi tuổi, nhưng còn khỏe mạnh, là bậc kỳ cựu, trí thức. Nhân nghe Sa-môn Cù-Đàm đêm nay sẽ diệt độ vào lúc nửa đêm, ông tự nghĩ: *“Ta đối với giáo pháp còn có điều nghi ngờ, chỉ có đức Cù-Đàm Như-Lai mới hiểu ý ta, ta nên đến để kịp hỏi Ngài”*. Ngay lúc đó ông cố gắng đi đến rừng Ta-La chỗ các cây Long-thọ, khi tới nơi, ông gặp tôn-giả A-nan-Đà và xin được bái yết đức Như-Lai vì có điều còn nghi ngờ muốn hỏi. Tôn-giả từ

chối vì cho rằng đức Thế-Tôn mệt nhọc chịu không nổi. Ông Tu-Bạt cố nài xin đến ba lần, nhưng vẫn bị Tôn-giả A-nan-Đà từ chối như thế. Khi đó đức Phật nghe được và Ngài bảo Tôn-giả:

- Nay A-Nan, thầy không nên ngăn cản, hãy để cho ông ấy đến gặp Ta, vì ông ấy muốn giải quyết điều nghi ngờ. không có gì phiền phức cả. Và lại ông ấy nghe pháp Ta chắc chắn sẽ được giải thoát.

Vâng lời đức Phật, Tôn-giả A-nan-Đà để cho ông Tu-Bạt đến chào hỏi đức Phật xong ông thưa :

- Tôi có điều nghi về giáo-pháp, Ngài có khoẻ để giải quyết cho một lần chăng?

Đức Phật đáp:

- Ông cứ tùy ý hỏi.

Ông Tu-Bạt liền nói:

- Tại sao có những người tự xưng là bậc thầy như các ông Phật-lan-Ca-na-Diếp, ông Mạt-già-Lê-Kiêu-Xa-Lê, ông Ba-phù-ca-Chiên v.v. những người này đều có giáo-pháp riêng, đức Sa-môn Cù-Đàm có biết hết hay không?

- Thôi, thôi, khỏi nói nữa, những giáo-lý của các ông ấy Ta đã biết tất cả. Nay Ta vì ông mà nói đến giáo-pháp thâm diệu, ông hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ về giáo-pháp này.

- Vâng.

- Nếu trong giáo-pháp nào không có Tám Thánh-đạo, nghĩa là không có: “Chính Kiến, Chính Tư-duy, Chính Ngữ, Chính Mệnh, Chính Nghiệp, Chính Tinh-tấn, Chính Niệm, và Chính Định”, thì trong giáo-pháp đó không có bốn quả Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, và thứ tư. Nay ông Tu-Bạt, trong giáo-pháp của Ta có bát Thánh-đạo, nên có bốn quả Sa-môn; trái lại trong giáo-pháp ngoại đạo không có bát Thánh-đạo, nên không có bốn quả vị Sa-môn. Nếu các Tỳ-kheo tìm hãm tâm lại để tu hành thì thế-gian này sẽ không bao giờ mất hẳn quả vị A-la-Hán.

- Tôi nay có được ở trong giáo-pháp của Ngài mà xuất gia thọ cụ-túc giới không?

- Nay ông Tu-Bạt, nếu có người Phạm-chí tu theo pháp khác, nay muốn dục vào pháp của Ta để tu hành phải trải qua bốn tháng thử thách, hầu xem xét

hành vi họ, chí nguyện họ, tính nết họ. Nếu thấy đầy đủ tư cách, không gì thiếu sót mới cho họ ở trong giáo-pháp của Ta thọ cụ-túc giới. Nhưng ông nên biết, tuy vậy còn tùy theo hành vi của mỗi người mà xét.

Ông Tu-Bạt thưa:

- Như thế thì hàng ngoại đạo học theo giáo-pháp khác phải tập sự thử thách, trải qua bốn tháng để xem xét hành động họ thế nào, nếu thấy đầy đủ tư cách, không thiếu oai nghi, mới được thọ cụ-túc giới. Nay tôi xin ở trong chính-pháp của Ngài phục-dịch bốn năm, một khi không còn sơ suất, mới xin được thọ cụ-túc giới.

Ngay trong đêm ấy, ông Tu-Bạt xuất gia thọ giới, tu hạnh thanh-tịnh, tinh tấn hành trì theo lời Phật giảng dạy, và tự mình chứng ngộ ngay trong hiện tại. Khi gần nửa đêm, ông chứng quả A-la-Hán, và ông xin được diệt độ trước đức Phật. Ông là đệ-tử cuối cùng, và lúc ấy ông là đệ-tử nhiều tuổi nhất của đức Phật.

Bấy giờ, Tôn-giả A-nan-Đà không ngăn nổi cơn bi lụy, ngậm ngùi than khóc vì đức Phật sắp nhập diệt trong khi Tôn-giả chỉ mới lên được bậc có học (hữu học) mà đạo quả chưa thành. Đức Phật biết thế, nên Ngài nói với Tôn-giả :

- Nay A-Nan, thôi đi, chớ có nức nở khóc than, từ trước tới giờ Thầy hầu hạ Ta với cử chỉ hiền hòa khiêm tốn, lời nói lễ độ đúng pháp, ấy là Thầy đã cúng dường Ta, công-đức rất lớn; nếu có sự cúng dàng nào từ Trời, Ma, Sàmôn, Bà-la-Môn, cũng không sao sánh được, Thầy hãy cố gắng lên, ngày thành đạo không còn bao lâu nữa.

Rồi đức Phật khen ngợi nhiều công-đức khác của Tôn-giả A-nan-Đà, Tôn-giả cảm thấy phấn khởi khi được đức Phật ngợi khen, nên nguôi quên đi sự bi lụy, Tôn-giả vội quỳ gối trước Phật mà nói:

- Thưa đức Thế-Tôn, sau khi Ngài diệt độ rồi, các hàng đệ-tử làm thế nào để tưởng nhớ đức Phật?

- Nay A-Nan, chớ lo, các hàng đệ-tử sẽ có bốn chỗ để tưởng nhớ Phật là:

1- Thứ nhất là chỗ Phật Giảng-sinh có những công-đức như thế.

2- Thứ hai là nơi Phật Thành-đạo có những thần-lực như thế.

3- Thứ ba là nơi Phật chuyển Pháp-luân lần đầu có những sự hóa-độ như thế.

4- Thứ tư là chỗ Phật vào Niết-Bàn có những lời di-chức như thế.

Các hàng đệ-tử có bốn chỗ ấy để tưởng nhớ, vui mừng muốn thấy, ghi nhớ không quên, và sinh lòng luyến mộ; rồi mỗi người nên đi đến bốn nơi đó, sau khi kính lễ, xây Chùa dựng Tháp, thì sau khi qua đời đều được sinh lên cõi Trời.

Tôn-giả A-nan-Đà hỏi tiếp:

- Thừa đức Thế-Tôn, sau khi Phật nhập diệt, có những đệ-tử ngỗ nghịch, tự chuyên ương ngạnh, không tuân theo giáo-luật của Phật, phải đối xử với người này như thế nào?

- Nay A-Nan, sau khi Ta diệt độ, nếu có những hạng người như thế, các thầy hãy đem họ mà xử trị theo pháp Phạm-đàn là thông báo cho các đệ-tử khác, không ai được nói chuyện với họ, hoặc tiếp xúc, tới lui, dạy dỗ, cộng tác với họ.

- Nay A-Nan, thầy cho rằng các Tỳ-kheo không có nơi nương tựa, không có ai che chở sau khi Ta nhập diệt ư? Đừng nghĩ như vậy, những Kinh, Luật mà Ta đã giảng dạy từ khi thành Phật đến nay là chỗ nương tựa che chở cho các thầy đó, từ nay trở đi, Ta cho phép các thầy được tùy nghi bỏ bớt các giới nhỏ nhặt; các thầy hãy lễ độ, trên dưới hòa thuận với nhau, đó là pháp kính thuận của người xuất gia mà các Thầy cần để ý.

- Nay các Tỳ-kheo, các thầy đối với Phật, Pháp, chúng Tăng và Chính-Đạo còn có điều gì nghi ngờ không?, ai nghi ngờ, không hiểu bất cứ điều gì thì hỏi ngay đi cho kịp thời, để sau này khỏi hối tiếc, vì giờ này Ta vẫn còn đây và giải quyết cho.

Khi ấy các thầy Tỳ-kheo đều yên lặng không người nào có thắc mắc, Đức Phật hỏi như thế lần thứ hai, rồi Ngài hỏi lần thứ ba, các thầy Tỳ-kheo cũng vẫn im lặng, đức Phật lại nói:

- Nếu các thầy e ngại không dám hỏi thì nhờ người khác hỏi giùm cho kịp, để sau này khỏi hối tiếc.

Lúc ấy vẫn không có thầy Tỳ-kheo nào nêu thắc mắc, Tôn-giả A-nan-Đà đứng lên, quỳ xuống, chấp tay nói:

- Thừa đức Thế-Tôn, con tin trong đại chúng này, ai nấy đều có lòng tin thanh-tịnh, không còn hoài nghi về Phật, Pháp, Tăng nữa.

Đức Phật dạy:

- Nay A-Nan, Ta biết trong đại chúng này, dù một Tỳ-kheo nhỏ nhất cũng thấy được dấu đạo, không còn đọa vào đường ác, chỉ còn bảy lần sinh lại cõi dục này là diệt hết khổ.

Bấy giờ đức Phật thọ ký cho một nghìn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đệ-tử chứng được đạo quả, xong Ngài để lộ cánh tay sắc vàng và bảo các đệ-tử:
- Các Thầy nên nhớ rằng Như-Lai xuất hiện ở đời cũng như hoa Ưu-đàm bát-La xuất hiện vậy, và Ngài diễn tả lại bằng bốn câu Kệ:

Cánh tay phải sắc vàng,
Phật hiện như linh-thụy,
Đến đi đều vô thường,
Hiện diệt không buông lung.

Các thầy không nên: buông lung phóng dật (lười biếng) trong việc tu hành, Ta nhờ không buông lung mà thành Chính-Giác, và vô lượng điều lành đều nhờ không buông lung mà có được.

Ngừng lại một vài giây, đức Phật nói tiếp:

- Các thầy nên biết: ***“Tất cả vạn vật đều vô thường, vì không có cái gì bền vững mãi mãi, đó là lời dạy cuối cùng của Như-Lai mà các Thầy phải ghi nhớ”***

Dạy các đệ-tử xong, đức Phật để tay trái xuôi trên hông bên trái, chân trái vẫn chông trên chân phải, từ từ khép hai mắt lại. Khởi đầu, Ngài vào định Sơ-thiền, rồi từ định Sơ-thiền ra để vào định Nhị-thiền; từ định Nhị-thiền ra để vào định Tam-thiền; từ định Tam-thiền ra để vào định Tứ-thiền; từ định Tứ-thiền ra để vào định Không-xứ (Không Vô Biên Xứ); từ định Không-xứ ra để vào định Thức-xứ (Thức Vô biên xứ); từ định Thức-Xứ ra để vào định Bất-dụng (Vô sở Hữu xứ); từ định Vô-dụng ra để vào định Hữu-tướng; từ định Hữu-tướng ra để vào định Vô-tướng; từ định Vô-tướng ra để vào định Diệt-tướng (Phi Tướng Phi Phi Tướng).

Lúc đó Tôn-giả A-nan-Đà hỏi Tôn-giả Trưởng-lão A-na-Luật:

- Thừa Trưởng-lão, đức Thế-Tôn đã nhập Niết-Bàn rồi sao?

- Chưa, đức Thế-Tôn hiện đang ở trong định Diệt-tướng, tôi lúc trước ở gần đức Thế-Tôn được nghe rằng khi từ định Tứ-thiền ra lần thứ hai, thì đức Thế-Tôn mới nhập Niết-Bàn.

Khi ấy đức Phật từ định Diệt-tướng ra để vào định Vô-tướng (bắt đầu ngược lại), rồi từ định Vô-tướng ra để vào định Hữu-tướng, định Bất-dụng, định Thức-xứ, định Không-xứ, định Tứ-thiền, định Tam-thiền, định Nhị-thiền ra để vào định Sơ-thiền. Rồi Ngài lại từ định Sơ-thiền ra để vào định Nhị-thiền, từ định Nhị-thiền ra để vào định Tam-thiền, từ định Tam-thiền ra để vào định Tứ-thiền, từ định Tứ-thiền ra, đức Phật nhập Niết-Bàn.

Ngay lúc ấy, mặt đất rung động mạnh, Trời, Người, muôn vật đều khùng khiếp kinh hoàng; những chúng-sanh ở những chỗ tối tăm, nơi kín đáo, hang hốc, không có mặt Trời hay mặt Trăng chiếu đến đều được soi sáng, trông thấy lẫn nhau. Trên trời: Chư vị Trời Đao-Lợi ở giữa hư không rải hoa như tuyết rơi để cúng dàng đức Như-Lai, hoa phủ cả một vùng rộng lớn.

3)- Tán thán và cúng dàng thân Phật.

Bấy giờ Phạm Thiên-Vương, Đế-Thích, Thần-Kim Tỳ-La, Phật-Mẫu (Mẹ của Phật), Thần Long-Thọ, Thần rừng Ta-La, Trời tứ-Thiên-Vương, Trời Đao-Lợi, Trời Diệm-Ma, Trời Đâu-Xuất, Trời Hóa-Tự-Tại, Trời Tha-Hóa Tự-Tại, Vua Tỳ-Sa-Môn, Tôn-giả A-na-Luật, Tôn-giả Phạm-ma-Na, Tôn-giả A-nan-Đà, Lục-sĩ Mật-Tích (Thần hộ vệ của đức Phật), và các Tỳ-kheo lần lượt nói Kệ tán thán đức Phật.

Sau khi các vị nêu trên tán thán đức độ siêu Phàm vượt Thánh của đức Phật xong, các Tỳ-kheo cảm thấy cô độc vì đã mất đi cả một bầu trời sáng lạng. Các thầy buồn rầu, khóc than, lăn lóc kêu rên vì không tìm hãm nổi nỗi xúc động, và kể lể:

- Đức Thế-Tôn diệt độ quá sớm! Đại-Pháp chìm quá sớm, mắt thế-gian đã diệt mất, cũng ví như cây lớn đã tróc gốc rễ thì cành lá phải bị gãy đổ, v.v.

Bấy giờ Tôn-giả A-na-Luật bảo:

- Thôi đi, thôi đi, các thầy chớ có khóc lóc, than vãn như thế nữa, kéo vô số các vị Trời trên hư không nhìn xuống, họ sẽ chê trách chúng ta.

Các thầy Tỳ-kheo hỏi Tôn-giả A-na-Luật:

- Trên hư không có bao nhiêu vị Trời ?

- Đầy cả hư không, đâu có đếm tính mà biết hết được. Họ cũng buồn bã, than van, nhưng không ồn ào như chúng ta.

Sáng hôm sau, vâng lời Trưởng-lão A-na-Luật, Tôn-giả A-nan-Đà vào thành Câu-Thi báo cho dân chúng biết, khi gặp một đám đông người nhân có một chút duyên sự nhóm họp tại một nơi, Tôn-giả A-nan-Đà bảo họ:

- Nay tôi vì muốn sự lợi ích cho quý vị, nên đến đây báo cho quý vị biết, đó là đức Phật đã diệt độ trong đêm qua tại rừng Ta-La giữa hai cây đại Long-thọ, nếu như quý vị muốn cúng dàng thân Phật thì hãy đến cho kịp.

Dân chúng Mạt-La nghe lời ấy xong, thấy đều xúc động than tiếc, và bảo nhau:

- Chúng ta hãy về nhà báo cho bà con, anh em, bạn bè, xóm giềng biết, cùng sửa soạn hương hoa, kỹ nhạc đến rừng Ta-La chỗ những cây đại Long-thọ để cúng dàng thân Phật.

Những thân-hào nhân-sĩ Mạt-La dự trù: *“Dân chúng sẽ đến cúng dàng thân Phật trong một ngày tại rừng Long-thọ, rồi sau đó để thân Phật trên một cái kiệu lớn, đồng thời cho các Đồng-tử Mạt-La khiêng kiệu, có phướn, lọng, bảo cái, xông hương, rải hoa, và kỹ nhạc đi khắp bốn hướng thành để mọi người trong thành chiêm bái. Sau nữa là rước thân Phật đến một ngọn đồi cao ở phía Bắc thành Câu-Thi để làm lễ trà-tỳ”* (hỏa thiêu).

Một ngày cúng dàng trôi qua, các người Mạt-La thỉnh thân Phật đặt trong kiệu, rồi những thanh niên trai tráng xúm quanh lại khiêng kiệu, nhưng họ nhắc kiệu lên không được, dù có tăng thêm nhiều người cũng vậy. Tôn-giả A-na-Luật liền bảo:

- Nay các vị, hãy thôi đi, chỉ nhọc công các trai tráng một cách vô ích, vì chư vị Trời chưa muốn đưa rước thân Phật vào trong thành; họ muốn lưu thân Phật tại nơi đây bảy ngày để cho tất cả Chư-Thiên ở các tầng Trời đến kính lễ cúng dàng. Sau đó mới thỉnh kiệu vào cửa Đông qua cửa Tây, xuống cửa Nam, lên cửa Bắc để cho dân chúng được chiêm bái; từ cửa Bắc qua sông Ni-liên-Thiên, đến Chùa Thiên-Quan mà làm lễ trà-tỳ, đó là ý chư vị Trời, khiến không nâng kiệu lên được.

Người Mạt-La nói:

- Hay lắm, xin tùy ý chư Thiên,

Lúc ấy, người Mạt-La bảo nhau cử một số người ở lại để dâng hương, hoa, đèn, và hòa tấu kỹ nhạc cúng dàng thân Phật; những người không có

nhệm vụ ở lại, về thành cổ động anh em bà con dân chúng, quét dọn cống ngõ, đường sá và chuẩn bị các việc trong thành; họ còn phân chia nhau để luôn luôn có người phụ trách việc dâng hương hoa đèn, và hòa tấu nhạc cúng dàng thân Phật suốt trong cả bảy ngày lẫn đêm.

Đúng hết hạn bảy ngày, các thanh niên Mạt-La thỉnh kiệu lên vai, có treo bảo cái, cầm phướn, lọng, xông hương, rải hoa, và trỗi nhạc; đoàn người đi theo kiệu đủ cả tăng tục, nam phụ lão ấu, thứ lớp thông thả, đi chật cả một đoạn đường dài.

Khi đoàn rước thân Phật bắt đầu đi, thì các vị trời Dao-Lợi rải năm loại hoa Trời xuống như tuyết rơi, như bướm bay, rợp cả một vùng trời. Nhạc Trời trỗi lên âm vang cả một vùng rộng lớn có các Quỷ-Thần xướng ca tiến đưa, làm lẫn át tiếng nhạc của cõi Người! Người Mạt-La thấy thế nên bảo nhau:

- Hãy dừng nhạc của chúng ta, thỉnh nhạc của chư Thiên hay hơn, đặc biệt hơn.

Khi đoàn rước thân Phật đã đi hết bốn cửa thành, dân chúng Mạt-La của thành Câu-Thi tán thán cúng dàng chiêm bái xong, họ rước thân Phật ra cửa thành phía Bắc, qua sông Ni-liên-Thiên, rồi đến Chùa Thiên-Quan. Tại đây, các vị Bồ-Lão Mạt-La hỏi Tôn-giả A-nan-Đà:

- Chúng tôi giờ đây nên hỏa táng thân Phật bằng cách nào? Xin Tôn-giả cho biết.

Tôn-giả A-nan-Đà đáp:

- Tôi đích thân nghe đức Phật dạy là muốn táng thân Phật hãy theo cách táng một vị Chuyển-Luân Thánh-Vương mà làm. Trước hết lấy nước thơm tắm rửa, lau khô thân Ngài, và dùng năm trăm thước vải trắng cuốn quanh nhiều lần; rồi đặt thân Ngài vào trong Kim-quan (Quan-tài), lấy dầu vừng (dầu mè) tưới vào, và đập nắp Kim-quan lại. Sau nữa đặt Kim-quan vào trong một cái Quách bằng sắt (Kim-Tĩnh), rồi đặt cái Quách bằng sắt này vào trong một cái Quách bằng gỗ thơm chiên-đàn (ba lớp cả thảy). Sau chót là đặt cái Quách gỗ chiên-đàn trên một giàn củi gỗ, rồi chất lên trên và chung quanh củi gỗ và hương liệu nổi tiếng mà trà-tỳ (thieu táng). Trà-tỳ xong, thu nhặt Xá-Lợi, xây Tháp ở các ngã tư đường lớn, đặt Xá-Lợi trong Tháp, đồng thời treo bảo cái, phướn lọng để mọi người trông thấy dễ dàng.

Đức Phật bảo: *“Nếu muốn táng Ta cũng làm như thế, để mọi người tưởng nhớ và kính mộ công-đức của Như-Lai. Nhờ đó khi còn sống họ được*

phúc lợi, khi chết họ được sinh đến cõi lành, ngoài ra đối với người tu được dễ dàng thấy đạo”.

Nghe rồi, dân Mạt-La chia nhau đi lo chuẩn bị các thứ cần thiết, khi có đầy đủ các thứ, họ trở lại và làm đúng như lời tôn-giả A-nan-Đà đã nói; khi mọi việc tẩm liệm xong xuôi, có vị Đại-thần dòng Mạt-La tên là Lệ-Di, tay cầm bó đuốc lớn cúi đầu xá lạy, rồi châm lửa từ bó đuốc vào giàn hỏa thiêu kim-thân đức Phật, nhưng châm mỗi một lúc lâu vẫn không cháy? Kế đó có vị Trưởng-lão Mạt-La cầm đuốc khác đốt theo, nhưng giàn hỏa thiêu cũng vẫn không cháy; rồi nhiều bó đuốc khác cùng châm mỗi đốt một lượt, nhưng lạ thay giàn hỏa thiêu vẫn không cháy lên được?! Thấy vậy, Tôn-giả Trưởng-lão A-na-Luật bảo:

- Thôi đi quý vị, các ông không đốt cháy được đâu. Giàn hỏa không cháy được là do ý các vị Trời, vì chư Thiên muốn đợi vị đại đệ-tử của Phật là Tôn-giả Đại Ca-Diếp dẫn năm trăm Tỳ-kheo từ nước Ba-Bà đến đây, hiện nay họ đang đi nửa đường về đây cho kịp thấy thân Phật trước khi trà-tỳ.

Lúc đó Tôn-giả Đại Ca-Diếp đang dẫn các đệ-tử Phật trên đường vội vã đến để chiêm bái thân Phật, gặp một thanh niên trong tay cầm một đoá hoa trời Văn-đà-La, Tôn-giả hỏi:

- Anh bạn trẻ từ đâu lại đây có biết Thầy tôi không?

- Tôi từ thành Câu-Thi lại đây, Thầy ông nếu là Sa-môn Cù-Đàm đã diệt độ cách nay bảy ngày rồi, tôi từ đó đến, nên tôi nhận được đoá hoa Trời này.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp nghe xong buồn bã không vui, các Tỳ-kheo khác khóc lóc kêu than, Tôn-giả bảo các Tỳ-kheo nên đi mau đến rừng Ta-La để kịp được thấy kim-thân Phật. Khi đoàn Tỳ-kheo đi đến bờ sông Ni-liên-Thiên, được tin thân Phật đang quán tại Chùa Thiên-Quan, họ lập tức đến Chùa Thiên-Quan. Vừa tới nơi, Tôn-giả Đại Ca-Diếp trông thấy Tôn-giả A-nan-Đà, liền hỏi:

- Chúng tôi muốn được thấy kim-thân đức Phật trước khi hỏa táng có được không?

Tôn-giả A-nan-Đà đáp:

- Tuy chưa trà-tỳ, nhưng mà khó thấy được, vì thân đức Phật được cuộn bằng năm trăm thước vải trắng đặt trong một Kim-quan, rồi tưới tẩm dầu vùng. Đồng thời Kim-quan ấy đặt trong một cái Quách bằng sắt, cái Quách bằng sắt này lại được đặt trong một cái Quách khác bằng gỗ chiên-đàn, do đó thân Phật khó thấy được.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp hỏi xin lần thứ hai, rồi hỏi lần thứ ba, nhưng Tôn-giả A-nan-Đà vẫn trả lời y như thế. Chẳng biết làm thế nào, Tôn-giả Đại Ca-Diếp hướng về phía giàn hỏa mà đánh lễ, ngay chính lúc đó bỗng nhiên thấy chân Phật thò ra ngoài. Tôn-giả nhìn thấy chân Phật có màu sắc lạ, bèn hỏi Tôn-giả A-nan-Đà:

- Thân Phật vốn màu sắc vàng, sao chân Ngài có màu sắc lạ như thế?

Tôn-giả A-nan-Đà đáp:

- Trước đây có một bà già vì tiếc thương Phật, sờ chân Phật và có lẽ làm rơi nước mắt trên chân Phật nên có màu sắc khác lạ như thế.

Thế rồi Tôn-giả Đại Ca-Diếp hướng vào Kim-thân Phật đánh lễ, bốn chúng cùng các vị Trời trên hư không cùng đồng loạt đánh lễ, lúc đó bỗng nhiên không còn trông thấy chân Phật thò ra ngoài nữa!?

Tôn-giả Đại Ca-Diếp đi chung quanh kim thân Phật ba vòng, vừa đi vừa nói kệ tán thán công đức vô biên của Phật. Tôn-giả Đại Ca-Diếp có đại oai đức, có oai thần lớn lao, vì Tôn-giả vừa nói kệ vừa đi hết ba vòng xong, giàn hỏa thiêu tự nhiên bùng cháy mà không cần đốt lửa!?

4)- Bảy nước cầu thỉnh Xá-Lợi Phật.

Khi hỏa thiêu thân Phật xong: người Mạt-La chuẩn bị thâu thập Xá-Lợi trong khi đợi cho Quách sắt nguội, và tính việc xây tháp để thờ Xá-Lợi Phật.

Lúc ấy, các vua và dân chúng bảy nước gồm:

- 1- Vua nước Ba-Bà,
- 2- Dân chúng dòng Bạt-Ly thuộc nước La-Phả,
- 3- Dân chúng dòng Bà-la-Môn nước Tỳ-lưu-Đồ,
- 4- Dân chúng dòng Câu-Lợi thuộc nước La-ma-Già,
- 5- Dân chúng dòng Thích-ca nước Ca-duy-La-Vệ,
- 6- Dân chúng dòng Ly-Xa thuộc nước Tỳ-xá-Ly,
- 7- Và vua A-xà-Thế của nước Ma-kiệt-Đà.

Các vua và các dân-tộc bảy nước nghe tin đức Phật diệt độ tại rừng Ta-La, nước Câu-Thì, thì họ đều tự nghĩ: *“Ta nên đến đó cầu xin lấy một phần Xá-Lợi đem về xây tháp thờ, để mọi người dân trong nước được phụng kính chiêm bái Xá-Lợi Phật”*.

Vua A-xà-Thế và Vua nước Ba-Bà đều huy động bốn thứ binh quân và cử sứ-giả đến thưa hỏi, Vua A-xà-Thế cử ông Hương-Tánh và dặn dò các điều cần nói. Bấy giờ ông Hương-Tánh đến thành Câu-Thi thưa với Vua nước Câu-Thi rằng:

- Vua nước Ma-kiệt-Đà là A-xà-Thế hỏi thăm Đại-Vương. Vua nước Ma-kiệt-Đà với Ngài hết lòng tương kính nhau, nay nhân nghe đức Như-Lai diệt độ tại quý quốc. Đối với đức Thế-Tôn, Vua nước chúng tôi hết lòng cung kính, cho nên từ phương xa tới đây cầu xin một phần Xá-Lợi của Phật để đem về dựng tháp cúng dàng; Vua chúng tôi sẽ biểu quốc-bảo cho Ngài.

Lúc đó các quần-thần nước Câu-Thi không chịu và thưa với Vua rằng:

- Đức Thế-Tôn đã giáng lâm và diệt độ ở đây, nhân-dân nước Câu-Thi tự lo liệu cúng dàng, việc chia cấp Xá-Lợi Phật không chấp thuận được.

Vua nước Câu-Thi nghe lời các quần-thần, nên bác bỏ lời thỉnh cầu của ông Hương-Tánh; các Quốc-Vương và các quần-thần các nước bèn họp nhau thảo luận và chung quyết như sau: *“Chúng ta từ xa đến cúi đầu khiêm tốn xin được chia phần Xá-Lợi Phật đem về xây tháp cúng dàng, nếu không được chấp thuận, chúng ta phải dùng binh lực”*.

Khi ấy Vua nước Câu-Thi cũng triệu tập tất cả quần-thần bàn luận, xong trả lời rằng: *“Chúng ta không chia Xá-Lợi cho các nước khác, nếu các nước muốn dùng binh lực, chúng ta đây sẵn sàng chống trả đến cùng”*.

Thấy vậy, Bà-la-môn Hương-Tánh đứng ra hiểu dụ mọi người của hai bên như sau:

“Thưa chư Tôn-Hiền, quý vị đã nhận lãnh lời dạy của đức Phật, miệng tụng lời Phật dạy là tâm hiền hòa, ý nhân từ, và thường mong cho tất cả chúng-sanh đều được an lành lợi lạc, nay chẳng lẽ vì việc dành giật Xá-Lợi Phật mà trở lại tàn hại lẫn nhau sao? Hơn nữa, nếu muốn có lợi ích sâu xa rộng lớn, thì Xá-Lợi Phật nên chia thành nhiều phần bằng nhau. Mỗi nước lãnh một phần mang về nước mình, xây dựng tháp để mọi người dân trong nước được chiêm-bái cúng dàng, như thế mới là bình đẳng và đem lại phúc báu, an vui cho mọi người trong mọi nước”.

Mọi người của hai bên nghe nói như thế, đều cho là phải lẽ, hợp lý, hợp tình, và đề nghị ông Hương-Tánh đảm nhận việc phân chia; bấy giờ các Quốc-Vương bảo ông Hương-Tánh:

- Ông hãy chia Xá-Lợi Phật làm tám phần đồng đều cho tám nước.

Bà-la-môn Hương-Tánh vâng lời, đến chỗ giàn hỏa thiêu, cúi đầu đánh lễ xong, ông mở Quách sắt, bới tro nhặt tất cả Xá-Lợi Phạt bỏ vào trong một cái bình lớn; sau đó, ông chia Xá-Lợi Phạt làm tám phần đựng trong tám cái bát đá bằng nhau, mỗi nước lấy một phần. Chia xong, ông xin mọi người cái bình để đem về dựng tháp thờ tại nhà riêng, người trong thôn Tất-Bát gần đó đến xin tro hài cốt (Bone-ash) còn lại để dựng tháp cúng dàng, mọi người đều chấp thuận vui vẻ cả.

Người của tám nước đều vui mừng phấn khởi trời nhạc, cầm phướn, lọng, bảo cái, cùng nhau rước Xá-Lợi Phạt về nước mình; rồi mỗi nước tự chọn chỗ thích hợp nhất, xây dựng tháp, để mọi người dân trong cả nước của họ được chiêm bái cúng dàng Xá-Lợi-Phạt.

Tóm lại, khởi đầu Xá-Lợi Phạt được thờ trong tám tháp tại tám nước, tháp thứ chín thờ cái bình, tháp thứ mười thờ tro hài cốt, và tháp thứ mười một thờ tóc Phật khi Ngài còn tại thế-gian. Đặc biệt, Phật đản sinh, xuất gia, thành đạo, nhập Niết-Bàn đều vào ngày tám tháng hai. (Cần phải coi lại, vì các chùa làm lễ Đản-sinh và Thành đạo khác ngày?)..

ĐỨC PHẬT NÓI:

Đêm dài đối với người không ngủ, người mệt mỏi thấy đường xa. Đối với kẻ ngu si điên cuồng không hiểu chân lý cao siêu, con đường luân hồi quả thật xa xôi.

NHỮNG SỰ KỲ DIỆU

(Trung A-Hàm, quyển 1, từ trang 401 đến 407)

Sau đây là một số điều kỳ diệu trong vô số điều kỳ lạ đã xảy ra khi đức Phật còn tại thế:

1)- Phật Đản sinh:

Khi đức Phật vừa mới sinh ra, trời đất bỗng nhiên chấn động mạnh, làm rung chuyển cả nhà cửa, rồi có ánh sáng vi diệu chiếu khắp thế gian. Những nơi tăm tối không có mặt trời chiếu tới như trong nhà đóng cửa, dưới hầm sâu kín, đều có ánh sáng vi diệu ấy chiếu đến, và mọi người nhìn thấy nhau hay thấy các đồ vật một cách rõ ràng. Rồi trên hư không có tiếng nhạc trời hòa tấu vi diệu, các loại hoa Trời rơi xuống có mùi thơm ngát và màu sắc đẹp đẽ vô cùng.

2)- Khi đức Phật còn trẻ.

Một hôm Ngài theo phụ Vương đi dự lễ Hạ-diên ngoài đồng ruộng. Trong lúc Vua cha và mọi người bận rộn với công việc tế lễ, và những người phụ trách chăm sóc Ngài mãi vui với buổi lễ, Ngài ngồi một mình dưới gốc cây trầm ngâm lặng lẽ vào định tâm.

Sau khi chủ lễ xong, nhà Vua đi đến chỗ Thái-tử, thấy con Ngài còn ít tuổi mà đã biết ngồi bắt chéo hai chân một cách nghiêm nghị như các bậc chân tu thiền định. Nhà Vua lại khám phá ra rằng đang lúc xế chiều ấy các bóng cây đều ngả bóng về hướng Đông, duy chỉ có bóng cây chỗ Thái-tử ngồi là không ngả mà vẫn che mát toàn thân Thái-tử (Về điểm này trái với khoa học); nhà Vua thấy tận mắt hai điểm khác thường ấy, liền nghĩ rằng: *“Vương nhi này thật là kỳ diệu, rất là hy hữu hiếm có trên cõi đời này, Vương nhi có đại phước đức, có đại oai đức”*. Nghĩ vậy xong, nhà Vua đến trước mặt Thái-tử xá chào con mà nói:

- Con yêu quý, đây là lần thứ nhì Phụ-Vương đánh lễ con.

Cũng nên nhắc thêm là khi đức Phật mới đản sinh chưa được bao lâu (độ vài tháng?), tin Thái-tử chào đời được loan truyền trong dân gian, và mọi người đều vui mừng không xiết kể; có một đạo sĩ tên A-tư-Đà, là người thân tín của nhà Vua, ông đến xin Vua được thấy Thái-tử, Vua Tịnh-Phạn lấy làm hân hoan sai người vào Cung bồng Thái-tử ra mắt đạo-sĩ. Khi người cung nữ bồng Thái-tử đến trước mặt, vị đạo-sĩ còn đang ngắm nhìn thì bỗng nhiên

Thái-tử cong uõn người lên trong tay người cung nữ, và đặt hai chân lên đầu trán của ông. Đang ngồi trên ghế, vị đạo-sĩ vội đứng dậy, chấp tay vái chào Thái-tử, rồi nói với Vua rằng:

- Thưa Đại-Vương, Thái-tử đây sau này sẽ là vĩ-nhân bậc nhất của nhân loại.

Khi nghe nói vậy, nhà Vua cũng làm theo vị đạo-sĩ mà xá chào Thái-tử (lần thứ nhất). Xong rồi, vị đạo-sĩ phát ra tiếng cười, cười xong lại khóc, mọi người đều ngạc nhiên và không hiểu về sự cười khóc của ông, vị Đạo-sĩ giải thích rằng:

- Thưa Đại-Vương, sở dĩ tôi cười là vì tôi vui sướng được biết rằng sau này Thái-tử sẽ trở thành một đại vĩ-nhân; còn tôi khóc là không bao lâu nữa tôi sẽ qua đời mà sinh vào cõi vô sắc, do đó tôi không còn cơ hội thụ giáo với bậc đại vĩ nhân, đại trí-tuệ này nữa, thật đáng tiếc, đáng tiếc!

3)- Khi đức Phật ngự tại Uất-kỳ-La, bên sông Ni-liên-Nhiên,

Ngài ngồi dưới gốc cây, lúc mới thành đạo, bấy giờ mưa to gió lớn, mưa tầm tã hết ngày này qua ngày khác, mưa đến bảy ngày mới ngừng; mưa đến nổi từ thấp đến cao đều bị ngập nước, từng luồng nước chảy xoáy ngang dọc khắp một vùng rộng lớn, nhưng lạ thay, lúc ấy đức Phật đi kinh hành đến chỗ nào thì có bụi bay lên chỗ ấy?!

4)- Khi Đức Phật về thăm phụ Vương.

Lúc Vua Tịnh-Phạn nghe tin đức Phật đang truyền bá giáo pháp tại thành Vương-Xá, Vua nóng lòng muốn gặp người con đại trí-tuệ. Nhà Vua chín lần truyền lệnh sứ thần đi triệu thỉnh đức Phật về thành Ca-Tỳ-la-Vệ đều không kết quả, vì chín vị ấy đều ở lại theo Phật tu hành. Sau cùng Vua sai một trung thần vốn là bạn thân trước kia với Thái-tử Sĩ-đạt-Ta đi thỉnh.

Cũng như các vị sứ thần trước, vị này cũng được diễm phúc nghe Phật pháp, rồi xin xuất gia, và đắc quả A-la-Hán; nhưng khác với các vị kia, ông không quên sứ mạng do Vua trao phó; Ông tha thiết khẩn cầu đức Phật về thăm Phụ-hoàng nay đã già yếu, đức Phật bèn trở về quê nhà, sau hai tháng mới tới nơi.

Khi ấy nhà Vua đã sắp xếp việc đón tiếp đức Phật và các đệ-tử tại một vườn hoa thuộc dòng họ Thích-Ca. Lúc đức Phật về đến nơi, các vị bậc chú-bác của Thái-tử Sĩ-đạt-Ta bảo nhau: *“Chúng ta là bậc cha-chú, huynh-trưởng, đạo-sĩ kia chẳng qua chỉ là con cháu, em út mà thôi, chúng ta không cần phải chào đón”*. Họ bàn với nhau như thế, rồi nói với con cháu bằng vai

với Thái-tử Sĩ-đạt-Ta, những người trẻ tuổi chào đón, còn họ vẫn ngồi yên tại chỗ. Đức Phật biết ý nghĩ ngã mạn của các vị cao niên Hoàng-tộc, Ngài bèn bay lên hư không, hoá phép làm cho nước và lửa đồng thời từ lỗ chân lông phát ra.

Trông thấy oai lực thần thông của đức Phật, Vua Tịnh-Phan vội đánh lễ, miệng nói lớn lên rằng:

- Phụ-Vương đánh lễ Hoàng-nhi lần thứ ba.

Thấy thế, tất cả các vị Hoàng-thân đều vội vã cung kính đánh lễ Phật. Khi mọi người đánh lễ xong, Ngài từ từ hạ xuống và ngồi vào một ghế bành đã được đặt sẵn; lúc bấy giờ, tất cả mọi người đều khiêm tốn ngồi xuống, im lặng nhìn Phật với vẻ kính ngưỡng thần phục.

Vừa đúng lúc ấy, đột nhiên mưa trái thời bất ngờ rơi xuống, gây nên những lời bàn tán giữa các vị Hoàng-thân về hiện tượng kỳ lạ ấy; kể đó đức Phật giảng Pháp cho họ hàng thân quyến, nghe xong ai nấy đều phấn khởi tin theo Phật Pháp.

5)- Khỉ rừng cúng dàng Phật.

Khi đức Phật du hóa tại rừng Đại-Lâm thuộc thành Tỳ-xá-Ly, thường ngày các Tỳ-Kheo để bình bát trên một cái sạp ngoài chỗ đất trống để phơi cho khô, bình bát của đức Phật cũng để ở đó. Một hôm, đột nhiên có con khỉ rừng từ đâu đến không biết, nó tới ôm bình bát của đức Phật mà chạy đi, vài vị Tỳ-kheo trông thấy la lên vì sợ nó làm rơi vỡ bể, hoặc nó đem đi mất, nhưng đức Phật bảo các Tỳ-kheo ấy:

“Hãy để yên, đừng la, không sao đâu”.

Con khỉ ấy ôm bình bát đến một gốc cây to lớn, rồi thản nhiên leo lên, nó tới tổ ong lấy đầy bát mật trên cây Sa-la, rồi từ từ leo xuống. Con khỉ bung bát mật đến chỗ Phật, hai tay dâng lên, nhưng Ngài lắc đầu không nhận. Con khỉ thấy thế, bèn mang bát mật ra một chỗ, ngồi nhặt bỏ rác rến cho sạch sẽ, xong nó bung bát mật trở lại dâng lên Phật, nhưng Ngài cũng vẫn lắc đầu không nhận. Khỉ lại bung bát mật đến chỗ đựng nước uống, cầm gáo múc nước đổ vào bát mật, rồi nó bung bát mật trở lại dâng lên, lần này đức Phật dơ tay tiếp nhận. Khi thấy đức Phật thọ nhận bát mật rồi, nó nhảy nhót tỏ ra vui mừng, và chạy đến gốc cây leo lên cây đi mất.

6)- Trời chưa thể mưa.

Một lần bên bờ ao Di-hầu, tại cao lầu đài quán, bấy giờ đức Phật đang phơi tọa cụ, rũ bụi, phủi đất. Trong lúc ấy có một đám mây đen lớn kéo đến trái thời, che kín khắp cả hư không một vùng rộng lớn, chỉ trừ chỗ phơi tọa cụ là còn có ánh nắng, muốn mưa nhưng chưa mưa. Khi đức Phật phơi tọa cụ xong, xếp cất một nơi rồi, và Ngài đứng trong nhà, bấy giờ đám mây mới che kín khắp cả và mưa rất lớn, từ đất thấp đến đất cao, nước mưa ngập tràn lại láng cả một vùng rộng lớn.

7)- Đức Phật thị hiện thần lực.

(Tăng-Nhất A-Hàm, quyển 3, từ trang 95 đến 103)

Trước ngày nhập Niết-Bàn, khi Phật ném chiếc Bát lên hư không tặng cho dân thành Tỳ-Xá-Ly và dặn họ cúng dường Bát thì sẽ được phúc lâu dài, rồi Ngài đi tới nước Câu-Thi La-Kiệt. Lúc ấy có hơn 500 thanh niên nước này đang tụ tập cố gắng dùng sức dựng phiến đá chữ nhật thật là to lớn lên, nhưng họ không thể lay chuyển nổi, vì nó quá to lớn, quá nặng. Lúc ấy đức Phật đi ngang qua thấy họ tụ tập số người đông đảo thì hỏi:

- Các ông đang làm gì mà tụ tập đông thế này?

Một người trả lời:

- Chúng con muốn dời tảng đá này để dựng lên chỗ kia cho đời sau khen truyền danh tiếng, mà đã mấy ngày nay chưa có cách nào làm được.

Phật bảo họ:

- Các ông có muốn Như-Lai làm cho không?

Mọi người đồng đáp:

- Cúi xin Ngài sắp xếp cho thì may mắn và phúc cho chúng con biết mấy.

Lúc ấy, Thế-Tôn dùng tay phải nâng tảng đá lên, đưa qua tay trái, tung ném lên trời, tảng đá bay vút lên rồi biến mất, mọi người theo dõi không thấy tảng đá đâu nữa! Họ liền thưa:

- Tảng đá đâu rồi? Chúng con không thấy nó nữa, khi nào tảng đá mới rơi xuống?

Phật bảo:

- Tảng đá hiện thời bay lên tới cõi Trời Phạm-Thiên, nếu có người ở đó ném xuống phải mất vô số ngày mới tới đây, nhưng do oai thần của Như-Lai, nó sẽ rơi xuống ngay bây giờ.

Bấy giờ, mọi người trông thấy tảng đá đang vùn vụt rơi xuống, họ bèn bỏ chạy tán loạn vì sợ đá đè tan xương nát thịt, Phật bảo họ:

- Đừng sợ, Như-Lai tự biết việc làm.

Rồi Ngài đưa tay trái tiếp lấy tảng đá, đặt qua tay phải, và dựng nó lên ngay đúng chỗ mà họ muốn. Lúc ấy mặt đất rung động mạnh, nhưng tảng đá vẫn không đổ. Mọi người thấy điềm lạ bèn nói:

- Không hiểu sao tự nhiên động đất như thế?

Phật bảo mọi người:

- Đó là do thần lực của Như-Lai, không những động đất tại trái đất này mà cả Tam Thiên đại Thiên thế giới đều rung động như thế. Lại có vô số hoa Trời rải xuống như tuyết bay, mọi người thấy thế đều khen ngợi:

- Thật chưa từng có, thật là kỳ lạ, thật vô cùng đặc biệt, chưa hề bao giờ có! Oai thần của Như-Lai ngoài sức tưởng tượng nổi! Oai thần của Như-Lai không thể nghĩ bàn! Nếu không tự mắt thấy thì làm sao tin được một việc có thật như thế....

ĐỨC PHẬT NÓI:

Các ông không nên chấp lời Ta nói qua sự tôn kính, mà đúng hơn là nên thông qua sự chiêm nghiệm của chính mình.

THỂ NÀO LÀ MỘT VỊ THÁNH?

Một bậc Thánh là người không còn vướng mắc bởi sắc đẹp, lời nói, quyền uy; vị ấy đã dứt tham về mọi thứ, đoạn sân giận trong mọi trường hợp, không còn nhầm lẫn trong tất cả các vấn đề. Vị ấy luôn luôn có chính kiến, suy nghĩ đúng, nói năng phải đạo, hành động gương mẫu; vị ấy không những thương xót cứu giúp các người cùi đui, tàn tật, bệnh hoạn, nghèo khổ, mà còn thương yêu hết thảy mọi người, mọi loài, coi mọi chúng-sanh đều có liên hệ với mình.

Một bậc Thánh là người đã xa lià các việc ác, xa lià lậu hoặc ô uế, vì nó là gốc rễ của sự có trong tương lai, nó là sự phiền nhiệt, là nhân của sinh già bệnh chết; một bậc Thánh là người đã đạt đến thân khẩu ý mạng hành thanh tịnh, thủ hộ vẹn toàn các căn với đầy đủ oai nghi. Vị ấy có đầy đủ Giới-Định-Huệ, nghĩa là vị ấy đã đạt tới bậc Thánh ngay trong đời hiện tại, lúc đó vị ấy có từ một tới bảy thứ thần thông như sau:

1)- **Như-ý-túc thông:** Cũng gọi là Thần túc thông.

Vị ấy có thể phân thân thành nhiều thân khác nhau, hay hợp nhiều thân làm thành một thân, biến hóa lớn nhỏ, hóa hiện vô cùng; vị ấy không bị trở ngại bởi vách tường gạch đá sắt thép, vị ấy đi vào vách đá như đi chỗ hư không, đi vào núi đất như đi trong nước. Vị ấy đi trên nước như đi trên đất bằng, ngồi kiết-già mà bay trên hư không giống như chim bay. Vị ấy hiện thân cao lớn đến cõi Trời Phạm-Thiên, dơ cánh tay ra sờ tới mặt trời; vị ấy có đại như-ý-túc, có đại oai đức, có đại oai thần như thế.

2)- **Thiên-nhãn thông :**

Vị ấy trông thấy rất xa, ví như một người đứng trên lầu cao trong một ngày nắng nhìn xuống một khoảng đất rộng có một nghìn gò đồng rõ ràng. Cũng vậy, vị ấy nhìn lên trời cao chỉ trong chốc lát thấy cả nghìn, vạn, ức thế-giới rất xa rõ ràng. (Có lẽ còn: rõ hơn kính thiên văn rất nhiều?). Vị ấy có thể dùng Thiên nhãn thông để thấy người khác ở rất xa (giống như vô tuyến truyền hình ngày nay), xem xét sáng suốt vô ngại.

3)- **Thiên-nhĩ thông :**

Vị ấy nghe được tất cả âm (tiếng nói) của loài người dù xa tới vạn dặm (Giống như máy vô tuyến truyền thanh ngày nay), nghe được tiếng nói của các loài xa gần không ngăn ngại; vị ấy dùng Thiên nhĩ để nghe người khác nói, hoặc nghe người khác cầu cứu (giống như vô tuyến điện thoại) từ rất xa.

4)- Tha-tâm thông :

Vị ấy biết được các người khác suy nghĩ những gì, biết được người khác có tâm dục hay không tâm dục, có giận hay không giận; vị ấy biết người khác có tâm tham hay không tham, có tâm thiện hay có tâm ác. Vị ấy đứng trước người kia thấy rõ người kia suy nghĩ những gì, thí dụ vị ấy thấy người kia đang có ý muốn ăn trộm, hoặc đang có ý muốn giết người v.v., vị ấy đều thấy rõ hết, nghĩa là vị ấy biết hết tâm niệm các chúng-sanh dù xa hay gần.

5)- Túc-mạng thông :

Vị ấy nhớ vô số kiếp về trước, một đời, hai đời, trăm đời, nghìn đời, thành kiếp, trụ kiếp, hoại kiếp; vị ấy biết đã có tên thế này, sinh ở chỗ nọ, sống như vậy, chịu khổ được vui như vậy, chết như vậy. Vị ấy biết kiếp thứ bao nhiêu chết ở đây, sinh ở chỗ kia. Vị ấy nhớ kiếp kế trước sinh ở đâu, tên gì, là trai hay là gái, làm nghề gì, vợ (chồng) con thế nào, sống sung sướng hay khổ cực ra sao, sống thọ bao nhiêu tuổi v.v... Nghĩa là vị ấy biết rõ ràng từng đời từng kiếp của mình cho tới vô lượng kiếp về trước như thế.

6)- Sinh-tử thông :

Vị ấy thấy người này người kia chết chỗ này, sinh chỗ nọ, có sắc đẹp sắc xấu. Vị ấy thấy người này sinh lên cõi Trời, kẻ kia bị đọa xuống Địa-ngục, kẻ nọ sinh lại làm người. Vị ấy thấy rõ một người khi sống hành động như thế nào, khi chết rồi phải sinh vào loài súc sanh; vị ấy cũng thấy rõ ràng một người lúc sống hành động như thế nào khi chết rồi phải sinh vào loài Ngạ-quỷ v.v... Tóm lại, vị ấy thấy tất cả mọi người qua lại chỗ lành chỗ dữ đều do nghiệp (mà họ đã tạo ra) dẫn dắt họ, ngoại trừ những vị đã đạt Đạo rồi thì mới không bị nghiệp dẫn dắt và mới có phần tự do lựa chọn chỗ đến mà thôi.

7)- Lậu-tận thông :

Vị ấy biết như thật về khổ, khổ tập (nguyên nhân gây khổ), khổ diệt (cách diệt khổ), và khổ diệt Đạo (con đường tiến tới Đạo); vị ấy biết như thật về lậu (các điều sai quấy), lậu tập, lậu diệt, và lậu tập Đạo; tri (nghĩ biết) như vậy, kiến (thấy) như vậy nên được tâm giải thoát dục lậu, được tâm giải thoát hữu lậu, được tâm giải thoát vô minh lậu. Khi giải thoát liền biết là giải thoát, biết như thật rằng: “Sự sinh đã hết, phạm hạnh đã thành lập, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sinh đời sau nữa” (Biết được mình giải thoát khỏi luân hồi sinh tử khổ cực trầm luân). Vị ấy còn biết vọng lậu của người khác đã hết hay chưa....

TÔN-GIẢ ĐẠI CA-DIỆP

(Phật A-Di-Đà, Chư Bồ-Tát & Tổ Sư, từ 81 đến 84)

Tôn-giả Đại Ca-Diếp trước khi xuất gia theo Phật, Ngài tu theo hạnh Đầu-đà (khất thực). Một hôm trong khi đi khất thực, có người mách bảo rằng: “*Hiện có Phật ra đời, đang du hóa tại rừng Trúc (Trúc-Lâm), sao ông chẳng đến đó xin theo Phật mà học đạo tu hành*”; nghe được mấy lời ấy, tự nhiên cảm thấy muốn đi, Ngài liền đích thân đến Trúc-Lâm. Khi gần đến nơi, Ngài trông thấy đức Thế-Tôn ngồi trên Bảo-tọa cao, hai bên có Vương-tử Vương-tôn, thiện-nam tín-nữ, và rất nhiều Tỳ-kheo, tất cả ngồi theo thứ lớp và yên lặng nghe Phật nói pháp. Khi đức Phật thấy Ngài vừa đến liền nói rằng:

- Ông Tỳ-kheo kia có nhân lành mà đến đây, vậy râu tóc phải trừ đi mà thọ Cụ-túc giới.

Ngài liền lễ bái Phật và thưa:

- Vâng.

Sau đó Tôn-giả cạo bỏ râu tóc, rồi quy y, thọ giới hạnh Tỳ-kheo, và đi theo Phật đến khắp mọi nơi; đi đến đâu nghe Phật nói pháp thì tâm vẫn phát huệ, nên hay tỏ ngộ mọi lẽ huyền vi.

1)- Đại-Ca-Diếp ngồi nửa Toà ngồi của Phật, được Phật truyền Tâm ấn.

Rồi một hôm, đức Phật đang giảng Pháp cho đại chúng nghe, Tôn-giả đi tới đi lui tìm chỗ ngồi vì đến trễ, đại chúng nhìn theo Tôn-giả có ý bảo: “*Ngồi xuống đi*”. Ngay khi ấy, đức Phật trông thấy Tôn-giả, liền bảo:

- Ma-Ha Ca-Diếp, hãy đến đây ngồi, ta chia cho phân nửa chỗ ngồi.

Nói rồi: Ngài ngồi xích qua một bên, phân nửa chỗ ngồi để cho Tôn-giả; Tôn-giả liền đi tới gần đánh lễ Phật xong ngồi xuống, trước con mắt ngạc nhiên của đại chúng.

Một ngày nọ, đức Phật ở trong hội Linh-Son cầm một cành hoa giơ ra cho đại chúng xem (Niêm Hoa Thị Chúng), thì ai nấy đều chẳng rõ ý chỉ mà đâm ra ngơ ngác, nên tất cả yên lặng làm thinh, duy có một mình Tôn-giả Đại Ca-Diếp mỉm cười (Niêm Hoa Vi Tiếu).

Đức Thế-Tôn thấy thế mới nói rằng:

“Ta có Chính-pháp Nhân-tạng, Diệu tâm Niết-Bàn, Pháp-môn ấy mầu nhiệm vô cùng, chẳng lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo-lý. Nay Ta trao cho Ma-Ha Ca-Diếp, vậy ông phải ân cần mà nhận lãnh, giữ gìn Chính-pháp, rồi sau sẽ truyền cho hậu thế, để nối tiếp về sau, chớ để diệt mất”.

Về sau, trong khi Tôn-giả đi giảng đạo tại vùng núi Tất-bát-La, một hôm Ngài dùng Thiên-nhãn xem, thấy đức Phật đã nhập diệt ở dưới gốc cây Long-thọ, trong rừng Ta-La thuộc nước Câu-Thi, Tôn-giả vội vã dẫn năm trăm Tỳ-Kheo về chỗ ấy để điều viếng. Khi trà-tỳ xác thân Phật xong, Tôn-giả là vị tổ thứ nhất đã được đức Phật truyền Pháp trước kia tại hội Linh-Sơn.

2)- Tài biện luận của Tôn-giả Đại Ca-Diếp.

Một lần, tôn-giả Đại Ca-Diếp cùng năm trăm vị Tỳ-Kheo đi du hóa từ nước Câu-tát-La đến thôn Tư-bà-Ê, nghỉ tại khu rừng Thi-xá-Ba; lúc đó có Bà-la-Môn tên Tệ-Túc, được vua Ba-tư-Nặc nước Xá-Vệ phong cho thôn này để lo phần cúng tế Phạm-Thiên. Tệ-Túc là người có kiến chấp theo ngoại đạo và dạy mọi người trong thôn rằng: *“Không có đời sau, không có tái sinh, không có quả báo của việc làm lành và việc làm ác”.*

Người trong thôn Tư-bà-Ê nghe tin Tôn-giả Đại Ca-Diếp cùng năm trăm vị Tỳ-kheo đến nghỉ tại rừng Thi-xá-Bà, thì họ bàn tán với nhau rằng: *“Vị Đại Ca-Diếp này rất có tiếng tăm, và đã chứng quả A-la-Hán. Ngài là bậc trưởng thượng tôn-túc, kỳ cựu, đa văn, thông minh, quảng bác, và có tài biện luận đối đáp, nay nếu chúng ta gặp được Ngài thì may cho chúng ta lắm”.* Do đó dân trong thôn này, ngày ngày cứ tiếp tục tuần tự đi đến chỗ tôn-giả Đại Ca-Diếp. Bấy giờ bà-la-môn Tệ-Túc đang đứng trên lầu cao, trông thấy từng toán người đi nhưng không biết đi đâu, mới hỏi người hầu, nên được biết chuyện như thế, rồi bảo người hầu rằng:

- Người hãy mau tới nói với toán người kia dừng lại đợi ta cùng đi, vì ta biết ông Ca-Diếp kia có ý mê hoặc người, lừa dối thế-gian, nên ta phải đến đó.

Người hầu vâng lời, đi nhanh đến nói với đoàn người rằng:

- Ngài Tệ-Túc bảo quý vị hãy dừng lại chờ Ngài cùng đi đến gặp ông Ca-Diếp.

Những người ấy đáp:

- Hay lắm, nếu ông Tệ-Túc muốn đi thì mau tới đây để cùng đi, chúng tôi chờ ở đây.

Người hầu liền trở về thưa với chủ:

- Con đã nói họ dừng lại chờ, và họ nói Ngài nên mau tới để cùng đi.

Bà-la-môn Tệ-Túc xuống lầu, gọi gia nhân cùng đi, trước sau vây quanh, lũ lượt cùng đi đến rừng Thi-xá-Bà. Khi đến nơi, có người lễ bái, có người hỏi han, có người vòng tay, có người tự xưng tên mình, và có người im lặng ngồi xuống. Khi mọi người đã ngồi đâu đó xong xuôi, Tệ-Túc mới đứng dậy nói với Tôn-giả Đại Ca-Diếp:

- Tôi là Tệ-Túc, được Vua trao cho thôn Ba-tư-Ê này để lo phần cúng tế Phạm-Thiên, nay tôi có điều muốn hỏi, không biết ông có rảnh trả lời không?

Tôn-giả Đại Ca-Diếp đáp:

- Ông cứ hỏi, sau khi nghe xong phải tự hiểu lấy.

- Nay chủ thuyết của tôi là không có đời sau, không có tái sinh, không có quả báo thiện ác, còn chủ thuyết của ông thế nào?

- Tôi hỏi ông, hãy tùy ý mà đáp. Hiện nay mặt trời, mặt trăng là thuộc về đời này hay đời khác, thuộc về Trời hay Người?

- Mặt trời, mặt trăng thuộc về đời khác, không thuộc về đời này, thuộc về Trời, không thuộc về Người.

- Vì mặt trời mặt trăng thuộc về đời khác và thuộc về Trời, cho nên biết là có đời sau, có tái sinh, và có quả báo thiện ác.

- Tuy ông nói thế, nhưng theo ý tôi không có tất cả, chẳng có gì, chết là hết.

- Vì lý do gì mà ông biết là không có đời sau, không có tái sinh, và không có quả báo thiện ác?

- Tôi có lý do, vì tôi có một người bà con mắc phải bệnh ngặt nghèo, tôi đến nói với hân rằng: “*Các Sa-môn có quan niệm rằng những người phạm mười điều ác là sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói lời độc ác, tham lam, sân hận, và ngu si tà kiến. Những người phạm mười điều ác như thế sau khi chết đều bị đọa vào Địa-ngục, bị Quỷ-ngục hành hạ, chịu khổ sở vô cùng, nhưng tôi không tin, vì tôi chưa từng thấy người nào*

chết rồi trở lại nói cho biết là họ đã bị đọa vào Địa-ngục. Nay anh là bà con với tôi, chẳng may anh đã tạo đủ mười điều ác ấy, nếu quả như lời các Sa-môn nói, thì sau khi anh qua đời, anh phải bị đọa vào Địa-ngục. Nay tôi tin vào anh để xét xem có Địa-ngục hay không, anh nhớ trở lại báo cho tôi biết tôi mới tin”.

Tôi biết chắc: quan điểm của tôi là đúng, vì anh ta đã im lặng nhận lời, mà từ khi anh ta chết đến nay đã nhiều năm biệt tích hơi tăm, không hề trở lại báo tin; hơn nữa anh ta là người thân của tôi, không lẽ lại dối tôi sao?

Tôn-giả Đại Ca-Diếp nói:

- Những người có trí nhờ thí dụ mà hiểu rõ, nay tôi dẫn dụ để ông hiểu điều đó. Ví dụ như một tên đạo tặc thường giết người cướp của, bị người ta bắt vây bắt được đem đến trình Vua trị tội, Vua liền cho hỏi cung và xử tội bằng cách trói người ấy lại, đem bêu xấu (làm nhục về thanh danh, làm cho mọi người đều biết việc làm xấu xa của người ấy) ngoài đường, sau đó giao cho đạo phủ để hành quyết. Tên cướp đó dùng lời mềm dẻo nói với người giữ tù rằng: *“Xin ông vui lòng thả tôi về thăm gia đình bà con, vì tôi có chuyện cần nói với họ, sau đó tôi sẽ trở lại chịu tội”*. Ông nghĩ sao, người giữ tù kia có thả không?

Bà-la-Môn Tệ-Túc đáp:

- Không.

Tôn-giả nói tiếp:

- Họ cùng là loài người, cùng trong một nước, cùng sống ở đời này mà còn không tạm thả, huống người thân của ông đọa vào Địa-ngục, Quỷ-ngục không có từ tâm, lại không phải là loài người, sống chết không cùng một đời. Nếu người ấy dùng lời nói mềm dẻo cầu xin với Quỷ-ngục rằng: *<Xin Ngài tạm thả tôi về thế-gian gặp người bà con vì tôi có điều cần nói, sau đó tôi sẽ trở lại>*, liệu người ấy có được Quỷ-ngục tạm thả về không?

Tệ-Túc đáp:

- Không.

- Cứ so sánh theo đó thì đủ biết rồi.

- Ông dẫn dụ có đời sau, nhưng tôi vẫn không tin, vì tôi có một người bà con khác, lúc người ấy mắc bệnh sắp qua đời, tôi đến thăm hỏi và nói với người ấy rằng: *“Các Sa-Môn đều có quan điểm khác rằng có đời sau, tôi không tin*

vì chưa có ai về báo lại sau khi chết. Nay chú là bà con của tôi lại tạo đủ mười điều thiện. Nếu các Sa-Môn nói đúng thì sau khi chú qua đời, sẽ được sinh lên cõi Trời. Giờ đây tôi chỉ còn tin cậy nơi chú để quyết định mà thôi, nếu chú thấy thật có quả báo sinh lên cõi Trời, chú phải nhớ trở lại báo cho tôi biết, tôi mới tin được”. Lúc bấy giờ chú ấy đã im lặng nhận lời, nhưng từ khi chú ấy qua đời đến nay đã khá lâu rồi, không thấy trở lại báo tin; do đó tôi biết chắc không có đời sau, không có tái sinh, và không có quả báo thiện ác.

Tôn-giả Đại Ca-diếp nói:

- Tôi sẽ nói một thí dụ khác cho ông hiểu. Ví như có người bị rơi xuống hầm cầu tiêu, cả đầu mình chìm ngấm dơ bẩn hôi thối. Người ấy được Vua cho vớt lên, lấy tro xoa khắp thân ba lần, lấy nước tháo đậu rửa trước, và lấy nước tro trong rửa sau; tiếp theo, lấy nước thơm tắm gội, và lấy bột thơm xoa khắp thân người. Rồi lấy y phục nổi tiếng cho mặc, và đem thức ăn trăm vị ngon ngọt cho ăn. Sau chót đưa người ấy đến ở tại một ngôi nhà cao sang có phong cảnh tuyệt vời, và cho hưởng năm thứ dục lạc sung sướng vô cùng. Liệu người ấy có muốn rơi xuống hầm cầu tiêu nữa không?

Tệ-Túc đáp:

- Không muốn, đây là chỗ hôi thối bẩn thỉu, ai mà muốn trở xuống làm gì?

- Các vị Trời cũng thế, họ cho cõi trần gian này là nơi tanh hôi bất tịnh, họ ở xa hàng nghìn vạn do tuần còn thấy mùi tanh hôi của nhân-gian xông lên. Bà con của ông đã tạo đủ mười điều lành, tất nhiên sau khi qua đời người ấy được sinh lên cõi Trời, hưởng vui thú vô cùng, liệu người ấy có chịu trở lại cõi giống như hầm cầu tiêu thế-gian này không?

- Không.

- Ngoài ra ở cõi trần này, cứ một trăm năm mới bằng một ngày ở cõi Trời Đạo-Lợi; tại cõi ấy nếu cũng lấy ba mươi ngày một tháng, mười hai tháng một năm, thì họ sống một nghìn năm ở cõi ấy (bằng 365,000 năm ở thế-gian). Ông nghĩ sao nếu bà con ông sinh lên cõi Trời Đạo-Lợi, và người ấy nghĩ rằng: *“Ta mới sinh lên cõi này, vậy ta hãy vui thú vài ngày rồi hãy ráng trở lại báo tin cho bà con cũng chưa muộn”*, như vậy liệu ông có gặp được người bà con không?

- Không gặp được, vì lúc đó tôi đã chết lâu rồi, không sao gặp được; nhưng tôi không hiểu ai đã nói với ông có cõi Trời Đạo-Lợi sống lâu như thế?

- Tôi sẽ dẫn dụ cho ông hiểu. Ví như có người mới sinh ra đã bị mù hai mắt, không trông thấy, không hiểu về năm màu xanh, đỏ, vàng, trắng, đen; đồng thời cũng không thấy mặt trời, mặt trăng, tinh tú v.v. Nếu có người khác hỏi về màu xanh, đỏ, vàng, đen, trắng như thế nào, người mù đáp không có năm màu như thế; cho đến mặt trời, mặt trăng, tinh tú v.v., người mù đều nói không có các thứ đó; Ông nghĩ sao, người mù trả lời như vậy có đúng không?

- Không đúng, vì sự thực có năm màu, có mặt trời, mặt trăng, và tinh tú.

- Ông cũng giống như vậy, sự sống lâu ở cõi Trời Đạo-Lợi là có thật, chẳng phải không, vì ông không thấy, nên không tin là có.

- Ngài tuy bảo có, tôi vẫn không tin, vì ở trong thôn tôi trước đây có kẻ cướp của giết người, bị người ta bắt được đem đến tôi và nói: *“Xin Ngài trị tội nó, vì nó đã nhiều lần cướp của giết người”*. Tôi bảo tuần thôn bỏ hắn vào trong một cái vạc lớn, đập nắp lại, không để cho thần-thức hắn tiếp xúc với bên ngoài bằng cách trét kín với một lớp keo dày, sau đó tôi bảo người đốt lửa bên dưới; lúc ấy vì muốn tìm để biết chỗ tẩu thoát thần-thức của hắn, nên tôi bảo các người tuần hầu vây quanh cái vạc mà nhìn kỹ, nhưng họ không thấy thần-thức chui ra; sau cùng, tôi cho mở nắp vạc ra, cũng không thấy thần-thức đâu cả, mặc dù hắn đã chết. Vì lý do đó tôi biết chắc là không có đời sau.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp nói:

- Tôi hỏi ông, cứ tùy ý mà đáp. Khi ông ngủ đã từng mơ, thấy núi rừng, sông ngòi, ao hồ, vườn tược, đường sá, cầu cống, và đi tới đi lui chỗ này chỗ nọ; trong khi đó bà con trong nhà có ở quanh ông không, và họ có thấy thần-thức của ông đi ra đi vào không?

- Trong khi tôi ngủ nghỉ ấy, có khi có người ở quanh tôi, và những lúc ấy họ không trông thấy thần-thức của tôi đi ra đi vào.

- Như vậy khi còn sống, thần-thức ra vào còn không trông thấy huống chi là người chết. Có những vị Tỳ-kheo từ đầu hôm đến cuối đêm không ngủ nghỉ, chỉ siêng tu về đạo phẩm giác-ý, vị ấy không lười biếng, không buông lung, và dùng sức tam muội mà tu luyện; nhờ thế mà vị ấy quán chiếu thấy chúng-sanh chết chỗ này, sinh chỗ kia, tuổi thọ dài ngắn, nhan sắc đẹp xấu, tùy theo hành động thiện ác mà thụ quả báo tương ứng. Ông dùng con mắt người

phạm phu mà nhìn thì không thấy được, do đó biết chắc là có đời sau.

- Tuy Ngài dẫn giải như thế, nhưng chỗ tôi thấy thì vẫn không phải như vậy, vì có lần một tội nhân trọng tội, Triều-đình giao cho tôi phải hành xử tội nhân ấy bằng cách lột da; tôi sai tuần thôn lột da tử tội, và sai nhiều người khác vây quanh quan sát tìm thần-thức của hắn, nhưng không thấy; tôi lại sai phanh thây ra coi, cũng không thấy gì cả.

Một lần khác, tôi cho giết tội nhân bằng cách sai đem tội nhân đi cân, sau mới giết một cách êm thấm, và không mất một giọt máu. Xong rồi đem cân lại, nhưng lần cân sau lại nặng hơn lần cân trước khi chưa chết. Đáng lẽ khi có thần-thức thì phải nặng hơn, đằng này ngược lại, do đó mà tôi biết chắc không có đời sau.

Tôn-giả nói:

- Tôi sẽ dẫn giải nữa cho ông hiểu. Về một kiếp xa xưa trong quá khứ, có một quốc độ điêu tàn hoang phế, lúc đó có một đoàn lái buôn đi qua quốc độ này, bỗng họ gặp một Phạm-chí tu đạo thờ lửa ở trong một khu rừng. Đoàn thương buôn xin Phạm-chí cho ngủ nhờ một đêm tại túp lều phụ bên cạnh, rồi sáng sớm hôm sau lên đường. Sáng hôm sau Phạm-chí qua túp lều bên cạnh để xem xét, thì thấy một đứa nhỏ cỡ hơn một tuổi đang ngồi sụt sịt khóc; Phạm-chí nghĩ thầm: *“Ta đâu nỡ để đứa bé này chết, ta nên nuôi đứa trẻ này”*, tức thì ông bế đứa bé lên, dỗ dành và nuôi nấng.

Đứa bé mỗi ngày một lớn lên, đến khi nó sáu bảy tuổi, lúc đó Phạm-chí có chút việc cần đi vào nhân-gian, bèn bảo đứa bé: *“Ta có chút việc tạm đi khỏi ít ngày, người ở nhà có sẵn thức ăn đầy đủ lấy mà ăn. Người trông coi giữ gìn đồng lửa, đừng cho lửa tắt, nếu lửa có tắt thì hãy lấy hai thanh củi cọ vào nhau để lấy lửa mà đốt lên”*, căn dặn xong, Phạm-chí ra đi.

Đứa nhỏ ở nhà, lúc đầu còn trông coi đồng lửa, và cho thêm củi, sau mãi chơi quên không ngó tới, nên củi cháy hết, lửa tắt mất; đứa nhỏ đi chơi về thấy lửa tắt, ảo não than thầm: *“Mình dại quá, mãi đi chơi nên quên không trông coi đồng lửa, nên nó tắt mất, bây giờ biết làm sao đây?”* Đứa nhỏ quên lời dặn dò, vội vàng bới tro tìm lửa, tro đã nguội lạnh, và nó dùng đủ mọi cách để tìm lửa, nhưng đều thất bại.

Sau ít ngày Phạm-chí trở về, vừa tới cửa, thấy đứa bé, Phạm-chí hỏi: *“Trước khi đi ta đã dặn bảo người ở nhà coi chừng đồng lửa, người có coi không?”*. Đứa nhỏ đáp: *“Vì con mãi đi chơi, quên canh chừng nên lửa tắt”*.

mất”. Phạm-chí hỏi: “Người làm cách nào để lấy lại lửa?”. Đứa nhỏ đáp: “Khi con bới tro để tìm không thấy lửa, con bèn lấy hai miếng củi đập vào nhau, dùng búa chẻ củi để tìm lửa. Rồi chặt củi nhỏ vụn ra, và sau cùng là con bỏ củi vụn vào cối đá mà giã, nhưng đều không thấy lửa đâu cả”.

Lúc đó Phạm-chí đi vào chỗ đồng lửa đã tắt, lấy hai thanh củi cọ vào nhau nhiều lần thì lửa phát ra cháy miếng mồi; đồng thời ông ta để củi lên đốt và bảo đứa nhỏ: *“Như muốn tìm lửa người phải dùng đúng cách này, chứ không nên đập, chẻ, chặt, hay giã củi mà có lửa được đâu”.*

Trường hợp của ông cũng vậy, không theo đúng phương pháp, lại đi lột da, xả thân người để tìm thân-thức, thì chắc chắn không tìm được.

Về trường hợp người chết nặng hơn người sống cũng dễ hiểu thôi, cũng giống như người cân sắt, khi sắt nguội cân nặng hơn sắt nóng; Ông có biết tại sao sắt nóng có màu sắc đỏ chói, mềm mại, lại nhẹ không?

Bà-la-môn Tệ-Túc đáp:

- Sắt nóng có màu sắc đỏ sáng, mềm mại nên nhẹ, sắt nguội không có màu đỏ sáng và cứng nên nặng.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp nói tiếp:

- Con người cũng thế, khi sống thì có nhan sắc, mềm mại, cho nên nhẹ; nhưng khi chết, không còn nhan sắc và cứng, cho nên nặng. Do đó biết chắc là có đời sau.

Tệ-Túc nói:

- Trước đây, tôi có một người bà con mắc phải bệnh nặng, tôi đến thăm và bảo người hầu đỡ người bệnh nằm nghiêng về phía tay phải, khi đó người bệnh liếc ngó, co duỗi. Tôi lại bảo người hầu đỡ bệnh nhân nằm nghiêng bên trái, rồi lật sấp, lật ngửa, người bệnh vẫn còn liếc nhìn, co duỗi như thường, sau một lúc bệnh nhân tắt thở; tôi lại bảo người hầu đỡ người ấy nằm nghiêng bên phải, bên trái, lật sấp, rồi lật ngửa; trong khi đó tôi nhìn kỹ thấy người ấy không còn liếc nhìn, co duỗi gì cả. Do đó, tôi biết là không có đời sau.

Tôn-giả nói:

- Tôi lại dẫn chứng nữa cho ông hiểu. Thuở xa xưa, bấy giờ tại một nước nọ, không một người nào trong nước được nghe tiếng tù và; một hôm, có một người từ nước khác sành nghề thổi tù và đi đến thôn xóm của nước này, ông

ta cầm vỏ ốc biển lớn thổi ba tiếng rồi để xuống đất; khi ấy mọi người trong thôn xóm nghe tiếng kêu của tù và, thì giật mình, không hiểu là tiếng gì mà kỳ lạ như thế, nên một số thanh niên trai gái đi về phía có tiếng phát ra. Họ gặp người ấy và hỏi: *“Thứ gì mà trong trẻo bị ai kêu to vang xa như vậy?”* Người ấy chỉ vào vỏ ốc dưới đất mà nói: *“Tiếng của cái đó”*. Lúc ấy người người trong thôn lấy tay sờ, rồi vỗ vào vỏ ốc mà nói: *“Người hãy kêu lên cho chúng ta nghe”*, nhưng vỏ ốc vẫn không kêu. Người ấy cầm vỏ ốc lên kề vào miệng thổi ba tiếng rồi lại để xuống đất, mọi người thấy thế trầm trồ khen: *“Đây là tiếng hay ho mà chúng ta nghe khi này, chứ không phải tự vỏ ốc mà có tiếng kêu, phải có tay, có miệng, có hơi thổi mới có tiếng kêu”*. Con người cũng giống như vậy, cần phải có trí giác, có tinh thần, và có hơi thở ra vào mới liếc nhìn, co duỗi, nói năng được. Do đó ông nên bỏ tà kiến ấy đi, chớ giữ làm gì để thêm khổ não.

Tệ-Túc đáp:

- Tôi không bỏ được vì từ khi sinh ra đến giờ, tôi đã được giảng dạy, học hành, thảo luận, đọc tụng thường xuyên, luyện tập kiên cố, thì đâu bỏ được.

- Những người có trí do dẫn dụ mà hiểu rõ, tôi sẽ vì ông mà dẫn dụ thêm. Cũng trong thuở xa xưa, có một nước mà người dân ở vùng biên giới thật điều tàn; tại một xóm hẻo lánh kia có hai người thanh niên, một anh có trí, một anh ngu si, họ bàn với nhau: *“Tôi và anh, chúng ta cùng nhau vào rừng tìm kiếm cây gai đem về dùng”*, và họ tính với nhau lúc đi bằng ngã gồ ghề lên dốc khó đi, khi về bằng lối xuống dốc bằng phẳng dễ đi cho tiện việc mang nặng.

Rồi họ cùng đi đến một khu rừng thấy có cây gai mọc đầy mặt đất, tức thì họ cùng nhau lấy mỗi người một gánh nặng đem về; khi họ đi ngang qua một chỗ nọ, thấy có đống chỉ gai, người trí nói: *“Chỉ gai từ cây gai mà ra, nhỏ nhẹ đáng lấy hơn”*. Người ngu nói: *“Tôi đã lấy cây gai, bó buộc gọn gàng chặt chẽ, nay không bỏ được, anh muốn lấy tùy ý”*. Bấy giờ chỉ có người trí lấy một gánh chỉ gai và bỏ lại gánh cây gai, hai người lại cùng nhau tiến bước, bỗng họ gặp cây bạch diệp, tiếp theo là họ gặp một đồng đồng, rồi sau họ gặp một đồng bạc. Mỗi lần gặp như thế, người trí đều bảo người ngu nên đổi cây gai để lấy thứ quý hơn, người ngu nhất mực không nghe.

Sau chót, họ gặp một đồng vàng, bấy giờ người trí nói: *“Nếu không có vàng ta lấy bạc, nếu không có bạc ta lấy đồng, nếu không có đồng ta nên lấy bạch diệp, nếu không có bạch diệp ta nên lấy chỉ gai, nếu không có chỉ gai, ta mới lấy cây gai, vì cây gai ít giá trị nhất, nhưng tại đây có rất nhiều vàng,*

mà vàng là quý nhất. Vậy anh hãy bỏ cây gai, tôi bỏ bạc để cùng nhau lấy mỗi người một gánh vàng mang về". Người ngu nói: *"Tôi đã lấy cây gai bó buộc cẩn thận, gọn ghẽ, chặt chẽ; lại mang đi đã quá xa, tôi không bỏ được, nếu anh có muốn lấy cứ tùy ý, tôi không muốn lấy vàng"*, thế rồi người trí bỏ bạc lấy vàng, một gánh nặng mang về.

Khi hai người về đến nhà, bà con biết được người trí lấy được nhiều vàng thì vui mừng đến thăm hỏi, trong khi người ngu mang cây gai về không ai thèm đến hỏi thăm và cho là người khờ dại nên anh ta buồn tủi khổ sở.

Nếu cứ chấp chặt ý nghĩ sai lầm của mình như người lấy cây gai kia, ông cũng chỉ thêm buồn não suốt đời mà thôi.

Tệ-Túc nói:

- Tôi không bỏ được những điều đã gắn liền với cuộc đời tôi, vì nhờ những sự tin tưởng tuyệt đối đó mà tôi đã dạy dỗ nhiều người, đem lại nhiều sự lợi ích. Từ Vua-Quan đến hàng Bà-la-Môn tám tiếng bốn phương đều nghe danh tôi, đều biết rõ tôi là hàng học-giả uyên thâm chủ trương đoạn diệt, không có đời sau, không có tái sinh, và không có quả báo thiện ác.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp bảo:

- Tôi thấy ông thật là cố chấp, tôi đã dẫn giải biết bao nhiêu như thế mà ông vẫn khẳng khái một mực không chịu từ bỏ tà kiến ấy, nay tôi sẽ dẫn dụ nữa cho ông hiểu: Cũng về thuở xa xưa có một nước nhân dân ở vùng biên giới thật điêu tàn, lúc đó có hai đoàn thương buôn đi ngang qua vùng hẻo lánh này, nhưng hai đoàn đi cách nhau một tháng; vì đường xa nên họ không mang đủ lương thực, và phải mua thêm ở dọc đường.

Khi đi đến đoạn đường đó, người cầm đầu đoàn thứ nhất nghĩ trong đầu rằng: *"Đi đã mấy ngày rồi, sao không có nhà cửa chợ búa gì cả, mà số lương thực mang theo đã gần hết, thật là nguy hiểm!"* Đoàn thương buôn tiếp tục đi thêm một đoạn đường nữa, bỗng nhiên người trưởng đoàn nhìn thấy một người thân hình to lớn, mặt đen, mình mẩy dính bùn đi từ đằng xa đi lại, bèn hỏi:

- Anh từ đâu đi đến đây?

- Tôi từ thôn phía đằng kia đến đây.

Người ấy vừa nói vừa chỉ tay về hướng phía trước đoàn thương buôn.

- Chỗ anh ở có củi, nước, gạo, rau không?

- Chỗ tôi ở có gạo, củi, nước, rau, và đủ thứ dư thừa; lúc tôi đi giữa đường gặp trời mưa, nên ở thôn phía trước kia lại càng có nhiều nước và rau tươi. Nếu trên xe các ông có gạo, củi, nước và rau héo nên bỏ đi cho nhẹ xe đi mau hơn, vì tại thôn phía trước kia cách đây không xa có đủ thứ rất rẻ, không cần chờ cho nặng xe lâu tới nơi.

Nghe nói như thế, người trưởng đoàn cho là phải, bèn bảo các người trong đoàn:

- Chúng ta hãy bỏ đi các thứ gạo, củi, nước, rau đã lâu ngày để cho xe được nhẹ đi mau tới, vì ở thôn phía trước có đủ cả, lo gì.

Thế rồi, cả đoàn đều làm theo, và quả thật xe của họ đi mau hơn, nhưng qua một ngày không thấy thôn xóm chợ búa, hai ngày, ba ngày, rồi đến năm bảy ngày cũng chẳng thấy thôn xóm chợ búa đâu cả! vẫn chỉ là nơi hoang vu, không cây cối, không bóng người. Cả đoàn thương buồn lâm vào cảnh đói khát mà chết dần hết, thật là tội nghiệp đáng thương!

Về sau đoàn thứ hai lên đường, trên đường đi, họ cũng gặp anh chàng mặt đen mình mẩy dính bùn; người trưởng đoàn cũng hỏi tương tự như người trưởng đoàn thứ nhất đã hỏi, và anh chàng mặt đen cũng trả lời và nói y như hần đã nói với trưởng đoàn thứ nhất, nhưng trưởng đoàn thứ hai bảo mọi người trong đoàn rằng: *“Gạo, nước, củi, rau của chúng ta nên giữ kỹ, chớ bỏ đi, bao giờ có lương thực mới, rồi sau sẽ bỏ thứ cũ dư thừa cũng không muộn, vì sao?, vì lương thực cũ và mới phải được liên tục mới mong qua khỏi nơi hoang vu vắng vẻ này”*. Hơn thế nữa, người trưởng đoàn hai còn ra lệnh cho mọi người trong đoàn phải tiết kiệm để đủ lương thực ăn trong nhiều ngày. Do đó, cả đoàn cứ thế mà đi, họ đi hết một ngày không thấy thôn xóm chợ búa, rồi hai ba ngày, năm bảy ngày, cho đến chín mười ngày cũng chẳng thấy thôn xóm chợ búa. Đi thêm mấy ngày nữa, đột nhiên họ thấy xác các người trong đoàn thứ nhất chết đã rửa trôi dọc đường, trông thật là thảm thương vô cùng!

Như vậy thì ông hiểu rằng trưởng đoàn thứ hai vì là người trí tuệ nên cả đoàn thoát khỏi bị tai nạn, ngược lại trưởng đoàn thứ nhất vì là người ngu si, nên gây ra hậu quả tai hại là không những tự giết mình mà còn làm cho cả đoàn người bị chết oan uổng nữa; vậy ông nên nghĩ kỹ mà bỏ tà kiến ấy đi, nếu không chỉ gây khổ não suốt đời cho mình, và còn gây khổ não cho người khác nữa, cũng giống như trưởng đoàn thương buồn thứ nhất mà tôi vừa nói.

Bà-la-môn Tệ-Túc đáp:

- Tôi nhất quyết không từ bỏ quan điểm sắt đá của tôi, nếu ai can gián, chỉ làm cho tôi phát bực tức, oán giận mà thôi.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp nói tiếp:

- Về thời xa xưa, có một anh chàng kia đi đến một thôn vắng, thấy có nhiều phân khô, bèn lấy cỏ bó lại rồi đội lên đầu mang về để nuôi lợn (heo); khi đang đi về, trời đổ mưa lớn, nước chảy xuống đầu mặt, thân người anh ta, nhưng vẫn cố đội về, do đó nước phân chảy dính khắp đầu mặt, quần áo. Mọi người trông thấy thế đều chê anh ta là người điên dại ngu si và khuyên rằng: *“Thứ phân dơ bẩn ấy, giả thử không mưa, trời mát mẻ, cũng không ai đội lên đầu, huống là đội đi giữa trời mưa”*. Anh ta nghe nói như vậy thì nổi giận mắng lại rằng: *“Các anh là đồ ngu, không biết lợn của ta ở nhà đang đói, nếu các anh là người hiểu biết đã không nói như thế”*. Vậy ông chớ nên giữ chặt sự mê lầm giống như người đội phân kia đã không cảm ơn người can gián, mà còn trở lại mắng nhiếc người khác là đồ ngu không hiểu biết.

Bà-la-môn Tệ-Túc nói:

- Nếu các ông nói rằng: *“Làm lành được sinh lên cõi trời, chết vui hơn là sống”*, sao các ông không tự tử, uống thuốc độc mà chết; hoặc nhảy từ lầu cao xuống mà tự vận?, tôi chỉ thấy người nào người ấy đều ham sống sợ chết cả, như thế đủ biết chết không vui hơn sống.

Tôn-giả nói:

- Cũng thuở xưa, tại thôn Tư-ba-Ê này, có một người Phạm-chí trưởng lão, có hai vợ, người vợ cả (vợ lớn) có con đã lớn, người vợ lẽ (vợ nhỏ) mới có thai thì Phạm-chí đó qua đời. Bấy giờ mẹ con người vợ cả đòi lấy hết gia tài, người vợ lẽ nói: *“Chị hãy chờ một thời gian, tôi sẽ sinh, nếu là con trai thì phải có một phần gia tài, nếu là con gái chị đem gả chồng để lấy của hồi môn”*. Nhưng mẹ con người vợ cả nhiều lần đòi lấy hết gia tài, người vợ lẽ nổi giận, lấy dao tự mổ bụng mình để coi con trai hay con gái!

Ông thấy đấy, người mẹ tự sát mà chết, lại hại luôn cả đứa con trong bào thai, ông cũng giống như vậy, đã hại mình, còn hại luôn cả người khác nữa; trái lại, Sa-Môn nào siêng tu, có giới đức đầy đủ, nếu sống lâu ở đời, sẽ đem lại vô lượng lợi ích cho Trời và Người, tôi không nói hết được những lợi ích ấy.

Này bà-la-môn Tệ-Túc, ông hãy lắng nghe tôi nói thí dụ cuối cùng: nếu ông vẫn không hiểu, tôi sẽ không thuyết pháp cho ông nghe nữa. Một con

heo (lợn) lớn, thủ lĩnh của một bầy heo rừng, nó đi một mình vào con đường nguy hiểm, đi đến giữa đường, nó gặp một con cọp (mãnh hổ). Khi heo đã thấy cọp, nó liền nghĩ: *“Nếu ta đấu với cọp, nó sẽ giết ta, nếu sợ bỏ chạy, thân tộc sẽ khinh dể ta, vả lại nếu chạy cũng chưa chắc đã thoát chết, không biết làm cách nào để thoát nạn đây?”*

Nghĩ xong, nó nói với cọp: *“Nếu người muốn đấu thì đấu, nếu không người phải tránh đường để ta đi”*, cọp nghe xong bảo heo: *“Ta chấp nhận đấu với người chứ không tránh đường cho người đi”*.

Heo lại nói: *“Này cọp, được rồi, người hãy đợi ở đây một lúc, để ta về mặc áo giáp của tổ-phụ, xong rồi ta sẽ trở lại đây ngay để quyết đấu với người một trận thí mạng cùi”*, cọp nghe rồi liền nghĩ: *“Nó chẳng phải địch thủ của ta như loài beo, sư tử, huống là nó mặc áo giáp tổ-phụ của nó ư? Ta chấp nó mặc một trăm áo giáp cũng chẳng coi nó ra gì cả”*, nghĩ xong, cọp bảo heo: *“Ta chấp thuận cho tùy ý người đi về mặc áo giáp của tổ phụ người và nhớ mau tới đây đấu với ta”*.

Heo liền trở về nơi hàng ngày của đàn heo ở, lẩn mình trên đồng phân, làm cho phân dính cùng khắp mình mấy đầu mặt, rồi trở lại chỗ cọp nằm đợi chờ, heo nói: *“Người muốn đấu hãy đến đây đấu với ta, nếu không, người phải tránh đường để ta đi”*. Sau khi thấy heo như vậy, cọp nghĩ: *“Ta thường không ăn sâu bọ tạp nhạp vì uống hàm răng ta, huống là lại phải đến gần con heo hôi hám bẩn thỉu này”*, nghĩ xong, cọp liền bảo heo: *“Ta tránh đường cho người đi chứ không muốn đấu với người nữa”*.

Cọp nói rồi liền lảng bước đi, khi heo đi qua được rồi, quay về hướng cọp mà nói lớn lên rằng: *“Này cọp, người bốn chân, ta cũng bốn chân, hãy đến đấu với ta, sợ gì mà phải bỏ chạy?”* Cọp nghe vậy trả lời: *“Người lông mọc như rừng, hèn nhất trong các loài vật, này heo, hãy mau cút đi, mùi hôi thối ta chịu không nổi”*.

Heo tự khoe nói: *“Nước Ma-Kiệt, nước Ương-Già nghe ta đấu với người, hãy đến đấu với ta, sợ gì mà phải lảng chạy đi như thế?, đúng là người đã sợ sức mạnh và oai phong của ta rồi!”* Cọp liền đáp: *“Toàn thân dơ bẩn hôi thối, người làm ta lây thối, người muốn cầu thắng, nay ta cho người thắng”*.

Tôi cũng như thế, để cho ông thắng, đối với quan niệm ấy, ông ngoan cố bảo thủ vì tham dục, vì sân hận, vì tà kiến không bao giờ chịu từ bỏ, thì ông sẽ chịu vô số điều khổ dữ về sau.

Lúc đó Tệ-Túc vội nói:

- Thừa Tôn-giả, ngay thí dụ đầu tiên về mặt trời, mặt trăng, và tinh tú, tôi đã hiểu rồi, sở dĩ tôi lý luận như thế là vì tôi muốn được thấy trí-tuệ biện tài của Ngài để thêm vững chắc lòng tin mà thôi, nay tôi đã tín thọ và xin được quy y với Ngài.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp nói:

- Ông chớ quy y với tôi, mà nên quy y với đấng Vô Thượng-Tôn như tôi đã quy y, nhưng đức Thế-Tôn, Thầy tôi đã diệt độ chưa bao lâu.

Ông Tệ-Túc nói:

- Nếu đức Thế-Tôn còn tại thế, chẳng quản gần xa, tôi sẽ đến gặp Ngài và quy y lễ bái, nhưng nay đức Thế-Tôn đã diệt độ rồi. Vậy tôi xin quy y đức Thế-Tôn đã diệt độ, xin quy y pháp và đại chúng Tỳ-kheo, xin Ngài hãy chấp nhận cho tôi là kẻ Ưu-bà-Tắc ở trong chính pháp; từ nay về sau, trọn đời tôi nguyện không còn làm các điều ác, và chỉ làm các việc lành mà thôi, tôi xin mở đại bố thí cho tất cả.

Tôn-giả nói thêm:

- Nếu sát hại chúng-sanh, đánh đập tôi tớ để mở hội bố thí, điều đó chẳng phải là tạo phúc thanh tịnh, và nếu không sát hại chúng-sanh, không đánh đập tôi tớ để bố thí cho hạng người tà kiến, đó cũng chẳng phải là tạo phúc thanh tịnh. Ví như trên đất khô nhiều sỏi đá sạn mà đem gieo trồng vào, chắc chắn không gặt hái được gì; trái lại nếu mở hội đại thí, mà không giết hại chúng-sanh, không hành hạ tôi tớ, đem lòng hoan hỷ mở hội bố thí cho hạng người tu phạm hạnh thanh tịnh thì sẽ được nhiều phúc lợi, cũng giống như ruộng đất tốt, có nước, có phân mà gieo đúng mùa, thời tiết điều hòa, tất nhiên sẽ thu hoạch được nhiều lợi lộc.

Tệ-Túc nói:

- Từ nay về sau, tôi sẽ thường xuyên cúng dàng chúng Tăng, và kể từ ngày mai, xin thỉnh Ngài và chúng Tỳ-kheo đến nhà tôi thỉnh chay.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp im lặng nhận lời, ông Tệ-Túc đứng dậy vái chào rồi cùng đoàn người thôn Tư-ba-Ê ra về.

LỜI BÀN VỀ SỰ CỐ CHẤP QUAN ĐIỂM

Đọc hết cuộc đối thoại, chúng ta thấy rõ tài biện luận (Biện tài vô ngại) của Tôn Giả Đại Ca Diếp, và Bà La Môn Tệ Túc tiêu biểu cho con người cố giữ những điều ông cha truyền lại, bảo thủ những điều đã ghi trong Kinh sách, chấp chặt những điều đã được học hành đọc tụng, kiêu hãnh tự tôn những gì đã đem dạy người vì sự tin tưởng của mình; khi có người nói khác thì quyết liệt phản đối, dùng mọi lý lẽ biện hộ cho sự tin tưởng của mình mà thực ra không có nền tảng trí tuệ.

Từ xưa cho đến ngày nay, nhiều người giống như Bà La Môn Tệ Túc, cố chấp quan điểm của mình; những người này lợi dụng uy thế Tôn Giáo để bảo thủ quan điểm của mình, tạo sự chia rẽ thù nghịch, đưa tới giết hại khủng bố chiến tranh, gây ra biết bao đau khổ cho con người. Vô tình hay cố ý, họ đã làm ngược lại những điều đạo đức, và hậu quả là vị Giáo Chủ Tôn Giáo của họ đã thất bại trong việc đưa nhân loại đến Hạnh phúc an vui...

3)- Tôn-giả Đại Ca-Diếp khởi việc kết tập Kinh Phật.

Trong việc kết tập Kinh Luật, Tôn-giả Đại Ca-Diếp là người khởi xướng đầu tiên, vì sau khi Phật nhập Niết-Bàn khoảng ba bốn tháng, Tôn-giả thấy bắt đầu có hiện tượng một vài Tỳ-kheo tụng khác nhau, và khác lời giảng của Phật. Tôn-giả thấy nguy cơ Phật pháp có thể đổ vỡ, nên nói với các vị Thánh Tăng rằng: *“Đức Thế-Tôn đã vào Niết-Bàn rồi, tôi khuyên các vị hãy ngồi lại với nhau để kết tập những lời đức Thế-Tôn đã thuyết pháp, giảng dạy trong gần 50 năm, để truyền bá về sau, và không nên để cho giáo pháp của Ngài đoạn diệt mất”*. Tôn-giả nói kệ tuyên cáo như sau:

Các đệ tử của Phật,
Chớ Niết-Bàn vội vã,
Vị nào đủ thần thông,
Nên đồng nhau kết tập.

Tôn-giả Đại-Ca-Diếp cùng các vị Thánh Tăng bèn nhờ Vua A-Xà-Thế nước Ma-Kiệt-Đà đứng ra tuyên triệu các Tỳ-kheo từ các nơi về, và tổ chức đại hội kết tập những lời giảng dạy của đức Phật.

Vua A-Xà-Thế vâng lời các vị Thánh Tăng, liền cho rao truyền quảng bá đến nhân dân và các nước lân bang; Vua cho mời tất cả các vị Thánh Phạm Tăng đến động Thất-Diếp, cũng gọi là hang Tát-Ba-La, thuộc núi Kỳ-Xà-

Quật, gần thành Vương-Xá, nước Ma-Kiệt-Đà để góp phần công đức kết tập những lời giảng của đức Phật trong suốt thời gian Ngài còn tại thế.

Vua cho làm cổng, chuẩn bị chu đáo mọi việc cần thiết cho đại hội như trang trí phòng ốc, dựng cột cao lớn treo đại kỳ phướn ngay phía ngoài cổng động, chảnh hoa, đèn đuốc v.v... tất cả đều chu toàn. Số người tham dự gồm có ngoài hơn một nghìn vị Tỳ-kheo ra, còn có Vua A-Xà-Thế và các Vua lân bang, các quan Đại thần, các Cư-sĩ, và nhân dân các nước tới chứng kiến, tất cả có trên mười nghìn người.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp không những là người khởi xướng, mà còn là người hướng dẫn, đôn đốc, và đóng góp để hoàn thành các bộ kinh; khi kết tập xong thì Tôn-giả nói với Tôn-giả A-nan-Đà rằng:

- Ta trụ ở thế gian này chẳng còn bao lâu nữa, nay ta đem Chính Pháp của đức Như-Lai phú chúc lại cho Hiền-đệ, vậy Hiền-đệ phải khéo giữ gìn để lưu truyền Phật-Pháp về sau, chớ để đoạn tuyệt. Hiền-đệ phải hết lòng trân trọng mà hộ trì, và lắng nghe bài kệ của ta mà lãnh Pháp:

Pháp vốn pháp bản lai,
Không pháp không phi pháp,
Sao lại trong một pháp,
Có pháp có chẳng pháp.

4)- Tôn-giả Ca-Diếp nhập diệt định chờ Phật Di-Lặc.

Một hôm, Tôn-giả Đại Ca-Diếp thấy đã đến thời xa thế gian, Tôn-giả nhớ lời Vua A-xà-Thế thỉnh cầu là khi nào nhập diệt cho Vua biết, nên Ngài ghé cung Vua để từ biệt, nhưng khi tới nơi lại không đúng buổi lâm triều, nên Tôn-giả nói với quan giữ cửa rằng:

- Ca-Diếp này đã gần đến thời tiết nhập định nơi núi Kê-Túc, nên đến đây báo trước cùng Đại-Vương. Hiện nay không được gặp mặt Vua mà yết kiến, vậy xin nhờ quan trình giùm rằng có Ca-Diếp đến từ tạ Đại-Vương.

Nói rồi, Tôn-giả liền từ giã mà đi, khi tới núi Kê-Túc, Tôn-giả đi thẳng vào hòn Tam-Nhạc, rồi kết cỏ làm nệm mà ngồi kiết-già; trong khi tĩnh tọa, Tôn-giả phát ra lời thệ nguyện rằng: *“Xác thân ta mặc áo Cà-Sa do đức Thế-Tôn ban cho, còn tay ta bưng giữ Bình Bát mà ngồi trong hang đá này; từ nay cho đến khi đức Di-Lặc giáng sinh, ta nguyện xin không mục rã, để cho tất cả đệ-tử của Ngài đều được trông thấy thân ta và Bình Bát này”*.

Khi phát nguyện xong, đất tự nhiên rung động, Tôn-giả nhập định rồi, có những vị Trời đem hoa thơm quý lạ ở cõi Trời rải xuống.

Vua A-xà-Thế, ngủ mơ màng, bỗng nhiên thấy cây đòn dông trên nóc cung điện tự nhiên rớt xuống gãy nát, thì giật mình tỉnh dậy; lúc Vua biết là chiêm bao, nên trong lòng đâm ra kinh sợ vì không biết là điềm gì sẽ xảy ra. Sau đó quan Thủ-môn vào trình việc Tôn-giả Đại Ca-Diếp đến báo với Vua việc vào núi Kê-Túc để nhập định, Vua hay tin ấy, trong lòng buồn bã, bèn sai người đi thỉnh Tôn-giả A-nan-Đà, và truyền chỉ chuẩn bị xe giá, hương hoa, rồi cùng Tôn-giả A-nan-Đà đến núi Kê-Túc.

Khi Vua và Tôn-giả A-nan-Đà vừa tới nơi, hai vị bước vào, cúng dàng lễ bái, âu sâu thăm thiết; hai người đứng nhìn chân dung hình hài Ngài Ca-Diếp ngồi kiết-già, một hồi lâu hai người mới chịu lui gót ra về, vừa ra khỏi cửa hang, tự nhiên miệng hang núi từ từ khép kín lại, để cho bao đời sau chiêm bái núi Kê-Túc....

ĐỨC PHẬT NÓI:

Các ông không nên chấp lời Ta nói qua sự tôn kính, mà đúng hơn là nên thông qua sự chiêm nghiệm của chính mình.

TRƯỞNG-GIẢ CHẤT-ĐA-LA

(Tập A-Hàm, quyển 2, từ trang 401 đến 432)

Trưởng-giả Chất-đa-La đã quy-y và học Phật tại rừng Am-La, sau khi đức Phật nhập Niết-Bàn rồi, Trưởng-giả thường hay đến chỗ các Tôn-giả thảo luận, và học hỏi Phật pháp. Các Tôn-giả thường nói Pháp, chỉ dạy, soi sáng, và làm cho Trưởng-giả vui mừng.

Một hôm, Trưởng-giả Chất-đa-La đến phòng của Tôn-giả Na-già-Đạt-Đa chào và hỏi thăm sức khỏe xong, Tôn-giả nói với Trưởng-giả:

- Đức Phật nói: *“Có vô lượng tâm tam-muội, vô tướng tâm tam-muội, vô sở hữu tâm tam-muội, không tâm tam-muội”*, thế nào Trưởng-giả, vì Pháp này có các thứ nghĩa nên có các thứ tên, hay chỉ một nghĩa có các thứ tên?

Sau khi suy nghĩ đắn đo, Trưởng-giả trả lời Tôn-giả Na-già-Đạt-Đa như sau:

- Có Pháp gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị; có Pháp chỉ có một nghĩa mà nhiều câu, nhiều vị.

Thế nào là Pháp có nhiều nghĩa, nhiều câu, nhiều vị? Tâm cùng hợp với Từ, không oán, không ghét, tâm khoan dung rộng rãi, tu tập nhiều lần, trải khắp một phương; cũng như thế phương thứ hai, thứ ba, thứ tư, phương trên, phương dưới, tất cả thế-gian, duyên trụ tất cả; đó gọi là vô lượng tâm tam-muội.

Thế nào là vô tướng tâm tam-muội?, nghĩa là đối với tất cả các hình tướng không nhớ, không nghĩ trong hết thảy thời gian, tự thân tác chứng đầy đủ; đó gọi là vô tướng tâm tam-muội.

Thế nào là vô sở hữu tâm tam-muội?, nghĩa là vượt qua tất cả các thức, trụ nơi tâm vô sở hữu; đó gọi là vô sở hữu tâm tam-muội.

Thế nào là không tâm tam-muội?, là quán sát như thật thế-gian là không, pháp thường trụ không biến đổi là chẳng phải ngã, tức chẳng phải ta, chẳng phải ngã sở, tức chẳng phải cái của ta, đó gọi là không tâm tam-muội; tất cả các pháp nêu trên gồm nhiều nghĩa, nhiều câu, và nhiều vị vậy.

Thế nào là Pháp chỉ có một nghĩa, mà có nhiều câu, nhiều vị? Thí dụ như tham lam là có tướng, sân hận là có tướng, ngu si tà kiến là có tướng, không tránh (tranh) là vô tướng. Tham, sân, si là sở hữu, là có cái ta, có cái của ta; không tránh là vô sở hữu, là không đối với tham, sân, si; vô tránh là không đối với thường trụ chẳng biến đổi, là không đối với phi ngã, phi ngã sở; đó là Pháp chỉ có một nghĩa mà có nhiều câu, nhiều vị vậy.

Sau khi nghe sự giải thích của Trưởng-giả, Tôn-giả Na-già Đạt-Đa hỏi:

- Trưởng-giả vừa nói ý nghĩa ấy vì ông đã được nghe giải thích trước rồi chăng?

- Không, thưa Tôn-giả, con chưa hề được nghe ai đã giải thích trước đây.

- Trưởng-giả, ông được lợi ích lớn nơi Phật Pháp sâu xa, hiện tại ông được tuệ nhãn của bậc Hiền-Thánh.

- Cám ơn Tôn-giả đã quá khen ngợi.

Một ngày khác, Trưởng-giả Chát-đa-La đến thăm Tôn-giả Ca-Ma, sau khi chào và thăm hỏi sức khỏe, Trưởng-giả hỏi :

- Thưa Tôn-giả, thế nào là hành, có mấy loại hành, và ý nghĩa của hành như thế nào?

Tôn-giả Ca-Ma đáp:

- Có ba loại hành là thân hành, khẩu hành, và ý hành; hơi thở ra vào là thân hành, có giác (biết) có quán (thấy) gọi là khẩu hành, có tưởng (nhớ) có tư (nghĩ) gọi là ý hành, vì sao? Vì hơi thở ra vào là pháp của thân, do nơi thân, thuộc nơi thân, nương nơi thân chuyển, do đó hơi thở ra vào gọi là thân hành. Vì có biết, có thấy nên miệng diễn tả nói năng ra, do đó có giác có quán gọi là khẩu hành. Tư tưởng, suy nghĩ nương nơi tâm, thuộc nơi tâm chuyển, do đó tưởng, tư gọi là ý hành.

Một hôm, Trưởng-giả mời các vị Tôn-giả đến nhà thụ chay, sau khi thọ trai và nói Pháp xong, các Tôn-giả ra về, Trưởng-giả đi cùng các Tôn-giả đến Tịnh-xá. Trên đường đi, lúc ấy vào cuối mùa xuân đầu mùa hạ, trời nóng bức, đi đường rất khó chịu, có một Tôn-giả nhỏ nhất trong các vị ấy tên là Ma-ha-Ca nói:

- Thưa các Sư-huynh Tôn-giả, hôm nay quá nóng nực, con muốn nổi mây và gió mát có được không?

- Hiền-giả làm được như vậy thì tốt lắm.

Tôn-giả Ma-ha-Ca liền nhập tam-Muội Như-chính-thụ, liền lúc đó mây nổi, mưa nhỏ như bụi, gió mát thổi đến làm cho mọi người cảm thấy dễ chịu; khi mọi người đi tới cửa Tịnh-xá, Tôn-giả Ma-ha-Ca hỏi:

- Thưa các Sư-huynh Tôn-giả, việc làm gió mát này dừng lại được chưa?

Các Tôn-giả đều đáp:

- Hãy ngừng đi, đủ rồi.

Lúc ấy Tôn-giả Ma-ha-Ca liền dừng thần-thông và trở về phòng của mình, trong khi đó Trưởng-giả Chát-đa-La nghĩ thầm rằng: “*Vị Tỳ-kheo nhỏ nhất ở đây mà còn có thần-thông lớn như thế, huống chi là bậc khác*”. Nghĩ như thế, Trưởng-giả liền vái chào các Tôn-giả, rồi đi theo Tôn-giả Ma-ha-Ca vào phòng và nói:

- Thưa Tôn-giả, tôi muốn được thấy Tôn-giả biến hóa hiện thần-túc siêu việt.

Tôn-giả Ma-ha-Ca nói:

- Trưởng-giả, chớ nên thấy, sẽ sợ hãi.

Ba lần Trưởng-giả yêu cầu, ba lần Tôn-giả từ chối như thế, Trưởng-giả lại năn nỉ yêu cầu nữa:

- Xin Tôn-giả vui lòng thương xót cho tôi xem thần-thông biến hóa.

- Thôi được, ông hãy ra ngoài lấy cỏ và củi khô gom lại một đồng, rồi đem tấm vải trùm phủ lên, khi nào xong cho tôi hay.

Nói xong, Tôn-giả lấy một tấm vải trao cho Trưởng-giả; Trưởng-giả y theo lời chỉ bảo, ra ngoài, gom cỏ củi khô xếp thành một đồng, phủ vải lên trên, rồi đi vào phòng nói với Tôn-giả:

- Thưa Tôn-giả, tất cả củi cỏ đã được chuẩn bị xong đúng như lời Tôn-giả đã nói.

Tôn-giả Ma-ha-Ca liền nhập định, sau một lúc, Tôn-giả bảo Trưởng-giả:

- Ông ra coi có gì xảy ra cho đồng cỏ củi không?

Nghe lời Tôn-giả, Trưởng-giả đi ra chỗ đồng cỏ củi, một lúc, ông trở vào mang trả lại Tôn-giả miếng vải và nói:

- Thưa Tôn-giả, con đã nhìn thấy cỏ củi cháy mà miếng vải ở bên trên không cháy, thật là lạ, thật là kỳ đặc! Tại sao thế?

- Tôi đã dùng Hỏa-quang tam-Muội, xuyên qua khe cửa, ánh sáng đốt rụi cỏ củi, mà không cho đốt cháy tấm vải ở bên trên. Ông nên biết, thần-thông này do không buông lung làm gốc, việc này cùng với công-đức khác, tất cả đều do không buông lung làm gốc mà thành.

Cho tới một ngày nọ, Trưởng-giả Chát-đa-La đã lớn tuổi rồi và bị yếu mệt, trong đêm khuya gần về sáng, có nhiều vị Trời đến bảo Trưởng-giả:

- Nay Trưởng-giả, ông nên phát nguyện làm Chuyển-luân Thánh-Vương (Đại-Vương), sẽ tùy nguyện đắc quả, vì ông có dư đủ công-đức để sẽ là một vị Đại-Vương ở đời sắp tới.

Trưởng-giả trả lời chư Thiên:

- Nếu làm Chuyển-luân Thánh-Vương, cũng vẫn có vô thường, biến dịch, và khổ, ý tôi không muốn làm Chuyển-luân Thánh-Vương.

Các vị Trời khuyên bảo Trưởng-giả không thuận, nên biến mất, ngày hôm sau, Trưởng-giả nói với quyến thuộc vây quanh:

- Đã có nhiều Chư Thiên đến đây nói với tôi: *“Ông nên phát nguyện được làm Chuyển-Luân Thánh-Vương, sẽ tùy nguyện đắc quả”*, tôi đã trả lời chư Thiên là: *“Đại Thánh-Vương cũng lại vô thường, biến dịch, khổ, nên tôi không muốn”*.

Các quyến thuộc hỏi Trưởng-giả:

- Nay ông dụng tâm như thế nào?

- Nay tôi tâm nguyện rằng: {{Chỉ không còn thụ sinh vào bào thai nữa, chẳng thêm mồ mả, chẳng thọ nhận khí huyết, như Thế-Tôn đã nói: *“Năm hạ phần kiết-sử, Ta không thấy có ngã, tự thấy chẳng một kiết nào mà chẳng đoạn; như thế sẽ sinh lên cõi Trời một lần (hóa sinh) rồi nhập Niết-Bàn, không còn tái sinh ở cõi nhân-gian này nữa”*}}. Nói xong: Trưởng-giả từ giường nằm ngồi dậy, ngồi kiết-già, giữ chính niệm, và nói kệ về hạnh bố-thí cúng-dàng được phúc báo sinh lên cõi Trời; nói kệ xong, Trưởng-giả liền qua đời, sinh đến cõi Trời Vô Phiền (Đây là cõi Trời Sắc giới vượt trên Tứ Thiên).

Tại cõi Trời, Thiên tử Chát-đa-La nghĩ rằng: *“Ta nên đến Diêm-phù-Đề để lễ bái các Tôn-giả”*. Nghĩ rồi, chỉ trong khoảnh khắc, Thiên-tử Chát-đa-La dùng sức Thiên-thần, hiện đến rừng Am-La bên ngoài Tịnh-xá, phóng hào quang từ thân Trời, chiếu sáng khắp rừng Am-La. Khi ấy có một vị Tỳ-

kheo Tôn-giả ra khỏi phòng, đi kinh hành, trông thấy ánh sáng kỳ diệu chiếu khắp rừng cây, liền nói kệ:

Sắc Trời nào vi-diệu?
Trụ ở giữa hư không,
Giống như núi vàng rực,
Chiếu sáng Diêm-phù-Đàm.

Thiên-tử Chát-đa-La nói kệ đáp:

Tôi là Vua Trời Người,
Là đệ-tử Cù-Đàm,
Trong rừng Am-La này,
Trưởng-giả Chát-đa-La.
Nhờ tịnh giới đầy đủ,
Hệ niệm tự tịch tịnh,
Thân giải thoát đầy đủ,
Thân trí tuệ cũng thế.
Tôi biết pháp nên đến,
Nhân giả cần nên biết,
Nên nơi Niết-Bàn kia,
Pháp này pháp như thế.

Thiên-tử Chát-đa-La nói kệ xong liền biến mất....

ĐỨC PHẬT NÓI:

- **Chỗ ta thấy biết nhiều như lá cây rừng, trong khi những điều ta nói ra chỉ như mớ lá cây trong nắm tay.**

TÔN-GIẢ A-NAN-ĐÀ

(Trung A-Hàm, quyển 1 từ trang 413 đến 421)

Tôn-giả A-nan-Đà, là dòng dõi hoàng tộc, con người chú ruột của Thái-tử Sĩ-Đạt-Ta, tức là em họ của đức Phật. Tôn-giả A-nan-Đà là bậc kỳ tài hiếm có trên thế-gian này, vì Ngài có một bộ óc siêu phàm tuyệt vời. Ngài nhớ được tất cả những lời đức Phật giảng dạy hàng ngày mà Ngài đã được nghe trong suốt thời gian hai mươi lăm năm làm Thị-giả cho đức Phật.

Đức Phật xếp Tôn-giả A-Nan-Đà vào hàng các đại đệ-tử vì các điểm đặc biệt, đó là: *“Sức học uyên thâm, trí nhớ vô cùng đúng, kiên trì chuyên chú cần mẫn, và khéo biết ý Phật”*. Những bộ Kinh ngày nay chúng ta được đọc là do sự đóng góp của Ngài và năm trăm vị Thánh Tăng thời ấy đọc lại thành Kinh sau khi đức Phật nhập Niết-bàn chừng ba bốn tháng.

1)- A-Nan-Đà làm Thị-giả của Phật.

Khi đức Phật trú tại thành Vương-Xá, lúc đó có rất nhiều đệ-tử Tỳ-kheo từ Trưởng-Lão trở xuống cũng trú tại thành Vương-Xá, tất cả đều ở vây quanh Phật trong Kỳ-viên Tịnh-xá, bấy giờ Ngài bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy nên biết, hiện nay Ta đã già rồi (Lúc này Phật đã 55 tuổi), thân thể càng ngày càng suy yếu, nên Ta cần có người chăm sóc. Các thầy hãy cử cho Ta một thầy Thị-giả, làm sao để chăm sóc Ta xứng ý, chứ không phải không xứng ý, ghi nhớ lời Ta nói mà không quên mất ý nghĩa.

Lúc ấy Tôn-giả Câu-lân-Nhã liền đứng dậy, chấp tay hướng về đức Phật thưa rằng :

- Thưa đức Thế-Tôn, con xin được làm Thị-giả, con xin nguyện hầu hạ Thế-Tôn xứng ý, chứ không phải không xứng ý, con ghi nhớ những lời Ngài nói mà không quên mất ý nghĩa.

Đức Thế-Tôn bảo:

- Nay Câu-lân-Nhã, chính thầy tuổi đã già, thân thể càng ngày càng suy yếu; chính thầy cũng cần có Thị-giả, Thầy nên ngồi xuống đi.

Cũng như vậy, hai mươi một vị Tôn-giả, hoặc Tôn-giả Trưởng-Lão lần lượt đứng dậy, chấp tay hướng về đức Phật xin được làm Thị-giả; các vị Tôn-giả đều nguyện hầu hạ xứng ý Phật, và ghi nhớ những lời Ngài giảng dạy mà không quên ý nghĩa, nhưng tất cả đều bị Phật từ chối.

Khi ấy, Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên suy nghĩ: “Đức Thế-Tôn muốn vị nào làm thị-giả, ý Ngài đặt vào vị Tỳ-kheo nào? Ngài muốn ai chăm sóc cho xứng ý, và ghi nhớ lời Ngài dạy mà không quên mất ý nghĩa? Có lẽ ta nên nhập Như-kỳ tướng-định để quán sát tâm niệm của toàn thể đại-chúng”. Nghĩ rồi, Tôn-giả liền thực hành ngay và biết Thế-Tôn muốn chọn Tôn-giả A-Nan-Đà, vì ý Ngài đặt vào A-Nan-Đà; biết vậy xong, Tôn-giả xuất định, và thưa với đại-chúng:

- Chư Tôn-Hiền biết không? Đức Thế-Tôn muốn chọn: Tỳ-kheo A-Nan-Đà làm Thị-giả, bây giờ chúng ta nên cùng nhau đến chỗ Tôn-giả A-Nan-Đà khuyên dụ thầy ấy chịu làm Thị-giả.

Bấy giờ Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên và các thầy Tỳ-kheo cùng nhau đến chỗ Tôn-giả A-Nan-Đà, chào hỏi nhau xong, Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên bảo:

- Nay Hiền-giả A-Nan, thầy biết không? Đức Thế-Tôn muốn: đại-chúng Tỳ-kheo cử một thầy làm Thị-giả cho Ngài, đã có hai mươi một Tỳ-kheo từ bậc Trưởng-lão trở xuống tình nguyện xin được làm Thị-giả, nhưng đều bị đức Thế-Tôn từ chối, không chấp thuận. Tôi đã nhập định để quán sát, được biết đức Thế-Tôn muốn chọn Thầy làm Thị-giả, vì ý Ngài đặt vào Thầy. Ngài muốn: Thầy chăm sóc, vì Thầy xứng ý Ngài chứ không phải không xứng ý; Thầy ghi nhớ lời dạy của Ngài mà không quên mất ý nghĩa.

Tôn-giả A-Nan-Đà nói:

- Thưa Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên và các vị Tôn-giả, tôi không thể lãnh trách nhiệm hầu hạ đức Thế-Tôn nổi, vì với đức Thế-Tôn khó xứng ý, khó hầu hạ, nghĩa là khó làm Thị-giả. Cũng như con voi rất hùng mạnh, kiêu dũng, sức mạnh cường thịnh, đủ ngà, đủ vóc, khó gần gũi, khó làm xứng ý, nghĩa là khó mà coi sóc. Thưa Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên, với đức Như-Lai cũng lại như thế, khó gần gũi, khó xứng ý, khó làm Thị-giả, vì vậy, tôi không thể làm Thị-giả được.

Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên nói:

- Nay Hiền-giả A-Nan: Thầy hãy nghe tôi nói, người trí nghe thí dụ liền hiểu ý nghĩa của nó. Cũng như hoa Ưu-đàm-bát-La đúng thời mới xuất hiện ở thế-gian chứ không phải lúc nào cũng xuất hiện, dù trăm nghìn vạn ức năm cũng chưa chắc xuất hiện. Nay Hiền-giả: đức Như-Lai, Vô-Sở-Trước, Chính-Đẳng Chính-Giác cũng lại như vậy, đúng thời mới xuất hiện ở thế-gian; Thầy nên mau nhận làm Thị-giả của đức Như-Lai, Thầy sẽ được kết quả rất lớn, và rất tốt đẹp.

- Thừa Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên, nếu đức Thế-Tôn thuận cho tôi tám điều nguyện ước thì tôi mới có thể làm Thị-giả, đó là:

- 1) Tôi nguyện không mặc áo Cà-Sa của đức Thế-Tôn dù cũ hay mới.
- 2) Tôi nguyện không ăn thực phẩm do Thiện-tín dâng đến đức Phật.
- 3) Tôi nguyện không gặp đức Thế-Tôn không đúng lúc.
- 4) Tôi nguyện không ở chung cùng một phòng-thất với đức Thế-Tôn.
- 5) Đức Thế-Tôn hoan-hỷ chấp thuận cùng tôi đi đến nơi nào có thí-chủ thỉnh tôi đến.
- 6) Đức Thế-Tôn hoan-hỷ cho phép tôi được tiến dẫn những vị khách đến xin yết kiến Ngài.
- 7) Đức Thế-Tôn cho phép tôi đến thưa hỏi mỗi khi có điều hoài nghi phát sinh.
- 8) Đức Thế-Tôn hoan-hỷ lập lại bài Pháp mà Ngài đã giảng trong lúc không có mặt tôi.

Thừa Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên, nếu đức Thế-Tôn chấp thuận cho tôi tám điều, gồm bốn điều nguyện và bốn điều ước vừa kể, thì tôi mới có thể làm Thị-giả được.

Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên sau khi khuyên Tôn-giả A-Nan-Đà nhận làm Thị-giả, Tôn-giả cùng các vị Tôn-giả Tỳ-kheo từ giả Tôn-giả A-Nan-Đà và trở về chỗ Phật. Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên trình lên đức Phật về sự ưng chịu của Tôn-giả A-Nan-Đà nhận làm Thị-giả với tám điều thỉnh nguyện kể trên và xin đức Thế-Tôn chấp thuận.

Sau khi nghe Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên đọc tám điều thỉnh nguyện của Tôn-giả A-Nan-Đà, đức Phật bảo:

- Nay Đại Mục-kiền-Liên, Tỳ-kheo A-Nan-Đà thông minh, mẫn tiệp, dự đoán sẽ có những lời tị hiềm, như có người nói: “*Tỳ-kheo A-Nan-Đà vì áo mặc nên hầu hạ đức Thế-Tôn*”. Hoặc nói: “*Tỳ-kheo A-Nan-Đà vì miếng ăn nên hầu hạ đức Thế-Tôn*”. Những dự đoán đó là pháp-vị quý hóa của Tỳ-kheo A-Nan-Đà, Tỳ-kheo A-Nan-Đà khéo biết thời, biết lúc nào nên đến gặp Như-Lai, lúc nào không nên đến gặp Như-Lai; Tỳ-kheo A-Nan-Đà biết lúc nào chúng Tỳ-kheo, chúng Tỳ-kheo Ni nên đến gặp Như-Lai, đối với chúng Ưu-bà Tắc và Ưu-bà Di cũng như thế; Tỳ-kheo A-Nan-Đà biết lúc nào các Sa-môn, Bà-la-Môn, Phạm-chí, Dị-học nên đến gặp hoặc bàn luận hay không nên đến gặp hoặc bàn luận với Như-Lai. Tỳ-kheo A-Nan-Đà biết thức ăn loại nào Như-Lai dùng rồi sẽ được biện tài thuyết pháp, thức ăn loại nào

sau khi dùng rồi sẽ không được biện tài thuyết pháp, đó là những pháp vị đáng khen ngợi của Tỳ-kheo A-Nan-Đà.

Do những lời chấp thuận và khen ngợi của đức Phật, nên ngay ngày hôm sau Tôn-giả A-Nan-Đà bắt đầu làm Thị-giả Phật. Tôn-giả A-Nan-Đà làm Thị-giả Phật cho đến khi đức Phật nhập Niết-Bàn. Trải qua hai mươi lăm năm làm Thị-giả, Tôn-giả A-Nan-Đà theo đức Phật đi du-hóa khắp mọi nơi trên đất Ấn-Độ. Tôn-giả rất chuyên cần chăm sóc đến mọi nhu yếu của đức Phật với một lòng kính ngưỡng và tôn quý.

2)- A-Nan-Đà bị nạn Ma-Đăng-Già.

Một hôm Vua Ba-Tur-Nặc nước Xá-Vệ, nhân ngày giỗ của phụ-Vương làm lễ trai Tăng. Vua cho sắm sửa các món ăn quý báu và đích thân Vua đến thỉnh Phật cùng các vị Bồ-Tát vào cung thụ trai; ngoài ra, Văn-Thù Bồ-Tát được chỉ định phân chia đại chúng Tỳ-kheo đi dự cúng dường tại một số nhà Trưởng-giả trong thành. Riêng Tôn-giả A-Nan-Đà đã được một vị ở xa mời riêng trước nên chưa về kịp để đi thụ trai cùng Tăng chúng, lúc ấy đang trên đường trở về một mình, Tôn-giả không biết việc các Bồ-Tát và chúng Tăng đều được Vua và các trai chủ mời vào thành thọ trai. Tôn-giả ôm bình bát đi khát thực theo thứ lớp từng nhà đúng theo phép khát thực. Khi lần lượt đi đến một nhà kia, Tôn-giả (vì trẻ, lại đẹp trai) bị một người đàn bà dùng bùa yêu tà chú mê hoặc cám dỗ; đang khi người đàn bà ấy còn đang cám dỗ, ve vuốt, và sắp tới giai đoạn hoại giới thể A-Nan-Đà.

Lúc ấy Phật đã biết trước việc này, thụ trai xong, Ngài liền cùng các Bồ-Tát về ngay, có Vua, các quan Đại-Thần, Trưởng-giả, Cư-Sĩ đi theo để xin nghe pháp. Vừa về an tọa xong tại đại giảng đường, trên đầu Phật phóng ra hào quang Bách-Bảo Vô-úy, trong hào quang nở ra Bảo-Liên-Hoa nghìn cánh, trên Bảo-Liên-Hoa có Hóa-Phật ngồi kiết già thuyết thần-chú. Ngài liền sai Văn-Thù Bồ-Tát đem chú đi cứu hộ A-Nan-Đà, khi Bồ-Tát Văn-Thù đem chú đến, tà chú của dâm nữ liền bị tiêu diệt ngay, nên Tôn-giả A-Nan-Đà liền hết mê hồi tỉnh; Bồ-Tát Văn-Thù liền dẫn cả hai người về nơi Phật ngự.

Tôn-giả A-Nan-Đà vừa về tới nơi liền đánh lễ Phật, nước nở rơi lệ, nói lời hối hận việc xảy ra vì do thiếu đạo lực, nên không chống trả nổi tà chú. Để có thể tu hành đủ đạo lực, Tôn-giả A-Nan-Đà khẩn khoản thỉnh cầu Phật giảng ba thứ thiền quán mà mười phương Chư Phật đã tu được thành chính giác; vì nhân duyên này, Phật thuyết cho A-Nan-Đà, Vua Ba-Tur-Nặc, Đại-

chúng, Bồ-Tát nghe Kinh Lăng-nghiêm. (Trích Kinh Lăng-Nghiêm, Hòa-Thượng Thích-Duy-Lực dịch năm 1993, trang 8 và 9).

3)- Tôn-giả A-Nan-Đà đại ngộ.

Mặc dù là một đệ-tử thông suốt giáo lý, Tôn-giả A-Nan-Đà chỉ là bậc hữu học cho đến ngày đức Phật nhập diệt, Tôn-giả vẫn chưa đắc quả Thánh; sau khi đức Thế-Tôn nhập đại Niết-Bàn, Tôn-giả Đại Ca-Diếp là vị Tổ thứ nhất kế truyền Chính Pháp Nhãn-Tạng do đức Phật phó chúc.

Ngày bắt đầu kết tập, chỉ có năm trăm vị A-La-Hán (Thánh Tăng) mới đủ tư cách kết tập; do đó Tôn-giả Đại Ca-Diếp cùng các vị Thánh Tăng vào động, còn các vị Tỳ-kheo chưa chứng quả Thánh, các Vua, Quan, Cư-sĩ, Nhân dân, đều phải ở ngoài.

Tôn-giả A-Nan-Đà đã là Thị-giả của Phật, biết nhiều, nhớ giỏi, nhưng vẫn chưa chứng quả Thánh nên cũng phải ở ngoài; một trở ngại lớn lao trong việc kết tập là mỗi vị Thánh Tăng chỉ được nghe một phần khi Phật giảng, chứ không vị nào được nghe nhiều như Tôn-giả A-Nan-Đà, nên việc kết tập có thể thiếu sót.

Do đó, khi bắt đầu kết tập Kinh điển, Tôn-giả Đại Ca-Diếp nói với các vị Thánh-Tăng rằng:

- Tôn-giả A-nan-Đà đã là Thị-giả của Phật, ông có nhiều cơ hội gần Phật, thường hằng ngày được nghe giảng dạy. Ông lại là người có trí tuệ rất sáng suốt, mặc dù ông chưa chứng quả Thánh, nhưng hẳn ông nghe Chính pháp như nước rót vào đồ đựng, không chút nào dư lại, mà cũng không vương vãi ra ngoài, nếu việc kết tập có ông tham dự sẽ tránh được nhiều điều thiếu sót.

Đại hội Thánh-Tăng nghe Tôn-giả Đại Ca-Diếp nói thế, đều im lặng làm thinh, tỏ dấu rằng cũng hợp ý cả, nhưng không biết làm sao để ra ngoài nguyên tắc **“Chỉ có Thánh Tăng mới đủ tư cách tham dự kết tập Kinh điển của Phật”**.

Cũng vì sau khi năm trăm vị Thánh Tăng vào động rồi, thì cửa động được khóa lại. Khi ấy Tôn-giả A-Nan-Đà ở bên ngoài cảm thấy tủi hổ cho thân phận vì đã nương nhờ nơi đức Phật mà được đại-chúng nể nang, cho dù có trí nhớ siêu phàm, mà chưa chứng quả Thánh, cũng không được tham dự kết tập, thật là tủi nhục vô cùng. Bởi vì trong lúc Phật còn tại thế không chịu tinh tấn tu hành, nên mới có ngày nay tủi nhục! Nghĩ vậy, Tôn-giả không

dẫn lòng được sự hồi thúc tu hành bèn đến gõ cửa động kêu cầu Tôn-giả Đại Ca-Diếp mà nói lớn lên rằng:

- Trong khi đức Thế-Tôn phó chúc và truyền cái áo Cà-Sa Kim-Lư cho Tôn-Huynh (Tôn-giả Sư huynh) đó, vậy đức Thế-Tôn còn truyền pháp gì riêng cho Tôn-Huynh nữa hay không?

Tôn-giả Đại Ca-Diếp nghe hỏi, liền cất tiếng nói lớn vọng ra:

- A-Nan!

Tôn-giả A-Nan-Đà đứng ngoài ứng khẩu thưa:

- Dạ.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp liền nói rằng:

- Cây trụ cờ phướn trước cửa đồ rồi!

Tôn-giả A-Nan-Đà không hiểu tại sao Tôn-giả Ca-Diếp nói thế với ý nghĩa gì, tại sao lại nói cây trụ cờ phướn đồ rồi? (trong khi cây trụ cờ phướn không đồ) Tôn-giả A-Nan vô cùng thắc mắc, bèn hỏi lại:

- Cây trụ cờ phướn đâu có đồ, Tôn Huynh nói như vậy có ý nghĩa gì?

Bên trong im lặng, không thấy Tôn-giả Đại Ca-Diếp trả lời, Tôn-giả A-Nan-Đà thắc mắc không hiểu: tại sao Tôn Huynh nói cây trụ cờ phướn đồ? Rồi Tôn-giả A-Nan-Đà thắc mắc ngày thắc mắc đêm, ăn không được, ngủ không được, và thắc mắc mãi về lời nói ấy (đây là đại nghi tình, đại thắc mắc của Thiền tông mà Tôn-giả A-Nan không biết là mình đang tham thiền, tìm đọc cuốn “Pháp Môn Đốn Ngộ” của cùng tác giả). Sau bấy ngày vẫn còn thắc mắc mê man như thế, trong khi Tôn-giả đang nghiêng mình nằm xuống về phía bên tay phải, thì đột nhiên tỏ ngộ (Kiến tánh), và tâm tánh sáng suốt vô cùng. Liên khi ấy, như trút được gánh nặng nghìn cân, vui mừng, Tôn-giả vội vàng đến gõ cửa động xin mở cửa để vào báo tin mừng. Tôn-giả Đại Ca-Diếp biết được nói vọng ra:

- Nếu đã ngộ rồi thì tự vào, sao còn nhờ mở cửa?

Tôn-giả A-Nan-Đà liền biến mình nhỏ lại chui qua khe cửa mà vào, rồi đánh lễ Thánh chúng; đại hội Thánh chúng vui mừng đón tiếp Tôn-giả A-Nan-Đà đã đại ngộ, và liền cử Tôn-giả lên tòa cao ngồi trùng tuyên Kinh Giáo của Phật!

4)- Tôn-giả A-Nan-Đà làm Tổ thứ hai.

Sau khi kết tập xong bộ Tăng Nhất và toàn bộ Đại-Tạng Kinh xong, toàn thể Thánh chúng vui mừng nhẹ nhõm vô cùng, Tôn-giả Đại-Ca-Diếp liền truyền giao chính pháp cho Tôn-giả A-Nan làm Tổ thứ hai.

Bảy giờ vô số Bồ-Tát đến dự, có các Thiên Vương và Thiên chúng các cõi Phạm Thiên, Hóa Tự Tại, Tha Hóa Tự Tại, Đâu Suất, Diệm Ma, Đạo-Lợi, Tứ Thiên Vương đến dự.

Cũng có các Vương và chúng của tám bộ là:

- 1- Đề-Bà** (Deva: Thiên, hưởng phúc vi diệu).
- 2- Càn-Thát-Bà** (Grandhava: Thần hầu Đế-Thích để ca và tấu nhạc).
- 3- Dạ-Xoa** (Yaksa: Yểm-Quỷ giữ các cửa thành cõi Đạo-Lợi).
- 4- Na-Dà** (Naga: Rồng giữ địa luân và các cung điện cõi Trời, làm mưa v.v..).
- 5- A-Tu-La** (A Sura: Phi Thiên, Thần).
- 6- Ca-Lâu-La** (Garuda: Chim Sứy-Điều, Chim Cánh-Vàng, hai cánh soè ra đến 360,000 dặm (theo quyển Nhị-Khóa Hiệp-Giả trang 278). Có 4 loại chim bằng noãn, thai, hóa, thấp sinh, bắt 4 loại Rồng noãn, thai, hóa, thấp sinh để ăn).
- 7- Khẩn Na-La** (Kini Nara: Nghi Nhân, Nhân Phi Nhân, giống người mà có sừng, cũng là Thần đánh nhạc cho Đế-Thích).
- 8- Ma-Hầu La-Già** (Mahoraga: Đại Phúc-Hành, đầu Rắn mình người, Thần Rắn, Địa Long Thần, Đại Mãng Thần) đến dự. (Ghi chú: Bát bộ kể trên, nhục nhãn loài người không thể trông thấy được).

Hai bộ Thiên và Long, thần nghiệm khá nhất, nên gọi là Thiên Long Bát Bộ. Thiên Long Bát Bộ thường hầu Phật mỗi khi Phật thuyết pháp).

Lúc ấy Bồ-Tát Di-Lạc bảo chúng hội:

- Các Đại-Sĩ, hãy khuyên các thiện nam tín nữ đọc tụng, thọ trì Tăng Nhất Tôn Pháp, giảng nói rộng rãi khiến Trời Người vâng làm.

Khi Ngài nói những lời trên xong, tất cả hội chúng đều nói: “*Chúng tôi ủng hộ triệt để, quyết không dùng nghỉ nửa chừng*”.

Tôn-giả A-Nan cũng nói:

- Nay tôi đem Tăng Nhất A-Hàm này giao cho Hiền giả Ưu Đa-La, hãy khéo tụng đọc, chớ để thiếu sót, vì bộ Kinh này nêu lên lời dạy 37 đạo Phẩm.

Tôn-giả Đại Ca-Diếp nghe nói thế liền hỏi:

- Hiền giả A-Nan, Tăng Nhất A-Hàm lại có thể xuất sinh 37 đạo phẩm và các pháp đều do đây sinh sao?

Tôn giả A-Nan đáp:

- Đúng thế, thưa Tôn Huynh Đại Ca-Diếp, không những thế mà chỉ một bài kệ trong đây cũng xuất sinh 37 đạo phẩm; ngoài ra nghĩa của bốn bộ A-Hàm cũng chỉ trong một bài kệ cũng đầy đủ hết lời chư Phật. Bài kệ là:

Các điều ác chớ làm,
Các điều lành vâng làm,
Tự trong sạch ý mình,
Là lời chư Phật dạy.

Vì sao thế? Các điều ác cấm làm là đầy đủ cấm giới, các điều lành vâng làm là đầy đủ hạnh thanh bạch; tâm ý trong sạch là tự sạch ý mình, trừ tà chấp điên đảo, lời chư Phật dạy là bỏ các ngu dốt. Thưa Tôn-huynh, người giữ giới thanh tịnh thì tâm ý của họ lại bất tịnh sao? Người mà ý thanh tịnh thì không điên đảo, vì không điên đảo nên ngu dốt diệt, ba mươi bảy đạo phẩm liền được thành tựu; đã thành đạo quả há chẳng phải là các pháp ư?

Tôn-giả Đại Ca-Diếp lại hỏi:

- A-Nan, tại sao lại đem Tăng Nhất A-Hàm giao phó Ưu-Đa-La mà chẳng giao cho Tỳ-kheo khác?

- Thưa Tôn-Huynh, 91 kiếp xưa, có đức Tỳ-Bà-Thi Như-Lai, Ngài đã giao phó Tăng Nhất cho Tỳ-kheo Ưu-Đa-La, lúc đó có tên là Câu Ưu-Đa đọc tụng. Rồi 31 kiếp xưa có Thi-Khí Như-Lai, cũng trao Tăng Nhất cho Ưu-Đa-La lúc ấy có tên là Mục-Gia Ưu-Đa-La tụng đọc. Cũng ở kiếp 31 ấy, lúc có Tỳ-Xá-Phù Như-Lai, cũng lại trao Tăng Nhất cho Ưu-Đa-La lúc này có tên là Long Ưu-Đa-La đọc tụng. Tôn-giả nên biết, trong Hiền kiếp này, 3 vị Như-Lai ra đời trước kia cũng đều đem Tăng Nhất trao cho Ưu-Đa-La đọc tụng như thế cả. Ngày nay có Thích-Ca Như-Lai, tuy đã nhập Niết-Bàn,

nhưng Ngài đã đem hết giáo pháp trao cho Tôn-giả, rồi Tôn-giả lại trao hết cho tôi, nay tôi lại trao hết lại cho Ưu-Đa-La.

Còn nữa, Tôn-giả nên biết, một hôm Thế-Tôn đi kinh hành trong vườn Cam-lê, lúc đó tôi thấy Thế-Tôn mỉm cười, tôi liền vái mà hỏi: *“Nhu-Lai không cười vô cớ, xin Ngài giải thích cho sự mỉm cười vừa rồi”*. Phật bảo tôi rằng:

“Ở đời quá khứ trong Hiền kiếp này, có một vị vua tên Ma-Ha Đề-Bà, dùng chính pháp cai trị, vua có đủ bảy báu là Xe báu, Voi báu, Ngựa báu, Châu báu, Ngọc-nữ báu, Cừ-sĩ báu, và Chủ-binh báu, Vua lấy đức trị dân trong thời gian lâu dài. Khi ấy, vua bảo người thợ hớt tóc rằng: *“Nếu trên đầu ta có tóc bạc hãy cho ta hay”*. Người hớt tóc nghe lệnh vua, qua một số năm, thấy đầu vua có tóc bạc, liền tâu vua: *“Thưa Đại Vương, đầu Ngài đã có tóc bạc mọc rồi”*. Vua bảo người ấy nhổ sợi tóc bạc ấy để lên tay vua. Khi vua trông thấy tóc bạc liền tự nói: *“Trên đầu ta có tóc bạc là báo hiệu già sắp chết, nên ta phải xuất gia tu đạo”*. Bấy giờ vua bảo Thái-tử lớn nhất là Trường-Thọ: *“Con biết chăng, tóc ta đã bạc, ý ta muốn xuất gia học đạo để lià các khổ, con hãy nối ngôi ta, lấy chánh pháp giáo hóa cai trị, chớ sai lời ta dạy, vì nếu sai lời ta dạy thì sẽ ở trong khổ sở sau này”*.

Sau khi truyền ngôi, vua đến nơi thanh tịnh, cạo bỏ râu tóc, khéo tu phạm hạnh, hành 4 đẳng tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả, đến khi mạng chung sinh lên cõi Trời Phạm Thiên.

Vua Trường-Thọ nhớ lời cha dạy, dùng chính pháp cai trị, cũng làm Chuyển-luân Thánh-Vương. Rồi cũng dùng đường lối của vua cha, khi có tóc bạc liền dặn bảo và truyền ngôi cho con trưởng là Thiện-Quán, và cũng tu hành y như vua cha, kết cục khi mạng hết cũng sinh lên cõi Phạm-Thiên.

Vua Thiện-Quán cũng làm theo lời dạy của cha ông, dùng chính pháp cai trị, làm Chuyển Luân Thánh-Vương, cũng có bảy báu v.v...

Tôn-huynh nên biết, Vua Ma-ha Đề-Bà khi đó đâu phải người nào xa lạ, vua bây giờ nay là Phật Thích-Ca. Vua Trường-Thọ nay là thân A-Nan đây, còn vua Thiện-Quán lúc đó nay là Tỳ-kheo Ưu-Đa-La, đã từng nhận Vương pháp chưa từng bỏ mất, cũng chẳng dứt. Vua Thiện-Quán đã làm hưng phục lệnh vua cha, dùng chánh pháp cai trị, chẳng dứt lời vua cha dạy, vì lời dạy của phụ vương khó làm trái được; tôi quán nghĩa này nên đem Tăng-Nhất trao cho Tỳ-kheo Ưu-Đa-La.

Sau khi Tôn-giả Đại Ca-Điếp đến núi Kê-Túc nhập diệt định để chờ đức Phật Di-Lặc ra đời thấy thân áo bát, Tôn-giả A-Nan-Đà đi truyền Chính-Pháp khắp nơi, và hóa độ chúng-sanh rất nhiều.

Một lần, Tôn-giả A-Nan-Đà đến tịnh-xá Trúc-Lâm thì nghe một vị Tăng tụng bài kệ rằng:

Nếu người sống trăm tuổi,
Không thấy thủy lão hạc.
Chẳng bằng sống một ngày,
Được trông thấy tận mắt.

Tôn-giả bèn kêu vị Tăng ấy mà bảo rằng :

- Bài kệ của thầy đọc đó không nhằm nghĩa của Phật nói. Thầy nên đọc lại như thế này mới đúng:

Nếu người sống trăm tuổi,
Không biết pháp sinh diệt.
Chẳng bằng sống một ngày,
Mà biết pháp sinh diệt.

Khi Tôn-giả đi rồi, Chủ trì nghe vị Tăng thưa lại, bèn nói rằng:

- Ông A-Nan-Đà già cả lẫn lộn, nên bày không trúng, đừng tụng theo mà sai lầm.

Ngày khác Tôn-giả trở lại, cũng nghe vị Tăng ấy tụng sai lầm y như bữa trước, Ngài hỏi lại mới biết rằng thầy Chủ trì cản trở, Tôn-giả tự nghĩ: “*Cái bệnh ngu si của người ta thật khó hóa độ*”. Ngài liền nhập định mà cầu bậc Tôn Thánh làm chứng, bỗng đâu đất liền chấn động, ánh sáng chói lòa phát chiếu, rồi có một vị Đại-sĩ xuất hiện ngay bên vị Tăng và nói:

- Bài kệ người tụng không phải ý của Chư Phật, nay gặp Tôn-giả A-Nan-Đà chỉ bảo thì người phải tuân theo mới được.

Vị Đại-sĩ nói xong liền biến mất, vị Tăng thấy vậy thất kinh, liền phát tâm cung kính mà tụng bài kệ theo lời dạy của Tôn-giả; về sau vị Tăng ấy chứng quả thứ hai.

5)- Tôn-giả A-Nan-Đà nhập diệt.

Về sau, một hôm, Tôn-giả A-Nan-Đà nhớ lại lời thỉnh cầu của Vua A-xà-Thế rằng: “*Khi nào Tôn-giả nhập Niết-Bàn thì cho Vua hay trước*”, nên

Tôn-giả đi đến gặp người Thủ môn canh giữ cổng thành Hoàng-cung mà nói rằng:

- Ta là A-Nan-Đà sắp nhập Niết-Bàn, nên tới đây báo cho Vua A-xà-Thế biết.

Quan Thủ-môn thưa rằng:

- Bây giờ Thánh-Thượng còn đang an giấc, nên chưa dám thưa trình.

Tôn-giả bảo vị quan ấy:

- Thôi được, khi nào đức Vua thức dậy ông thưa trình cũng được.

Nói xong, Tôn-giả từ biệt nước Ma-kiệt-Đà, rồi ngồi thuyền ra sông Hằng mà qua xứ Phệ-xá-Ly; trong khi ấy, Vua A-xà-Thế ngủ trên Long-Sàng, và Ngài đang trong giấc mộng chiêm bao. Vua mơ thấy một Bảo-Cái có treo bảy món báu vật, xem rất trang nghiêm rực rỡ, Vua còn mơ thấy có vô số người đang ngưỡng mộ lễ bái Bảo-Cái; thành linh một trận mưa gió bão bùng bùng nổi lên rất là dữ tợn, làm cho các món trân-bảo, anh-lạc đều rơi rớt tứ tung cả; Vua thấy vậy thì trong lòng kinh sợ, vì kinh sợ nên giật mình thức dậy, và lúc ấy mới biết là chiêm bao.

Trong lúc Vua còn đang ngồi suy nghĩ điềm mộng ấy hung kiết thế nào, thì bỗng có quan Thủ-môn đến tâu trình sự việc Tôn-giả A-Nan-Đà đến cáo biệt, và đã đi đến xứ Phệ-xá-Ly để nhập Niết-Bàn rồi. Vua nghe xong liền khóc rống lên một cách thảm thiết, và Vua lập tức truyền lệnh cho ngựa xe cấp tốc thân hành đi mà yêu cầu Tôn-giả trở lại.

Khi tới bờ sông Hằng, Vua trông thấy Tôn-giả A-Nan-Đà đang ngồi Kiết-già trong một chiếc thuyền ở giữa dòng sông, Ngài đứng nơi mé bờ sông mà đánh lễ Tôn-giả, và kêu lớn lên rằng:

- Xin: Tôn-giả thương tình xứ Ma-kiệt-Đà mà trở lại, và xin đừng vội nhập diệt.

Còn về Vua xứ Phệ-xá-Ly, vì một nhân duyên được nghe tin Tôn-giả A-Nan-Đà đến nước mình, nên đem binh tới bờ sông Hằng mà chực rước, nhà Vua ở nơi bờ sông bên kia, ngó qua mà lễ lạy Tôn-giả, và kêu lớn lên rằng:

- Thỉnh cầu Tôn-giả ghé qua bờ sông nước Phệ-xá-Ly chúng tôi, để tạm thọ lễ cúng dường xong Ngài hãy nhập Niết-Bàn.

Khi thấy hai Vua đều có lòng buồn rầu quyến luyến, Tôn-giả A-Nan-Đà an ủi:

- Niết-Bàn là một cảnh an-tĩnh, cứu-cánh, xin hai vị Đại-Vương đừng lấy sự sống chết thường tình mà sâu thăm. Chốc lát nữa đây, tôi sẽ độ cho năm trăm vị Tiên, và truyền trao Chính-Pháp, sau đó tôi sẽ nhập diệt tại giữa dòng sông này, để lấy lòng bình đẳng mà hóa độ.

Tôn-giả vừa nói dứt, thì năm trăm vị Tiên ở núi Tuyết-sơn (Hy-Mã-Lạp-Sơn) dùng thần-thông mà đi trên không đến đánh lễ Tôn-giả và thưa:

- Chúng tôi tu Tiên ở núi Tuyết-sơn đến đây, nguyện nhờ Tôn-giả A-Nan-Đà mà chứng Phật quả, xin Ngài từ-bi độ thoát cho chúng tôi.

Tôn-giả A-Nan-Đà nói:

- Ta đang đợi các ông đây.

Nói xong, Tôn-giả thị hiện thần-thông làm mặt nước sông Hằng biến hóa ra một giải đất liền, mặt toàn là vàng ròng rực rỡ; Ngài bảo các vị Tiên hạ xuống mà ngồi, rồi Ngài thuyết pháp Đại-thừa cho Tiên chúng nghe, thuyết pháp xong, Tôn-giả nói:

- Các đệ-tử trước kia của ta chắc cũng sắp đến đây.

Tôn-giả vừa nói xong, thì năm trăm vị A-La-Hán dùng thần-thông đi trên không đến đánh lễ; Ngài liền yêu cầu các vị A-La-Hán độ cho các vị Tiên xuất gia, và thọ Cụ-túc giới; xong việc truyền Giới, Tôn-giả chọn một vị Tiên là Thương-Na Hòa-Tư đã đắc A-LA-Hán mà bảo rằng :

- Xưa đức Thế-Tôn đem Chính-Pháp Nhãn-Tạng mà phú chúc cho Tôn-giả Đại Ca-Diếp Sư huynh ta, rồi sau truyền lại cho ta. Nay ta phó chúc cho ông, vậy ông phải hết lòng trân trọng lãnh (lĩnh) thọ mà hộ trì, hầu ngày sau siêng dương Phật-Pháp mà hóa độ cho chúng sanh; hãy nghe ta nói kệ mà ấn tâm:

Lâu nay phú có pháp,
Phú rồi nói không pháp,
Thấy đều tự mình ngộ,
Ngộ rồi không không pháp.

Sau đó Tôn-giả kêu vị Tiên tên Mạt-Điền Đê-Ca cũng đã đắc A-La-Hán mà dặn rằng:

- Lời thụ ký trước của đức Thế-Tôn có nói: *“Sau khi Như-Lai nhập-diệt năm trăm năm, thì ông phải đến nước Kỳ-Tân mà truyền Đại-Pháp, để độ thoát cho loài hữu tình”*.

Xong việc truyền Pháp và dẫn dò, Tôn-giả bảo một nghìn đệ-tử trở về, rồi Ngài thu hồi thần-thông để mặt sông trở lại mặt nước như cũ.

Vì cả hai nước đều hết lòng kính phụng và mong muốn được giữ Xá-Lợi của Tôn-giả, nên Ngài bảo các đệ tử sau khi Ngài nhập diệt rồi thì trà-tỳ, lấy Xá-lợi chia cho hai nước, cõi Trời Đạo-Lợi và Long cung; rồi Ngài ngồi kiết già trong thuyền ngay giữa dòng sông mà tịch. Khi ấy chư Thiên và Long-Vương tới lễ bái trên không, và rải hoa cúng dường; Vua hai nước và Thần-Dân hai bên bờ thấy thế thì tất cả đều quý lễ và chảy nước mắt; các đệ tử sắp đặt việc trà tỳ và phân xá lợi để xây dựng Bảo-Tháp cúng dường đời đời. Khi ấy tôn-giả A-nan-Đà đã 120 tuổi thọ...,

Đức Đạt-Lai Lạt-Ma Cầu Nguyện:

Hư không thế giới vô tận, nỗi khổ đau của chúng-sanh cũng vô tận; con nguyện hiện thân ở đây để đem lại sự an vui lợi ích cho cho tất cả mọi loài.

Đức Đạt-Lai Lạt-Ma nói:

Bài kệ này ban cho tôi sức mạnh, thế nên dù nếu tôi có vào Niết-Bàn, chẳng bao lâu cũng phải tái sinh trở lại. Lúc ấy hiện thân của tôi sẽ luôn luôn ở cõi này, đó là quyết định của tôi

VUA A-DỤC

(Tập A-Hàm, quyển 2. Từ trang 487 đến 555)

1)-Đức Phật thọ ký cho A-Dục.

Một lần đức Phật trú tại vườn Ca-lan-Đà thuộc thành Vương-Xá, một hôm trong khi Ngài đi khát thực, có hai em bé đang bốc cát chơi đùa. Khi chúng trông thấy đức Phật đi tới, một em cầm nắm cát và nghĩ thầm: *“Mình đem cát này cúng dàng cho Sa-Môn”*, nghĩ rồi em bé liền đem nắm cát ấy bỏ vào bình bát của đức Phật và nói:

- Con muốn được làm vua!

Rồi em bé bỏ đi, bấy giờ đức Phật mỉm cười, Tôn-giả A-nan-Đà thấy thế liền thưa:

- Bạch đức Thế-Tôn, Chư Phật chẳng phải không nhân duyên gì mà tự nhiên mỉm cười, xin đức Thế-Tôn giảng giải sự mỉm cười của Ngài vừa rồi.

Đức Phật bảo:

- Đúng thế, vừa rồi Ta mỉm cười là có nhân duyên: *“Sau khi Ta diệt độ khoảng hơn một trăm năm sau, em bé vừa rồi cúng dàng nắm cát cho Ta, đời sau sẽ làm vua tại thành Ba-liên-Phát, thống lãnh một phương rộng lớn. Vua ấy họ Không, tên A-Dục, đem chính pháp cai trị giáo hóa nhân dân, lại còn cho xây tám vạn bốn nghìn Tháp Pháp-Vương để phân bố rộng rãi Xá-lợi của Ta và đem lại sự an vui cho vô lượng chúng-sanh”*. Nay A-Nan, thầy hãy đem số cát cúng dàng trong bình bát này đổ rải ra trên đường Ta kinh hành.

Tôn-giả A-nan-Đà vâng lời: liền mang cát trong bình bát của Phật rải trên đất để Phật đi qua.

Về sau tại thành-ấp xứ Maurya hay Ba-liên-Phát, miền Bắc Ấn-Độ, có Vua hiệu là Nguyệt-Hồ, vị Vua ấy có con tên là Tần-Đầu Ba-La nối ngôi Vua, Vua này có con tên là Tu-sư-Ma. Thời ấy nước Chiêm-Bà có một thiếu nữ Bà-la-Môn rất xinh đẹp, nàng là trân-bảo của đất nước, các nhà tướng số đều nói rằng: *“Nàng sẽ là Vương-Phi và sẽ có con thống lãnh thiên hạ”*.

Bà-la-Môn cha của thiếu nữ nghe các thầy tướng nói như vậy vui mừng vô kể, liền đưa con gái đến thành Ba-liên-Phát, rồi sắm sửa, trang điểm cho con gái trông càng xinh đẹp hơn; Bà-la-Môn tiến cử con gái vào cung Vua,

các bà Phu-nhân và Cung-nữ thấy người con gái ấy liền nghĩ rằng: *“Thiếu nữ này quá đẹp, đoan chính, đúng là trân-bảo của đất nước, nếu nhà Vua say đắm nàng, nhà Vua sẽ thờ ơ với chúng ta”*; nghĩ như vậy, nên họ đồng lòng ép thiếu nữ ấy học nghề thợ cạo, sau khi học xong nàng sẽ lo việc cắt tỉa râu tóc cho Vua. Một hôm, đang cắt tỉa râu tóc, Vua Tần-Đầu Ba-La hỏi cô gái:

- Cô ước mơ điều gì?

Thiếu nữ tâu Vua:

- Thiếp chỉ mong Đại-Vương dễ tâm, thương yêu nghĩ đến thiếp.

Lúc ấy Vua bảo:

- Ta là Vua dòng Sát-Lợi, còn nàng là thợ cạo dòng hạ liệt, làm sao ta thương tưởng nàng được?

Thiếu nữ tâu Vua:

- Thiếp chẳng phải là con dòng hạ tiện, thiếp sinh trưởng trong dòng quý-tộc, con gái Bà-la-Môn, các nhà tướng số nói với cha thiếp rằng: *“Cô gái này nên gả cho Vua, vì thế nên thiếp mới đến đây”*.

Vua lại hỏi:

- Nếu như thế, ai đã khiến nàng học cái nghề hèn mọn này?

- Các Phu-nhân và Cung-nữ ép thiếp học nghề này.

Nhà Vua ra lệnh:

- Từ nay về sau, nàng chớ làm cái nghề này nữa.

Vua liền lập nàng làm đệ nhất Phu-nhân, nhà Vua cùng nàng sống hạnh phúc, chẳng bao lâu nàng mang thai, rồi sinh nở an ổn vui vẻ, không ưu phiền, nên qua bảy ngày sau đặt tên là Asoka, hay A-Du-Ka nghĩa là Vô-Uất A-Dục. A-Dục có thân hình thô kệch, mặt mũi đen xấu, Vua cha không muốn đến gần bông bế; sau lại sinh thêm một trai nữa đặt tên là Ly-Uất. Nhiều lần nhà Vua tỏ ra không thương yêu A-Dục, nên có lần A-Dục than với mẹ rằng: *“Vua cha chẳng nghĩ gì đến con, và cũng chẳng muốn nhìn thấy mặt con!”*.

Khi A-Dục trưởng thành, có nước láng giềng Đức-Xoa Thi-La làm phản, Vua Tần-Đầu Ba-La bảo A-Dục:

- Con hãy đem binh đi bình phạt nước Đức-Xoa Thi-La đang làm phản, con phải ráng chu toàn nhiệm vụ do ta trao phó.

Khi A-Dục khởi quân ra đi, Vua cho binh giáp chẳng có bao nhiêu, những người đi theo thưa với A-Dục:

- Ngày nay đi bình phạt nước kia, mà binh tốt quá ít làm sao dẹp yên được?

A-Dục nói:

- Nếu chúng ta sẽ thắng trận thì tự nhiên binh giáp đến phù trợ.

Ứng theo lời nói của A-Dục, có một đoàn quân từ nhân-dân tổ chức đến xin chịu sự sai bảo của Vương-tử A-Dục để đi đánh nước làm phản. Rồi trên đường đi lại có những toán người tình nguyện xin theo đi đánh giặc. Bấy giờ A-Dục dẫn đoàn quân đông đảo, hùng mạnh đi; khi gần tới nước kia, thanh thế Vương-tử lớn mạnh như vũ bão, làm cho binh lính của nước kia sợ hãi mà chạy trốn hết, không phải đánh đấm gì cả mà tự nhiên thắng.

Nhân-dân nước kia nghe A-Dục đến, liền dọn dẹp thành quách đón tiếp Vương-tử và nói:

- Dân chúng tôi không phản lại Đại-Vương và Vương-tử, nhưng bọn quan lại làm hại chúng tôi, nên chúng tôi mới trái nghịch, mong Vương-tử tha tội cho.

Sau khi bình định xong: Vương-tử A-Dục kéo quân chiến thắng trở về.

Một hôm Vương-tử Tu-sư-Ma là con Phu-nhân trước, lớn tuổi hơn A-Dục, ra ngoài dạo chơi, gặp một vị Đại-thần, vị này không chào theo đúng lễ nghi. Vương-tử Tu-sư-Ma sai tùy tùng đánh đập, vị Đại-thần ấy nghĩ: *“Vương-tử này hách dịch quá mức, chưa được ngôi Vua mà cách xử sự như thế, nếu được làm Vua thì sao chịu nổi; lại nghe Vương-tử A-Dục được lòng thiên hạ, được lòng quý mến của các Đại-thần, họ sẽ cùng nhau lập A-Dục lên làm Vua chứ chẳng sai đâu”*.

Mấy năm sau, nước Đức-Xoa Thi-La lại làm phản, các quan cùng nhau bàn luận và đề nghị Vương-tử Tu-sư-Ma đi dẹp loạn; Tu-sư-Ma bằng lòng, liền đem quân đi đến nước kia, nhưng không hàng phục được, mà lại bị thua trận. Lúc ấy Vua cha bệnh nặng, nên bảo các quan:

- Nay ta muốn lập Tu-sư-Ma làm Vua nối nghiệp, các quan nên sai A-Dục đi đến nước kia thay cho Tu-sư-Ma trở về làm Vua.

Các quan đại-thần muốn lập A-Dục làm Vua, nên tâu:

- Đại-Vương nên: lập A-Dục làm Vua, vì nay đã cấp bách rồi, chúng hạ-thần từ từ sẽ lập Tu-sur-Ma làm Vua sau này.

Vua nghe những lời ấy nên không vui, và đâm ra lo lắng buồn bực nên im lặng không đáp; lúc ấy A-Dục suy nghĩ và nói thầm: *“Nếu ta xứng đáng được ngôi Vua, Chư Thiên tự nhiên tưới nước cam-lồ trên đầu ta, lấy hoa trắng rải trên đầu ta”*.

Ứng theo tiếng nói thầm của A-Dục, tự nhiên có nước chảy và hoa rơi trên đầu mặt A-Dục. Vua cha trông thấy cảnh tượng ấy thì vô cùng buồn bã, liền từ trần.

2)- A-Dục lên ngôi Vua .

A-Dục lo việc tang lễ cho Vua cha theo đúng lễ nghi Vương triều, xong A-Dục (272-236 trước Dương lịch) kế vị ngôi Vua, phong cho A-Nậu-Lâu-Đà (khi A-Dục còn nhỏ, người này đã đoán A-Dục sẽ kế vị ngôi Vua) làm Tể-tướng Đại-Thần.

Vương-tử Tu-sur-Ma nghe tin Vua cha qua đời, các quan đã lập A-Dục làm Vua, sinh lòng bất bình, bèn kéo binh lính về đánh A-Dục.

Hai cửa trong bốn cửa thành của Vua A-Dục có đặt hai lực-sĩ, cửa thứ ba đặt một đại-thần, tự mình giữ cửa Đông; Đại-Thần A-Nậu Lâu-Đà cho làm một con voi máy bằng gỗ, và cho đeo tượng A-Dục cưỡi voi máy đặt ngoài cửa Đông; lại cho làm hầm lửa không khói, lấy vật, đất phủ kín lên. Khi Tu-sur-Ma kéo quân đến gặp ngay cửa của Đại-thần, nên A-Nậu Lâu-Đà nói:

- Vương-tử muốn làm Vua, A-Dục đang ở cửa Đông, Vương-tử đến đó đánh thắng được ông ấy thì tự nhiên được làm Vua.

Nghe lời nói ấy, Tu-sur-Ma liền phóng ngựa kéo quân qua cửa Đông; vì không biết để đề phòng, nên cả người ngựa bị rơi xuống hầm lửa mà chết; Vua A-Dục đem chính pháp trị dân, sau ít ngày một số quân thần cậy vào thế đã đưa A-Dục lên ngôi Vua, nên tỏ vẻ khinh mạn, coi thường, không tuân theo lễ nghi vua tôi. Vua thấy một số các quan khinh lờn mình, bèn bảo những người quan ấy:

- Các ông hãy chặt cây hoa trái trồng cây gai góc.

- Chúng tôi chưa từng thấy nghe đẹp bỏ cây hoa trái và trồng cây có gai góc bao giờ, mà chỉ nghe đẹp bỏ cây gai góc và trồng cây hoa trái mà thôi.

Cho đến khi Vua ra lệnh ba lần như thế, những quan ấy vẫn cãi lại không làm theo lệnh, bấy giờ Vua A-Dục tức giận liền lấy gươm sắc bén giết chết những người quan ấy.

Một bữa nọ, Vua cùng các cung-tần mỹ-nữ đến vườn Thượng-uyển chơi đùa, Vua thấy cây Vô-Uu trổ đầy hoa, Vua nghĩ hoa này có tên cùng với mình, nên lấy làm vui thích ngắm nghía hồi lâu. Vì Vua có thân hình mặt mũi đen đui xấu xí, da dẻ sần sùi, các cung-tần mỹ-nữ không yêu mến mà sợ hãi và chán ghét, nên dùng tay bẻ gãy nát cây Vô-Uu. Khi Vua ngủ trưa thức dậy thấy cây Vô-Uu trơ trụi, hoa lá cành nằm ngổn ngang trên mặt đất thì nổi giận, bắt cung-tần mỹ-nữ trói lại rồi đốt chết hết!

Vì Vua làm điều bạo ác, nên người đời gọi là Vua A-Dục bạo ác, được ít ngày sau, Đại-thần A-Nậu Lôu-Đà tâu:

- Vua không nên làm những điều đó, sao lại tự tay giết các quan và đốt các cung-tần mỹ-nữ như thế; Đại-Vương nên lập ra một tên đao-phủ, ai có tội đáng chết thì giao cho người ấy hành xử.

Nghe theo Đại-thần, Vua liền tuyên bố lập người đao-phủ. Bấy giờ trong nước có con người thợ dệt tên là Kỳ-Lê có tiếng đồn là người hung ác, giết người không gớm tay, Vua sai người đi đến tìm hấn dẫn về gặp Vua. Sứ giả đến báo hấn: *"Vua cần người làm đao-phủ, người có nhận làm không?"*.

Hấn hăng hái vui vẻ nhận lời làm đao-phủ, sứ giả báo hấn đi đến kinh thành gặp Vua, hấn nói:

- Ông hãy chờ tôi một chút.

Rồi hấn đi gặp cha-mẹ, nói đầy đủ sự việc là Vua cần người làm đao-phủ và hấn muốn làm việc ấy, cha-mẹ hấn khuyên can hấn không nên làm việc ấy, hấn nói hấn rất thích làm; cha mẹ hấn khuyên ba lần như thế, hấn sinh tâm bất nhân giết chết cha mẹ mình rồi sau đó mới đi gặp sứ giả để cùng đến gặp Vua, khi ấy sứ giả hỏi:

- Sao lâu thế, làm gì mà lâu thế?

Tên Kỳ-Lê hung ác thuật lại đầu đuôi sự việc giết cha-mẹ hấn, sứ-gia đem sự việc này tâu lại với Vua. Khi gặp mặt, Vua ra lệnh cho hấn rằng:

- Có tội phạm tội đáng chết ta giao cho, ngươi phải biết đấy.

Đao-phủ Kỳ-Lê tâu Vua:

- Xin Ngài cho người làm nhà cho tôi để có chỗ ở.

Vua chấp thuận xây cất nhà cửa phòng ốc cho Kỳ-Lê rất rộng rãi, nhưng chỉ có một cửa, khi ấy tên hung dữ tâu Vua:

- Bây giờ xin Vua một điều là nếu người nào vào nhà ấy rồi thì không được ra.

Vua trả lời:

- Ta chấp thuận lời xin của ngươi.

Một hôm, Kỳ-Lê đi vào Chùa gần đó, hẩn nghe các thầy Tỳ-kheo nói về cảnh giới Địa-ngục chịu các cực hình tra tấn; tên đao-phủ nghe nói những việc như thế, hẩn bèn lập chỗ ở của hẩn bằng những cách trị tội cũng giống tương tự như vậy để hành quyết tội nhân mà vua sẽ trao cho.

Thời ấy có một cặp vợ chồng, có một đứa con tên là Hải, gia đình này sống trên biển hơn mười năm, tìm kiếm thu nhặt ngọc-trai, rồi trở về quê hương, dọc đường họ bị giết chết và cướp hết của cải. Đứa con thoát khỏi, thấy cha-mẹ bị giết chết, lại mất hết của cải nên sinh ra chán cái thế-gian khổ sở này, bèn xuất gia tu đạo, rồi trở về quê hương. Trên đường du hành về quê qua các nước, dần dần đến nước Ba-liên-Phát, ngủ một đêm, sáng hôm sau người này vào thành khát thực, rủi đi lầm vào nhà tên đao-phủ!

Thầy Tỳ-kheo tên Hải nhìn thấy trong nhà nào là lò than, vạc dầu, nào là dây xiềng xích, chày cối lớn, giường đinh sắt v.v..., tất cả giống như dụng cụ được diễn tả trong Kinh để Quỷ-sứ hành hạ tội nhân nơi cõi Địa-ngục. Thầy Tỳ-kheo Hải sợ hãi, liền muốn quay ra cửa, nhưng ngay lúc ấy tên đao-phủ liền từ trong phóng tới nắm lấy mà nói rằng:

- Ai đã vào đây rồi sẽ không được ra, đó là lệnh của Vua, bây giờ ông phải chết ở đây thôi.

Khi hẩn trông thấy nước mắt đầm đìa trên khuôn mặt còn trẻ của thầy Tỳ-kheo, hẩn hỏi:

- Tại sao ông lại khóc như trẻ con vậy, bộ ông sợ chết sao?

Thầy Tỳ-kheo Hải đáp:

- Tôi chẳng phải sợ chết, chỉ vì mong cầu giải thoát chưa toại nguyện, mà được làm thân người, và xuất gia được khó lắm nên tôi tiếc mà khóc. Xin

ông hãy cho tôi sống thêm thời gian ngắn là một tháng nữa để tôi cố tinh tấn tu hành, may ra giải thoát khỏi cảnh khổ trần gian; tên đao-phủ không chấp thuận lời xin, cứ như thế số ngày xin trì hoãn bớt dần xuống còn có bảy ngày hẵn mới bằng lòng. Thầy Tỳ-kheo Hải biết sắp phải chết nên dùng mãnh tinh tấn, nhất tâm tọa thiền, nhưng gần tới bảy ngày rồi mà đường đạo còn mờ mịt!

Đến ngày thứ bảy có Cung-nữ phạm tội được dẫn tới, tên đao-phủ đem cô gái trói lại rồi bỏ vào cối đá, dùng chày giã nát thịt tan xương, cô gái chỉ thét lên được một tiếng ban đầu. Thầy Tỳ-kheo trông thấy việc khủng khiếp như thế nên chán nản vô cùng, tự nhiên cảm thấy ghét bỏ thân mình và than: *“Ôi! khổ biết dường nào cho kiếp sống con người, ôi khổ thay! Chốc nữa đây ta cũng như vậy! không bao lâu nữa ta cũng như vậy! Ôi bậc thầy đại Bi diễn nói chánh đại pháp, thân này như bọt nước, sắc gái trẻ như măng non, đẹp như gắm vóc trước đây nay còn đâu nữa; sinh tử rất đáng bỏ như chiếc áo rách gò má, thân này đáng bỏ, chẳng phải của ta, chẳng có ta. v.v...”*

Rồi thầy Tỳ-kheo Hải lại dùng mãnh hành trì vào những giây phút chót của cuộc đời. Không bao lâu sau, tên đao-phủ tới nói với thầy Tỳ-kheo:
- Kỳ hạn bảy ngày đã hết, ông nên biết bây giờ đến lượt ông phải chết.

Thầy Tỳ-kheo Hải nói kệ đáp:

Tâm tôi được giải thoát,
Do giết giặc buồn khổ,
Mặt trời tuệ đã hiện,
Soi sáng tâm ý thức.
Rõ ràng thấy sinh tử,
Nay thân hình ta đây,
Muốn làm gì mặc ý,
Không còn luyến tiếc thương.

Lúc bấy giờ tên đao-phủ bắt thầy Tỳ-kheo trói chân tay gò tròn người lại, bỏ vào trong vạc đầy dầu, đậy nắp vạc, rồi đốt củi phía dưới chấy bùng dữ dội khá lâu. Bỗng nắp vạc tung ra, hẵn thấy thầy Tỳ-kheo ngồi trên hoa sen giữa vạc dầu đang sôi; vô cùng ngạc nhiên, lạ lùng, hẵn vội vàng chạy đến tâu Vua sự việc xảy ra.

3)- Vua A-Dục tín Phật, cho xây 84,000 Tháp thờ Xá-Lợi Phật.

Nhà Vua vội cùng tùy tùng đến xem xét sự việc xảy ra, thầy Tỳ-kheo khi thấy Vua đến, liền từ giữa vạc dầu phóng thân lên lơ lửng trong không

như con nhận chúa, phô bày các thứ biến hóa. Khi Vua trông thấy thầy Tỳ-kheo biến hóa thần thông như thế, liền chấp tay vái thầy mà nói:

- Xin Ngài cho biết: đã tu tập những gì mà được pháp thắng diệu như thế, nếu tôi hiểu được rồi, tôi sẽ xin làm đệ-tử của Ngài và sẽ không hối tiếc.

Thầy Tỳ-kheo hướng về nhà Vua mà nói kệ :

Tôi là đệ-tử Phật,
Trọn lià phúc ba cõi,
Trong chính pháp Như-Lai,
Được lợi ích như thế.

Nói kệ xong, thầy Tỳ-kheo bảo Vua:

- Phật đã xác nhận trước về Đại-Vương là sau khi Phật diệt độ khoảng một trăm năm sau tại thành Ba-liên-Phất có Vua A-Dục dùng chính pháp cai trị dân, lại xây tám vạn bốn nghìn Tháp Pháp-Vương, và phân bố Xá-Lợi Phật khắp Diêm-phù-Đề. Phật đã nói trước về Đại-Vương như vậy, nhưng ngày nay Đại-Vương lại tạo ra Địa-ngục lớn này, giết hại vô số nhân dân. Bây giờ Đại-Vương nên mở lòng thương xót nghĩ đến tất cả chúng-sanh, ban bố sự không sợ hãi, khiến mọi người được an ổn, Đại-Vương nên như pháp mà tu hành như thế.

Lúc ấy vua A-Dục vô cùng kính tin Phật, chấp tay làm lễ thầy Tỳ-kheo mà nói:

- Tôi phạm tội lớn, tôi phạm tội lớn! Nay đối trước Thầy tôi xin sám hối, những việc làm của tôi thật không tha thứ được, nay xin được làm con Phật, xin Thầy hãy nhận sự sám hối của tôi, xin hỷ-xả, chớ quở trách, tôi là kẻ ngu si, nay tôi xin được quy y Phật, xin Thầy nhận cho, rồi Vua nói kệ:

Tôi nay quy y Phật,
Pháp thắng-diệu vô-thượng,
Chúng Tỳ-kheo tôn kính,
Nay tôi xin quy mệnh.
Và tôi phải dũng mãnh,
Vâng lời Thế-Tôn dạy,
Nơi Diêm-phù-Đề này,
Khắp dựng các Tháp Phật.

Thầy Tỳ-kheo Hải độ vua A-Dục xong, liền nương hư không mà hóa, biến mất; nhà Vua thấy thế liền vái chỗ hư không ấy, rồi từ nhà ngục đi ra, tên đao-phủ Kỳ-Lê nói:

- Đại-Vương chẳng được đi ra.

Vua ngạc nhiên hỏi:

- Nay người muốn giết ta sao?

Tên Kỳ-Lê nói:

- Đúng vậy.

Vua lại hỏi:

- Ai là người đầu tiên vào ngục này?

Hắn trả lời:

- Chính tôi là người đầu tiên vào nhà ngục này.

Vua bảo hắn:

- Nếu thế thì chính người phải chết trước.

Nói rồi Vua liền ra lệnh cho các người tùy tùng bắt tên hung ác ấy bỏ vào hầm keo, lấy lửa đốt cháy; Vua sai phá bỏ nhà ngục của tên đao-phủ, đem lại sự không sợ hãi cho nhân dân, mọi người ai nấy đều thở phào nhẹ nhõm, và vui mừng vô kể.

Vua A-Dục muốn xây Tháp Xá-Lợi Phạt, Vua điều khiển bốn binh đến thành Vương-Xá lấy Xá-Lợi Phạt trong tháp của vua A-xà-Thế xây dựng trước kia. Vua cũng đem quân đến bảy nước kia và làm giống như thế, tất cả các nước đều thần phục Vua A-Dục tiếng tăm lừng lẫy. Vua sai làm tám vạn bốn nghìn hộp trân quý bằng vàng-bạc, lưu-ly, pha-lê để đựng Xá-Lợi Phạt, và làm tám vạn bốn nghìn bình tứ bảo để chứa hộp trân quý này; Vua cũng sai làm hàng muôn nghìn cờ phướn bảo-cái, đủ lọng để cắm treo tại các nơi bảo Tháp, Vua đích thân đến tịnh-xá Kê-Tước của Thượng-Tọa Da-Xá để nói ý muốn xây tám vạn bốn nghìn Tháp xong trong một ngày, Thượng-Tọa nói với Vua :

- Lành thay Đại-Vương! Muốn vậy hãy ấn định sau mười lăm ngày nguyệt thực cho xây tất cả các Tháp tại Diêm-phù-Đề (Ấn-Độ, Tích-Lan, Miến-Điện v.v...).

Vua bèn ra lệnh cho tất cả nhân-dân Diêm-phù-Đề, như vậy chỉ trong một ngày dựng xong tám vạn bốn nghìn Tháp thờ Xá-Lợi Phạt, cũng gọi là Tháp A-Dục Vương. Nhân-dân vui mừng vô hạn, Vua cũng lấy làm phần khởi vui mừng.

Tháp đã dựng xong, Vua cùng quần thần đến tịnh-xá Kê-Tước thưa với Thượng-Tọa Da-Xá:

- Có Tỳ-kheo được Phật thọ ký làm Phật sự ngày nay chăng? Trẫm muốn đến vị ấy để cúng dàng cung kính, xin Thượng-Tọa chỉ bảo.

Thượng-Tọa nói với Vua:

- Lành thay Đại-Vương! Lúc đức Phật sắp nhập Niết-Bàn, khi Ngài đi đến nước Thân-ma-La, Ngài bảo Tôn-giả A-nan-Đà rằng: *“Này A-Nan, sau khi Ta diệt độ khoảng một trăm năm, có Trưởng-giả tên Cù-Đà (còn có tên là Trưởng-giả Thiện-Ý), con tên Ưu-Ba Quật-Đa (có sách viết là Ưu-Ba Cúc-Đa) sẽ xuất gia học đạo thành Vô-tướng Phật, dạy dỗ người là bậc nhất sẽ làm Phật sự”*; hiện tại vị ấy đã đắc quả A-la-Hán, cùng vô số Tỳ-kheo quyền thuộc một vạn tám nghìn đệ-tử, đang trú tại A-lan-Nhã ở núi Ưu-Lưu Man-Trà.

Nhà Vua nghe xong vô cùng phấn khởi vui mừng, Vua liền ra lệnh cho quần-thần sửa soạn xe-giá để đưa quyền thuộc đến nơi ấy; có quan Đại-thần khuyên Vua nên thỉnh mời vị ấy đến, nhưng Vua không thuận, Vua bèn sai sứ-giả đem tin đến thưa với Tôn-giả Ưu-Ba Quật-Đa rằng: *“Ngày nào đó không xa, Vua A-Dục sẽ đến lễ bái Tôn-giả”*.

Tôn-giả Ưu-Ba Quật-Đa (là Tổ thứ tư bên Tây-Trúc) được tin ấy thì nghĩ: *“Nếu Vua đến sẽ có rất nhiều người đi theo chịu bao khổ sở, lại bức bách sát hại côn trùng và tổn nhọc xóm làng”*, nghĩ xong, Tôn-giả trả lời sứ-giả rằng:

- Tôi sẽ tự đi đến cung Vua, ông về thưa lại với Vua như thế.

Vua nghe tin Tôn-giả Ưu-Ba Quật-Đa tự đến, vui mừng vô hạn; Tôn-giả vì thương xót Vua, nên cùng rất nhiều A-la-Hán theo đường sông đến Kinh-đô. Khi được tin thuyền đã cập bến, Vua cùng các quan Đại-thần và quyền thuộc đến bến đò làm lễ trước Tôn-giả và nói:

- Ngày nay Trẫm thống lãnh toàn cõi Diêm-phù-Đề rộng lớn này, tuy ngồi ở ngôi vua, mà không lấy làm vui, hôm nay thấy được Tôn-giả, lòng Trẫm vui mừng khôn xiết, đệ-tử Như-Lai mới được như vậy, thấy Tôn-giả như được thấy Phật.

Nhà vua cho sứ-giả loan truyền cả nước rằng Tôn-giả Ưu-Ba Quật-Đa đến Kinh thành, Vua sai treo phướn, bảo cái, lọng, xông hương, rải hoa, tấu nhạc, nhân-dân cả thành đều ra nghênh đón, Tôn-giả tâu vua:

- Đại-Vương nên cung kính, cúng dàng Tam-Bảo là Phật, Pháp, và Tỳ-kheo, vì khi đức Phật còn tại thế, Ngài thường ký thác rằng: “*Chánh-Pháp của Ta đều gửi gắm nơi các Quốc-Vương và các đệ-tử của Ta*”.

Vua thưa với Tôn-giả:

- Trẫm đã tạo tám vạn bốn nghìn Tháp thờ Xá-Lợi Phật, trang nghiêm cõi nước, cúng dàng đầy đủ, phân bố Xá-Lợi Phật khắp cả Diêm-phù-Đề.

Tôn-giả khen ngợi Vua đã làm được việc chưa ai làm được, Vua thỉnh Tôn-giả vào thành, mời Tôn-giả an tọa nơi tòa ngồi, còn chúng Tỳ-kheo được mời tới tịnh-xá Kê-Tước.

Tôn-giả khen ngợi Vua vì đời trước đem cát cúng dàng Phật, nên ngày nay được ruộng phúc vô thượng, Vua bảo các quan Đại-thần:

- Ta nhờ lấy năm cát cúng dường Phật mà được quả báo như vậy, làm sao chẳng tin kính đối với đức Thế-Tôn?

Vua lại thưa với Tôn-giả:

- Xin Tôn-giả chỉ cho: những nơi Phật du hành, để Trẫm đến cúng dường lễ bái, vì các chúng-sanh đời sau nhiếp thọ căn lành.

Tôn-giả nói:

- Lành thay! Lành thay! Đại-Vương đã phát diệu nguyện như thế, tôi sẽ chỉ Đại-Vương những nơi chỗ để vì chúng-sanh đời sau mà thọ trì căn lành.

4)- Vua A-Dục hành hương và cho xây cất Tháp, Miếu tại các nơi Phật tích.

Vua A-Dục đem bốn vạn binh cùng các thứ cúng dàng hương hoa, phướn, bảo cái, lọng, kỹ nhạc để cùng Tôn-giả khởi hành đến chỗ đức Phật đản sinh, nhà Vua lễ lạy cúng dường, xong liền cho dựng Tháp-Miếu thờ Phật.

Kế đó Tôn-giả đưa Vua tới cội cây Bồ-Đề nơi Phật thành Đạo và bảo rằng:

- Tại gốc cây này, đại Bồ-Tát do sức Từ-Bi tam-Muội phá quân Ma, đắc Vô-thượng Chính-Đẳng Chính-Giác.

Vua cúng dường: vô lượng trân bảo và các thứ, cùng cho dựng Chùa-Miếu lớn thờ Phật.

Tôn-giả dẫn Vua đi các nơi và chỉ:

- Chỗ này Tứ Thiên-Vương mỗi vị ôm một cái bát đem dâng cúng, Phật hợp lại thành một bát.
- Tại đây đức Như-Lai nhận những bữa ăn cúng dàng của anh em khách lái buôn.
- Nơi này khi đức Phật đến nước Ba-la-Nại, có ngoại đạo Bà-la-Môn A-thời-Bà đến hỏi Đạo.
- Nơi đây là vườn Lộc-Uyển, chỗ ở của các Tiên-nhân, Như-Lai đến ở trong đó vì năm vị Tỳ-kheo đầu tiên này, ba lần chuyển mười hai hành Pháp-luân.

Lần lượt Tôn-giả dẫn Vua đến những nơi ấy và giải thích tường tận, nhà Vua cúng dàng những nơi ấy đủ thứ, và cho xây Tháp-Miếu thờ Phật. Rồi Tôn-giả đưa Vua đi tiếp đến các nơi khác như:

- Chỗ này Phật hóa độ cho Tiên-nhân Ưu-Lâu Tần-Loa Ca-Điếp.
- Nơi đây Phật nói Pháp cho Vua Bình-Sa, Vua thấy được chân-lý, cùng với vô số nhân dân và Chư Thiên đảnh Đạo.
- Chỗ này Như-Lai thuyết Pháp cho Trời Đế-Thích cùng với tám vạn bốn nghìn Chư Thiên.
- Nơi đây Như-Lai thị hiện thần-lực biến hóa các thứ chưa từng thấy.
- Chỗ này Thế-Tôn lên cung Trời Đạo-Lợi vì Mẹ thuyết Pháp, khi trở lại đem vô lượng chư Thiên xuống nhân-gian.

Mỗi nơi Vua đều cúng dàng và cho xây Tháp-Miếu thờ Phật, khi đến nước Câu-Thi La-Kiệt, nơi đây Thế-Tôn làm xong Phật sự, nhập vô-dư Niết-Bàn, Vua nghe xong buồn bã, đau xót vô cùng đến ngất xỉu trên đất. Hồi lâu tỉnh lại, Vua bật khóc nức nở, nước mắt ràn rụa. Vua cúng dàng đủ thứ, và cho xây dựng Tháp-Miếu lớn thờ Phật, Vua thưa với Tôn-giả:

- Ý tôi muốn được thấy các tháp thờ các đại đệ-tử của Phật, muốn cúng dường Xá-Lợi các Ngài, xin Tôn-giả chỉ cho.

Tôn-giả Ưu-Ba Quật-Đa khen ngợi Vua:

- Lành thay! Lành thay! Đại-Vương phát được diệu tâm như thế.

Rồi Tôn-giả dẫn Vua tới nước Xá-Vệ, vào tịnh-xá Kỳ-Hoàn, đưa tay chỉ Tháp nói:

- Đây là Tháp Tôn-giả Xá-lợi-Phất, là vị Pháp-Vương thứ nhì (sau đức Phật) tùy chuyển Pháp-Luân, trừ trí-tuệ của Như-Lai ra, tất cả trí-tuệ chúng-sanh chỉ bằng một phần mười sáu trí-tuệ của Tôn-giả Xá-lợi-Phất mà thôi.

Nhà Vua vui mừng vô hạn, đặt lên mười muôn lượng trân bảo cúng dường Tháp Tôn-giả Xá-lợi-Phất, và nói kệ:

Con lạy Xá-lợi-Phất,
Giải thoát mọi sợ hãi,
Danh đồn khắp thế-gian,
Trí-tuệ không ai bằng.

Kế tiếp, Tôn-giả dẫn Vua và chỉ Tháp Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên và nói:

- Vị này thần-túc bậc nhất, lấy ngón chân ấn trên đất, đất liền chuyển động; đến Long-Cung hàng phục Long-Vương; đến cung Trời Đê-Thích dùng ngón chân đẩy nhẹ ngôi Đường-Quán làm đảo lộn rung chuyển, khiến các Thiên-nữ hoảng hốt sợ hãi.

Vua đặt lên mười vạn lượng trân bảo cúng dường Tháp Tôn-giả Đại Mục-kiền-Liên, và ca ngợi bậc thần-túc bậc nhất; tiếp đến, Tôn-giả đưa Vua đến núi Kê-Túc nói:

- Tôn-giả Đại Ca-Điếp ít muốn, biết đủ, được Như-Lai chia cho nửa tòa ngồi và tặng áo Tăng-già-Lê. Ngài được Phật trao truyền Chính-pháp Nhân-tạng, Niết-Bàn diệu-tâm và làm Tổ thứ nhất, Ngài rất thương xót chúng-sanh, lại có công hưng lập chính Pháp kiến lập kinh Phật. Ngài có đại nguyện ngồi nhập thiền-định trong núi này để chờ ngày đức Phật Di-Lặc ra đời.

Nhà Vua cúng dường mười vạn lượng trân bảo, và cho lập Miếu thờ; Tôn-giả Ưu-Ba Quật-Đa dẫn Vua đến Tháp Tôn-giả Bạc-câu-La gần đấy và nói:

- Tôn-giả này bậc nhất không bệnh tật, lạng lẽ không lời, chẳng nói cho ai một câu Pháp.

Vua bảo tùy tùng:

- Đem một tiền cúng dường cho Tôn-giả này, vì không ích gì cho đời nên cúng ít.

Bấy giờ đồng tiền tự nhiên trở lại chỗ Vua, các quan Đại-thần trông thấy thế cho là việc hy hữu lạ lùng, và tất cả đồng loạt lên tiếng khen:
- Ô! Tôn-giả, Ngài ít muôn, biết đủ, đến nỗi chẳng cần một tiền!

Tôn-giả lại dẫn Vua đến chỉ Tháp Tôn-giả A-nan-Đà và nói:
- Tôn-giả này là Thị-giả của Phật, đa văn bậc nhất, trí nhớ số một, biện tài như nước chảy, khéo biết tâm ý chư Phật, được Phật khen ngợi là tối thắng, có công kết tập Kinh Phật, và là Tổ thứ hai lưu truyền Phật Pháp.

Vua liền cúng dường một trăm vạn lượng trân bảo, vì cho là có công-đức nhiều hơn các Tôn-giả khác, và Vua nói kệ khen:

Đền Pháp còn ở đời,
Dứt lòng si tối này,
Đều nhờ nơi Tôn-giả,
Vì thế cúng dường hơn.

Sau khi đã tham bái cúng dàng các vị đại đệ-tử Phật xong, Vua A-Dục hướng về Tôn-giả Ưu-Ba Quật-Đa, chấp tay vái rồi nói kệ :

Vâng Pháp đệ-tử Phật,
Thực hành các lễ tiết,
Nay tôi đã làm hết,
Cúi đầu trước Tôn-giả.
Nhờ ân lực Tôn-giả,
Chóng được lợi lành lớn,
Nay thấy việc thắng diệu,
Do đây phân biệt Pháp.

Sau khi dẫn Vua đi tham bái các nơi thắng tích như thế đã nhiều tháng trôi qua, Tôn-giả Ưu-Ba Quật-Đa từ biệt trở về núi; từ bấy giờ, Vua A Dục thường đến cúng dàng nơi cây Bồ-Đề Đạo-tràng.

5)- Công đức của Vua A-Dục.

Một hôm, Vua A-Dục cho bày bốn bồn báu bằng vàng, bạc, lưu-ly, pha-lê chứa đầy các thứ sữa thơm, nước thơm, thức ăn chay, cùng phướn, bảo-cái, hương-hoa. Vua thọ trì Bát-Quan-Trai-Giới (Ngày 15 trong tháng, ăn chay, giữ 10 điều lành, giữ giới thanh tịnh), ôm lò hương ở trên chính điện hướng bốn phương mà làm lễ, tâm nghĩ miệng nói: “- Đệ-tử Hiền-Thánh của

đức Như-Lai ở các phương: xin thương xót con mà thụ nhận sự cúng dường của con, xin thương xót con mà nhóm lại nơi đây”.

Vua tâm niệm miệng nói như thế rất nhiều lần, cung kính vái lạy bốn phương; sau khi Vua thọ Bát-Quan-Trai-Giới như vậy, liên tục trên hai mươi vạn Tỳ-kheo từ bốn phương cùng tụ hợp lại, trong đại chúng ấy có gần mười vạn là bậc A-la-Hán, số còn lại đều là các vị hữu học Tỳ-kheo, nhưng tòa của vị chủ tọa không có người ngồi, Vua thấy thế liền hỏi:

- Tòa của vị chủ tọa sao không có ai ngồi?

Trong đại-chúng có Thượng-Tọa Da-Xá là bậc A-la-Hán có đủ thần-thông tâu Vua:

- Đại-Vương: tòa của chủ-tọa, trong đây không ai dám ngồi, Phật nói: “Tôn-giả Tân-đầu-Lư đáng ngồi tòa này”, chẳng bao lâu nữa Tôn-giả sẽ đến.

Vua vui vẻ nói kệ:

Sung sướng được lợi ích,
Vì nhiếp thọ cho con,
Khiến con tự mắt thấy,
Tôn-giả Tân-đầu-Lư.

Bấy giờ Tôn-giả Tân-đầu-Lư cùng vô số A-la-Hán thứ lớp đi theo, ví như con nhận chúa từ hư không đến, ngồi vào chỗ ghế chủ tọa, các Tỳ-kheo đều kính lễ theo thứ lớp ngồi xuống.

Nhà Vua trông thấy Tôn-giả Tân-đầu-Lư như thân Phật Bích-Chi, Vua sụp xuống đánh lễ dưới chân Ngài, quỳ dài chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan Tôn-giả mà nói kệ:

Con nay thấy Tôn-giả,
Như thấy Phật tại thế,
Lòng con đầy phấn khởi,
Hơn hẳn thấy ngôi Vua.

Rồi Vua thưa với Tôn-giả :

- Tôn-giả đã từng thấy đức Thế-Tôn, bậc ba cõi kính ngưỡng tôn sùng chẳng?

Lúc đó Tôn-giả Tân-đầu-Lư (gần 200 tuổi?) lấy ngón tay vén lông mày bạc trắng nhìn Vua và nói:

- Khi xưa, lúc đức Thế-Tôn cùng năm trăm vị A-la-Hán đến thành Vương-Xá an cư lần đầu, lúc đó tôi cũng ở trong chúng ấy.

Lần khác, lúc Như-Lai ở nước Xá-Vệ, Ngài hiện thần-lực lớn, biến hóa đủ thứ, hiện thân hình chư Phật khắp các phương, kéo cỡi Trời A-Ca-Ni-Tra đến gần cho đại chúng thấy, lúc ấy tôi cũng ở đó.

Lại nữa, khi đức Thế-Tôn từ tịnh-xá Cấp-Cô-Độc lên cỡi Trời Đạo-Lợi thuyết pháp cho Mẫu thân Ngài và chư Thiên, tôi cũng ở tịnh-xá Cấp-Cô-Độc.

Một lần khác, đức Thế-Tôn cũng ở nước Xá-Vệ, khi ấy con gái Trưởng-giả Cấp-Cô-Độc lấy chồng về nước Mãn-Phú; hôm Cô ấy thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo tới nhà dâng cúng dàng, các Tỳ-kheo mỗi vị đều nung hư không mà đi từ nước này đến nước kia để tới chỗ thỉnh. Riêng tôi lại dùng thần-lực nhấc núi lên mà đi, vì vậy đức Thế-Tôn quở trách tôi rằng: *“Thầy đâu được hiện thân-túc như thế, bây giờ Ta phạt thầy phải sống ở thế-gian này lâu dài không được vào Niết-Bàn vội, mà phải hộ trì chánh-Pháp của Ta chớ để cho diệt mất”*, do đó ngày nay tôi vẫn còn sống đây là vì lẽ đó.

Đặc biệt, một bữa đức Thế-Tôn vào thành khát thực, khi đó Vua là em bé kiếp trước, cùng với một em bé khác đang chơi đùa trên cát, thấy Phật từ xa đi tới, lấy một nắm cát bỏ vào bình bát cúng Phật. Sau đó đức Thế-Tôn nói với Thị-giả là Tôn-giả A-nan-Đà rằng Ngài thọ ký cho em bé ấy sau khi Ngài nhập diệt khoảng hơn một trăm năm, em bé sẽ làm Vua tại nước Ba-liên-Phát, thống lãnh Diêm-phù-Đề, gọi là vua A-Dục, sẽ phân bố rộng rãi Xá-Lợi của Ngài, dựng tám vạn bốn nghìn Tháp. Nay chính là nhà Vua, bây giờ tôi cũng ở đó, rồi Tôn-giả nói kệ:

Kiếp trước Vua còn thơ,
Đem cát cúng dàng Phật,
Lúc Phật thọ ký Vua,
Chính tôi cũng ở đây.

Bấy giờ Vua nghĩ nơi Phật giác ngộ nên nghĩ tới việc cúng dường cây Bồ-Đề, sau đó là cúng dường đại chúng Tỳ-kheo, nghĩ rồi Vua ban lệnh cho quần-thần tuyên bố khắp cõi Diêm-phù-Đề rằng:

- Ngày nay Vua muốn xả mười vạn lượng vàng bố thí đại chúng Tỳ-kheo, một nghìn bồn nước thơm tưới lên gốc cây Bồ-Đề.

Nhà Vua cùng chúng Tỳ-kheo tưới nước thơm cho cây Bồ-Đề càng thêm tươi tốt, Vua cùng quần-thần vô cùng mừng vui.

Kế đến Vua cúng dường đại chúng Tỳ-kheo, nhà Vua tự tay cúng dường từ trên xuống dưới; cúng thực xong, nhà Vua cúng áo Cà-Sa bằng các thứ vải Ba-la-Nại rất quý, tự tay dâng lên Tôn-giả Tân-đầu-Lư và đại chúng Tỳ-kheo.

Sau cùng, nhà Vua bố thí bốn trăm vạn lượng trân bảo cho dân chúng bần cùng bệnh khổ, Vua A-Dục đã cho xây tám vạn Tháp thờ Xá-Lợi Phật, hành hương, xây Tháp Miếu cúng dường tất cả các nơi Phật tích, và thăm viếng cúng dường một số các Tháp thờ các Đại đệ tử Phật. Vua A-Dục đã tạo công-đức lớn lao như thế....

ĐỨC PHẬT NÓI:

Như ta nhìn bọt nước, như ta nhìn ảo ảnh, nếu một người nhìn thế gian này cũng như vậy, Tử thần không còn thấy người đó nữa

LỤC TỔ HUỆ-NĂNG

(637-713 DL)

(Chư Kinh Tập Yếu từ trang 129 đến trang 251; Phật A-Di-Đà, Chư Bồ-Tát & Tổ Sư từ trang 277 đến trang 331; Pháp Bảo Đàn Kinh từ trang 12 đến trang 156)

Ngài Huệ-Năng họ Lư, sinh tại xứ Phạm-Dương bên Trung-Hoa, cha làm quan bị giáng chức đầy tới Lãnh-Nam làm thứ dân tại Tân-Châu, rồi mất sớm; từ khi ấy, Ngài còn rất trẻ không được đi học như các trẻ cùng lứa tuổi mà phải ngày ngày vào rừng kiếm củi đem đến chợ bán lấy tiền nuôi mẹ, nuôi thân, thật là khổ cực trăm bề; bởi thế, Ngài có thân hình gầy ốm, đen đui, trông rất quê mùa.

1)- Ngài Huệ-Năng đốn ngộ.

Tới khi Ngài 24 tuổi, một hôm có người mua củi bảo Huệ-Năng đem củi đến tiệm, khi đem củi đến, khách nhận củi trả tiền, Ngài nhận tiền xong liền bước ra khỏi cửa. Lúc đó Ngài bỗng nghe tiếng tụng kinh, và khi nghe qua câu: “*Ung vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*” (không đặt để cái tâm vào bất cứ gì, thường hay sinh ra tâm tánh rất kỳ đặc), tự nhiên tâm Ngài liền mở mang sáng tỏ khác thường (kiến-tánh). Ngài liền quay lại tìm hỏi người tụng kinh, mới được biết rằng đó là Kinh Kim-Cang thỉnh tại Chùa Đông-Thiền do Ngũ-Tổ Hoằng-Nhẫn Đại-Sư chủ hóa và dạy đồ-chúng trì tụng; Ngài liền muốn đi cầu Pháp nơi Ngũ Tổ, nhưng ngại vì còn mẹ già chưa giải quyết được.

Sau nhờ nhân duyên nên Ngài Huệ-Năng lại được người giúp đỡ tiền bạc để yên bề mẹ già mà an tâm đến Chùa Đông-Thiền.

Đi bộ gần hai tháng mới tới nơi, Ngài tới làm lễ Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi:
- Người là người phương nào, muốn cầu việc chi?

Ngài đáp:

- Con là dân Tân-Châu, xứ Lãnh-Nam, ở phương xa tới đây lạy Tổ-Sư, chỉ cầu thành Phật, chẳng cầu việc chi khác.

Ngũ tổ nói:

- Người là người xứ Lãnh-Nam, là giống dã man, thành Phật thế nào được.

Ngài Huệ-Năng nói:

- Con người tuy phân có Bắc Nam, cái thân đã man này đối với Đại-Sur tuy chẳng giống nhau, chứ cái tánh Phật nào có khác chi?

Lúc ấy Ngũ Tổ thấy đại-chúng vây quanh, nên bảo Ngài:

- Người hãy theo chúng xuống nhà dưới làm việc.

Nhưng Ngài Huệ-Năng gắng hỏi thêm:

- Chẳng hay Hòa-Thượng còn dạy làm công việc gì nữa? vì tự tâm con thường sinh trí-tuệ, chẳng lià tự tánh tức là có phước-diền rồi.

Ngũ Tổ nói:

- Căn tánh của người đã man này thật là sáng suốt, người chớ nên nói nữa, hãy đi ra nhà sau mà làm công việc đi.

Nghe Ngũ Tổ dạy thế, ngài Huệ-Năng liền đi ra nhà sau, thì có một Cư-sĩ sai Ngài phụ trách công việc chẻ củi, giã gạo; nhận những công việc nặng nhọc ấy, Ngài kiên nhẫn làm việc, vì đã từng làm việc cực nhọc quen rồi, nhất là việc bở củi là công việc thường xuyên để tự nuôi sống Ngài trong suốt nhiều năm vừa qua. Mỗi lần giã gạo, nếu không có người phụ giúp, Ngài phải đeo trên lưng một số gạch đá cho đủ nặng mà giã, vì thân hình gầy ốm của Ngài không đủ nặng để đạp vòng đầu cối lên; trải qua gần chín tháng như thế, Ngài không hề phàn nàn than thở với ai.

Một lần Ngũ Tổ gặp Ngài và bảo:

- Ta nghĩ chỗ tri-kiến của người dùng được, nhưng e có kẻ ác hại người nên ta chẳng nói chuyện, người có biết chăng?

Ngài Huệ-Năng đáp:

- Con cũng hiểu ý Tổ-Sur nên chẳng dám đến trước cửa phòng của Tôn-Sur để mọi người khỏi nghi ngờ.

Một hôm, Ngũ Tổ bảo các đồ chúng tụ lại mà dạy rằng:

- Ta nói cho đại chúng rõ, sự sống chết của người đời là việc lớn, các người suốt ngày chỉ cầu phúc điền chứ chẳng cầu ra khỏi biển khổ sống chết, nếu tánh mình mê muội phúc nào cứu được? Mỗi người: hãy tự xem trí-tuệ mình, lấy tánh Bát-nhã của bản tâm mình mà làm một bài kệ trình cho ta xem; nếu ai hiểu đại ý, ta sẽ truyền Y-Pháp cho làm Tổ thứ sáu, nối Huệ-mạng Phật; vậy các người hãy đi làm kệ cho mau, chớ nên chậm trễ.

Lúc ấy mọi người tự thấy rằng họ chẳng có khả năng nhòm ngó chức vị ấy vì quá tầm hiểu biết của họ, họ nghĩ và bàn tán rằng: *“Chỉ có Thượng-Tọa Thần-Tú là thầy-giáo thọ thường thay mặt Tổ-Sư thuyết pháp là người xứng đáng mà thôi”*.

Riêng Thượng-Tọa Thần-Tú tự biết chưa thấy tâm tánh, nên rất ngại viết kệ trình lên, nhưng ông đã mang tiếng là người đa văn trong số cả nghìn người tu hành dưới sự dìu dắt của Ngũ Tổ, nên nếu ông không trình kệ coi cũng không được. Ông tự xét nếu trình kệ để cầu Pháp còn tạm ổn, nhưng trình kệ để cầu làm Tổ thật không xứng chút nào, cũng giống như người lòng phàm lại mong đoạt ngôi Thánh vậy. Rồi cuối cùng ông cũng làm xong được bài kệ, muốn trình lên Ngũ-Tổ, nhưng mỗi lần đến trước cửa nhà Tổ, trong lòng đâm ra hoảng hốt, mồ hôi ra ướt cả mình, lại nghĩ rằng chẳng nên trình kệ.

Trước sau mười ba lần như thế trải qua bốn ngày, đi đi lại lại, tâm thần hoang mang bất ổn; sau ông nghĩ: *“Chỉ còn cách viết bài kệ ấy trên vách tường, nếu Ngũ-Tổ khen hay ta hãy nhận là của mình, còn nếu không thì uổng công tu hành bấy lâu nay”*. Nghĩ rồi, đêm ấy một mình lẳng lặng lúc đêm khuya không người, ông cầm đèn viết vội bài kệ lên vách tường phía Nam nhà Nguyễn như sau:

Thân ấy Bồ-Đề thọ,
Tâm như minh-cảnh đài,
Giờ giờ cần phải sạch,
Chớ để dính trần ai.

Sau khi viết xong bài kệ, Thượng-Tọa Thần-Tú về phòng, cứ lo nghĩ mãi, suốt cả đêm dài ngồi nằm chẳng yên vì bài kệ ấy; sáng hôm sau, Ngũ-Tổ dẫn Lư-cung-Phụng đến chỗ vách tường ấy định cho vẽ cảnh đức Phật thuyết pháp tại hội Lăng-Già và bản đồ năm vị Tổ-Sư tại Trung-Hoa. Khi trông thấy bài kệ ấy trên vách tường, Ngài nói:

- Nay Quan Lư, thôi không cần vẽ nữa, để bài kệ ấy cho người trì tụng tu hành được khỏi đọa đường ác, có lợi ích lớn, thật là nhọc công Quan từ xa tới đây.

Rồi Ngũ-Tổ gọi các đệ tử đến và dạy phải đốt hương nhang kính lễ tụng niệm bài kệ sẽ được nhiều lợi ích, bấy giờ mọi người đều khen kệ hay; tối hôm ấy, Ngũ-Tổ cho gọi Thượng-Tọa Thần-Tú đến và hỏi:

- Có phải bài kệ ấy do thầy làm không?

- Vâng, bài kệ ấy do con viết, nhưng con chẳng dám cầu ngôi Tổ, chỉ mong Hòa-Thượng từ-bi xem coi con có chút trí-tuệ nào không?

Ngũ Tổ nói:

- Làm bài kệ ấy, thầy tỏ ra chưa thấy bản tánh của mình, chỉ mới tới ngoài cửa mà thôi chứ chưa bước qua ngưỡng cửa vào trong nhà; vậy thầy hãy lui về, suy nghĩ thêm một hai ngày nữa để làm một bài kệ khác đem lại cho ta xem, nếu bài kệ vào được cửa Đạo, ta sẽ truyền Pháp, giao bát và áo Cà-Sa cho.

Trải qua mấy ngày Thượng-Tọa Thần-Tú làm kệ không xong, trong lòng sinh ra hoảng hốt, tâm tư bồi hồi, đứng ngồi chẳng yên!

Cũng sau hai ngày, có một Cư-sĩ còn trẻ đi ngang qua phòng giã gạo, đọc tụng bài kệ ấy; Ngài Huệ-Năng đang khi giã gạo, nghe qua, biết ngay là người làm bài kệ ấy chưa thấy bản tánh, rồi Ngài hỏi người ấy:

- Nhân-giả tụng bài kệ gì vậy?

Người ấy đáp:

- Người dã man này không biết chi hết sao? Mấy bữa trước đây Ngũ-Tổ Đại-Sư họp đại chúng lại mà nói rằng : *“Mỗi người hãy xem xét trí-tuệ của mình, lấy tánh Bát-Nhã của bản tâm mình mà làm một bài kệ trình cho Ngài xem, nếu ai hiểu được đại ý Ngài sẽ truyền Pháp, trao bát và áo Cà-Sa cho mà làm Tổ thứ sáu”*. Có một bài kệ viết nơi vách tường phía Nam nhà Nguyễn, Ngũ-Tổ dạy: *“Mỗi người đều phải đốt hương nhang kính lễ, trì tụng, y theo bài kệ mà tu hành sẽ khỏi đọa vào đường ác, và được lợi ích lớn”*.

Bấy giờ ngài Huệ-Năng nói:

- Tôi cũng muốn chiêm bái bài kệ ấy để kết duyên đời sau, tôi ở đây giã gạo, bồ cùi đã gần chín tháng mà chưa từng đến nhà Nguyễn, mong anh dẫn tôi đến chỗ có bài kệ để lễ bái.

Khi hai người ra đến nơi, ngài Huệ-Năng nói:

- Tôi không biết chữ, xin vị nào đọc bài kệ giùm.

Lúc ấy có quan Biệt-giá tên Trương-nhật-Dung cất tiếng đọc lớn bài kệ, nghe rồi, ngài Huệ-Năng lại nói:

- Tôi cũng có một bài kệ vô-tướng, mong ơn quan Thượng-nhân viết giùm.

Thấy Ngài quê mùa đen đui, quan Biệt-giá nói:

- Người cũng biết làm kệ sao? Việc này hiếm có.

Nghe quan nói lời khinh miệt, nên Ngài trả lời:

- Muốn học đạo Vô-Thượng Bồ-Đề thì chẳng nên khinh dễ (khinh rẻ) hàng sơ học, có kẻ dưới bậc thấp mà thường phát trí-huệ rất cao, có người bậc cao mà thường thường lại chôn vùi ý chí của mình; nếu khinh người ắt có tội vô lượng vô biên.

Trương-nhật-Dung nghe Ngài nói có lý, không nói gì được nữa nên bảo:

- Người hãy đọc đi, ta viết giùm cho, nếu người đắc Pháp nhớ độ ta trước, đừng quên.

Ngài Huệ-Năng liền đọc lớn:

Bồ-Đề vốn chẳng thọ,
Gương sáng cũng chẳng đài,
Bản-lai không một vật,
Chỗ nào dính bụi dơ?

Bài kệ vừa viết xong, cả thầy mọi người tại đó đều nhón nháo, kinh ngạc, khen hay, và rất lấy làm lạ; mỗi người nói với nhau: *“Lạ thay, người đến đui què mùa như thế, lại không biết chữ, mà làm kệ lại xuất thần như vậy!? Chúng ta chẳng nên xét người bằng diện mạo bề ngoài, bấy lâu nay chúng ta nào biết, và đã từng khinh dễ, sai khiến vị Bồ-Tát xác phàm!”*

Khi ấy, Ngũ-Tổ thấy đồ chúng xúm xít vây bên bức tường nhìn ngó, chỉ trỏ, bàn tán; Ngài đến coi, thấy bài kệ ấy, biết ngay là của ai làm, Ngài e có kẻ sẽ hại Huệ-Năng, nên Ngũ-Tổ vội lấy giấy chà xát (xóa bỏ) hết bài kệ ấy đi và nói:

- Bài kệ này chưa thấy tánh.

Đồ chúng vì không hiểu, nên khi thấy Ngũ-Tổ tỏ ra không ưa bài kệ mà chà xát đi và nói như thế, mọi người đều cho là phải và lui về, không còn ai nghĩ tới bài kệ ấy nữa.

Ngày hôm sau, Ngũ-Tổ đến nhà bếp, chỗ giã gạo, thấy Huệ-Năng mang đá trên lưng mà giã gạo, Ngài nói:

- Người cầu Đạo vì Pháp quên thân, phải như thế sao? (Bạn có cảm thấy thương xót không!?)

Rồi Ngài hỏi:

- Gạo trắng chưa?

Ngài Huệ-Năng liền đáp:

- Thừa Hòa-Thượng, gạo đã trắng từ lâu, chỉ còn thiếu giần sàng (ý nói đã thấy bản tâm bản tánh, chỉ còn đợi bảo nhậm, truyền Pháp).

Ngũ-Tổ gõ gậy lên đầu cối ba lần, rồi bỏ đi.

2)- Ngài Huệ-Năng Đại ngộ, lãnh Pháp, Y Bát, và trốn (lánh) nạn.

Ngài Huệ-Năng hiểu Ngũ-Tổ muốn nói gì, nên đợi đến canh ba (12 giờ đêm), Ngài vào thất của Ngũ-Tổ. Vừa thấy Huệ-Năng vào, Ngũ-Tổ lấy áo Cà-Sa khoác vào cho, rồi đọc Kinh Kim-Cang cho nghe. Khi Ngũ-Tổ đọc tới chỗ: “Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm”, đột nhiên ngài Huệ-Năng một lần nữa thấy đột sáng, biết cả thấy các Pháp đều chẳng là tánh mình, nên Ngài buột miệng thốt ra bốn câu kệ:

Nào dè tánh mình vốn tự nhiên trong sạch,
Nào dè tánh mình vốn chứa đầy đủ muôn Pháp,
Nào dè tánh mình vốn không lay động,
Nào dè tánh mình vốn sinh ra muôn Pháp.

Ngũ-Tổ biết Ngài đã tỏ sáng bản tánh, nên nói:

- Nếu biết bản tâm thấy bản tánh, tức gọi là Trượng-phu, là Phật, là Thầy cõi Người và cõi Trời.

Sau đó Ngũ-Tổ truyền Pháp, trao Áo Bát cho Ngài, và nói:

- Người làm Tổ thứ sáu kể từ nay, hãy gìn giữ và nhớ lấy đạo tâm của mình; phải quảng độ chúng-sanh và lưu truyền cái chính Pháp cho đời sau, đừng để đoạn tuyệt; rồi Ngũ-Tổ nói kệ:

Hữu tình được gieo giống,
Nhân gieo quả ắt sinh,
Vô tình không có giống,
Vô tánh cũng không sinh.

Ngũ-Tổ căn dặn:

- Từ xưa Chư Phật chỉ truyền cái Bản-lai là cội gốc của các Pháp; Áo Bát là cái mối tranh giành, tới đời người đừng truyền nữa; thôi hãy đi đi cho chóng, kéo có kẻ hại người.

Bấy giờ đang đêm tối, không thuộc đường đi, nên ngài Huệ-Năng hỏi Ngũ-Tổ:

- Con nên đi đến xứ nào, và đêm tối thế này con không thông thuộc đường đi quanh đây, làm sao con ra khỏi nơi này mà đi?

Ngũ-Tổ nói:

- Chẳng cần lo, để ta dẫn ngươi; khi gặp Hoài (huyện Hoài) nên ở lại, gặp Hội (Huyện Tứ-Hội) phải ẩn nung nơi đó.

Rồi Ngũ-Tổ dẫn Ngài đi đến chỗ neo (cột) thuyền và bảo lên thuyền, Ngũ-Tổ đích thân chèo thuyền đưa Ngài đến trạm Cửu-Giang; trước khi từ biệt, Ngũ-Tổ nói:

- Từ nay về sau, Phật-Pháp do ngươi truyền bá thịnh hành; ngươi đi rồi, ba năm sau ta sẽ thị tịch; ngươi hãy gắng sức đi về phương Nam, nhưng chẳng nên vội thuyết pháp, vì Phật-Pháp khó mở mà phải tùy duyên, hãy nhớ lấy.

Ngũ-Tổ trở về, mấy ngày sau chẳng ra giảng đường, các môn đồ thắc mắc bèn đến thăm và nói:

- Hòa-Thượng có bệnh hay sao mà không thấy ra giảng đường?

Ngũ-Tổ nói:

- Ta chẳng có bệnh chi, nhưng Áo-Bát đã đi phương Nam, vì ta đã truyền Y-Pháp cho Huệ-Năng rồi.

Khi ấy: mọi người mới biết việc Ngũ-Tổ đã truyền Áo-Pháp cho ngài Huệ-Năng.

Trải qua hai tháng, ngài Huệ-Năng đi bộ tới núi Đại-du-Lãnh; cũng lúc ấy có mấy trăm người vừa Tăng vừa tục đuổi theo Ngài, mong đoạt lấy Áo-Bát.

Có một thầy Tăng tên là Huệ-Minh, ngày trước làm chức Tứ-phẩm Tướng-quân, tính tình thô bạo, làm đầu chúng Tăng-tục, quyết chí đuổi theo tìm Ngài cho kỳ được. Thầy Huệ-Minh xông xáo đi trước và đuổi kịp, vừa trông thấy có người đuổi tới gần, ngài Huệ-Năng để Áo-Bát trên một tảng đá mà nói rằng:

- Áo-Bát này là vật làm tin, há dùng sức mà tranh được sao?

Nói rồi, Ngài ẩn mình trong đám cỏ tranh gần đấy, Thầy Huệ-Minh vừa thoáng thấy bóng ngài Huệ-Năng, vội vàng chạy đến thấy áo Cà-Sa và Bình-bát ở trên tảng đá, mà chẳng thấy người đâu. Thầy Huệ-Minh mừng rỡ, liền rảo bước tới lấy Áo-Bát, nhưng không sao nhấc lên được, thật lạ thay!, Thầy Huệ-Minh biết rằng ngài Huệ-Năng đã đắc đạo có thần-thông, nên thầy liền nói lớn lên rằng:

- Hành-giả, Hành-giả, tôi vì Pháp mà đến đây, chứ chẳng phải vì tranh Áo-Bát đâu, xin Hành-giả từ-bi thương xót.

Nghe vậy, ngài Huệ-Năng bước ra khỏi đám cỏ tranh, rồi ngồi trên tảng đá; thầy Huệ-Minh liền làm lễ rồi nói:

- Mong ơn Hành-giả nói Pháp cho tôi nghe.

Ngài Huệ-Năng nói:

- Ông vì Pháp mà đến đây thì phải dứt hết duyên trần, chớ sinh một niệm tưởng, tôi sẽ nói rõ Phật-Pháp cho ông nghe.

Lẳng lẳng một lúc, đợi cho thầy Huệ-Minh thi hành điều vừa nói, ngài Huệ-Năng mới bảo:

- Ông chẳng nghĩ việc lành, không nghĩ điều ác, chính trong thời gian đó, cái ấy, tức là tỏ thấy cái Bản-lai Diện-mục của Thượng-Tọa Minh vậy.

Thầy Huệ-Minh vừa nghe xong liền rất tỏ sáng, lại hỏi:

- Ngoài các lời nói và ý chỉ mật nhiệm do trên truyền xuống từ xưa tới nay, còn có ý chỉ mật nhiệm nào nữa không?

Ngài Huệ-Năng nói:

- Chỗ tôi nói với ông, đó chẳng phải là mật nhiệm; nếu ông trở soi vào trong tức hồi quang phản chiếu thì thấy chỗ mật nhiệm ở bên ông.

- Tôi tuy ở tại Hoàng-Mai với Ngũ-Tổ đã lâu, nhưng chưa hề xét biết cái Bản-lai Diện-mục của mình; nay nhờ sự chỉ dạy của Hành-giả nên đã sáng tỏ, như người uống nước nóng lạnh tự biết tự mình hay; Hành-giả nay tức là Thầy của Huệ-Minh vậy.

- Nếu thế tôi cùng ông đồng thờ một Thầy là đức Hoàng-Mai Ngũ-Tổ; ông hãy giữ gìn và nhớ lấy đạo tâm của mình.

- Từ nay về sau Huệ-Minh này phải đi xứ nào, xin Hành-giả chỉ bảo cho.

- Ông đến Viên-Châu nên ngừng lại, và gặp núi Mông-Son phải ở đó.

Thầy Huệ-Minh vui mừng phấn khởi, liền làm lễ Ngài rồi từ già trở lui, xuống tới chân núi kêu bọn đồ chúng đang đuổi theo mà nói:

- Tôi kiếm cùng khắp các đường trên núi mà chẳng có dấu vết gì cả, chúng ta đi đường khác mà kiếm.

Mọi người đều cho là phải và kéo nhau theo đường khác tìm kiếm.

Sau ngài Huệ-Năng về tới làng Tào-Hầu thuộc Tỉnh Thiều-Châu, dân chúng chẳng ai biết; lúc ấy có một nhà Nho tên Lưu-chí-Lược tình cờ nghe Ngài nói Phật-Pháp suốt thông nên rất mực cung kính. Chí-Lược có một người cô xuất gia pháp danh là Vô-tận-Tạng thường hay tụng Kinh Đại Niết-Bàn mà nhiều chỗ chưa hiểu; Ni-Cô Tận-Tạng đọc qua một lần, Ngài nghe qua rồi liền hiểu hết diệu nghĩa của Kinh, mới giải nghĩa cho Ni-Cô nghe. Ni-Cô cảm Kinh hỏi chữ, Ngài nói:

- Hỏi nghĩa thì được, hỏi chữ thì chẳng biết.

Ni-Cô nói:

- Chữ còn chẳng biết, làm sao hiểu nghĩa được?

Ngài trả lời:

- Diệu lý của Chư Phật chẳng dính gì với văn tự.

Trước sự đối đáp và giải thích diệu nghĩa của Ngài, Ni-Cô rất ngạc nhiên và kính phục; Ni-Cô nói với các bậc Kỳ-lão trong thôn làng rằng: *“Đây là người có Đạo, rất nên cúng dường”*.

Lúc ấy có dòng dõi của Ngụy-Võ-Hầu (Tào-Tháo) tên Tào-thúc-Lương cùng với dân chúng trong thôn ấp thường tới hỏi đạo, thời ấy có một ngôi cổ Tự đã bị hư hỏng trong thời loạn ly vào cuối đời nhà Tùy; bấy giờ mọi người bảo nhau sửa chữa lại và mời Ngài ở đó. Tưởng rằng từ đấy ngài Huệ-Năng dần dần gây dựng đường lối Phật-Pháp, nào dè mới được khoảng chín tháng, lại có bọn ác nhân tìm đến, Ngài phải trốn vào rừng núi; lại bị bọn ấy đốt cháy núi rừng, Ngài phải ẩn thân nơi kẽ đá thoát nạn; nay còn dấu vết ngồi trên đá và dấu lần áo trên đá, người đời gọi đá ấy là đá tị nạn.

Bấy giờ ngài Huệ-Năng nhớ lời Ngũ-Tổ dặn, bèn đến ẩn nường nơi Huyện Tứ-Hội; tại nơi đây Ngài gặp và ở chung với những người thợ săn, họ thường bảo Ngài coi giữ lưới, nên khi thấy loài vật lọt vào lưới, Ngài thả ra

hết. Ngài thường gửi rau luộc bên thịt, khi có người hỏi Ngài nói chỉ ăn rau thôi; Ngài thường vì các người thợ săn tùy duyên thuyết pháp cho họ nghe.

3)- **Lục Tổ Huệ-Năng hành đạo.**

(Xin xem Pháp Bảo Đàn Kinh)

Thấm thoát ngày tháng như thoi đưa, mười lăm năm trôi qua, lúc bấy giờ ngài Huệ-Năng nghĩ: *“Ta chẳng nên ẩn dật mãi, bây giờ đã đến lúc ta nên hoằng hóa Phật-Pháp”*, rồi Ngài đi đến Chùa Pháp-Tánh tại Quảng-Châu, hôm ấy Ấn-Tông Pháp-Sư giảng Kinh Niết-Bàn. Tự nhiên có một luồng gió mạnh thổi động lá phướn, mọi người đều thấy thế, một thầy Tăng nói:

- Gió động.

Một thầy Tăng khác nói:

- Phướn động.

Hai thầy Tăng nói qua cãi lại hoài chẳng dứt, thấy thế ngài Huệ-Năng bước tới nói lớn lên rằng:

- Không phải gió động, cũng chẳng phải phướn động, ấy là tâm của quý Thầy động mà thôi.

Mọi người nghe nói đều kinh ngạc, Ấn-Tông Pháp-Sư thấy vậy liền mời Ngài ngồi chỗ trên hết, và hỏi những nghĩa lý huyền ảo, đều được Ngài trả lời trôi chảy với ngôn ngữ giản dị, nghĩa lý thích hợp mà chẳng do văn tự. Ấn-Tông Pháp-Sư nói:

- Hành-giả hẩn chẳng phải là người thường, đã lâu tôi có nghe nói Áo-Pháp của Ngũ-Tổ đã truyền cho Lục-Tổ về phương Nam, có phải về tay Hành-giả không?

Ngài trả lời:

- Tôi không dám (ý khiêm nhượng).

Ấn-Tông liền làm lễ trước Ngài, và xin Ngài trưng Áo-Bát để đại chúng được chiêm bái; sau khi thấy Áo-Bát rồi, Ấn-Tông lại hỏi:

- Đức Hoàng-Mai sau khi phó chúc rồi, Ngài truyền thọ như thế nào?

Ngài Huệ-Năng trả lời:

- Ngũ-Tổ không truyền thọ chi cả, chỉ có luận môn kiến tánh thành Phật, Ngài chẳng luận pháp thiền-định và pháp giải-thoát.

- Sao chẳng luận pháp thiền-định và pháp giải-thoát?

- Vì hai pháp ấy chẳng phải là Phật-Pháp, Phật-Pháp là Pháp chẳng hai.

- Phật-Pháp là Pháp chẳng hai là nghĩa sao?

- Pháp-Sur giảng Kinh Niết-Bàn đã hiểu rõ Phật tánh tức Pháp chẳng hai của Phật-Pháp vậy. Như Cao-Quý Đức-Vương Bồ-Tát thưa với Phật rằng: *“Người phạm bốn điều trọng cấm (dâm dục, trộm cướp, giết người, và nói bốn điều vọng ngữ), làm năm điều đại nghịch (giết cha mẹ, hại A-la-Hán, khuấy rối chúng Tăng, khởi ác ý mong hại Phật, và chẳng tin Phật-Pháp), thì thiện căn và Phật tánh có bị đoạn diệt chăng?”* Phật đáp rằng: *“Thiện căn có hai thứ, một là thường, hai là vô thường, còn Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, cho nên Phật tánh không đoạn diệt, ấy gọi là Pháp chẳng hai”*.

Ấn-Tông Pháp-Sur nghe Ngài giảng, vui mừng chấp tay thưa rằng:

- Sự giảng Kinh của tôi như gạch bể ngói vỡ, sự luận nghĩa của Ngài cũng như vàng ròng.

Nhân đó, Ấn-Tông Pháp-Sur xuống tóc cho Ngài, và nguyện thờ Ngài làm Thầy; rồi Ấn-Tông mời hết các vị danh đức đến mà tổ chức lễ truyền thọ Cụ-túc giới cho Ngài.

Qua năm sau, Ngài từ giã tứ chúng mà tới Chùa Bảo-Lâm; khi ấy Ấn-Tông Pháp-Sur cùng tứ chúng có trên một nghìn người đưa Ngài thẳng tới Tào-Khê, cũng có Thông-Ứng-Luật-Sur ở Kinh-Châu và các vị học-giả kẻ có tới một trăm người đều theo ở với Ngài.

Khi tới Chùa Bảo-Lâm, thấy Chùa chật hẹp, không đủ chỗ dung chứa đồ chúng, Ngài có ý mở Chùa rộng lớn ra. Chỉ ít ngày sau, Ngài đến viếng một người trong xóm là Trần-á-Tiên mà nói rằng:

- Bần Tăng đến đây muốn cầu thí chủ cho: một khoảnh đất vừa đủ trải tám tọa cụ (tám vải dày để trải ngồi thiền).

Trần-á-Tiên nói:

- Tám tọa cụ của Đại-Sur rộng là bao lớn?

Ngài lấy tám tọa cụ chỉ cho Trần-á-Tiên xem và nói:

- Tám tọa cụ này trông vậy chứ lớn lắm, khi đã hứa sau này đừng có hối tiếc đấy nhé.

Trần-á-Tiên nói:
- Được, tôi xin hứa.

Ngài cầm tấm tọa cụ phóng ra, Ôi chao sao mà nó lớn thế, bao trùm một vùng rộng lớn của Tào-Khê, lại có bốn vị Thiên-Vương hiện thân ngồi bốn bên! Do nhân chuyện này, bây giờ người ta gọi những núi chung quanh Chùa là núi Thiên-Vương.

Trần-á-Tiên nói:
- Tôi biết Pháp-lực của Đại-Sư thật là quảng đại, nhưng vì phần mộ của tổ-tiên tôi đều nằm trong khoảnh đất này; ngày sau nếu có xây Chùa-Tháp, xin giữ lại các phần mộ, còn lại tôi xin vui vẻ cúng hết cho Chùa Bảo-Lâm vĩnh viễn; lại nữa, chỗ đất này có mạch núi sinh Long-Tượng, vậy chỉ nên bình thiên chẳng nên bình địa.

Khi kiến thiết Chùa, nhất nhất đều làm y như lời thỉnh của Trần-á-Tiên; cũng nên biết thêm là từ đời nhà Lương khi trước, có một nhà Sư tên Trí-Dược Tam-Tạng từ Ấn-Độ qua biển Nam-Hải tới cửa biển Tào-Khê, thấy nước trong vắt, lấy tay bưng nước uống thấy mát ngon và có mùi thơm thì lấy làm lạ nói với mọi người rằng nước ở đây không khác gì nước bên Thiên-Trúc, trên nguồn khe núi chắc có thắng địa lập nhàn tịnh cảnh (lập Chùa) được. Nhà Sư lần theo dòng nước lên tới nguồn khe núi, nhìn bốn phía non nước xây vòng, đầu non châu chụm, cảnh đẹp lạ lùng, Sư khen rằng: *“Cảnh núi rừng này rõ ràng giống núi Bảo-Lâm bên Thiên-Trúc”*. Nhà Sư bèn kêu những người dân làng Tào-Khê mà bảo rằng: *“Nơi núi này nên lập một cảnh Chùa, vì sau 170 năm sẽ có một vị Vô-Thượng Pháp-Bảo khai hóa diễn nói tại nơi đây, số người đắc đạo nhiều như cây rừng, vậy nên đặt tên là Chùa Bảo-Lâm”*.

Thuở ấy có quan đầu tỉnh Thiệu-Châu tên là Hầu-cảnh-Trung lấy những lời ấy dâng biểu lên Vua nhà Lương, Vua thuận lời xin, lại ban cho tấm vải thêu lớn hiệu Bảo-Lâm, từ đây Chùa được thiết lập.

Khi ngài Huệ-Năng tới chùa Bảo-Lâm và bắt đầu khai diễn Pháp-Môn Đông-Sơn, tức là Pháp-Môn của Ngũ-Tổ ở núi Đông-Sơn, tính ra thì đúng 170 năm như lời của nhà Sư Trí-Dược Tam-Tạng đã nói; Ngài khai giảng cho tứ chúng nghe về **tự tánh** (chân tánh tự dụng) **Bát-Nhã** (chân không).

Pháp-Môn, lấy:

Vô Niệm (không nghĩ tưởng) làm **TÔNG**,

Vô Tướng (không có hình tướng) làm **THỂ**.

Vô Trụ (không để tâm vào đâu cả) làm **GỐC**.

Ngài dạy **Định-Huệ** (thiền-định, trí-tuệ) vốn **NHẤT THỂ** chẳng phải hai, Định là Thể của Huệ, Huệ là Dụng của Định, ngay trong lúc Định có Huệ, ngay trong lúc Huệ có Định. Ngài ví dụ đèn và ánh sáng, đèn là Thể của sáng, sáng là Dụng của đèn, tên tuy có hai, Thể vốn chỉ một, Định-Huệ cũng vậy.

Về **Tọa (ngồi) Thiền** Ngài dạy như sau:

- Đối với cảnh giới bên ngoài: tâm niệm chẳng khởi lên gọi là Tọa.
- Đối với bên trong: thấy tự tánh mình chẳng động gọi là Thiền.

Về **Thiền-Định** Ngài giảng:

- Bên ngoài lià tất cả các tướng (hình tướng) gọi là Thiền.
- Bên trong tâm chẳng loạn (động) gọi là Định.

Ngài giải thích về việc Tổ Đạt-Ma trả lời Lương-Võ-Đế rằng suốt đời xây chùa, cúng dàng, bố thí nhưng không có công-đức, vì các việc làm ấy chỉ là cầu phúc lợi của thế-gian mà thôi, chứ không phải là công đức của xuất thế-gian.

Về Tây Phương cực-lạc xa mười vạn tám nghìn cõi Phật, nghĩa là cần phải tránh làm mười điều ác (sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói độc ác, tham lam, hận thù, si mê) và tránh phạm tám điều tà (tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định), thì tâm sẽ được tự tại thanh tịnh, tức là cõi Phật hiện tiền tại tâm.

Ngài dạy về **Giới-Định-Huệ** như sau:

- **Giới:** là răn chừa, không tạo các nghiệp ác, tức là tịnh thân, tịnh khẩu, tịnh ý.

- **Định:** Ngoài không nhiễm trần cảnh, trong không tán loạn, trong ngoài vắng lặng.

- **Huệ:** Nghĩa là tâm địa trống không, trong sạch, niệm niệm thấy tánh, tâm địa quang minh, soi thấu muôn vật (pháp).

Lục Tổ: đã tùy cơ duyên thuyết pháp, chỉ dạy từng số đông đại chúng (cả nghìn hay nhiều nghìn người), cũng nhiều khi chỉ dạy riêng rẽ cho từng người, cũng như tùy bệnh cho thuốc vậy.

Một hôm, Ngài muốn tự giặt cái áo Cà-Sa do Ngũ-Tổ truyền thọ, mà xung quanh gần không có suối tốt, nên Ngài đi đến phía sau Chùa khoảng năm dặm, thấy núi rừng tốt tươi rậm rạp, Ngài động cây Tích-trượng xuống đất, mạch suối nước trong vắt liền chảy ra, Ngài quỳ trên đá mà giặt Áo. Khi giặt Áo xong, có một vị Tăng đến lễ Ngài và nói:

- Con là Phương-Biện ở Tây-Thục đến đây ra mắt Đại-Sư, vì con được đức Đạt-Ma Tổ-Sư báo mộng cho biết rằng: “*Cái Chính-Pháp Nhân-Tạng truyền từ Phật Thích-Ca xuống Tổ Đại Ca-Diếp mà Ta đã nối truyền ấy, bây giờ Ta đã thấy truyền xuống tới Tổ thứ sáu tại Tào-Khê thuộc tỉnh Thiệu-Châu, vậy ngươi hãy đến đó mà chiêm bái*”. Vậy xin Đại-Sư cho con được xem Áo-Bát.

Ngài lấy Bình-bát ra và chỉ Áo đang phơi cho Phương-Biện chiêm bái, xong Ngài hỏi:

- Đại-Đức biết làm nghề gì đặc biệt?

- Con biết làm nghề đắp tượng.

- Thầy thử đắp ta, có được không?

- Dạ được, con sẽ cố gắng.

Qua mấy ngày, tượng được đắp xong, cao bảy tấc nét mặt được tỏ bày khéo léo; thấy tượng, ngài Huệ-Năng cười rồi nói:

- Thầy khéo đắp tượng mà chẳng khéo hiểu tánh Phật của mình.

Ngài rờ đầu thầy Phương-Biện thọ ký, dặn phải làm phúc điền cho Trời và Người, rồi Ngài lấy áo Cà-Sa đưa cho mà trả công; Thầy Phương-Biện nhận áo rồi chia làm ba, một phần đắp lên pho tượng, một phần tự giữ lấy,

còn một phần lấy lá cây Kè gói lại cuộn chặt xong chôn xuống đất và nguyện rằng: “Cho tôi đời sau được vải áo này, làm trụ-trì nơi đây để xây dựng lại Chùa”.

Ngày nay pho tượng của Ngài còn được giữ tại Chùa Cao-Tuyền, và cách đó 380 năm về sau, có một vị Tăng tên là Duy-Tiên đến đó làm trụ-trì tu sửa lại Chùa, đào đất được vải áo ấy còn như mới!?

Một hôm có thầy Tăng tên **Hành-Tur**, họ Lưu, sinh ở An-Thành thuộc tỉnh Kiết-Châu nghe nói Tào-Khê giáo hóa thịnh hành, bèn đến tham lễ và hỏi:

- Xin Hòa-Thượng chỉ dạy nên làm việc gì để khỏi lọt vào giai cấp?

Ngài nói:

- Thầy đã từng làm việc gì?

Thầy Hành-Tur thưa:

- Thánh-đế cũng chẳng làm.

Ngài lại hỏi:

- Vậy lọt vào giai cấp nào?

Thầy Hành-Tur đáp:

- Thánh-đế còn chẳng làm, giai cấp nào mà có.

Ngài rất trọng thầy Hành-Tur vì cho là có pháp-khí, Ngài bảo thầy làm quản chúng; sau một thời gian, Ngài thấy thầy Hành-Tur đã hoàn toàn sáng tỏ bản tánh, nên một hôm cho gọi thầy đến mà nói:

- Thầy đã đắc Pháp, thầy nên đi đến một phương mà hóa độ chúng-sanh, chớ cho đoạn dứt giáo-pháp đốn-ngộ này.

Thiền-Sư **Hành-Tur** bèn về núi Thanh-Nguyên ở Kiết-Châu hoằng pháp, mở rộng Thiền-Tông đốn-ngộ, (một trong số đệ-tử của Hành-Tur Thiền-Sư là Thạch-Đầu Thiền-Sư là nổi tiếng bậc nhất); sau khi Hành-Tur Thiền-Sư tịch, được Vua sắc phong là Hoằng-Tế Thiền-Sư.

Thầy Tăng tên **Hoài-Nhượng**, họ Đỗ ở Kim-Châu, lúc ban đầu đến lễ An Quốc-Sư ở Tung-Son, An Quốc-Sư bảo đến Tào-Khê tham vấn Lục-Tổ Huệ-Năng. Thầy Hoài-Nhượng bèn tìm đến lễ bái, Lục-Tổ hỏi:

- Thầy ở đâu đến? có việc gì?

Thầy Hoài-Nhượng đáp:

- Đường như có một việc thì không đúng.
- Còn tu chứng, phải chăng?
- Tu chứng thì chẳng phải là không, còn nói nhiệm trước thì không được.

Lục-Tổ ẩn chứng rằng:

- Chỉ cái chẳng nhiệm trước này, Chư Phật đều hộ niệm, thầy đã như vậy, ta cũng như vậy. Tổ thứ 27, đức Bác-Nhã Đa-La bên Tây-Trúc (Ấn-Độ) có lời sấm rằng: ***“Dưới gót chân thầy sẽ sinh ra một con ngựa tơ mạnh mẽ chà đạp người trong thiên hạ vô số kể”***; đó là điềm ứng tại nơi tâm thầy, chẳng cần nói vội bây giờ. Thầy Hoài-Nhượng liên suốt thông (Kiến tánh), theo hầu Lục-Tổ 15 năm, và một ngày kia Thiên-Sư Hoài-Nhượng đạt đến chỗ huyền diệu thậm thâm của Đạo.

Sau Hoài-Nhượng Thiên-Sư qua núi Nam-Nhạc mở rộng Thiên-Tông đốn-ngộ. (Một trong số đệ-tử chính của Thiên-Sư là Đạo-Nhất Thiên-Sư, họ Mã (Ngựa), đó là Mã-Tổ nổi truyền Chính-Pháp, hóa độ chúng-sanh vô số kể, đệ nhất nổi tiếng của phái Nam-Nhạc); sau khi Hoài-Nhượng Thiên-Sư viên-tịch, Vua sắc phong là Đại-Huệ Thiên-Sư.

Thuở ấy trước cửa Chùa Bảo-Lâm có một cái đầm (hồ, ao lớn), trong đó có một con Rồng thường trôi lên hụp (ngụp) xuống, làm nước chao động kinh hồn, cây rừng quanh đầm xao xác nghiêng ngả; một hôm, Rồng hiện hình rất lớn, làm sóng nổi nước trào âm âm vang động, mây mù mờ mịt, giông gió vũ bão ùng ùng, mọi người đều sợ hãi. Lục-Tổ thấy thế đến đứng trên bờ đầm nạt rằng:

- Ngươi hiện hình lớn mà chẳng hiện được hình nhỏ, nếu ngươi là Thần-Long thử biến hóa lớn ra nhỏ cho ta xem.

Rồng ấy bèn hụp (lặn) xuống nước, giây lâu sau nhô lên thành hình nhỏ bay nhảy khỏi mặt đầm, tung tăng qua lại.

Thấy thế, Ngài lấy Bình-bát mở ra và nói:

- Ngươi có dám chui vào Bình-bát của ta không? Nếu ngươi dám thì chui vào đi.

Rồng liền hăm hở bay nhảy tới trước mặt, Ngài liền thân Rồng vào Bình-bát, Rồng hết phương vùng vẫy mà phải nằm yên; bấy giờ sóng mới lặng, gió mới dừng; Ngài đem bình bát vào Chùa, thuyết pháp cho Rồng nghe, Rồng nghe thuyết pháp rồi cỡi lột mà đi mất. Bộ xương Rồng dài bảy tấc đầu đuôi, sừng cẳng đều có đầy đủ, được Ngài cho lưu giữ tại Chùa Bảo-Lâm; ngoài ra, Ngài còn cho lấy đá lấp cái địa ấy; sau này Chùa bị nạn binh hỏa, bộ xương Rồng thất lạc nơi nào không ai rõ.

Thuở ấy lúc Lục-Tổ Huệ-Năng hoằng pháp đốn-ngộ tại Tào-Khê, Hòa-Thượng Thần-Tú dạy đệ-tử tiệm tu tại Kinh-Nam ở miền Bắc, gọi là: *“Nam Năng Bắc Tú, Nam Đốn Bắc Tiệm”* hai Tông khác nhau.

Huệ-Năng Đại-Sư bảo đại chúng rằng: *“Pháp-môn vốn một Tông, người có Nam Bắc, pháp chỉ có một thứ, nhưng sự thấy có nhanh chậm; pháp chẳng có đốn tiệm, theo căn tánh con người thì có lợi độn nên mới gọi đốn tiệm”*.

Bấy giờ tại miền Bắc vì không có duyên với ngài Huệ-Năng, nên trước đã có nhiều người đuổi theo tranh giành Áo-Bát, và thậm chí đốt rừng núi muốn giết Ngài. Nay mặc dù Ngài ở tại mãi miền Nam, nhưng họ vẫn còn tỏ ra khinh chê miệt thị Ngài là *“người vô học chẳng biết một chữ thì có gì là hay đâu”*; bởi vì đồ chúng toàn là phàm phu tục tử, cho dù họ có tu hành đi nữa, nhưng họ vẫn còn cái tâm phàm phu chủ động nên mới thốt ra những lời si mê đầy tà kiến như thế.

Hòa-Thượng Thần-Tú là người biết mình biết người, nên thường nói với đại chúng: *“Lục-Tổ đắc Vô Sư Trí (tự có trí tuệ mà không cần thầy giảng dạy), triệt ngộ Pháp Tối Thượng-Thừa, ta chẳng bằng được; và lại được Thầy ta là Ngũ-Tổ đích thân truyền Áo-Pháp, đâu phải khi không mà được; ta tiếc chẳng đi xa được để thân cận, uống chịu Quốc-ân (ơn Vua), các vị chó nên kẹ ở nơi đây mà nên đi đến Tào-Khê tham học”*.

Một hôm Hòa-Thượng Thần-Tú bảo môn đồ thân tín là Chí-Thành: *“Thầy thông minh có trí, hãy thay ta đến Tào-Khê nghe Pháp, tận tâm ghi nhớ các điều thấy nghe, rồi về lập lại cho ta biết”*.

Vâng lời thầy, Chí-Thành bèn đến Tào-Khê, theo chúng tham học mà chẳng nói từ nơi nào đến. Một hôm Lục-Tổ nói với đại chúng:

- Hiện nay có kẻ trộm Pháp đang ở trong hội này.

Bấy giờ thầy Tăng Chí-Thành bước ra lễ bái và trình nguyên do. Lục-Tổ nói:

- Người của Chùa Ngọc-Tuyền đến mà không nói trước tức là mật thám vậy.

- Thừa Hòa-Thượng, chẳng phải vậy.

- Sao chẳng phải vậy?

- Lúc chưa nói ra là như thế, nói ra rồi chẳng phải vậy.

Đại-Sư hỏi:

- Thầy ông dạy chúng như thế nào?

- Thầy tôi thường dạy đại chúng *“trụ tâm quán tịnh, ngồi mãi chẳng nằm”*.

Ngài nói:

- Trụ tâm quán tịnh là bệnh chứ chẳng phải thiền, ngồi mãi là trói thân, với đạo lý có ích chi đâu, hãy nghe ta nói kệ:

Lúc sống ngồi chẳng nằm,
Chết rồi nằm chẳng ngồi,
Thật đông xương thịt thối,
Đâu lập được công phu.

Thầy Chí-Thành làm lễ mà thưa:

- Kẻ đệ-tử này theo học với Tú Hòa-Thượng, học đạo đã chín năm mà chẳng được sáng tỏ, nay nghe Hòa-Thượng nói mới một lần liền tỏ sáng bản tâm; nay sự sống chết là việc lớn, con xin Hòa-Thượng mở lòng từ-bi chỉ dạy.

Ngài Huệ-Năng nói:

- Ta nghe thầy ông dạy người học Pháp Giới-Định-Huệ, chẳng hay thầy ông nói cái hạnh tướng của Giới-Định-Huệ như thế nào?

Thầy Chí-Thành thưa:

- Thần-Tú Hòa-Thượng nói: *“Những điều ác chớ làm là Giới, ý căn tự trong sạch là Định, các điều lành vâng làm gọi là Huệ”*, còn Hòa-Thượng lấy Pháp gì dạy người?

- Nếu nói rằng có Pháp để dạy người đó là dối ông, ta chỉ tùy căn cơ để mở trời, phương tiện ấy giả gọi là “tam-muội”; cứ như chỗ thầy ông nói về Giới-Định-Huệ thật không nghĩ bàn được, chỗ ta nói về Giới-Định-Huệ lại khác.

Thầy Chí-Thành thắc mắc hỏi:

- Giới-Định-Huệ chỉ có một sao lại có khác?

- Giới-Định-Huệ của thầy ông độ người Đại-thừa, Giới-Định-Huệ của ta tiếp người Tối Thượng-thừa, chỗ ngộ giải chẳng đồng, sự thấy có nhanh chậm. Ta thuyết pháp chẳng lià tự tánh, lià tánh mà thuyết pháp khiến cho tự tánh thường mê, ấy là tướng thuyết. Nên biết tất cả các pháp đều từ tự tánh khởi dụng, ấy là Chân-pháp của Giới-Định-Huệ; hãy nghe ta nói kệ:

Tâm địa chẳng quấy, tánh mình Giới,
Tâm địa chẳng si, tánh mình Huệ,
Tâm địa chẳng loạn, tánh mình Định,
Không thêm không bớt, tánh mình Kim-cương,
Thân tới thân lui, vốn là tam-muội.

Chí-Thành nghe rồi cảm tạ Ngài và trình kệ:

Năm uẩn thân này huyền,
Huyền đâu có cứu cánh,
Trở về tánh Chân-như,
Chấp pháp vẫn chẳng tịnh.

Ngài cho là phải, và bảo:

- Nếu ngộ được tự-tánh, chẳng lập Bồ-đề, cũng chẳng lập giải-thoát tri-kiến, chẳng có một pháp để đắc, như thế mới được kiến lập vạn pháp. Người kiến-tánh lập cũng được mà chẳng lập cũng được, đi lại tự do, chẳng trệ (trì trệ) chẳng ngại (trở ngại), cần dùng liền làm, cần nói liền đáp, khắp hiện hóa-thân, chẳng lià tự tánh, tức được thần-thông tự tại.

Thầy Chí-Thành sau khi nghe Ngài dạy, lễ bái và xin nguyện được làm thị giả theo hầu Ngài sớm chiều từ đây.

Từ khi có hai Tông phái khác nhau, hai vị Tông-chủ tuy không phân biệt chê bai, nhưng đồ chúng lại sinh lòng cạnh tranh ưa ghét; nhất là môn đồ Bắc Tông, họ đã tự lập Hòa-Thượng Thần-Tú làm Tổ thứ sáu, nhưng lại

sợ người đời biết được sự truyền Áo-Bát của Ngũ-Tổ, nên sai Hành-Xương đi ám sát Lục-Tổ Huệ-Năng.

Hành-Xương là người Giang-Tây, họ Trương, còn trẻ có tính thành thật và can đảm; Ngài Huệ-Năng vì đã kiến-tánh giác-ngộ rồi nên có đủ sáu thứ thần-thông, nên Ngài biết việc ấy, bèn lấy mười lạng vàng để sẵn nơi chỗ ngồi.

Một hôm, đang lúc đêm khuya Hành-Xương vào phòng của Ngài để mưu việc ám sát. Ngài ngồi yên lặng như đang thiền định, Hành-Xương cầm kiếm sắc chém vào cổ Ngài ba lần, rõ ràng Hành-Xương chém trúng cổ, mà sao đầu không rơi, tại sao như chém trong không khí? Hành-Xương còn đang thắc mắc, đột nhiên Ngài cất tiếng ôn tồn bảo:

- Gươm chánh không dùng vào việc tà, gươm tà không dùng được vào việc chính; ta chỉ thiếu người vàng chứ chẳng thiếu người mạng.

Hành-Xương hoảng kinh, mất hết hồn vía, ngã lăn ra chết giắc, một hồi lâu mới tỉnh lại. Hành-Xương vội quỳ gối dưới chân Ngài cầu khẩn ăn năn tội lỗi việc đã làm vì đại đột nghe theo người khác sai khiến, và xin được chấp thuận cho xuất gia theo Ngài. Ngài lấy vàng đưa cho và nói:

- Ngươi hãy đi đi, e đồ chúng hại ngươi, một ngày kia ngươi hãy đổi dạng rồi đến đây ta sẽ nhận lời và độ ngươi.

Hành-Xương vâng lời Ngài dạy, rồi trốn đi, sau Hành-Xương xuất gia và tu hành rất tinh tấn; trải qua nhiều năm, Hành-Xương nhớ tới lời Ngài dạy, từ phương xa đến làm lễ ra mắt Ngài, Ngài nói:

- Ta có lòng nhớ ngươi đã lâu, sao ngươi tới muộn thế?

Thầy Hành-Xương thưa:

- Ngày xưa nhờ ơn Hòa-Thượng tha tội, nay tuy xuất gia tu khổ hạnh, nhưng sau này con khó trả được cái ân đức ấy, chỉ mong Tổ-Sư truyền Pháp để độ chúng-sanh mà thôi.

Nhân trước đó thầy Hành-Xương thường đọc tụng Kinh Niết-Bàn mà không hiểu cái nghĩa vô thường và hữu thường trong Kinh, nay mang ra hỏi, Ngài giảng một hồi, Hành-Xương hốt nhiên tỏ sáng, liền nói kệ trình Ngài:

Người chấp vô thường tánh,
Phật nói hữu thường tâm,
Chẳng dè phương tiện Pháp,

Như mò sỏi tường vàng.
Nay ta chẳng tác ý,
Phật tánh hiện rõ ràng,
Chẳng nhờ sự chỉ giáo,
Không đắc đạo cao thâm.

Lục Tổ nói:

- Nay người đã thông triệt thấu suốt, nên ta đổi tên cho là Chí-Triệt.

Thầy Chí-Triệt: lễ tạ ơn Tổ-Sur, rồi lui ra trong lòng hoan hỷ.

Về sau, tới đời Hoàng-Đế Trung-Tôn và Hoàng Thái-Hậu Võ-tắc-Thiên của nhà Đường, có lời chiếu thỉnh An Quốc-Sur và Thần-Tú Đại-Sur vào cung để cúng dàng nhân lúc rảnh rang quốc-chính, và để nghiên cứu đạo Nhất-Thừa (Phật-Đạo); nhưng hai vị dâng sớ tâu rằng: *“Ở miền Nam có Huệ-Năng Đại-Sur được mật thọ Áo-Pháp của Ngũ-Tổ Hoàng-Nhẫn Đại-Sur, ấy là người truyền tâm ấn của Phật; vậy nên thỉnh Đại-Sur Huệ-Năng mà hỏi Đạo thì có nhiều lợi ích hơn”*.

Vì lẽ đó, hai cung sai Nội-Thị là Tiết-Giản đem chiếu-chỉ đến Tào-Khê xin Lục-Tổ niệm tình đến Kinh-thành, Ngài dâng sớ cáo bệnh và già để khước từ, và nguyện trọn đời ở chốn rừng non. Thấy Ngài khước từ về Kinh, nên Tiết-Giản thưa:

- Ở Kinh-đô các vị Thiên-đức đều nói rằng: *“Muốn ngộ đại Đạo tất phải ngồi thiền nhập định, nếu chẳng nhờ thiền-định mà được giải thoát, điều ấy chưa từng có”*, chẳng biết chỗ Hoà-Thượng nói pháp như thế nào?

Ngài nói:

- Đạo do tâm mà ngộ tỏ sáng, đâu phải do ngồi, Kinh nói: *“Nếu nói Như-Lai hoặc ngồi hoặc nằm ấy là tà đạo”*, tại sao? Bởi vì Như-Lai không có chỗ nào lại, mà cũng chẳng có chỗ nào đi, không sinh không diệt, ấy là tánh Như-Lai thanh tịnh thiên; các pháp đều vắng lặng trống không, ấy là Như-Lai thanh tịnh tọa; đó là cứu cánh rốt ráo, không có gì là chứng đắc, cũng chẳng chấp chỗ chứng đắc hay không chứng đắc, hướng chỉ là ngồi.

Nội-Thị Tiết-Giản thưa:

- Đệ-tử về Kinh, Chúa-Thượng ắt hỏi, xin Tổ-Sur từ-bi dạy chỗ yếu chỉ về tâm tánh, đăng truyền tâu lại hai Cung cùng các vị học đạo trong Kinh-đô. Tỉ như một ngọn đèn châm qua trăm ngọn đèn, các chỗ tối đều sáng, sáng sáng không cùng.

Lục-Tổ nói:

- Cái Đạo không sáng tối, sáng tối là cái nghĩa đối đãi nhau mà lập tên, sáng sáng không cùng cũng là có cùng, cho nên Kinh Tịnh-Danh nói: *“Cái Pháp không có chi tỉ dụ, cũng không có gì so sánh được”*.

Tiết-Giản lại thưa:

- Sáng tỉ như trí-tuệ, tối tỉ như phiền não, người tu hành nếu không lấy trí-tuệ mà chiếu soi phiền não, thì nhờ đâu mà ra khỏi chỗ vô thủ sinh-tử?

- Phiền não tức Bồ-đề, chẳng phải hai chẳng phải khác; lấy trí-tuệ mà chiếu phá phiền não là chỗ hiểu và làm của hàng Nhị-thừa, là cái căn cơ của bậc Thanh-văn Duyên-giác, bậc đại-trí thượng căn chẳng phải như vậy.

- Thế nào là chỗ hiểu và làm của bậc Đại-thừa?

- Sáng với chẳng sáng, phàm phu thấy có hai, người trí liễu đạt, tánh ấy không hai, tánh không hai tức là Thật-tánh. Thật-tánh ở nơi phàm không bớt, ở nơi thánh không thêm, trụ nơi phiền não mà chẳng loạn, ngay nơi thiên-định mà chẳng tịch lặng, không đoạn chẳng thường, không đi chẳng đến, không sinh chẳng diệt, Tánh-Tướng như như thường trụ chẳng biến đổi, ấy gọi là Đạo.

Tiết -Giản hỏi:

- Hoà-Thượng nói không sinh chẳng diệt, vậy đâu có khác ngoại đạo?

Ngài giảng rằng:

- Ngoại đạo nói không sinh chẳng diệt là dùng diệt để dẹp sinh, dùng sinh để tỏ diệt, nhưng sinh mà nói không sinh và diệt mà cũng như chẳng diệt; còn ta nói không sinh chẳng diệt nghĩa là cái tánh bản-lai xưa vốn không sinh nay cũng chẳng diệt. Nếu ông muốn biết chỗ yếu chỉ của tâm thì đừng nên suy tính nghĩ tưởng đến hết thấy các điều thiện ác, như thế tự nhiên được vào cái TÂM-THỂ trong sạch, phẳng bằng vắng lặng, linh diệu vô cùng.

Tiết-Giản nhờ sự chỉ dạy, tâm tánh hoá nhiên rất tỏ sáng, bèn làm lễ Lục-Tổ rồi từ giả về Kinh-đô dâng biểu tâu lời Ngài giảng.

Cùng năm ấy có chiếu của Vua dụ rằng:

- Đại-Sur đã cáo từ bởi già bệnh, vậy hãy vì Trẫm hành đạo độ thoát chúng-sanh; Đại-Sur cũng như ngài Duy-ma-Cật, mặc dù bệnh ở tại Tì-da-Li siển dương Đại-thừa, truyền tâm ấn của chư Phật và nói Pháp chẳng hai. Tiết-

Giản có truyền lại chỗ Đại-Sur chỉ dạy về Tri-kiến Phật. Cũng là do Trầm tích tụ phúc-đức, kiếp trước đã gieo trồng thiện căn nên mới được gặp Đại-Sur ra đời cùng thời mà được tỏ rõ Pháp Tối Thượng-Thừa đốn-ngộ; Trầm ra lệnh cho quan Thứ-Sử Triều-Châu sửa lại Chùa-tự và sắc phong Chùa cũ của Đại-Sur, hiệu là Quốc-Ân-Tự.

4)- Lục Tổ phó chúc và nhập diệt.

Một hôm, Lục-Tổ Huệ-Năng gọi các đệ-tử đến như: Pháp-Hải, Chí-Thành, Pháp-Đạt, Thần-Hội, Trí-Thường, Trí-Thông, Chí-Triệt, Chí-Đạo, Pháp-Trân, Pháp-Như v.v. mà dặn dò cách duy trì và truyền bá Phật-Pháp.

Đến tháng tám năm Nhâm-Tý, Ngài sai môn đồ đến Quốc-Ân-Tự nơi Tân-Châu để xây tháp, đốc thợ làm gấp cho mau xong, đến mùa hè năm sau (năm Quý-Sửu) Ngài đến khánh thành tháp.

Tới ngày mồng một tháng bảy năm Quý-Sửu, Ngài tụ tập đồ chúng lại mà bảo rằng: *“Đến tháng tới ta sẽ rời thế-gian, từ nay tới ngày đó các người có gì nghi cứ hỏi, ta sẽ phá nghi cho để các người hết mê hoặc”*.

Các môn đồ nghe Ngài nói thầy đều rơi lệ, chỉ có Thần-Hội bình tĩnh chẳng động cũng chẳng rơi lệ, Ngài thấy thế nói: *“Chỉ có thầy Thần-Hội được sự thiện bất thiện đồng nhau, khen chê chẳng động, buồn vui chẳng sinh, ngoài ra các người khác chẳng được; ở núi bảy lâu nay các ông hành đạo gì, nay các ông rơi lệ là lo buồn cho ai? Nếu nói lo buồn cho ta chẳng biết đi về đâu, ta tự biết chỗ đi; nếu chẳng biết chỗ đi, làm sao báo cho các ông biết trước mà chuẩn bị như thế này?”*

Biết rằng Lục-Tổ chẳng còn ở lại thế gian bao lâu nữa, thầy Pháp-Hải làm lễ Ngài mà hỏi rằng:

- Sau khi Hòa-Thượng nhập diệt rồi, Áo-Pháp sẽ truyền cho ai?

Ngài nói:

- Các lời ta thuyết pháp từ lúc ở Chùa Đại-Phạm đến ngày nay phải biên chép lại mà lưu hành và phải để nhan đề là **“Pháp-Bảo-Đàn Kinh”**. Các thầy mỗi người một phương mà truyền thọ hóa độ chúng-sanh, hãy y theo lời Kinh này mà nói, ắt là chính Pháp. Nay ta nói pháp mà chẳng giao cái áo Cà-Sa cho ai là bởi cái tín căn của các thầy đã thuần thực, chắc chắn không nghi, đủ sức kham nhậm việc lớn. Lại như ý bài kệ của Sơ-Tổ Đạt-Ma để lại và lời dặn dò của Ngũ-Tổ, thì Áo-Bát chẳng nên truyền nữa.

Tổ-Sur nói tiếp:

- Mỗi người phải tịnh tâm mà nghe ta nói pháp, nếu muốn thành tựu giống trí Phật thì phải đạt đến cảnh một tướng chính-định (nhất tướng tam-muội) một hạnh chính-định (nhất hạnh tam-muội).

Đối với cả thấy các nơi chỗ mà tâm chẳng trụ vào các hình tướng, trong các tướng ấy chẳng sinh lòng phân biệt yêu ghét, cũng không chấp bỏ, chẳng tưởng đến việc lợi hại nên hư một mực an nhiên điềm tĩnh, ấy là một-tướng chính-định.

Đối với cả thấy lúc: đi đứng nằm ngồi phải rỗng một lòng ngay thẳng thật thà, chẳng động đạo tâm, phải thật lòng tịnh-độ (trong sạch), ấy gọi là một-hạnh chính định.

Nếu người nào có đủ hai thứ chính-định này như gieo giống dưới đất luôn luôn tưới nước bón phân chăm sóc cuối cùng được quả chín, nhất-tướng nhất-hạnh cũng vậy; nay ta nói pháp dụ như mưa thấm cả mặt đất, Phật tánh của mỗi người giống như hạt giống gặp nước mưa thấm nhuần liền được nảy mầm sinh trưởng. Nói theo Tông chỉ của ta quyết thành Bồ-đề, hành theo pháp của ta ắt chứng diệu quả, hãy nghe ta kệ:

Tâm địa bao gồm các giống lành,
Mưa chan khắp thấm mộng đều sinh,
Tinh bông bản tánh mình liền hiểu,
Trái quý Bồ-đề tự kết thành.

Tổ-Sur dạy tiếp:

- Pháp vốn không hai, tâm mình cũng vậy, Đạo là trong lặng không có các tướng, nhưng cẩn thận chớ đắm vào không và xem cảnh tịnh (trầm không quán tịnh); tâm vốn thanh tịnh chẳng lấy bỏ được, mỗi người tùy duyên mà đi, hãy cố gắng tu hành.

Ngày mồng tám tháng bảy, Tổ-Sur gọi các môn nhân mà bảo:

- Ta muốn về Tân-Châu, hãy sửa soạn thuyền bè cho ta.

Đại chúng nghe Lục-Tổ nói như thế đều buồn thảm và muốn giữ Ngài ở lại, Tổ-Sur nói:

- Chư Phật ra đời rồi cũng vào Niết-Bàn, có lại ắt có đi, lẽ ấy cũng là thường vậy.

Chúng nhân thưa rằng:

- Hòa-Thượng đến Tân-Châu, sớm muộn xin Ngài hãy trở lại.

Tổ-Sư nói:

- Lá rụng về cội, lúc ta đến đây không có nói gì, trở lại đây ta chẳng nói.

Đệ-tử lại hỏi:

- Xin Đại-Sư chỉ dạy cái chính Pháp-Nhân-tạng sẽ truyền cho ai?

Ngài đáp:

- Người có đạo tâm sẽ được cái Pháp ấy, người vô tâm thì thông hiểu.

Chúng nhân hỏi tiếp:

- Xin Tổ cho biết sau này có tai nạn chi không?

Tổ cho biết:

- Sau khi ta tịch khoảng chín năm sẽ có người đến lấy đầu ta, hãy nghe ta thọ ký bằng kệ:

Dốc lòng thờ kính giống cha lành,
Vì đời phải toan kế lợi mình,
Tịnh-Mãn gian nhân lâm khổ nạn,
Hai quan Dương Liễu xử phân rành.

Ngày mùng ba tháng tám năm Quý-Sửu (năm 713 DL), tại Chùa Quốc-Ân, sau khi mọi người dùng trai, dọn dẹp xong đầu đầy (khoảng 2 giờ chiều), Tổ Huệ-Năng bảo đại chúng:

- Mỗi người hãy theo thứ tự mà ngồi, để ta từ biệt.

Thầy Pháp-Hải thưa:

- Xin Hòa-Thượng cho biết: Ngài lưu lại giáo-pháp nào khiến người mê đời sau được thấy Phật tánh?

Ngài nói:

- Mỗi người hãy lắng tâm nghe cho rõ, những người phạm phu tục tử mê muội đời sau nếu biết cái tâm chúng-sanh (tâm yêu ghét, tham lam, nói dối, giận hờn, hơn thua, xấu đẹp, hay dở, tâm ganh tỵ, thù hận, ngã mạn, khinh người, tật đố, mưu đồ, v.v.) thì sẽ thấy được Phật tánh. Còn chẳng biết cái tâm chúng-sanh thì muôn kiếp tìm Phật e khó gặp (vì còn ngụp lặn trong tâm chúng-sanh mà không biết thì không bao giờ giải thoát được).

Nay ta dạy: mỗi người phải biết chúng-sanh ở tâm mình sẽ thấy Phật tánh ở nơi tâm mình, vậy muốn cầu thấy Phật phải biết cái tâm chúng-sanh (mà từ bỏ nó). Chỉ vì tâm chúng-sanh làm lu mờ mê muội Phật tánh, chớ chẳng phải Phật tánh làm mê muội tâm chúng-sanh. Nếu tâm tánh mình tà hiểm Phật ở trong chúng-sanh (bị tâm chúng-sanh ngự trị che lấp), nếu tâm tánh mình bình đẳng ngay thật chúng-sanh thành Phật. Tâm ta tự có Phật, Phật ở tâm mình mới thật là chân Phật. Nếu tự mình không có Phật, tìm Phật ở nơi nào?

Thật ra cái tự tâm của mỗi người là Phật, chớ có nghi ngờ, và phải luôn luôn nhớ như vậy; thực sự, ngoài cái tâm không có một vật gì tạo ra được, mà chính cái bản tâm sinh ra muôn pháp (muôn vật), cho nên Kinh nói: *“Tâm sinh thì muôn giống pháp đều sinh, tâm diệt thì muôn giống pháp đều diệt”*. Ngài lại bảo:

- Mỗi người phải tự hộ trì, sau khi ta viên tịch chớ nên theo tình chấp thế-gian mà rơi lệ khóc than, buồn rầu nhớ thương, không nên nhận phúng điếu, chớ nên để tang, làm như thế chẳng phải đệ-tử của ta, cũng chẳng phải chính-pháp. Chỉ nên hiểu bản tâm thấy bản tánh chẳng động chẳng tịnh, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng tới chẳng lui, chẳng thị chẳng phi, chẳng trụ chẳng đi; vì e một số người tâm mê chẳng hiểu hết ý ta nên nhắc lại mà thôi; sau khi ta viên tịch theo những gì ta đã dạy mà tu hành, nếu trái lời, dẫu cho ta còn tại thế cũng đâu có ích gì. Và ta sẽ nói bài kệ sau cùng để từ biệt mọi người, từ biệt thế-gian:

An nhiên tự tại vẫn không tu,
Siêu thoát ác duyên hẳn bỏ từ,
Lặng lặng dứt trừ nghe thấy hết,
Phẳng bằng tâm địa tự như như.

Nói kệ xong, Lục-Tổ ngồi ngay thẳng, từ từ nhắm mắt im lặng, đến canh ba (khoảng gần nửa đêm), gọi đệ-tử mà bảo rằng: **“Ta đi đây”**. Rồi Ngài thiện hóa, khi ấy mùi thơm xông khắp đầy Chùa, móng bạc sáng ngời mọc vòng cầu chảm đất, rừng cây biến ra màu trắng, cầm thú kêu vang thảm thiết; lúc đó vào khoảng nửa đêm ngày mồng 3 tháng 8 năm Quý-Sửu (năm 713 DL).

Ba tháng sau, tức ngày mồng 3 tháng 11, các Quan-chức và Tăng-tục ba tỉnh Quảng-Châu, Thiệu-Châu và Tân-Châu giành rước nhục thân Tổ-Sư. Vì lẽ đó nên cùng nhau đốt hương khấn vái nguyện rằng: *“Khói hương bay về đâu thì sẽ quyết rước nhục thân Ngài về đó”*. Lúc ấy đang không có gió, sau khi khấn vái xong, tự nhiên có gió nổi lên và mọi người đều trông thấy

khói hương bay về hướng Tào-Khê thuộc Thiều-Châu; do đó đến ngày 13 tháng 11 (100 ngày sau khi nhập diệt), nhân-dân và đồ chúng ba tỉnh rước Thần-khám (cái Tháp bằng cây để Ngài ngồi thiền), Nhục-thân Tổ-Sur, và Áo-Bát về xứ Tào-Khê.

Ngày 25 tháng 7 năm sau (Giáp-Dần), các môn-đồ mở Thần-khám ra (gần một năm sau), Nhục-thân Ngài vẫn còn ngồi nguyên vẹn y như lúc còn sống; Đệ-tử là Phương-Biện lấy bột thơm trải trên Nhục-thân Ngài. Thị-giả coi Tháp nhớ lời Ngài thọ-ký về việc có kẻ sẽ lấy trộm đầu Ngài, nên mới dùng lá sắt mỏng và bó dầu bao chặt cổ Tổ-Sur rồi để vào Tháp; thỉnh linh trong Tháp có luồng ánh sáng trắng hiện ra xông lên hư không tới ba ngày mới tan hết.

Quan Thiều-Châu làm sớ tâu Vua và dâng sắc-chỉ dựng bia ghi đạo-hạnh của Ngài như sau:

“Tổ-Sur Huệ-Năng 76 tuổi viên tịch, năm 24 tuổi được truyền Áo-Pháp, năm 39 tuổi xuống tóc, thuyết pháp độ-sanh 37 năm, người đắc Tông-chỉ nổi pháp được 43 vị, người nghe pháp ngộ đạo vô số chẳng biết bao nhiêu mà kể. Còn cái áo Cà-Sa do Tổ Đạt-Ma truyền xuống, cái áo Ma-Nạp và cái Bảo-bát do Vua Trung-Tôn cúng dâng, cùng chân-tượng của Tổ do Phương-Biện Thiển-Sur đắp, và tọa-cụ của Ngài, thầy đều giao cho Thị-giả giữ Tháp, đời đời thờ nơi Chùa Bảo-Lâm; ngoài ra còn lưu truyền Pháp-Bảo-Đàn-Kinh để hiển bày Tông-chỉ, hưng thịnh Tam-Bảo, phổ biến lợi ích chúng-sanh”.

Đến ngày 3 tháng 8 năm Nhâm-Tuất (đúng 9 năm sau), nửa đêm thỉnh linh nghe trong Tháp có tiếng kéo dây sắt, có vị nghe thấy la lên, chúng Tăng hoảng kinh thức dậy, thoáng thấy một người mặc đồ tang trắng từ trong Tháp chạy ra và trốn khỏi. Chúng Tăng đốt đèn vào Tháp xem thấy chỗ cổ của Tổ bọc lá sắt mỏng cuốn bó dầu có dấu cắt, chúng Tăng bèn đem việc ấy cáo với Châu-Huyện, Quan Tỉnh Liễu-vô-Thiểm và Quan Huyện Dương-Khảo khi hay tin liền cho gia công tìm kiếm kẻ gian.

Năm ngày sau bắt được kẻ ấy đang chạy trốn đến làng Thạch-Giác giải lên Huyện, Quan Huyện Dương-Khảo cho giải lên Tỉnh Thiều-Châu; tại Tỉnh, Quan Liễu-vô-Thiểm cho xét hỏi kẻ ấy khai họ Trương tên Tịnh-Mãn (cũng lại họ Trương nữa! Trước kia Trương-hành-Xương thích khách định chém đầu, nay Trương tịnh-Mãn định lấy đầu), ngụ tại Huyện Lương xứ Như-Châu; vì nghèo đói nên đã hứa nhận 20,000 tiền của Thầy Tăng nước

Tân-La tên là Kim Đại-Bi ở Chùa Khai-Ngân xứ Long-Châu, để làm nhiệm vụ đi lấy đầu Tổ-Sur đem về Hải-Đông cúng dường.

Quan Liễu Thái-Thú: nghe lời cung khai, chưa vội gia hình, bèn thân hành đến Tào-Khê viếng thầy Linh-Thao là Thị-giả coi Thập Tổ-Sur và hỏi coi phải xử đoán như thế nào cho phải lẽ.

Thầy Linh-Thao đáp:

- Nếu lấy Quốc-pháp mà luận lẽ phải là trọng tội, còn lấy sự từ-bi của Phật-pháp dù kẻ thù người thân đều xem bình đẳng, huống chi kẻ kia làm như vậy chỉ muốn cầu cúng dường vậy tội ấy nên tha.

Quan Liễu Thái-Thú lấy làm vui mừng khen:

“Thế mới biết: cửa Phật là rộng lớn bao la vô cùng tận”.

Rồi Quan trở về ban lệnh tha cho tội nhân thông thả ra về mà không tái phạm nữa, khi ấy, mọi người đều thấy bài kệ thọ ký của Lục Tổ trước khi tịch diệt là hoàn toàn chính xác.

Đến đời Vua Túc-Tôn sai sứ đến Tào-Khê thỉnh Áo-Bát của Lục-Tổ về Kinh để kính lễ, sau đến đời Vua Đại-Tông (văn nhà Đường) nằm chiêm bao thấy Lục-Tổ đến đòi Áo-Bát, Vua liền truyền lệnh cho Quan Thứ-Sử Dương-Giám và Trần-Quốc Đại-Tướng-Quân Lưu-sùng-Cảnh đưa Áo-Bát ấy về Tào-Khê, và Vua ban chỉ:

“Áo-Bát của Lục-Tổ là vật Quốc-Bảo, cần phải được chúng Tăng giữ gìn cẩn thận, chớ để thất lạc”, thế mà về sau lại có người trộm Áo-Bát của Tổ-Sur, nhưng đem đi chẳng lâu xa, bị mất bốn lần rồi cũng tìm lại được cả.

Như đã nói, môn đồ của Lục-Tổ huệ-Năng có 43 vị đắc Pháp, mỗi vị hóa độ một phương đều là chính thống; trong đó có Nam-Nhạc Hoài-Nhượng, Thanh-Nguyên Hành-Tư, và Hà-Tạch Thần-Hội là nổi bật nhất.

- **Phái Nam-Nhạc** của Hoài-Nhượng Thiên-Sur, có đệ-tử là Mã-Tổ được lời sấm rằng: *“Vó ngựa (Mã) chà đạp vô số người trong thiên hạ”*, Mã-Tổ chủ hóa ở vùng Giang-Tây, sau này phái Nam-Nhạc lập ra hai dòng **Lâm-Tế** và **Quy-Ngưỡng**.

- **Phái Thanh-Nguyên** của Hành-Tư Thiên-Sur, có đệ-tử là Thạch-Đầu, có tiếng là *“Thạch-Đầu đường trơn”*, chủ hóa ở Hồ-Nam; sau này phái Thanh-Nguyên lập ra ba dòng **Vân-Môn**, **Pháp-Nhãn**, và **Tào-Động**.

- **Phái Hà-Trạch** của Thần-Hội truyền đến hết đời thứ sáu là Tông-Mật Thiên-Sư, thì thất truyền.

Còn lại năm dòng, cũng gọi là năm nhà, truyền mãi xuống về sau này; cội nguồn từ Lục-Tổ truyền xuống năm dòng, mỗi dòng có tác phong riêng để tiếp dẫn hậu học, nhưng không ngoài mục đích của Thiền-Tông là minh-tâm kiến-tánh, và đều lấy Niêm Hoa Thi Chứng của Phật Thích-Ca làm kim chỉ nam vậy. (Muôn tu theo môn phái Thiền-Tông này, nên xem quyển Pháp-Môn Đốn-Ngộ của cùng tác giả)...

ĐỨC PHẬT NÓI:

Không phải do nơi cái đầu cạo trọc, không phải do đi khất thực, không phải do mặc áo cà-sa mà trở thành Tỳ-Khưu (Tăng). Người không có vọng ngữ, không luyến ái tham vọng, vượt khỏi thiện ác, nghiêm trì giới luật, được gọi là Tỳ-Khưu.

LỜI PHẬT DẠY VÀ KHOA HỌC

Sau đây là một số lời Phật dạy đối chiếu với sự tìm hiểu của các nhà Khoa học:

I)- Vi sinh vật, âm thanh

1)- Vi sinh vật:

Khi Phật trông thấy các Tỳ-kheo dùng gáo múc nước sạch trong chum (lu, vại, khạp đựng nước) để uống, Ngài dạy: *“Các ông phải niệm chú trước khi uống nước ấy, vì trong nước đó có nhiều sinh vật rất nhỏ bé”*. Rồi Ngài dạy các Tỳ-kheo đọc câu chú: *“**Án chạ tất ba ra ma ni tóa ha, Án chạ tất ba ra ma ni tóa ha, Án chạ tất ba ra ma ni tóa ha**”*. Có sách lại ghi là *“**Án địa lị nhật lị sa ha**”*. Ngài dạy: *“Mỗi lần uống nước đều nên đọc câu chú ấy ba lần để chúng-sanh nhỏ bé ấy được siêu thoát”*.

Ngày ấy, cách nay trên 2500 năm, không ai thấy hoặc biết được trong nước có sinh vật nhỏ bé. Cho tới khi khoa học phát minh ra kính hiển vi cách nay hơn ba trăm năm. Họ lấy một giọt nước trong vắt ra soi bằng kính hiển vi, người ta thấy rằng trong nước ấy có sinh vật bé nhỏ mà mắt thường không thấy được, và mới tin rằng trong nước có sinh vật nhỏ bé.

Theo quyển Đạo Phật và Khoa Học, trang 126 ghi: “Vào thế kỷ thứ 17, nhà sinh vật học Aton Van Leeuwenhock (1632-1723) đã khám phá nhiều loại Vi sinh vật (Micro-organism) trong nước, trên không, dưới đất, trong cơ thể v.v... như sinh vật đơn bào (Protozoans), vi trùng (microbes), thực vật không chân không lá, tảo trong nước (algae, fungus), vi khuẩn (bacteria), sinh vật bé nhỏ hơn vi khuẩn (virus), ...”.

2)- Âm thanh.

Có một lần Phật bảo các Tỳ-kheo: *“Âm thanh của ta, các ông, và của mọi người không mất, nó sẽ còn mãi mãi”*.

Ngày nay chúng ta đã giữ được âm thanh, có đài phát thanh, truyền hình, vô tuyến điện thoại, băng, đĩa, CD... Ngoài ra, các nhà khoa học còn

cho biết họ đã nhận được nhiều tín hiệu từ rất xa ngoài hành tinh của chúng ta, mặc dù chưa tín hiệu nào được xác nhận chính thức...

II)- Hiện bóng, ngửi mùi

1)- Hiện bóng:

Quyển Đạo Phật và Khoa Học, tác giả Minh-Giác đã khéo nhìn thấy chỗ Kinh nói, trang 149 viết:

- Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, trang 24-27 kể rằng khi đức Phật cho bà Vi-Đề-Hy, chánh hậu của vua Tần-Bà Sa-La coi cảnh cõi nước chư Phật hiện bóng rõ nơi tòa quang minh, rất rõ ràng và nghiêm đẹp... Như vậy chữ hiện bóng tức là hình ảnh hiện lên, và tòa quang minh tức là màn ảnh; Đức Phật bảo bà chọn nơi ưa thích, thì rõ ràng là một màn ảnh của băng video (hay DVD) v.v...

- Trong Kinh Duy-Ma-Cật, khi Phật bảo Ngài Duy-Ma-Cật thị hiện cõi nước Diệu-Hỷ có Vô-Động Như-Lai, các Bồ-Tát, và đại chúng nước ấy cho đại chúng xem. Ngài Duy-Ma-Cật liền lấy tay phải trấn cõi nước Diệu-Hỷ để vào cõi Ta-Bà, cõi Ta-Bà không thấy chật hẹp, vẫn y nguyên như trước. Quý vị thấy thân thông của chư Phật và đại Bồ-Tát Duy-Ma-Cật rõ ràng là những máy truyền hình. Thí dụ ta mở máy truyền hình để xem trận đấu quốc tế có hàng nghìn người coi trận đấu trên một sân banh rộng lớn, sân banh rộng lớn và hàng nghìn người coi đâu có chen ép gì mình, dầu cho cả nước Mỹ hay cả thế giới chiếu lên màn ảnh đó, những quang cảnh to lớn đem bỏ vào phòng mình đâu có chật?

2)- Ngửi mùi:

- Đức Phật dạy:

Kinh Pháp-Hoa Phật dạy: *“Người thụ trì Kinh này trọn được tám trăm công đức sẽ ngửi được trăm nghìn thứ mùi trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới”*.

- Về Khoa học:

Quyển Đạo Phật và Khoa Học, trang 72 ghi: *“Ngày nay các nhà khoa học đã chế được máy ngửi mười nghìn thứ mùi khác nhau”*.

III)- Lân hư trần, Cấu tạo Vạn Vật.

1)- Lân hư trần

- Đức Phật dạy:

“Nếu lấy một vật chia chẻ mãi tới còn bằng đầu sợi tóc, gọi là mao trần. Lấy hạt bụi bằng mao trần này chia chẻ còn bằng hạt bụi bay trong hư không, gọi là khích du trần. Rồi hạt bụi bay lại chia chẻ nữa thành vi trần nhỏ; rồi hạt vi trần nhỏ này lại chia ra nữa cho tới khi không còn chia được nữa, gọi là cực vi trần, lân hư trần” (Kinh Lăng-Nghiêm của Hòa-Thượng Thích-Duy-Lực dịch, trang 103,).

Ngài dạy tiếp: *“Không bao giờ tìm cầu được thực tại cuối cùng của vật, vì những vật mà ta thấy chỉ là tổng tướng ảnh tượng được kết hợp bởi vô vàn vô số những cực vi, nó xuất hiện trong biên giới giữa vật và tâm, nó hiện diện khắp nơi; hư không, không phải là không có gì, mà trong đó có đủ loại quang minh cùng các loại chúng-sanh cư ngụ”* (Đạo Phật và Khoa Học, trang 14, 20, 21).

- Về Khoa học:

Các nhà khoa học (Đạo Phật và Khoa Học, trang 13) đã tìm ra từ phân tử tới nguyên tử mà Neil Bohr (1885-1950), Vật lý gia Đan-Mạch là một trong những khuôn mặt sáng giá trong việc đề xướng thuyết nguyên-tử. Nguyên tử trong đó có Dương điện tử (Proton), Trung hoà tử (Neutron), và Âm điện tử (Electron) chạy chung quanh.

Nhưng nhà khoa học Muray Gellman cho rằng Dương điện tử và Âm điện tử còn có hạt vi phân gọi là Quark hay là cực vi, hạt ảo.

Nhà khoa học Pam Dirac thì nói: *“Chân không sinh diệt”*, còn nhà khoa học Eddington cho rằng *“Vũ trụ là một tâm tướng lớn”*.

Nhà bác học vật lý nổi tiếng Albert Einstein (1879-1955) người gốc Đức nói: *“Vũ trụ phân tích đến cùng chẳng còn gì là vật chất mà chỉ còn lại là những rung động hay những làn sóng mà thôi”*.

LỜI BÀN

Xem như vậy, lời Phật dạy về Cực vi trần, Lân-hư-trần, quang minh v.v...từ hơn hai mươi lăm thế kỷ, và Nguyên-tử, Cực vi, Hạt ảo, làn sóng v.v... mà các nhà khoa học khám phá ra đâu có khác gì nhau.

2)-Cấu tạo Vạn Vật:

Đức Phật dạy:

Cấu tạo của con người và vạn vật đều do Tam Tế Tướng của A Lại Đa Thức mà thành. (A Lại Đa Thức là thức thứ tám của chúng ta, nó chứa đựng mọi kinh nghiệm của đời sống chúng ta, và nguồn gốc tất cả hiện tượng tinh thần.)

Tam tế tướng của A Lại Đa Thức gồm có Nghiệp tướng, Cảnh giới tướng và Chuyển tướng; tuy ba nhưng chỉ là một, một mà là ba, vật chất và tinh thần đều là một thể.

Về Khoa học:

Các nhà Khoa học cho biết trong vũ trụ chỉ có ba thứ, đó là Năng lượng (Energy), Vật chất (Matter) và Tin tức (Information, News); do ba thứ này mà sinh vũ trụ, con người và vạn vật

LỜI BÀN:

Ở đây, chúng ta thấy có sự ăn khớp giữa lời Phật dạy và Khoa học, đó là:

- Phật nói Nghiệp tướng, nhà Khoa học gọi là Năng lượng,
- Phật nói Cảnh giới tướng, nhà Khoa học gọi là Vật chất,
- Phật nói Chuyển tướng, nhà Khoa học gọi là Tin tức.

Như vậy, chúng ta không còn nghi ngờ những lời Đức Phật đã nói, vì đã được các nhà Khoa học có cùng quan điểm như thế; tuy nhiên điều mà Đức Phật nhấn mạnh, đó là “Vật chất và tinh thần đều là một thể”, nghĩa là trong vật chất có năng lượng, trong năng lượng có vật chất và có cả tin tức nữa, tức là một mà là ba, ba mà là một, điều này nhà Khoa học vẫn chưa tìm ra.

IV)- Thế giới: Quả đất

- Lời Phật dạy:

Rất nhiều lần Phật nói đến thế giới này có 6 phương gồm Đông, Tây, Nam, Bắc, Trên, và Dưới; hoặc Phật nói 10 phương gồm Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông-Bắc, Tây-Bắc, Đông-Nam, Tây-Nam, Trên, và Dưới.

Trong bộ Trường-A-Hàm, quyển 2, trang 503, đức Phật nói:

- Lúc mặt trời giữa trưa ở châu Diêm-Phù-Đề, thì ở châu Phất-Vu-Đãi mặt trời lặn.
- Khi ở châu Câu-Da-Ni mặt trời mọc, thì ở châu Uất-Đan-Việt là nửa đêm.
- Khi ở châu Câu-Da-Ni mặt trời ở giữa trưa, thì ở châu Diêm-Phù-Đề mặt trời lặn.
- Khi ở châu Uất-Đan-Việt mặt trời mọc, thì ở châu Phất-Vu-Đãi là nửa đêm.
- Khi ở châu Uất-Đan-Việt mặt trời giữa trưa, thì ở châu Câu-Da-Ni mặt trời lặn.
- Khi ở châu Phất-Vu-Đãi mặt trời mọc thì ở châu Diêm-Phù-Đề là nửa đêm.
- Khi ở châu Phất-Vu-Đãi mặt trời ở giữa trưa, thì ở châu Uất-Đan-Việt mặt trời lặn.
- Khi ở châu Diêm-Phù-Đề mặt trời mọc, thì ở châu Câu-Da-Ni là nửa đêm.

Nếu giỏi toán hình học không gian, có thể nhìn vòng tròn theo kim đồng hồ: Diêm-Phù-Đề, Ca-Da-Ni, Uất-Đan-Việt, Phất-Vu-Đãi, và hình dung trái đất quay quanh mặt trời, sẽ thấy Phật đã chỉ trái đất tròn.

- Về khoa học:

Quyển Đo Lường Vũ Trụ (Measuring the universe), trang 26 cho biết thời Trung cổ về trước ở Âu-Châu, người ta cho rằng trái đất là trung tâm vũ trụ và không di chuyển. Vấn đề này có liên quan đến khoa học, và đã có nhiều sách trình bày sự việc; số là một số nhà khoa học cho rằng không phải như thế nên đã viết sách nói lên quan điểm của mình như Nicholas Copernicus (Phân-Lan), Giordano Bruno (Ý) và Galileo Galilei.

1)- Quyển Cấu Tạo Vũ Trụ (The Structure of The Universe) của Paul Halpern, trang 19 viết:

Nhà khoa học Phân-Lan, Nicholas Copernicus (1473-1543): “Năm 1543 Copernicus phổ biến công việc quan trọng nhất. Ông chỉ ra rằng trái Đất và năm hành tinh khác theo những đường quay quanh mặt Trời, sau chót ông viết rằng chỉ có mặt Trăng là quay quanh trái đất mà thôi; hệ thống

(hành tinh) của Copernicus bị coi như phỉ báng bất kính đối với Giáo hội, việc này đã che bóng tối lớn trên khoa học một thời gian khá dài”. (Nicholas released in 1543 his most important work, he printed out that Earth and five then-known planets follow simple circular path around the Sun... Finally, he wrote that the Moon alone orbits the Earth. The Copernican system was considered blasphemous by the Church, which cast its long shadow over science for quite sometime)

2)- Quyển Những Nguồn Gốc (The Origins) của Neil de Grass Tyson và Donald Goldsmith, trang 205 viết về **nhà khoa học Giordano Bruno**: “. . . Nếu mặt trời có các hành tinh phụ thuộc, giống như vậy có thể các ngôi sao với các hành tinh của nó cũng có đời sống sinh vật đủ loại. Diễn tả quan điểm này dẫn tới xúc phạm quyền năng của Giáo-Hoàng đưa Giordano Bruno đến cái chết tại nơi bị xử tử (bị trói vào cột rồi đốt) năm 1600” (... If the Sun has a planetary family, so too might other stars, with their planetary equally capable of give life to creature of all possible form. Expressing this view in a manner that affronted papal authority brought Giordano Bruno to his death at the stake in 1600).

Còn quyển Cấu Tạo Vũ Trụ (The Structure of The Universe), trang 21 viết:

Nhà Triết học người Ý, Giordano Bruno đã xuất bản năm 1584 quyển sách “Vô số Vũ Trụ và Vô số Thế giới”, ủng hộ quan điểm của Copernicus về Vũ trụ, Ông còn đi xa hơn nữa, cho rằng không những hệ thống các hành tinh quay quanh mặt trời, mà còn có các hành tinh quay quanh mỗi ngôi sao trong các ngôi sao nữa. Ngoài ra ông còn viết rằng các ngôi sao và các hành tinh của chúng thì nhiều vô kể, không thể tính được... Giáo hội ghét ý tưởng của ông hơn là ý tưởng của ông Copernicus, vì sự tin tưởng của ông, năm 1600 ông bị đốt tại nơi xử tử ở La-Mã. (Italian Philosopher Giordana Bruno published in 1584 the book of Infinity, The Universe and The World advocating a Copernican one step further, arguing that not only is there phanetery system around the Sun but that there is one around each of the stars. Moreover, he wrote that the number of stars and planets in the uviverse is infinite...The Church was even more hostile to Bruno idea than it was to those of Copernicus. In 1600 for his heritical belief, Bruno was burned at the stake in Rome)

3)- Cùng quyển Cấu Tạo Vũ Trụ, trang 22, viết:

Nhà khoa học Galileo Galilei (1564-1642) nhà Thiên văn học kiêm Vật lý học. Năm 1610 ông xuất bản cuốn “Thông điệp về Sao” (The Starry

Messenger), trong đó ông viết về sự di chuyển của các hành tinh, khám phá núi trên mặt trăng, khám phá nhiều trăm sao, các điểm (Sunpot) trong mặt trời, trạng thái của hành tinh Venus v.v...

Năm 1632, ông xuất bản sách, trang 23 ghi: *“Luận thuyết về thiên văn của Galileo đối thoại Trên Hai Hệ Thống Thế Giới Lớn để thay đổi quan điểm về vũ trụ của mọi người, loại trừ ý tưởng sai lầm về trái đất là trung tâm vũ trụ. Nhưng quyền lực Giáo hội ở Ý Đại-Lợi cho đó là một tài liệu theo dị giáo, nên đã khinh miệt viết gửi cho ông năm 1616 một lệnh đặc biệt cấm ông không được bàn luận đến ý tưởng của Copernicus”*. (Galileo's treatise on astronomy dialogue on the Two Great World Systems was to change forever the way humankind view the cosmos, banishing the false idea that the Earth is the center of the universe. But the Church authority in Italy it was a heretical document, written in contempt of an order they had given to Galileo in 1616, specially forbidding him to discuss Copernican notions)

*“Vì không tuân lệnh sắc chỉ ấy, ông bị đưa ra **tòa án dị giáo** xét tội năm 1633. Sau cùng, Galileo bị buộc phải công nhận rằng sách của ông đã bị một số độc giả hiểu lầm là giống như tư tưởng của Copernicus. Ông đã xin lỗi cho những lỗi lầm sơ xuất và đề nghị sửa lại những sai lầm trong sách của ông!... Ông bị bắt giữ tại nhà và chẳng còn viết gì về Vũ trụ nữa, năm 1992, sau 350 năm sau khi ông chết, ông được miễn tội bởi **Giáo-hoàng John Paul 2**”*. (For his disobedience of this edict he was brought before the Inquisition in 1633. Finally, Galileo was pressed to admit that his book could be construed by some readers as Copernican. He apologized for this oversight and offered to amend the book... Galileo spent his last years under house arrest, and never wrote again on cosmology. In 1992, 350 years after his death, he was exonerated by Pope John Paul 2).

Tất cả: những sự kiện trên đây là những sự đáng tiếc đã qua rồi, chỉ còn là những kỷ niệm; ngày nay, mọi người ca tụng các nhà khoa học đã, đang, và sẽ mang lại sự tiến bộ cho nhân loại.

Quyển Đo Lường Vũ Trụ (Measuring the universe), trang 20, các nhà khoa học cho biết:

- Chu vi trái đất là 24,608 miles (39,690 cây số).
- Đường kính quả đất là 7,850 miles (12,631km).

Quyển Thiên Văn Học và Không Gian (Astronomy & Space), trang 14 cho biết như sau:

- Đường kính mặt Trời: 1,400,000 Km = 875,000 miles.
- Trái Đất cách mặt trời: 150 triệu km = 93 triệu miles.
- Mặt Trăng xa trái Đất: 384,400 km = 240,250 miles.
- Các Hành tinh đều quay quanh mặt trời ...

LỜI BÀN:

Con người hiểu biết nông cạn, khi người có quyền hành thường hay áp chế áp đảo người khác, cho rằng tất cả điều gì mình nói ra đều đúng, nên mới có cảnh hà hiếp bắt phải tuân theo những điều phi lý, bắt phải tin theo những điều không thể chứng minh được.

Ngày nay nhân loại đã tiến bộ rất nhiều, khoa học đã mang lại ánh sáng văn minh đáng kể. Sự tự do dân chủ của con người được nêu cao và tôn trọng. Những Chân lý mà Đức Phật nói đã được Khoa học chứng minh, đúng lý những lời nói của Đức Phật phải được Nhân loại tôn vinh tôn trọng mới phải lẽ, nhưng không hoàn toàn đúng như thế, tại sao? Vì sự si mê tăm tối của con người không dễ gì thức tỉnh được, vì quyền lợi riêng tư, vì sống trong ích kỷ, vì ngạo mạn cố chấp ý kiến của mình. Đức Phật nói: “Thương thay cho những kẻ si mê, vì si mê nên họ đã hành động điên đảo”.

V)- Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới:

Một cõi Phật: Giải Ngân Hà.

- Đức Phật dạy:

“Thế giới Ta-Bà nằm trong Tam Thiên đại Thiên thế giới, các thế giới như thế xoay vần thành hoại, quốc độ mà chúng-sanh ở thì gọi là một cõi Phật”.

Trong Kinh Lăng-Nghiêm, đức Phật dạy: *“Vạn vật, vũ trụ được cấu tạo bởi sáu thứ đại là Đất, Nước, Gió, Lửa, Thức đại, và Không đại”.*

Kinh Lăng-Nghiêm, Địa-Tạng, và Hoa-Nghiêm, Phật đều dạy: *“Quang minh trong hư không xoay vần bởi Phong luân, Thủy luân, Kim luân theo hình chôn ốc và khi quay chậm lại thành sơn hà đại địa và chúng-sanh”.*

Quán Thế-Âm Bồ-Tát cũng nói trong Kinh Lăng-Nghiêm, trang 389: *“Trong Tam Thiên đại Thiên thế giới này có trăm ức mặt trời mặt trăng”.*

Bộ Trường-A-Hàm, quyển 2, trang 265, và quyển Đường Về Bến Giác của Hòa-Thượng Thích-Thanh-Cát, trang 75 ghi rõ như sau:

- **Một Tiểu Thiên thế giới** = 1,000 thế giới.
- **Một Trung Thiên thế giới** = 1,000 Tiểu Thiên thế giới = $1,000 \times 1,000 = 1,000,000$ thế giới.
- **Một Đại Thiên thế giới** = 1,000 Trung Thiên thế giới = $1,000,000 \times 1,000 = 1,000,000,000$. (một tỉ)
- **Tam Thiên Đại Thiên thế giới** = $3 \times 1000 \times$ Đại Thiên thế giới = $3,000 \times 1,000,000,000 = 3,000,000,000,000$ (**Ba nghìn tỉ**), các thế giới như thế, xoay vần thành hoại, quốc độ mà chúng-sanh ở thì gọi là một cõi Phật, như vậy riêng giải ngân hà của chúng ta đây đã có ba nghìn tỉ mặt trời.

LỜI BÀN:

Trong Trường A-Hàm vừa nêu trên nói rằng: “Đại Thiên thế giới cũng là Tam Thiên Đại Thiên thế giới”, người viết cảm thấy không ổn, nếu là Đại Thiên thì nói là Đại Thiên, đủ rồi, còn cần gì phải nói là Tam Thiên Đại Thiên nữa, thành ra chữ Tam Thiên phải hiểu là ba nghìn mới phải lẽ, tức là nói ba nghìn Đại Thiên thế giới, do đó người viết đã ghi Tam Thiên Đại Thiên thế giới = $3 \times 1,000 \times$ một Đại Thiên thế giới như trên đã ghi, và đây là một cõi Phật.

Trong quyển Đạo Phật và Khoa Học cũng cùng quan điểm khi viết nơi trang 133: “Một Thái dương hệ là Tiểu thế giới, một nghìn Tiểu thế giới là một Tiểu Thiên thế giới, một nghìn Tiểu Thiên thế giới là một Trung Thiên thế giới. Một nghìn Trung Thiên thế giới là một Đại Thiên thế giới, một nghìn Trung Thiên thế giới trải qua ba lần nhân với một nghìn, nên gọi là Tam Thiên Đại Thiên thế giới”.

- Khoa học: Khoa học nói gì về giải ngân hà?

Một số nhà khoa học cho rằng vũ trụ (một giải ngân hà), được thành lập bởi thuyết “Vũ Trụ Bùng Nổ” (The Big Bang of The Universe); theo thuyết này vũ trụ bùng nổ chỉ trong một phần rất nhỏ của một giây đồng hồ, mọi vật thể, năng lượng, ánh sáng trong vũ trụ được cô đọng trong một chấm nhỏ

hơn một hạt Vi phân Tiềm Nguyên tử. Rồi mỗi Phân tử trong cái Vũ trụ li ti đó bỗng bắn tung toé khỏi những Phân tử khác với tốc độ gần bằng tốc độ ánh sáng; vũ trụ bành trướng rất nhanh vì ở vào thời điểm $1/100,000$ của một giây đồng hồ, vũ trụ đã lớn bằng cả Thái dương hệ của chúng ta, bề ngang bằng 3.7 tỉ dặm.

Thời gian ngắn ngủi lúc đầu, không những chỉ có nguyên tử, mà còn có những hạt Vi Phân Tiềm Nguyên tử đụng độ nhau dữ dội như Âm điện tử, Dương điện tử, Quang tử trong nồi súp vũ trụ đặc quánh hơn nước đến bốn tỉ lần.

Khi những phân tử này văng khỏi những phân tử khác với một tốc độ nhanh kinh khủng, rià ngoài của vũ trụ chạy xa khỏi rià đối diện nhanh hơn tốc độ ánh sáng (vì hai bên đều bắn ra xa cùng lúc)”.

Quyển Những Nguồn Gốc (The Origins), trang 25, 33 cho biết: “*Sự thành lập Vũ trụ cách nay 14 tỷ năm. Lúc đầu tất cả không gian, vật thể, năng lượng của cái gọi là Vũ trụ chỉ bằng đầu mũi kim. Khi đó ở nhiệt độ nóng là 10 lũy thừa 50 (10 lũy thừa 9 là một tỷ độ rồi), và chỉ trong thời gian 10 lũy thừa -45 của một giây đồng hồ (10 lũy thừa -3 = $1/1000$) vật thể, năng lượng, không gian, thời gian tác động và tương tác với nhau; những đặc tính tác động qua lại này trong biến cố Vũ trụ của chúng ta xảy ra tất cả những hiện tượng phản ứng hóa học và sinh vật học. Từ đấy tất cả những nguyên tắc căn bản hiểu biết của chúng ta về trái đất khởi sự*”. (Some 14 billion years ago, at the beginning of time, all space, all the matter and all the energy of the known universe fit within a pinhead. When at 50 degree power of 10 in -45 second power of 10, matter, energy, space, time behave and interact with one another. The interplay of these characters in our cosmic drama underlies all biological and chemical phenomena. Hence everything fundamental and familiar to us earthlings begins with).

Quyển Cấu Tạo của Vũ trụ, trang 120-121, tính toán và tóm tắt thời gian cấu tạo Vũ trụ bằng thuyết “**Bùng Nổ**” (Big Bang) như sau:

- 1)- Bùng Nổ: Vũ trụ bắt đầu từ 9 đến 20 tỉ năm.
- 2)- $1/100000$ giây sau khi Bùng Nổ: Dương điện tử, Trung hòa tử xuất hiện.
- 3)- 1 phút sau Bùng Nổ: Nguyên tử xuất hiện.
- 4)- 1 năm sau: Âm điện tử hợp với nguyên tử tạo thành nguyên tố.
- 5)- 50 triệu năm sau : Các ngôi sao thành hình.
- 6)- 4-5 tỉ năm cách nay: Các hành tinh thành hình.

7)- 1 tỉ năm cách nay: các loài giun đất xuất hiện. 8)- 248 triệu năm cách nay: Khủng-Long xuất hiện.

9)- 35 triệu năm cách nay: Loài người xuất hiện.

Trước kia Albert Einstein và gần đây Fritjof Capra, trong cuốn *The Tao of Physics*, trang 182 nói rằng Vũ trụ không phẳng mà cong. Lúc đầu những Thiên thể gần nhau, rồi chạy xa dần đi. Ví dụ chúng ta chắm (vẽ) những ngôi sao trên mặt một quả bong bóng nhỏ, nếu bơm bong bóng đó lớn dần lên, ta thấy những ngôi sao trên bong bóng cũng xa nhau dần dần; điều này đúng, vì các Thiên hà kể cả dải Ngân hà trong đó có mặt Trời đang chạy xa dần đi.

Aristotle (384-322 trước D lịch), (*Đạo Phật và Khoa Học*, trang 214) nhà khoa học kiêm triết học nổi tiếng người Hy-Lạp (sau Phật 240 năm) nói: “Tất cả vạn vật đều được cấu tạo bởi Đất, Nước, Gió, Lửa; những chất này hoạt động nhờ hai lực:

- Hấp lực khiến đất và nước chìm xuống.
- Tính nhẹ phiêu bồng khiến gió lửa lên cao>.

Trong quyển *Đạo của Khoa Vật Lý (The Tao of Physics)* của Fritjof Capra, trang 181 viết: “*Những đám mây khinh khí xoay tròn cô đọng thành những ngôi sao, trong khi những đám mây khác phóng ra những vật thể quay tròn hình chôn ốc và cô đọng lại thành những hành tinh chạy chung quanh các ngôi sao*”.

Trong quyển *Đo Lường Vũ Trụ (Measuring the Universe)*, trang 3 ghi: “*Giải ngân-hà mà mặt trời (chúng ta) có ở trong đó bao phủ một vùng rộng 3 triệu năm ánh sáng*” (Tốc độ ánh sáng trong 1 giây đồng hồ = 300,000 km hay cây số).

Quyển *Cấu Tạo Vũ Trụ*, trang 66 ghi: “*Chúng ta sống ở vòng ngoài của một cánh xoắn chôn ốc của dải Ngân hà*” (We live in outer reach of one of spiral arms of the Milky Way)

Thiên văn gia Frank Drake cầm đầu chương trình tìm kiếm nền văn minh ngoài địa cầu (*Đạo-Phật và Khoa Học*, trang 195, 196), phỏng chừng có khoảng 10,000 nền văn minh ở dải ngân hà của chúng ta; Ông ước tính dải ngân hà của chúng ta có khoảng 400 tỉ ngôi sao, trong đó có khoảng 40 tỉ sao giống mặt trời của chúng ta, nhưng chỉ có khoảng 10 tỉ ngôi sao có

hành tinh giống như trái đất chạy chung quanh. Ông lại nói có khoảng 20 tỉ ngôi sao chạy chung quanh hành tinh. (?)

Trong Bộ Sách Giải Thích Vũ Trụ (The Illustrated Encyclopedia of The Universe) của Ian Ridpath xuất bản năm 2001 ghi: *“Tốc độ của hệ thống mặt trời chạy 230 cây số một giây chung quanh trung tâm giải ngân hà và giải ngân hà của chúng ta chạy 600 cây số một giây trong không gian”*.

Quyển Những Nguồn Gốc, trang 111, Thiên văn gia dùng viễn vọng kính Herschel Scope quan sát thấy vô số sao trong giải ngân hà không thể đếm tính được. Trang 121 ghi: *“Thái dương hệ của chúng ta chạy 240 triệu năm một vòng trong quỹ đạo của giải ngân hà. Ngày nay đã quay được 20 vòng kể từ khi thành lập, và có lẽ còn 20 vòng nữa thì tới thời kỳ sụp đổ”*.

Quyển Cấu Tạo của Vũ trụ, trang 84, Thiên văn gia Allan Sandage của đài thiên văn Carnagie Observatories ở thị xã Pasadera, tiểu bang California nói: *“Vũ trụ của chúng ta (Milky Way) có cách nay vào khoảng từ 9 tới 12 tỷ năm”*.

VI)- Vũ trụ vô biên, Thế giới nhiều hơn cát sông hằng.

- Đức Phật dạy:

Trong Kinh Lăng-Nghiêm:
“Thế giới nhiều như bụi, đều nương sinh trong hư không, những phong luân khi xoay tròn tạo nên sơn hà đại địa”.

Phật cũng thường nói: *“Cõi Phật nhiều hơn cát sông Hằng, trong 10 phương thế giới nhiều như bụi không sao tính đếm được”*.

Trong quyển Nhị Khóa Hiệp Giải, trang 215, có vẽ và phân biệt:

1- Hoa-Tạng Thế Giới: 20 cõi Phật xếp chồng lên nhau trong một phương là một Hoa-Tạng hay Thế Giới Chủng (chủng: chứa nhiều thế giới trong một liên hoa), tức gồm 20 giải ngân hà chồng lên nhau.

2- Nhụy Hương-Tràng: 10 Hoa-Tạng quây chung quanh một Hoa-Tạng được gọi là Nhụy-Hương-Tràng, tức là 220 giải ngân hà.

3- Đại Liên-Hoa: Gồm Nhụy Hương-Tràng ở giữa (đây là nhụy hoa và cuống hoa) biển Đại Hương-Thủy, trong biển Đại Hương Thủy có những Biệt Hương Thủy Hải (Hải: số nhiều vô biên không thể xét lường) nhiều bằng số vi trần trong số 10 lần bất khả thuyết Phật sát (Phật quốc), mỗi Biệt Hương Thủy Hải đều có Hoa-Tạng.

4- Hoa-Tạng Huyền-Môn, Tỳ-Lô Tánh Hải: Ngoài Đại Liên Hoa (Hoa Sen lớn) vô cùng tận ra, còn có những Đại Liên Hoa khác nữa vì hư không vô cùng tận. (Huyền-Môn: Chỉ có Chư Phật xét hiểu tường tận, Tỳ-Lô Tánh-Hải: Tâm vô biên trong cái hư không vô biên).

Quyển Nhị Khóa Hiệp Giải, trang 191 ghi: Kinh Hoa-Nghiêm ghi lời Phật giảng về thế giới Liên Hoa Tạng có cái biển lớn nước thơm tên là *“Phổ Quang Ma-Ni Vương Trang Nghiêm Hương Hải Thủy”*, giữa biển này mọc lên một Hoa sen rất lớn tên là *“Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng”*. Trong hoa Nhị Hương Tràng có một tổng hải tên là *“Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải”*, giữa biển đây có những hoa bằng số mười lần “Bất khả thuyết Phật sát vi trần”, trong mỗi một hoa có một “Hương Thủy Hải”, Trong mỗi một biển ấy lại có một hoa sen lớn, trên mỗi một hoa sen lớn có hai mươi lớp thế giới theo thứ lớp chất chồng nhau, lớp dưới bẹ (nhỏ), lên trên nói lần rộng ra.

Cũng quyển Nhị Khóa Hiệp Giải, trang 219 ghi:
“Chỉ nói Hoa-Tạng thì đâu chẳng phải là Tỳ-Lô Tánh-Hải, vì tánh Hải vô biên, nó hàm ở trong hư không vô biên, bởi hư không vô cùng tận, thì ngoài hoa sen lớn ra, hẳn còn có vô cùng tận những Đại Liên hoa nữa để làm trang nghiêm, đủ rõ rồi”.

Trong Kinh Hoa-Nghiêm của Hòa-Thượng Thích-Duy-Lục dịch, trang 110 ghi:

Bụi trần đầy thế giới hoa tạng,
Trong mỗi hạt bụi hiện pháp giới.

Trong Kinh Hoa-Nghiêm của Hòa-Thượng Thích-Trí-Tịnh dịch, trang 401, Bồ-Tát Phổ-Hiền đã diễn tả thế giới có hình dạng khác nhau, Ngài nói:
“Tất cả thế giới chủng hình dạng đều khác nhau, hoặc hình núi Tu-Di, hình sông, hình nước xoáy, hình chôn ốc; hoặc hình trục xe, hình bàn thờ, hình rừng cây, hình nhà lầu; hoặc hình lập phương, hình hoa sen, hình thân

chúng-sanh, hình đám mây; hoặc hình Phật ngồi, hình tròn sáng, hình tam giác (hình nón), hình bán nguyệt, hình tròn, v.v..”.

Kinh Hoa-Nghiêm, trang 377, Ngài Phổ-Hiền Bồ-Tát nói: *“Đại Liên Hoa lúc nở ra, lúc héo đi”.*

- Về Khoa Học:

Trong quyển *Những Nguồn gốc (Origins)* của Neil De Grass Tyson và Donald Gold Smith, trang 103, trong đó đề cập tới nguồn gốc vũ trụ, các giải ngân hà, các ngôi sao, các hành tinh, và đời sống, đã gọi vũ trụ là đại vũ trụ (Metaverse), thậm chí họ còn gọi là vô số vũ trụ (Multiverse), vì có quá nhiều thiên hà, có hằng tỉ, tỉ giải ngân hà. Các nhà khoa học nói: “Chúng tôi gọi vũ trụ phụ thuộc vào cái liên vũ trụ rộng lớn mà nó bao gồm một sự vô cùng tận vô số vũ trụ (We call universe belong to as much larger multiverse which contain an infinite number of universes), và chẳng vũ trụ nào liên quan tới vũ trụ nào”.

Thiên văn gia Edwin Hubble sau khi dùng viễn vọng kính của ông quan sát (Đạo Phật và Khoa Học, trang 195), ông nói: *“Có hàng tỉ giải ngân hà và hàng tỉ tỉ tinh tú ngoài giải ngân hà của chúng ta”.*

Trong quyển *Đo Lường Vũ Trụ (Measure The Universe)*, trang 3, nhà khoa học Kitty Ferguson nói: *“Vũ trụ mà con người có thể nhìn được bằng viễn vọng kính rộng từ 8 tới 15 tỉ năm ánh sáng”.*

Quyển *Cấu Tạo Vũ trụ*, trang 66 viết: *“Trước đây các Thiên văn gia nói có khoảng 10 tỉ giải Ngân hà, nhưng nay (1997) có ít nhất là 50 tỉ giải Ngân hà!”*

Quyển *Đạo Phật và Khoa Học*, trang 146 ghi:

Tiền-sĩ E William, giám đốc viễn vọng kính ở Baltimore tuyên bố: *“Chỉ nhìn một vùng nhỏ hẹp trong bầu trời khoảng 1/25 của một độ, hay chiếm bằng một hạt cát trên cánh tay, thế mà các Thiên văn gia báo cáo đã phát hiện ở nơi đó có từ 1500 tới 2000 Thiên hà”.*

Các khoa học gia nhìn thấy các giải ngân hà nở ra, vì các tinh tú càng ngày càng xa nhau ra với tốc độ rất lớn; do đó, họ đã đưa ra thuyết Bùng Nổ (Big Bang). Vũ trụ nổ tung cực lớn khiến các tinh tú bắn ra nên ngày càng xa nhau hơn.

Nhưng sau một thời gian: (Đạo Phật và Khoa Học, trang 190), các nhà khoa học khác lại tìm thấy có giải ngân hà khác hình như co lại, vì các ngôi sao lại ngày càng gần nhau hơn.

Quyển Cầu Tạo của Vũ Trụ, trang 68 ghi: “Những giải Ngân hà khác nhau hình dáng, to nhỏ kết lại với nhau bởi trọng trường gồm nhiều tá (Dozen) các giải Ngân hà thành Chùm Ngân hà (Galactic Cluster), chùm này di chuyển trong không gian không rời nhau”. Trang 118, nói: *“Chúng ta giống như con kiến trên quả bong bóng đang bơm, thấy các chấm trên bong bóng đang xa nhau ra, mà chẳng thấy ngoài và trong bong bóng có gì, cũng chẳng thấy bì Vũ trụ; rồi nếu nói có sự bành trướng hay co lại thì phải có trung tâm chứ? Nổ Bùng (Big Bang) làm tung bay đi các ngả, nhưng chỗ xảy ra Nổ Bùng ở đâu? Eddington phân tích con kiến trên bong bóng trả lời câu hỏi đó”*.

Quyển Đo Lường Vũ Trụ, trang 198

Bill Summer (Đạo Phật và Khoa Học, trang 247) cho rằng các nhà vũ trụ học đều sai hết, vì vũ trụ sẽ co rút lớn trong 4 tỉ năm nữa, điều này đi ngược với Thiên văn vũ trụ học đã đưa ra từ 70 năm nay.

Mới đây, hai nhà Thiên văn học Magaret Geller và John Huchra thuộc trung tâm Thiên văn vật lý Harvard (Harvard Smithsonian Center for Astrophysics) (Đạo Phật và Khoa Học, trang 196) đã khám phá ra một dãy ngân hà lớn nhất chưa từng thấy trước đây, giải ngân hà này được gọi là *“Bức Trường thành vĩ đại của các giải ngân hà”* (The great wall of galaxies). Gồm rất nhiều giải ngân hà đan thành một bức tường dài 500 triệu năm ánh sáng.

Trong quyển Đo Lường Vũ Trụ, trang 250 còn ghi: *“Bức Trường thành có bề dày 10 triệu năm ánh sáng, và chiều dài tới một tỉ năm ánh sáng”*.

Do đó các Thiên văn gia cho rằng cấu trúc của vũ trụ như lý thuyết khoa học đã nói trước đây không còn phù hợp nữa về sự Bùng Nổ (Big Bang) để hình thành vũ trụ (Đạo Phật và Khoa Học, trang 197), vì các giải ngân hà quá xa nhau nên không một lực nào có thể tạo nên vũ trụ được. Lý thuyết đó là vũ trụ bắt đầu bùng nổ cách nay 15 tỉ năm và bành trướng nhanh chóng thành một hợp chất đồng đều giữa thể chất và năng lượng, tất cả thu hút bởi sức hút và trở thành Thiên hà.

Rồi các Nhà Thiên văn lại loan báo là đã khám phá ra một nhóm các sao lớn chưa từng thấy (Đạo Phật và Khoa Học, trang 198), họ gọi là “*Địa lục Thiên hà*” (Continents of Galaxies). Nhóm sao này cách trái đất khoảng 150 triệu năm ánh sáng, nhóm sao này có sức hút vô cùng lớn khiến nó lôi kéo hàng triệu các giải ngân hà khác; việc này khiến các nhà khoa học cho rằng vũ trụ còn rất nhiều điều chưa biết và vũ trụ quá phức tạp.

Trưởng toán Alexander nghiên cứu không gian, thuộc viện Carnegie ở Hoa-Thịnh-Đôn (Washington) Hoa-Kỳ đã khám phá ra Địa lục Thiên hà này, tuyên bố: “*Nó lớn quá và che lấp bầu trời làm chẳng ai để ý đến nó*”, còn Thiên văn gia Dresser tin rằng có nhiều Địa lục thiên hà như thế nữa.

Các nhà Thiên văn còn tìm ra một nơi mà họ bảo là “*Bảo sinh viện tinh tú*” (Galactic Nursery) (Đạo Phật và Khoa Học, trang 203), Thiên văn gia Jeffer Haster thuộc đại học Arizona nói: “*Những ngôi sao mới đang thành hình ngay trước mắt (qua viễn vọng kính Hubble) chúng ta*”.

Trong quyển Đo Lường Vũ trụ, trang 258, còn ghi thêm: “*Đây là đĩa khí và bụi dày chừng 500 năm ánh sáng. Nó là chỗ sinh ra các ngôi sao*” (This is the disk of gas and dust, only 500 light of years thick. It is the birthplace of new stars).

Trong quyển Đo Lường Vũ trụ, trang 248, Thiên văn gia Freidman nói: “*Vũ trụ, nhìn mọi phía đều có vô số các giải ngân hà giống nhau*”.

Cũng trong quyển Đo Lường Vũ trụ, trang 300, nhà khoa học người Đức Heinrich W Olber (1758-1840), lại phát biểu như sau: “*Nếu không gian không có tận cùng của nó tức là vô cùng tận, và nó chứa vô số kẻ ngôi sao, thì ban đêm bầu trời sẽ sáng như mặt trời vậy*”. Ông ta chưa tin là không gian vô biên (đây là thiếu sót).

Trong quyển Những Nguồn Gốc, trang 125, 127, Trung Tâm Viễn Vọng Kính Hubble chụp vô cùng sâu vào không gian (Hubble Space Scope Ultra Deep Field) năm 2004, có chụp một số hình, một hình chụp giải ngân hà trông giống hệt cái trứng chiên lòng đỏ còn nguyên mà chiên hai mặt, khi ta nhìn theo chiều nghiêng trông giống như đĩa bay, nhưng mỏng, chỉ có chỗ giữa lõm về hai phía như trứng chiên lòng đỏ không bẻ vậy. Một tấm hình khác, trong đó mỗi chấm sáng là một giải ngân hà, có vô số kẻ chấm sáng. Các bức hình chụp từ trái đất cách từ 3 tỉ đến 10 tỉ năm ánh sáng xa.

LỜI BÀN:

Những điều trình bày trên của các nhà Khoa học chứng tỏ những lời Đức Phật nói từ hơn 2500 năm nay là chính xác, các nhà Khoa học đã chứng minh bằng mắt thấy trong viễn vọng kính tân tiến nhất của ngày nay rằng Vũ trụ vô biên vì không thấy biên giới của Vũ trụ, thế giới vô lượng vì có quá nhiều thế giới đếm không xuể được.

VII)- Thời gian và không gian

1)- Thời gian không gian dung thông:

- Đức Phật dạy:

Kinh Hoa-Nghiêm, Phật dạy:

“Thời gian dung thông không gian, không gian dung thông thời gian”.

- Về Khoa Học:

Quyển Đạo Phật và Khoa Học, trang 62 ghi:

- Khoa học gia Matt Visser thuộc đại học Washington đã nói về thuyết tương đối của Bác học Albert Einstein: *“Einstein đã biến đổi vật lý học bằng cách chứng tỏ rằng không gian và thời gian thực ra chỉ là hai vẻ khác nhau của cùng một môi trường, có thể giãn ra, uốn cong, và vặn vẹo hình thái bởi trọng trường”.*

Nhà Bác học Albert Einstein (1879-1955), Quyển Cấu Tạo Vũ trụ, trang 50 viết: *“Thuyết của Einstein khẳng định rằng khối lượng làm cong không gian -thời gian”* (Einstein's theory states that mass curves space-time). Bộ sách Giải Thích về Vũ Trụ ghi, một điểm trong thuyết tương đối (Theory of Relativity) của ông như sau: *“Khi tốc độ bằng ánh sáng, thời gian ngừng, khoảng cách không còn, và trọng lượng của vật bay phải lên tới vô cực”* (vô cùng lớn) (At the speed of light, time stops, you have zero length, and your mass is infinite).

Nhà Bác học Einstein kết luận: *“Không thể nào đạt được tới tốc độ nhanh như ánh sáng”* (Einstein concluded that you cannot reach the speed of light).

Lý thuyết này chỉ áp dụng cho người thể tục, chứ không áp dụng cho bậc Thánh của Phật giáo, vì sắc thân của các Ngài là quang minh, sắc tức là không.

2)- Thời gian mau chậm khác nhau:

- Phật dạy:

Nhị Khóa Hiệp Giải, trang 205, 206 ghi:
Tuổi thọ và chiều cao của chư Thiên càng lên
cao càng sống lâu và càng cao hơn, như sau:

	Tuổi	Chiều cao	Cách xa
Cõi Vô Sắc:	(Kiếp)	(Do tuần)	(Do tuần)
Trời Phi Phi Tướng	80,000	Vô hình	22, 549 tỉ
Trời Vô sở hữu sứ	60,000	vô hình	11,274 tỉ
Trời Vô biên thức	40,000	vô hình	5,637 tỉ
Trời Không vô biên	20,000	vô hình	2,819 tỉ
Cõi sắc giới:	(Kiếp)	(Do tuần)	(Do tuần)
Trời Sắc cứu cánh	16,000	16,000	1,409 tỉ
Trời Thiện hiện	8,000	8,000	705 tỉ
Trời Thiện kiến	4,000	4,000	352 tỉ
Trời Vô nhiệt	2,000	2,000	176 tỉ
Trời Vô phiền	1,000	1,000	88 tỉ
Trời Vô tướng	500	500	44 tỉ
Trời Quảng quả	500	500	22 tỉ
Trời Phúc sinh	250	250	11 tỉ
Trời Vô vân	125	125	5.5 tỉ
Trời Biến Tịnh	64	64	2.752 tỉ
Trời Vô lượng tịnh	32	32	1.376 tỉ
Trời Thiểu tịnh	16	16	688 triệu
Trời Quang âm	8	8	344 triệu
Trời Vô lượng quang	4	4	172 triệu
Trời Thiểu quang	2	2	86 triệu
Trời Đại Phạm	1.5	1.5	43 triệu
Trời Phạm phụ	1	1	21.5 triệu
Trời Phạm chúng	0.5	0.5	10,8 triệu
Cõi dục giới:	Tuổi	Chiều cao	Cách xa
	(Tuổi trời)	(Dặm)	(Do tuần)
Ma La Thiên	32,000	3 dặm	5.4 triệu
Tha Hóa lạc	16,000	2.5	2.7 triệu

Hóa lạc Thiên	8,000	2	1.3 triệu
Đâu Suất Thiên	4,000	1.5	677 nghìn
Dạ Ma Thiên	2,000	1	336 nghìn
Đạo-Lợi Thiên	1,000	0.5	168 nghìn

Ghi chú: Một ngày cõi Trời Dục giới = 1 năm cõi Trần. Trời Đạo-Lợi sống 1000 năm x 365 = 365,000 năm.

LỜI BÀN

Quyển Nhị Khóa Hiệp Giải, trang 206, ghi tuổi thọ cõi Trời Sắc-giới và Vô Sắc giới tính bằng Đại Kiếp. Trong khi bộ Trường A-Hàm, quyển 2, trang 400 lại tính bằng Kiếp, có một sự khác biệt quá xa, người viết sau khi cõi kỹ, thấy đề Kiếp thì đúng hơn, vì có sự liên tục tuổi tăng từ cõi Dục-giới tiếp lên cõi Sắc-giới chứ không tăng nhảy vọt, nên sách này đã ghi theo Đại Tạng Kinh.

Xem bảng liệt kê trên đây, chúng ta thấy các tầng trời càng cao xa, Chư Thiên càng cao lớn hơn, và càng sống lâu hơn, theo một tỷ lệ là khoảng cách xa gấp đôi thì chiều cao thân hình cũng gấp đôi, và sống lâu cũng gấp đôi. Một điểm nữa: chúng ta cần biết là càng xa mặt đất lên cao, không khí càng loãng dần, hấp lực cũng giảm đi cho tới chỗ quá xa thì không còn không khí, không còn hấp lực nữa.

Quyển Đạo Phật và Khoa Học, trang 48, kể truyện một Tiên nữ lạc xuống Trần gặp một chàng trai, rồi hai người thương nhau lấy nhau làm vợ chồng. Hai người sống chung với nhau mười mấy năm hạnh phúc, sinh được hai con. Sau Tiên nữ nhớ cảnh Tiên, lên bay về Trời, Vua Đế-Thích thấy hỏi: “*Nàng đi đâu cả buổi khiến ta không thấy?*”.

Kinh Hoa-Nghiêm nói rằng: “*Một kiếp ở cõi Ta-Bà này chỉ bằng một ngày một đêm ở cõi Cực-Lạc*”.

- Về Khoa học:

Bộ sách Giải Thích về Vũ Trụ viết nhà **Bác học Albert Einstein** nói về sự thay đổi đối với sức hấp lực (Gravitation shift) như sau :

1)- Thời gian nơi có hấp lực (trọng trường hay trọng lực) chậm hơn thời gian nơi không gian không có hấp lực (The time at a point gravitation field run slower than time in free space).

2)- Đường thẳng trong không gian là Không-Thời (không gian-thời gian) bốn chiều (Straight line in space is 4-dimensional Space-Time).

3)- Hấp lực được hình dung là một sự uốn cong của Không-Thời (Gravity should be a curvature of Space-Time).

4)- Các hành tinh giữ đường quay quanh mặt trời không phải do hấp lực, mà bởi không gian cong giữ các hành tinh chuyển động trong đường quay (The planets keep the orbit to the sun not by gravity but by curvature of space constrains them to move in closed paths).

5)- Thời gian cần cho ánh sáng truyền đi giữa hai điểm nơi có hấp lực thì nhiều thời gian hơn cho ánh sáng truyền đi cùng một khoảng cách ở nơi không gian không có hấp lực (The Time taken for light to travel between two points in the gravitational field is greater than for an identical distance in free space).

Quyển Đạo Phật và Khoa Học, trang 54 viết:

Ví dụ một quan sát viên mang theo một cái đồng hồ lên phi thuyền sau khi từ biệt một quan sát viên đứng tại chỗ ở dưới đất vào một thời gian nào đó. Rồi người đáp phi thuyền trở lại mặt đất và gặp lại người quan sát viên ở dưới đất, vì tác dụng của thời gian co giãn, khoảng thời gian của người đáp phi thuyền trôi nhanh hơn thời gian của người dưới đất; nếu người đáp phi thuyền bay trong hai năm thì khi phi thuyền đáp xuống đất đã trải qua hai mươi năm rồi.

Trang 55 viết: Người ta thí nghiệm làm cho một hạt nguyên tử dao động ở tầng thấp nhất, người ta thấy rằng hạt nguyên tử ở tầng thấp nhất giao động chậm hơn là hạt nguyên tử được đặt trên tầng thứ tư của tòa nhà bốn tầng; như vậy khoa học đã chứng minh thời gian nơi không trung trôi nhanh hơn thời gian ở dưới đất, tóm lại một ngày ở cõi trời Đạo-Lợi bằng một năm của chúng ta đã được khoa học chứng minh.

LỜI BÀN:

Ở đây, chúng ta thấy lời Phật dạy với sự tìm hiểu, chứng minh, của khoa học, cùng một nhịp đàn êm tai. Các nhà khoa học đáng được ca ngợi, vì nhờ họ mà các lời Phật dạy được giải thích, làm sáng tỏ hơn lên, nhất là đối với những người ít tìm hiểu. Việc làm của các nhà khoa học rất cần thiết cho đời sống con người, cần thiết cho đời sống tiến bộ, văn minh; nhưng cũng còn vô số điều Phật dạy mà khoa học chưa giải thích được.

VIII)- Những phát biểu nổi tiếng.

Sau đây là những phát biểu của một số nhân vật nổi tiếng trên thế giới:

1) Albert Einstein

Trong quyển “Phật Giáo dưới mắt các nhà trí thức” (Buddhism in the Eyes of Intellectuals) của Tiến-sĩ Sri Dhammanand, trang 54 ghi: Albert Einstein viết: “Tôn-giáo tương lai sẽ là tôn-giáo vũ-trụ, Tôn-giáo này siêu việt trên một đấng Thiêng liêng nào đó và tránh hết mọi giáo điều và thần học, bao trùm cả thiên nhiên lẫn tinh thần tôn-giáo. Tôn-giáo này phải căn cứ vào ý niệm đang phát sinh từ những thực nghiệm của mọi vật, thiên nhiên và tinh thần như một sự thuần nhất đầy đủ ý nghĩa. Đạo Phật đáp ứng được điều đó” (Albert Einstein write: The religion of the future will be a cosmic religion. It should transcend a personal God and avoid dogmas and theology. Covering both the natural and the spiritual, it should be based on a religious sense arising from the experience of all things, natural and spiritual, as a meaningful unit. Buddhism answers this description).

Trang 115 ghi tiếp: Albert Einstein viết tiếp: “Nếu có một tôn-giáo nào đáp ứng những nhu cầu của khoa học hiện đại, thì tôn-giáo đó phải là Phật-giáo”. (If there is any religion cope with modern scientific needs it would be Buddhism).

Trong quyển “Nền Tảng của Đạo Phật” (Fundamentals of Buddhism), của Tiến-sĩ Peter D Santina ghi: “Nhà Bác-học Albert Einstein trong bài tự thuật rằng ông là người không tôn-giáo, nhưng nếu ông là người có tôn-giáo thì ông phải là một Phật tử”. (Albert Einstein remarked that he was not a religious man, but if he were one, he would be a Buddhist).

Cũng trong quyển Đạo Phật Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức, có các sự phát biểu như sau:

2)- Bertrand Russell (trang 80) nói: *“Trong những tôn-giáo vĩ đại của lịch sử, tôi thích Phật-giáo, nhất là những dạng thức thuở ban đầu, vì tôn-giáo này có ít yếu tố ngược đãi nhất”* (Of the great religion of history, I prefer Buddhism, especially in its nearest forms, because it has the smallest element of persecution).

3)- H.G. Well (trang 98) nói: *“Phật giáo đã mang lại sự tiến bộ cho thế giới văn minh và văn hóa chính đáng nhiều hơn là bất cứ ảnh hưởng nào khác trong lịch sử của nhân loại”*. (Buddhism has done more for the advance of world civilization and true culture than any other influence in the chronicles of mankind).

4)- Ngài Edwin Arnol (trang 115) nói: *“Tôi đã thường nói, và tôi sẽ nói mãi nói mãi rằng giữa Phật-giáo và khoa học hiện đại có quan hệ tinh thần khấn khít”* (Sir Edwin Arnol said: I often said, and I shall say again and again, that between Buddhism and modern science there exists a close intellectual bond).

5)- Egerton C. Baptist (trang 117) nói: *“Khoa học không thể đưa ra một sự đoan chắc. Nhưng Phật-giáo có thể đáp ứng sự thách đố của Nguyên tử, nên kiến thức siêu phàm của Phật-giáo bắt đầu ở chỗ kết thúc của khoa học”* (Science can give no assurance herein. But Buddhism can meet the Atomic Challenge, because the supramundane knowledge of Buddhism begins where science leaves off).

Và còn rất nhiều sự phát biểu khác mà người viết không thể viết dài thêm được nữa, rất tiếc!..

NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

KINH SÁCH

TRÍCH DẪN THAM KHẢO

- 01)- Đại-Tạng Kinh Việt-Nam Hòa-Thượng Thích-Minh-Châu Chỉ đạo, gồm Trường A-Hàm: Ngài Phật-Đà-Da-Xá dịch Phạn ra Hán, HT Thích-Trí-Tịnh dịch, xuất bản tại Thành-Phố Hồ-Chí-Minh năm 1991. Trung A-Hàm: Tam Tạng Cù-Đàm Ngài Tăng-Già-Đề-Bà dịch Phạn ra Hán, HT Thích-Thiện-Siêu dịch, XB tại TP HCM năm 1992. Tạp A-Hàm: Ngài Cầu-Na-Bạt-Đà-La dịch Phạn ra Hán, HT Thích-Thiện-Siêu và HT Thích-Thanh-Từ dịch, XB tại TP HCM năm 1995. Tăng Nhất A-Hàm: Ngài Phật-Niệm dịch Phạn ra Hán, HT Thích-Thanh-Từ dịch, XB tại Hà-Nội năm 2005.
- 02)- Chư Kinh Tập Yếu gồm các Kinh Kim-Cang, Pháp-Hoa, Hoa-Nghiêm, Pháp-Bảo-Đàn, Duy-Ma-Cật, Viên-Giác, Bát-Nhã Tâm Kinh, của Hòa-Thượng Thích-Duy-Lực dịch từ Hán ra Việt, XB tại TP HCM năm 1993.
- 03)- Kinh Lăng-Nghiêm, HT Duy-Lực dịch XB tại TP HCM, năm 1993.
- 04)- Đại Thừa Kim-Cang Kinh Luận của Thích-Viên-Giác dịch giải, do Trung-Tâm Phật giáo Hayward Bắc California Hoa-Kỳ tái xuất bản 1996.
- 05)- Pháp Bảo Đàn Kinh của Hòa-Thượng Minh Trục Thiền-Sư dịch năm 1944 do Phật giáo Hòa-Hảo San Jose Bắc Cali Hoa-Kỳ ấn tống năm 1987.
- 06)- Đức Phật và Phật Pháp của Đại-Đức Pháp-Sư Narada người Tích-Lan viết năm 1964, do Phạm-Kim-Khánh dịch, XB tại Sài Gòn 1970.
- 07)- Nhị Khóa Hiệp Giải của Ngài Quán-Nguyệt (Trung-Hoa) viết 1921 chữ Hán, Hòa-Thượng Khánh-Anh dịch 1958 tại Sài Gòn, tái bản 1971.
- 08)- Thiền Đốn Ngộ, HT Thích-Thanh-Từ dịch XB tại Sài Gòn năm 1974.
- 09)- Đường Về Bến Giác của Hòa-Thượng Thích-Thanh-Cát chùa Giác-Minh Palo Alto Bắc Cali Hoa-Kỳ biên dịch XB năm 1987.
- 10)- Sự tích Phật A-Di-Đà, chư vị Bồ-Tát & Tổ-Sư, Cụ Trần-Nguyên-Chân kết tập năm 1932, Tu-Viện Kim-Son và Chùa Đức-Viên tại Bắc California Hoa-Kỳ tái xuất bản tại San Jose năm 1991.
- 11)- Từ Điển Phật Học của Chân-Nguyên và Nguyễn-Tường-Bách xuất bản tại Huế năm 1999.
- 12)- Lịch Sử Khoa Học Hoa Kỳ (The Story of Science in America) của L Sprague De Camp và Catherine C De Camp, do Leonard Everett Fisher xuất bản tại New York năm 1967.
- 13)- Cấu Tạo của Vũ Trụ (The Structure of The Universe) của Paul Halpern, do nhà xuất bản Henry Holt and company tại New York năm 1997.

- 14)- Thiên Văn Học và Không Gian (Astronomy & Space) của Lisa Miles và Alastair Smith XB tại New York 1998, phát hành tại New York Mỹ, Toronto Gia-Nã-Đại, Luân-Đôn Anh, Auckland New Zealand, Sydney Úc-Đại-Lợi.
- 15) Đo Lường Vũ Trụ (Measuring The Universe) của Kitty Ferguson do Walker XB tại New York 1999.
- 16)- Bộ (sách) Giải Thích Vũ Trụ (The Illustrated Encyclopedia of The Universe) của Iran Ridpath, nhà XB Watson-Guptill in tại New York 2001.
- 17)- Những Nguồn Gốc (Origins) của Neil De Grass Tyson và Donald Goldsmith, do Norton XB tại New York năm 2004.
- 18)- Đạo Phật và Khoa Học của Minh-Giác, XB tại TH HCM năm 2005.
- 19)- Kinh Pháp-Cú của Pháp-Sur Nārada (Tích-Lan) viết năm 1963, Phạm-Kim-Khánh dịch 1971, Chùa Đức-Viên, Cali, Hoa-Kỳ, tái bản năm 1988.
- 20)- Hương Sen Tinh Khiết của Thích-Nhuận-Châu biên dịch, xuất bản tại TP HCM năm 2005.

LỜI NGỎ CUỐI

- Thành kính xin phép, cảm tạ và ghi ơn công đức chư vị, hội đồng, cơ quan, nhà xuất bản, chùa, trung tâm đã viết, dịch, xuất bản hay tái xuất bản Kinh sách, mà nhờ đó người viết mạo muội tạo ra quyển Nguồn Gốc Loài Người.
- Chân thành cảm ơn quý vị nêu ý kiến nhận xét và giới thiệu về quyển sách này.

HỒI HƯỚNG:

Nguyện đem công đức này,
Hương về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sinh,
Đều cùng thành Phật đạo.

NAM MÔ THÍCH CA MÂU NI PHẬT
Phật Lịch năm thứ 2550, ngày 02 - 12 - 2006.

TOÀN KHÔNG ĐỖ ĐĂNG TIẾN